

VL00003013



XÂY DỰNG CHÍNH ĐỐN ĐẢNG

CHỐNG QUAN LIÊU THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG
CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

Bản sao lưu trữ

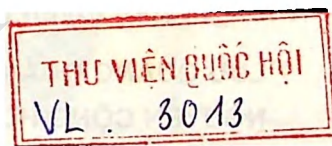
Bản sao lưu trữ

3KV3

Mã số: _____

CTQG - 2004

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2004

Những người tuyển chọn:

LƯU QUANG QUÁN
NGUYỄN CỘNG HOÀ
PHẠM ĐẮC CHUYÊN
NGUYỄN VĂN NGỪNG



“Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi Đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”.

HỒ CHÍ MINH

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII ngày 2-2-1999 đã ra Nghị quyết về *Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*, đồng thời đã đề ra kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX), ngày 19-11-2001, khẳng định và ra kết luận về việc *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí*.

Để cung cấp tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn cho các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết quan trọng nói trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách: *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí*.

Nội dung cuốn sách gồm một số bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những văn bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện cuộc vận động.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2004

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

"Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t.12, tr.503.

Phần thứ nhất

**MỘT SỐ BÀI VIẾT
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG
CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ**

Bản sao lưu trữ

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ BẮC BỘ

Cùng các đồng chí Bắc Bộ,

Tôi không có thì giờ gặp các đồng chí để phê bình, kiểm thảo và bàn bạc công việc chung. Tiếc vì hoàn cảnh không tiện. Vậy tôi có mấy lời dặn các đồng chí như sau, mong các đồng chí chú ý:

1. Trong lúc dân tộc đang ở ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích đánh đuổi thực dân Pháp làm cho nước thống nhất và độc lập. Vì vậy mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải: Sáng suốt, khôn khéo, cẩn thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí.

2. Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm.

Vì vậy chúng ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau đây:

a) Địa phương chủ nghĩa.

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung. Thí dụ: muốn lấy tất cả cán bộ và vật liệu cho địa phương mình, không bằng lòng để cấp trên điều động cán bộ và vật liệu đến những nơi cần thiết.

b) Óc bè phái.

Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải mấy cũng không nghe.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

c) Óc quân phiệt quan liêu.

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông "vua con" ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hoặ. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "ông tướng, bà tướng" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, Đoàn thể xa nhân dân.

d) Óc hẹp hòi.

Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi không thể phát triển.

e) Ham chuộng hình thức.

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai. Thí dụ: ngày nay tập quân sự, cốt là biết bắn súng, dùng dao, ném lựu đạn, dùng địa thế, khéo mò dêm, khéo trình thám, nói tóm lại, cốt tập cho mọi người biết đánh du kích. Thế mà có nhiều nơi chỉ để thì giờ tập "một hai, một hai". Thế thì khác gì tập lễ nhạc để đi chữa cháy.

Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết chỉ làm vì, còn hàng ngày không chịu gôn gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của Đoàn thể.

f) Làm việc lối bàn giấy.

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi một nơi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và để chỉ vạch những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đoàn thể cho chu đáo. Những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống các địa phương có thực hiện được hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn.

g) Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm.

Trong những vùng chiến tranh lan đến, một số đồng chí đã tự tiện bỏ địa phương mình chạy sang vùng khác làm việc mà không hề có sự quyết định của Đoàn thể, của cấp trên. Như vậy các đồng chí không những đã biểu lộ tinh thần kém cỏi, việc nào dễ hay ưa thích thì làm, việc nào khó khăn không ưa thích thì bỏ, mà các đồng chí lại còn tỏ ra khinh thường kỷ luật của Đoàn thể, làm rối loạn hàng ngũ của Đoàn thể.

Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

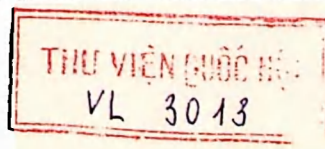
Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta.

h) Ích kỷ, hủ hoá.

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được uỷ viên này chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cự chính trị phạm, là người của Mặt trận thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình. Vẫn biết nhà pha đế quốc là nơi huấn luyện, vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao nhiêu người hay, người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Và lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả sao?

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cự, càng giỏi, càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy



chúng ta: "Phải học, học thêm, học mãi"¹. Tự mãn, tự túc là cơ mình lại, không cho mình tiến bộ thêm.

Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm quan cả họ được nhờ", đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc, Đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được.

Vẫn biết các đồng chí nói chung có nhiều ưu điểm như: nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính rất quý báu. Nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển. Nhưng trong thời kỳ khó khăn nặng nề này, chỉ có những ưu điểm ấy mà thôi, cũng chưa đủ. Các đồng chí cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm vừa kể trên thì chúng ta mới chắc đi đến hoàn toàn thắng lợi.

3. Các đồng chí phải cố làm sao cho được những điều này:

a) Đoàn thể phải quân sự hoá, tư tưởng và hành động phải tuyệt đối nhất trí. Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người nói thế này, kẻ nói thế kia, kèn thổi ngược, trống đánh xuôi thì còn mong gì thắng trận. Chẳng những Đoàn thể ta phải nhất trí mà quân, dân, chính cũng phải nhất trí.

b) Trong các cơ quan chỉ huy chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, phải liên lạc mật thiết, hợp tác chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái tệ lạm quyền, bao biện, xung đột, phù diện² và suy ty, không phụ trách.

Lúc này, vấn đề cơ quan chỉ huy rất quan trọng. Cử người vào đó phải cẩn thận, nhưng khi đã cử rồi, thì phải tuyệt đối phục tùng, cấp dưới phải nghe cấp trên, có thể công việc mới chạy.

c) Phải giữ vững giao thông, liên lạc giữa các tỉnh, các khu và giữa Trung Bộ với Nam Bộ và Bắc Bộ.

Giao thông là mạch máu của mọi việc, giao thông tắc thì việc gì cũng khó. Giao thông tốt thì việc gì cũng dễ dàng.

1. Ý câu của V.I.Lênin. Xem V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tiếng Việt, t.45, tr.444 (B.T.).

2. *Phù diện*: Về ngoài, mặt ngoài, ngoài mặt. Ở đây nên hiểu Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở là phải tránh lối làm việc hình thức, không có chất lượng, hiệu quả (B.T.).

Mong các đồng chí mang toàn bộ tinh thần cách mạng mà khắc phục các khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến để đi đến thắng lợi vẻ vang.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 1 tháng 3 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t.5, tr. 71-75.

Bản sao lưu trữ

SỬA ĐỔI LỖI LÀM VIỆC

Viết xong tháng 10-1947.

Ký tên: X.Y.Z.

Nxb. Sự thật xuất bản
lần đầu tiên năm 1948,
xuất bản lần thứ 7 năm 1959.

Theo sách xuất bản
lần thứ 7 năm 1959.

Bản sao lưu trữ

I

PHÊ BÌNH VÀ SỬA CHỮA

1. Cán bộ và đảng viên ta, vì bận việc hành chính hoặc quân sự, mà xao nhãng việc *học tập*. Đó là một khuyết điểm rất to. Khác nào người thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa.

Từ nay, chúng ta cần phải thiết thực học tập, sửa chữa các khuyết điểm. Vì có tẩy sạch khuyết điểm, công việc mới có thể tiến bộ.

2. Trong bức thư trước, Hồ Chủ tịch đã vạch rõ khuyết điểm của chúng ta. Những cán bộ và đảng viên các nơi, hoặc chỉ nghiên cứu qua loa, hoặc nhận thấy khuyết điểm rồi nhưng không cố gắng sửa chữa.

Đó là vì nghiên cứu một cách không thiết thực, không có tổ chức.

Từ nay, chúng ta phải làm như sau này:

A- **TỔ CHỨC**: Mỗi cơ quan, bộ đội, đoàn thể phải tổ chức một uỷ ban học tập, do cán bộ cao cấp lãnh đạo, do các cấp cử đại biểu tham gia. Số uỷ viên nhiều hay ít, tùy hoàn cảnh mà định.

Uỷ ban này định ra kế hoạch; nghiên cứu, thảo luận, kiểm tra và thực hành.

B- **THỜI GIẠN HỌC TẬP**: từ 2 đến 3 tháng. Mỗi nơi tùy hoàn cảnh mà định ngày giờ. Dù sao, phải có ngày giờ nhất định.

C- **TÀI LIỆU HỌC TẬP**: Thư Hồ Chủ tịch và những tài liệu Trung ương sẽ gửi thêm.

D- **CÁCH THỨC HỌC TẬP**:

1. *Nghiên cứu* - Mỗi người phải đọc kỹ càng các tài liệu, rồi tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình, có khuyết điểm gì và ưu điểm gì.

2. *Thảo luận* - Khai hội thảo luận và phê bình. Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh. Những kết luận trong cuộc thảo luận phải có cấp trên duyệt y mới là chính thức.

Đ- CÁCH PHÊ BÌNH: Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ.

Vì vậy, phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nề nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời, chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người.

Những người bị phê bình thì phải vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét.

E- KIỂM TRA: Ủy ban học tập phải có một ban kiểm tra để xem xét việc học tập và sự tiến bộ của mọi người, giúp đỡ người tiến bộ ít, khen ngợi người tiến bộ nhiều.

G- BÁO CÁO: Mỗi tháng phải báo cáo về Trung ương một lần.

H- THỰC HÀNH: Người có *ưu điểm* thì phải cố gắng thêm, và người khác phải cố gắng bắt chước. Mọi người phải tích cực sửa chữa *khuyết điểm* của mình và giúp anh em sửa chữa *khuyết điểm* của họ. Mọi người phải nhớ rằng: cộng nhiều khuyết điểm nhỏ thành một khuyết điểm to, sẽ rất có hại. Cộng nhiều ưu điểm nhỏ thành một ưu điểm lớn, rất lợi cho Đảng và công cuộc kháng chiến.

PHẢI SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG

Đảng ta hy sinh tranh đấu, đoàn kết, lãnh đạo nhân dân, tranh lại thống nhất và độc lập. Công việc đã có kết quả vẻ vang.

Nhưng, nếu mỗi cán bộ, mỗi đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn, thì thành tích của Đảng còn to tát hơn nữa.

Cán bộ và đảng viên làm việc không đúng, không khéo, thì còn nhiều khuyết điểm. Khuyết điểm nhiều thì thành tích ít. Khuyết điểm ít thì thành tích nhiều.

Đó là lẽ tất nhiên.

Vì vậy, ngay từ bây giờ, các cơ quan, các cán bộ, các đảng viên, mỗi người mỗi ngày phải *thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình*. Hễ thấy khuyết điểm *phải kiên quyết tự sửa chữa, và giúp đồng chí mình sửa chữa*. Phải như thế, Đảng mới chóng phát triển, công việc mới chóng thành công.

Nếu không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của ta, thì cũng như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh.

Khuyết điểm có nhiều thứ. Chúng ta có thể chia tất cả các khuyết điểm vào ba hạng:

- Khuyết điểm về tư tưởng, tức là bệnh *chủ quan*.

- Khuyết điểm về sự quan hệ trong Đảng với ngoài Đảng, tức là bệnh *hẹp hòi*.

- Khuyết điểm về cách nói và cách viết, tức là *ba hoa*.

Đó là ba chứng bệnh rất nguy hiểm. Nếu không chữa ngay, để nó lây ra, thì có hại vô cùng.

A- BỆNH CHỦ QUAN

Mỗi chứng bệnh sinh ra do nhiều nguyên nhân. Nhưng kết quả nó đều làm cho người ta ốm yếu. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông.

Trước hết, ta phải hiểu lý luận là gì?

Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính.

Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi.

Hiện nay, phong trào cách mạng rất cao. Nhưng thử hỏi cán bộ và đảng viên ta đã mấy người biết rõ lý luận và biết áp dụng vào chính trị, quân sự, kinh tế, và văn hoá? Đã mấy người hiểu "biện chứng" là cái gì?

Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại.

Đó là chứng *kém lý luận trong bệnh chủ quan*.

Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm. Cố nhiên, những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*. Họ quên rằng: nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi.

Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ.

Những anh em đó, cần phải nghiên cứu thêm lý luận, mới thành người cán bộ hoàn toàn.

Có những người xem được sách, xem nhiều sách. Siêng xem sách và xem nhiều sách là một việc đáng quý. Nhưng thế không phải đã là biết lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách.

Xem nhiều sách để mà *loè*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận.

Những anh em đó cần phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận.

Nói tóm lại, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải *học lý luận*, phải đem lý luận *áp dụng vào công việc thực tế*. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông.

Đây phải nói rõ vấn đề *trí thức*.

Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều.

Nhưng có đôi người trí thức vì thế mà kiêu ngạo, lên mặt. Chúng kiêu ngạo lên mặt rất có hại cho họ. Nó ngăn trở họ tiến bộ.

Trí thức là gì?

Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó, không có trí thức nào khác.

Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức *một nửa*. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*.

Vì vậy, những người trí thức đó cần phải biết rõ cái khuyết điểm của mình. Phải khiêm tốn. Chớ kiêu ngạo. Phải ra sức làm các việc thực tế.

Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem *loè* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vì vậy, chúng ta phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*.

B- BỆNH HẸP HÒI

Bệnh này rất nguy hiểm, mà nhiều cán bộ và đảng viên còn mắc phải.

Trong, thì bệnh này ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết.

Ngoài, thì nó phá hoại sự đoàn kết toàn dân.

Nhiều thứ bệnh, như chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, đèm người giỏi, bệnh hủ hoá, v.v., đều do bệnh hẹp hòi mà ra!

Có những cán bộ chỉ thấy lợi ích bộ phận của mình, không thấy lợi ích của toàn thể, muốn đem lợi ích của toàn thể phục tùng lợi ích của bộ phận mình. Họ quên hẳn cái chế độ *dân chủ tập trung*. Họ quên rằng thiểu số phải phục tùng đa số, hạ cấp phải phục tùng thượng cấp, bộ phận phải phục tùng toàn thể.

Chúng ta phải kiên quyết chữa ngay bệnh ấy, mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói, việc làm, tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng.

Vì ham danh vọng và địa vị, cho nên khi phụ trách một bộ phận nào, thì lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách tẩy ra. Thế là chỉ biết có mình, chỉ biết có bộ phận mình mà quên cả Đảng. Đó là *một thứ bệnh hẹp hòi*, trái hẳn với nguyên tắc tập trung và thống nhất của Đảng.

Cũng vì bệnh hẹp hòi đó mà *cán bộ cấp trên phải đến và cán bộ địa phương* không đoàn kết chặt chẽ.

Phải biết rằng: chỉ có hai hạng cán bộ đó đoàn kết chặt chẽ và chỉ có cán bộ địa phương ngày càng thêm nhiều, thì nền tảng của Đảng mới phát triển và vững vàng. Cán bộ phải đến, trình độ thường cao hơn, kinh nghiệm nhiều hơn. Nhưng cán bộ địa phương lại biết rõ nhân dân, quen thuộc công

việc hơn. Hai hạng cán bộ phải giúp đỡ nhau, bồi đắp nhau, thì công việc mới chạy.

Vì *bệnh hẹp hòi* mà cán bộ phải đến thường kiêu ngạo, khinh rẻ cán bộ địa phương, cho họ là dốt kém. Thành thử không thân mật hợp tác.

Từ nay, hễ có việc lôi thôi như thế nữa, thì cán bộ phải đến phải chịu lỗi nặng hơn, nhất là những cán bộ lãnh đạo.

Hai hạng cán bộ phải kết thành một khối, không phân biệt, không kèn cựa. Phải cùng nhau chữa cho tiệt cái nọc *bệnh hẹp hòi*.

Cán bộ quân sự với cán bộ địa phương cũng vậy, phải đoàn kết nhất trí, giúp đỡ lẫn nhau.

Cán bộ quân sự trong một địa phương thường giữ địa vị lãnh đạo và có quyền lực trong tay. Vì vậy, nếu từ nay còn có sự không hoà thuận giữa hai bên, thì cán bộ quân sự phải chịu lỗi lớn hơn.

Bộ đội này với bộ đội khác, địa phương này với địa phương khác, cơ quan này với cơ quan khác, đều phải phản đối *bệnh ích kỷ, bệnh địa phương*. Thí dụ: không muốn cấp trên điều động cán bộ, hoặc khi điều động thì chỉ đùn những cán bộ kém ra. Có vật liệu gì dù mình có thừa, hoặc không cần đến, cũng thu giấu đi, không cho cấp trên biết, không muốn chia sẻ cho nơi khác.

Bệnh địa phương đó, phải tẩy cho sạch.

Lại còn vấn đề cán bộ cũ và cán bộ mới.

Đảng càng phát triển thì cần đến cán bộ mới càng nhiều.

Vả chăng, số cán bộ cũ có ít, không đủ cho Đảng dùng. Đồng thời, theo luật tự nhiên, già thì phải yếu, yếu thì phải chết. Nếu không có cán bộ mới thế vào, thì ai gánh vác công việc của Đảng.

Vì vậy, cán bộ cũ phải hoan nghênh, dạy bảo, dìu dắt, yêu mến cán bộ mới. Cố nhiên cán bộ mới, vì công tác chưa lâu, kinh nghiệm còn ít, có *nhiều khuyết điểm*. Nhưng họ lại có những *ưu điểm hơn cán bộ cũ*: họ nhanh nhẹn hơn, thường giàu sáng kiến hơn.

Vì vậy, hai bên phải tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau, học lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ với nhau.

Cán bộ cũ thường giữ địa vị lãnh đạo. Vì vậy, nếu từ nay, quan hệ giữa hai hạng cán bộ ấy không ổn thoả, thì cán bộ cũ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn. Như thế mới *chữa khỏi bệnh hẹp hòi*.

Từ trước đến nay, vì *bệnh hẹp hòi* mà có những sự *lủng củng* giữa bộ phận và toàn cuộc, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương và cán bộ phải

đến, cán bộ quân sự và cán bộ "mặt trận", cán bộ mới và cán bộ cũ, cơ quan này và cơ quan khác, bộ đội này và bộ đội khác, địa phương này và địa phương khác.

Vậy từ nay, chúng ta phải tẩy cho sạch cái bệnh nguy hiểm đó, khiến cho *Đảng hoàn toàn nhất trí, hoàn toàn đoàn kết*.

Bệnh hẹp hòi đối ngoại.

Có nhiều đồng chí có bệnh tự tôn, tự đại, khinh rẻ người ta, không muốn biết, muốn học những ưu điểm của người khác. Biết được vài câu lý luận đã cho mình là giỏi, không xem ai ra gì, tưởng mình là hơn hết. Đó là *bệnh hẹp hòi hạng nặng*.

Họ quên rằng: chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn *phải đoàn kết nhân dân cả nước*. Họ quên rằng: so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một người đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết.

Vì vậy ta cần phải hợp tác với những người ngoài Đảng. Ta không được khinh rẻ họ, chê bai họ. Ta phải liên lạc mật thiết với dân chúng. Không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định *thất bại*.

Cũng vì bệnh *hẹp hòi* mà không biết dùng nhân tài, việc gì cũng ôm lấy hết. Ôm lấy hết thì cố nhiên làm không nổi.

Cũng vì bệnh *hẹp hòi* mà không biết cách xử trí khôn khéo với các hạng đồng bào (như tôn giáo, quốc dân thiểu số, anh em trí thức, các quan lại cũ, v.v.).

Từ nay, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, phải kiên quyết chữa cái bệnh hẹp hòi đó để thực hành *chính sách đại đoàn kết*. Chính sách thành công thì kháng chiến mới dễ thắng lợi.

Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, v.v., mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy, ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó.

Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi:

Vì sao có vấn đề này?

Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao?

Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gặp sao làm vậy.

Để chữa khỏi những bệnh kia, ta phải tự phê bình ráo riết, và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết *phê bình đồng chí mình*. Hai việc đó phải đi đôi với nhau.

Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau.

Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khoẻ vô cùng.

Bản sao lưu trữ

II

MẤY ĐIỀU KINH NGHIỆM

1. Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong

Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định. Sau đây là những kinh nghiệm rõ ràng:

Chính phủ muốn giúp đồng bào làng X. ở thượng du mở mang văn hoá, đã lập ra trường và phái giáo viên đến mấy lần, nhưng không ai đến học. Các giáo viên đều lác đầu trở về.

Đồng chí A ở Vệ quốc quân, đánh giặc bị thương, gãy tay, không cầm súng được nữa, xin đi làm giáo viên.

Được phái đến làng X, A liền đi thăm các nhà, nói chuyện với các bậc cha mẹ và trẻ em. Kết quả những cuộc nói chuyện đó là: vì nhà nghèo, thiếu người, trẻ em phải ở nhà giúp việc không đi học được.

A liền tìm cách giải quyết: *vừa học vừa làm*. Khuyến các trẻ em họp thành tiểu tổ, như tổ chẵn trâu, tổ cắt cỏ, tổ đan nón, v.v.. Các trẻ em vừa làm vừa học. Nhờ cách hợp tác, làm lại được nhiều hơn làm riêng ở nhà. Đồng bào trong làng thấy vậy, chẳng những cho các con đã lớn đi học, mà gửi cả con còn bé cho thầy, "học được chữ nào hay chữ ấy". Rồi người lớn thấy vui cũng đi học.

Nhà trường dột, đồng chí A tự mình lợp lại. Đồng bào thấy vậy, kéo nhau đến giúp.

Đối với các em làm biếng hoặc nghịch ngợm, A không đánh phạt, chỉ dùng cách khuyên dỗ, và bày cho các em khác phê bình. Thành thử dần dần em nào cũng trở nên ngoan ngoãn.

Khi dân làng có việc gì, A cũng ra tay giúp. Khi có ai cãi cọ nhau, thì A lấy tư cách thầy học trong làng đến dàn xếp.

Thành thử dân làng, nhất là những cha mẹ học trò, ai cũng kính trọng và yêu mến đồng chí A. Những nhà gần làng thấy vậy, cũng gửi con đến học.

Đồng chí A chỉ có bằng tiểu học mà đã làm được công việc những ông giáo khác không làm nổi.

Trong các ngành hoạt động của chúng ta, nào chính trị, kinh tế, nào quân sự, văn hoá, chắc không thiếu những người có năng lực, có sáng kiến như A. Nhưng vì cách lãnh đạo của ta còn kém, thói quan liêu còn nặng cho nên có những người như thế cũng bị chìm xuống, không được cất nhắc.

Muốn tránh khỏi sự hao phí nhân tài, chúng ta cần phải sửa chữa cách lãnh đạo. Thí dụ: *bắt buộc cán bộ trong mỗi ngành phải thiết thực báo cáo và cất nhắc nhân tài.*

2. Chính sách thì đúng, cách làm thì sai

Chúng ta thường kêu gọi làm làng kiêu mẫu, trại kiêu mẫu, bộ đội kiêu mẫu, nhà máy kiêu mẫu, v.v., khẩu hiệu đó rất đúng. Nhưng đến nay, hoặc chưa làm được, hoặc làm được nửa chừng rồi lại ngưng. Vì lẽ gì?

Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ *nhỏ* đến *to*, từ *gần* đến *xa*, đều thế cả.

Muốn lập làng kiêu mẫu, đội kiêu mẫu, v.v., thì trước phải đào tạo ra *những người kiêu mẫu*, để làm cán bộ cho làng đó, đội đó. Làm được một làng, một đội rồi lấy đó làm kiêu mẫu, để khuyến khích và cổ động nơi khác.

Từ trước đến nay, chúng ta làm *trái ngược lại*. Chúng ta nghĩ ra một làng, một đội kiêu mẫu trong tư tưởng, mà không bắt đầu từ một làng, một đội sẵn có, cho nên kế hoạch không ăn khớp với những hoàn cảnh thiết thực (khách quan).

Đó cũng là vì *bệnh chủ quan* của chúng ta. Cho nên khẩu hiệu tuy đúng, nhưng thực hành không có kết quả mỹ mãn.

Một lẽ nữa, cũng vì cách lãnh đạo và cách làm không đúng. Khi chúng ta muốn lập một làng hoặc một đội kiêu mẫu, chúng ta đem cán bộ ngoài đến, để xung phong, mà không đào tạo cán bộ ngay ở đó. Khi cán bộ xung phong phải điều động đi nơi khác, thì làng kia hoặc đội kia lại xếp. Như cái bong bóng, thổi hơi vào, thì phồng lên, hơi ra hết, thì xẹp xuống.

Vả lại, chúng ta tham lam làm *nhieu* trong một lúc. Thí dụ: muốn lập một tỉnh kiêu mẫu thì thường hay dàn lực lượng ra làm cả tỉnh, không biết định cho mỗi huyện chọn một tổng làm kiêu mẫu, mỗi tổng chọn một làng làm kiêu mẫu. Thành thử, "ăn nhiều, nuốt không xuống". Chúng ta không biết tập trung lực lượng, làm xong một nơi, lấy đủ kinh nghiệm, rồi làm nơi khác.

Vì vậy, từ nay bất kỳ việc gì, chúng ta phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc.

3. Không biết nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc

Trong các cuộc vận động, như tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, mùa đông bình sĩ, v.v., chúng ta đã được nhiều thành tích rất khá. Nhưng chúng ta không biết nghiên cứu đến nơi đến chốn, vì sao mà có thành tích khá? Nơi nào thành tích tốt nhất? Ai là những người làm được thành tích đó? v.v., để mà học kinh nghiệm, để mà đặt ra khuôn phép cho công việc khác. Thành thử những cái tốt, cái hay đều không phát triển được. Và công việc xong rồi là thôi, cán bộ không học được kinh nghiệm gì, mà cũng không tiến bộ được mấy.

Đồng thời, chúng ta không ra sức nghiên cứu những sự khó khăn, những chỗ sai lầm, để giải quyết và sửa chữa cho kịp thời.

Thí dụ: nhiều cán bộ lo làm công việc của Đảng, nên phải xao nhãng công việc gia đình của họ, thành thử cha mẹ vợ con họ không vui lòng, mà cũng ảnh hưởng đến quân chúng. (Tuy có đôi nơi có sáng kiến, đề xướng khẩu hiệu: "cách mạng hoá gia đình", "cả nhà tham gia công việc kháng chiến", v.v.. Song toàn bộ vấn đề vẫn chưa giải quyết). Vấn đề này không giải quyết một cách hợp lý, rất có ảnh hưởng xấu cho sự tiến tới của cán bộ. Dùng cán bộ không đúng tài năng của họ, cũng là một cơ thất bại. Thí dụ: người viết giỏi nhưng nói kém lại dùng vào những việc cần phải nói. Người nói khéo nhưng viết xoàng lại dùng vào công việc viết lách. Thành thử hai người đều không có thành tích.

Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng.

4. Phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái

Chúng ta thường nêu vấn đề đó. Nhưng đến nay, cán bộ và đảng viên vẫn ít sáng kiến, ít hăng hái. Đó là vì lẽ gì?

Vì nhiều lẽ. Mà trước hết là vì: *Cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực*.

Nếu ai nói chúng ta không dân chủ, thì chúng ta khó chịu. Nhưng nếu

chúng ta tự xét cho kỹ, thì thật có như thế.

Đối với cơ quan lãnh đạo, đối với những người lãnh đạo, các đảng viên và các cán bộ dù có ý kiến cũng *không dám nói*, dù muốn phê bình cũng sợ, *không dám phê bình*.

Thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau. Quần chúng với Đảng rời xa nhau. Trên thì tưởng cái gì cũng tốt đẹp. Dưới thì có gì không dám nói ra.

Họ không nói, không phải vì họ không có ý kiến, nhưng vì họ nghĩ nói ra cấp trên cũng không nghe, không xét, có khi lại bị "trù" là khác.

Họ không dám nói ra thì họ cứ để trong lòng, rồi sinh ra uất ức, chán nản. Rồi sinh ra thói "không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng", "trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm", sinh ra thói "thậm thà thậm thụt" và những thói xấu khác.

Kinh nghiệm là: cơ quan nào mà trong lúc khai hội, cấp trên để cho mọi người có gì nói hết, cái đúng thì nghe, cái không đúng thì giải thích, sửa chữa, ở những cơ quan đó mọi người đều hoạt bát mà bệnh "thì thâm thì thào" cũng hết.

Một người mà trong óc đã có uất ức, bất mãn, thì lời hay lẽ phải khó lọt vào bộ óc đó. Để cho họ tháo cái uất ức, bất mãn đó ra, thì lời hay lẽ phải dễ lọt vào óc họ. Đó là một lẽ rất giản đơn. Cấp trên cũng nên thỉnh thoảng trưng cầu ý kiến phê bình của cấp dưới. Có như thế thì cũng khác nào như một người có vết nhọ trên mặt, được người ta đem gương cho soi, mình tự thấy vết nhọ. Lúc đó không cần ai khuyên bảo, cũng tự vội vàng đi rửa mặt.

Ta phải biết cách *phê bình* sáng suốt, khôn khéo, như chiếu tấm gương cho mọi người soi thấu những khuyết điểm của mình, để tự mình sửa chữa.

Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lặt vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều.

Một vấn đề nữa: chúng ta thường nói đến hai chữ *sáng kiến* một cách mênh mông, không thiết thực. Như là phải có tài giỏi đặc biệt mới có sáng kiến. Nếu ta thử hỏi: sáng kiến là gì? thì chắc nhiều người trả lời không xuôi. Như thế mà mong cán bộ và đảng viên có sáng kiến thì sao mà có được!

Chúng ta phải nhận rõ: bất kỳ việc to việc nhỏ, *hễ thêm điều lợi, trừ điều hại cho quần chúng, giúp quần chúng giải quyết vấn đề khó khăn, tăng*

kết quả của việc làm, tăng sức sản xuất của xã hội, đánh đổ sức áp bức của quân thù, đó đều là sáng kiến.

Cách dạy học của đồng chí A nói trên cũng là sáng kiến.

Sáng kiến không phải cái gì kỳ lạ. Nó chỉ là kết quả của sự nghiên cứu, suy nghĩ trong những hoàn cảnh, trong những điều kiện rất tầm thường, rất phổ thông, rất thiết thực.

Bất kỳ ai, nếu có quyết tâm làm ích lợi cho quần chúng, lại chịu học, chịu hỏi quần chúng, óc chịu khó nghĩ, tay chịu khó làm, thì nhất định có sáng kiến, nhất định làm được những việc có ích cho loài người.

Chúng ta cần phải nâng cao mở rộng dân chủ ra, khuyến khích cán bộ và đảng viên, bày cho họ suy nghĩ, bày cho họ học hỏi quần chúng, cổ động họ tìm tòi, đề nghị, làm những việc ích lợi cho quần chúng. Khi họ đã có ít nhiều sáng kiến, thì giúp đỡ cho họ phát triển, khen ngợi cho họ thêm hăng hái. Như thế, thì những tính lười, tính "gặp chãng hay chớ" ngày càng bớt, mà sáng kiến và tính hăng hái ngày càng nhiều thêm.

5. Vì ai mà làm? Đối ai phụ trách?

Nếu chúng ta hỏi cán bộ: "Việc đó, làm cho ai? Đối với ai phụ trách?", chắc số đông cán bộ sẽ trả lời: "Làm cho Chính phủ hoặc Đảng, phụ trách trước cấp trên".

Câu trả lời đó chỉ đúng một nửa. Nếu chúng ta lại hỏi: "Chính phủ và Đảng vì ai mà làm việc đó? Và phụ trách với ai?" thì e nhiều cán bộ không trả lời được.

Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Đó là một lẽ rất giản đơn, rõ ràng. Nhưng nhiều cán bộ chưa hiểu, cho nên trong lúc làm việc, thường sai lầm; đến nỗi chia cán bộ Chính phủ và Đảng ra làm một phía, quần chúng ra một phía.

Chính phủ và Đảng chẳng những làm những việc trực tiếp lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua *như là hại đến dân*. Thí dụ: quyền tiền, thu thuế, công tác phá hoại, v.v..

Vì cán bộ và đảng viên không hiểu rõ hai lẽ: vì ai mà làm, đối ai phụ trách, khi gặp mỗi công việc không biết *tìm đủ cách giải thích* cho dân hiểu. Cho nên những việc trực tiếp lợi cho dân, như đắp đê, hộ đê, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, v.v., cán bộ chỉ làm theo cách *hạ lệnh*, cách *cưỡng bức*. Kết quả dân *không hiểu*, dân oán. Thì có gì lạ đâu? Một thí dụ rất tầm

thường, dễ hiểu: bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn*, nhét vào miệng người ta, thì ai cũng chán!

Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải *chịu khó tìm đủ cách* giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là *vì ích lợi của họ* mà phải làm.

Có khi vì cán bộ không hiểu lẽ đó, vì muốn làm cho được việc, rồi dùng cách hạ mệnh lệnh, cách áp bức, phạm vào thói quan liêu, quân phiệt, đến nỗi Chính phủ hoặc Đảng phải trừng phạt. Đối với những bọn vu vơ, đầu cơ, thì phạt rất đáng. Nhưng với những cán bộ trung thành mà bị phạt, thì Chính phủ và Đảng cũng khổ tâm, mà người bị phạt cũng khổ tâm!

Chẳng những lúc thi hành các mệnh lệnh, cán bộ ta có cái thái độ *xa quần chúng* như thế, mà đối với cách làm việc, cách tổ chức, cũng có thái độ sai lầm đó.

Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc.

Đảng này cán bộ ta chỉ biết khư khư giữ nếp cũ. Cái không hợp cũng không dám sửa bỏ, cái cần thiết cũng không dám đặt mới.

Đó là vì thói *không phụ trách* "quá hũu", gặp sao hay vậy.

Song lại có thái độ xa quần chúng, thói không phụ trách "quá tả" là không suy nghĩ chín chắn, so sánh kỹ càng, hôm nay đặt ra cái này, hôm sau sửa lại cái khác, làm cho quần chúng hoang mang. Như tỉnh nọ, bắt đầu kháng chiến, thì bỏ hết Việt Minh các huyện, các xã. Thật là một hành động khờ dại.

6. Sát quần chúng, hợp quần chúng

Cán bộ ta có hai chứng bệnh nữa là:

a) Bệnh khai hội.

Khai hội không có kế hoạch, không sắp sửa kỹ lưỡng, không thiết thực. Khai hội lâu, khai hội nhiều quá.

Cán bộ khu về tỉnh, cán bộ tỉnh về huyện, cán bộ huyện về làng, thì

khệnh khạng như "ông quan". Lúc khai hội thì trăm ngàn lần như một: "Tình hình thế giới, tình hình Đông Dương, thảo luận, phê bình, giải tán".

"Ông cán" làm cho một "tua" hai, ba giờ đồng hồ. Nói gì đâu đâu. Còn công việc thiết thực trong khu, trong tỉnh, trong huyện, trong xã đó, thì *không động đến*. Lúc "ông cán" nói, người ngáp, kẻ ngủ gục, mọi người mong ông thôi đi, để về nhà cho mau. Có ai hiểu gì đâu mà thảo luận!

Vì vậy, mà quần chúng *sợ khai hội*. Mỗi lần họ đi khai hội, chẳng khác gì "đi phu". Đó cũng vì bệnh *xa quần chúng, bệnh hình thức*, khai hội lấy lệ, khai hội để mà khai hội, chớ nào phải vì lợi ích của quần chúng mà khai hội!

Về việc đặt khẩu hiệu, đặt chương trình làm việc, chương trình tranh đấu, tuyên truyền, làm báo tường, viết báo, cũng như thế. Không chịu khó hỏi quần chúng cần cái gì, muốn nghe muốn biết cái gì, ham chuộng cái gì. Chỉ mấy cán bộ đóng cửa lại mà làm, ngồi ý trong phòng giấy mà viết, cứ tưởng những cái mình làm là đúng, mình viết là hay. Nào có biết, cách làm *chủ quan* đó, kết quả là "đem râu ông nọ, chấp cằm bà kia", không ăn thua, không thấm thía, không ích lợi gì cả.

Một việc nữa cần nhắc đến là các *ban huấn luyện*. Huấn luyện là một việc rất cần. Tục ngữ có câu: "Không thầy đố mày làm nên", và câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở".

Những việc rất dễ dàng còn phải học. Hướng chỉ công việc cách mạng, công việc kháng chiến, không có huấn luyện, thì làm sao xuôi? Song những tài liệu huấn luyện phải nhằm vào sự cần dùng, cần thiết của quần chúng. Phải hỏi: người đến chịu huấn luyện rồi, *có áp dụng được ngay không? Có thực hành được ngay không?*

Nếu không thiết thực như thế, thì huấn luyện mấy năm cũng vô ích.

Tiếc thay, nhiều cán bộ huấn luyện của ta chưa hiểu cái lẽ giản đơn đó. Vì vậy mà có cán bộ đem "kinh tế học" huấn luyện cho chị em phụ nữ thôn quê ở thượng du!

Nói tóm lại, cách làm việc, cách tổ chức, nói chuyện, tuyên truyền, khẩu hiệu, viết báo, v.v. của chúng ta, đều phải lấy câu này làm khuôn phép:

"Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng".

Bất cứ việc to việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hoá, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế, mới có thể kéo được quần chúng.

Nếu không vậy, nếu cứ làm theo ý muốn, theo tư tưởng, theo *chủ quan* của mình, rồi đem cột vào cho quần chúng, thì khác nào "khoét chân cho vừa giày". Chân là quần chúng. Giày là cách tổ chức và làm việc của ta. Ai cũng đóng giày theo chân. Không ai đóng chân theo giày.

b) Bệnh nể nang.

Vì họ hàng quen biết, bầu bạn, thân thích, anh em, cho nên lúc họ có sai lầm cũng cứ nể nang không thiết thực phê bình, thiết thực sửa đổi, sợ mất lòng.

Bản sao lưu trữ

III

TƯ CÁCH VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

A- TƯ CÁCH CỦA ĐẢNG CHÂN CHÍNH CÁCH MẠNG

1. Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng.

2. Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

3. Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương.

4. Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không.

5. Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6. Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng.

Chẳng những không nâng cao được dân chúng, mà cũng không biết ý kiến của dân chúng.

7. Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát.

Nếu không vậy thì không biết nắm vững các cách thức tranh đấu và các cách thức tổ chức, không biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng.

8. Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên.

9. Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

10. Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài.

11. Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới.

Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí.

Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

12. Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

*Muốn cho Đảng được vững bền
Mười hai điều đó chớ quên điều nào.*

B- PHẬN SỰ CỦA ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ

1. Trọng lợi ích của Đảng hơn hết

Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân và để nâng cao sinh hoạt, văn hoá, chính trị của nhân dân. Vì toàn dân được giải phóng, tức là Đảng được giải phóng.

Vì vậy, mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc.

Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là "tính Đảng".

Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng.

Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải hiểu rõ, phải thực hành như thế. Vì hiểu rõ và thực hành như thế, cho nên trong Đảng ta đã có những liệt sĩ oanh liệt hy sinh cho Đảng, cho dân tộc, cho Tổ quốc, mà tiếng thơm để

muôn đời. Các liệt sĩ đó đã nêu gương anh dũng cho tất cả đảng viên và cán bộ ta bắt chước.

Nhiều khi lợi ích của cá nhân hợp với lợi ích của Đảng. Thí dụ đảng viên và cán bộ cần thận giữ gìn sức khoẻ của mình để làm việc. Ham học tập để nâng cao trình độ của mình. Làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu. Những lợi ích cá nhân đó rất chính đáng. Đảng mong cho đảng viên và cán bộ như thế.

Song ngoài ra, như ham muốn địa vị, tìm cách phát tài, ra mặt anh hùng, tự cao tự đại, v.v.. Đó đều là trái với lợi ích của Đảng.

2. Đạo đức cách mạng

Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm.

Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

a) **NHÂN** là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được.

b) **NGHĨA** là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

c) **TRÍ** vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

d) **DŨNG** là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại

những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

đ) *LIÊM* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Đó là *đạo đức cách mạng*. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?

3. Phải giữ kỷ luật

Lợi ích của dân tộc, gồm có lợi ích của Đảng. Lợi ích của Đảng, gồm có lợi ích của đảng viên. Vì vậy, sự phát triển và thành công của Đảng, một mặt tức là thành công của dân tộc, một mặt tức là thành công của đảng viên. Vì vậy, chỉ có khi Đảng thành công và thắng lợi, thì đảng viên mới có thể thành công và thắng lợi. Chính vì vậy mà đảng viên cần phải hy sinh lợi ích của mình cho lợi ích chung của Đảng.

Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sĩ xung phong. Đó là do sự "tự giác", lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện làm đảng viên, làm chiến sĩ xung phong. Đã vậy, thì mỗi người đảng viên phải cố gắng cho xứng đáng là một người trong những người đại biểu của dân tộc.

Nhất là những người cán bộ và lãnh tụ, càng phải làm cho xứng đáng lòng tin cậy của Đảng, của dân tộc. Càng phải làm gương cho tất cả đảng viên, tất cả quần chúng noi theo.

Cũng vì lợi ích của dân tộc, mà Đảng cần phải khuyến khích và khen thưởng những ưu điểm và tài năng của đảng viên. Cần phải giúp cho họ học hành, giúp cho họ làm việc và tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ về mặt sinh hoạt, trong lúc ốm đau. Khiến cho họ ham làm việc, vui làm việc. Nói tóm lại: mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải hoàn toàn phục tùng lợi ích của Đảng.

Không nên có mục đích cá nhân. Không nên vì cá nhân mà yêu cầu Đảng cái này cái khác, hoặc trách móc Đảng không giúp đỡ mình, không khen thưởng mình.

Đồng thời, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, đảng viên và cán bộ cần phải luôn luôn ra sức phấn đấu, ra sức làm việc, cố gắng học tập để nâng cao trình độ văn hoá, trí thức và chính trị của mình. Luôn luôn giữ gìn kỷ luật. Luôn luôn xứng đáng một người cán bộ, một người đảng viên.

4. Đối với các hạng đảng viên

Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước. Song Đảng có rất đông đảng viên. Phần đông cố nhiên đã hiểu biết vì dân, vì nước mà vào Đảng. Nhưng cũng có phần vì lẽ khác mà theo vào Đảng. Thí dụ: có người tưởng vào Đảng thì dễ tìm công ăn việc làm. Có người vào Đảng mong làm chức này, tước nọ. Có người vì anh em bạn hữu kéo vào, v.v.. Những người này không biết rằng: cách mạng là một sự nghiệp gian nan cực khổ, phải có lòng kiên quyết, có chí hy sinh.

Vì vậy khi gặp sự khó khăn, họ không khỏi dao động, hoang mang.

Dù sao, họ tin Đảng ta, họ kính trọng Đảng ta, họ tìm vào Đảng ta, đó cũng là một điều tốt. Trừ những bọn vào Đảng để mong phá hoại, còn những hạng kia chúng ta đều hoan nghênh. Một khi họ đã theo Đảng thì Đảng phải cảm hoá họ, dạy dỗ họ, nâng cao sự hiểu biết và lòng phụ trách của họ lên dần dần. Trong sự huấn luyện và tranh đấu lâu dài, họ rất có thể thành những người chiến sĩ khá.

Đối với những người không chịu nổi khó nhọc, không chịu nổi kỷ luật nghiêm khắc mà xin ra khỏi Đảng, thì Đảng vẫn bằng lòng để họ ra. Đảng chỉ yêu cầu một điều là: họ thể không lộ bí mật của Đảng, không phản Đảng, không phá hoại Đảng. Như thế thì Đảng vẫn giữ cảm tình thân thiện với họ.

Đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã hiểu biết, đã tình nguyện vào một Đảng vì dân, vì nước, đã là một người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt và sửa bỏ những tính xấu. Vì tính xấu của một người thường chỉ có hại cho người đó; còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ, sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân.

5. Những khuyết điểm sai lầm

Trong Đảng ta còn có những người chưa học được, chưa làm được bốn chữ "chí công vô tư", cho nên mắc phải chứng *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm, thí dụ những bệnh sau đây:

a) *Bệnh tham lam* - Những người mắc phải bệnh này thì đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, do đó mà chỉ "tự tư tự lợi". Dùng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình.

Sinh hoạt xa hoa, tiêu xài bừa bãi. Tiền bạc đổ ở đâu ra? Không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào. Thậm chí làm chợ đen buôn lậu. Không sợ mất thanh danh của Đảng, không sợ mất danh giá của mình.

b) *Bệnh lười biếng* - Tự cho mình là cái gì cũng giỏi, việc gì cũng biết. Làm biếng học hỏi, làm biếng suy nghĩ. Việc dễ thì tranh lấy cho mình. Việc khó thì đùn cho người khác. Gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh.

c) *Bệnh kiêu ngạo* - Tự cao, tự đại, ham địa vị, hay lên mặt. Ưa người ta tâng bốc mình, khen ngợi mình. Ưa sai khiến người khác. Hễ làm được việc gì hơi thành công thì khoe khoang vênh váo, cho ai cũng không bằng mình. Không thêm học hỏi quần chúng, không muốn cho người ta phê bình. Việc gì cũng muốn làm thầy người khác.

d) *Bệnh hiếu danh* - Tự cho mình là anh hùng, là vĩ đại. Có khi vì cái tham vọng đó mà việc không đáng làm cũng làm. Đến khi bị công kích, bị phê bình thì tinh thần lung lay. Những người đó chỉ biết lên mà không biết xuống. Chỉ chịu được sướng mà không chịu được khổ. Chỉ ham làm chủ tịch này, uỷ viên nọ, chớ không ham công tác thiết thực.

đ) *Thiếu kỷ luật* - Đã mắc bệnh cá nhân thì tư tưởng và hành động cũng đặt cá nhân lên trên. Vì thế mà việc gì cũng không lấy Đảng làm nền tảng. Mình muốn thế nào thì làm thế ấy. Quên cả kỷ luật của Đảng. Phê bình thì cốt công kích những đồng chí mình không ưa. Cất nhắc thì cốt làm ơn với những người mình quen thuộc.

e) *Óc hẹp hòi* - Ở trong Đảng thì không biết cất nhắc những người tốt, sợ người ta hơn mình. Ở ngoài Đảng thì khinh người, cho ai cũng không cách mạng, không khôn khéo bằng mình. Vì thế mà không biết liên lạc hợp tác với những người có đạo đức tài năng ở ngoài Đảng. Vì thế mà người ta uất ức và mình thành ra cô độc.

g) *Óc địa phương* - Bệnh này tuy không xấu bằng các bệnh kia nhưng kết quả cũng rất tai hại. Miễn là cơ quan mình, bộ phận mình, địa phương mình được việc. Còn các cơ quan, bộ phận, địa phương khác ra sao cũng mặc

kệ. Đó là vì cạnh thị, không xem xét toàn thể. Không hiểu rằng lợi ích nhỏ phải phục tùng ích lợi to, ích lợi bộ phận phải phục tùng ích lợi toàn thể.

h) *Óc lãnh tụ* - Đánh được vài trận, hoặc làm được vài việc gì ở địa phương đã cho mình là tài giỏi lắm rồi, anh hùng lắm rồi, đáng làm lãnh tụ rồi.

Nào có biết so với công cuộc giải phóng cả dân tộc thì những thành công đó chỉ là một chút cỏn con, đã thấm vào đâu! Mà so với những sự nghiệp to tát trong thế giới, càng không thấm vào đâu.

Cố nhiên, Đảng ta mong cho có nhiều anh hùng, nhiều lãnh tụ, được dân tin, dân phục, dân yêu. Những anh hùng và lãnh tụ như thế là của quý của Đảng, của dân tộc. Song, những anh hùng và lãnh tụ như thế đều do tranh đấu và kinh nghiệm rèn luyện ra, đều do dân chúng và đảng viên tin cậy mà cử ra, chứ không phải tự mình muốn làm lãnh tụ, làm anh hùng mà được.

Từ xưa đến nay, quần chúng không bao giờ tin cậy và yêu mến những kẻ tự cao, tự đại, những kẻ có óc lãnh tụ, tự xưng ta đây là anh hùng, lãnh tụ.

Đem so với công việc của cả loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua làm tròn một bộ phận mà thôi. Mỗi người chúng ta cố làm đầy đủ những công việc Đảng giao phó cho, thế là ta làm tròn nhiệm vụ, và lòng tự hào đó giúp cho ta tiến bộ mãi.

6. Những bệnh khác

a) *Bệnh "hữu danh, vô thực"* - Làm việc không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch.

Thí dụ việc tổ chức - Trong báo cáo thì làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có. Hạng người nào cũng có. Có hàng vạn hàng ức người. Nhưng khi soạn lại cận kề, hỏi lại rõ ràng, nhưng nơi đó có bao nhiêu người, những tổ chức đó đã làm việc gì, cán bộ đã đến đó mấy lần, đã làm gì cho những tổ chức đó, thì chưa có gì thiết thực hết.

Thế là không làm tròn nhiệm vụ của mình. Thế là đối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà, cũng là một bệnh rất nguy hiểm.

b) *Kéo bè kéo cánh* lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa.

Từ bè phái mà đi đến chia rẽ. Ai hợp với mình thì dù người xấu cũng

cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách dìm người đó xuống.

Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất. Nó làm Đảng bớt mất nhân tài và không thực hành được đầy đủ chính sách của mình. Nó làm mất sự thân ái, đoàn kết giữa đồng chí. Nó gây ra những mối nghi ngờ.

c) *Bệnh cận thị* - Không trông xa thấy rộng. Những vấn đề to tát thì không nghĩ đến mà chỉ chăm chú những việc tỉ mỉ. Thí dụ: việc tăng gia sản xuất, việc tiếp tế bộ đội thì không lo đến, mà chỉ lo thế nào để lợi dụng cơm cháy và nước gạo trong các bộ đội.

Những người như vậy, chỉ trông thấy sự lợi hại nhỏ nhen mà không thấy sự lợi hại to lớn.

d) *Bệnh "cá nhân"*

1. Việc gì không phê bình trước mặt để nói sau lưng. Khi khai hội thì không nói, lúc khai hội rồi mới nói. Không bao giờ đề nghị gì với Đảng. Không theo nguyên tắc sinh hoạt của Đảng. Muốn sao làm vậy.

2. Muốn làm xong việc, ai có ưu điểm cũng không chịu học theo, ai có khuyết điểm cũng không dám phê bình.

3. Không phục tùng mệnh lệnh, không tuân theo kỷ luật. Cứ làm theo ý mình.

4. Khi phê bình ai, không phải vì Đảng, không phải vì tiến bộ, không phải vì công việc, mà chỉ công kích cá nhân, cãi bướng, trả thù, tiểu khí.

5. Nghe những lời bình luận không đúng, cũng làm thỉnh, không biện bác. Thậm chí nghe những lời phản cách mạng cũng không báo cáo cho cấp trên biết. Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ.

6. Gặp dân chúng thì không điều tra, không hỏi han, không tuyên truyền, không giải thích. Xem như dân chúng không có quan hệ gì với mình.

7. Thấy những việc có hại đến dân chúng cũng mặc kệ, không khuyên răn, không ngăn cản, không giải thích.

8. Làm việc không có kế hoạch, gặp sao làm vậy, làm lầy lệ, làm không có ngăn nắp, làm không đến nơi đến chốn.

9. Tự cho mình là "cách mạng già", "cách mạng cũ"; việc to làm không nổi, việc nhỏ không chịu làm. Làm việc thì lơ mờ, học hành thì biếng nhác.

10. Biết mình có khuyết điểm, nhưng không chịu cố gắng sửa đổi.

Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để, Đảng xa rời dân chúng.

Mắc phải bệnh đó thì dễ đi đến chỗ để lợi ích cá nhân lên trên, để lợi ích Đảng và dân tộc xuống dưới.

Một người cách mạng bao giờ cũng phải trung thành, hăng hái, xem lợi ích của Đảng và dân tộc quý hơn tính mệnh của mình. Bao giờ cũng quang minh chính trực, ham cách sinh hoạt tập thể, luôn luôn sẵn sóc dân chúng, giữ gìn kỷ luật, kiên quyết chống lại "bệnh cá nhân".

đ) Bệnh lười biếng - Khi tiếp được mệnh lệnh hoặc nghị quyết, không chịu nghiên cứu rõ ràng. Không lập tức đưa ngay mệnh lệnh và nghị quyết đó cho cấp dưới, cho đảng viên, cho binh sĩ. Cứ xếp lại đó.

Khi thi hành, kèn kèn càng càng, không hoạt bát nhanh chóng.

Hoặc thi hành một cách miễn cưỡng, không sốt sắng, không đến nơi đến chốn.

Kết quả nhỏ là: nghị quyết đầy túi áo, thông cáo đầy túi quần.

Kết quả nặng là: phá hoại tổ chức của Đảng, giảm bớt kỷ luật của Đảng, bỏ mất thời cơ tốt, lúc nên làm thì không làm, khi làm thì trễ rồi.

Đó là vì tính lười biếng, chậm chạp. Vì không hiểu rằng: Đảng cũng như thân thể một con người. Mệnh lệnh và nghị quyết cũng như mạch máu. Mạch máu chạy đều khắp thân thể thì người mạnh khỏe. Mạch máu dừng lại đâu, không chạy thì chỗ đó sẽ tê liệt, sinh bệnh. Mệnh lệnh và nghị quyết đi mau, đi suốt từ trên đến dưới, công tác mau chóng, việc gì cũng xong xuôi. Nó ngừng lại cấp nào, từ cấp đó trở xuống là tê liệt, không biết đường nào mà công tác.

Cách chữa:

- Các cơ quan chỉ đạo phải có cách lãnh đạo cho đúng. Mỗi việc gì đều phải chỉ bảo cách làm.

- Cấp trên phải hiểu rõ tình hình cấp dưới và tình hình quần chúng, để chỉ đạo cho đúng.

- Khi nghị quyết việc gì, phải cẩn thận, rõ ràng. Khi đã nghị quyết thì phải kiên quyết thi hành.

Mỗi nghị quyết phải mau chóng truyền đến các cấp dưới, đến đảng viên, đến dân chúng.

Cách tiện nhất là khai hội với các đảng viên, khai hội với dân chúng

(hoặc binh sĩ), phái người đến báo cáo, giải thích.

- Các cấp dưới, đảng viên và dân chúng (hoặc binh sĩ) phải thảo luận những mệnh lệnh và nghị quyết đó cho rõ ràng, hiểu thấu ý nghĩa của nó và định cách thi hành cho đúng.

- Cấp dưới cần phải báo cáo. Cấp trên cần phải kiểm soát.

e) *Bệnh tật nạnh* - Cái gì cũng muốn "bình đẳng".

Thí dụ: Cấp trên vì công việc phải cưỡi ngựa, đi xe. Cấp dưới cũng muốn cưỡi ngựa, đi xe.

Người phụ trách nhiều việc, cần có nhà rộng. Người không phụ trách nhiều việc, cũng đòi nhà rộng.

Phụ cấp cho thương binh cũng muốn nhất luật, không kể thương nặng hay nhẹ.

Làm việc gì, thì muốn già, trẻ, mạnh, yếu đều làm bằng nhau.

Có việc, một người làm cũng được, nhưng cũng chờ có đủ mọi người mới chịu làm.

Bệnh này sinh ra vì hiểu lầm hai chữ bình đẳng. Không hiểu rằng: người khoẻ gánh nặng, người yếu gánh nhẹ. Người làm việc nặng phải ăn nhiều, người làm việc nhẹ thì ăn ít. Thế là bình đẳng.

Cách chữa - Giải thích cho họ hiểu: đồng cam cộng khổ là một điều rất hay, rất tốt. Nhất là trong lúc cái gì cũng còn túng thiếu, và mỗi đảng viên, mỗi cán bộ cần phải làm kiểu mẫu trong sự cần lao, tiết kiệm. Nhưng cũng phải tùy theo hoàn cảnh. Cái gì thái quá cũng không tốt. Bình đẳng thái quá cũng không tốt. Thí dụ: nếu một chiến sĩ bị thương được đi xe, ăn ngon, các chiến sĩ khác đều đòi đi xe, đòi ăn ngon. Hoặc vì bình đẳng mà bắt buộc một trẻ em cũng ăn nhiều, cũng gánh nặng, như một người lớn. Nếu như thế là bình đẳng, thì bình đẳng đó rất vô lý, rất xấu, chúng ta phải kiên quyết chống lại thứ bình đẳng đó.

Sợ mất oai tín và thể diện mình, không dám tự phê bình.

Lại nói: Nếu phê bình khuyết điểm của mình, của đồng chí mình, của Đảng và Chính phủ, thì địch sẽ lợi dụng mà công kích ta.

Nói vậy là lầm to. Khuyết điểm cũng như chúng bệnh. Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày càng nặng, không chết "cũng la lét quả dưa".

Nói về từng người, nề nang không phê bình, để cho đồng chí mình cứ sa vào lầm lỗi, đến nỗi hỏng việc. Thế thì khác nào thấy đồng chí mình ốm, mà

không chữa cho họ. Nể nang mình, không dám tự phê bình, để cho khuyết điểm của mình chứa chất lại. Thế thì khác nào mình tự bỏ thuốc độc cho mình!

Nói về Đảng, một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính.

Đảng cần phải biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng. Sợ phê bình, tức là "quan liêu hoá", tức là tự mãn tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Phê bình không phải để công kích, để nói xấu, để chửi rủa.

g) Bệnh xu nịnh, a dua - Lại có những người trước mặt thì ai cũng tốt, sau lưng thì ai cũng xấu. Thấy xôi nói xôi ngọt, thấy thịt nói thịt bùi. Theo gió bẻ buồm, không có khí khái.

Còn bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, bệnh nóng tính, bệnh lụm chụm, v.v., đã nói qua, đây không nhắc nữa.

7. Những khuyết điểm sai lầm vì sao mà có và tự đâu mà đến?

Khuyết điểm đâu mà nhiều thế?

Đảng ta là một đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, nó lây, ngấm vào trong Đảng.

Nhưng không vì thế mà kinh sợ. Ta đã thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa.

Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau. Thang thuốc hay nhất là *thiết thực phê bình và tự phê bình*.

Đá đi lâu cũng mòn. Sắt mài lâu cũng sắc. Ta cố gắng sửa chữa thì khuyết điểm ngày càng bớt, ưu điểm ngày càng thêm. Đảng viên và cán bộ ngày càng trở nên người chân chính cách mạng. Đảng ngày càng phát triển.

Mong ai nấy đều phải thiết thực sửa đổi.

Đảng ta là một tổ chức rất tiến bộ, đã có những thành tích rất vẻ vang.

Trong Đảng ta, gồm có những người có tài, có đức. Phần đông những

người hăng hái nhất, thông minh nhất, yêu nước nhất, kiên quyết, dũng cảm nhất đều ở trong Đảng ta. Chúng ta chắc chắn đi đến thắng lợi và thành công.

Tuy vậy, không phải là người người đều tốt, việc việc đều hay. Trong Đảng ta chưa hoàn toàn tránh khỏi một vài kẻ vu vơ, những việc không chính đáng, như vừa kể trên.

Cũng như một nhà có rễ khờ, dâu dại, không thể cấm họ gặp gỡ bà con. Đảng ta dù muốn giấu những người và những việc không tốt kia, cũng không thể giấu. Quần chúng luôn luôn liên lạc với Đảng ta. Những người hăng hái đồng tình với Đảng ta, hoặc tham gia Đảng ta. Họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt, mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng. Họ sẽ ngơ ngác mà hỏi "Đảng này là Đảng tốt, đảng viên đều là người tốt, vì sao lại có những người vu vơ, những việc mờ tối như thế nhỉ?".

Câu hỏi đó làm cho chúng ta càng thêm chú ý, làm cho đảng viên và cán bộ phải cẩn thận giữ mình, và cẩn thận săn sóc, dắt dìu những người cảm tình, những đảng viên mới, chớ để họ bị ảnh hưởng xấu. Đồng thời, chúng ta phải trả lời cho câu hỏi đó cho đúng. Nếu không thì người ta sẽ thất vọng và bi quan.

Trả lời thế nào?

Rất là giản đơn, dễ hiểu:

Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa, v.v.. Những thói xấu đó có đã lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng.

Cũng như những người hàng ngày lội bùn, mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn. Như thế thì có gì là kỳ quái? Vì lội bùn thì nhất định có hơi bùn. Cần phải tắm rửa lâu mới sạch. Trái lại, nếu lội bùn mà không có hơi bùn, mới thật là kỳ quái. Nếu trong Đảng ta, một đảng mới từ trong xã hội cũ bước ra, nếu nó hoàn toàn không có những người xấu, việc xấu như thế mới là kỳ quái chứ! Cố nhiên nói thế không phải là để tự bào chữa.

Đảng một mặt phải làm công việc giải phóng dân tộc, một mặt phải giáo dục đảng viên và cán bộ, kiên quyết cảm hoá những phần tử xấu, sửa chữa những thói xấu còn lại. Phải cố sửa chữa cho tiệt nọc các chứng bệnh,

khiến cho Đảng càng mạnh khoẻ, bình an.

8. Cách đối với các khuyết điểm

Vì Đảng rất to, người rất đông; mỗi hạng người lại có thói quen, tính nết, trình độ, tư tưởng, nhận xét khác nhau. Nhất là khi phong trào cách mạng càng sôi nổi, hoàn cảnh càng khó khăn, thì sự khác nhau đó càng rõ rệt, càng trở nên gay go.

Nên giải quyết những mối mâu thuẫn đó thế nào?

Có người thì cho rằng: trong Đảng việc gì cũng tốt, không có khuyết điểm gì đáng lo. Có người lại cho rằng: trong Đảng cái gì cũng kém, đầy những khuyết điểm, vì vậy mà họ bi quan, thất vọng. Hai cách nhận xét đó đều không đúng.

Sự thật là: Đảng ta rất tiên tiến, rất vẻ vang. Nhưng nội bộ vẫn còn những sự sai lầm và khuyết điểm. Đồng thời, chúng ta thấy cái nguồn gốc của những sai lầm khuyết điểm đó, và chắc tìm được cách sửa chữa. Chúng ta quyết tâm công tác thêm, để làm cho Đảng tiến bộ thêm mãi.

Thái độ mỗi người đối với những khuyết điểm của Đảng ta cũng khác nhau.

Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta.

Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó, để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ. Đó là thái độ của đảng viên và cán bộ đầu cơ.

Bọn thứ ba thì sao cũng mặc kệ, sao xong chuyện thì thôi. Không phê bình, không tự phê bình. Đó là thái độ của những đảng viên và cán bộ ươn hèn yếu ớt.

Bọn thứ tư thì đối với những người có khuyết điểm và sai lầm đó, như đối với hổ mang, thường luồng. Họ đòi phải đuổi bọn kia ra khỏi Đảng ngay. Nếu Đảng không làm như thế thì họ cho rằng: Thôi, hỏng hết rồi! Do đó, họ đâm ra chán nản, thất vọng. Hoặc họ không làm gì nữa hết. Thậm chí họ bỏ Đảng. Đó là thái độ những người *máy móc quá*. Đó cũng là bệnh "chủ quan".

Thái độ thứ năm, là thái độ đúng. Tức là:

- a) Phân tách rõ ràng, cái gì đúng, cái gì là sai.
- b) Không chịu nổi ảnh hưởng của những chủ trương sai lầm, những phần tử không tốt. Ra sức học tập và nâng cao những kiểu mẫu tốt.
- c) Không để mặc kệ. Mà ra sức tranh đấu sửa chữa những khuyết điểm,

không để nó phát triển ra, không để nó có hại cho Đảng.

d) Không làm cách máy móc. Nhưng khéo dùng cách phê bình và tự phê bình để giúp đồng chí khác sửa đổi những sai lầm và khuyết điểm, giúp họ tiến bộ.

đ) Đoàn kết Đảng bằng sự tranh đấu nội bộ. Nâng cao kỷ luật và uy tín của Đảng.

Bọn phản động và bọn đầu cơ là địch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại. Vì vậy chúng ta phải ra sức đề phòng. Mỗi khi trong Đảng có khuyết điểm thì chúng ta phải tìm cách chớ để cho ai lợi dụng. Đó là phận sự của mỗi một đảng viên chân chính.

Thái độ thứ ba, ai mặc kệ ai, cố nhiên cũng không đúng. Tuy vậy, trong Đảng, còn có nhiều người giữ thái độ đó, nhất là khi cấp dưới đối với cấp trên. Thái độ đó thường sinh ra thói "không nói trước mặt, hục hặc sau lưng". Nó gây nên sự uất ức và không đoàn kết trong Đảng. Nó để cho bọn vu vơ có thể chui vào hoạt động trong Đảng. Nó để cho khuyết điểm ngày càng chồng chất lại và phát triển ra.

Nếu theo thái độ thứ tư thì Đảng chỉ còn một nhóm cún con, vì số đông sẽ bị khai trừ hết. Mà chính những người có thái độ đó cũng bị khai trừ, vì họ đã phạm cái khuyết điểm hẹp hòi.

Kết luận - Trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. *Luôn luôn dùng và khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi.

C- TƯ CÁCH VÀ BỐN PHẬN ĐẢNG VIÊN¹

1. Tư cách

a) Thừa nhận chính sách của Đảng. Thực hành các nghị quyết của Đảng. Ra sức làm công việc Đảng. Nộp đảng phí.

b) Những người trí thức, công nhân, nông dân, phụ nữ, quân nhân, hăng hái yêu nước, từ 18 tuổi trở lên đều được vào Đảng.

1. Tác giả viết mục này căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương (B.T).

- c) Mỗi người muốn vào Đảng phải có hai đảng viên cũ giới thiệu.
- Những người bỏ đảng phái khác mà vào Đảng, phải có ba người giới thiệu, và phải được cấp trên của Đảng chuẩn y.
 - Những người rời Đảng đã lâu, mà có người làm chứng rằng, trong thời gian đó không hề làm việc gì có hại cho Đảng, thì được trở lại làm đảng viên.
- d) Những người mới vào Đảng phải qua một thời kỳ dự bị. Nông dân và công nhân hai tháng. Quân nhân ba tháng. Trí thức bốn tháng.
- đ) Trong thời kỳ dự bị, Đảng phải dạy dỗ cho họ, và trao việc cho họ làm. Đồng thời, Đảng phải xem xét tính nết, công tác và lịch sử của họ.
- Những người giới thiệu phải giúp đỡ họ học tập và công tác.
- e) Những người dự bị phải công tác cho Đảng và nộp đảng phí.
- Họ có quyền tham gia huấn luyện, đề ra ý kiến, bàn bạc các vấn đề, nhưng không có quyền biểu quyết.
- Họ cũng chưa có quyền giữ các trách nhiệm chỉ đạo như làm tổ trưởng, thư ký, v.v.. (Trong những hoàn cảnh đặc biệt, như nơi đó mới bắt đầu có Đảng, hoặc đại đa số đều đảng viên mới, thì không phải theo lệ này).

2. Bốn phân

- a) Suốt đời tranh đấu cho dân tộc, cho Tổ quốc.
- b) Đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.
- c) Hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng.
- d) Kiên quyết thi hành những nghị quyết của Đảng.
- đ) Cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc.
- e) Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hoá. Phải gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng.

D- PHẢI RÈN LUYỆN TÍNH ĐẢNG

Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, cần phải có *tính đảng* mới làm được việc. Kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên.

Tính đảng là gì?

Một là: Phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết.

Hai là: Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn.

Phải hiểu rằng: Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng. Mà muốn Đảng hiểu rõ thì đảng viên và cán bộ phải điều tra và báo cáo rõ

ràng tình hình từng xã, từng huyện, từng tỉnh, từng khu.

Nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là "nồi yuông úp vung tròn", không ăn khớp gì hết.

Ba là: Lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Vì kém tính đảng mà có những bệnh sau này

Bệnh ba hoa,	Bệnh chủ quan,
Bệnh địa phương,	Bệnh hình thức,
Bệnh ham danh vị,	Bệnh ích kỷ,
Bệnh thiếu kỷ luật,	Bệnh hủ hoá,
Bệnh cầu thả (gặp sao hay vậy),	Bệnh thiếu ngăn nắp,
Bệnh xa quần chúng,	Bệnh lười biếng.

Mắc phải một bệnh trong mười hai bệnh đó tức là hỏng việc. Vì vậy, chúng ta phải ráo riết dùng *phê bình và tự phê bình* để giúp nhau chữa cho hết những bệnh ấy. Có như thế Đảng mới chóng phát triển.

Phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của đồng chí mình.

Tự phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của mình.

Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau. Mục đích là cho mọi người học lẫn ưu điểm của nhau và giúp nhau chữa những khuyết điểm.

Về mặt Đảng thì phải thực hành những điều sau này:

1. Phải nghiêm ngặt *kiểm tra*, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo.

2. Nơi nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức *sửa chữa*. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu, chống thói "trước mặt thì nể, kể lể sau lưng". Phê bình thì phải rõ ràng, thiết thực, ngay thẳng, thành thật - mục đích là cốt sửa chữa, chứ không phải để công kích, cốt giúp nhau tiến bộ, chứ không phải làm cho đồng chí khó chịu, nản lòng.

3. Phải kiên quyết thực hành kỷ luật, tức là cá nhân phải tuyệt đối phục tùng tổ chức, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương.

4. Phải đòi hỏi mỗi đảng viên, trước hết là mỗi cán bộ, phải thật thà *tự phê bình*, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Kiên quyết chống bệnh tự mãn tự túc, tự tư tự lợi, kiêu ngạo, ba hoa. Phải thực hành khẩu hiệu: "Chí công vô tư; cần, kiệm, liêm, chính!"

IV

VẤN ĐỀ CÁN BỘ

1. Huấn luyện cán bộ

Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Đảng có mở những lớp huấn luyện cán bộ. Nhưng đại đa số cán bộ, hoặc bận công việc, hoặc xa xôi quá, chưa được huấn luyện. Đối với những cán bộ đó, Đảng cần phải tìm cách huấn luyện họ (hoặc mở lớp ở địa phương, hoặc gửi sách vở cho họ nghiên cứu, v.v.).

Khuyết điểm trong sự huấn luyện - Đã có nơi mở lớp huấn luyện, thế rất tốt. Song những lớp ấy còn nhiều khuyết điểm. Thí dụ: huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính.

Còn dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được.

Phần đông cán bộ là công nhân và nông dân, văn hoá rất kém. Đảng chưa tìm đủ cách để nâng cao trình độ văn hoá của họ.

Huấn luyện lý luận cho những cán bộ cao cấp, đến nay hoặc chưa làm, hoặc làm không đúng, lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng.

Đó là những điều Đảng nên sửa chữa ngay, theo cách sau đây:

a) *Huấn luyện nghề nghiệp*

Phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì học việc ấy.

Vô luận ở quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, tổ chức, tuyên truyền, công an, v.v., cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc ở trong môn ấy.

Những cơ quan lãnh đạo và những người phụ trách phải có kế hoạch dạy cho cán bộ trong môn của mình, do các cấp Đảng giúp vào. Cách học tập gồm có 5 môn:

1. *Điều tra*: tình hình có quan hệ với công tác của mình. Thí dụ: môn quân sự, thì điều tra, phân tích, nghiên cứu rõ ràng tình hình của địch, của bạn, của ta, chọn những điểm chính làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ.

2. *Nghiên cứu*: những chính sách, chỉ thị, nghị quyết. Thí dụ: cán bộ về môn tài chính, phải hiểu rõ chính sách tài chính và những nghị quyết về tài chính của Chính phủ.

3. *Kinh nghiệm*: Thí dụ: ban tuyên truyền thì gom góp tất cả những kinh nghiệm thành công hoặc thất bại trong công việc tuyên truyền, chép thành tài liệu huấn luyện, cho cán bộ tuyên truyền học.

4. *Lịch sử*: Thí dụ: môn kinh tế thì đem những sự thay đổi trong nền kinh tế của nước ta trong thời kỳ gần đây làm tài liệu huấn luyện.

5. *Khoa học*: Thí dụ: các cán bộ quân sự thì phải nghiên cứu khoa học quân sự, cán bộ y tế phải nghiên cứu y học. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

Các cơ quan lãnh đạo của mỗi môn phải gom góp tài liệu, sắp xếp cách dạy và học, kiểm tra kết quả, sao cho cán bộ trong môn mình dần dần đi đến thạo công việc.

b) Huấn luyện chính trị

Có hai thứ: thời sự và chính sách.

Cách huấn luyện thời sự là khuyến khích và đốc thúc các cán bộ xem báo, thảo luận và giải thích những vấn đề quan trọng, và định kỳ khai hội cán bộ, báo cáo thời sự.

Huấn luyện chính sách là đốc thúc các cán bộ nghiên cứu và thảo luận những nghị quyết, những chương trình, những tuyên ngôn của Đảng, của Chính phủ.

Huấn luyện chính trị, môn nào cũng phải có. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà định nhiều hay ít. Thí dụ: cán bộ chuyên môn về y tế, về văn nghệ, v.v. thì ít hơn. Cán bộ về tuyên truyền, tổ chức, v.v., thì phải nghiên cứu chính trị nhiều hơn.

c) Huấn luyện văn hoá

Với những cán bộ còn kém văn hoá, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Trước hết phải dạy cho họ những thường thức: lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi người công dân.

Các bài học do một ban phụ trách sắp xếp.

Lớp học do một hoặc vài ba cơ quan tổ chức với nhau.

Những lớp đó cần phải có giáo viên luôn luôn phụ trách và giáo viên ngoài giúp việc.

Các cán bộ có thể thay phiên nhau mà đi học.

Cần phải ưu đãi các giáo viên và khen thưởng những lớp tổ chức tốt.

Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hoá cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp.

d) Huấn luyện lý luận

Những cán bộ cao cấp và trung cấp mà có sức nghiên cứu lý luận (trình độ văn hoá khá, ham nghiên cứu), thì ngoài việc học tập chính trị và nghề nghiệp đều cần học thêm lý luận.

Huấn luyện lý luận có hai cách:

Một cách là chỉ đem lý luận khô khan nhét cho đầy óc họ. Rồi bày cho họ viết những chương trình, những hiệu triệu rất kêu. Nhưng đối với việc thực tế, tuyên truyền, vận động, tổ chức, kinh nghiệm chỉ nói qua loa mà thôi. *Thế là lý luận suông, vô ích.*

Một cách là trong lúc học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. *Thế là lý luận thiết thực, có ích.*

Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận.

Nhưng phải biết khéo lợi dụng kinh nghiệm. Nếu thấy người ta làm thế nào mình cũng một mực bắt chước làm theo thế ấy. Thí dụ: nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng.

Trái lại, kinh nghiệm các nước và ở nước ta đều nói: phải gần gũi dân chúng, vào sâu trong dân chúng. Điều này rất đúng. Ta phải kiên quyết thực hành theo kinh nghiệm đó.

Kinh nghiệm các nước và ở nước ta nói: phải kiên quyết chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Ta cũng phải kiên quyết chống những bệnh đó vì nhận thấy ta thường mắc phải và các bệnh này rất có hại cho công tác, rất hại cho Đảng.

Học tập - Khuôn khổ học tập, chia ra khoa học chính trị, khoa học kinh

tế, khoa học lịch sử, v.v., mà học dần dần.

Học tập thì theo nguyên tắc: kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau. Thí dụ: khoa học chính trị dùng sách vở, bài báo bàn về chiến lược, chiến thuật làm tài liệu lý luận; lấy lịch sử và kinh nghiệm tranh đấu của Đảng làm tài liệu thực tế.

Khoa học kinh tế lấy "kinh tế chính trị học" làm tài liệu lý luận, lấy lịch sử kinh tế của nước ta gần 100 năm nay làm tài liệu thực tế.

Các môn khác cũng thế.

Cách học tập: Tổ chức từng ban cao cấp hoặc trung cấp. Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào.

- Sắp xếp thời gian và bài học cho những lớp đó, phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau, mà không xung đột với nhau.

- Vô luận công tác môn nào, lớp huấn luyện nào, đều phải tuyệt đối chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Các tài liệu huấn luyện phải do cơ quan lãnh đạo xét kỹ.

- Cách huấn luyện này là huấn luyện lâu dài. Cho nên nguyên tắc là: để phát triển nghề nghiệp mà không trở ngại đến nghề nghiệp và sức khỏe của cán bộ. Ở các cơ quan, mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ. Những nơi vì hoàn cảnh kháng chiến đặc biệt, thời giờ dài hay ngắn, tùy theo điều kiện mà định. Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cất nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định.

- Cách kiểm tra, thi khảo, thưởng phạt những lớp đó, do Trung ương định.

- Các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện.

2. Dạy cán bộ và dùng cán bộ

Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém.

Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta.

Đảng ta là một đoàn thể đấu tranh. Trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một số cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ

sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới. Mặt trận dân tộc ngày càng rộng, nảy nở ra hàng ngàn hàng vạn người hăng hái, tham gia vào Đảng ta. Họ hăng hái nhưng lý luận còn thiếu, kinh nghiệm còn ít. Trong công tác, họ thường gặp những vấn đề to tát, họ phải tự giải quyết. Vì vậy chúng ta cần phải đặc biệt chú ý săn sóc những cán bộ đó.

Vì vậy, vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp.

Đối với vấn đề đó, Đảng phải làm thế nào?

1. *Phải biết rõ cán bộ* - Từ trước đến nay, Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết: mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hoá cũng lòi ra.

2. *Phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng.*

Cất nhắc cán bộ là một công tác cần kíp.

Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc.

Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại.

3. *Phải khéo dùng cán bộ* - Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

4. *Phải phân phối cán bộ cho đúng* - Thí dụ: Trong một nơi quan trọng ở một thành thị to thì phải phái những cán bộ có quan hệ khăng khít với quần chúng. Họ là người trong quần chúng mà ra, có sáng kiến, tinh thần, chắc chắn, chí khí vững vàng. Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc.

5. *Phải giúp cán bộ cho đúng* - Phải luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc. Và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ.

6. *Phải giữ gìn cán bộ* - Tại những nơi phải công tác bí mật khi cần thì phải phái cán bộ mới thế cho cán bộ cũ, và phái cán bộ cũ đi nơi khác.

Phải tìm mọi cách để giữ bí mật cho cán bộ.

3. Lựa chọn cán bộ

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

c) Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo.

Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng.

Trong Đảng ta, có những nơi thường dùng những người văn hay nói khéo, nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Mà những đồng chí viết không hay nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng, thì bị chìm xuống. Chúng ta phải sửa chữa ngay những điểm đó.

Đã lựa chọn đúng cán bộ còn cần phải dạy bảo *lý luận* cho cán bộ. Chỉ thực hành mà không có lý luận cũng như có một mắt sáng, một mắt mù.

4. Cách đối với cán bộ

Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều *nhân tài ngoài Đảng*. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước.

Chúng ta phải tẩy sạch các bệnh kiêu ngạo, bệnh hẹp hòi, bệnh bao biện.

Tóm lại, đối với cán bộ có năm cách:

a) *Chỉ đạo* - Thả cho họ làm, thả cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ.

Nhưng phải luôn luôn tùy theo hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để cho họ phát triển năng lực và sáng kiến của họ, đúng với đường lối của Đảng.

b) *Nâng cao* - Luôn luôn tìm cách cho họ học thêm lý luận và cách làm việc, làm cho tư tưởng, năng lực của họ ngày càng tiến bộ.

c) *Kiểm tra* - Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm.

Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ.

d) *Cải tạo* - Khi họ sai lầm thì dùng cách "thuyết phục" giúp cho họ sửa chữa.

Không phải một sai lầm to lớn, mà đã vội cho họ là "cơ hội chủ nghĩa", đã "cảnh cáo", đã "tạm khai trừ". Những cách quá đáng như thế đều không đúng.

đ) *Giúp đỡ* - Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình. Những điều đó rất quan hệ với tinh thần của cán bộ, và sự thân ái đoàn kết trong Đảng.

5. Mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ

Đảng ta gồm có hàng triệu người, hàng vạn cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có. Từng lớp xã hội khác nhau, trình độ, văn hoá khác nhau; tính tình cá nhân cũng không giống hệt.

Sao cho đối đãi đúng với mọi người? Đó là một vấn đề rất trọng yếu. Vì vậy, chúng ta cần phải chú ý mấy việc dưới đây:

Hiểu biết cán bộ,

Khéo dùng cán bộ,

Cất nhắc cán bộ,

Thương yêu cán bộ,

Phê bình cán bộ.

a) *Hiểu biết cán bộ* - Biết người, cố nhiên là khó. Tự biết mình, cũng không phải là dễ.

Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Người ta thường phạm những chứng bệnh sau này:

1. Tự cao tự đại,

2. Ưa người ta nịnh mình,

3. Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người,

4. Đem một cái khuôn khổ nhất định, chặt hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông.

Muốn biết rõ cán bộ, muốn đổi đời một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng.

Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá. Tư tưởng của người cũng biến hoá. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hoá. Thí dụ: có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng.

Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau.

Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì đâm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí hoá phản cách mạng, làm mật thám. Muốn làm mật thám được việc, thì nó lại công tác hăng hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng, thì lầm nó là cán bộ tốt.

Vì vậy, nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ.

Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt.

Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt. Người ở đời, ai cũng có chỗ tốt và chỗ xấu. Ta phải khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chữa chỗ xấu cho họ.

b) *Khéo dùng cán bộ* - Lúc dùng cán bộ, nhiều người phạm vào những chứng bệnh sau đây:

1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo.

Thế nào là dùng cán bộ đúng?

- Mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi.

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Mục đích khéo dùng cán bộ, cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu cán bộ có ý hoang mang, sợ hãi, buồn rầu, uất ức, hoặc công tác không hợp, chắc không thành công được.

Vì vậy, muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc. Muốn như thế, phải thực hành những điểm này:

1. *Khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến.* Người lãnh đạo muốn biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu, không gì bằng khuyên cán bộ mình mạnh bạo đề ra ý kiến và phê bình. Như thế, chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Nếu cán bộ không nói năng, không đề ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tâng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nói, nhưng vì họ *không dám nói, họ sợ*. Thế là mất hết dân chủ trong

Đảng. Thế là nội bộ của Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy, trong lòng uất ức, không dám nói ra, do uất ức mà hoá ra oán ghét, chán nản.

Như thế mà muốn cán bộ công tác cho giỏi thì sao được?

2. Khiến cho cán bộ có *gan phụ trách*, có gan làm việc. Cố nhiên việc hay hay dở, một phần do cán bộ đủ năng lực hay không. Nhưng một phần cũng do cách lãnh đạo đúng hay không. Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hoá ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hoá ra tài nhỏ.

Khi giao công tác cho cán bộ cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp đặt đầy đủ. Vạch rõ những điểm chính, và những khó khăn có thể xảy ra. Những vấn đề đã quyết định rồi, thả cho họ làm, khuyến khích họ cố cả gan mà làm. Cũng như trong quân đội, khi chiến lược chiến thuật và nhiệm vụ đã quyết định rồi, vị Tổng tư lệnh không cần nhúng vào những vấn đề vặt vãnh. Phải để cho các cấp chỉ huy có quyền "tùy cơ ứng biến", mới có thể phát triển tài năng của họ. Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái máy, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ỷ lại, mất hết sáng kiến.

Trước khi trao công tác, cần phải bàn kỹ với cán bộ. Nếu họ gánh không nổi, chớ miễn cưỡng trao việc đó cho họ. Khi đã trao cho họ phải hoàn toàn tin họ. Không nên sớm ra lệnh này, trưa đổi lệnh khác.

Nếu không tin cán bộ, sợ họ làm không được, rồi việc gì mình cũng nhúng vào. Kết quả thành chứng bao biện, công việc vẫn không xong. Cán bộ thì vợ vắn cả ngày, buồn rầu, nản chí.

Phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới thành công.

Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo "đập đi, hò đứng", không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng.

3. Không nên tự tôn, tự đại, *mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.*

Nếu ý kiến các đồng chí cấp dưới đúng, ta phải nghe theo, khuyến khích họ thường đề thêm ý kiến, để nâng tinh thần và sáng kiến của họ.

Nếu ý kiến của họ không đúng, ta nên dùng thái độ thân thiết, giải thích cho họ hiểu. Quyết không nên phùng mang trợn mắt, quở trách, giễu cợt họ.

Nếu họ phê bình ta, ta phải vui vẻ thừa nhận. Không nên tỏ vẻ bất bình, để lần sau họ không dám phê bình nữa.

Nếu có cán bộ không yên tâm làm việc, ta phải xét rõ cái chỗ lãnh đạo không đúng của ta, để thuyết phục và khuyên gắng người đó. Nếu vì công tác không hợp với năng lực của họ, phải tìm công việc thích hợp hơn cho họ làm.

c) *Phải có gan cất nhắc cán bộ* - Cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy.

Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào.

Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng. Chẳng những xem xét công tác của họ, mà còn phải xét cách sinh hoạt của họ. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta thế nào, mà còn phải xem xét họ đối với người khác thế nào. Ta nhận họ tốt, còn phải xét số nhiều đồng chí có nhận họ tốt hay không. Phải biết ưu điểm của họ, mà cũng phải biết khuyết điểm của họ, không nên chỉ xem công việc của họ trong một lúc, mà phải xem cả công việc của họ từ trước đến nay.

Biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực.

Cất nhắc cán bộ, không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc. Mà sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ, khuyên gắng họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ.

Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là người vô dụng.

Nhưng khoe khoang, kiêu ngạo không phải là tự trọng. Đó là một chứng bệnh. Vì vậy, người lãnh đạo cần phải tôn trọng lòng tự tin, tự trọng của các đồng chí mình.

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập", mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hoá thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng.

Vì vậy hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay. Nếu không việc to quá, họ làm không nổi, tốt nhất là đổi việc khác cho thích hợp với họ, mà không cần cho họ biết vì họ không làm nổi việc kia. Đó là để giữ lòng

hăng hái của họ, để cho họ khỏi nản lòng.

d) *Yêu thương cán bộ* - Không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm, mà đào tạo được một người cán bộ tốt. Nhưng cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu, rất dễ mất một người cán bộ. Vì vậy, Đảng phải thương yêu cán bộ.

Nhưng thương yêu không phải là võ vè, nuông chiều, thả mặc.

Thương yêu là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi đau ốm được chăm nom, gia đình họ khỏi khốn quẫn, v.v..

Thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ, kiểm thảo họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp cho họ sửa chữa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ. Đồng thời, phải nêu rõ những ưu điểm, những thành công của họ. Làm thế không phải là làm cho họ kiêu căng, mà cốt làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức. Phải vun đắp chí khí của họ, để đi đến chỗ "bại cũng không nản, thắng cũng không kiêu". Lúc phê bình họ, ta chớ có thái độ gay gắt. Lúc khen ngợi họ, ta phải cho họ hiểu rằng: năng lực của mỗi người đều có giới hạn, tuy có thành công cũng chớ kiêu ngạo. *Kiêu ngạo là bước đầu của thất bại.*

đ) *Đối những cán bộ sai lầm* - Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm.

Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm.

Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy, đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhận rằng họ muốn như thế, mà công kích họ. Trái lại, ta phải dùng thái độ thân thiết, giúp họ tìm ra cái cố vì sao mà sai lầm? Sai lầm như thế, sẽ có hại đến công việc thế nào? Làm thế nào mà sửa chữa? Tóm lại, phải phê bình cho đúng.

Muốn họ thành tâm sửa chữa, phải giải thích rõ ràng, làm cho họ tự trông thấy, tự nhận rõ sự sai lầm đó, làm cho họ vui lòng sửa đổi, chứ không phải bị cưỡng bức mà sửa đổi.

Sự sửa đổi khuyết điểm, một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo.

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích thuyết phục, cảm

hoá, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Làm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng.

Vì vậy, cần phải phân tách rõ ràng cái có sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng.

Cách đối với cán bộ là một điều trọng yếu trong sự tổ chức công việc. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

Phê bình cho đúng, chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại, còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện càng tăng thêm.

CÁCH LÃNH ĐẠO

1. Lãnh đạo và kiểm soát

"Chẳng những phải lãnh đạo quần chúng, mà lại phải học hỏi quần chúng".

Câu đó nghĩa là gì?

Nghĩa là: người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiểu thấu. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của mình.

Nghĩa là một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng.

Nghĩa là phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người "không quan trọng".

Lãnh đạo đúng nghĩa là thế nào?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà viết kế hoạch, ra mệnh lệnh.

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được.

Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người: *trông từ trên xuống*. Vì vậy sự trông thấy có hạn.

Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy *từ dưới lên*. Nên sự trông thấy cũng có hạn.

Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải họp kinh nghiệm cả hai bên lại.

Muốn như thế, người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng.

Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi.

Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại.

Chọn người và thay người cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo.

Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc, phải thải đi. Ngoài ra còn có hai hạng người, cũng phải chú ý:

Một là có những người cậy mình là "công thần cách mạng", rồi đâm ra ngang tàng, không giữ gìn kỷ luật, không thi hành nghị quyết của Đảng và của Chính phủ. Thế là họ kiêu ngạo, họ phá kỷ luật của Đảng, của Chính phủ.

Cần phải mời các ông đó xuống công tác hạ tầng, khép họ vào kỷ luật, để chữa tính kiêu ngạo, thói quan liêu cho họ và để giữ vững kỷ luật của Đảng và của Chính phủ.

Hai là hạng người nói suông. Hạng người này tuy là thật thà, trung thành, nhưng không có năng lực làm việc, chỉ biết nói suông. Một thí dụ: Hôm nọ tôi hỏi một cán bộ L:

- Mùa màng năm nay thế nào ?

L trả lời: Việc đó tôi đã động viên nhân dân rồi.

Hỏi: Rồi sao nữa ?

L trả lời: Tôi đã bày tỏ vấn đề đó một cách rất đầy đủ.

Hỏi: Rồi sao nữa ?

L trả lời: Công tác xem chừng khá.

Hỏi: Rồi sao nữa ?

L trả lời: Chắc là có tiến bộ.

Hỏi: Nói tóm lại đã cày cấy được mấy mẫu ?

L trả lời: Ở vùng chúng tôi, cày cấy hiện nay chưa đâu ra đâu cả!

Trong Đảng ta, có một số người như thế. Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được. Những người như thế cũng không thể dùng vào công việc thực tế.

Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo *kiểm soát*.

Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi.

Song, muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín.

Kiểm soát cách thế nào ?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ.

Vì ba điều mà cần phải có kiểm soát như thế:

1. Có kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.
2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.
3. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Kiểm soát có hai cách: một cách là từ *trên xuống*. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình.

Một cách nữa là từ *dưới lên*. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên.

Còn ở trong Đảng, khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để.

Ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các uỷ ban, các hội đồng, v.v.; đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo.

2. Lãnh đạo thế nào ?

Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng.

Thế nào là liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng?

Bất kỳ việc gì, nếu không có chính sách chung, kêu gọi chung, không

thể động viên khắp quần chúng.

Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỹ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi khác, thì không thể biết chính sách của mình đúng hay sai. Cũng không thể làm cho nội dung của chính sách đó đầy đủ, thiết thực.

Thí dụ: việc chỉnh đốn Đảng. Ngoài những kế hoạch chung về việc đó, mỗi cơ quan hoặc mỗi bộ đội phải chọn vài ba bộ phận trong cơ quan hay bộ đội mình, nghiên cứu rõ ràng và xem xét kỹ lưỡng sự phát triển (công việc chỉnh đốn Đảng) trong những bộ phận đó.

Đồng thời, trong vài ba bộ phận đó, người lãnh đạo lại chọn năm, ba người cán bộ kiểu mẫu, nghiên cứu kỹ càng lịch sử của họ, kinh nghiệm, tư tưởng, tính nết của họ, sự học tập và công tác của họ.

Người lãnh đạo phải tự mình chỉ đạo những người phụ trách trong bộ phận đó, giúp họ giải quyết những vấn đề thực tế, để rút kinh nghiệm.

Những người phụ trách trong một cơ quan hoặc một bộ đội, cũng chọn vài ba bộ phận, rồi cũng làm theo cách đó.

Đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập.

Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận.

Mỗi cán bộ phụ trách cần phải làm theo cách này cho kỹ được.

Thế nào là liên hợp lãnh đạo với quần chúng ?

Bất kỳ việc gì (thí dụ việc chỉnh đốn Đảng), người lãnh đạo phải có một số người hăng hái làm *trung kiên* cho sự lãnh đạo. Nhóm trung kiên này phải mật thiết liên hợp với quần chúng, công việc mới thành.

Nếu chỉ có sự hăng hái của nhóm trung kiên, mà không liên hợp với sự hăng hái của quần chúng, nhóm trung kiên sẽ phải chạy suốt ngày mà không kết quả mấy.

Nếu chỉ có sự hăng hái của quần chúng mà không có sự hăng hái của nhóm trung kiên để tổ chức và dìu dắt, thì sự hăng hái của quần chúng sẽ không bền và không thể tiến tới.

Bất kỳ nơi nào có quần chúng, thì nhất định có ba hạng người: hạng hăng hái, hạng vừa vừa, và hạng kém. Mà trong ba hạng đó, hạng vừa vừa, hạng ở giữa, nhiều hơn hết, hạng hăng hái và hạng kém đều ít hơn.

Vì vậy, người lãnh đạo phải dùng hạng hăng hái làm trung kiên cho sự lãnh đạo, do trung kiên đó mà nâng cao hạng vừa vừa và kéo hạng kém tiến lên.

Nhóm trung kiên đó phải do công tác và tranh đấu trong đám quần chúng mà nảy nở ra, chứ không phải tự ngoài quần chúng, xa cách quần chúng mà có được.

Mỗi cuộc tranh đấu thường có ba giai đoạn, ba bước: bước đầu, bước giữa và bước cuối cùng. Nhóm trung kiên lãnh đạo trong mỗi cuộc tranh đấu, không có thể mà cũng không nên luôn luôn y nguyên như cũ. Trong mỗi giai đoạn, cần phải luôn luôn cất nhắc những người hăng hái trong giai đoạn đó, để thay thế cho những người cũ bị đào thải hoặc vì tài không xứng chức, hoặc hủ hoá.

Những nơi công việc không chạy đều vì không có nhóm lãnh đạo mật thiết liên hợp với quần chúng. Thí dụ: trong một trường học, nếu không có một nhóm thầy giáo, chức viên và học sinh hăng hái nhất trong trường, từ mười người đến vài mươi người, đoàn kết thành nhóm trung kiên lãnh đạo, thì công việc của trường đó nhất định uể oải.

Vì vậy, bất kỳ cơ quan nào, bộ đội nào, cũng cần phải chọn một nhóm người hăng hái, trung thành, có năng lực, giữ kỷ luật, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

*

* *

Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải *từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng*.

Nghĩa là gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại, coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến của quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành.

Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng mực hơn, hoạt bát hơn, đầy đủ hơn lần trước.

Đó là cách lãnh đạo cực kỳ tốt.

Vì không biết đoàn kết những phần tử hăng hái, tổ chức họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo, hoặc vì không biết làm cho trung kiên đó mật thiết liên hợp với quần chúng, cho nên sự lãnh đạo xa rời quần chúng mà sinh ra bệnh quan liêu.

Vì không biết gom góp ý kiến của quần chúng, kinh nghiệm của quần chúng, cho nên ý kiến của những người lãnh đạo thành ra lý luận suông, không hợp với thực tế.

Vì không biết liên hợp chính sách chung với sự thiết thực chỉ đạo riêng (như mục 2 đã nói), cho nên chính sách không có kết quả, mà sự lãnh đạo cũng hoá ra quan liêu.

Vì vậy, trong công việc chỉnh đốn Đảng, cũng như trong mọi công việc khác, quyết phải thực hành cách liên hợp sự lãnh đạo với quần chúng và liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng.

Phải dùng cách "từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng".

Gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong sự chỉ đạo từng bộ phận, đem làm ý kiến chung. Rồi lại đem ý kiến chung đó để thí nghiệm trong các bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới, đúc thành chỉ thị mới. Cứ như thế mãi.

Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo.

*

* *

Bất kỳ công tác gì, chiến tranh, sản xuất, giáo dục, kiểm soát, v.v., cơ quan lãnh đạo cấp trên cần phải kinh qua những người phụ trách chung của cơ quan lãnh đạo cấp dưới, mỗi khi có việc gì liên quan đến một ngành hoạt động nào đó thuộc cấp dưới. Có như thế, mới đạt được mục đích phân công mà thống nhất.

Không nên một bộ phận nào đó thuộc cấp trên chỉ tìm thẳng dọc xuống bộ phận cùng loại thuộc những cơ quan cấp dưới (như ban tổ chức cấp trên chỉ tìm ban tổ chức cấp dưới, ban tuyên truyền cấp trên chỉ tìm ban tuyên truyền cấp dưới, v.v.), để liên lạc chỉ đạo theo hệ thống dọc, thành thử người phụ trách chung thuộc cơ quan cấp dưới, như thư ký, chủ tịch, chủ nhiệm, v.v., không biết đến, hoặc không phụ trách.

Phải cho cả người phụ trách chung và những người phụ trách bộ phận

cấp dưới đều biết, đều phụ trách.

Một việc gì do người phụ trách chỉ huy, thì nhiều cán bộ hoặc tất cả cán bộ đều ra làm. Như thế tránh được cái tệ cán bộ không phụ trách, mà mọi người đều thành ra cán bộ cho công tác đó.

Đó cũng là một cách: người lãnh đạo liên hợp với quần chúng. Thí dụ: việc kiểm soát cán bộ trong một trường học. Nếu người lãnh đạo động viên số đông hoặc tất cả nhân viên và học sinh trong trường tham gia công việc kiểm soát, mà nhân viên trong ban kiểm tra cấp trên biết chỉ đạo đúng, theo cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", thì việc kiểm soát nhất định kết quả tốt.

Bất kỳ địa phương nào, cơ quan nào, thường trong một lúc có nhiều công việc trọng yếu. Trong một thời gian đó, lại có một việc trọng yếu nhất và vài ba việc trọng yếu vừa. Người lãnh đạo trong địa phương hoặc cơ quan đó phải xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gặp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là *việc chính*, lộn xộn, không có ngăn nắp.

Đối với mỗi địa phương, mỗi cơ quan, người lãnh đạo cấp trên cần phải xét cho rõ tình hình, hoàn cảnh, và điều kiện cả địa phương hoặc cơ quan đó, mà quyết định việc gì là *việc chính* của thời kỳ nào. Khi đã quyết định, thì phải thực hành triệt để, cho đạt kết quả đã định.

Đó cũng là cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", chính sách chung liên hợp với chỉ đạo riêng.

Trên đây là những nguyên tắc lớn trong việc lãnh đạo.

Những cán bộ phụ trách phải theo nguyên tắc đó, đường lối đó mà làm. Đồng thời phải ra sức suy nghĩ, tìm tòi, để tăng thêm sáng kiến của mình.

Công việc càng gay go thì sự lãnh đạo càng phải liên hợp chặt chẽ với quần chúng, càng phải liên hợp chặt chẽ chính sách chung với chỉ đạo riêng, để phá tan cách lãnh đạo lơ mờ, quan liêu, chủ quan, bàn giấy.

3. Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng

Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng.

Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng.

Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe

theo nguyện vọng của dân chúng.

Mà muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải khiêm tốn, phải chịu khó. Nếu không vậy, thì dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết, họ cũng không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời.

Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên.

Làm việc với dân chúng có hai cách:

1. Làm việc theo cách quan liêu. Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo.

Có nhiều cán bộ theo cách đó. Họ còn tự đắc rằng: làm như thế, họ vẫn "làm tròn nhiệm vụ", làm được mau, lại không rầy rà.

Họ quên rằng: Đảng ta và Chính phủ ta làm việc là làm cho dân chúng. Việc gì, cũng vì lợi ích của dân mà làm. Làm theo cách quan liêu đó, thì dân oán. Dân oán, dù tạm thời may có chút thành công, nhưng về mặt chính trị là thất bại.

2. Làm theo cách quần chúng. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm.

Như thế hơi phiền một chút, phiền cho những người biếng học hỏi và giải thích. Nhưng việc gì cũng nhất định thành công.

Có người nói rằng: mọi việc họ đều phụ trách trước Đảng, trước Chính phủ. Thế là đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Họ phụ trách trước Đảng và Chính phủ, đồng thời họ phải phụ trách trước nhân dân. Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc, và cũng phụ trách trước nhân dân. Vì vậy nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân, tức là không phụ trách trước Đảng và Chính phủ, tức là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ.

Nếu trong những chính sách, những chỉ thị, những khẩu hiệu của cấp trên, có gì khuyết điểm, cán bộ phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân mà đề nghị những chỗ nên sửa đổi. Không làm như vậy, tức là cán bộ không phụ trách trước nhân dân, mà cũng không phụ trách trước Đảng và Chính phủ.

Việc gì cũng bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân. Thế là phụ trách trước nhân dân.

Trái lại việc gì cũng dùng cách quan liêu, cũng chỉ ra mệnh lệnh, thế là không phụ trách trước nhân dân. Thế là đem hai chữ "mệnh lệnh" làm thành một bức tường để tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân, tách rời lợi ích của nhân dân với chính sách của Đảng và Chính phủ.

Có nhiều cán bộ không bàn bạc, không giải thích với dân chúng, không để cho dân chúng phát biểu ý kiến, giải quyết các vấn đề, chỉ bắt buộc dân chúng làm theo mệnh lệnh. Thậm chí khi dân chúng đề ra ý kiến và nêu rõ vấn đề, họ cũng tìm cách dìm đi. Họ chỉ làm theo ý kiến của họ. Kết quả làm cho dân chúng nghi ngờ, uất ức, bất mãn.

Làm cách đó, thì dù việc đó có lợi cho dân chúng, nhưng một là vì không có ý kiến và lực lượng của dân chúng giúp đỡ nên làm không đến nơi đến chốn. Hai là vì dân chúng bị miễn cưỡng, nên không vui lòng. Ba là vì dân chúng không hiểu rõ, nên việc đó không được lâu dài, bền vững.

Vì vậy, việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc, và giải thích cho dân chúng.

Có người thường cho dân là dốt không biết gì, mình là thông thái tài giỏi. Vì vậy, họ không thèm học hỏi dân chúng, không thèm bàn bạc với dân chúng.

Đó là một sự sai lầm nguy hiểm lắm. Ai có sai lầm đó, phải mau mau sửa đổi. Nếu không sẽ luôn luôn thất bại.

Chúng ta phải biết rằng: lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng.

Kinh nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra.

Kinh nghiệm các địa phương cho biết: nơi nào công việc kém, là vì cán bộ cách xa dân chúng, không cùng dân chúng bàn bạc, không giải thích. Nơi kha khá, là vì cán bộ biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc, nhưng chưa hoàn toàn. Nơi nào khá lắm là vì việc gì to nhỏ, cán bộ cũng biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc đến nơi đến chốn, dựa vào dân chúng.

Muốn dân chúng thành thật bày tỏ ý kiến, cán bộ phải thành tâm, phải chịu khó, phải khéo khơi cho họ nói. Do ý kiến và đề nghị lẻ tẻ của dân chúng, ta phải khéo gom góp lại, sắp đặt lại cho có ngăn nắp, thứ tự rồi cùng dân chúng ra sức thi hành. Như vậy, vừa nâng cao trình độ của dân chúng,

mà cũng nâng cao kinh nghiệm của mình.

Đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay *so sánh*.

Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ phận. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau, họ thấy mỗi mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết.

Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng, là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy.

Vì sự so sánh kỹ càng đó, mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình.

Đối với cán bộ cũng vậy. Cán bộ nào tốt, cán bộ nào xấu, cán bộ nào có lầm lỗi mà có thể sửa đổi, ai làm việc gì hay, việc gì quấy, dân chúng cũng do cách so sánh đó, mà họ biết rõ ràng.

Vì vậy, để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng. Đồng thời, do sự dùi mài của dân chúng, cán bộ và dân chúng đều tiến bộ, lại do đó, cán bộ và dân chúng đoàn kết chặt chẽ thêm.

Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu.

Tuy vậy, khi đem vấn đề ra bàn trước dân chúng, họ đem các ý kiến khác nhau *so sánh*. So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành. Ý kiến đó, lại bị họ so sánh tỉ mỉ từng đoạn, họ thêm điểm hay vào, bỏ điểm dở đi. Ý kiến đó trở nên ý kiến đầy đủ, thiết thực.

Sau khi bàn bạc, so sánh, thêm thắt, thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công. Làm không kịp ý kiến đó, là đầu cơ, nhút nhát. Làm quá ý kiến đó là mạo hiểm, hẹp hòi, "tả".

Có nhiều cách hỏi ý kiến dân chúng. Nói chuyện với từng người. Nói chuyện với đông người. Khai hội, nói chuyện với tầng lớp này, nói chuyện với tầng lớp khác, với mọi tầng lớp.

Nếu ta chịu khó, chịu suy nghĩ, bất kỳ nói chuyện với ai cũng có ích cho tư tưởng của ta.

Cố nhiên, không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo.

Người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh. Nghĩa là đem các ý kiến khác nhau để so sánh kỹ, phân tích kỹ các nội dung của các tầng lớp xã hội có cái ý kiến đó. Tìm ra mối mâu thuẫn trong những ý kiến khác nhau đó. Xem rõ cái nào đúng, cái nào sai. Chọn lấy ý kiến đúng, đưa ra cho dân chúng bàn bạc, lựa chọn lại, để nâng cao dần dần sự giác ngộ của dân chúng.

Thế gọi là: *Tập trung ý kiến, ra sức thi hành.*

So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có *khoa học*. Mỗi công việc, chúng ta đều phải làm như thế. Làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm.

Nghĩa là: nói chuyện và bàn bạc với cán bộ như thế cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần chúng. Nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần chúng cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với nhân dân. Đó là một vấn đề rất trọng yếu cho cách làm việc của Đảng.

Từ trước đến nay, nhiều nơi công việc không chạy, chính vì cán bộ không thực hành theo nguyên tắc đó. Nếu không làm theo nguyên tắc đó, thì dù chính sách hay trăm phần trăm, cũng hoá ra vô dụng.

Chúng ta phải kiên quyết bỏ sạch lối quan liêu, lối chật hẹp, lối mệnh lệnh. Chúng ta phải kiên quyết thực hành theo nguyên tắc sau đây:

1. Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng.

2. Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta.

3. Chớ khư khư giữ theo "sáo cũ". Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra tranh đấu.

4. Chúng ta *tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng*. Nhưng phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hoá nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hoá nó thành cách chỉ đạo nhân dân.

5. "Phải đưa chính trị vào giữa dân gian". Trước kia, việc gì cũng từ "trên dội xuống". Từ nay việc gì cũng phải từ "dưới nhol lên".

Làm như thế, chính sách, cán bộ và nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng.

Bản sao lưu trữ

VI

CHỐNG THÓI BA HOA

1. Thói ba hoa là gì?

Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. Vì thói này cũng hại như hai bệnh kia. Vì ba thứ đó thường đi với nhau. Vì thói ba hoa còn, tức là bệnh chủ quan và bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

Thói ba hoa từ đâu ra?

Vì chúng ta trước kia học chữ Hán, sau này học chữ Pháp, cho nên khi nói khi viết, hay dùng chữ Hán và theo cách Pháp. Thành thử dài dòng mà khó hiểu, khó nghe. Lại cũng vì chủ quan và hẹp hòi.

Thói ba hoa tỏ ra nhiều vẻ.

a) *Dài dòng, rộng tuếch* - Nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này qua trang khác. Nhưng không có ích cho người xem. Chỉ làm tốn giấy tốn mực, mất công người xem. Khác nào vải băng bó mụn lở, đã thối lại dài.

Viết làm gì dài dòng và rộng tuếch như thế? Chỉ có một cách trả lời: là quyết không muốn cho quần chúng xem. Vì đã dài lại rộng, quần chúng trông thấy đã lác đầu, ai còn dám xem nữa? Kết quả chỉ để cho những ai vô công rồi nghề xem, và người xem cũng mắc phải thói xấu như người viết.

Trong lúc kháng chiến này, chiến sĩ trước mặt trận phải đánh giặc, đồng bào ở hậu phương phải tăng gia sản xuất. Ai có thời giờ đâu mà xem những bài dài quá.

Viết dài mà rộng, thì không tốt. Viết ngắn mà rộng, cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rộng tuếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rộng lại dài.

Thế những sách lý luận, hoặc cuốn sách này chẳng hạn không phải dài sao?

Phải. Nó dài, nhưng mỗi câu, mỗi chữ có một ý nghĩa, có một mục đích,

không phải rỗng tuếch.

Tục ngữ nói: "Đo bò làm chuông, đo người may áo". Bất kỳ làm việc gì cũng phải có chừng mực. Viết và nói cũng vậy. Chúng ta chống là chống nói dài, viết rỗng. Chứ không phải nhất thiết cái gì cũng phải ngắn mới tốt.

Viết và nói cố nhiên phải vắn tắt. Song trước hết phải có *nội dung*. Phải chữa cho hết bệnh nói dài, viết rỗng.

b) Có thói "*câu kỳ*" - Trên các báo, sách, bức tường, thường có những bức vẽ, những khẩu hiệu, nhiều người xem không ra, đọc không được.

Họ cho thế là "mỹ thuật". Kỳ thực, họ viết, họ vẽ, để họ xem thôi.

Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi: Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem.

Nhiều người tưởng: mình viết gì, nói gì, người khác cũng đều hiểu được cả. Thật ra, hoàn toàn không như thế. Dùng cả đoạn chữ Hán, dùng từng đống danh từ lạ, nói hoặc viết theo cách Tây, mỗi câu dài dằng dặc, thì quần chúng hiểu sao được?

Tục ngữ nói "gậy đòn tai trâu" là có ý chế người nghe không hiểu. Song những người tuyên truyền mà viết và nói khó hiểu, thì chính người đó là "trâu".

Muốn làm bạn, phải hiểu nhau. Nếu không hiểu nhau, không thành bạn. Người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gặp sao nói vậy, bạ gì viết nấy, nhất định thất bại.

c) *Khô khan, lúng túng* - Nói đi nói lại, cũng chẳng qua kéo ra những chữ "tích cực, tiêu cực, khách quan, chủ quan", và một xóc danh từ học thuộc lòng. Thậm chí những danh từ đó dùng cũng không đúng. Chỉ làm cho quần chúng chán và ngủ gật.

Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng.

Tục ngữ có câu: "*Học ăn, học nói, học gói, học mở*". Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói, khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực.

Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là

tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng có mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta.

Có nhiều người có bệnh "dùng chữ Hán", những tiếng ta sẵn có không dùng mà dùng chữ Hán cho bằng được. Thí dụ: ba tháng không nói ba tháng mà nói "tam cá nguyệt". Xem xét, không nói xem xét mà nói "quan sát", v.v..

Nhưng sẽ "tả" quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta, ai cũng hiểu, mà cố ý không dùng. Thí dụ: Độc lập mà nói "đứng một", du kích thì nói "đánh chơi". Thế cũng là tếu.

Chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu.

Chẳng những các người phụ trách tuyên truyền, những người viết báo, viết sách, những người nghệ sĩ là người tuyên truyền, mà tất cả cán bộ, tất cả đảng viên, hễ những người có tiếp xúc với dân chúng đều là người tuyên truyền của Đảng. Vì vậy, ai cũng phải học nói nhất là học nói cho quần chúng hiểu.

Nhiều người, trước khi nói không sắp sửa kỹ càng. Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói. Hoặc lặp đi lặp lại cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên. Nói nữa thì chán tai.

d) *Báo cáo lông bông* - Một là báo cáo *giả dối*. Thành công ít, thì suýt ra nhiều. Còn khuyết điểm thì giấu đi, không nói đến. Thành thử cấp trên không hiểu rõ tình hình mà đặt chính sách cho đúng. Hoặc báo cáo *chậm trễ*. Thành thử khi cấp trên nhận được báo cáo, thì việc đã trễ rồi, không đối phó kịp.

Hai là trong báo cáo chỉ thấy 1, 2, 3, 4 hoặc a, b, c, v.v.. Không nêu rõ vấn đề ra. Không phân tách, không đề nghị cách giải quyết các vấn đề. Không nói rõ tán thành hoặc phản đối.

Sao gọi là vấn đề ? Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết.

Gặp mỗi vấn đề, đều phải kinh qua ba bước: đề nó ra, phân tách nó (điều tra, nghiên cứu, sắp đặt), giải quyết nó.

Khi viết một bài hoặc khi diễn thuyết cho khỏi rỗng tuếch, cũng phải như thế.

đ) *Lục chup cầu thả* - Những tệ kể trên, một phần vì thiếu kinh nghiệm, mà một phần vì tính lục chup, cầu thả.

Một thí dụ rất rõ ràng: mỗi ngày, chúng ta ai cũng rửa mặt. Rửa mặt rồi, thì chải đầu. Nhiều người chải đầu rồi, còn soi gương xem đã sạch, đã mượt chưa. Nếu viết bài và diễn thuyết cũng cần thận như thế thì chắc không đến nỗi có nhiều khuyết điểm.

Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết.

Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn.

Khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo, hoặc thảo một bài diễn văn, nhất định phải đọc lại vài lần. Mình tự phê bình bài của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác. Những câu, những chữ thừa, vô ích bỏ đi.

Rửa mặt phải kỳ xát vài ba lần mới sạch. Viết văn, diễn thuyết cũng phải như vậy.

e) *Bệnh theo "sáo cũ"* - Chẳng những viết, nói, có thói ba hoa, mà huấn luyện, khai hội cũng mắc chứng đó.

Mở lớp huấn luyện là một việc rất tốt, rất cần. Nhưng phải hiểu rằng: *học cốt để mà làm*. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích.

Vì vậy huấn luyện phải *thiết thực*, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay. Nhiều đồng chí ta không hiểu cái lẽ rất giản đơn đó. Cho nên họ đã đưa "thặng dư giá trị" nhồi sọ cho thanh niên và phụ nữ nông dân. Họ đã đưa "tân dân chủ chủ nghĩa" nhồi sọ các em nhi đồng. Họ đã đưa "biện chứng pháp" nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ.

Chỉ trong một cuộc *khai hội* ở địa phương, chúng ta đã có thể thấy rất nhiều khuyết điểm.

1. *Kém chuẩn bị* - Đảng viên đến chỗ khai hội rồi, mà cũng chưa biết vì việc gì mà khai hội. Đến khi chủ tịch mời mọi người phát biểu ý kiến thì quần chúng ai có sẵn ý kiến mà phát biểu ?

2. *Nói mênh mông* - Thường thường đại biểu cấp trên đến khai hội với cấp dưới, trong lúc khai hội, chỉ một mình "ông" đại biểu, hay "bà" đại biểu nói, nói hàng hai, ba giờ đồng hồ. Nói mênh mông trời đất. Nói gì cũng có. Nhưng chỉ chừa một điều không nói đến là những việc thiết thực cho địa phương đó, những việc mà dân chúng ở đó cần biết, cần hiểu, cần làm, thì không nói đến!

3. *Không đúng giờ* - Hẹn khai hội tám giờ thì chín, mười giờ mới đến. Làm mất thời giờ của những người khác. Họ không hiểu rằng: giữ đúng thời

giờ là một tính tốt của người cách mạng, nhất là trong lúc kháng chiến này.

4. *Giữ nếp cũ* - Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, cũng khu khu giữ theo nếp cũ:

1. Tình hình thế giới.
2. Tình hình Đông Dương.
3. Báo cáo công tác.
4. Thảo luận.
5. Phê bình.
6. Giải tán.

Hiểu biết tình hình thế giới và trong nước, cố nhiên là việc hay, việc cần. Nhưng khổ thay! Nếu có đại biểu cấp cao đến, thì ông ấy kéo hàng giờ nào kế hoạch Mácsan, nào xứ Paragoay, nào gì gì, mà bà con không hiểu chi hết! Nếu chỉ cán bộ cấp xã, thì biết đâu tình hình thế giới mà nói. Thế mà điểm thứ nhất cứ phải là "tình hình thế giới".

Kết quả là việc thiết thực, việc đáng làm thì không bàn đến.

g) *Nói không ai hiểu* - Đảng thường kêu gọi khoa học hoá, dân tộc hoá, đại chúng hoá. Khẩu hiệu đó rất đúng. Tiếc vì nhiều cán bộ và đảng viên, có "hoá" gì đâu! Vẫn cứ chúng cũ, nếp cũ đó. Thậm chí, miệng càng hô "đại chúng hoá", mà trong lúc thực hành thì lại "tiểu chúng hoá". Vì những lời các ông ấy nói, những bài các ông ấy viết, đại chúng không xem được, không hiểu được. Vì họ không học quần chúng, không hiểu quần chúng.

Nhiều tờ truyền đơn, nhiều bản nghị quyết, nhiều khẩu hiệu của Đảng, mục đích và ý nghĩa rất đúng. Nhưng viết một cách cao xa, mầu mè, đến nỗi chẳng những quần chúng không hiểu, mà cả cán bộ cũng không hiểu.

Thí dụ: vừa rồi đây, đi đến đâu cũng thấy dán những khẩu hiệu:

"Chống cô độc"

"Chống chủ quan"

"Chống địa phương".

Nhưng khi hỏi kỹ, thì hơn chín phần mười cán bộ cấp dưới không hiểu gì hết. Họ nói: cấp trên bảo dán cứ phải dán, chứ thật ra chúng tôi không hiểu. Thậm chí có người luôn miệng đọc là "chống quan địa phương".

Than ôi! Khẩu hiệu cách mạng của Đảng mà hoá ra lá bùa của thầy cúng. Lỗi đó tự ai? Thế mà bảo "đại chúng hoá", "dân tộc hoá" thì hoá cái gì?

Mỗi khẩu hiệu của Đảng phải là cái ý nguyện và mục đích của hàng ức đảng viên và của hàng triệu dân chúng. Mà muốn như thế, phải làm

cho dân chúng đều hiểu, phải học cách nói của dân chúng. Nếu không hàng vạn khẩu hiệu cũng vô ích.

h) *Bệnh hay nói chữ* - Tiếng ta có thì không dùng, mà cứ ham dùng chữ Hán. Dùng đúng, đã là một cái hại, vì quần chúng không hiểu. Nhiều người biết không rõ, dùng không đúng, mà cũng ham dùng, cái hại lại càng to.

Thí dụ: Pháp và Việt gian bắt buộc đồng bào đi biểu tình, mà một tờ báo nọ của đoàn thể viết là những "cuộc biểu tình tự động". Dùng quân đội quét một vùng, tiếng Trung Quốc gọi là *tảo đăng*, mà một tờ báo của đoàn thể viết là "*tảo đảm*". Lại có tờ viết là "*tảo đảng*"!

Tục ngữ nói: "*xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ*". Cái bệnh nói chữ đó đã lây ra, đã làm hại đến quần chúng. Vì vậy, có người đã nói:

"Chúng tôi xin *thông phong*" (xung phong).

"Các đồng chí phải luyện ái nhau" (thân ái nhau), v.v.. Trong một cuộc khai hội phụ nữ, có chị cán bộ nọ lên nói: "Thưa chị em, tôi xin *bá cáo* kính *nguyệt* của tôi trong tháng này".

Không, đó không phải là những chuyện cười, đó là những chuyện thật. Những chuyện thật đáng đau lòng, do bệnh hay nói chữ sinh ra hoặc do bệnh dốt sinh ra.

2. Cách chữa thói ba hoa.

Trên đây đã kể qua những chứng ba hoa. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ đều phải ra sức sửa chữa bệnh đó. Nếu không, sẽ có hại to cho công việc của Đảng.

Sau đây là liều thuốc chữa thói ba hoa. Mọi người phải hiểu, phải nhớ, phải thực hành:

1. Phải học cách nói của quần chúng. Chớ nói như cách giảng sách.

Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

2. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

3. Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: "Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe"?

4. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

5. Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận. Phải nhớ

câu tục ngữ: "Chó ba quanh mới nằm. Người ba năm mới nói".

Sau khi viết rồi, phải xem đi xem lại ba, bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng, phải xem đi xem lại chín, mười lần.

Làm được như thế - đảng viên và cán bộ ta quyết phải làm như thế - thì thối ba hoa sẽ bớt dần dần cho đến khi hoàn toàn hết sạch mà công việc của Đảng, tư cách của cán bộ và đảng viên sẽ do đó mà tăng thêm.

Tháng 10 năm 1947

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t.5, tr.229-306.

Bản sao lưu trữ

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Nhân dân ta thường nói: đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đó là một lời khen chân thành đối với đảng viên và cán bộ chúng ta.

Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang.

Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác.

Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình".

Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính

sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do *cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Đó là một cách thiết thực để kỷ niệm ngày thành lập Đảng ta, Đảng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân anh hùng của chúng ta. Đó cũng là một việc làm cần thiết để giúp tất cả cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn nữa cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

T.L.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t.12, tr.438-439.

**BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN
NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG "NÂNG CAO TINH THẦN
TRÁCH NHIỆM, TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ
KINH TẾ TÀI CHÍNH, CẢI TIẾN KỸ THUẬT,
CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU"**

Các đồng chí,

Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị điều kiện tốt cho những kế hoạch sau, để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, Đảng và Chính phủ đã quyết định bắt đầu tiến hành hai cuộc vận động lớn:

Một là cuộc vận động "Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu". Gọi tắt là "3 xây, 3 chống".

Hai là cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

Hai cuộc vận động này liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Có thể ví hai cuộc vận động như hai bánh xe vững chắc, nó góp phần rất đắc lực vào việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hôm nay, chúng ta chỉ nói chuyện về cuộc vận động "3 xây, 3 chống".

Mục đích và yêu cầu của cuộc vận động này là gì? Tổ chức thế nào, chỉ đạo thế nào, tiến hành thế nào cho có kết quả tốt? Những điều đó đã ghi rõ trong *Nghị quyết* của Bộ Chính trị. Ở đây, tôi chỉ tóm tắt nhấn mạnh mấy điểm.

Từ ngày hoà bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, với sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng của nhân dân và sự giúp đỡ tận tình của các nước anh em, chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi trong công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nhận rõ những thắng lợi đó.

Chắc rằng thắng lợi còn nhiều hơn nữa và to hơn nữa, nếu mỗi người

cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta có ý thức trách nhiệm cao hơn; nếu chúng ta quản lý kinh tế tài chính khéo hơn; nếu chúng ta biết cải tiến kỹ thuật tốt hơn.

Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rõ những khuyết điểm và nhược điểm, để kiên quyết sửa chữa: như ý thức làm chủ nước nhà và tinh thần trách nhiệm còn kém. Chế độ và phương pháp quản lý kinh tế tài chính của chúng ta còn nhiều thiếu sót và lỏng lẻo. Kỷ luật lao động chưa được thật nghiêm túc, sử dụng lao động chưa được hợp lý. Khả năng thiết bị máy móc tuy có khá nhiều nhưng chưa được sử dụng đầy đủ.

Bởi những khuyết điểm đó, mà năng suất lao động bình quân tăng rất chậm, sản xuất phát triển chưa được mạnh mẽ, vững chắc và cân đối. Do đó mà đời sống vật chất của nhân dân chưa được cải thiện nhiều.

Mọi người biết rằng mức sống với sản xuất là như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao. Sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì đời sống mới được cải thiện, không có cách nào khác.

- Trong cuộc vận động này điểm 1 là: *nâng cao tinh thần trách nhiệm* là làm cho mọi người hiểu rõ mình có trách nhiệm cần kiệm xây dựng nước nhà. Mọi người có trách nhiệm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để Nhà nước có thể vừa tích lũy thêm tiền vốn xây dựng, vừa cải thiện đời sống của nhân dân. Mọi người còn có trách nhiệm lao động sản xuất sao cho xứng đáng với đồng bào miền Nam đang hy sinh xương máu, anh dũng chiến đấu chống chế độ phát xít Mỹ - Diệm.

- Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc.

Cho nên điểm 2 của cuộc vận động là: tăng cường và củng cố các việc quản lý: quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tiền bạc, v.v.. Phải tăng cường việc quản lý từ trung ương đến địa phương. Các xí nghiệp, công trường, nông trường... đều phải thực hiện việc quản lý một cách nghiêm chỉnh.

- Muốn phát triển sản xuất thì phải cải tiến kỹ thuật, nghĩa là: Phải biết học tập để nắm vững kỹ thuật, sử dụng đầy đủ công suất máy móc. Phải tìm tòi sáng kiến để tổ chức lao động cho hợp lý. Phải cải tiến phương tiện, máy móc làm việc để đạt năng suất cao, chất lượng tốt.

Muốn xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp, thì cần phải tiêu diệt những

thối hư, tật xấu của xã hội cũ còn sót lại. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Số đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta đều tận tụy và trong sạch. Cho nên chúng ta đã thu được những thành tích trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng trong hàng ngũ ta vẫn còn một số người không tốt. Họ tham ô và lãng phí của Nhà nước và của nhân dân.

Vì vậy, cuộc vận động này gồm có "3 xây", là xây những cái tốt nói trên và "3 chống" là chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- *Tham ô* là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân.

- *Lãng phí* tuy khác với tham ô ở chỗ người gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân. Lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì trong khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại là vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân.

- *Quan liêu* là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí.

"3 xây" và "3 chống" quan hệ chặt chẽ với nhau. Làm "3 chống" triệt để nhằm bảo đảm cho công việc "3 xây" thành công. "3 xây" phát triển mạnh mẽ thì đối tượng "3 chống" sẽ được xoá bỏ tận gốc.

Cuộc vận động này lấy *giáo dục làm chính*: khen ngợi những người tốt, việc tốt; khuyến khích những người có khuyết điểm tự giác tự động cố gắng sửa chữa để trở nên người tốt. Phải tiến hành khẩn trương, nhưng không nóng vội... Làm nơi nào phải thật tốt nơi ấy, để rút kinh nghiệm phổ biến cho nơi khác.

Để thực hiện tốt cuộc vận động, cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với phong trào thi đua yêu nước.
- Phải liên hệ chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Cán bộ (trước hết là cán bộ phụ trách), đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, xung phong, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình, có khuyết điểm thì quyết tâm sửa chữa.

- Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

- Đảng uỷ các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động. Thủ trưởng các ngành phải thật sự phụ trách cuộc vận động.

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phải hăng hái tham gia cuộc vận động với tinh thần phấn khởi và chí khí quyết thắng.

Đây là một cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó sẽ đưa lại sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần rất to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà thắng lợi. Vì vậy, Đảng đòi hỏi đảng uỷ các cấp, thủ trưởng các ngành và toàn thể anh chị em lao động chân tay cùng lao động trí óc phải có quyết tâm và nghị lực thực hiện cuộc vận động này thắng lợi hoàn toàn.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t. 11, tr. 108.

DI CHÚC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
Công bố năm 1969

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

*

* *

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*

* *

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

*

* *

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn

kết phần đầu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2000, t.12, tr.507-512.

Bản sao lưu trữ

Phần thứ hai

**NHỮNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO
CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG,
CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ**

Bản sao

"... Bác Hồ dạy: "Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải *siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng*."

Nếu không thực hành bốn điều đó, mà muốn được lòng dân, thì cũng như bắc dây leo trời"¹. Hiện nay trong hệ thống chính trị của ta có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao không làm được bốn điều dạy đó, mắc vào chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng. Họ đã gây thiệt hại về kinh tế, chiếm đoạt tài sản của nhân dân, xa rời nhân dân, gây phiền hà cho nhân dân, gây mất đoàn kết nội bộ, đặc biệt là làm giảm sút niềm tin của nhân dân. Đây thật sự là một nguy cơ đối với Đảng và Nhà nước ta. Cả hệ thống chính trị nói chung và mỗi cấp, mỗi ngành nói riêng cần có những giải pháp thiết thực, mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình và tạo điều kiện để nhân dân góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên, công chức; biểu dương những cán bộ, đảng viên, công chức tốt, gương mẫu, được nhân dân tín nhiệm; kiên quyết đấu tranh, xử lý kỷ luật và xét xử theo Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước những người mắc lỗi, phạm tội, bất kể họ là ai. Cán bộ, đảng viên, công chức phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, gương mẫu chấp hành kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, có trách nhiệm với gia đình trong việc thi hành luật pháp, thực hiện bằng được điều Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong Di chúc: "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"

(Nông Đức Mạnh: *Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 29-30).

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 208.

THỜI CUỘC HIỆN NAY VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG TA

(Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 18 tháng 6 năm 1992)

Thưa các đồng chí,

Trong năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 2 về kinh tế - xã hội đã đạt được những tiến bộ mới đáng kể. Quốc hội khoá VIII đã thông qua Hiến pháp năm 1992, khẳng định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Những tiến bộ đó cho thấy những khả năng phát triển mới, khẳng định rằng chúng ta chẳng những đứng vững được mà còn ở thế đi lên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi, đất nước vẫn còn đang đứng trước nhiều khó khăn, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

Để thích ứng với thời cuộc hiện nay, Đảng ta phải có những quyết sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, mà trọng tâm là *phát triển kinh tế*, chăm lo đời sống nhân dân; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; củng cố quốc phòng, an ninh; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và mối liên hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân, tạo ra sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí,

Trong năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại*, đẩy lùi thêm một bước chính sách bao vây, cô lập Việt Nam, góp phần bảo đảm cho đất nước đứng vững và tiếp tục phát triển.

Kết quả đó cho thấy công tác đối ngoại có vị trí ngày càng quan trọng, góp phần *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, yếu tố dân tộc với

yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995 mà Đại hội VII đề ra: "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

Chúng ta ra sức thực hiện nhiệm vụ giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, *bảo đảm lợi ích dân tộc, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.*

Lợi ích cao nhất của dân tộc ta mà cũng là của giai cấp công nhân hiện nay là nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc. Lợi ích đó phù hợp với lợi ích độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng điều quyết định thành công của công cuộc đổi mới là do sức mạnh của toàn dân ta, của con người, ý chí, trí tuệ và tiềm lực của đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng hiểu rằng trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào, dù phát triển đến đâu, cũng không thể tự khép kín được. Với điểm xuất phát rất thấp như nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng. Phải có chính sách khôn khéo, cách làm có hiệu quả để mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài nhằm khai thác tốt nhất tiềm lực và lợi thế bên trong.

Vì vậy, chúng ta chủ trương mở rộng, *đa dạng hoá và đa phương hoá* quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật; cả về đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp*

vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc. Mở rộng cửa để tiếp thu tốt vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, nhưng phải bảo đảm ổn định chính trị, an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

Trong khi mở rộng hoạt động đối ngoại, tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi để tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, chúng ta vẫn thực hiện nhất quán chủ trương đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết, với các lực lượng hoà bình tiến bộ khác trên thế giới, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì thắng lợi chung, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của nước ta.

Chúng ta xây dựng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực, tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài chung quanh nước ta, đáp ứng lợi ích của dân tộc ta và phù hợp với xu thế các nước tăng cường liên kết khu vực vì hoà bình và phát triển. Đồng thời, mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển, với các nước khác và các tổ chức quốc tế, như Đại hội VII đã tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, của các địa bàn trọng điểm, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về kinh tế và chính trị của cả nước. Gắn mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tiếp tục đổi mới hệ thống quản lý kinh tế, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Điều rất quan trọng là phải quản lý tốt, chống khuynh hướng vô tổ chức, vô kỷ luật, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật, phù hợp với những tiêu chuẩn, thông lệ, tập quán chung của thị trường thế giới.

Trong tổ chức thực hiện, phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước đối với công tác đối ngoại, kết hợp chặt chẽ các lĩnh vực hoạt động từ đối ngoại về mặt nhà nước, đối ngoại về đảng đến đối

ngoại nhân dân; kết hợp chặt chẽ đối ngoại và quốc phòng, an ninh. Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao và kinh tế đối ngoại vững vàng về chính trị, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có phẩm chất, đạo đức trong sạch và có kiến thức, thành thạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Thưa các đồng chí,

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Nhận thức này cần được quán triệt sâu sắc hơn nữa trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Mấy năm qua, các thế lực thù địch đã không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá đối với nước ta. Song, mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng đều bị nhân dân ta đánh bại. Điều đó là do toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có nhiều cố gắng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, áp dụng những biện pháp chủ động và có hiệu quả.

Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của nhân dân ta trong những năm tới là: trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, đề cao cảnh giác, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Để chấp hành tốt nhiệm vụ đó, phải ra sức phát triển kinh tế, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, làm lành mạnh môi trường xã hội, tạo cơ sở nâng cao sức mạnh về quốc phòng, an ninh. Phải coi củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước; trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân, là những lực lượng nòng cốt. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân.

Cùng với việc từng bước củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ

trang. Nâng cao chất lượng quân đội và công an, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống. Chăm lo đời sống cán bộ và chiến sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; củng cố và tăng cường quan hệ quân dân; rèn luyện phẩm chất, đạo đức; ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

Trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay, do yêu cầu của công cuộc đổi mới đang được triển khai toàn diện, đồng bộ và đi vào chiều sâu, *công tác xây dựng Đảng* đang nổi lên như một nhiệm vụ quan trọng nhất.

Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn gắn bó với nhân dân; số đông cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Nhờ đó Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, đưa cách mạng nước ta không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, chúng ta cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng: một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị; một số ít có những khuynh hướng tư tưởng chính trị lệch lạc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng, đặc biệt phạm vào tệ tham nhũng. Một số do nhận thức chậm hoặc còn bảo thủ nên chưa quyết tâm đổi mới. Công tác cán bộ vẫn trì trệ kéo dài, nhất là chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo một cách chủ động, bảo đảm tính liên tục và kế thừa. Nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm ở nhiều nơi.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị đang còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Đồng thời lại có thêm những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường. Từ nhận thức, quan điểm, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất đến tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên, chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng trong các loại tổ chức khác nhau, v.v. đều là những vấn đề đang đặt ra cho công tác xây dựng Đảng phải xem xét, xử lý đúng đắn.

Trong khi đó thì sự lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, từ trung ương đến cấp uỷ các cấp, chưa được quan tâm đầy đủ. Việc tổng kết kinh nghiệm

xây dựng Đảng chưa được coi trọng, chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng trong giai đoạn mới, nhất là từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, dân chủ hoá đời sống xã hội.

Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức sâu sắc và đặt đúng vị trí công tác xây dựng Đảng trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Trước hết, sự vững mạnh của Đảng ta bắt nguồn từ *đường lối chính trị* đúng đắn. Thực hiện đường lối đó, những thành tựu hiển nhiên của công cuộc đổi mới mấy năm qua đã góp phần ổn định tư tưởng trong Đảng và nhân dân, củng cố một bước niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy lùi một phần những khuynh hướng chính trị tư tưởng sai lầm.

Trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, thì đổi mới kinh tế là lĩnh vực khó khăn, phức tạp nhất. Chúng ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Điều đó là hoàn toàn cần thiết, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, nhằm giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, phải chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí và sức khoẻ của nhân dân.

Phải đổi mới và chỉnh đốn Đảng để bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân về mọi mặt; xây dựng và kiện toàn Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, tạo cơ sở để vừa khai thác được mặt tích cực, vừa hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đưa công cuộc đổi mới tiến lên vững chắc.

Nhiệm vụ chủ yếu của *công tác tư tưởng* lúc này là làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc các quan điểm và đường lối đổi mới, thể hiện ở cương lĩnh, chiến lược kinh tế - xã hội và các nghị quyết hội nghị Trung ương. Một mặt, phải đấu tranh tiếp tục khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ, kỳ thị kinh tế hàng hoá và cơ chế thị trường; mặt khác, phải đấu tranh chống những khuynh hướng xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các văn kiện Đại hội VII đã phác hoạ những nét chủ yếu về mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi đến mục tiêu ấy. Song, còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đang được đặt ra, đòi hỏi phải làm rõ hơn. Ngay từ bây giờ, cần triển khai việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để đến hội

ng nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có thể cụ thể hoá thêm một bước những luận điểm trong cương lĩnh, và đến Đại hội VIII sẽ lại phát triển hơn nữa.

Đảng phải vững về chính trị tư tưởng, đồng thời phải mạnh về tổ chức, kết hợp một cách hữu cơ sức mạnh tư tưởng, tinh thần với sức mạnh về tổ chức.

Tập trung dân chủ luôn luôn là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, chỉ đạo các mối quan hệ trong tổ chức, trong sinh hoạt và trong hoạt động của Đảng. Nguyên tắc đó vừa bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động của từng người, từng cơ sở, địa phương, vừa gắn bó chặt chẽ toàn Đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Trước tình hình phức tạp và nhiệm vụ cách mạng to lớn hiện nay, tăng cường tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là vấn đề nổi lên hàng đầu.

Trong thời gian qua, bên cạnh tệ quan liêu, độc đoán, mất dân chủ, những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện, vi phạm Điều lệ Đảng, coi thường pháp luật Nhà nước đã diễn ra ở nhiều đảng bộ, nhiều cán bộ, đảng viên. Trong bước đầu đổi mới, cơ chế, chính sách còn những thiếu sót, chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ. Trách nhiệm của chúng ta là phải phát hiện những thiếu sót đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh dần, nhất thiết không được lợi dụng những thiếu sót, sơ hở hoặc vin cơ năng động, sáng tạo để làm sai, mưu đồ lợi ích cá nhân, cục bộ, vi phạm pháp luật Nhà nước và kỷ luật Đảng.

Phải thiết lập trật tự, kỷ cương trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trước hết từ trong Đảng, vì bản thân Đảng có giữ được kỷ luật, kỷ cương thì mới có thể lãnh đạo việc lập lại trật tự, kỷ cương ngoài xã hội.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ giữa tăng cường tập trung, kỷ luật với mở rộng dân chủ nội bộ, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa cấp dưới và cấp trên, giữa địa phương với Trung ương, trong đó lợi ích chung phải đặt trên lợi ích riêng, lợi ích cục bộ phải phục tùng lợi ích toàn cục. Trong nguyên tắc đó, quan hệ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là vấn đề quan trọng nhằm tránh chủ quan, sai lầm của cá nhân khi quyết định, đồng thời khắc phục tình trạng vô trách nhiệm, ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể khi thực hiện.

Phải kiên quyết khắc phục tình trạng hủu khuynh, buông lỏng cuộc đấu tranh giữ vững các nguyên tắc tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè

phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất tư tưởng và tổ chức của Đảng... đều phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc.

Trong xây dựng Đảng, *vấn đề cán bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là khâu then chốt*. Phải đào tạo đồng bộ đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp, các lĩnh vực có đầy đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ to lớn và phức tạp hiện nay. Đặc biệt là cần làm tốt việc phát hiện, lựa chọn, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ở trung ương và các cấp, chẳng những cho trước mắt, cho Đại hội VIII, mà cả cho những thập niên tới.

Yêu cầu nghiêm khắc đặt ra đối với cán bộ lãnh đạo là phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước khó khăn thử thách, một lòng một dạ vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải có kiến thức, có năng lực tư duy sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, biết vận dụng đúng đắn những nguyên lý chung vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, biết kết hợp tính kiên định về nguyên tắc với sự khôn khéo, mềm dẻo trong sách lược. Cán bộ lãnh đạo phải có đạo đức cách mạng trong sáng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gần gũi nhân dân, có phong cách làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể, trung thực, thẳng thắn, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm, quy tụ và đoàn kết được mọi người.

Cần hình thành cơ chế phát hiện, tuyển lựa, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, trước hết là đối với cán bộ lãnh đạo, bảo đảm xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo vững vàng và tài năng, cho trước mắt và chuẩn bị những thế hệ kế tiếp; ngăn chặn được những phần tử cơ hội len lỏi vào các cơ quan lãnh đạo. Cơ chế đó phải bảo đảm tính tập thể trong việc đánh giá cán bộ, trong việc phát hiện, tuyển lựa những người ưu tú nảy nở từ phong trào quần chúng, từ hoạt động thực tiễn trên các lĩnh vực, với một quy trình dân chủ dựa vào nhân dân, vào đông đảo cán bộ, đảng viên mà nhận xét, bầu cử hoặc bổ nhiệm cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Hiện nay, số cán bộ hưu trí khá đông, cần động viên các đồng chí đó tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, cung cấp thông tin để các đồng chí thường xuyên tiếp cận với những vấn đề mới và giao việc thích hợp tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe từng người, đồng thời quan tâm chăm sóc đời sống của cán bộ hưu.

Cần quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho

cán bộ, đảng viên, khắc phục các căn bệnh quan liêu, độc đoán, gia trưởng, vụ lợi, tham nhũng, cục bộ, địa phương chủ nghĩa... Trong điều kiện đảng cầm quyền, lại thêm tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, và do ta thiếu những biện pháp có hiệu quả, nên nạn tham nhũng vẫn đang lan tràn, gây nhức nhối và bất bình trong toàn xã hội. Đảng ta phải lãnh đạo kiên quyết bài trừ tệ nạn đó cho bằng được. Song cần nhận rõ đại bộ phận cán bộ, đảng viên là tốt, giữ vững phẩm chất, sống giản dị và lành mạnh. Vì vậy, đấu tranh bài trừ tham nhũng là cần thiết, song phải tỉnh táo chống lại mọi âm mưu lợi dụng cuộc đấu tranh đó để bôi nhọ Đảng và chế độ ta, kích động quần chúng.

Để chống tham nhũng, *một mặt*, phải tăng cường quản lý nhà nước, tăng cường thanh tra và kiểm tra của các cơ quan chức năng và của nhân dân, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức, xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. *Mặt khác*, phải từng bước hoàn chỉnh cơ chế, chính sách và pháp luật nhằm bịt những kẽ hở dễ bị lợi dụng. Chủ trương cổ phần hoá một số xí nghiệp quốc doanh mà Hội nghị Trung ương 2 quyết định làm thí điểm là một giải pháp có thể giúp chống tham nhũng có hiệu quả. Theo hướng đó, cổ phần hoá, trong đó phần của Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối, sẽ khiến cho quyền làm chủ đối với xí nghiệp quốc doanh được cụ thể hơn; từ đó việc quản lý tài sản của các xí nghiệp đó chặt chẽ hơn, tạo điều kiện bài trừ tham nhũng ngay từ gốc. Cổ phần hoá các xí nghiệp quốc doanh chính là một hình thức thực hiện chính sách kinh tế mới của Lênin trong điều kiện hiện nay. Mong rằng trong các biện pháp chống tham nhũng, Trung ương quan tâm hơn nữa đến vấn đề này.

Phải chăm lo *xây dựng các tổ chức cơ sở đảng*, xác định rõ vai trò, chức năng lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng thụ động, trì trệ của nhiều cơ sở đảng hiện nay.

Cơ sở là cấp triển khai thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tổ chức cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm chắc và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên một cách tích cực, năng động và sáng tạo, với những hình thức, biện pháp, bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng cơ sở. Đồng thời, từ những hoạt động thực tiễn phong phú ở cơ sở mà tích lũy kinh nghiệm, góp phần bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mọi hoạt động của mình, tổ chức cơ sở đảng phải

chăm lo tới lợi ích của nhân dân ở địa phương, đơn vị, đồng thời phải xuất phát từ lợi ích toàn cục, của cả nước, không được cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Để tổ chức cơ sở đảng đủ sức đảm đương chức năng, nhiệm vụ nặng nề, các cấp uỷ đảng cấp trên phải hướng mạnh về cơ sở, nhất là đối với những cơ sở yếu kém, những cơ sở đảng ở các vùng xung yếu; chăm lo củng cố tổ chức cơ sở đảng, gắn với củng cố tổ chức chính quyền, các đoàn thể, tổ chức quản lý kinh tế.

Phải có biện pháp thiết thực *nâng cao chất lượng đảng viên* ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ; đồng thời, phải có quan niệm mới về chất lượng đảng viên phù hợp với tình hình và nhiệm vụ hiện nay. Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi đảng viên phải có nhiệt tình cách mạng cao, có ý chí phấn đấu bền bỉ khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng khuyến khích đảng viên lao động cần cù, sáng tạo, gương mẫu trong sản xuất kinh doanh, tuân theo pháp luật, đạt hiệu quả cao, và hướng dẫn, lôi cuốn quần chúng cũng làm như mình, vừa ích nước vừa lợi nhà.

Nâng cao chất lượng đảng viên phải được tiến hành đồng bộ trên cả mấy mặt: giáo dục đảng viên về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, về quản lý kinh tế, xã hội, về kiến thức nghiệp vụ, chuyên môn; rèn luyện đảng viên trong hoạt động thực tiễn. Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chăm lo phát triển Đảng; củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện thanh niên tạo nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng.

Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn.

Có chính quyền, Đảng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân, thông qua hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua bộ máy nhà nước và nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị. Song bên cạnh mặt thuận lợi đó, cũng xuất hiện nguy cơ lớn là đảng cầm quyền bị quan liêu hoá, từ việc đề ra chủ trương, chính sách không hợp quy luật, không hợp lòng dân, phương pháp công tác xa rời quần chúng đến tình trạng tha hóa trong lối sống của một bộ phận cán bộ. Toàn Đảng ta phải đấu tranh loại trừ nguy cơ đó, giữ gìn và phát

huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, củng cố, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng và Nhà nước phải chăm lo hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội, lấy việc phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh làm mục tiêu cao nhất, kết hợp đúng đắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với phân phối công bằng, đẩy lùi bất công xã hội. Trước mắt, phải cố gắng giải quyết những khó khăn về việc làm, tiền lương và đời sống của người lao động, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số, chăm sóc cuộc sống của những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, với đất nước, những người già cả, tàn tật, neo đơn và trẻ em không nơi nương tựa... Kết hợp động lực tinh thần với lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào quần chúng thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ chính trị.

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội có những biến động mới cần được tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích một cách khoa học để từ đó có chính sách phù hợp.

Các tổ chức đảng và chính quyền phải mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó phải được thể chế hoá thành pháp luật, chính sách. Đồng thời, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của mọi người. Bảo đảm dân chủ đầy đủ đối với nhân dân, đồng thời đấu tranh chống những phần tử xấu, lợi dụng dân chủ gây tổn hại đến lợi ích chung.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được xây dựng thành những quy chế cụ thể, nhất là về sản xuất và phân phối ở cơ sở. Tổ chức để nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật và những chính sách có quan hệ đến đông đảo nhân dân cũng như góp ý kiến phê bình các cơ quan và nhân viên nhà nước về đạo đức, tác phong làm việc. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo, đại diện cơ quan nhà nước với nhân dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của dân phải được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời nhanh chóng. Phải chỉnh đốn các cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền vơ vét, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp nhân dân. Phải nghiên cứu sớm lập toà án kinh tế, toà án hành chính, ban hành luật dân sự.

Mọi đảng viên đều phải được phân công làm công tác vận động nhân dân. Chi bộ và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, có chế độ để nhân dân nhận xét, đánh giá đảng viên, biểu dương đảng viên tốt, kiến nghị xử lý đảng viên không đủ tư cách, cũng như chế độ lấy ý kiến nhân dân trong việc kết nạp đảng viên mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân gắn với tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mở rộng nhiều hình thức tổ chức xã hội đa dạng, phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp, sở thích của mỗi lớp người để tập hợp nhân dân một cách rộng rãi.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề bức thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời tăng cường trách nhiệm và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng bao quát toàn diện các lĩnh vực hoạt động và các tổ chức nhà nước, các đoàn thể chính trị, xã hội, các tổ chức sản xuất kinh doanh. Đồng thời phải phát huy vai trò của Nhà nước trong việc quản lý, điều hành đất nước về mọi mặt. Nội dung lãnh đạo của Đảng trước hết là định ra cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chủ trương định hướng cho hoạt động ở các lĩnh vực, cho hoạt động Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Song, trong thực tế, có những việc cụ thể nhưng rất quan trọng về chính trị, có ảnh hưởng rộng về nhiều mặt, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo đòi hỏi *phải lập ban cán sự* và nâng cao chất lượng *đảng đoàn* ở các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị, xã hội. Cấp uỷ thông qua đảng đoàn, ban cán sự mà thực hiện sự lãnh đạo của mình. Đảng đoàn, ban cán sự chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về việc lãnh đạo thực hiện đường lối của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ trong các tổ chức này; dùng phương pháp thuyết phục, vận động để biến chủ trương của cấp uỷ thành quyết định của tổ chức mình một cách tự giác; định kỳ báo cáo, xin chỉ thị của cấp uỷ; chịu trách nhiệm tập thể trước cấp uỷ về công tác cán bộ trong danh mục được phân cấp quản lý. Đương nhiên, cần xác định rõ mối quan hệ giữa đảng đoàn, ban cán sự với thủ trưởng cơ quan; tôn trọng và phát huy trách nhiệm, quyền hạn của thủ trưởng trong quản lý, điều hành.

Trong quá trình thực hiện, đảng bộ trong các tổ chức và cơ quan nhà

nước cần tăng cường vai trò lãnh đạo, tiến hành công tác tư tưởng, huy động đội ngũ đảng viên gương mẫu đi đầu lôi cuốn quần chúng thực hiện; qua kiểm tra và công tác cán bộ mà tác động tích cực vào việc tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước.

Đảng phải tăng cường kiểm tra việc thể chế hoá và thực hiện các nghị quyết của Đảng trong các cơ quan nhà nước, bảo đảm cho đường lối, quan điểm của Đảng được quán triệt đúng đắn, kịp thời phát hiện và uốn nắn lệch lạc. Đồng thời qua kiểm tra để thấy rõ các nghị quyết của Đảng có phù hợp với cuộc sống thực tế hay không, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện chủ trương, chính sách.

Đảng phải lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ, bảo đảm cho đường lối, chính sách cán bộ được thực hiện đúng và thống nhất trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị; lựa chọn, bố trí đúng và có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo trong các tổ chức đó. Đảng giới thiệu những người ưu tú, có đủ tiêu chuẩn, là đảng viên hoặc không phải đảng viên, để các tổ chức này (Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các đoàn thể...) bàn bạc và tiến hành bầu cử một cách dân chủ. Đối với các chức vụ do bổ nhiệm, đề bạt thì cấp uỷ đảng phải quản lý danh mục những chức vụ chủ chốt, đồng thời phát huy trách nhiệm của cơ quan trực tiếp sử dụng, quản lý cán bộ đó.

Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với vị trí, chức năng của từng cấp, từng ngành, với đặc điểm của từng lĩnh vực công tác, từng tổ chức khác nhau. Chúng ta phải tiếp tục rút kinh nghiệm qua thực tiễn để xây dựng thành quy chế cụ thể cho mỗi loại tổ chức đảng ở từng cấp, từng ngành.

*

* *

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương phải giải quyết nhiều vấn đề quan trọng vừa cơ bản, vừa cấp bách do quá trình phát triển và do thời cuộc đặt ra. Những vấn đề trọng đại này gắn liền với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Hội nghị Trung ương 2 đã quyết định. Tất cả phải được tiến hành một cách đồng bộ, trong đó *nhiệm vụ kinh tế là trung tâm và nhiệm vụ xây dựng Đảng giữ vai trò then chốt*.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đồng tâm nhất trí, tăng cường đoàn

kết, đề cao ý chí tự lực tự cường, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, những nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 và Hội nghị Trung ương 3, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước vượt qua khó khăn, trở ngại và tiếp tục phát triển.

Bản sao lưu trữ

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII
Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng
(ngày 29-6-1992)

1. Tình hình

Từ sau Đại hội VII đến nay, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng, hòng xoá bỏ chủ nghĩa xã hội, mưu toan thiết lập một "trật tự thế giới mới" dưới sự khống chế của chúng. Các thế lực phản động ở trong nước và ngoài nước tìm mọi cách làm mất uy tín của Đảng ta và chế độ ta, cổ vũ cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ nhân dân với Đảng. Chúng khuyến khích các phần tử chống đối, lôi kéo những người bất mãn; móc nối, gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng chống phá ta.

Tình hình đó đã gây cho chúng ta những khó khăn mới rất to lớn. Đồng thời cũng giúp chúng ta có thêm nhiều bài học về xây dựng Đảng: *chống nguy cơ sai lầm về đường lối, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, sai lầm về lựa chọn và bố trí cán bộ, tệ quan liêu xa rời quần chúng...*

Phát triển kinh tế thị trường, mở rộng quan hệ quốc tế là tất yếu cần thiết, nhằm làm cho kinh tế phát triển năng động và có hiệu quả. Đồng thời, kinh tế thị trường cũng làm trầm trọng thêm những tệ nạn xã hội và yếu tố tiêu cực, đặc biệt là chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng tất cả vì tiền, tình trạng bất công xã hội, làm suy giảm giá trị đạo đức xã hội...

Trước những diễn biến nói trên, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần độc lập tự chủ và khả năng nhạy bén, sáng tạo, lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn to lớn, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển đúng hướng và đi vào chiều sâu, *giữ vững ổn định chính trị*, nền kinh tế có mặt phát triển và có thêm nguồn lực vật chất mới. Đó là do Đảng ta được tôi luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, kế tục được truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc. Qua mấy năm lãnh đạo tiến hành đổi mới, Đảng có bước tiến bộ và trưởng thành mới, nắm bắt được yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân dân, quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm trước đây; kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn được nâng lên.

Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới càng chứng tỏ đường lối của Đảng ta là đúng đắn, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đoàn kết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện sáng tạo đường lối của Đảng.

Tuy nhiên, Đảng ta cũng bộc lộ những khuyết điểm và nhược điểm, có những khuyết điểm đang trở thành nguy cơ không thể xem thường. Nổi bật nhất là:

- Tổ chức và kỷ luật của Đảng lỏng lẻo. Hệ thống tổ chức có những khâu trì trệ, ách tắc, chưa bảo đảm được sự lãnh đạo thông suốt trên tất cả các lĩnh vực. Một số tổ chức cơ sở đảng rệu rã, tê liệt, không giữ được vai trò lãnh đạo. Tổ chức và hoạt động của nhiều đoàn thể nhân dân còn nặng về hình thức, kém hiệu quả. Tình trạng mất đoàn kết xảy ra nghiêm trọng ở một số nơi.

- Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hoá, hư hỏng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng.

- Chậm đổi mới phương thức lãnh đạo, hoạt động của không ít cấp ủy lúng túng trước tình hình mới. Bệnh quan liêu xa thực tế, xa quần chúng rất nặng. Nhiều cán bộ, đảng viên nói không đi đôi với làm, sống xa dân, thậm chí cách biệt với cuộc sống của người lao động.

Sở dĩ có những yếu kém nói trên ngoài những nguyên nhân khách quan, về phía chủ quan là do *chúng ta phạm một số sai lầm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng như:*

- Buông lỏng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ. Chưa chú ý quản lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Chưa xử lý kỷ luật nghiêm minh và kịp thời những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

- Công tác cán bộ yếu kém kéo dài. Thiếu một chiến lược về cán bộ cho giai đoạn mới. Chưa có biện pháp tích cực để khắc phục tình trạng đội ngũ cán bộ không đồng bộ, tuổi bình quân cao, lực lượng kế cận hẫng hụt. Có những cán bộ sa sút về phẩm chất, yếu kém về năng lực không kịp thời thay thế. Một số chính sách không công bằng; chưa có chế độ đãi ngộ thích đáng và tạo điều kiện, phương tiện cần thiết cho cán bộ làm công tác đảng và đoàn thể, nhất là ở cơ sở.

- Trong điều kiện đảng cầm quyền, đất nước bước vào hoà bình xây dựng kinh tế, nhất là khi chuyển sang thực hiện cơ chế mới, không kịp thời tổng kết công tác xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo Nhà nước và công tác vận động nhân dân để có những chủ trương, biện pháp thích ứng. Trong nhận thức, quan niệm, phương pháp tiến hành xây dựng Đảng nhiều mặt còn bảo thủ... Công tác nghiên cứu lý luận chậm so với sự phát triển của thực tiễn. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén và còn nặng về đối phó bị động. Nhiều nghị quyết đúng đắn về xây dựng Đảng và công tác quần chúng không được cụ thể hoá và chỉ đạo thực hiện đến nơi đến chốn.

Trách nhiệm về những khuyết điểm và yếu kém trong công tác xây dựng Đảng chủ yếu thuộc về Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ và các ban của Đảng, trước hết là Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đây là một nhiệm vụ *đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định* đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với vận mệnh chế độ ta và Đảng ta.

Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên,

bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là *phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững ổn định chính trị*.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng tiến hành trên *nguyên tắc* quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Yêu cầu phải đạt trong những năm trước mắt là:

- Nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng. Nâng cao trình độ kiến thức, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng. Tăng cường dân chủ và kỷ luật, củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong nhân dân.

- Chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức cơ sở Đảng, trước hết là ở những cơ sở trọng yếu về chính trị và kinh tế, bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt đến mọi cơ sở.

- Tạo một bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ở trung ương, tỉnh thành, một số cơ sở kinh tế, văn hoá quan trọng, đáp ứng yêu cầu trước mắt, chuẩn bị Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Khắc phục bệnh quan liêu xa rời quần chúng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Phương châm đổi mới và chỉnh đốn Đảng là gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động của quần chúng, khơi dậy và phát huy óc sáng tạo của nhân dân. Các cấp uỷ phải tiến hành chủ động và kiên quyết, không né tránh, hữu khuynh; đồng thời có bước đi và phương pháp phù hợp. Làm có trọng điểm, từ lãnh đạo đến đảng viên, giải quyết tốt những vấn đề có tầm vĩ mô đi đôi với củng cố cơ sở.

3. Xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác lý luận, *tiếp tục cụ thể*

hoá và phát triển các quan điểm và đường lối của Đại hội VII, từng bước xác định rõ thêm con đường và giải pháp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều, đồng thời kiên quyết phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại, khuynh hướng phủ nhận quá khứ tốt đẹp của Đảng và của dân tộc, muốn đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm, đường lối. Thông tin trung thực và phân tích sâu sắc những nhân tố mới. Công tác tư tưởng phải gắn với tổ chức thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội cụ thể, nóng bỏng trước mắt như việc làm, đời sống, thu hẹp diện đói nghèo; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, trước hết là tệ tham nhũng, củng cố niềm tin của nhân dân.

Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trước hết. Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, gương mẫu trong lao động, cần kiệm xây dựng và bảo vệ đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh; giữ gìn, phát huy truyền thống và bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Khắc phục tư tưởng thụ động, ỷ lại. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chỉ nghĩ đến tiền tài, địa vị, lạc thú cá nhân, xa rời quần chúng, cách biệt người lao động.

Củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Toàn Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, thống nhất tư tưởng và hành động, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết để có những quyết định chính xác làm cơ sở cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đồng thời giáo dục cán bộ, đảng viên chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, song mọi đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, ai vi phạm phải bị kỷ luật.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống "diễn biến hoà bình".

Vạch trần những âm mưu thâm độc và những luận điệu chiến tranh tâm lý. Quản lý chặt chẽ các cuộc hội thảo, các dịch vụ thông tin, ngăn chặn việc lợi dụng diễn đàn và các cơ hội để thu thập tin tức tình báo, truyền bá các quan điểm thù địch và lối sống tư sản. Phê phán thái độ miệt thị dân tộc.

Cần kết hợp nhiều biện pháp giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, gắn với chăm lo phát triển kinh tế, ổn định đời sống...; sử dụng nhiều lực lượng và hình thức sát hợp với mỗi loại đối tượng, mở rộng dân chủ trong thảo luận, trao đổi ý kiến cởi mở, giúp cho đảng viên có điều kiện tự nhận thức, tự giáo dục. *Nâng cao tính chiến đấu sắc bén*, bảo vệ lý tưởng cách mạng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nâng cao chất lượng thông tin nội bộ và công tác tuyên truyền. coi trọng biện pháp điều tra dư luận xã hội. Bồi dưỡng và sử dụng tốt lực lượng báo cáo viên, thực hiện có nền nếp thông báo tình hình thời sự, phổ biến kịp thời những vấn đề mới về chủ trương, chính sách, pháp luật.

Tăng cường lãnh đạo công tác báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Báo, đài, sách, băng hình... phải phản ánh đúng quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức, tăng sức hấp dẫn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng về thông tin, văn hoá của đảng viên và nhân dân. Quản lý chặt chẽ những văn hoá phẩm từ nước ngoài đưa vào, không để lưu hành những ấn phẩm phản động, đồi trụy, độc hại. Kiện toàn ban lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản, đặc biệt là tổng biên tập các báo và giám đốc các nhà xuất bản. Cải tiến công tác phát hành sách báo, nhất là sách báo của Đảng, mở rộng diện phủ sóng của đài phát thanh và truyền hình, bảo đảm thông tin kịp thời trên cả nước, nhất là tới các vùng nông thôn miền núi. Mỗi đảng viên phải có chương trình học tập, nâng cao kiến thức. Phấn đấu để các chi bộ đều có báo Đảng.

Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống trường Đảng tập trung và tại chức và các trường học. Sớm xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia về các môn học chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Chinh đốn Đảng về tổ chức

Thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn và khắc phục tệ vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán chuyên quyền trong Đảng.

Tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng, phát huy tính tích cực, chủ động của đảng viên và các tổ chức đảng, đồng thời thực hiện đúng nguyên tắc: thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương. Trong các cơ quan lãnh đạo, ngoài những nguyên tắc đó còn phải quán triệt nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và của chi bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ, tự khếp mình vào khuôn khổ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài trách nhiệm quản lý của một tổ chức, một tập thể.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình từ trên xuống, trước hết là trong cấp ủy, chống làm hình thức, chiếu lệ, chỉ phê bình mà không tự phê bình, chỉ tự phê bình và phê bình mà không sửa chữa khuyết điểm. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu, chống thái độ nể nang, né tránh, không kiên quyết bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Nghiêm cấm việc trấn áp, trù dập người phê bình cũng như lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Mọi hoạt động vô tổ chức, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều phải bị xử lý kỷ luật.

Có quy chế quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên làm việc ở các sứ quán, đi công tác, lao động, học tập ở nước ngoài, cán bộ, đảng viên ở trong nước có quan hệ và làm việc với người nước ngoài. Xử lý nghiêm những người có hành động làm hại đến uy tín, thanh danh của Đảng và Tổ quốc.

Giải quyết dứt điểm tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số nơi, tổng kết, rút kinh nghiệm để có biện pháp ngăn chặn căn bệnh nguy hại này.

Tăng cường kỷ luật phải đi đôi với mở rộng dân chủ, khen thưởng các đơn vị và cá nhân chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương và gìn giữ phẩm chất, đạo đức, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp.

Tiếp tục kiện toàn các cấp ủy đảng sau Đại hội các cấp vòng 2, bố trí phân công các cấp ủy viên cho phù hợp với nhiệm vụ mới.

Củng cố, nâng cao chất lượng *các ban* của Đảng; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tinh giản biên chế, tăng cường cán bộ có chất lượng. Sửa đổi lề lối làm việc, đi sâu vào công tác nghiên cứu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các *đảng đoàn* trong các cơ quan dân cử và đoàn thể nhân dân.

Lập ban cán sự đảng ở Chính phủ, các bộ, các uỷ ban nhà nước và cơ quan trực thuộc Chính phủ để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; thảo luận và đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những chủ trương, chính sách, công tác lớn, quan trọng; thảo luận và ra nghị quyết các vấn đề về tổ chức cán bộ trong danh mục được phân cấp quản lý; kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong ngành; phối hợp với các cấp ủy địa phương và các đảng uỷ cơ sở trong ngành trong công tác xây dựng Đảng. Cần có quy chế định rõ các mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với bộ trưởng, bảo đảm phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của bộ trưởng và hoạt động có hiệu quả của ban cán sự.

Chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng.

Căn cứ vào chức năng chung đã được quy định trong Điều lệ Đảng, căn cứ cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở đó sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới; khắc phục ngay sự lỏng lẻo, sự chia cắt và những "khoảng trống" về tổ chức, bảo đảm và tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng bộ cơ sở và trên cơ sở.

Tiếp tục xây dựng và củng cố *các chi bộ theo địa bàn dân cư* (thôn, xóm, ấp, bản, đường phố) và *chi bộ theo ngành nghề* (sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sự nghiệp). Đối với đảng viên là người về hưu tùy theo điều kiện cụ thể mà tổ chức sinh hoạt chung với đảng viên cơ sở hoặc tách thành chi bộ riêng. Xét miễn công tác và sinh hoạt cho những đảng viên già yếu, ốm đau.

Ở một số khu vực chưa có tổ chức cơ sở đảng, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo, các đơn vị kinh tế tư nhân, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, phải phát triển các hình thức tổ chức phù hợp để tập hợp, vận động quần chúng, qua đó lựa chọn bồi dưỡng những người ưu tú kết nạp vào Đảng. Đảng viên hoạt động trong các vùng tôn giáo và dân tộc phải làm tốt công tác vận động quần chúng, có quan hệ tích cực với các chức sắc tôn giáo, già làng, tộc trưởng... (sẽ có hướng dẫn riêng).

Ở những doanh nghiệp tư nhân, hợp tác, liên doanh với nước ngoài nếu có đủ số lượng đảng viên theo quy định thì lập tổ chức đảng. Nếu chưa có điều kiện lập tổ chức đảng thì đảng viên hoạt động qua các đoàn thể. Những cơ sở chưa có đảng viên thì cấp uỷ địa phương xây dựng cốt cán hoạt động trong các đoàn thể quần chúng để phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

Tách các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp nhà nước ra khỏi tổ chức đảng ở các cơ quan bộ, ngành và đảng uỷ khối các cơ quan trung ương, đưa về trực thuộc thành uỷ, tỉnh uỷ, hoặc huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ tùy theo quy mô, tính chất của các cơ sở đó. Đối với thành phố có nhiều doanh nghiệp có thể tổ chức đảng uỷ theo từng khối trực thuộc thành uỷ.

Nghiên cứu thành lập đảng uỷ hoặc ban cán sự đảng các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp.

Lập tổ chức đảng uỷ dân chính đảng cấp tỉnh, thành. Một số thành phố lớn có thể lập đảng uỷ khối cơ quan. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng uỷ dân chính đảng, đảng uỷ khối với đảng uỷ cơ quan và ban cán sự.

Đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế và chính trị. Bố trí lại cán bộ chủ chốt ở những nơi cần thiết. Chọn một số cán bộ có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ở các cơ quan trung ương, tỉnh, huyện về tăng cường cho cơ sở. Cử cấp uỷ viên và cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp chỉ đạo, củng cố các cơ sở, thu hẹp diện yếu kém.

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương và cấp uỷ viên các cấp phải quan tâm và trực tiếp làm công tác đảng trong phạm vi mình phụ trách.

Về công tác đảng viên, trước hết phải xác định rõ tiêu chuẩn đảng viên trong tình hình mới. Đảng viên phải là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng; gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; thường xuyên học tập nâng cao trình độ nhận thức và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập lý luận chính trị, đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, quản lý theo cơ chế mới nhằm phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên.

Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, kiểm tra, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cho mỗi đảng viên tự phê bình, tự đánh giá, kết hợp với nhận xét đánh giá của chi bộ, phê bình góp ý kiến của quần chúng và kiểm tra của cấp trên. Trên cơ sở đó có giải pháp đối với từng loại đảng viên như sau:

- Bồi dưỡng và phát huy những đồng chí giữ được tư cách đảng viên, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, được quần chúng tín nhiệm.

- Giúp đỡ những đồng chí hạn chế về kiến thức, năng lực, hoặc hoàn cảnh khó khăn. Những trường hợp không khắc phục được khó khăn hoặc không còn khả năng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ thì bản thân tự xem xét hoặc chi bộ động viên các đồng chí đó tự nguyện rút ra khỏi Đảng; tổ chức đảng có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tuổi đảng và thường xuyên quan tâm giúp đỡ. Những người lạc hậu về chính trị, không còn tha thiết với đảng, không còn tác dụng với quần chúng, thì vận động ra khỏi Đảng.

- Giáo dục, xử lý hoặc định thời hạn phấn đấu cho những đảng viên vi phạm tư cách, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, không hoàn thành nhiệm vụ được giao; nếu không có chuyển biến thì đưa ra khỏi Đảng.

- Xử lý nghiêm khắc những người cơ hội về chính trị, nói và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng, tham nhũng, thoái hoá, biến chất, bị quần chúng oán ghét.

Công tác phát triển đảng phải nhằm tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hoá đội ngũ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng. Làm tốt công tác tạo nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn trong Đoàn thanh niên, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang..., chú ý những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít và chưa có đảng viên. Coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc; đồng thời không định kiến, hẹp hòi. Quy định lại những thủ tục xem xét kết nạp đảng viên cho phù hợp với tình hình mới. Các đồng chí giới thiệu phải thực sự chịu trách nhiệm; người được giới thiệu phải trải qua thử thách cần thiết.

Phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo *xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Đặt công tác phát triển đảng trong thanh niên thành chương trình kế hoạch cụ thể và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, mang lại kết quả thiết thực.

Trong tình hình hiện nay phải đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ Đảng, trước hết là bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, giữ gìn sự trong sạch của tổ chức đảng, cảnh giác và tỉnh táo không để cho những phần tử cơ hội về chính trị, phản động len lỏi vào hàng ngũ Đảng, nhất là vào các cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống âm mưu thủ đoạn khống chế, mua chuộc cán bộ từ bên ngoài. Việc công bố và phê phán các vụ việc tiêu cực trên các phương tiện truyền thông đại chúng cần có sự cân nhắc về hướng giải quyết và tác dụng giáo dục, tránh để địch lợi dụng xuyên tạc bôi nhọ Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chấn chỉnh quy chế công tác của các cơ quan và cán bộ làm công tác cơ mật.

5. Tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ. Cần nắm vững một số *quan điểm và nguyên tắc cơ bản* trong công tác cán bộ

- *Việc đánh giá cán bộ* phải dựa vào *tiêu chuẩn cán bộ*. Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là: có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới; có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả; có đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kiên quyết đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng; gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Đồng thời, dựa vào *hiệu quả công tác thực tế*, bao gồm cả hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội.

Đánh giá cán bộ phải toàn diện, cụ thể, công tâm; khắc phục tình trạng đánh giá theo cảm tính chủ quan, phiến diện, hẹp hòi, thành kiến, thiếu công tâm, thiếu dân chủ.

- *Việc bố trí và sử dụng cán bộ* phải căn cứ vào yêu cầu công tác và sự đánh giá đúng cán bộ. Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ để *đoàn kết tập hợp rộng rãi cán bộ* theo tư tưởng và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khuyến khích và *thu hút nhân tài* của đất nước ở tất cả các lĩnh vực, các thành phần kinh tế - xã hội, bao gồm cả những người Việt Nam yêu nước sinh sống ở nước ngoài, tạo điều kiện để mọi người đều có thể mang hết nhiệt tình, trí tuệ, tài năng phục vụ Tổ quốc.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ; đồng

thời tích cực bồi dưỡng để tiếp tục phát huy năng lực và kinh nghiệm của cán bộ lớn tuổi, bảo đảm *tính liên tục và tính kế thừa* trong đội ngũ cán bộ.

Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, cần tạo điều kiện để các đồng chí tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe của mỗi người.

- *Nắm vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị.*

Đảng đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách và quy chế quản lý cán bộ; lãnh đạo và kiểm tra các cấp, các ngành tổ chức thực hiện; trực tiếp quản lý cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức của hệ thống chính trị như cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế - xã hội; quản lý cán bộ theo chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

Đối với việc đề bạt, điều động và thi hành kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, các cơ quan chức năng, các đảng uỷ, ban cán sự, đảng đoàn đề xuất các phương án để Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét và quyết định. Ngoài các đối tượng trên, Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm cho các cấp uỷ, các ban chức năng, đảng đoàn, ban cán sự trực tiếp quản lý (sẽ có quy chế và hướng dẫn cụ thể).

Tất cả các quyết định về cán bộ phải theo nguyên tắc *tập thể dân chủ đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân*. Những vấn đề về chủ trương, chính sách, nhận xét, đánh giá, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định theo đa số. Các cơ quan chức năng và cá nhân được phân công chuẩn bị các phương án để tập thể thảo luận, quyết định và chịu trách nhiệm về những ý kiến đề xuất của mình.

Những nhiệm vụ chủ yếu trước mắt trong công tác cán bộ là:

- Phải rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các ban, bộ, ngành trung ương, tỉnh, thành, quận huyện, đơn vị kinh tế then chốt và các cơ sở trọng điểm thuộc các lĩnh vực. Bổ sung những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, có triển vọng đảm đương tốt công việc, đồng thời đưa ra khỏi cơ quan lãnh đạo những cán bộ có quan điểm, lập trường và việc làm sai trái nghiêm trọng với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm phẩm chất đạo đức, ý thức tổ

chức kỷ luật kém, cá nhân chủ nghĩa, địa vị, cục bộ, gây mất đoàn kết, quân chúng không tín nhiệm. Đối với cán bộ kiến thức và năng lực yếu không đảm đương nổi nhiệm vụ, cần điều chỉnh, bố trí công việc thích hợp. Ở những nơi trì trệ, yếu kém kéo dài, phải thay ngay cán bộ chủ chốt. Trường hợp cần thiết có thể tăng cường cán bộ cấp trên xuống.

Đề bạt những cán bộ đã qua thử thách, đã được đào tạo đủ tiêu chuẩn vào các cương vị thích hợp. Chú trọng những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức. Đối với cán bộ bị kỷ luật hoặc do năng lực yếu không đảm đương được nhiệm vụ thì cần giáo dục, giúp đỡ, sắp xếp công việc tại chỗ. Nhất thiết không điều động những người bị kỷ luật, không đảm đương được nhiệm vụ ở nơi này sang nhận nhiệm vụ tương đương hoặc cao hơn ở nơi khác. Phải theo nguyên tắc "vì việc đặt người", "có lên có xuống", "có vào có ra", tránh tình trạng bố trí cán bộ vào những việc mà bản thân cán bộ đó chưa được học, chưa từng làm, hoặc chưa am hiểu. Việc thay đổi và luân chuyển cán bộ cần kết hợp chặt chẽ với việc ổn định cán bộ, tránh tùy tiện, gây xáo trộn không cần thiết. Những cán bộ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, những cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cần được chuyên môn hoá. Phân rõ cán bộ thuộc hệ dân cử và hệ bổ nhiệm để tạo điều kiện cho cán bộ đi sau vào chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng việc thực hiện chế độ hợp đồng.

Trong việc bố trí cán bộ, cần lưu ý tính đồng bộ, kết hợp các loại cán bộ, các lớp cán bộ, cán bộ có trình độ lý luận và cán bộ từng trải thực tiễn, cán bộ các miền, các vùng... để bổ sung cho nhau. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương.

Thực hiện đúng chế độ nghỉ hưu của Nhà nước. Một số cán bộ lãnh đạo và quản lý tuy tuổi cao nhưng còn sức khoẻ, làm việc còn hiệu quả, thì chuyển sang làm chuyên viên một thời gian. Một số ít đồng chí chủ chốt có thể tiếp tục giữ cương vị lãnh đạo và quản lý nếu tổ chức có yêu cầu và đủ tín nhiệm. Đối với các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, cần có hình thức sử dụng linh hoạt.

Những cán bộ có khuyết điểm, có đơn tố cáo cần được kiểm điểm, xem xét và kết luận rõ ràng, xử lý kịp thời.

Sớm xây dựng và ban hành quy chế về đánh giá, tuyển chọn, đề bạt, miễn nhiệm cán bộ.

Xúc tiến chuẩn bị cán bộ kế cận.

Đối với nội dung và phương thức quy hoạch cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt ở trung ương, các tỉnh, thành và các cơ sở trọng

yếu. Ở mỗi cấp hình thành cho được đội ngũ cán bộ có ba độ tuổi kế tiếp nhau. Điều chỉnh, phân công lại một số cán bộ, đưa cán bộ dự bị vào các vị trí kế cận để đào tạo bồi dưỡng. Cán bộ chủ trì phải điều hành thực hiện quy hoạch chung về công tác cán bộ, đồng thời trực tiếp bồi dưỡng người kế cận thay mình. Trong một năm phải có ít nhất một lần kiểm điểm việc thực hiện quy hoạch của cấp mình và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch của cấp dưới để kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Trước mắt, phải chuẩn bị cán bộ bổ sung trong Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ và chuẩn bị cho Đại hội VIII. Đồng thời nghiên cứu xây dựng chiến lược cán bộ cho những năm tiếp theo.

Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và mở rộng quan hệ quốc tế. Có nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng. Coi trọng đào tạo qua thực tiễn công tác và phong trào quần chúng; tổng kết kịp thời những kinh nghiệm thực tế. Mở một số khoá đào tạo cán bộ lãnh đạo có triển vọng để chuẩn bị cho những năm sau.

Ngân sách đào tạo cán bộ thống nhất do Nhà nước cấp. Có chính sách trợ cấp cho cán bộ đi học dài hạn, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

Chính sách đãi ngộ cán bộ phải bảo đảm công bằng, chú ý tương quan giữa cán bộ đảng, cán bộ nhà nước, cán bộ đoàn thể, cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực. Khuyến khích những người làm việc tốt, có hiệu quả, khắc phục tình trạng phân phối bình quân và sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa các loại cán bộ. Cán bộ có công phải được khen thưởng thích đáng; có khuyết điểm phải bị xử phạt nghiêm minh.

Thực hiện chế độ tiền lương mới, xoá bỏ bao cấp, đặc quyền, đặc lợi. Sửa đổi những chính sách đã quá lạc hậu, cản trở phát triển tài năng của cán bộ.

Từng bước thực hiện thống nhất chủ trương bí thư, chủ tịch xã, phường được hưởng chế độ đãi ngộ tương đương với trưởng, phó phòng huyện, quận. Tăng thêm các phương tiện và điều kiện công tác. Việc thực hiện các chế độ trên trước hết bằng các nguồn thu của ngân sách xã, phường; phần còn thiếu do ngân sách tỉnh cấp.

Ở các doanh nghiệp, bí thư và cán bộ làm công tác đảng phải là những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực; không bố trí những cán bộ năng lực kém phụ trách công tác đảng, trên cơ sở đó có chế độ đãi ngộ bí thư tương đương với giám đốc.

Bổ sung và thực hiện tốt chính sách khuyến khích cán bộ dân tộc thiểu số; vùng cao, cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi. Đối với những người

có thái độ chính trị tốt và uy tín trong các dân tộc, tôn giáo (như linh mục, sư sãi, già làng...) cần có chính sách phát huy và tạo điều kiện cần thiết để các vị đó phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chăm sóc cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí.

Thực hiện quy định cán bộ làm việc gì thì hưởng lương tương ứng với chất lượng và số lượng công việc đó. Phải căn cứ vào năng lực thực tế, hiệu quả công việc mà xác định trình độ chuyên môn và giá trị xã hội của cán bộ. Trả lương thích đáng cho những chuyên gia giỏi, những người thật sự có tài, công tác có hiệu quả, tạo ra bầu không khí thi đua trong cán bộ; khuyến khích suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, phát huy trách nhiệm và quyền hạn, tạo điều kiện để cán bộ đóng góp tốt cho đất nước.

- Thực hiện chế độ phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

Quản lý cán bộ phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành và lãnh thổ. Khi bổ nhiệm, đề bạt, điều động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cơ quan quản lý theo ngành dọc phải tham khảo ý kiến cấp uỷ địa phương; cấp uỷ địa phương phải tham khảo ý kiến của ngành trước khi quyết định.

Các cấp uỷ, ban cán sự và đảng đoàn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm quản lý theo đối tượng quy định phải chịu trách nhiệm trước Trung ương. Các bộ, ban, ngành cần xác định và ban hành chức danh cán bộ do cấp mình quản lý (sẽ có quy chế hướng dẫn cụ thể).

Các uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực công tác nào có trách nhiệm cùng với tổ chức đảng cơ quan chăm lo công tác cán bộ trong lĩnh vực đó. Lãnh đạo cơ quan cùng với bí thư cấp uỷ có trách nhiệm trực tiếp chăm lo công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ của ngành hoặc địa phương mình.

- Đấu tranh chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác.

Làm nghiêm từ trong Đảng ra và từ trên xuống. Kết hợp sự kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và thanh tra nhân dân, sự phát hiện, đấu tranh của quần chúng và công luận. Ở trung ương, các cơ quan pháp luật kết luận và xử lý nghiêm một số vụ. Cấp uỷ và chính quyền các cấp cũng phải làm như vậy đối với cán bộ thuộc diện mình quản lý, không thụ động chờ cấp trên.

Thực hiện dân chủ và công khai chế độ phân phối ở tất cả các cơ quan, nhất là ở đơn vị sản xuất, kinh doanh. Những cán bộ, đảng viên giàu có bất thường, quần chúng có dư luận thì phải báo cáo trung thực nguồn thu nhập

với tổ chức; tổ chức có trách nhiệm kiểm tra và kết luận. Phải có quy chế cụ thể về vấn đề cán bộ, đảng viên xây dựng và sử dụng nhà cửa, nhận quà biếu và tặng phẩm, giao dịch và quan hệ với người nước ngoài... Nghiêm cấm việc lấy của công để biếu xén, quà cáp, tiếp đãi, liên hoan... sai quy định và nhằm mục đích vụ lợi.

Cùng với việc xử lý kiên quyết và dứt khoát những vụ việc trước mắt, phải có biện pháp cơ bản để ngăn chặn tệ tham nhũng từ gốc:

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn chỉnh các chính sách, luật pháp, cơ chế quản lý kinh tế. Sửa đổi những sơ hở trong cơ chế và chính sách để hạn chế, ngăn chặn tình trạng lợi dụng tham ô, ăn cắp, gây lãng phí của Nhà nước, trước hết là đối với các tổ chức và đơn vị kinh tế quốc doanh.

- Tăng cường và kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật có bản lĩnh, công minh, chính trực và năng lực chuyên môn.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, tinh giản biên chế, làm cho bộ máy hành chính có hiệu lực.

6. Đổi mới và tăng cường công tác vận động nhân dân, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân

Các cấp uỷ đảng cần tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VI), khảo sát tình hình đời sống và tâm trạng các tầng lớp nhân dân, đề ra những nhiệm vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết về công tác vận động nhân dân của địa phương và ngành mình.

Phổ biến kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến. Các cơ quan thông tin, báo chí thường xuyên đưa tin và bài về vấn đề này. Các trường đảng, trường hành chính, trường chuyên nghiệp có nội dung huấn luyện về công tác quần chúng. Các trường đoàn thể cần nâng cao chất lượng huấn luyện nghiệp vụ công tác vận động nhân dân.

Các cấp uỷ hằng năm có chương trình công tác quần chúng, tổ chức phối hợp, kiểm tra và kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh trong nội bộ nhân dân, trong quan hệ công tác giữa các tổ chức có liên quan. Cử cấp uỷ viên có phẩm chất và năng lực phụ trách công tác đoàn thể. Chi bộ thực hiện chế độ phân công đảng viên làm công tác vận động nhân dân, định kỳ lấy ý kiến nhân dân nhận xét phê bình cán bộ, đảng viên. Mỗi đảng viên phải báo cáo kết quả và kinh nghiệm công tác vận động nhân dân, coi đó là một nội dung sinh hoạt của chi bộ cơ sở.

Nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính quyền đối với công tác dân vận. Các bộ, ngành và chính quyền các cấp phải thực hiện cơ chế bảo đảm cho nhân dân và các đoàn thể tham gia ý kiến xây dựng luật pháp và các chế độ chính sách có quan hệ trực tiếp đến nghĩa vụ, lợi ích của nhân dân trước khi quyết định. Dựa vào Mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách và luật pháp của Nhà nước.

Các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên liên hệ với cử tri, nắm vững yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng để xây dựng, hoàn thiện luật pháp, chính sách; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chính sách, pháp luật.

Giáo dục viên chức nhà nước nâng cao trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; chống tệ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, ức hiếp quần chúng. Công bố các quy chế về trách nhiệm phục vụ nhân dân của viên chức nhà nước để dân biết, theo dõi, kiểm tra và góp ý.

Có chương trình xây dựng luật về các đoàn thể nhân dân, quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể. Kiện toàn các cơ quan nhà nước về công tác vận động nhân dân.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội. Mặt trận thực hiện tốt phương thức hiệp thương chính trị, phối hợp hành động giữa các tổ chức thành viên nhằm củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các đoàn thể chính trị - xã hội cần đổi mới tổ chức và hoạt động, hướng về cơ sở, xây dựng lực lượng nòng cốt, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng các lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên.

Các hội nghề nghiệp, văn hóa, nhân đạo, hữu nghị... cần được xây dựng tổ chức và hoạt động thích hợp phục vụ lợi ích của hội viên và xã hội. Xây dựng và phát triển các hiệp hội theo ngành nghề.

Nhà nước dành tỷ lệ ngân sách cần thiết để tài trợ cho hoạt động của các đoàn thể. Mặt trận và các đoàn thể cần rút kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động gây quỹ (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tranh thủ viện trợ...) theo đúng luật pháp và phù hợp với điều kiện, khả năng quản lý. Các đoàn thể tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước được cung cấp tài chính và phương tiện theo hợp đồng.

Kiện toàn Ban Dân vận Trung ương và ban dân vận các tỉnh, thành. Ở quận, huyện lập khối dân vận gồm các đồng chí lãnh đạo các đoàn thể, do một đồng chí uỷ viên thường vụ cấp uỷ phụ trách. Có chính sách đãi ngộ công bằng đối với cán bộ dân vận và đoàn thể.

7. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Là đảng cầm quyền, Đảng ta có trách nhiệm *lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội*. Trong tình hình mới, cần có phương thức thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

- *Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII và Hiến pháp mới, từng bước hoàn chỉnh và cụ thể hoá các quan điểm, nguyên tắc về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân; lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật về tổ chức các cơ quan nhà nước; hoàn thiện dần các văn bản pháp quy về mặt này để đưa vào thực hiện. Đồng thời cần có quy chế về phương thức lãnh đạo, quan hệ công tác giữa Đảng và các cơ quan nhà nước.

Đối với Quốc hội, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy quyền lực của Quốc hội, làm cho hoạt động của Quốc hội thể hiện đầy đủ hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân theo Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị lãnh đạo Quốc hội bằng những quan điểm định hướng về xây dựng Hiến pháp, các đạo luật, các chính sách lớn, các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh...; thông qua đảng đoàn Quốc hội và ban cán sự của Chính phủ, cụ thể là các đồng chí Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để giới thiệu với Quốc hội bầu các chức vụ chủ chốt của Nhà nước, của Quốc hội và Chính phủ.

Đảng lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất, có tính đảng sang hoạt động ở Quốc hội. Một số cán bộ lãnh đạo ban của Trung ương có thể tham gia các Uỷ ban của Quốc hội (đương nhiên phải thông qua bầu cử theo quy định của Nhà nước).

Trung ương và Bộ Chính trị thông qua *đảng đoàn Quốc hội và các đảng viên là đại biểu Quốc hội* để lãnh đạo hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đảng viên là đại biểu Quốc hội; thông qua thảo luận, tranh luận thật sự dân chủ mà

thuyết phục, vận động các đại biểu Quốc hội ngoài đảng làm theo đường lối, quan điểm của Đảng. Các đảng viên phải chấp hành các quyết định của tổ chức đảng một cách nghiêm túc. Trong những trường hợp cần thiết, cần tổ chức quán triệt nghị quyết của Đảng trong các đảng viên là đại biểu Quốc hội trước khi đưa ra Quốc hội bàn; hoặc người đại diện của Đảng trình bày quan điểm của Trung ương với Quốc hội để Quốc hội thảo luận.

Chính phủ có trách nhiệm thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng và các quyết định của Quốc hội thành các chính sách, quyết định của Chính phủ và tổ chức thực hiện. Ban cán sự đảng ở các cơ quan của Chính phủ phải chủ động báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các chủ trương quan trọng trước khi quyết định và thi hành; bảo đảm thực hiện đúng nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Các đảng đoàn, ban cán sự phải định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với hoạt động của các toà án và viện kiểm sát, cấp uỷ định kỳ nghe ban cán sự báo cáo tình hình và nêu những định hướng chỉ đạo và kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng pháp luật. Đối với những vụ án lớn có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, cấp uỷ cần có ý kiến về tư tưởng chỉ đạo việc xét xử, song cấp uỷ không định tội danh và mức án. Khi xét xử, toà án chỉ tuân theo pháp luật. Chấm dứt tình trạng một số đồng chí trong cấp uỷ can thiệp vào công tác xét xử của toà án.

Ở địa phương, sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với chính quyền cần dựa theo cách thức ở Trung ương và có sự vận dụng thích hợp với đặc điểm của địa phương mình. Bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ có thể ứng cử vào chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân; một số cấp uỷ viên được giới thiệu đứng đầu cơ quan quản lý ngành của chính quyền (nhưng nhất thiết phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn của từng chức danh theo quy định của Nhà nước).

- *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân*, Đảng định hướng phát triển trước mắt và lâu dài của các đoàn thể, lãnh đạo các đoàn thể cải tiến sinh hoạt và hình thức tập hợp quần chúng, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính. Lựa chọn những cán bộ đủ tiêu chuẩn do đảng đoàn đề xuất và giới thiệu vào các chức vụ chủ chốt của đoàn thể để các đoàn thể

bầu cử theo điều lệ của mỗi tổ chức.

Thông qua đảng đoàn và các đảng viên trong Mặt trận và các đoàn thể để hướng dẫn các đoàn thể hoạt động đúng hướng, kịp thời uốn nắn những nhận thức và hoạt động không đúng.

Xây dựng mối quan hệ giữa Mặt trận, các đoàn thể nhân dân với cơ quan nhà nước các cấp.

- Đổi mới và hoàn thiện phương thức hoạt động, phong cách công tác của Đảng.

Tập trung hơn nữa thời gian và sức lực vào công tác lý luận, tổng kết thực tiễn và công tác chính trị tư tưởng. Chỉ đạo công tác lý luận chặt chẽ và thường xuyên hơn. Tăng cường các cơ quan nghiên cứu lý luận đủ sức giúp Trung ương nghiên cứu những vấn đề lý luận, quan điểm, đường lối, từng bước làm sáng tỏ và sâu sắc hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cải tiến việc ra các nghị quyết, quyết định. Cấp uỷ và tổ chức đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề. Những điều đã nói nhiều, đã quyết định cần chỉ đạo thực hiện cho bằng được. Khi thấy nghị quyết sai hoặc không còn phù hợp với tình hình mới, hoặc còn thiếu sót, sơ hở thì kịp thời bổ sung, sửa chữa hoặc quyết định lại. Nghị quyết cần có nội dung thiết thực, có cơ sở khoa học, có khả năng thực thi và quy định rõ thời gian thực hiện. Các quan điểm chung phải được thể hiện ra ở các chủ trương, giải pháp cụ thể.

Coi trọng lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Phải lãnh đạo làm tốt việc cụ thể hoá và thể chế hoá nghị quyết của Đảng thành các chính sách, kế hoạch, pháp luật của Nhà nước, và những quy chế, quy định cụ thể của Đảng. Trong quá trình chuẩn bị nghị quyết, phải đồng thời xây dựng các kế hoạch chương trình công tác cụ thể để sau khi nghị quyết được thông qua thì triển khai thực hiện được ngay.

Cải tiến việc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết sao cho thiết thực, hiệu quả, đỡ hình thức, tốn kém. Đối với mỗi nghị quyết, tùy theo tính chất, phải làm quán triệt quan điểm, chủ trương, chính sách đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ kiểm tra, bảo đảm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng. Các cấp uỷ phải nắm chắc nhiệm vụ kiểm tra, tăng cường kiểm tra, và lãnh đạo các đoàn thể kiểm tra, bảo vệ luật pháp Nhà nước, giúp

cho Nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Bên cạnh việc kiểm tra tư cách đảng viên, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, vấn đề rất quan trọng là phải kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, kịp thời phát hiện những nhân tố mới, biểu dương những việc làm tốt, uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, tổng kết kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cải tiến lề lối làm việc, giảm bớt các cuộc họp, dành thời gian đi nghiên cứu, khảo sát thực tế; chú trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, hướng mạnh về cơ sở, chỉ đạo tại chỗ. Nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả. Cán bộ lãnh đạo phải thực hiện chế độ học tập, đi khảo sát thực tế, gặp gỡ đối thoại với đảng viên và nhân dân một cách thiết thực, không phô trương hình thức. Coi trọng chương trình làm việc của cơ quan nhà nước đã thành quy chế.

8. Biện pháp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết

Các cấp uỷ đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Uỷ viên Trung ương, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, cần nhận thức sâu sắc những yêu cầu cấp bách của vấn đề xây dựng Đảng, có quyết tâm cao và tập trung sức làm tốt nhiệm vụ trọng yếu này. Một mặt, phải nghiên cứu, tổng kết những vấn đề về xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần hiện nay, nâng cao nhận thức và có ý thức đầy đủ về xây dựng Đảng. Mặt khác, phải thực sự bắt tay vào hành động, *chỉ đạo thực hiện có hiệu quả và bản thân phải gương mẫu* chấp hành các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, *nêu cao tính đảng*. Chống hữu khuynh, nể nang, làm luớt; đồng thời đề phòng tả khuynh, đề phòng những nơi mất đoàn kết nội bộ lợi dụng cơ hội này để trùg trị, thanh lọc nhau.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tập trung chỉ đạo việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Chuẩn bị các chương trình và kế hoạch để ngay sau Hội nghị Trung ương triển khai thực hiện một cách tích cực, *mang lại kết quả cụ thể, trước hết ở các cơ quan Trung ương*. Ban Bí thư có chỉ thị hướng dẫn các cấp thực hiện, chọn làm điểm một số tỉnh, thành, bộ, ngành. Mỗi tỉnh chọn làm điểm một số huyện và cơ sở trọng yếu. Cử một số cán bộ có năng lực ở các ban giúp cấp uỷ chỉ đạo điểm trong một thời gian.

Ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị, cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo quán

triệt tinh thần và triển khai thực hiện nghị quyết. Phải khảo sát, đánh giá tình hình, chuẩn bị kế hoạch cụ thể, đẩy mạnh các mặt công tác, xây dựng chương trình hành động, giải quyết dứt điểm từng việc cụ thể. Từng thời gian có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời.

Giao cho các ban, các cơ quan có liên quan xây dựng các quy chế, quy trình công tác, nhất là về quan hệ làm việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Quốc hội, Chính phủ, giữa các ban của Đảng với các bộ của Chính phủ, quy chế làm việc của đảng đoàn, ban cán sự; ra các văn bản hướng dẫn thực hiện sàng lọc đảng viên, củng cố từng loại hình cơ sở đảng, sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ, thi hành Điều lệ Đảng...

Có kế hoạch bồi dưỡng các kiến thức về đảng cho các cấp uỷ, trước hết cho đồng chí bí thư. Biên soạn một số tài liệu hướng dẫn công tác đảng cho các cấp uỷ huyện và cơ sở.

Các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng cần thông báo kịp thời, cổ vũ, nêu gương, phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt và phê bình những nơi làm kém.

Từ nay đến hết năm 1993 phải tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách sau đây:

- Ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí. Các cơ quan pháp luật điều tra, xét xử một số vụ lớn, trước hết ở Trung ương và một số tỉnh trọng điểm.

- Giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi.

- Chỉnh đốn 3 loại tổ chức cơ sở đảng trọng yếu (xã, phường, đơn vị sản xuất kinh doanh, một số cơ quan). Đưa những đảng viên thoái hoá biến chất ra khỏi Đảng.

- Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung một số cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII của Đảng.

- Sắp xếp và củng cố các ban của Đảng từ Trung ương đến quận, huyện.

*

* *

Đảng ta có kinh nghiệm là cứ mỗi lần gặp khó khăn lại biết tự tổ chức, chỉnh đốn đội ngũ để tiến lên. Chúng ta tin tưởng rằng, với quyết tâm cao và những kinh nghiệm bước đầu đã có, sau Hội nghị Trung ương này, Đảng ta nhất định sẽ khắc phục được các thiếu sót, vượt qua mọi khó khăn, tạo ra

bước chuyển biến tích cực trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay, xứng đáng với niềm tin và lòng mong đợi của nhân dân cả nước.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Tổng Bí thư

ĐỖ MƯỜI

Bản sao lưu trữ

**BÁO CÁO SỐ 28/BC - TW NGÀY 02 - 02 - 1999
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách
trong công tác xây dựng Đảng hiện nay**

(Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ sáu (lần 2)

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII)

Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, luôn trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”; lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản; phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế của thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Chính cương vắn tắt, Cương lĩnh năm 1930 và Cương lĩnh năm 1991 của Đảng soi sáng cho bước đường tiến lên của dân tộc và công tác xây dựng Đảng.

Gần 70 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta không quản hy sinh, không nề gian khổ, trải qua biết bao gian nan, thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc; tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Trong mỗi thời

kỳ cách mạng, nhất là trước các bước ngoặt lịch sử, Đảng ta luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành và sáng tạo, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, trước hết ở việc xác định và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối cách mạng, đúng đắn và có hiệu quả.

Hơn mười năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới trong bối cảnh vô cùng phức tạp, trước biến động chính trị dữ dội bất lợi cho chủ nghĩa xã hội thế giới. Đảng ta tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, nguyên tắc tổ chức, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo trong xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, hình thức, phương pháp, bước đi phù hợp với đặc điểm của Việt Nam, đưa đất nước vượt qua được mọi khó khăn, thử thách, đứng vững và tiếp tục đi lên. Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới phải giải quyết. Nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng rất nặng nề, có nhiều vận hội và nguy cơ đan xen. Hơn lúc nào hết, Đảng phải tiếp tục vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải ra sức xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã chỉ rõ: “Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành”.

Hơn hai năm qua, công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII đã được triển khai thực hiện trong bối cảnh mới, đặc biệt là tình hình khủng hoảng kinh tế - tài chính ở Đông Nam Á, châu Á tác động trực tiếp vào nước ta, thiên tai diễn ra liên tiếp. Nhưng với nỗ lực to lớn của toàn dân, của các ngành, các cấp, sự lãnh đạo, điều hành năng động, nhạy bén của Đảng và Nhà nước, kinh tế vẫn tăng trưởng, văn hoá xã hội có bước phát triển, đời sống nhân dân về nhiều mặt có phần được cải thiện, chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, đối ngoại được mở rộng, uy tín quốc tế được nâng cao. Trên những mặt cụ thể, công tác xây dựng Đảng đã đạt được những kết quả chủ yếu sau đây:

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Đảng, tăng cường thông tin, nhất là đối với cán bộ chủ chốt để thống nhất ý chí và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra, vững bước đi lên chủ

nghĩa xã hội. Tiến hành đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán các quan điểm sai trái và luận điệu chống đối của những người cơ hội về chính trị và bòn phân động.

- Trên lĩnh vực kinh tế, bên cạnh việc đánh giá những ưu điểm, tiến bộ, Đảng đã kịp thời chỉ ra và có giải pháp khắc phục những mặt yếu kém, thiếu bền vững, nhấn mạnh phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trình độ lãnh đạo, quản lý của các cấp có bước trưởng thành và tiến bộ mới. Trong hoàn cảnh có những diễn biến phức tạp đã kịp thời phân tích tình hình, có biện pháp xử lý phù hợp để hạn chế những tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế – tài chính ở khu vực vào nước ta, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tiếp tục hoàn chỉnh quan điểm và chủ trương về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, lãnh đạo xây dựng quy chế cụ thể để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở; định hướng chiến lược giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới; lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khoá X.

- Đã xây dựng và bước đầu triển khai thực hiện “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Kiện toàn cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và ổn định. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, kiện toàn cán bộ chủ chốt, từng bước ổn định tình hình ở một số địa phương có những diễn biến phức tạp (nhân dân khiếu kiện đông người trên diện rộng, cán bộ mất đoàn kết hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng...).

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn, nhất là về lĩnh vực kinh tế, tài chính trong tình hình mới; xây dựng và thực hiện quy trình dân chủ trong Đảng và trong xã hội để tập hợp trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình xây dựng và thực hiện nghị quyết.

Tuy nhiên, trong Đảng ta hiện nay đang nổi lên một số mặt yếu kém, có những yếu kém tồn tại từ lâu, nay bộc lộ nghiêm trọng hơn, đặt ra cho công tác xây dựng Đảng *những vấn đề bức xúc về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và tổ chức, cán bộ*. Trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân thế giới tạm thời lâm vào thoái trào; đất nước ta phát triển nền kinh tế

hiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế; các thế lực thù địch ráo riết thúc đẩy việc thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” để chống phá Đảng ta và chế độ ta. Trong bối cảnh đó, xây dựng Đảng càng trở thành vấn đề *cơ bản, cấp bách* và càng *khó khăn, phức tạp*, phải tiến hành *kiên quyết, liên tục, thường xuyên và kiên trì*.

Ngày nay, thế và lực của đất nước đã có bước phát triển mới, tạo ra thời cơ mới cho cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, trước những nhiệm vụ nặng nề của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay, trước 4 nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII và Đại hội VIII đã xác định, *cần đặc biệt quan tâm đến tình trạng quan liêu, suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang diễn ra phổ biến, tinh vi và nghiêm trọng hơn, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, sự vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương, kỷ luật lỏng lẻo...* đang làm yếu sức chiến đấu của Đảng, làm suy giảm lòng tin của nhân dân. Do đó, *Đảng phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn một cách tích cực và kiên quyết hơn*, nhằm tạo ra một bước chuyển biến thật sự trên các mặt chủ yếu: *ngăn chặn và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái, trước hết về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, củng cố sự kiên định về mục tiêu lý tưởng cách mạng, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động; củng cố tổ chức chặt chẽ, sinh hoạt dân chủ, tăng cường kỷ cương, đoàn kết thống nhất; cán bộ đảng viên tiên phong gương mẫu, trong sạch nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị – xã hội. Đây là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta.*

I. VỀ NHẬN THỨC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

1. Trong điều kiện mới, phần lớn cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ vững phẩm chất chính trị, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng, nhất trí nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, nghị quyết của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm, nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Nhiều cán bộ, đảng viên kiên định lập trường cách mạng, nắm chắc Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chính sách, pháp luật, năng động, sáng tạo, hăng hái hoạt động thực tiễn; trong tổ chức thực hiện tuy có khi còn lúng túng, vấp vấp, nhưng ngày càng trưởng thành, xác định quan điểm chính trị ngày càng đúng đắn.

Tuy nhiên trong Đảng, về nhận thức, tư tưởng chính trị đang bộc lộ những diễn biến phức tạp, có mặt nghiêm trọng, ảnh hưởng tới bản chất giai cấp và sức mạnh lãnh đạo của Đảng, đáng lo ngại là:

- Trong một số cán bộ, đảng viên, chủ yếu là ở cơ quan Trung ương, cán bộ nghiên cứu, tham mưu, cán bộ hưu trí, trí thức và một số cán bộ hoạt động thực tiễn ở các ngành, các địa phương, còn có ý kiến chưa thống nhất cao trên một số vấn đề cơ bản cũng như một số vấn đề cụ thể quan hệ tới quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng. Từ đó dẫn tới lúng túng hoặc chậm cụ thể hoá để triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, mơ hồ, dao động, hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy đang tham gia các hoạt động xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang nói theo nghị quyết đảng, nhưng một số người vẫn thiếu tin tưởng, băn khoăn về con đường lựa chọn và tiền đồ của đất nước. Nhiều cán bộ, đảng viên thiếu cảnh giác với nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

- Một số cán bộ, đảng viên có những biểu hiện cơ hội dưới nhiều hình thức. Tình trạng không giữ vững nguyên tắc trong quá trình đổi mới, dập khuôn nước ngoài, đang diễn ra rất phức tạp. Trong các thời kỳ cách mạng trước đây, khi gặp khó khăn gay gắt, trong Đảng vẫn thường có đấu tranh giữa lập trường kiên định cách mạng và dao động, thoả hiệp, trốn chạy, đầu hàng; số đông chí kiên định cách mạng vẫn là lực lượng chủ đạo. Nay trong bối cảnh phức tạp, thử thách rất gay gắt, xuất hiện những quan điểm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng ở một số người, cần được kiên quyết đấu tranh để kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi. Trong khi đó, nhiều cán bộ, đảng viên tuy vẫn tin tưởng và trung thành với Đảng nhưng lại thụ động, thiếu bản lĩnh, không dám lên tiếng đấu tranh với những kẻ cơ hội, hoặc lên tiếng yếu ớt, ít có sức thuyết phục.

Trước diễn biến nhanh chóng của tình hình, nhiều hiện tượng tiêu cực phát triển, một số cán bộ, đảng viên, tuy đứng trên toàn cục vẫn tâm huyết

với đường lối đổi mới, lo lắng cho vận mệnh, tiền đồ của Đảng và chế độ, nhưng lại có biểu hiện bảo thủ, giáo điều, do dự, e ngại trên một số mặt đổi mới đúng đắn.

- Một số cán bộ, đảng viên do bất mãn cá nhân cơ hội, hoặc do nhận thức không đầy đủ, đúng đắn, trong đó có cả cán bộ đã từng cống hiến lâu năm cho cách mạng, lại bị các thế lực xấu ở trong và ngoài nước tâng bốc tạo dựng, đã ngấm ngấm hoặc công khai tán phát tài liệu, truyền bá những quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Hiến pháp của Nhà nước. Số này không nhiều nhưng đang lây lan, rất nguy hại.

Bên cạnh những biểu hiện nêu trên, hiện nay trong nhiều cán bộ, đảng viên có tâm trạng lo lắng trước tình hình kinh tế phát triển chậm lại, sự phân hoá xã hội phát triển nhanh, đời sống nhân dân ở một số nơi còn nhiều khó khăn, tình trạng tham nhũng và tệ nạn xã hội chưa ngăn chặn được, sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng kém hiệu quả; một số đồng chí lo lắng về khả năng “Đảng tự biến chất, diễn biến hoà bình”. Nhiều nghị quyết của Đảng chưa được tổ chức thực hiện tốt, nói không đi đôi với làm, làm cho nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước chậm đi vào cuộc sống, nhân dân giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước ta về khả năng ngăn ngừa và khắc phục nạn quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu trên là:

- Trong quá trình đấu tranh cách mạng vô cùng khó khăn gian khổ gần 70 năm qua, ở mọi thời kỳ, nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng ta đều phải trải qua đấu tranh để hình thành, phát triển nhằm xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối đúng đắn. Song, ở vào bối cảnh mới của giai đoạn cách mạng hiện nay, khi mà Liên Xô đã tan vỡ, chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, công cuộc đổi mới của ta lại đang cần tiếp tục triển khai sâu rộng, các thế lực thù địch lại ráo riết thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” bằng nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt theo hướng thúc đẩy “đa nguyên hoá chính trị”, “tư nhân hoá kinh tế”, “dân chủ hoá xã hội” thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, mở cửa không điều kiện,... làm cho tình hình nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng diễn ra càng phức tạp.

Trong khi đó, nhiều cán bộ, đảng viên ít quan tâm đến học tập chính trị, nghiên cứu đường lối, chính sách, pháp luật.

Chỉ đạo công tác tư tưởng của các cấp uỷ đảng trong thời kỳ mới, trước

hết là chăm lo giáo dục tư tưởng chính trị trong Đảng, nhất là trong cán bộ, đảng viên ở bộ máy công quyền và các cơ quan kinh tế tuy có cố gắng nhưng vẫn chưa được coi trọng đúng mức, chưa chủ động, thiếu kịp thời, thiếu tính chiến đấu sắc bén, chưa tương xứng với yêu cầu cấp bách và đặc điểm tình hình mới. Có tình trạng ngại va chạm, nường nhẹ, không dám đấu tranh phê phán, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện cơ hội.

- Việc cụ thể hoá và hoàn thiện đường lối, tuy có nhiều tiến bộ, nhưng chưa đầy đủ, thiếu kịp thời; nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật chưa theo kịp sự vận động của thực tiễn đổi mới, có những vấn đề để sơ hở kéo dài; đặc biệt là việc tổ chức thực hiện kém hiệu lực và hiệu quả; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thiếu chặt chẽ; kỷ cương bị buông lỏng, xử lý một số vụ việc chậm hoặc hữu khuynh... đã ảnh hưởng không nhỏ đến diễn biến về nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng.

- Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn còn chậm, hiệu quả thấp. Nhiều vấn đề lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; lý luận về xây dựng Đảng, về phương thức lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong điều kiện hiện nay của Việt Nam và những vấn đề khác mới nảy sinh trong quá trình đổi mới chậm được khảo sát, thảo luận dân chủ, kết luận kịp thời, để kéo dài cách hiểu, cách nhìn khác nhau đã ảnh hưởng tới sự thống nhất nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng và trong xã hội. Đó là một thiếu sót, đồng thời cũng là một khó khăn khách quan của công tác tư tưởng hiện nay. Việc truyền đạt các quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có cố gắng nhưng còn thiếu sắc bén, thiếu tính khoa học và sức thuyết phục.

- Sinh hoạt tư tưởng trong Đảng chưa thực sự theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Một mặt tình trạng dân chủ hình thức khá phổ biến, chưa thực hiện tốt tự do tư tưởng, làm cho nhiều người sợ bị quy kết mà né tránh những vấn đề gai góc, không dám nói thẳng, nói thật. Mặt khác, kỷ luật, kỷ cương rất lỏng lẻo, người không thực hiện hoặc nói và làm sai nghị quyết, pháp luật vẫn chưa bị phê phán và xử lý nghiêm minh. Tình trạng dân chủ hình thức và thiếu kỷ luật, kỷ cương có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau.

- Các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm, thâm độc xuyên tạc, chia rẽ, mua chuộc, lôi kéo cán bộ, chống phá Đảng từ trong nội bộ, tập hợp lực lượng trong và ngoài nước, kích động quần chúng, gây sức ép thay đổi

Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

3. Để khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII; mọi đảng viên không được nói trái, làm trái. Đặc biệt, phải kiên định:

+ Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

+ Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

+ Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân, trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

+ Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Trên cơ sở kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng mà thảo luận nhằm cụ thể hoá và phát triển sáng tạo lý luận, quan điểm, đường lối của Đảng; coi trọng tổ chức sinh hoạt tư tưởng cởi mở, bảo đảm tự do tư tưởng, nói thật, nói hết, trong tổ chức từ Trung ương đến cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ, không thành kiến, trù dập những người có ý kiến thuộc về thiểu số. Tăng cường thông tin, khi cần thì tranh luận có tổ chức, trước hết đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Xử lý nghiêm minh, kịp thời những người vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ như phát tán tài liệu, truyền bá ý kiến trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

- Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới có nguyên tắc, đúng định hướng, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế, vừa nâng cao hiệu quả xã hội, văn hoá - xã hội, xem đó là cơ sở bền vững và quan trọng nhất để ổn định và thống nhất cao về nhận thức tư tưởng chính trị trong Đảng đối với đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường tổng kết thực tiễn, chỉ đạo nghiên cứu thực tiễn các mô hình đang nảy sinh, lấy hiệu quả chính trị - kinh tế - xã hội làm thước đo, thảo luận dân chủ, sớm kết luận; lấy đó làm cơ sở để thống nhất nhận thức, tư

tưởng chính trị về đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Đồng thời với giải pháp trên, phải đẩy mạnh, cải tiến công tác nghiên cứu lý luận, kết luận những vấn đề lớn do thực tiễn đặt ra, làm căn cứ khoa học để hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, trước hết trên lĩnh vực kinh tế và một số lĩnh vực quan trọng khác, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng. Từng bước làm rõ hơn nữa những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta. Lấy Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, các ban của Đảng, một số trường đại học, viện nghiên cứu..., làm nòng cốt để tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, trao đổi lý luận. Sớm xác định một hình thức cụ thể, vừa bảo đảm dân chủ, vừa bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, để trao đổi những ý kiến còn khác nhau trong lý luận và thực tiễn, kể cả ý kiến bảo lưu.

Từ nay đến Đại hội IX, Bộ Chính trị lựa chọn một số vấn đề bức xúc nhất, tiến hành tổng kết thực tiễn, thảo luận sâu để làm rõ hơn về quan điểm, lý luận về mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Tiến hành sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu rộng trong Đảng theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đặc biệt về mục tiêu lý tưởng, nền tảng tư tưởng và nguyên tắc tổ chức của Đảng, tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên, nhằm khôi phục và nâng cao tính đảng của mọi đảng viên, tiến hành tự phê bình và phê bình về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống từ Trung ương đến cơ sở.

- Tăng cường và đổi mới công tác giáo dục cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trước hết đối với cán bộ giữ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý.

Giáo dục sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân về chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, chủ nghĩa xã hội, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, xây dựng bản lĩnh chính trị trong quá trình hội nhập quốc tế.

Có quy định cụ thể về chế độ học tập lý luận chính trị cho mọi cán bộ, đảng viên. Kiện toàn và nâng cao chất lượng các trường và trung tâm giáo dục chính trị. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị, văn hoá, khoa học của các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống xuất bản trong việc thực hiện chức năng giáo dục tư tưởng, đạo

đức, lối sống, thế giới quan khoa học và cách mạng, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại thẳng thắn, cởi mở giữa lãnh đạo cấp trên và cấp dưới, giữa cấp uỷ và đảng viên, giữa lãnh đạo và nhân dân.

- Trong sinh hoạt Đảng từ Trung ương đến chi bộ, phải quan tâm đến nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên. Bản thân mỗi cấp uỷ phải gương mẫu, đồng thời kiểm tra thường xuyên tình hình tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, giúp đỡ những đồng chí thiếu thông tin, uốn nắn những lệch lạc, phê phán và xử lý nghiêm những người không đủ tư cách chính trị. Tiến hành chặt chẽ việc phát triển đảng viên, việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử cấp uỷ, bảo đảm yêu cầu tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

II. VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

1. Trong điều kiện mới, phần lớn cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ vững và phát huy được tư cách đảng viên, tích cực lao động, công tác, học tập, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân. Đã có những tấm gương sáng về người chiến sĩ cộng sản trong môi trường kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập thế giới. Nhiều đồng chí tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác, đấu tranh giữ gìn truyền thống tốt đẹp, đạo đức cách mạng và bản sắc văn hoá dân tộc, mong muốn chỉnh đốn đảng, bảo đảm Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đảng viên, lại là cán bộ, đảng viên có chức có quyền suy thoái về đạo đức, lối sống, ảnh hưởng tới bản chất của Đảng, làm sa sút lòng tin của nhân dân, tổn thương mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, hạ thấp sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng. Những biểu hiện nổi bật của sự suy thoái đạo đức, lối sống là:

- Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, thực dụng phát triển nhanh. Nhiều cán bộ, đảng viên lo vun vén lợi, quyền cho cá nhân, gia đình, họ tộc, địa phương mình, đơn vị mình... hơn là chăm lo việc tập thể, việc cơ quan, việc dân, việc nước, chỉ lo đời sống vật chất, coi nhẹ đời sống tinh thần, giữ gìn tư cách đảng viên, chỉ lo trước mắt, không quan tâm đến những vấn đề cơ bản lâu dài. Lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, bản vị cục bộ không chỉ thể hiện

trong một số đảng viên trẻ mà cũng thể hiện khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên nói chung, nhất là trong cán bộ thuộc bộ máy công quyền và các tổ chức kinh tế...

Đặc biệt, tệ quan liêu, lãng phí của công, tham nhũng, hối lộ, “ăn chặn”, “ăn chia”, bòn rút của công, lối sống xa hoa, hưởng lạc diễn ra khá phổ biến, phát triển ngày càng nghiêm trọng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, có trường hợp thành đường dây, có móc nối trên dưới, trong ngoài, gây bất bình gay gắt trong xã hội. Gia đình của một số cán bộ có chức, có quyền lợi dụng thân thế người thân hưởng đặc quyền đặc lợi, vi phạm pháp luật, làm giàu bất chính, đang là mối băn khoăn sâu sắc của xã hội. Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, tình trạng phân phối thu nhập thiếu công bằng đang có sự cách biệt không hợp lý về thu nhập ngày càng sâu sắc. Những người chân chính phần nộ trước những kẻ lợi dụng chức quyền hoặc những sơ hở, yếu kém trong pháp luật, trong quản lý của Nhà nước để làm giàu bất chính.

Lối sống cơ hội còn diễn ra dưới nhiều hình thức; tình trạng “móc ngoặc”, “chạy chọt” trước khi bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, thi cử, điều tra, thanh tra, truy tố, xét xử, phân phối ngân sách, dự án đầu tư, giao thầu, cấp “cô ta”, xuất nhập khẩu, tính thuế, xét duyệt đề tài, cấp viện trợ... để chạy “chức”, chạy “quyền”, chạy “chõ”, chạy “lợi”, chạy “tội”,... đang phát triển.

Một số người vào Đảng vì động cơ chức quyền, danh lợi, chưa có sự giác ngộ đúng đắn về lý tưởng cách mạng. Nhiều cán bộ, đảng viên thụ động, ít quan tâm đến chính trị và rèn luyện đạo đức cách mạng. Bản lĩnh chính trị, tính gương mẫu phục vụ nhân dân, sống trong sạch, giản dị của không ít cán bộ, đảng viên bị mờ nhạt.

- Một số cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người có chức, có quyền quan liêu, sống xa cách dân; không sát cơ sở, ít tới những vùng khó khăn xa xôi; nhiều chuyến đi công tác có tính hình thức, phô trương, tốn kém, lãng phí tiền của, thời gian. Cách cư xử giữa cấp trên và cấp dưới còn nhiều quan cách, thiếu hoà đồng. Nhiều nơi báo cáo không phản ánh đúng thực tế, có khi thiếu trung thực, cấp trên thường khen cấp dưới nhiều, ít thẳng thắn phê phán, góp ý; nhiều cấp dưới hay lựa chiều nói lấy lòng cấp trên, trên dưới chưa nói thật, nói hết với nhau... gây nên tình trạng thiếu cởi mở, thiếu tin cậy nhau.

Trong nội bộ Đảng ở một số nơi mất đoàn kết khá nghiêm trọng chủ yếu vì kèn cựa, tranh giành chức quyền, lợi lộc, nhất là giữa những cán bộ chủ chốt.

Có trường hợp vì mâu thuẫn cá nhân mà tập hợp lực lượng, hình thành bè cánh trong Đảng và trong nhân dân để chống đối nhau, gây mất đoàn kết và mất ổn định xã hội, làm suy yếu tổ chức, làm cho tổ chức Đảng và Nhà nước mất tín nhiệm với nhân dân.

Ở một số nơi có tình trạng thiếu thông cảm, thậm chí mâu thuẫn giữa một số đồng chí đã nghỉ hưu với một số đồng chí đương nhiệm, giữa một số đồng chí tiền nhiệm với một số đồng chí đương chức.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu ở trên là:

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên mắc chủ nghĩa cá nhân, sống buông thả, thiếu tự giác rèn luyện, tu dưỡng, thủ tiêu tính tiên phong gương mẫu trong điều kiện mới. Trong khi đó, sự quản lý và kiểm tra của tổ chức đảng, trước hết của chi bộ, của cấp uỷ đối với đảng viên, cấp uỷ viên lại lỏng lẻo. Việc tổ chức nhân dân tham gia giám sát, giáo dục cán bộ, đảng viên làm không thường xuyên và chưa tốt.

- Chủ nghĩa thực dụng phát triển có cơ sở kinh tế sâu xa, khách quan từ mặt trái của việc áp dụng cơ chế thị trường, đang làm thay đổi thước đo, chuẩn mực giá trị đạo đức. Đảng chậm dự báo tình hình này, thiếu những biện pháp có hiệu quả tiếp tục giáo dục, rèn luyện và kiểm tra cán bộ, đảng viên, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của thời kỳ mới.

- Nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng chưa coi trọng đúng mức và chưa có biện pháp hữu hiệu để giáo dục, rèn luyện, kiểm tra đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức cách mạng trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; chưa xử lý tốt mối quan hệ giữa đức và tài trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo yêu cầu của thời kỳ mới, từ tuyên truyền, kết nạp, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đến sắp xếp, sử dụng, đề bạt cất nhắc, quản lý, kiểm tra, xử lý khi có vi phạm...; đó là một nguyên nhân quan trọng hàng đầu về tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng. Để nạn tham nhũng, lãng phí phát triển tràn lan và nghiêm trọng, có những vụ việc xử lý không nghiêm minh, không kịp thời là biểu hiện hữu khuynh của các cấp uỷ đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

- Suy thoái vốn là nguy cơ của đảng cầm quyền, mà biểu hiện phổ biến, dễ nhận thấy là quan liêu, cửa quyền, phô trương lãng phí, tham nhũng. Trong những ngày sôi sục cách mạng giải phóng, giành chính quyền, thì tất yếu đảng viên gắn bó chặt chẽ với nhân dân, sống và chiến đấu vì dân, do dân. Trong điều kiện cầm quyền, xây dựng đất nước trong hoà bình, nhiều

cán bộ, đảng viên không tiếp tục rèn luyện, nêu cao phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản, cho nên một số đồng chí đã biến quyền lực thành lợi ích vật chất cá nhân, sống trên dân, xa cách nhân dân.

Trong điều kiện vốn có nguy cơ suy thoái, nhưng nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật, trước hết về kinh tế lại chưa đầy đủ hoặc có sơ hở, thậm chí sơ hở kéo dài, tình trạng đặc quyền đặc lợi nhưng trách nhiệm không rõ ràng, đặc biệt cơ chế “xin, cho” còn nặng nề, đã gây thêm khó khăn cho việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên có chức, có quyền. Chính sách đãi ngộ, nhất là chính sách tiền lương chưa bảo đảm tái sản xuất sức lao động xã hội, làm cho nhiều cán bộ, công chức phải lo có thu nhập thêm để trang trải chi tiêu, đó cũng là miếng đất tốt cho nạn nhũng nhiễu phát triển phổ biến.

- Trong cơ chế mới, xã hội có nhiều thành phần kinh tế, nhiều chủ thể kinh tế cùng phát triển và cạnh tranh, bên cạnh những mặt tích cực cần khẳng định, mặt trái của cơ chế thị trường hàng ngày hàng giờ tác động đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, kích thích lòng ham muốn tiền tài, địa vị, lối sống xa hoa, hưởng lạc của một số cán bộ, đảng viên trực tiếp nắm quyền, nắm tiền. Tình trạng phân hoá giàu nghèo trong xã hội đang phát triển nhanh, các giai cấp và tầng lớp trong xã hội đang biến động, đã tác động vào các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.

- Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” bằng mọi thủ đoạn tinh vi, thâm độc như làm hư hỏng cán bộ, hòng thực hiện những âm mưu, ý đồ chính trị đen tối của chúng.

3. Để khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức lối sống, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Mọi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần *tự rèn luyện, tu dưỡng* về đạo đức, lối sống, *cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư*, chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản trong điều kiện và môi trường mới. Các tổ chức đảng phải tăng cường giáo dục, kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Đó là biện pháp hàng đầu để tăng sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và dân.

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, trước hết về kinh tế, nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp,

ngành nghề, không để khoảng cách giàu nghèo diễn ra quá lớn, quá nhanh, quá bất hợp lý giữa các vùng, các địa phương, các lĩnh vực công tác và các loại cán bộ. Có chế độ lương, thưởng, đãi ngộ thống nhất, tương xứng với công việc...

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả:

+ Các tổ chức đảng phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, nắm vững và tổ chức thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật khiếu nại, tố cáo và những quy định cán bộ, công chức không được làm.

+ Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế tiếp dân, chế độ công khai tài chính.

+ Cán bộ, đảng viên thực hiện kê khai tài sản theo quy định của Đảng và Nhà nước.

+ Thực hiện nghiêm quy định về đấu thầu và công khai hoá về dự toán, quyết toán xây dựng các công trình, mua sắm các thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Công khai hoá và thực hiện các chế độ, chính sách được hưởng đối với cán bộ (như sử dụng xe, nhà cửa, đất đai...).

+ Thực hiện những quy định về những việc đảng viên không được làm.

+ Điều chỉnh chính sách phân phối thu nhập hợp lý, thống nhất.

+ Giảm tối đa thiết chế đặc quyền, đặc lợi và cơ chế “xin, cho” để hạn chế tham nhũng, sách nhiễu nhân dân.

+ Tập trung chỉ đạo xử lý các vụ tham nhũng, những người vi phạm ở các cấp, các ngành, các đơn vị, bất kể là ai. Khi có đơn thư tố giác cán bộ tham nhũng, phải cho kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời đúng pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm, đồng thời xử lý nghiêm người vu cáo.

+ Từng cấp, từng ngành phải tập trung xử lý chống tham nhũng, làm tốt ở cấp trên sẽ có tác dụng tích cực đến toàn cục. Các cấp uỷ viên và người đứng đầu các cấp, các ngành, trước hết là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Bộ Chính trị đều phải chịu trách nhiệm chống tham nhũng ở nơi mình phụ trách. Khi xảy ra tham nhũng, lãng phí và các hành vi tiêu cực khác ở địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình phụ trách thì tùy theo mức độ và tính chất nghiêm trọng của nó mà xem xét kỷ luật cấp uỷ và người đứng đầu về chế độ trách nhiệm.

+ Phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, quan liêu; huy động một số cán bộ trong sạch, có uy tín, có kinh nghiệm giúp việc.

- Cùng với sự quan tâm đúng mức lợi ích vật chất, cần khôi phục và đề cao động lực tinh thần, nêu cao chuẩn mực giá trị đạo đức của cán bộ và con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về chiến lược cán bộ và Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về văn hoá, thể hiện trong các chính sách tuyển chọn, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, kiểm tra, đãi ngộ, đánh giá, đề bạt, xử lý cán bộ, đảng viên. Trong các giáo trình, sách, báo, phim, ảnh, các chương trình nghệ thuật cần coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống. Rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội thực dụng.

- Coi trọng tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Chỉ đạo cơ quan truyền thông đại chúng nêu gương “người tốt, việc tốt”; lên án cái xấu, cái ác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, giữ gìn bản thân và gia đình, nêu gương trong quần chúng, trước hết đối với quần chúng chung quanh gần gũi.

- Quản lý tốt đội ngũ cán bộ, đảng viên; mọi cán bộ, đảng viên phải thực hiện đúng Điều lệ, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Sớm ban hành những điều đảng viên không được làm.

- Có quy định về quan hệ của đảng viên ở cơ quan với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; về tổ chức nhân dân tham gia xây dựng Đảng, giám sát đảng viên ở cơ quan, đường phố, thôn, xóm, ấp, bản; về lấy ý kiến quần chúng ở nơi công tác và nhân dân nơi cư trú góp ý, phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ hàng năm.

- Cấp uỷ phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra những đơn tố cáo liên quan tới đạo đức, lối sống của từng cấp uỷ viên, người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị.

- Sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên thông qua sự giám sát của các tổ chức đảng, trước hết là từ chi bộ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm tập thể giám sát cá nhân, nhất là người đứng đầu; giám sát

của nhân dân và các cơ quan đại diện của nhân dân; giám sát của các cơ quan hành chính nhà nước; giám sát của công luận... Các cấp uỷ và chi bộ phải kiểm tra thường xuyên về phẩm chất đạo đức, lối sống và các mối quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên. củng cố cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật, bảo đảm trong sạch, vững mạnh để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu. Các cấp uỷ phân công một số đồng chí trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, huy động một số cán bộ, đảng viên trong sạch, có uy tín, có kinh nghiệm giúp việc.

- Tăng cường nghiên cứu về đảng cầm quyền, tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc chỉnh đốn đảng và những biện pháp khắc phục nguy cơ thoái hoá của đảng cầm quyền, nhất là trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập thế giới, là những cơ sở quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC

1. Từ Đại hội VIII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng ở các cấp đã tăng cường hơn chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chế độ kiểm điểm công tác theo định kỳ, đã kiểm tra phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, góp phần thực hiện có kết quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng...

Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Tổ chức bộ máy đảng ở các cấp được kiện toàn một bước, lề lối làm việc được đổi mới, phương tiện hoạt động được bổ sung, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo và công tác xây dựng Đảng do Đại hội VIII đề ra.

Công tác dân vận được tăng cường hơn, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có tiến bộ. Nhiều cấp uỷ đảng đã tích cực chỉ đạo kiểm tra, kiên quyết xử lý một số vụ việc tiêu cực, tham nhũng, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của nhân dân, củng cố về tổ chức, bố trí lại cán bộ chủ chốt và bước đầu đã ổn định tình hình ở những nơi có vấn đề phức tạp, từ đó quan hệ giữa Đảng và dân từng bước được khôi phục.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt

trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tình trạng Đảng bao biện làm thay Nhà nước, vai trò thụ động của Mặt trận và các đoàn thể, sinh hoạt thiếu dân chủ trong hệ thống chính trị được khắc phục một bước. Chức năng và hiệu lực quản lý của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp được coi trọng. Vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp - cơ quan quyền lực nhà nước được phát huy. Tiếp tục tăng cường dân chủ nội bộ và tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân trong quá trình chuẩn bị các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện quy trình dân chủ trong công tác cán bộ.

Tuy nhiên, từ nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng đến bộ máy tham mưu, tổ chức cơ sở đảng và phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc, khuyết điểm, chủ yếu là:

- Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa tốt, có những sai phạm. Tình trạng phổ biến hiện nay là dân chủ mang tính hình thức, không ít nơi tập thể chỉ là "bình phong" hợp thức hoá ý kiến của người đứng đầu, thực chất là tập trung độc đoán, thậm chí gia trưởng, chuyên quyền, nhất là ở một số cán bộ lãnh đạo cơ quan đảng, chính quyền và đơn vị kinh tế. Sự thiếu thẳng thắn, trung thực, giám sát tinh thần đấu tranh bảo vệ nguyên tắc của Đảng, bảo vệ chân lý, những biểu hiện cơ hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên là miếng đất tốt cho những cán bộ chủ chốt độc đoán áp đặt ý kiến của mình, buộc tập thể phải chấp nhận thông qua. Dân chủ hình thức thực chất là mất dân chủ trong Đảng, lâu dần đảng viên không muốn đóng góp ý kiến, ngại đấu tranh thẳng thắn, khi quá bất bình thì viết thư nặc danh, mạo danh, hoặc bày cho người khác đấu tranh...

Tình trạng dân chủ hình thức còn thể hiện ở chỗ: trong sinh hoạt của nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng chuẩn bị không chu đáo, thảo luận qua loa, nghị quyết không cụ thể, không tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động. Thường né tránh các vấn đề gai góc, nói loanh quanh, nói không rõ, nói "vô thưởng vô phạt"... Nhiều vấn đề quan trọng có tính nguyên tắc không được biểu quyết, không được kết luận rõ ràng, hoặc không thảo luận kỹ đã biểu quyết. Do đó, có tình trạng khá phổ biến là trong hội nghị thì nhất trí nhưng ra ngoài lại nói khác hoặc không thực hiện, nói một đằng làm một nẻo; khi đương chức thì không nói hoặc nói kiểu này, khi nghỉ chức vụ hoặc về hưu lại nói kiểu khác; khi còn phụ trách thì không được góp ý, đến khi chuyển công tác, nghỉ hưu thì bị: "môi móc"... Có không ít nơi lấy cơ

"đề cao dân chủ tập thể", nhưng người đứng đầu không dám đứng ra chịu trách nhiệm, không dám quyết đoán, khi xử lý công việc chỉ dựa dẫm vào tập thể; tình trạng phổ biến hiện nay là trách nhiệm cá nhân chưa thật rõ, hoặc không làm hết chức trách của mình.

Mặt khác, dân chủ không đi đôi với kỷ luật, do đó kỷ cương lỏng lẻo, nói và làm tùy tiện, chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước không nghiêm; có tình trạng vi phạm sinh hoạt dân chủ, tán phát "tờ rơi", thư nặc danh, mạo danh, đưa tin đồn để nói xấu, đả kích, làm mất uy tín nhau, gây nghi ngờ, chia rẽ nội bộ, mất ổn định xã hội.

Nhìn chung, việc chỉ đạo thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ nhiều nơi bị buông lỏng; Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh; đặc biệt là tình trạng phát ngôn tùy tiện, truyền bá các quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ và nghị quyết của Đảng đang phát triển trong một số người, kể cả một số cán bộ có quá trình tham gia cách mạng lâu năm.

Sinh hoạt tự phê bình và phê bình nhiều nơi không thành nề nếp, nơi thực hiện thì còn rất nặng về hình thức, kém hiệu quả. Tự phê bình rất yếu, thiếu tinh thần tự giác. Tình trạng phổ biến là xuê xoa, thoả hiệp, đặc biệt thường né tránh các vấn đề về nhận thức quan điểm, đường lối và thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu. Ngược lại không ít nơi lại "dấu đá", gây rối nội bộ hoặc trù dập người phê bình thẳng thắn, một số nơi nội bộ không thống nhất, nhưng không nói ra, thủ thế lẫn nhau, đến khi có vấn đề đụng đến cá nhân, khi bầu cử, đề bạt mới "bung ra".

- Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém tuy rằng nhiều đảng bộ vẫn được công nhận danh hiệu trong sạch, vững mạnh, nhiều đảng viên được công nhận đủ tư cách. Việc đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh chưa đúng thực chất, còn nể nang, hình thức và thành tích chủ nghĩa. Nhiều chi bộ, chi uỷ, nhất là ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp... sinh hoạt thất thường, lỏng lẻo kỷ luật, nội dung nghèo nàn, mất sức chiến đấu, không giữ được vai trò lãnh đạo. Tổ chức đảng ở nhiều xã, phường, cơ quan, đơn vị sự nghiệp... không ngăn chặn được tình trạng cán bộ, đảng viên suy thoái, để xảy ra những vụ việc vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng, gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước và của tập thể, không còn đủ uy tín và sức mạnh, bất lực trước các vụ khiếu kiện

của nhân dân. Một số chi bộ, nhất là ở cơ quan, đơn vị kinh tế không kiểm soát được đảng viên thoái hoá về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

- Tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị ở các cấp công kênh, chồng chéo, trùng lặp, phân tán. Chất lượng nghiên cứu, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định, phản biện của các ban đảng còn thấp. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành và địa phương còn lúng túng trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ. Nhiều tổ chức chính trị - xã hội còn hành chính hoá, không làm đúng và đầy đủ chức năng vận động quần chúng, không sát cơ sở và đối tượng vận động.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, trong đó nổi lên vẫn là sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện đảng cầm quyền, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện vẫn là một khâu rất yếu, vẫn "nói nhiều, làm ít", ra quá nhiều nghị quyết; học nghị quyết và triển khai thực hiện nghị quyết còn tình trạng "tồn đọng" khá phổ biến, nhất là ở cơ sở; có nơi xem việc ra được nghị quyết và phổ biến nghị quyết là xong; chương trình hành động thường rập khuôn, thiếu sáng tạo, thiếu sát hợp với điều kiện cụ thể của cấp mình, ngành mình; một số nơi thực hiện không nghiêm hoặc có việc lại làm trái với nghị quyết của Đảng.

Công tác kiểm tra của Đảng - một chức năng cơ bản của lãnh đạo, nhìn chung còn yếu kém, nhiều cấp uỷ chưa quan tâm đúng mức, kiểm tra không kịp thời, xử lý chưa nghiêm minh, chính xác.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu ở trên là:

- Chưa có sự thống nhất nhận thức cao về nguyên tắc tập trung dân chủ. Không ít cán bộ, đảng viên hiểu tách rời hai mặt, nhấn mạnh một chiều dân chủ hoặc một chiều tập trung. Trên thực tế, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn có phần đơn giản. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về nguyên tắc này chưa được đặt ra đúng mức; thiếu những quy định cụ thể phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành, từng cấp, từng nơi. Có nguyên nhân sâu xa, một mặt do mang nặng ảnh hưởng và thói quen từ nền sản xuất nhỏ phân tán, mặt khác lại do trải qua thời kỳ lâu dài quen với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nên nhiều cán bộ, đảng viên quen ỷ lại cấp trên, quen chấp hành các hoạt động mang tính hình thức.

Chủ nghĩa cá nhân thực dụng, ích kỷ, vụ lợi phát triển, trong khi đó

công tác kiểm tra từ trên xuống và từ dưới lên không thường xuyên, đã ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tình trạng tự phê bình và phê bình trong Đảng yếu kém còn có nguyên nhân là trong điều kiện hoà bình, nhiều đảng viên nặng lo cho cuộc sống bản thân và gia đình, nếu tích cực đấu tranh sợ mất việc làm, mất địa vị, sụt giảm thu nhập, trong khi đó lại chưa có cơ chế bảo vệ có hiệu quả người dũng cảm thẳng thắn đấu tranh.

- Tình trạng yếu kém của tổ chức cơ sở đảng có nhiều nguyên nhân, như: chưa nhận thức rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của từng loại cơ sở theo quy định, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chưa tốt; việc bố trí một số cán bộ chủ chốt chưa đúng; không ít cán bộ chủ chốt thiếu tính đảng, không nghiêm túc chấp hành vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, thiếu chăm lo bồi dưỡng cán bộ cơ sở; chính sách đối với cơ sở tuy đã được bổ sung, sửa đổi nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới...

- Chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, mối quan hệ lẫn nhau của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa được xác định thật rõ và hợp lý, còn phân tán, thiếu thống nhất; dẫn đến bộ máy biên chế công kênh, kém hiệu lực và hiệu quả, vừa bao biện, vừa buông lỏng, không rõ trách nhiệm. Từ Trung ương đến cơ sở đều có tình trạng như vậy.

Những tồn tại về tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị, một mặt do nhận thức về mô hình tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị còn thiếu thống nhất, chưa xây dựng được cơ sở khoa học về tổ chức trong điều kiện một đảng cầm quyền; mặt khác có biểu hiện thiếu thận trọng, chủ quan, hoặc cục bộ, bản vị trong công tác kiện toàn tổ chức, dẫn đến trường hợp vì người mà đặt tổ chức, vì có tổ chức ở cấp trên thì phải có tổ chức ở cấp dưới, v.v..

- Sau cùng, ảnh hưởng tới nhiều mặt xây dựng Đảng, đó là chậm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền và hệ thống chính trị, nhất là một đảng lãnh đạo trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

3. Để khắc phục tình trạng yếu kém, tồn tại về mặt tổ chức nêu trên, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Nâng cao nhận thức thống nhất và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, bảo đảm cho sự thống nhất ý chí và hành

động của toàn Đảng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Tiếp tục xây dựng bổ sung và cụ thể hoá quy chế thực hiện nguyên tắc này theo hướng sinh hoạt thật dân chủ đồng thời bảo đảm kỷ cương trong Đảng chặt chẽ hơn.

Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đảng, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, mở rộng dân chủ, khuyến khích thảo luận thẳng thắn, tôn trọng và tập hợp hết ý kiến đúng đắn trước khi quyết nghị. Khi có ý kiến khác nhau càng phải thảo luận kỹ càng và đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần thiết có thể cho tiến hành điều tra, khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Cụ thể hoá nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu khi có sai lầm về chủ trương công tác và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước kém hiệu quả kéo dài hoặc khi cán bộ do cấp mình quản lý có sai lầm. Quy định cụ thể về bảo lưu ý kiến trong chi bộ, trong cấp uỷ và ở một số cơ quan lý luận thích hợp.

Định kỳ tổ chức sinh hoạt chính trị, học tập lại Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng cho tất cả đảng viên, kết hợp với tự kiểm điểm việc thực hiện của từng người, từng tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, Điều lệ, những quy định, quy chế hoạt động của các cấp uỷ và tổ chức đảng. Phải thực hiện tốt hơn nữa chức năng kiểm tra của cấp uỷ các cấp.

- Phải xây dựng và thực hiện có nền nếp chế độ tự phê bình và phê bình trong nội bộ đảng từ Trung ương đến cơ sở. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải gương mẫu thực hiện. Có cơ chế phù hợp để lấy ý kiến quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ hàng năm, phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên, bảo vệ người thẳng thắn phê bình, đồng thời xử lý người lợi dụng phê bình để vu cáo, hãm hại đồng chí. Cấp uỷ, chi bộ ở các cơ sở phải nghiêm túc cụ thể hoá và lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định hiện có, loại bỏ các quy định không còn phù hợp với yêu cầu mở rộng dân chủ và tăng cường kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Củng cố đoàn kết thống nhất trong nội bộ từng cấp uỷ và tổ chức đảng. Ở những nơi có dấu hiệu mất đoàn kết hoặc công tác yếu kém, trì trệ kéo dài thì cấp uỷ cấp trên phải chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, trước hết từng đảng viên ở đó phải có trách nhiệm tự kiểm điểm, tự giải

quyết, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là của người đứng đầu; nếu nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan trực tiếp và tập thể cấp uỷ.

- Kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với tình hình mới, đúng Điều lệ Đảng, đúng pháp luật Nhà nước.

Chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt chi bộ theo định kỳ, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên. Đảng viên đang làm công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú theo quy định của Bộ Chính trị và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Đổi mới công tác phân tích chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, khắc phục cách làm hình thức không phản ánh đúng thực chất.

Kiên toàn cấp uỷ, bố trí đúng bí thư đảng uỷ, bí thư chi bộ. Có quy định cụ thể về việc bố trí bí thư, phó bí thư chuyên trách ở các cơ sở trọng điểm, có đông đảng viên và quần chúng, nhất là ở các doanh nghiệp lớn, đơn vị sự nghiệp và cơ quan trọng yếu. Củng cố các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, nhất là các trường và trung tâm chính trị tỉnh, huyện, bảo đảm cho tất cả đảng viên được dự các cuộc học tập theo chương trình hàng năm. Các cấp uỷ viên, nhất là các bí thư đảng uỷ cơ sở và bí thư chi bộ được nghiên cứu, học tập, nắm vững và thực hiện tốt yêu cầu nội dung, phương pháp công tác đảng ở cơ sở.

Các cấp uỷ, chi bộ phải xây dựng khối đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa đảng viên đương chức và đảng viên là cán bộ nghỉ hưu. Có hình thức phù hợp để tiếp tục phát huy năng lực và kinh nghiệm của các cán bộ, đảng viên nghỉ hưu ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, các cơ sở.

- Tiến hành cải tiến tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, sắp xếp hợp lý tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị.

Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp tinh gọn một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, xây dựng phương án giảm biên chế ở các cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan hành chính nhà nước, góp phần giảm bớt tình trạng công kênh, nặng nề của tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị hiện nay. Có chế độ, chính sách hợp lý để thực hiện yêu cầu giảm biên chế.

Việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy đảng cần quán triệt 2 *quan điểm sau*:

+ Bộ máy đảng cần phù hợp với điều kiện một đảng giữ vai trò lãnh đạo nhà nước và toàn xã hội; tổ chức bộ máy chuyên trách phải tinh gọn, có chất lượng, đồng thời phát huy đúng mức vai trò của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu cho Đảng về chủ trương, chính sách, thẩm định, phản biện, kiểm tra đối với những lĩnh vực có liên quan.

+ Không nhất thiết Trung ương có ban nào thì địa phương cũng phải có ban nấy. Xây dựng đội ngũ cán bộ đảng theo chức danh, tiêu chuẩn quy định. Mở rộng chế độ cộng tác viên của các cơ quan đảng để góp phần vừa nâng cao chất lượng công tác, vừa tinh giản bộ máy.

Tiến hành sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, lấy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả làm mục tiêu. Do đó phải:

- + Xác định chức năng nhiệm vụ rõ ràng, không để chồng chéo.
- + Giảm đầu mối, tầng nấc, tinh giản biên chế.
- + Bám sát cơ sở, sát dân; giữ vững kỷ cương.
- + Ngăn ngừa tệ tham nhũng, quan liêu, giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo.

- Cụ thể hoá hơn nữa về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và quy chế hoạt động của các ban cán sự đảng và đảng đoàn hiện có. Bổ sung, kiện toàn kịp thời về tổ chức và nhân sự của các ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Nghiên cứu phương án sắp xếp lại đầu mối tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của đảng uỷ khối hiện nay, quy định chức năng, nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm tình hình của đảng bộ khối.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

- Cải tiến việc ra các nghị quyết và quyết định của Đảng. Đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề cơ bản và bức xúc. Tăng cường điều tra xã hội học, thăm dò dư luận và khai thác thông tin từ nhiều nguồn để nắm chắc tình hình mọi mặt. Tiếp tục đổi mới quy trình chuẩn bị các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và phương thức nghiên cứu, triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết ở các cấp. Nội dung nghị quyết đặt ra phải rõ ràng, mọi cấp, mọi ngành có thể thực hiện được, giảm bớt thời gian chờ đợi sự hướng dẫn, cụ thể hoá ở các cấp.

Cấp uỷ và tổ chức đảng ở các địa phương, các ngành không ra các nghị quyết chung chung, mô phỏng nghị quyết của Trung ương, phải trên cơ sở nghị quyết của Trung ương, xây dựng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, từng cơ sở.

Công khai hoá các nghị quyết, chương trình hành động của cấp uỷ, tổ chức đảng có quan hệ đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và bí mật quốc gia), nhất là ở các cơ sở, để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng, nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng.

Khi đã có nghị quyết phải tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả, tạo chuyển biến thực sự, bảo đảm lời nói đi đôi với việc làm; người không làm, làm không đầy đủ, hoặc làm trái phải phê bình, xử lý kỷ luật một cách nghiêm túc. Các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan nhà nước phải lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá, thể chế hoá nghị quyết của Đảng thành pháp luật, chính sách, quyết định về mặt nhà nước. Giảm bớt các cuộc họp, hội thảo không cần thiết.

Phải tổ chức chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng. Phải sơ kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết kịp thời. Phải tổng kết việc thực hiện nghị quyết trước khi quyết định những chủ trương, nhiệm vụ mới.

Quy định chế độ cán bộ đi cơ sở, nhất là đi tới vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn (vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều khó khăn ở ngay từng cơ sở, từng địa phương).

Kiên quyết thực hiện quy chế về cán bộ, nhất là về luân chuyển, điều động cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

- Tất cả các cấp uỷ và tổ chức đảng đều phải tăng cường thực hiện chức năng kiểm tra, trước hết về ý thức và năng lực chấp hành nghị quyết của Đảng, về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Công tác kiểm tra cần được tiến hành ngay từ khâu chuẩn bị nghị quyết đến các khâu cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện nghị quyết. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và cán bộ có chất lượng cho các cơ quan kiểm tra đảng và thanh tra nhà nước.

- Xúc tiến tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, về xây dựng Đảng để góp phần đưa công tác đảng vào cuộc sống, phát huy ưu

điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho Đảng ta luôn xứng đáng với vai trò lãnh đạo và người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sự lựa chọn chủ đề với những nội dung vừa cơ bản vừa cấp bách trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay để Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra Nghị quyết là đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng và nhân dân, có ý nghĩa rất quan trọng, song tổ chức thực hiện đồng bộ, kiên quyết, nghiêm túc và hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở là khâu có ý nghĩa quyết định nhất. Lúc này "nói đi đôi với làm", "nói ít làm nhiều" là yêu cầu khẩn thiết để khôi phục lòng tin của nhân dân.

1. Mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (03-2-2000), bắt đầu từ 19-5-1999 đến 19-5-2001, sau đó trở thành cuộc vận động xây dựng Đảng thường xuyên, gồm các nội dung lớn trong Di chúc của Bác:

- Coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng;
- Rèn luyện về đạo đức và năng lực cán bộ, đảng viên;
- Xây dựng tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân;
- Đoàn kết nội bộ;
- Thực hiện năm lời thề khi vĩnh biệt Bác.

2. Ngay sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), phải cụ thể hoá thành chương trình công tác xây dựng Đảng của từng cấp.

Sắp xếp lại bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể. Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan có liên quan chuẩn bị đề án về vấn đề này để trình Hội nghị Trung ương 7.

3. Từng Ủy viên Bộ Chính trị, từng Ủy viên Trung ương tiến hành chỉ đạo điểm để thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), có sơ kết, rút kinh nghiệm và bổ khuyết kịp thời để chỉ đạo trong lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách, trước hết về đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, nêu gương tổ chức

thực hiện Nghị quyết này.

4. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) gắn liền với yêu cầu lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì, cùng Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, trước mắt tiến hành sinh hoạt tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng; có kế hoạch triển khai cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng xây dựng quy định những việc đảng viên không được làm, quy định cụ thể thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các ban đảng xây dựng hướng dẫn tự phê bình và phê bình trong Đảng, đổi mới sinh hoạt các cấp uỷ đảng, xây dựng đề án cải tiến tổ chức bộ máy Đảng, gắn liền với cải cách hành chính nhà nước.

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương xây dựng quy chế bảo vệ chính trị nội bộ gắn với xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì trong việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng và kiểm tra thực hiện quy chế về mối quan hệ Đảng, Nhà nước với nhân dân, về củng cố Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy chế toàn diện về nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng.

Văn phòng Trung ương chủ trì xây dựng đề án đổi mới phương thức ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cấp uỷ đảng thực hiện nghị quyết của Trung ương.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VIII)
Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách
trong công tác xây dựng Đảng hiện nay**

Suốt bảy thập kỷ qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua bao gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, một lần nữa chứng minh sự phát triển và trưởng thành của Đảng. Thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Thành tựu đó rất to lớn và đáng tự hào.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới.

Để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng phải có biện pháp phát huy ưu điểm, kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn, để ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ.

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở phải thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã nêu trong báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương, chú trọng những nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc sau đây:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng".

- Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Trong quá trình cụ thể hoá để thực hiện các quan điểm nói trên, tùy từng vấn đề, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức thảo luận dân chủ, cởi mở, bảo đảm tự do tư tưởng theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

Các cấp uỷ chủ động nắm diễn biến nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, thường xuyên cung cấp thông tin, giúp đỡ lẫn nhau tạo sự nhất trí về quan điểm, đường lối của Đảng; kịp thời uốn nắn những lệch lạc; phê phán và xử lý nghiêm minh những đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng đã được tổ chức đảng giúp đỡ nhưng vẫn truyền bá ý kiến riêng, tán phát tài liệu trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

2. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận (trong nước và thế giới), tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng.

Trước mắt, Trung ương giao Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, thảo luận để tiếp tục làm rõ hơn một số vấn đề bức xúc, như: kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò chủ đạo của kinh tế

nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; củng cố và đổi mới kinh tế hợp tác và hợp tác xã; chính sách đối với kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân; sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể, hoàn thiện chế độ tiền lương; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; hội nhập, hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài với việc giữ vững độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; chống chiến lược "diễn biến hoà bình" và những vấn đề bức xúc khác, chuẩn bị cho Đại hội IX.

3. Đổi mới công tác giáo dục trong Đảng và trong xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Quy định cụ thể chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan nghiên cứu lý luận và hệ thống các trường đảng, nhà nước, đoàn thể. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị, văn hoá, khoa học của hệ thống giáo dục, đào tạo, các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống xuất bản.

4. Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Cán bộ, đảng viên phải tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản, đề cao tinh thần đoàn kết, chống chủ nghĩa cá nhân; chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước; đồng thời, chú ý giáo dục, thuyết phục gia đình cùng thực hiện.

Tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng:

- Học, nắm vững và tổ chức thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật khiếu nại, tố cáo;

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế tiếp dân, chế độ công khai tài chính;

- Thực hiện kê khai tài sản theo quy định của Đảng và Nhà nước;

- Thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy về đấu thầu và công khai hoá về dự toán, quyết toán xây dựng các công trình, mua sắm thiết bị;

- Công khai hoá và thực hiện đúng các chế độ, chính sách được hưởng đối với cán bộ (như sử dụng xe, nhà, đất...);

- Thực hiện quy định những việc đảng viên không được làm.

5. Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả.

- Các cấp uỷ đảng và người đứng đầu các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở phải chịu trách nhiệm chống tham nhũng ở nơi mình phụ trách. Bộ Chính trị phân công một số Uỷ viên Bộ Chính trị, các cấp uỷ phân công uỷ viên ban thường vụ trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Khi xảy ra tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực ở địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình phụ trách thì tuỳ theo mức độ và tính chất vi phạm của vụ việc mà xem xét hình thức kỷ luật đối với cấp uỷ và người đứng đầu về chế độ trách nhiệm.

- Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp cùng với các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát, toà án phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời đúng pháp luật những đơn tố cáo về đạo đức, lối sống tiêu cực của cấp uỷ viên và người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Uỷ viên Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị.

- Không ngừng hoàn thiện các chính sách, pháp luật, trước hết là về quản lý ngân sách, quản lý tài sản doanh nghiệp, quản lý đất đai nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực. Các chương trình kinh tế - xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại đều phải có biện pháp thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng.

- Sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là sự giám sát của tổ chức đảng, trước hết là từ chi bộ, sự giám sát của nhân dân và các cơ quan đại diện nhân dân, sự giám sát của công luận. Củng cố tổ chức và có cơ chế quản lý chặt chẽ bảo đảm các cơ quan kiểm tra, thanh tra, bảo vệ luật pháp trong sạch, vững mạnh để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng nêu gương "người tốt, việc tốt", giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến; lên án cái xấu, cái ác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội; chống những quan điểm sai trái, thù địch.

6. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung

dân chủ. Xây dựng và bổ sung các quy định, quy chế thực hiện nguyên tắc này. Cụ thể hoá nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu; quy định cụ thể về bảo lưu ý kiến, bảo đảm cho người có ý kiến bảo lưu được phát biểu đầy đủ trong tổ chức đảng và một số cơ quan lý luận thích hợp.

Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đảng, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn; tôn trọng, tập hợp và xem xét để tiếp thu hết ý kiến đúng đắn của các cấp uỷ viên và đảng viên trước khi quyết định... Khi có ý kiến khác nhau phải thảo luận kỹ, đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần, phải điều tra, khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Khi đã có kết luận thì mọi người phải nói và làm theo kết luận; đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số có quyền báo cáo lên cấp trên.

Ở những nơi có biểu hiện mất đoàn kết thì cấp uỷ cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình; từng đảng viên có trách nhiệm tự kiểm điểm, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể, nhất là của người đứng đầu; trường hợp nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý thích đáng đối với những người có liên quan.

7. Củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt chi bộ, phân công và kiểm tra công tác đảng viên. Đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú theo quy định cụ thể của Bộ Chính trị và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Đổi mới công tác phân tích chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, khắc phục cách làm hình thức, chiếu lệ, thành tích chủ nghĩa.

Tiếp tục kiện toàn cấp uỷ, nhất là bí thư cấp uỷ. Các cấp uỷ phân công bí thư, phó bí thư và uỷ viên thường vụ phụ trách các cơ sở trọng điểm.

8. Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể. Có chế độ, chính sách hợp lý để thực hiện

yêu cầu giảm biên chế, cải tiến chính sách tiền lương.

Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu, chuẩn bị đề án về vấn đề này để trình Hội nghị Trung ương 7.

Kiên quyết thực hiện các quy chế về cán bộ, nhất là về luân chuyển, điều động cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

Quy định chế độ cán bộ đi cơ sở, nhất là đi đến các vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

9. Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02-9-1969 – 02-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (03-02-1930 – 03-02-2000). Cuộc vận động này tiến hành từ 19-5-1999 đến 19-5-2001, sau đó trở thành nền nếp, thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng thực hiện Di chúc của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

10. Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

Tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết và chỉ thị của Đảng. Đảng chỉ ra nghị quyết, chỉ thị khi thật cần thiết. Nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, các cấp uỷ và tổ chức đảng từng ngành có thể thực hiện được ngay, giảm bớt thời gian chờ đợi hướng dẫn, cụ thể hoá ở các cấp; trên cơ sở nghị quyết của Trung ương, xây dựng nghị quyết của cấp mình bằng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp. Khắc phục ngay việc ra các nghị quyết chung chung, mô phỏng nghị quyết của Trung ương.

Công bố công khai các nghị quyết, chương trình hành động của cấp uỷ, tổ chức đảng (nhất là cấp cơ sở) có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và Nhà nước), để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng, xây dựng và bảo vệ Đảng.

Khi đã có nghị quyết, phải tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả, tạo chuyển biến thực sự, bảo đảm lời nói đi đôi với việc làm. Cá nhân và tổ chức không làm, làm không đầy đủ, hoặc làm trái phải bị phê bình, xử lý kỷ luật. Tổ chức chỉ đạo, sơ kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết kịp thời đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng. Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết trước khi quyết định những chủ trương, nhiệm vụ mới. Các cấp uỷ, tổ chức

đảng phải tăng cường kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của Đảng. Từ Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương đến các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành phải thực sự đi sâu kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng, khơi dậy nhân tố mới, uốn nắn lệch lạc, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh; bớt giấy tờ, hô hào chung chung, qua nhiều tầng nấc trung gian. Cấp dưới phải báo cáo kịp thời, đầy đủ và trung thực tình hình lên cấp trên.

Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình kế hoạch cụ thể về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng căn cứ vào kế hoạch chung để xây dựng chương trình hành động của cấp mình, ngành mình. Từng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành gương mẫu thực hiện và chỉ đạo thực hiện thật tốt Nghị quyết này gắn liền với lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở lĩnh vực và địa bàn mình phụ trách.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương tin tưởng rằng, với truyền thống và bản chất tốt đẹp của Đảng, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, nhất định chúng ta sẽ thực hiện tốt Nghị quyết của Trung ương Đảng lần này, tạo ra một bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh và trong sạch, đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI, xứng đáng với lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn dân.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

LÊ KHẢ PHIÊU

KẾ HOẠCH SỐ 03/KH - TW NGÀY 10 - 02 - 1999
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2)
và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tiến trình đổi mới đất nước ta.

Nghị quyết Hội nghị nêu lên một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay trên ba lĩnh vực: nhận thức, tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; và một số vấn đề tổ chức, đồng thời mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hai năm (từ 19-5-1999 đến 19-5-2001), tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Bảo đảm quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương cũng là quá trình triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết quả việc triển khai Nghị quyết được thể hiện bằng kết quả cuộc vận động, bảo đảm đạt được các yêu cầu sau đây:

- Nâng cao nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới; thực hiện nghiêm túc phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng để Đảng trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, vững vàng trong mọi tình thế, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, hoàn thành sứ mạng lịch sử mà nhân dân giao phó, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; trước mắt thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

- Tăng cường rèn luyện đạo đức và nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên, bảo đảm cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết, thực hiện

đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nêu gương tốt, ngăn ngừa và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, địa vị, cục bộ, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Tăng cường xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; thúc đẩy mạnh hơn cải cách hành chính. Nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương tiến hành làm mấy bước:

1. Bước chuẩn bị: Từ khi có Nghị quyết đến ngày 19-5-1999, tiến hành các việc sau đây:

- Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thông báo nhanh những nội dung cơ bản của Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt ở địa phương và Bộ, ngành Trung ương.

Tài liệu để phổ biến nhanh kết quả Hội nghị là: thông báo Hội nghị, bài bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư và bản đề cương thông báo nhanh do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chuẩn bị.

- Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến phê bình của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình tập thể Bộ Chính trị và cá nhân từng đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị theo nội dung Kế hoạch số 01/KH-TW.

- Bộ Chính trị thông qua các quy chế: quy định những việc cán bộ, đảng viên không được làm; quy định thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị); quy chế học tập chính trị của đảng viên (do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chuẩn bị), các quy chế về cán bộ (do Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị); kế hoạch đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, kế

hoạch cuộc vận động chỉnh đốn, xây dựng Đảng (do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương cùng các Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chuẩn bị).

Chính phủ ban hành một số quy định cụ thể, thống nhất tiêu chuẩn, chế độ trang cấp phương tiện, vật dụng cho các chức danh cán bộ.

- Trước mắt, thực hiện nghiêm chỉ thị về tiết kiệm, chấm dứt việc biếu xén trong dịp Tết Nguyên đán theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ. Hạn chế đến mức cao nhất các thông tin lễ tân theo quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Bước một: Từ 19-5-1999 đến 2-9-1999:

- Mở hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) trong dịp kỷ niệm lần thứ 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời mở đầu cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Trung ương phát động cuộc vận động nhân lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tổ chức học tập, nghiên cứu sâu nghị quyết do các cấp uỷ đảng tổ chức.

Tài liệu phục vụ học tập gồm: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); các bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư khai mạc, bế mạc hội nghị và tại lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cho các đối tượng do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương biên soạn.

- Phổ biến kế hoạch của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kế hoạch đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị về Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; phổ biến các quy định do Bộ Chính trị và Thủ tướng quyết định.

- Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có chương trình hành động và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (lần 1) và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành; đồng thời tổ chức, động viên phong trào thi đua yêu nước, phong trào xây dựng đời sống văn hoá, chuẩn bị Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc trong thời kỳ đổi mới vào cuối năm 2000. Tiến hành tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch 01 của Bộ Chính trị.

3. Bước hai: Từ 2-9-1999 đến 3-2-2000 (từ kỷ niệm 30 năm thực hiện

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng).

- Phát động toàn Đảng, toàn dân học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 5 lời thề trong lễ truy điệu Người, với nội dung mà Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định: coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng; rèn luyện về đạo đức và năng lực cán bộ, đảng viên; xây dựng tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân; đoàn kết nội bộ tốt. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, liên hệ kiểm điểm theo tinh thần hướng dẫn của Bộ Chính trị.

- Tiến hành sơ kết cuộc vận động để rút kinh nghiệm triển khai tiếp bước sau theo yêu cầu, mục đích của cuộc vận động. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể chuẩn bị nội dung sơ kết để Bộ Chính trị quyết định.

4. Bước ba: Từ 3-2-2000 đến 19-5-2001:

- Tiếp tục cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng các cấp. Toàn Đảng, toàn dân tham gia thảo luận dự thảo văn kiện Đại hội IX.

- Cùng với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, chuẩn bị thật tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000; tổ chức tốt Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc và các nhiệm vụ quan trọng khác.

Trên đây là kế hoạch chung tổng quát, mỗi bước sẽ có kế hoạch cụ thể riêng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự có hiệu quả, các cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn cần xây dựng kế hoạch triển khai của cấp mình, thực hiện “nói đi đôi với làm”.

- Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo triển khai Nghị quyết và cuộc vận động ở địa phương, ngành mình.

- Các ban đảng ở Trung ương giúp Bộ Chính trị kiểm tra, rút kinh nghiệm từng bước, tiến hành sơ kết và tổng kết.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn triển khai Nghị quyết cho các đối tượng và biên soạn các loại tài liệu phục vụ việc triển khai nghị quyết và cuộc vận động.

Trong khi tổ chức triển khai nghị quyết và cuộc vận động cần thiết thực, hết sức tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí tiền của, thời gian.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Bản sao lưu trữ

KẾ HOẠCH SỐ 04/KH-TW
NGÀY 13 - 5 - 1999 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định "Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ 19-5-1999 đến 19-5-2001". Đây là nhiệm vụ cơ bản, cấp bách của công tác xây dựng Đảng, là công việc trọng tâm của tiến trình triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Việc triển khai cuộc vận động cần kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện thắng lợi chương trình công tác năm 1999 và các năm sau, xử lý kịp thời và có hiệu quả những công việc cấp bách; phải được tiến hành theo tinh thần thiết thực, tiết kiệm, tránh hình thức và lãng phí.

Bộ Chính trị đã ban hành "Kế hoạch triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng" (số 03/KH-TW, ngày 10-2-1999).

Sau đây là kế hoạch triển khai cụ thể cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng - tiến hành tự phê bình và phê bình từ 19-5-1999 đến 19-5-2001 nhằm mục đích "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng, thực hiện quan hệ máu thịt với nhân dân, làm cho Đảng - dân một ý chí".

1. Nâng cao nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới; tăng cường sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị, về ý chí và hành động trong toàn Đảng; củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá,

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; ngăn chặn, đẩy lùi một bước quan trọng sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, gắn bó với nhân dân, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh".

3. Tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấn chỉnh, sắp xếp lại các tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh, gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

4. Nêu cao tính nghiêm túc và gương mẫu chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết Đảng, pháp luật nhà nước, "nói đi đôi với làm".

II. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Cuộc vận động được tiến hành đồng bộ, thống nhất và chia làm 3 bước:

1. Bước một từ 19-5-1999 đến 2-9-1999:

1. *Tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).*

Thời gian: Hội nghị họp trong 4 ngày vào dịp kỷ niệm 109 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện Di chúc của Người; đồng thời phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thành phần triệu tập:

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

+ Bí thư hoặc phó bí thư.

+ Chủ tịch hội đồng nhân dân.

+ Chủ tịch uỷ ban nhân dân.

+ Trưởng ban tuyên giáo, trưởng ban tổ chức, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

- Các ban, ngành Trung ương:

+ Trưởng ban hoặc phó trưởng ban các ban của Trung ương Đảng.

+ Bí thư hoặc phó bí thư trực các đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương.

- Bí thư hoặc phó bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ và các bộ; bí thư hoặc phó bí thư Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể chính trị và

các Hội Văn học nghệ thuật, Liên hiệp Hội Khoa học và kỹ thuật; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà báo, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam; chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội; trưởng đoàn đại biểu Quốc hội...

Nội dung Hội nghị:

- + Đồng chí Tổng Bí thư khai mạc Hội nghị.
- + Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Uỷ viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị trình bày một số vấn đề quan trọng về nội dung cần quán triệt và việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chuẩn bị đề cương).
- + Giới thiệu "Quy định những việc cán bộ, đảng viên không được làm", Quy chế về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ; quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Uỷ viên Bộ Chính trị).
- + Giới thiệu các quy chế về quản lý cán bộ và hướng dẫn thực hiện kế hoạch triển khai phê bình và tự phê bình (đồng chí Nguyễn Văn An, Uỷ viên Bộ Chính trị).
- + Giới thiệu quy chế học tập lý luận chính trị trong Đảng (đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Uỷ viên Bộ Chính trị).
- + Hội nghị thảo luận trao đổi ở tổ.
- + Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu giải đáp, tổng kết hội nghị.

Tài liệu Hội nghị:

- Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (lần 2); Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Di chúc của Bác, Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương tại Lễ truy điệu Bác; bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" của Bác Hồ.
- Các quy chế, quy định nêu trên.
- Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) do Ban Tư tưởng
- Văn hoá Trung ương biên soạn dùng cho báo cáo viên và cán bộ trung cao cấp để tham khảo.

2. *Tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh* (sáng ngày 18-5-1999, trong thời gian Hội nghị cán bộ toàn quốc).

- Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Trung ương đọc diễn văn quan trọng và chính thức phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ 19-5-1999

đến 19-5-2001 (Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chuẩn bị nội dung).

- Đại diện lão thành cách mạng, đại diện các Đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, đại biểu Thanh niên phát biểu ý kiến hưởng ứng cuộc vận động (Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị).

Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam tường thuật tại chỗ buổi mít tinh kỷ niệm. Các địa phương không tổ chức mít tinh riêng.

Trong đợt sinh hoạt chi bộ tháng 5-1999, đảng viên đọc toàn văn Di chúc của Bác, Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại buổi lễ truy điệu Bác Hồ và bài diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại lễ kỷ niệm ngày sinh của Bác.

3. *Tổ chức quán triệt sâu Nghị quyết*, bàn chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và tuyên truyền giáo dục tinh thần Nghị quyết cho nhân dân ở các cấp (Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn thực hiện).

4. Tiến hành kiểm điểm phê bình và tự phê bình của các cấp.

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong phạm vi bộ, ban, ngành, địa phương mình; đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1998 và quý I năm 1999, tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đảng bộ.

- Tập thể và cá nhân kiểm điểm. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình ở một số bộ, ban, ngành, tỉnh, thành và sẽ sơ kết, có văn bản hướng dẫn việc triển khai tự phê bình và phê bình ở các cấp, các ngành (chậm nhất là 15-6-1999).

2. Bước hai từ 2-9-1999 đến 3-2-2000:

a. Tổ chức kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (3-9-1969 – 3-9-1999); toàn Đảng, toàn dân, toàn quân học tập, liên hệ với Di chúc của Bác để đánh giá kết quả bước đầu cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Văn phòng Trung ương chủ trì, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội phối hợp tổ chức tốt lễ kỷ niệm ở Trung ương và có kế hoạch thiết thực cho các chi bộ và đơn vị cơ sở.

b. Tiếp tục thực hiện tự phê bình và phê bình theo kế hoạch của Bộ Chính trị và của cấp uỷ.

c. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7.

- d. Lãnh đạo tốt việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
- e. Đẩy mạnh phong trào thi đua tiến tới kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng 3-2-2000.

3. Bước ba từ 3-2-2000 đến 19-5-2001: Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX:

a. Tổ chức trọng thể kỷ niệm mừng Đảng ta tròn 70 tuổi. Có đề cương tổng kết 70 năm hoạt động của Đảng gắn với việc đánh giá tiến trình phát triển của dân tộc trong thế kỷ XX. Bồi dưỡng, nâng cao niềm tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc và của Đảng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhất là thế hệ trẻ; xây dựng ý thức chăm lo xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện sứ mệnh lịch sử đưa dân tộc ta sánh bước cùng nhân loại tiến vào thiên niên kỷ mới.

b. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, các cơ quan lý luận, tư tưởng của Đảng phối hợp tổ chức hội thảo, sinh hoạt lý luận tư tưởng nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng, góp phần giải đáp những vấn đề lý luận, thực tiễn hướng tới tại Đại hội IX của Đảng.

c. Gắn liền công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng với việc tổ chức thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX, dự thảo báo cáo của các cấp uỷ trình Đại hội đảng bộ các cấp, bảo đảm việc xây dựng đường lối chính trị của Đảng và lựa chọn tốt nhân sự qua đại hội các cấp.

d. Chỉ đạo tốt hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000, trọng tâm là kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng, 55 năm ngày Quốc khánh, 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đẩy mạnh phong trào thi đua tiến tới Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc vào cuối năm 2000.

e. Tổ chức kết nạp lớp đảng viên mới nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng 3-2-2000.

g. Tổng kết cuộc vận động.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng từ nay đến năm 2001 có ý nghĩa rất to lớn đến việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII và chuẩn

bị Đại hội IX của Đảng. Đây là một nhiệm vụ then chốt phải được quán triệt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước ta. Các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động để thúc đẩy hoàn thành mọi nhiệm vụ, trước mắt là bảo đảm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1999, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết phải được đổi mới, nói đi đôi với làm, chương trình hành động phải thể hiện sự vận dụng nghị quyết sáng tạo, hiệu quả, phải kết hợp chặt chẽ các khâu quán triệt nhận thức, tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm và báo cáo kết quả.

Các ban của Đảng tập trung giúp Trung ương và Bộ Chính trị theo dõi, tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt những công việc được phân công.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì việc sơ kết các bước triển khai thực hiện và tổng kết cuộc vận động.

- Văn phòng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan tổ chức tốt hội nghị cán bộ toàn quốc.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch thực hiện các bước và hoàn thành những việc được phân công theo chức năng: biên soạn tài liệu học tập, soạn thảo các đề cương tuyên truyền giáo dục, mở các lớp nghiên cứu cho các đối tượng được phân công phụ trách, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền thực hiện Nghị quyết.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia và các ban đảng liên quan tổ chức xây dựng đề cương tổng kết 70 năm hoạt động của Đảng vào dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng.

- Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương cùng các Tiểu ban văn kiện chuẩn bị Đại hội IX có kế hoạch cụ thể, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận tập trung vào những vấn đề bức xúc mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra trình Bộ Chính trị trong quý III - 2000, góp phần chuẩn bị Đại hội IX của Đảng.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

**HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,
THỰC HIỆN THẮNG LỢI CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG,
CHÍNH ĐỐN ĐẢNG**

Thư các đồng chí lão thành cách mạng,

Thư các đồng chí đại biểu,

Thư các vị khách,

Với niềm tự hào và lòng biết ơn vô hạn, hôm nay chúng ta tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người thầy vĩ đại của Đảng, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Đầu thế kỷ này, trong đêm đen nô lệ, chỉ có hai bàn tay trắng, với lòng yêu nước thương dân nồng nàn và sâu nặng, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như một cuộc "hẹn hò lịch sử" giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại.

Cùng với việc xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng, Nguyễn Ái Quốc tập trung công sức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người xác định: Cách mạng Việt Nam "trước hết phải có Đảng cách mệnh", "Đảng có vững cách mệnh mới thành công".

Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước dấy lên cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh, cao trào đấu tranh chính trị 1936 - 1939, các cuộc khởi nghĩa cực kỳ anh dũng ở Nam Kỳ, Bắc Sơn, Ba Tơ và cùng với nhân dân thế giới quyết tâm chống chủ nghĩa phát xít, hết lòng giúp đỡ cách mạng hai nước anh em Lào và Campuchia.

15 tuổi, với 5.000 đảng viên, Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công, xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Qua ba mươi năm trường kỳ kháng chiến, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta lập nên hai kỳ tích có ý nghĩa thời đại: kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng hoàn toàn miền Bắc; 20 năm kháng chiến chống Mỹ, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đi theo con đường của Bác và thực hiện sáng tạo tư tưởng của Người, sau 12 năm đổi mới, nhân dân ta vừa phải khắc phục hậu quả nặng nề do các cuộc chiến tranh xâm lược để lại, vừa phải đối phó với những khó khăn do ảnh hưởng của những biến động ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, với các thủ đoạn bao vây, cấm vận kinh tế, mưu toan bạo loạn của các thế lực thù địch, đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khủng hoảng trầm trọng kéo dài, giữ vững ổn định chính trị, giành được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế - xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Những thành tựu ấy đã tạo ra thế và lực mới của cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện và tiền đề đưa nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời của một chiến sĩ cộng sản trọn đời vì nước vì dân, là biểu tượng của khí phách anh hùng, ý chí độc lập tự cường, kiên trì lý tưởng, sáng tạo và quyết thắng, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù. Noi gương Người, biết bao cán bộ, đảng viên, thanh niên và đồng bào đã hy sinh vì Tổ quốc, lấy sự nghiệp chung làm lẽ sống, trên dưới một lòng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tạo ra sức mạnh vượt qua mọi thử thách và hiểm nghèo có lúc tưởng chừng không vượt nổi.

Chặng đường vẻ vang gần 7 thập kỷ qua của Đảng và nhân dân ta đã khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu kỳ diệu.

Một Tổ quốc độc lập, thống nhất vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một Đảng Cộng sản kiên định, mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.

Một Nhà nước của dân, do dân, vì dân với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy trong đời sống xã hội.

Một lực lượng vũ trang cách mạng, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Một Mặt trận dân tộc thống nhất tiêu biểu cho đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, không ngừng củng cố và mở rộng.

Một tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong tâm trí các giai cấp cần lao bị áp bức và nhân loại tiến bộ "*Việt Nam - Hồ Chí Minh*" đã trở thành biểu tượng của niềm tin, ý chí, lương tâm và phẩm giá.

Một thời đại mới trong lịch sử dân tộc - *Thời đại Hồ Chí Minh*.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách,

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đặc biệt tới việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng phải là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc, phải hoàn thiện mình để lãnh đạo đất nước.

Người khẳng định: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". "Vì người cầm quyền, người lãnh đạo nếu không là đầy tớ của dân thì chỉ có thể là ông quan phụ mẫu, ông chủ của dân mà thôi. Phải hiểu rằng khi được giao chức quyền, cán bộ, nhân viên nhà nước chỉ là người đại diện cho nhân dân".

Nhà nước ta là của dân, do dân và vì dân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo Nhà nước ta là công cụ phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện nhân dân làm chủ. Bác Hồ xem *dân chủ là bản chất của chế độ ta, Nhà nước ta. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, coi trọng xây nền nhân dân là hai mặt không tách rời nhau của cùng một vấn đề.* Muốn xây nền nhân dân phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng phải củng cố nền nhân dân thật bền vững.

Về chỉnh đốn Đảng, Bác không coi đó là biện pháp tình thế mà là

nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, là sự vận động của bản thân Đảng trong quá trình phát triển của cách mạng. Khi cách mạng khó khăn, chính đốn Đảng để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định lập trường, không để rơi vào tình trạng dao động, bi quan; khi cách mạng trên đà thắng lợi, chính đốn Đảng để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu; khi Đảng cầm quyền, đảng viên rất dễ đánh mất mình, ngày hôm qua vĩ đại, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến nếu họ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy lại cần coi trọng chính đốn Đảng.

Đặc biệt là hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới và trước thực trạng của Đảng ta thì nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa là cơ bản, thường xuyên lại vừa rất cấp bách.

Trong những năm qua, cùng với những thành tựu quan trọng mà nhân dân ta đã giành được, Đảng đã có bước trưởng thành mới về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đa số cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất cách mạng. Nhưng chúng ta cũng nghiêm túc thấy rằng có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Trong khi cách mạng đòi hỏi sự phấn đấu kiên định và bền bỉ để thực hiện mục tiêu lý tưởng thì một bộ phận cán bộ, đảng viên lại giảm sút ý chí, phai nhạt lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đáng chú ý là có cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vi phạm luật pháp Nhà nước, thiếu tinh thần trách nhiệm khi giải quyết những vấn đề của đất nước cũng như của địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình.

Công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi phải toàn tâm toàn ý chăm lo sự nghiệp chung thì lại làm việc cầm chừng, thiếu tinh thần đồng cam cộng khổ, chỉ lo vun vén cá nhân, tham nhũng, hối lộ, đặc quyền đặc lợi, cục bộ địa phương, cơ hội, luồn lách, chỉ coi trọng lợi ích vật chất mà xem nhẹ giá trị tinh thần; nặng về lợi ích thực dụng trước mắt, xem nhẹ lợi ích cơ bản và lâu dài.

Cách mạng đòi hỏi đảng viên và người lãnh đạo phải gần gũi nhân dân, đi sát cơ sở, đi sâu vào thực tiễn, hiểu thấu nguyện vọng của đồng bào, lắng nghe ý kiến và học tập kinh nghiệm của quần chúng tổ chức thực hiện cụ thể, giải quyết kịp thời các vấn đề nóng hổi đặt ra trong đời sống, thì lại xa dân, quan liêu, đại khái, hống hách, sách nhiễu, không tôn trọng nhân dân,

không lấy kết quả chăm lo đời sống của nhân dân làm thước đo sự lãnh đạo và phẩm chất của mình.

Đất nước ta còn nghèo, nhân dân ta còn thiếu thốn, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phát huy cao nhất nội lực, cần kiệm liêm chính thì một bộ phận cán bộ, đảng viên xa hoa, phung phí tiền của, bỏ mặc tài sản của công mất mát, hư hỏng và bị phá hoại.

Các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn nham hiểm, trắng trợn và độc ác chống lại hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra phức tạp và quyết liệt đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh táo thì một số cán bộ Đảng, cán bộ Nhà nước lại mơ hồ, mất cảnh giác.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, kỷ luật và quản lý đảng viên lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt tự phê bình và phê bình không nghiêm, tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số cấp uỷ, địa phương...

Trước tình hình ấy, có cấp uỷ, đảng viên chưa thấy hết tính chất nghiêm trọng của thực trạng, còn chủ quan, đơn giản, thờ ơ, không nhận thức được yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách,

Đảng ta vừa tiêu biểu về trí tuệ vừa là biểu tượng của đạo đức, lương tâm, danh dự của dân tộc. Chúng ta không thể xem thường tính chất nghiêm trọng của sự suy thoái đó. Phải ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục. Nếu chúng ta không kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi sự suy thoái đang diễn ra trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước thì sẽ dẫn đến nguy cơ làm biến chất Đảng, đe dọa sự sống còn của chế độ, độc lập và an ninh của Tổ quốc.

Từ vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, từ yêu cầu của thời kỳ mới, từ thực trạng Đảng ta hiện nay, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã đi tới một quyết định đặc biệt quan trọng: phải tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng. Cuộc vận động tiến hành trong hai năm, từ 19-5-1999 đến 19-5-2001, sau đó trở thành nền nếp thường xuyên.

Cuộc vận động này phải đạt được yêu cầu:

1. Nâng cao sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, chính trị, về ý chí và hành động trong toàn Đảng, kiên định lập trường cách mạng và những quan

điểm cơ bản có tính nguyên tắc, củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong thời kỳ mới.

2. Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống làm cho Đảng gần bó máu thịt với nhân dân, Đảng - dân một ý chí, thực hiện lời dạy của Bác: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh".

3. Tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, gương mẫu chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết Đảng, pháp luật Nhà nước, nói đi đôi với làm.

4. Chấn chỉnh, sắp xếp các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính để bộ máy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này, cần gắn chặt việc quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với việc tiếp tục học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống phải gắn chặt với công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc cũng như tại nơi cư trú. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên thông qua tổ chức đảng, các cơ quan bảo vệ pháp luật, hệ thống cơ quan dân cử, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện có hiệu quả đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, nhất là trong các cấp uỷ Đảng, các cán bộ chủ chốt cấp Trung ương và tỉnh, thành. Tự phê bình và phê bình phải nhằm mục đích làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhận rõ ưu điểm để phát huy, chỉ ra khuyết điểm để sửa chữa. Trước hết, mỗi đảng viên phải trung thực, tự giác, lấy phẩm chất và danh hiệu cộng sản mà soi xét bản thân, đánh giá thật đúng mình, tranh thủ sự phê bình góp ý của đồng chí. Khắc phục tình trạng xuê xoa, nể nang để lấy lòng, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, thậm chí tìm cách bao che cho nhau, hoặc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, thiếu tính xây dựng. Muốn tự phê bình tốt phải tổ chức cho cấp dưới và nhân dân phê bình cán bộ, đảng viên và tiếp thu nghiêm túc những ý kiến phê bình đó.

Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu. Các cấp uỷ và người đứng đầu các địa phương, các ngành,

cơ quan, đơn vị, phải trực tiếp chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí tại đơn vị mình. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra phải làm tốt việc xử lý và kết luận các đơn thư tố cáo tham nhũng đối với cán bộ các cấp. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu phải được chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình tiến hành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hoá, khoa học giáo dục, quốc phòng an ninh, đối ngoại. Khắc phục những sơ hở trong chế độ quản lý kinh tế, tài chính, tài sản, văn hoá, gắn chặt với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy định của Đảng, của Nhà nước và cải cách chế độ tiền lương.

Một việc rất quan trọng, rất cơ bản là củng cố tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở xã, phường, cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang. Đưa toàn bộ các chế độ sinh hoạt Đảng, như sinh hoạt lãnh đạo, sinh hoạt học tập, sinh hoạt tự phê bình và phê bình thành nề nếp; làm tốt việc phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách,

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác Hồ, đối với nhân dân. Cuộc vận động ấy liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, hạnh phúc của đồng bào và việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng và cũng là nguyện vọng, trách nhiệm của toàn dân.

Năm nay vừa tròn 30 năm toàn Đảng, toàn dân thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do ý nghĩa đặc biệt ấy, với lòng thành kính nhớ ơn Người, chúng ta phải tự xem xét lại mình một cách cặn kẽ đã sống, học tập, rèn luyện, làm việc, chiến đấu như thế nào và phải tiếp tục làm gì để thực hiện Di chúc của Bác.

Trong buổi lễ trọng thể này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí có trọng trách, quyết tâm và gương mẫu thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Tôi thiết tha đề nghị các đồng chí lão thành cách mạng, các vị trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đại biểu Quốc hội, các nhân sĩ, trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, sinh viên cùng toàn thể đồng bào, các cựu chiến binh và các lực lượng vũ trang nhân dân cả nước tích cực hưởng ứng

cuộc vận động, thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách,

Thế kỷ XX sắp kết thúc. Một trong những nét nổi bật của thế kỷ này là: dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam đã được loài người tiến bộ đánh giá là một chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, chiến sĩ quốc tế kiên cường và vô cùng trong sáng. Tấm lòng của Người luôn luôn hướng về nhân dân các dân tộc, các tầng lớp cần lao bị đọa đày đau khổ. Người thiết tha mong mỗi thế giới hoà bình, các dân tộc được tự do và bình đẳng, con người được sống hạnh phúc và tốt đẹp.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng và Nhà nước Việt Nam, tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với các Đảng cộng sản và công nhân, phong trào độc lập dân tộc, phong trào hoà bình và dân chủ, anh em bầu bạn khắp năm châu, các chính phủ và các tổ chức quốc tế đã ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Sự ủng hộ to lớn đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Xin cảm ơn.

Diễn văn của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu

tại Lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh

Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm

thực hiện Di chúc của Người.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM ĐIỂM
TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH THEO NGHỊ QUYẾT
TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) KHOÁ VIII
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH
CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG**
*(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII
tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)*

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) mà khâu đột phá và biện pháp có ý nghĩa then chốt là tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, được phát động từ ngày 19 tháng 5 năm 1999.

Qua gần hai năm thực hiện, đại hội đảng bộ các cấp đã có báo cáo về tình hình và kết quả kiểm điểm trình trước Đại hội. Kết quả tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng đã tạo điều kiện cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi vào chiều sâu, góp phần tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng hướng tới thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào những năm đầu của thế kỷ XXI.

**I. SỰ CHỈ ĐẠO KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH
CỦA TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ VÀ CÁC CẤP ỦY ĐẢNG**

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã chỉ rõ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, những khuyết điểm về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, về tinh thần trách nhiệm, về chỉ đạo, điều hành của không ít cấp uỷ, tổ chức đảng và đề ra các nhiệm vụ để tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Kiểm điểm tự phê bình và phê bình được Nghị quyết đề ra đã đáp ứng kịp thời những vấn đề cấp bách của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn

Đảng, đòi hỏi việc nêu cao trách nhiệm của toàn Đảng, của các cấp uỷ từ Trung ương đến cơ sở, của mỗi cán bộ, đảng viên. Do tình trạng quan liêu, tham nhũng, hối lộ, các tệ nạn xã hội khác ngày càng nghiêm trọng và nhiều nơi nội bộ lãnh đạo thiếu thống nhất, mất đoàn kết nên bước vào triển khai thực hiện kiểm điểm, bên cạnh niềm tin, xác định trách nhiệm, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Trung ương, còn có tâm trạng lo lắng sợ diễn ra tình trạng “đầu voi đuôi chuột”, “đánh trống bỏ dùi” hoặc “đấu đá nội bộ”, “rối loạn tổ chức”...

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết, gắn kiểm điểm tự phê bình và phê bình với các quy chế, chính sách cụ thể, Bộ Chính trị đã ban hành các Quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, về công tác cán bộ, Quy định những điều đảng viên không được làm và Chỉ thị về thực hiện dân chủ ở cơ sở... Các văn bản của Trung ương, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư đã thể hiện rõ quyết tâm cao trong chỉ đạo thực hiện.

Quá trình chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình và phê bình, Bộ Chính trị, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã tập trung bám sát ba nội dung cơ bản mà Nghị quyết đã chỉ ra là tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và chỉ đạo điều hành; đồng thời xác định rõ phương thức tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ trên xuống.

Ở Trung ương thành lập Tiểu ban 6 (2) do đồng chí Tổng Bí thư chủ trì giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Ở địa phương từ tỉnh đến cơ sở, các ban, ngành ở Trung ương thành lập tiểu ban hoặc bộ phận giúp cấp uỷ và lãnh đạo cơ quan theo dõi, chỉ đạo, thực hiện kiểm điểm ở cấp trực thuộc.

Bộ Chính trị đã chọn 15 tỉnh, thành và 22 bộ, ban, ngành Trung ương để chỉ đạo rút kinh nghiệm kiểm điểm tự phê bình và phê bình và phân công các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo từng đơn vị. Các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương khác đều có đồng chí uỷ viên Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Lãnh đạo, chuyên viên các ban đảng Trung ương được phân công phối hợp theo dõi kiểm điểm từng cấp uỷ, tổ chức đảng.

Ở những nơi nội bộ mất đoàn kết, có những vụ việc nổi cộm, Bộ Chính trị đã lập tổ công tác thẩm tra, xác minh, kết luận và có trường hợp phải xử lý trước khi cấp uỷ tiến hành kiểm điểm hoặc kiểm điểm bổ sung.

Kiểm điểm tự phê bình và phê bình được thực hiện từ trên xuống, trước hết từ Bộ Chính trị, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội đến các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, đến cấp dưới, cấp cơ sở và đến từng cán bộ, đảng viên.

Kiểm điểm được kết hợp giữa xây và chống, lấy xây là chính, đề cao tinh thần tự giác, thực sự cầu thị của tập thể, cá nhân, hết sức coi trọng việc nêu gương của cấp trên, động viên sự tham gia góp ý của cán bộ, đảng viên trong từng đơn vị và lấy ý kiến của quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên.

Kiểm điểm tự phê bình và phê bình được thực hiện thống nhất trong toàn Đảng, không để tập thể, cán bộ, đảng viên nào đứng ngoài cuộc, tạo được sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí lão thành cách mạng, đội ngũ cán bộ, đảng viên tâm huyết với Đảng đã nghỉ hưu...

Sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng có nhiều đổi mới, kiên quyết, chặt chẽ, thống nhất nhưng trong quá trình thực hiện, nhất là lúc ban đầu còn lúng túng, chủ trương và biện pháp thiếu đồng bộ, hướng dẫn, gợi ý của Thường vụ Bộ Chính trị có điểm chưa sát làm cho các cấp uỷ và tổ chức đảng có phần bị động, lúng túng về chỉ đạo, về thời gian kết hợp với đại hội đảng bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở.

II. KẾT QUẢ KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH

1. Ba nội dung chủ yếu

a. Về tư tưởng chính trị.

Qua kiểm điểm, toàn Đảng, trước hết là cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp đã nâng nhận thức và củng cố sự kiên định những quan điểm, nguyên tắc được xác định trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Sự trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước vẫn là mặt cơ bản trong nhận thức, tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên. Trước những diễn biến tình hình phức tạp, từng đảng bộ, chi bộ đến toàn Đảng phấn đấu thống nhất tư tưởng và hành động, ngăn ngừa, khắc phục “4 nguy cơ”, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng coi trọng kiểm điểm nhận thức và vận dụng thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm tiến hành đổi mới đạt hiệu quả, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Từ thực tiễn đã tìm tòi những giải pháp cụ thể trên từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... tạo cơ sở cho việc xây dựng phương hướng phát triển, kế hoạch và chương trình hành động của cấp uỷ. Những biểu hiện xa rời định hướng của Đảng, làm sai, làm trái pháp luật gây hậu quả xấu được phê phán, xử lý.

Việc quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới, vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng trong sự nghiệp đổi mới được làm rõ và có kế hoạch hành động cụ thể. Số đông đảng viên thực hiện được vai trò tiên phong, gương mẫu. Số đảng viên mới kết nạp được chú trọng về chất lượng.

Qua tự phê bình và phê bình, sự thống nhất về tư tưởng chính trị trong Đảng được củng cố, ý thức chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Cán bộ, đảng viên đã coi trọng hơn việc học tập lý luận chính trị, đáp ứng đòi hỏi nâng cao trình độ nhận thức, tư tưởng, năng lực hoạt động thực tiễn và tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ.

Tuy vậy, một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức về công tác xây dựng Đảng nói chung, về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói riêng chưa sâu sắc, chưa coi là trách nhiệm chính trị trực tiếp hàng đầu của mình. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp uỷ, tổ chức đảng chưa đầu tư thời gian, công sức chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa quan tâm góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, chưa nhạy bén và tích cực đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của các lực lượng thù địch, cơ hội chống phá Đảng.

Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực ý thức trách nhiệm chưa cao, để xảy ra tình trạng thất thoát lớn, hiệu quả thấp. Nhiều doanh nghiệp nhà nước... thua lỗ kéo dài, nợ nần chồng chất, tham nhũng, hối lộ nghiêm trọng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm. Đổi mới và phát triển các hợp tác xã còn lúng túng, xem nhẹ và ít kết quả.

Một số cán bộ, đảng viên chưa nhận thức rõ những khó khăn, thách thức hiện nay, vẫn còn băn khoăn, hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; chưa coi trọng việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, hạ thấp vị trí, vai trò kinh tế nhà nước, coi nhẹ quản lý nhà nước về kinh tế, văn hoá; muốn mở

rộng dân chủ thoát ly điều kiện lịch sử - cụ thể hoặc chịu ảnh hưởng của quan điểm dân chủ tư sản, v.v.. Những năm gần đây, trong đời sống tinh thần có biểu hiện hạ thấp thế giới quan khoa học, đề cao thế giới tâm linh mang nhiều yếu tố mê tín.

b. Về đạo đức, lối sống.

Số đông cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ gìn và phát huy được tư cách đảng viên, tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân. Sống và hoạt động trong môi trường kinh tế thị trường, hội nhập với thế giới, nhiều cán bộ, đảng viên vẫn nêu cao tinh thần vì nước, vì dân. Trong hàng ngũ anh hùng, chiến sĩ thi đua, điển hình tiên tiến của thời kỳ đổi mới có mặt đông đảo cán bộ, đảng viên ở các lĩnh vực hoạt động. Nhiều đồng chí tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác; giữ vững truyền thống, bản chất tốt đẹp của Đảng, của dân tộc.

Việc chấp hành những quy định của Đảng và Nhà nước, nhất là các Pháp lệnh về cán bộ, công chức; về chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quy định về “Những điều đảng viên không được làm” đã có chuyển biến bước đầu, nhất là trong việc sử dụng tài sản công, tiếp khách, tổ chức việc tang, việc cưới... của cán bộ, đảng viên. Tình trạng ăn chơi phung phí có giảm.

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã chỉ rõ và xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng nổi cộm, mất đoàn kết nội bộ; thi hành kỷ luật số tổ chức, cán bộ, đảng viên vi phạm.

Trong kiểm điểm chung, các cấp uỷ, tổ chức đảng đều thống nhất đánh giá một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, thường là người có chức, có quyền buông lơì rèn luyện, sa ngã trước đồng tiền, để cho chủ nghĩa cá nhân trỗi dậy chi phối, dẫn đến suy thoái về đạo đức, lối sống. Công tác giáo dục, quản lý đảng viên, đặc biệt ở chi bộ thiếu chặt chẽ, tác dụng hạn chế; thậm chí còn làm ngơ trước những vi phạm của đảng viên.

Sự suy thoái phẩm chất, đạo đức nổi lên là lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, bản vị cục bộ, nhất là tệ quan liêu, lãng phí của công, tham nhũng, hối lộ, chạy chức, chạy quyền, chạy học vị, bằng cấp, sống sa hoa, hưởng lạc, xa dân. Ở một số đơn vị, có những cán bộ lãnh đạo chủ yếu do kèn cựa địa vị, tranh giành chức quyền, lợi lộc mà gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng, trước hết là mất đoàn kết giữa các cán bộ chủ chốt của cấp uỷ. Trung ương

và các cấp uỷ đã gợi ý cho tập thể và một số cán bộ chủ chốt cấp dưới đi sâu kiểm điểm làm rõ những dư luận về tham nhũng, hối lộ, nhất là về nhà, đất, dự án xây dựng các công trình, sử dụng kinh phí của Nhà nước, việc làm tiêu cực của vợ con, có nhiều nhà, nhiều đất, bản thân và gia đình giàu có bất thường...

Kiểm điểm về đạo đức, lối sống, nhất là về tệ tham nhũng, hối lộ, lãng phí, mới nêu được địa chỉ chung, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, chưa chỉ rõ được địa chỉ cụ thể của từng đơn vị, sự suy thoái, vi phạm của cá nhân, nhất là tệ lãng phí, tham nhũng, hối lộ. Qua kiểm điểm, rất ít trường hợp cá nhân tự giác nhận có vi phạm, thậm chí, nhiều trường hợp người đưa hối lộ khai báo con người cụ thể, số tiền và số lần hối lộ... nhưng các cơ quan thẩm quyền còn e ngại, không điều tra triệt để, tìm đúng sự thật nên vẫn không kết luận được. Việc thẩm tra, xác minh của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa làm rõ được các đối tượng tham nhũng, làm giàu bất chính... làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

c. Về tổ chức và chỉ đạo, điều hành.

Cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp trong kiểm điểm tập thể và cá nhân đã tập trung làm rõ ưu điểm, khuyết điểm về tổ chức và sự hoạt động của lãnh đạo và từng cá nhân.

Nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách được khẳng định; các quy định, quy chế, lề lối làm việc, mối quan hệ giữa các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể được chấn chỉnh, bổ sung.

Một số vấn đề còn lúng túng và chưa rõ trong hệ thống tổ chức đảng như mối quan hệ trong hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng với lãnh đạo cơ quan, đảng uỷ cơ quan, tổ chức đảng theo ngành và theo lãnh thổ; mối quan hệ phối hợp giữa sự chỉ đạo của ban, ngành Trung ương với cấp uỷ địa phương, tổ chức các đảng uỷ khối ở Trung ương, tỉnh, huyện... được đặt ra và có những kiến nghị giải quyết.

Những hiện tượng mất dân chủ, gia trưởng, dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan được phê phán, chấn chỉnh. Tệ quan liêu, không sâu sát cơ sở, chậm trễ trong cải cách hành chính... được vạch rõ nguyên nhân và tìm hướng khắc phục.

Những khuyết điểm trong công tác tổ chức và cán bộ được phân tích, chấn chỉnh, làm rõ trách nhiệm, đề ra các biện pháp để sửa chữa, củng cố. Các cấp uỷ đã kết hợp thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 về sắp

xếp tổ chức bộ máy; xử lý cán bộ vi phạm sau kiểm điểm, tiếp tục thẩm tra làm rõ để xử lý những vụ việc tồn đọng; kết hợp lựa chọn nhân sự hội đồng nhân dân và đại hội đảng bộ các cấp.

Sau kiểm điểm, đoàn kết nội bộ được củng cố một bước, có sự thông cảm, hiểu nhau, cởi mở hơn trong cấp uỷ, trong lãnh đạo. Những cấp uỷ mất đoàn kết được sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên đã kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể, của cá nhân; một số nơi nhận các hình thức kỷ luật đối với tập thể và cá nhân.

Nhiều nơi có tình hình bức xúc, gay gắt, cấp uỷ đã thay đổi cán bộ chủ chốt trước đại hội đảng bộ, thực hiện luân chuyển cán bộ, đưa cán bộ cấp tỉnh xuống huyện, cán bộ huyện xuống xã; coi trọng ý kiến, dư luận của cán bộ, nhân dân trong sắp xếp, lựa chọn, xử lý cán bộ...

Việc kiểm điểm về tổ chức và chỉ đạo, điều hành đã làm rõ những sai phạm về nhận thức và chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ ở cả hai mặt hoặc vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức, hoặc lỏng lẻo kỷ luật, kỷ cương. Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, còn dân chủ hình thức. Biểu hiện rõ nét ở tình hình đảng viên, cấp uỷ viên không dám phê bình thẳng thắn những yếu kém, khuyết điểm của nhau, nhất là của cấp trên trực tiếp và người đứng đầu. Trong sinh hoạt cấp uỷ và tổ chức đảng, nhiều nơi, nhiều lúc cán bộ không dám nói rõ chính kiến của mình, né tránh các vấn đề phức tạp. Có nơi, cả ban thường vụ, cả tập thể cấp uỷ không ai dám nói trái ý kiến của bí thư, của thủ trưởng. Đảng viên trong các cơ quan, các đơn vị kinh tế không dám phê bình khuyết điểm của người đứng đầu vì sợ bị trừ dập, mất mát những lợi ích thiết thân... Tình trạng thiếu dân chủ thường đi đôi với việc lãnh đạo, quản lý độc đoán, thậm chí gia trưởng, chuyên quyền. Ở những nơi xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, có trường hợp người đứng đầu dùng nhiều thủ thuật khống chế, vô hiệu hoá tinh thần đấu tranh của cán bộ, đảng viên.

Ngược lại, có tình trạng dân chủ không đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, nói và làm tùy tiện, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị của cấp trên không nghiêm. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm Quy định những điều đảng viên không được làm, đặc biệt là những quy định về chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ. Cùng với tệ tham nhũng, bệnh quan liêu, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng, gây hậu quả xấu về nhiều mặt.

Còn nhiều vi phạm trong thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Một số nơi, bí thư hoặc thường trực cấp uỷ quyết định những vấn đề quan trọng, những chủ trương lớn, những quyết định bổ nhiệm, đề bạt cán bộ... thuộc thẩm quyền của tập thể ban thường vụ. Một số ban cán sự đảng uỷ ban nhân dân trước khi quyết định những vấn đề quan trọng không xin ý kiến tập thể thường trực, thường vụ cấp uỷ. Mặt khác, không ít nơi vin vào “đề cao dân chủ tập thể”, từng thành viên lãnh đạo, nhất là người đứng đầu không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm cá nhân, dẫn đến buông lỏng lãnh đạo, buông lỏng quản lý, để tình trạng tiêu cực, khiếu kiện của nhân dân kéo dài...

Nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng khi kiểm điểm đã thấy rõ thiếu sót, khuyết điểm trong công tác tổ chức và cán bộ đưa đến sự trì trệ của bộ máy tổ chức, sự hẫng hụt cán bộ ở các cấp, các ngành, nhất là cán bộ chủ chốt, cán bộ cấp chiến lược, cán bộ đầu ngành và cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở. Hậu quả của những thiếu sót trong công tác cán bộ đã và đang thể hiện rõ ở một số đại hội đảng bộ từ cấp cơ sở, cấp huyện, quận, tỉnh, thành phố...

Tình hình thiếu đoàn kết hoặc mất đoàn kết diễn ra ở nhiều nơi, có nơi còn rất nghiêm trọng. Trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra mất đoàn kết nổi lên là tư tưởng cơ hội, tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, cục bộ, bè phái, dùng những thủ đoạn loại trừ nhau để tranh giành chức quyền, lợi lộc... Mặt khác, sinh hoạt tự phê bình và phê bình lại buông lỏng, làm hình thức, chiếu lệ, đấu tranh chống tham nhũng không triệt để... Trong tự phê bình và phê bình, những tồn tại về đoàn kết thống nhất nội bộ chưa được thẳng thắn phân tích, phê phán và xử lý đúng mức. Một số nơi mất đoàn kết nhưng không dám nhìn thẳng vào sự thật, cố tìm cách thu hẹp, giảm nhẹ khuyết điểm. Cơ chế và quy chế đánh giá cán bộ chưa hoàn thiện và thực hiện chưa nghiêm.

2. Xử lý vi phạm, kiện toàn tổ chức, nhân sự và thực hiện nhiệm vụ chính trị

a. Xử lý vi phạm, kiện toàn tổ chức, nhân sự

Báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương đã nêu lên nhiều vụ việc nổi cộm. Cấp huyện, quận và cơ sở hầu như đơn vị nào cũng có vụ việc, tuy số vụ việc nhiều ít khác nhau. Nội dung vụ việc rất đa dạng nhưng tập trung vào các loại: tham nhũng,

hối lộ; làm sai, làm trái pháp luật; đầu tư lớn không hiệu quả, sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài; công tác cán bộ vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cục bộ địa phương, bè phái; nội bộ cấp uỷ và lãnh đạo mất đoàn kết; thiếu trách nhiệm, quan liêu, mất dân chủ... Có những vụ việc tiêu cực liên quan đến trách nhiệm một số ban, ngành từ địa phương đến Trung ương.

Qua kiểm điểm, nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm cụ thể, nhất là trách nhiệm cá nhân trực tiếp và có kế hoạch phân công cụ thể để xử lý một cách khẩn trương, tích cực.

Một số vụ việc được dư luận, báo chí nêu lên đang được các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương xem xét, làm rõ sẽ được xử lý công minh theo đúng Điều lệ của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Theo báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, từ ngày 19-5-1999 đến hết tháng 3-2001, số cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) là: cán bộ do Trung ương quản lý 53 (có 10 uỷ viên Trung ương) bị xử lý kỷ luật, trong đó khiển trách 09, cảnh cáo 19, cách chức 20, khai trừ 05. Nội dung vi phạm về trách nhiệm 41; về dân chủ, đoàn kết nội bộ 18; về cố ý làm trái chính sách, pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng 14; về tham nhũng, hối lộ 08; về chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng 01 và về các vi phạm khác 03.

Cán bộ do tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ và cấp tương đương quản lý ở 61 đảng bộ tỉnh, thành và 10 đảng bộ khối cơ quan Trung ương đã xử lý kỷ luật 19.029, trong đó khiển trách 6.766, cảnh cáo 7.088, cách chức 2.192, khai trừ 2.983. Nội dung vi phạm: về trách nhiệm 4.508; về cố ý làm trái chính sách, pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng 2.989; về chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng 2.780; về tham nhũng, hối lộ 2.211; về dân chủ, đoàn kết nội bộ 2.226 và về các vi phạm khác 4.429.

Đối với tập thể cấp uỷ và tổ chức đảng, Bộ Chính trị đã quyết định cảnh cáo 02 ban thường vụ tỉnh uỷ, 03 ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương, khiển trách 02 ban thường vụ tỉnh uỷ. Nội dung vi phạm chủ yếu là buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng, nội bộ mất đoàn kết, uy tín lãnh đạo bị giảm sút. Riêng ở 15 tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã thi hành kỷ luật 97 cấp uỷ huyện, quận, xã, phường và tương đương; trong đó khiển trách 53, cảnh cáo 44.

Trong việc xử lý kỷ luật, còn có biểu hiện “trên nhẹ, dưới nặng”, có nhiều nơi xử lý chưa đồng bộ giữa kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền; việc thu hồi những số tiền và tài sản bị thất thoát, chiếm dụng tiến hành chậm hoặc chưa thực hiện. Những trường hợp liên quan đến các vụ án, việc xem xét, kết luận để kéo dài, có nơi cán bộ, đảng viên sai phạm đáng phải thi hành kỷ luật thì chỉ xử lý “rút kinh nghiệm”. Có trường hợp cán bộ chủ chốt cấp huyện, tỉnh sai phạm, bị xử lý kỷ luật, thậm chí chưa xem xét kỷ luật đã được điều lên cấp trên giao chức vụ mới cao hơn.

b. Thực hiện nhiệm vụ chính trị

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình đã góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, toàn Đảng, toàn dân đã phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng.

Hai năm qua, lũ lụt lớn liên tiếp xảy ra trên cả nước, đặc biệt những trận lũ lụt lịch sử ở miền Trung cuối năm 1999, ở đồng bằng sông Cửu Long cuối năm 2000. Tại những địa bàn trực tiếp đối mặt với lũ lụt, các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ sở cũng như các lực lượng quân đội, công an và cán bộ, nhân viên các ngành được huy động giúp dân, đã vượt qua mọi gian nguy, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ tính mạng, tài sản và chăm lo đời sống của nhân dân. Cán bộ, đảng viên cả nước đã đi đầu trong việc vận động và tổ chức toàn dân ủng hộ bà con vùng lũ lụt kịp thời, có hiệu quả. Trước thử thách nghiêm trọng của lũ lụt, nhiều cấp uỷ và đảng viên tỏ rõ một lòng một dạ vì nhân dân, được nhân dân tin cậy.

Tự phê bình và phê bình đã góp phần vào thắng lợi của cuộc bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp cuối năm 1999; trên cơ sở tự phê bình và phê bình đã lựa chọn được những cán bộ, đảng viên đủ tiêu chuẩn, xứng đáng giới thiệu với nhân dân bầu làm đại biểu hội đồng nhân dân và giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp. Những người không trúng cử chủ yếu do có sai phạm lớn về phẩm chất đạo đức và lối sống, mất tín nhiệm trong nhân dân nhưng cấp uỷ và tổ chức đảng vẫn giới thiệu. Có một số trường hợp cán bộ có nhiều sai phạm nhưng do chưa phát hiện, kết luận nên vẫn được giới thiệu và trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân, được bầu làm chủ tịch uỷ ban nhân dân; sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình được phát hiện làm rõ, đã bị xử lý kỷ luật đảng và miễn

nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Kết quả kiểm điểm đã góp phần tích cực vào việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, nhất là việc bầu cấp uỷ mới bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Những nơi tiến hành tự phê bình và phê bình đạt kết quả, việc lựa chọn nhân sự cấp uỷ diễn ra thuận lợi, sự đoàn kết, nhất trí trong đảng bộ được củng cố, tăng cường. Những nơi kiểm điểm chưa đạt yêu cầu, đại hội đảng bộ diễn ra phức tạp, việc lựa chọn nhân sự gặp nhiều khó khăn. Nhiều cấp uỷ viên được giới thiệu tái cử nhưng không được đại hội tín nhiệm nên không trúng cử.

Báo cáo về nhân sự đại hội đảng các cấp cho thấy:

Ở cấp cơ sở có 1.308 cấp uỷ viên không trúng cử, trong đó có 508 bí thư, 206 phó bí thư, 192 chủ tịch uỷ ban nhân dân, 193 phó chủ tịch uỷ ban nhân dân và hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Ở cấp huyện, quận có 250 cấp uỷ viên không trúng cử, trong đó có 6 đồng chí là tỉnh uỷ viên, bí thư huyện uỷ, thị uỷ, 14 phó bí thư thường trực, 1 phó bí thư chủ tịch, 12 phó chủ tịch uỷ ban nhân dân và 33 uỷ viên thường vụ huyện, thị uỷ.

Ở cấp tỉnh, thành phố có 46 cấp uỷ viên, trong đó có 16 uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ (có một số đồng chí là chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, uỷ viên thường vụ, thường trực tỉnh uỷ) không trúng cử. Một số đồng chí uỷ viên thường vụ được bầu vào ban chấp hành nhưng không trúng cử vào ban thường vụ khoá mới. Một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt phiếu tín nhiệm thấp.

Ở Ban Chấp hành Trung ương, một số đồng chí có sai phạm, bị xử lý kỷ luật, không được Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu tái cử nhiệm kỳ Trung ương mới với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Nhìn tổng quát, căn cứ vào ba yêu cầu triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên đã tạo được sự chuyển biến bước đầu quan trọng, thực hiện được một phần yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thể hiện trên các mặt:

- Nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước, nhất là về đường lối, quan điểm của Đảng, về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sự kiên định đối với các nguyên tắc, Cương lĩnh và Điều lệ Đảng được củng cố.

- Nâng cao ý thức đề phòng, ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao hơn tinh thần trách nhiệm, coi trọng việc mở rộng, phát huy dân chủ, đoàn kết tốt hơn trong các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

- Xử lý được nhiều vụ việc nổi cộm, tồn đọng, thực hiện một bước chỉnh đốn, kiện toàn tổ chức đảng các cấp, thi hành kỷ luật và thay đổi một số cán bộ vi phạm.

- Góp phần tích cực vào việc lựa chọn nhân sự đúng tiêu chuẩn cho bầu cử hội đồng nhân dân các cấp và góp phần quan trọng vào thành công của đại hội đảng bộ các cấp.

- Góp phần thúc đẩy hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu của nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000.

Tuy vậy, việc tiến hành tự phê bình và phê bình còn nhiều thiếu sót, hạn chế:

- Tính tự giác trong tự phê bình, tính đấu tranh trong phê bình ở nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng còn hạn chế, một số cấp uỷ và cá nhân cán bộ lãnh đạo cấp trên chưa gương mẫu, nói không đi đôi với làm, xử sự thiếu công tâm nên cấp dưới, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa tin vào kết quả kiểm điểm.

- Sự tha hoá về đạo đức, lối sống được cảnh tỉnh, ngăn ngừa, răn đe nhưng chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Một số nơi không thông báo công khai kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình, việc xử lý nhiều vụ tiêu cực nổi cộm chưa nghiêm, để tồn đọng và kéo dài.

- Đoàn kết nội bộ cấp uỷ, tổ chức đảng ở một số nơi do không tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, không thực hiện đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cán bộ chủ chốt mang nặng chủ nghĩa cá nhân, háo quyền lợi, cục bộ, bản vị, gây phe cánh trong nội bộ... diễn ra nghiêm trọng và kéo dài nên trong kiểm điểm ít kết quả và sau kiểm điểm có nơi tình hình phức tạp thêm.

- Những hiện tượng quan liêu, tham nhũng, hối lộ, chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp... mà trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã nêu rõ, qua kiểm điểm nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng tự liên hệ thấy có trong đơn vị mình nhưng vẫn không chỉ ra được địa chỉ cụ thể, trong kiểm điểm tập thể thì có nhưng trong kiểm điểm cá nhân lại không thể hiện được. Đây

là một thực tế làm cho một bộ phận nhân dân và dư luận đánh giá thấp kết quả tự phê bình và phê bình, chưa thật tin vào kết quả của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Sau kiểm điểm, nhiều nơi chậm khắc phục những sai phạm, tồn tại. Có nơi sợ thiếu sót, khuyết điểm ảnh hưởng đến việc sắp xếp nhân sự cấp uỷ khoá mới nên trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ có thái độ lừng chừng.

Kết quả đạt được và tồn tại nêu trên không đồng đều ở các địa phương, đơn vị.

Ở các ban, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố, nơi đoàn kết nội bộ tốt, cấp uỷ coi trọng công tác xây dựng Đảng, hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nhất là nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chuyên môn, duy trì được ổn định chính trị xã hội... thì việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình tạo được chuyển biến rõ rệt.

Một số ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố khác, tuy đoàn kết nội bộ chưa tốt nhưng qua kiểm điểm tình hình ổn định hơn, những vụ việc nổi cộm đã và đang được giải quyết, các lĩnh vực hoạt động diễn ra bình thường, lãnh đạo, cấp uỷ chủ động giải quyết được những vấn đề nảy sinh, sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình có chuyển biến nhưng còn hạn chế.

Số ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố còn lại, chậm chuyển biến, kết quả đạt được chưa đáng kể, thậm chí có nơi diễn biến xấu hơn do nội bộ cấp uỷ mất đoàn kết nghiêm trọng, dễ xảy ra nhiều vụ án lớn, nhiều vụ việc nổi cộm kéo dài, không giải quyết dứt điểm, tình hình xã hội có nhiều điểm nóng, nhân dân khiếu kiện vượt cấp ngày càng đông, tín nhiệm đối với lãnh đạo trong nhân dân thấp, tình hình diễn biến phức tạp, cấp uỷ không thể tự giải quyết mà phải có sự chỉ đạo, hỗ trợ của cấp trên. Một vài cấp uỷ trong số này sau khi được sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên, qua kiểm điểm bổ sung đã có dấu hiệu tích cực sửa chữa khuyết điểm, ổn định tình hình nội bộ, tiến hành đại hội bình thường.

Tình hình các huyện, quận và cơ sở cũng diễn ra theo ba dạng nêu trên. Đáng lưu ý là ở cấp cơ sở, tình trạng khá phổ biến là không sát dân, mất dân chủ với dân, buông lỏng việc quản lý đất đai, tài chính, chưa giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong cuộc sống của dân, tình trạng khiếu kiện đông người còn nghiêm trọng và lan rộng ở nhiều nơi.

Ở các ban, bộ, ngành Trung ương do tổ chức đảng không lãnh đạo toàn

diện như cấp uỷ địa phương, do còn lúng túng trong sự phối hợp giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với lãnh đạo cơ quan, đảng uỷ cơ quan, do chưa phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ địa phương trong chỉ đạo kiểm điểm các cơ sở trực thuộc hoặc hệ thống ngành dọc... nên kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình nói chung hạn chế hơn so với các cấp uỷ tỉnh, thành.

3. Nguyên nhân của ưu điểm và khuyết điểm

Nguyên nhân của ưu điểm:

1. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được phát động đáp ứng yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ xây dựng Đảng; đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân mong muốn Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới nên được sự đồng tình và hưởng ứng rộng rãi.

2. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, đa số cấp uỷ, tổ chức đảng có quyết tâm cao, chủ động khắc phục những khó khăn, lúng túng ban đầu, kiên trì bám sát mục tiêu và kiên quyết trong chỉ đạo, điều hành; tạo bước chuyển biến về nhận thức tư tưởng và hành động thực tế trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

3. Phương thức chỉ đạo, triển khai thực hiện nghị quyết được đổi mới, tạo được sự chỉ đạo thống nhất trong toàn Đảng, chú trọng tính hiệu quả, thiết thực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm, tham gia tích cực.

4. Kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đối phó, khắc phục thiên tai, lũ lụt, phát động phong trào thi đua lập thành tích kỷ niệm các ngày lễ lớn, Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000; thực hiện Quy chế dân chủ, quy định những điều cán bộ, đảng viên không được làm; thực hiện những công tác lớn như bầu cử hội đồng nhân dân, đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Nguyên nhân của khuyết điểm:

1. Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình chưa đầy đủ, chưa sâu sắc; việc chỉ đạo thực hiện chưa nghiêm, còn hình thức, có biểu hiện hoài nghi, chủ quan, muốn làm nhanh, làm lướt, không bảo đảm yêu cầu của cuộc vận động.

2. Một số nơi người đứng đầu thiếu kiên quyết, chưa nêu cao đầy đủ trách nhiệm, cấp uỷ chưa thật tập trung chỉ đạo, không làm tốt việc gợi ý kiểm điểm; thiếu hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, nhất là chưa quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Việc phát huy dân chủ trong Đảng còn nhiều hạn chế. Tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tính gương mẫu của một số cán bộ chủ chốt trong cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình còn yếu; cán bộ, đảng viên chưa thẳng thắn, vẫn còn nể nang, “dễ người, dễ ta” trong phê bình, tự phê bình. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, lấy ý kiến đóng góp của dân phê bình cán bộ, đảng viên.

4. Việc thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng, một thời gian dài không được chỉ đạo chặt chẽ, nặng về hình thức. Mặt khác, Đảng chưa đề ra được những cơ chế, chính sách đồng bộ, chưa có những tiêu chí quy định cụ thể để xem xét, đánh giá cán bộ, đảng viên đúng đắn, công bằng để động viên, khuyến khích những người tự giác, thành khẩn, tích cực sửa chữa sai lầm, khuyết điểm; để bảo vệ những người dám nói thẳng, nói thật với tinh thần xây dựng, xử lý những trường hợp có động cơ xấu, tố cáo sai sự thật, gây rối nội bộ, tạo động lực thúc đẩy cuộc vận động.

5. Công tác kiểm tra, theo dõi của các cấp uỷ và tổ chức đảng trước, trong và sau kiểm điểm chưa tiến hành thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm minh, cơ chế, chính sách còn nhiều sơ hở, chính sách tiền lương còn bất hợp lý...

Những kết quả, ưu điểm cũng như những thiếu sót, tồn tại trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình vừa qua với các nguyên nhân nêu trên là những bài học kinh nghiệm quý báu giúp Trung ương và toàn Đảng có những chủ trương, biện pháp phát huy, khắc phục trong thời gian tới để tiếp tục thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thu được những kết quả lớn hơn.

III. TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2), ĐẨY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Căn cứ phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội IX của Đảng và kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình vừa qua, trong những năm tới, Ban Chấp hành Trung ương đề

ng nghị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cho tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với quyết tâm và nỗ lực cao hơn, với tinh thần kiên quyết và kiên trì, tạo chuyển biến cơ bản trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

1. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng kiểm điểm, soát xét, bổ sung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), có kế hoạch, giải pháp cụ thể khắc phục tồn tại, yếu kém.

Uốn nắn những nhận thức, tư tưởng chính trị lệch lạc, sai trái; những biểu hiện hạ thấp, phai nhạt lý tưởng cách mạng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Xử lý triệt để, dứt điểm, nghiêm minh những vụ việc nổi cộm, bức xúc, những vấn đề mà dư luận quan tâm, những cơ sở đảng yếu kém, tình hình phức tạp, có nhiều đơn thư tố cáo, khiếu kiện của nhân dân, nội bộ mất đoàn kết, không bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ...

Nghiêm túc thực hiện Quy định về kê khai nhà, đất, tài sản, nguồn tiền cho con em đi học nước ngoài... có cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm, trước hết đối với cán bộ chủ chốt từ cấp huyện và tương đương trở lên. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ này, nhất là đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng yếu kém, đặc biệt là cấp cơ sở.

- Thực hiện công khai kết quả kiểm điểm, công khai kế hoạch sửa chữa khuyết điểm và công khai giải quyết các vụ việc nổi cộm, kể cả những trường hợp xử lý kỷ luật của các cấp uỷ, tổ chức đảng cho các đối tượng được quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về hoạt động, mối quan hệ làm việc của các cấp uỷ, tổ chức đảng. Cụ thể hoá để bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; trách nhiệm của người đứng đầu các cấp... Kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót về quan hệ, lề lối làm việc của tập thể và các thành viên lãnh đạo.

Chủ động ngăn ngừa, đẩy lùi những biểu hiện mất đoàn kết, thiếu thống nhất, cục bộ, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, trong công tác cán bộ. Những nơi mất đoàn kết kéo dài cần bố trí lại cán bộ lãnh đạo chủ chốt, trước hết là người đứng đầu.

2. Tổng kết kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) sau 2 năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (19-5-1999 - 19-5-2001)

Đánh giá kết quả đạt được, khuyết điểm, tồn tại về lãnh đạo, chỉ đạo, phương châm, phương pháp, quy trình tiến hành tự phê bình và phê bình. Đánh giá đúng thực chất những chuyển biến về nhận thức tư tưởng; đạo đức, lối sống; tổ chức và trách nhiệm trong quản lý và điều hành. Phân tích nguyên nhân của ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại. Các cấp uỷ, tổ chức đảng chỉ đạo tổng kết tự phê bình và phê bình đến từng đơn vị trực thuộc, tổng hợp và đề xuất kiến nghị về chỉ đạo, tổ chức thực hiện, về cơ chế, chính sách, phương pháp xử lý trong tự phê bình và phê bình.

Trên cơ sở tình hình và kết quả đạt được, tổng kết phải đi vào chiều sâu, nâng lên thành lý luận, giữ vững và phát huy nguyên tắc tự phê bình và phê bình của Đảng qua kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhằm giải quyết từng bước có hiệu quả tình hình suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Tổng kết phải gắn liền với mở rộng phát huy dân chủ trong Đảng, nhất là thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và chấp hành nghiêm các quy chế, chế độ đã được Trung ương ban hành, bảo đảm Đảng gắn bó máu thịt với dân, dân nhiệt tâm tham gia xây dựng Đảng.

3. Tăng cường chỉ đạo của cấp uỷ, nâng cao chất lượng và đưa việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình thành chế độ thường xuyên

- Nghiên cứu, ban hành các quy chế, quy định bảo đảm phát huy tính tự giác, tính chiến đấu, tính nêu gương của cán bộ, đảng viên; động viên, khuyến khích và có chính sách khoan hồng đối với những người thành khẩn nhận và tích cực sửa chữa khuyết điểm, sai lầm; đồng thời xử lý thật nghiêm những người có khuyết điểm, sai phạm nhưng quanh co, dùng nhiều thủ đoạn để che giấu. Đồng thời kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, cục bộ, kèn cựa địa vị, chạy chức, chạy quyền... trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình thường xuyên trong toàn Đảng.

- Xây dựng hệ thống các nguyên tắc, cách thức tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên trong các cuộc sinh hoạt của cấp uỷ và theo định kỳ hàng năm, trước khi hết nhiệm kỳ cấp uỷ, trước khi hết thời hạn bổ nhiệm cán bộ; chế độ cán bộ, đảng viên tự phê bình trước nhân dân.

Cấp uỷ cấp trên phải xem xét báo cáo kiểm điểm của tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp uỷ cấp dưới và gợi ý những vấn đề cần tập trung kiểm điểm, làm rõ của tập thể và cá nhân ở những nơi cần thiết. Tập thể cấp uỷ phải xem xét báo cáo kiểm điểm của cá nhân các thành viên và gợi ý kiểm điểm. Sau kiểm điểm cấp uỷ, tổ chức đảng phải báo cáo cấp trên kết quả và những vấn đề phải xử lý. Các bản kiểm điểm hàng năm phải được lưu trong hồ sơ của cấp uỷ và hồ sơ cá nhân.

- Gắn kết việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình thường xuyên với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, lối sống; coi đây là tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá, xem xét đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh và tư cách đảng viên.

- Kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, chỉ đạo và phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng nhằm góp phần thực hiện tốt kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Đảng. Gắn việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình thường xuyên với công tác dân vận, lấy ý kiến của nhân dân góp vào công tác xây dựng Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân của mỗi cấp uỷ, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Thường xuyên gắn chặt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, biểu dương những tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; ngăn ngừa và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước.

- Kiện toàn các cơ quan tổ chức các cấp của Đảng, bảo đảm cán bộ đủ năng lực và phẩm chất góp phần tích cực xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, toàn Đảng phải có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), bảo đảm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân phát huy nội lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, xây dựng và phát triển bền vững đất nước ngay trong những năm đầu của thế kỷ XXI, đặc biệt là việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội những năm 2001-2005.

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG¹

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiến hành tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động thu một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu song chưa đạt yêu cầu đề ra.

Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập; công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước, tính tích cực của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 137 - 146.

quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Những khuyết điểm nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trực tiếp và chủ yếu là do nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng chỉ đạo chưa tập trung và kiên quyết; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo tốt việc kết hợp tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu, quản lý kinh tế, tài chính và tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên...

Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, *tập trung làm tốt những công tác quan trọng sau đây:*

1. Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp uỷ, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trên cơ sở tổng kết hai năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đưa việc tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức; vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Các cấp uỷ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị nào đều phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng.

Kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những

biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hoá, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

2. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu; có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ

chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

3. Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng

Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Cấp uỷ cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

4. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp uỷ, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp uỷ cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra

đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ khối theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp uỷ viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Tiếp tục thực hiện chủ trương cấp uỷ đảng giới thiệu bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ để được bầu vào Hội đồng nhân dân và làm chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các cấp uỷ viên, nhất là cán bộ chủ chốt, có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân; cấp uỷ định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò của Đoàn là đội quân xung kích và là lực lượng dự bị, kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng.

Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan đó. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp uỷ, của uỷ ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22 - 4 - 2001)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy

vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

CHƯƠNG I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1.

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2.

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3.

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4.

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào

Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp uỷ:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi uỷ kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên; khi có quyết định của cấp uỷ cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng uỷ cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp uỷ viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp uỷ cơ sở được uỷ quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 5.

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6.

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7.

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8.

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xoá tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9.

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở

mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp uỷ).

3. Cấp uỷ các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp uỷ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10.

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11.

1. Cấp uỷ triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp uỷ triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12.

1. Cấp uỷ viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp uỷ viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp uỷ các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;
- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;
- Bầu cử bằng phiếu kín;
- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại

biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13.

1. Cấp uỷ khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp uỷ khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp uỷ viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động một số cấp uỷ viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp uỷ viên xin rút khỏi cấp uỷ, do cấp uỷ xem xét đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Uỷ viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp uỷ viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp uỷ đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Đối với Uỷ viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ của tổ chức đảng đó.

Điều 14.

1. Cấp uỷ mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.
2. Khi cần, cấp uỷ lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

CHƯƠNG III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15.

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.
2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.
3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Uỷ viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16.

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).
2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17.

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Uỷ viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Uỷ

viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

CHƯƠNG IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18.

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp uỷ cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp uỷ xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp uỷ trực

thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19.

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20.

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21.

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.
- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22.

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập: cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần; các cơ sở khác năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

4. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

5. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23.

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng uỷ cơ sở nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp uỷ quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24.

1. Chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập mỗi năm một lần; nơi chưa có chi uỷ thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng uỷ cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi uỷ, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25.

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26.

1. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Quân uỷ Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27.

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 28.

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách,

bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp uỷ công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp uỷ cấp trên chỉ định. Cấp uỷ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương; phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29.

1. Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng uỷ công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí uỷ viên thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận, thị uỷ được chỉ định tham gia.

CHƯƠNG VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30.

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31.

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32.

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33.

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

CHƯƠNG VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34.

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy

định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

2. Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc

xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39.

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40.

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41.

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42.

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43.

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp uỷ cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm

một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban cán sự đảng do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

CHƯƠNG X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 44.

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45.

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

CHƯƠNG XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46.

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ

quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hàng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

CHƯƠNG XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47.

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48.

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

Bản sao lưu trữ

CHỈ THỊ SỐ 03/CT - TW NGÀY 07 - 6 - 2001
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ VIỆC TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)
KHOÁ VIII

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đã ra Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", quyết định toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (từ 19-5-1999 đến 19-5-2001), thực hiện tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở.

Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra"..., "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII".

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), trước mắt, năm 2001, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tập trung thực hiện các việc sau:

1. Tại Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã có báo cáo mang tính tổng kết về tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Nay yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng ở từng cấp đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được; phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao chưa đạt yêu cầu; xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân; đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể, có tính khả thi để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới.

2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các cấp uỷ, tổ chức đảng bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình.

Rà soát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau khi tiến hành tự phê bình và phê bình, đặc biệt là việc giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị, kể cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh.

Gắn việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII về kiện toàn tổ chức, bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách, sắp xếp cán bộ.

Tổ chức tốt các lớp quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX theo Chỉ thị 01/CT-TW, ngày 29-5-2001 của Bộ Chính trị; đưa chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định 54 của Bộ Chính trị vào nền nếp.

3. Các cấp uỷ, tổ chức đảng căn cứ vào những quy định của Bộ Chính trị về những điều cán bộ, đảng viên không được làm và Pháp lệnh cán bộ, công chức; Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quy chế dân chủ ở cơ sở... xem những điều gì chưa làm được, đề ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả.

Cán bộ, công chức kê khai nhà, đất theo hướng dẫn, quy định của Chính phủ. Đối với những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp phải kê khai nhà, đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải chỉ đạo chặt chẽ, xác định rõ tiến độ thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt các quy định.

4. Xây dựng các quy định, đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp, thường xuyên, có chiều sâu, chất lượng trong sinh hoạt Đảng các cấp.

Về tổ chức thực hiện:

1. Để tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ở Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp phụ trách Tiểu ban Trung ương 6 (2). Ở các cấp uỷ, tổ chức đảng, đồng chí bí thư cấp uỷ, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng các cơ quan trực tiếp chỉ đạo.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo thực hiện chỉ thị này và tổng hợp báo cáo theo các nội dung trên gửi về Bộ Chính trị trước ngày 15-7-2001. Báo cáo của cấp uỷ do đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo xây dựng, lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt các cấp uỷ và tổ chức

đảng trực thuộc, các đồng chí lão thành cách mạng và thảo luận kỹ, nhất trí trong thường vụ cấp uỷ trước khi báo cáo lên cấp trên.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì cùng với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc kê khai nhà, đất, nguồn tiền để vợ, con đi học tự túc nước ngoài của cán bộ, công chức.

4. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng các quy chế, quy định, các nguyên tắc, cách thức tiến hành tự phê bình và phê bình bảo đảm tính tự giác, tính chiến đấu, tính nêu gương của cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng các cấp.

5. Các ban đảng của Trung ương, cùng các cơ quan liên quan theo chức năng của mình phối hợp với Tiểu ban Trung ương 6 (2), giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, thực hiện chỉ thị, tổng hợp báo cáo của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương theo các nội dung nói trên trình Hội nghị Trung ương.

Chỉ thị này được phổ biến tới chi bộ.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

**BÁO CÁO SỐ 31/TLHN NGÀY 26-10-2001
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX**

**Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII,
đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn,
đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí**

Đại hội IX của Đảng đã quyết định: "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII...". Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 03/CT-TW, chỉ rõ những nội dung cụ thể trước mắt để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Hội nghị Trung ương 4 lần này, trên cơ sở xem xét, đánh giá tình hình thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ sau Đại hội IX đến nay, quyết định một số chủ trương, biện pháp nhằm đẩy mạnh cuộc vận động mà trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí.

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG,
CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TỪ SAU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG**

1. Kết quả đạt được

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sau hai năm thực hiện đã thu được kết quả và kinh nghiệm bước đầu. Tuy kết quả đạt được còn có hạn, còn thấp so với mong đợi, nhưng những chuyển biến của toàn Đảng trên cả ba nội dung cơ bản mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra chứng tỏ quyết tâm của Trung ương và sự phấn đấu nỗ lực của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, đã đạt được một phần yêu cầu đề ra, tạo cơ sở thuận lợi cho việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động.

- Sau Đại hội IX của Đảng, việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đã góp phần củng cố và nâng lên một bước đáng kể ý thức

chính trị của toàn Đảng. Nhận thức về đường lối đổi mới trên cơ sở giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được củng cố, kiên định hơn; những sự hoang mang dao động, mơ hồ, hoài nghi của một bộ phận cán bộ, đảng viên về con đường đi lên của đất nước, về khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, về bản chất phản động của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc... tiếp tục được khắc phục. Sự nhất trí về quan điểm, đường lối cách mạng, tinh thần cảnh giác và ý thức đấu tranh với những quan điểm chính trị cơ hội được tăng cường. Vị trí then chốt và tầm quan trọng sống còn của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được nhận thức sâu hơn; toàn Đảng ý thức rõ hơn về tính cấp bách của nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, về trách nhiệm của mọi cấp uỷ đảng và đảng viên phải tích cực góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

- Những biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên được cảnh tỉnh, răn đe, một số nơi các vụ việc tiêu cực có giảm bớt. Ý thức giữ gìn phẩm chất, tư cách đảng viên; tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân được chú ý rèn luyện hơn¹.

- Hàng ngàn vụ việc nổi cộm, phần lớn liên quan đến tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong đó không ít vụ việc tồn đọng kéo dài nhiều năm, đã và đang được giải quyết. (Theo thống kê của 50 tỉnh, thành uỷ và 71 cơ quan Trung ương thì tổng số vụ việc nổi cộm, bức xúc được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình là 727, đến giữa tháng 10-2001 đã giải quyết xong 551 (76%), đang giải quyết 165 (22%), chưa giải quyết 11 (2%). Số vụ việc mới phát sinh sau kiểm điểm là 280, đã giải quyết 104 (37%), đang giải quyết 159 (57%), còn 17 vụ (6%) chưa giải quyết).

- Tình trạng mất đoàn kết ở nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng (có nơi nghiêm trọng, kéo dài) đã được kiểm điểm phê bình nghiêm túc, thẳng thắn, làm rõ thực chất tình hình, nguyên nhân, trách nhiệm tập thể và cá nhân; thống nhất biện pháp sửa chữa, khắc phục. Đoàn kết trong nội bộ Đảng có chuyển biến tích cực.

1. Cuộc điều tra dư luận xã hội ở 11 tỉnh, thành và 26 ban, bộ, ngành Trung ương vào tháng 6-7 năm 2001 đã cho số liệu: 59% cho rằng cán bộ, đảng viên chú trọng rèn luyện, giữ gìn hơn về đạo đức, lối sống.

- Việc tổ chức điều hành, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới phong cách công tác, lễ lối làm việc có tiến bộ.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với tinh thần đổi mới, đề cao trách nhiệm của các thành viên, phát huy dân chủ, tăng cường giám sát của tập thể, đòi hỏi nói đi đôi với làm. Tiếp thu tinh thần trên đây của Ban Chấp hành Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương đã và đang sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế làm việc của cấp mình.

2. Khuyết điểm, thiếu sót

- Nhìn chung, cho đến nay cuộc vận động chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa chặn đứng và đẩy lùi được nạn tham nhũng, tiêu cực.

- Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng vẫn chưa thực sự coi trọng đúng mức công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trí tuệ, thời gian, công sức ở nhiều nơi còn bị cuốn hút vào các vấn đề kinh tế, xã hội, xây dựng cơ bản, vào việc chạy các dự án, dàn xếp nội bộ... Sau đại hội đảng, nhiều cấp uỷ chưa tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm. Một số vụ việc chậm được giải quyết, giải quyết nửa vời hoặc có chiều hướng bị bỏ qua để rơi vào im lặng khiến nhân dân và dư luận thắc mắc, nghi ngờ.

- Nhiều vụ án tham nhũng mới tiếp tục được phát hiện gây bức xúc, nhức nhối trong nhân dân và dư luận (như vụ Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp, Công ty dịch vụ thương mại tỉnh Cà Mau, Công ty dược và kinh doanh xuất nhập khẩu Minh Hải (Cà Mau), vụ Công ty lương thực An Giang, vụ Lã Thị Kim Oanh ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vụ Ngân hàng Việt - Hoa, Ngân hàng Đông - Đô...) mỗi vụ làm thất thoát hàng chục, hàng trăm tỷ đồng; nhiều bị can (như Mai Văn Huy, Lã Thị Kim Oanh...) lấy cấp tiền bạc của Nhà nước tiêu xài bừa bãi một lúc hàng chục, hàng trăm triệu đồng. Hầu hết các vụ án này đều có sự tham gia hoặc sự tiếp tay, dung túng của một số cán bộ, đảng viên trong bộ máy các cấp; nhiều bị can khai có đưa tiền, quà biếu với giá trị lớn hối lộ cho cán bộ lãnh đạo từ cơ sở đến Trung ương nhưng chưa được làm rõ.

Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, dùng tiền bạc chạy chức, chạy quyền, mua bằng, chạy tội v.v. không chỉ xảy ra trong lĩnh vực kinh tế mà đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội... Một số trường hợp bọn phạm tội đã hình thành băng, nhóm, đường dây.

- Bên cạnh những vụ tham ô lớn, tình trạng nhũng nhiễu, đục khoét người dân của một bộ phận cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước từ cơ sở đường phố, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố đến Bộ, ngành Trung ương vẫn còn diễn ra phổ biến làm cho nhân dân rất bất bình, gây nhiều cản trở cho hoạt động của các doanh nghiệp. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng thẳng thắn nói với lãnh đạo Nhà nước ta rằng chính sách của Nhà nước Việt Nam rất thông thoáng, thái độ của các nhà lãnh đạo Việt Nam rất nhiệt tình nhưng đội ngũ cán bộ nhân viên của Việt Nam thì có nhiều người hư hỏng, nhũng nhiễu, gây phiền hà cản trở khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài nản lòng.

- Trong khi đó, việc xét xử nhiều vụ án, kể cả một số vụ án lớn để kéo dài và có dấu hiệu để lọt người, lọt tội, bỏ qua trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo có liên quan làm cho dư luận cho rằng cán bộ lãnh đạo vẫn có "vùng cấm", một số ít cán bộ lãnh đạo bằng cách này, cách khác cản trở việc điều tra.

Một số cán bộ, đảng viên trong hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, kiểm sát, thanh tra, toà án cũng vi phạm pháp luật; không ít trường hợp đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều vụ án xét xử oan, sai, khiến dân giảm lòng tin vào cán cân công lý. Một số nhà báo khi đưa tin phản ánh các vụ việc tiêu cực, tham nhũng đã vì lợi ích riêng hoặc vì thiếu trách nhiệm mà đưa tin sai lạc, không đúng sự thật, tạo nên sức ép không đáng có của dư luận, làm việc xét xử các vụ án càng thêm phức tạp và làm dư luận xã hội càng nghi ngờ phân tâm.

- Cho đến nay hầu như không có đảng viên nào tự kiểm điểm là có tiêu cực, tham nhũng, chưa có tổ chức đảng nào qua điểm điểm phát hiện được trong nội bộ có tham nhũng. Hầu hết các vụ tham nhũng do nhân dân và đảng viên đấu tranh phát hiện hoặc qua công tác thanh tra, điều tra mà tìm ra.

- Một số chủ trương, biện pháp ngăn ngừa và chống tham nhũng, tiêu cực (như kê khai nhà, đất, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện những điều đảng viên không được làm, khắc phục nạn quà biếu, xử lý cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm liên đới về sai phạm của cán bộ thuộc quyền...) vừa

qua thực hiện còn chưa nghiêm, làm nửa vời, nhiều khi mang tính hình thức, thiếu kiểm tra đôn đốc, thúc đẩy việc thực hiện.

Đoàn kết nội bộ ở một số nơi, sau đại hội vẫn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nêu trên chậm được khắc phục làm cho cán bộ, đảng viên cảm thấy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đang chững lại. Nhân dân và dư luận chưa thật tin ở kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Đảng và ở kết quả cuối cùng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA KHUYẾT ĐIỂM

Một là, sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, trước hết là của Bộ Chính trị chưa tập trung đúng mức.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước đã diễn ra rất nghiêm trọng và kéo dài nhiều năm, để lại những hậu quả rất sâu sắc trong tổ chức bộ máy, con người và hệ thống cơ chế chính sách..., nhưng Bộ Chính trị chưa tập trung chỉ đạo đúng mức, chậm tổ chức nghiên cứu cơ bản, để có những chủ trương đồng bộ, có hiệu lực nhằm khắc phục tình trạng này. Chưa coi trọng việc chỉ đạo sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm cuộc vận động, sau đợt tự phê bình và phê bình còn thiếu những biện pháp mạnh mẽ tiếp theo để chỉ đạo các cấp uỷ, nhất là cấp uỷ ở các đơn vị, ngành và địa bàn trọng điểm, để giải quyết, xử lý nghiêm túc, kịp thời những khuyết điểm, thiếu sót nhất là những vụ việc nổi cộm đã được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

Một số đồng chí Uỷ viên Trung ương, bí thư cấp uỷ, tổ chức đảng chưa làm tốt trách nhiệm lãnh đạo cuộc vận động; sau đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình vẫn để xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng và các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài ở ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Hai là, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng.

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, tiến hành tự phê bình và phê bình chưa có trường hợp nào cán bộ chủ chốt các cấp tự giác nhận có tham

những hoặc có liên quan đến tham nhũng.

Có đồng chí, bản thân, hoặc để vợ (chồng), con lợi dụng chức quyền, thu vén cá nhân (nhà, đất, hoặc vợ, con có tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh...), cũng chưa tự giác nhận khuyết điểm.

Một số đồng chí đứng đầu cấp uỷ vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong chỉ đạo, điều hành, trong công tác tổ chức, cán bộ, trong đoàn kết nội bộ lãnh đạo... nhưng không tự phê bình nghiêm túc.

Ba là, việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn vụ việc có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng".

Có những vụ án tham nhũng lớn, theo cơ quan điều tra một số cán bộ cấp trên có liên quan, dính líu nhưng lúc xét xử chỉ xử từng phần, phần để lại, kéo dài, để lọt người, lọt tội nên dư luận cho là cấp trên có "vùng cấm". Có nơi kẻ hối lộ đã khai với cơ quan điều tra danh sách những người nhận hối lộ có người đến hàng chục, hàng trăm triệu đồng như vụ Mường Tè, Thủy cung Thăng Long, các vụ ở Hoà Bình nhưng cơ quan chức năng vẫn không điều tra đến nơi, để có kết luận rõ ràng, xử lý nghiêm minh.

Có cấp uỷ địa phương can thiệp không đúng vào quá trình giải quyết vụ án.

Nhiều vụ án lớn, để thất thoát hàng nghìn tỷ đồng của Nhà nước nhưng xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nghiêm.

Có trường hợp cán bộ bị xử lý kỷ luật ở cấp dưới, cấp trên lại điều lên bổ nhiệm chức tương đương, thậm chí đề bạt.

Bốn là, nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng, có tính quyết định của nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; chưa gắn chặt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm điểm tự phê bình và phê bình với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhiều nơi chưa có sự hướng dẫn, quy định cụ thể về phạm vi, quy trình lấy ý kiến của nhân dân và cán bộ, công chức trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên; chưa thực hiện tốt việc công khai kết quả tự phê bình và phê bình theo quy định nên hạn chế sự giám sát của dân đối với cán bộ, đảng viên và làm giảm niềm tin của dân đối với kết quả kiểm điểm trong Đảng.

Các phương tiện thông tin đại chúng góp phần đưa tiếng nói của nhân

dân tham gia thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) còn hạn chế.

Năm là, một số chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả.

Quy định những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Quy định về kê khai nhà, đất, tài sản, Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc xử lý trách nhiệm, việc đưa, nhận quà biếu, quà tặng... còn chưa cụ thể, hoặc còn thiếu chặt chẽ, chính xác, chưa có chế tài xử lý những trường hợp vi phạm, nên tính khả thi chưa cao, lại thiếu hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện nên chưa được thực hiện đến nơi, đến chốn, còn nói nhiều làm ít; chưa động viên, khuyến khích được người có tính tự giác, trung thực, thẳng thắn, đấu tranh xây dựng, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp đối trá, chối tội, cơ hội, vu cáo, gây rối nội bộ...

Cải cách hành chính thực hiện quá chậm, còn thiếu những văn bản quản lý Nhà nước có hiệu lực, hiệu quả; nhiều quy chế về quản lý dự án đầu tư, đấu thầu, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý tài chính công, kiểm tra, kiểm toán, quy trách nhiệm quản lý... còn thiếu hợp lý, chặt chẽ tạo nhiều kẽ hở cho người xấu lợi dụng. Chế độ trách nhiệm của cán bộ phụ trách ở các cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí, tham ô chưa được xem xét nghiêm minh.

Sáu là, thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Chính trị chưa phân công rõ một số Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo thường xuyên công tác đấu tranh chống tham nhũng như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đòi hỏi.

Các ban tham mưu của cấp uỷ, Bộ phận Thường trực 6 (2), tổ chức giúp việc của các cấp uỷ chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các ban Đảng và các cơ quan liên quan để giúp cấp uỷ nắm sát tình hình cấp dưới, chỉ ra được nơi làm tốt, nơi không tốt, thực chất ưu khuyết điểm của từng đơn vị, từng cấp uỷ, của từng cán bộ lãnh đạo chủ chốt...

Các cơ quan bảo vệ pháp luật thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong điều tra, xét xử, thi hành án. Có tình trạng chung là nhiều vụ án thường phải gia hạn điều tra, có nhiều vụ điều tra kéo dài, xét xử không kịp thời giảm tác dụng giáo dục, gây nghi ngờ trong dư luận quần chúng.

III. ĐẨY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI TỆ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ, cần phải đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Cả ba nội dung cơ bản của Nghị quyết đều phải đi sâu, thực hiện có hiệu quả, song cần tập trung giải quyết vấn đề bức xúc nhất, đang làm toàn Đảng, toàn xã hội nhức nhối, lo lắng là tệ tham nhũng, lãng phí.

Chống tham nhũng, lãng phí vừa là vấn đề nóng bỏng trước mắt, vừa là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí phải có giải pháp cơ bản, vững chắc, phải nghiên cứu tiến tới xây dựng đề án chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí nhằm giải quyết vấn đề từ gốc rễ.

Trong chương trình làm việc của Đảng và Nhà nước, nhiều vấn đề sẽ được bàn và giải quyết đồng bộ trong thời gian tới như: tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách: sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, tiếp tục xoá bỏ những cơ chế mang tính bao cấp, xin - cho trong quản lý kinh tế, cải cách chế độ tiền lương, từng bước sửa đổi bổ sung hệ thống pháp luật; đổi mới, hoàn thiện quy chế quản lý trong các lĩnh vực như hải quan, đấu thầu...; đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước; đổi mới công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn bộ máy Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp, đặc biệt phải sớm chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật v.v.. Gắn đấu tranh chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt là chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ nói trên, tại Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định một số biện pháp cụ thể, trước mắt, quyết ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí.

1. Giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành, đơn vị mình, bao gồm những vụ việc đã giải quyết nhưng chưa được dư luận đồng tình và những vụ việc còn tồn đọng, hoặc mới phát sinh chưa được giải quyết, để lập kế hoạch chỉ đạo

giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Phân tích, rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân đã gây ra các vụ việc, hoặc làm cho việc xử lý chưa nghiêm, đề ra biện pháp ngăn chặn không để sự việc tái diễn.

Những vụ án có liên quan đến cán bộ lãnh đạo, dù cán bộ đó ở cấp nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

Các cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có các hành vi can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội. Khi các cơ quan chức năng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án) có yêu cầu, (như yêu cầu giải trình, khai báo những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm của mình, làm chứng tại toà,...) đối với cán bộ lãnh đạo có liên quan đến vụ án thì phải thực hiện nghiêm chỉnh.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, thẩm tra kết quả xử lý, nhất là đối với những vụ án lớn mà nhân dân và dư luận đang quan tâm, những lĩnh vực tham nhũng diễn ra phức tạp như việc cấp phép, quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng cơ bản, quản lý nhà, đất...

2. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, đảng viên, công chức

Nhiều địa phương, bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương đã tổ chức kê khai tài sản theo Nghị định của Chính phủ. Nhưng cho đến nay việc kê khai chưa được thực hiện nhất quán và còn có nhiều ý kiến khác nhau về mục đích, phạm vi, nội dung, đối-tượng kê khai. Cần thống nhất lại một số quan điểm sau đây:

Khẳng định cần thực hiện việc kê khai, nhằm mục đích: làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, đảng viên; tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới; góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực.

Nội dung kê khai: nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đối tượng kê khai: Bản thân và vợ (hoặc chồng), các con trong gia đình có chung hộ khẩu.

Diện kê khai: Thực hiện theo Nghị định 64/CP của Chính phủ; những người được đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, hoặc được giới thiệu bầu cử vào các chức danh lãnh đạo các cấp. Sau khi tổng kết rút kinh nghiệm sẽ mở rộng dần. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương, các thành viên Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành, thực hiện kê khai trước để làm gương cho các cấp dưới.

Cán bộ, đảng viên phải tự giác, trung thực trong việc kê khai. Nếu kê khai không đúng sự thật, che giấu, khi phát hiện sẽ bị xử lý theo kỷ luật của Đảng và Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Kết quả kê khai được công khai trong chi bộ và cơ quan quản lý cán bộ. Đối với cán bộ được đề nghị đề bạt, bổ nhiệm: công khai với những người được tham gia ý kiến giới thiệu bổ nhiệm.

Khi tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, đảng viên, công chức có dấu hiệu bất minh, yêu cầu giải trình và nếu cần, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm, xử lý theo pháp luật.

Căn cứ vào tinh thần và nội dung trên đây, Chính phủ rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nghị định 64 và ban hành hướng dẫn thực hiện (có dự thảo quy định kèm theo).

3. Xóa bỏ tình trạng lấy tiền của Nhà nước và tập thể để biếu cho cá nhân

Bộ Chính trị (khoá VIII), Chính phủ đã có Chỉ thị về việc thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm trong các dịp lễ, tết..., quy định không được dùng công quỹ để làm quà tặng cho cơ quan, cá nhân, nhưng cho đến nay, việc thực hiện không nghiêm, việc tặng quà, nhận quà đang có xu hướng gia tăng và trở thành "lệ" ở nhiều ngành, địa phương, biến tướng dưới nhiều hình thức. Không ít trường hợp dùng quà biếu để tranh thủ lãnh đạo, tìm cơ hội tiến thân, chạy chức, chạy quyền, chạy lợi, chạy tội... Đây là nguồn thu bất hợp pháp, gây dư luận bất bình. Nhận quà biếu là một nguyên nhân của tình trạng nể nang, né tránh, thiếu công minh, thậm chí còn bao che cho người biếu tặng; ưu ái, thiên lệch khi đánh giá, bố trí, đề bạt cán bộ và trong giải quyết công việc. Nhiều người, nhiều đơn vị không muốn biếu tặng nhưng vì đơn vị khác, nơi khác đều làm nên buộc phải làm theo.

Để thực hiện nghiêm nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, phải quy định rõ: các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể để làm quà tặng, biếu, thưởng cho cá nhân cán bộ lãnh đạo, công chức.

Nghiêm cấm cán bộ, công chức và gia đình nhận tiền, quà biếu, tiền thưởng của các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác. Trường hợp khó xử, bất khả kháng phải nhận thì kịp thời báo cáo và nộp cho cơ quan, đơn vị để sung vào công quỹ.

Đối với quà được biếu khi đi công tác nước ngoài, được các tổ chức nước ngoài biếu tặng, người nhận phải thực hiện đúng quy định của Chính phủ.

Đơn vị, cá nhân nào vi phạm quy định, lãng phí, thủ trưởng cơ quan phải nhắc nhở, giáo dục hoặc xử lý kỷ luật với hình thức thích hợp.

Các đồng chí bí thư cấp uỷ, bí thư ban cán sự Đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt quy định; bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu, không nhận quà tặng, tiền biếu.

Quy định này được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân giám sát thực hiện.

Chính phủ ban hành quy định về đưa, nhận quà biếu trước tháng 12-2001 (có dự thảo quy chế kèm theo). Bộ Chính trị có chỉ thị cho toàn Đảng trước lúc ban hành quy định, nhân dịp đón năm mới 2002 và tết nguyên đán Nhâm Ngọ.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chính phủ đã có nghị định quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này. Các ngành, các cấp đã có một số tiến bộ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy vậy, tình trạng lãng phí, thất thoát tiền bạc, tài sản, công quỹ còn rất nghiêm trọng, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các dự án, quản lý doanh nghiệp nhà nước... Việc tổ chức quá nhiều lễ hội, kỷ niệm ở các ban, ngành, địa phương, cơ sở cũng gây lãng phí thời gian, sức lực, tiền của... của Nhà nước và nhân dân.

Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên kiểm điểm việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án; quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm

việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải bắt đầu từ từng cơ quan, đơn vị. Mỗi ngành, cơ quan, đơn vị có văn bản quy định cụ thể, thiết thực khắc phục tình trạng lãng phí, thực hành tiết kiệm, giảm hủn lễ hội, kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị, địa phương, đón rước bằng khen, huân chương... ở ngay cơ quan, đơn vị mình.

Lãnh đạo các ngành, các cấp có kế hoạch kiểm tra việc chống lãng phí và thực hành tiết kiệm của các đơn vị thuộc quyền. Khi phát hiện sai phạm, cần tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người trực tiếp vi phạm Pháp lệnh.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, bổ sung các biện pháp và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (có dự thảo quy chế kèm theo).

Ban Bí thư sẽ có Chỉ thị cho toàn Đảng, toàn dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định những điều đảng viên không được làm

Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp tình hình thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm trong thời gian qua, kết hợp những quy định tại Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp lệnh cán bộ, công chức để Bộ Chính trị ban hành văn bản bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh Quy định những điều đảng viên không được làm (có dự thảo quy định kèm theo).

Tổ chức truyền đạt, nghiên cứu quán triệt ý nghĩa, mục đích tác dụng và nội dung của quy định cho cán bộ, đảng viên. Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện.

Có chế tài và xử lý kịp thời đối với đảng viên vi phạm Quy định, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng (Ủy ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm soạn thảo và ban hành kèm theo Bản hướng dẫn thực hiện văn bản mới về "Những điều đảng viên không được làm").

Đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở. Hàng năm các cấp ủy, tổ chức đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực

hiện quy định. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

Một số ngành như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Hải quan, Tài chính, Thuế vụ, các cơ quan duyệt dự án, quản lý dự án,... cần cụ thể hoá và có thể bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm, thành Quy định những điều cán bộ, đảng viên, công chức của ngành, của đơn vị không được làm sát với đặc thù và môi trường hoạt động của ngành.

6. Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý khi để xảy ra các vụ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng

Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản pháp quy của Nhà nước đã nêu việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra các vụ tham nhũng lớn. Nghị quyết Đại hội IX đã nêu: "Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng", "Người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm...".

Ủy ban Kiểm tra của các cấp uỷ đảng kịp thời xem xét để xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý về trách nhiệm hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, thất thoát tiền bạc, tài sản của Đảng, Nhà nước; đối với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật để xảy ra các vụ án oan, sai trong quá trình điều tra, xét xử; đối với lãnh đạo các cơ quan thông tin, báo chí phản ảnh không trung thực, không đúng sự thật về tham nhũng, lãng phí gây mất lòng tin trong nhân dân.

Có những biện pháp cụ thể để bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, khen thưởng những người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Động viên, khuyến khích, khoan dung đối với những người tự giác, thành khẩn khai báo khi mắc sai phạm, khắc phục những hậu quả gây ra.

Chính phủ có quy định về xử lý trách nhiệm khi xảy ra vi phạm, ban hành vào đầu năm 2002 (có dự thảo quy định kèm theo).

7. Bộ Chính trị chỉ đạo Bộ phận Thường trực Tiểu ban Trung ương 6 (2) sớm hoàn thành đề án chống tham nhũng trình Bộ Chính trị

8. Biện pháp vừa cơ bản, lâu dài vừa thiết thực, cấp bách là đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt Đảng, bảo đảm tính hiệu quả, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, bảo đảm giữ vững sự đoàn kết thống nhất, kiên quyết đấu tranh phê phán, khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, địa phương, chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nội bộ.

Để cụ thể hoá chủ trương, biện pháp này, Ban Tổ chức Trung ương sẽ có hướng dẫn "đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp sinh hoạt đảng thường xuyên" theo Điều lệ Đảng và theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

9. Về tổ chức, chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng

Chỉ thị của Bộ Chính trị khoá VIII, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Nghị quyết Đại hội IX đã xác định: "trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, vấn đề lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng được coi là một công tác trọng tâm, thường xuyên"; "Bộ Chính trị phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị, các cấp uỷ phân công Ủy viên Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng"; "Tăng cường tổ chức và cơ chế tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng...".

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết trên đây, tập thể Bộ Chính trị, Ban cán sự đảng Chính phủ đứng đầu là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động: phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư phụ trách chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Các đồng chí được phân công định kỳ nghe báo cáo tình hình, chỉ đạo phối hợp hoạt động của các cơ quan nói trên và quyết định xử lý những vấn đề mang tính chủ trương mà các cơ quan chức năng còn vướng mắc.

Định kỳ 6 tháng, một năm, Bộ Chính trị họp chuyên đề nghe báo cáo và bàn những chủ trương, biện pháp cần thiết nhằm đẩy mạnh cuộc vận động.

Bộ Chính trị sẽ sớm bàn đề án chuyên đề về công tác tư pháp, trên cơ sở đó có chủ trương củng cố kiện toàn bộ máy các cơ quan trong hệ thống này.

Củng cố, kiện toàn Bộ phận Thường trực giúp Bộ Chính trị theo dõi công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng đưa về Ban Tổ chức Trung ương. (Có ý kiến: để như hiện nay trực thuộc Ban Bí thư; hoặc bộ phận theo dõi xây dựng, chỉnh đốn Đảng để ở Ban Tổ chức Trung

ương, bộ phận theo dõi chống tham nhũng, lãng phí để ở Ban Nội chính Trung ương).

Ban Thường vụ, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động ở địa phương, ngành, có phân công một số uỷ viên phụ trách công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chống tham nhũng, lãng phí. Định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong đảng bộ mình.

Sau Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương có kết luận và các cơ quan chức năng ban hành những văn bản quy định cụ thể tương ứng, các cấp uỷ, tổ chức đảng căn cứ vào các quy định, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý việc thực hiện ở đơn vị mình và có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng lấy việc chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong những năm tới.

BỘ CHÍNH TRỊ

KẾT LUẬN SỐ 04/KL-TW
NGÀY 19-11-2001 CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ IX

Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII,
đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn,
đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX sau khi thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”, kết luận như sau:

I. TÌNH HÌNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG,
CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TỪ SAU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay, thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 07-6-2001 của Bộ Chính trị, toàn Đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Đợt triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đã góp phần củng cố và nâng cao một bước đáng kể nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, trước hết của đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng hơn. Những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên tiếp tục được cảnh tỉnh, răn đe; một số nơi các vụ việc tiêu cực có giảm bớt. Các vụ việc nổi cộm, phần lớn liên quan đến tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, trong đó không ít vụ việc tồn đọng kéo dài nhiều năm được tiếp tục giải quyết. Đoàn kết trong Đảng, trước hết trong cấp uỷ, tổ chức đảng có chuyển biến tích cực. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc có tiến bộ. Những kết quả của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội IX và đại hội đảng bộ các cấp, những

thành tích phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2000.

Tuy nhiên, nhìn chung, cho đến nay cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ tham nhũng, lãng phí. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa kiên quyết chỉ đạo tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm. Một số vụ án tham nhũng đã phát hiện, xử lý không nghiêm minh hoặc để kéo dài, các vụ án mới tiếp tục được phát hiện gây bức xúc, nhức nhối trong Đảng và trong nhân dân.

Tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ pháp luật..., tình trạng sách nhiễu người dân vẫn diễn ra phổ biến làm cho nhân dân bất bình.

Một số chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hiện còn nửa vời, còn mang tính hình thức, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Đoàn kết nội bộ ở một số nơi đến nay vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về chủ quan, do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, trước hết là của Bộ Chính trị chưa kiên quyết và chưa tập trung đúng mức.

Chưa có những chủ trương, biện pháp đồng bộ, có hiệu lực để khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí trong hệ thống chính trị, nhất là trong bộ máy nhà nước và trong các tổ chức kinh tế. Đối với những chủ trương, biện pháp đã đề ra, chỉ đạo thực hiện thiếu kiên quyết, triệt để, còn nửa vời, nói nhiều làm ít. Chưa chỉ đạo chặt chẽ việc sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời để có những biện pháp mạnh mẽ tiếp theo, nhất là đối với việc giải quyết các vụ việc tiêu cực nổi cộm đã được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Nhiều cấp uỷ đảng tiến hành cuộc vận động chưa nghiêm túc, còn nể nang, né tránh, “dễ người dễ ta”. Một số đồng chí Uỷ viên Trung ương, bí thư cấp uỷ, tổ chức đảng, sau kiểm điểm phê bình vẫn để xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng và các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài ở ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Hai là, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê

bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Trong kiểm điểm phê bình ít có trường hợp cán bộ chủ chốt các cấp tự giác nhận có tham nhũng. Có đồng chí để vợ (chồng), con lợi dụng chức quyền của mình làm những việc tiêu cực, sai trái cũng chưa tự giác nhận khuyết điểm. Một số đồng chí vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ nhưng không tự phê bình nghiêm túc.

Ba là, việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn vụ việc có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng".

Có những vụ tham nhũng lớn, một số cán bộ có liên quan, dính líu chưa được đưa ra xét xử công minh. Không xử lý hoặc xử lý không nghiêm về trách nhiệm đối với người đứng đầu nơi để xảy ra những vụ tiêu cực, tham nhũng lớn.

Bốn là, nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Nhiều nơi chưa gắn chặt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể để lấy ý kiến của nhân dân và cán bộ, công chức tham gia đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên; chưa thực hiện tốt việc công khai kết quả tự phê bình và phê bình theo quy định để phát huy vai trò của tổ chức dân cử, Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên.

Năm là, một số chủ trương, biện pháp, quy chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, lãng phí quy định chưa hợp lý, chặt chẽ, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả.

Những quy chế, quy định như Quy định những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Quy định về kê khai nhà, đất, tài sản, Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc xử lý trách nhiệm, việc cấm đưa, nhận quà biếu... còn có những nội dung chưa đủ cụ thể hoặc còn thiếu chặt chẽ, chính xác, thiếu chế tài đối với những trường hợp vi phạm. Thiếu kiểm tra thường xuyên việc thực hiện những điều đã quy định; phát hiện người vi phạm không xử lý nghiêm túc, kịp thời, còn nói nhiều làm ít. Người tự giác, trung thực, thẳng thắn đấu tranh xây dựng hoặc tự giác nhận lỗi chưa được động viên, khuyến khích; những trường hợp cố tình giấu giếm khuyết điểm, vu cáo, gây rối nội bộ... chưa bị xử lý thích đáng. Cải cách hành chính tiến

triển chậm, nhiều quy chế quản lý ban hành chưa chặt chẽ, tạo nhiều kẽ hở cho người xấu lợi dụng...

Sáu là, thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Chính trị chưa phân công rõ một số Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo thường xuyên công tác đấu tranh chống tham nhũng như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra.

Các ban tham mưu của cấp uỷ, Bộ phận Thường trực 6 (2) và các cơ quan liên quan chưa có sự phối hợp chặt chẽ để giúp cấp uỷ nắm chắc tình hình cấp dưới, thực chất ưu điểm, khuyết điểm của từng đơn vị, từng cấp uỷ, từng cán bộ chủ chốt. Các cơ quan bảo vệ pháp luật trong hoạt động còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ, có trường hợp chưa bảo đảm sự thống nhất, do đó xử lý vụ việc không kịp thời, gây nghi ngờ trong dư luận quần chúng.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THEO NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, sắp tới cần phải đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Cả ba nội dung cơ bản của Nghị quyết đều phải đi sâu thực hiện có hiệu quả, trong đó, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt; nhận rõ đây là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải được tiến hành bằng nhiều giải pháp đồng bộ:

1. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng; phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, buông thả.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách (trong đó có việc cải cách chế độ tiền lương), các chế độ và quy định quản lý kinh tế - xã hội chung và trong từng ngành, từng lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước; đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng; giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực

hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, địa phương, chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Đổi mới công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, đặc biệt phải sớm chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Sớm xác định rõ phân công và thời hạn thực hiện các việc nói trên.

3. Khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành, đơn vị mình (bao gồm những việc đã phát hiện nhưng chưa xử lý hoặc xử lý chưa tốt và cả những vụ việc chưa được phát hiện xác minh, nhưng trong dân có nhiều dư luận đang quan tâm, có nhiều thắc mắc, nghi ngờ), để lập kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Phân tích, rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân đã gây ra các vụ việc, việc xử lý chưa nghiêm, đề ra biện pháp ngăn chặn sự việc tái diễn.

Các vụ án liên quan đến cán bộ lãnh đạo, dù cán bộ đó ở cấp nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

Các cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có các hành vi (bằng bất cứ hình thức nào) can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, thẩm tra kết quả xử lý, nhất là đối với những vụ án lớn mà nhân dân và dư luận đang quan tâm, những lĩnh vực tham nhũng diễn ra phức tạp.

4. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức

Thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với toàn bộ cán bộ, công chức nhà nước, nhằm mục đích: làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, công chức; tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới; góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực. Khi nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh có thay đổi thì cán bộ, công chức phải kê khai bổ sung.

Cán bộ, công chức phải tự giác, trung thực trong việc kê khai. Bản kê

khai được công khai trong chi bộ và cơ quan quản lý cán bộ. Đối với cán bộ được đề nghị đề bạt, bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử, đề cử vào các chức vụ lãnh đạo: công khai với những người được tham gia ý kiến giới thiệu bổ nhiệm và những người bầu cử.

Khi tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, công chức có dấu hiệu bất minh thì giao cho cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm xử lý theo pháp luật.

5. Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biểu, tặng cho cá nhân, tổ chức

Các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể chỉ làm quà tặng, biểu cho cá nhân và tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo quy định.

Cán bộ, công chức không nhận tiền, quà biếu của các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác.

Các đồng chí bí thư cấp uỷ, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt quy định; bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu, không nhận quà tặng, tiền biếu.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án; quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại.

Ban cán sự đảng Chính phủ có văn bản quy định cụ thể việc tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, lễ đón nhận huân chương, lễ hội... một cách thiết thực, khắc phục tình trạng lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Lãnh đạo các ngành, các cấp có kế hoạch kiểm tra thường xuyên việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị thuộc quyền. Khi phát hiện sai phạm, cần tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người trực tiếp vi phạm.

7. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định những điều đảng viên không được làm

Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Quy định những điều đảng viên không được làm.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng tổ chức truyền đạt, nghiên cứu quán triệt ý nghĩa, mục đích, tác dụng và nội dung của quy định cho cán bộ, đảng viên. Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện.

Đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp uỷ, tổ chức đảng cơ sở. Hàng năm các cấp uỷ, tổ chức đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy định. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

8. Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực, tham nhũng lớn trong cơ quan, đơn vị; bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng

Xem xét, xử lý về trách nhiệm hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí lớn; đối với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật để xảy ra các vụ án oan, sai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Xử lý nghiêm theo Luật Báo chí đối với lãnh đạo các cơ quan thông tin, báo chí phản ánh không trung thực, không đúng sự thật về tham nhũng, lãng phí, gây mất lòng tin trong nhân dân.

Có những biện pháp cụ thể để bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, khen thưởng những tổ chức, cá nhân phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Động viên, khuyến khích, khoan hồng đối với những người tự giác, thành khẩn khai báo và trả lại tài sản của Nhà nước, tập thể khi mắc sai phạm, tích cực góp phần khắc phục những hậu quả gây ra.

9. Hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Có quy định về vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, của tập thể cơ quan, đơn vị, khu dân cư góp ý phê bình cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Chỉ đạo chặt chẽ việc phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong chống tham nhũng, lãng phí.

10. Về tổ chức, chỉ đạo

Ban Bí thư đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp chịu trách nhiệm chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Bộ Chính trị phân công một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư phụ trách chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm trước mắt là đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Định kỳ 6 tháng, một năm, Bộ Chính trị họp nghe báo cáo và bàn những chủ trương, biện pháp cần thiết nhằm đẩy mạnh cuộc vận động.

Bộ Chính trị sẽ sớm ban hành chuyên đề về công tác tư pháp, trên cơ sở đó có chủ trương củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan trong hệ thống này.

Tiếp tục duy trì và kiện toàn Bộ phận Thường trực Trung ương 6 (2) giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cuộc vận động trực thuộc Ban Bí thư.

Ban Thường vụ các tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương, ngành; có phân công một số ủy viên chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động, có bộ phận chuyên trách giúp việc. Định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong đảng bộ mình.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoàn chỉnh bản bổ sung, sửa đổi Quy định những điều đảng viên không được làm, để Bộ Chính trị sớm ban hành.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm “Hướng dẫn đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp sinh hoạt đảng thường xuyên” theo Điều lệ Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Ban cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh các bản quy định, hướng dẫn về kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh; về nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biểu, tặng cho cá nhân, tổ chức; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực, tham nhũng lớn trong cơ quan, đơn vị, trình Bộ Chính trị cho ý kiến ban hành.

Ban hành các quy định, quy chế trên đây trong năm 2001.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý việc thực hiện ở đơn vị mình và có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục

khuyết điểm để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong những năm tới. Trong quá trình chỉ đạo cuộc vận động, các cấp uỷ cần đặc biệt coi trọng việc kiểm tra lại tình hình thực hiện các quy định đã được Đảng và Nhà nước ban hành trực tiếp liên quan đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Xử lý nghiêm và sửa ngay những việc làm sai.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

Bản sao lưu trữ

CÔNG VĂN SỐ 33/CV-TW
NGÀY 14-01-2002 CỦA BAN BÍ THƯ
Về việc tiếp tục thực hiện
Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII

- Kính gửi:*
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
 - Các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
 - Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,

Để thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, trong dịp tổng kết cuối năm 2001, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương làm tốt một số việc sau đây:

1. Tổ chức tốt việc tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân trong các dịp sinh hoạt thường kỳ, nhất là các dịp tổng kết công tác của tổ chức đảng theo đúng tinh thần Quy định số 14/QĐ-TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng; lưu ý kiểm điểm cá nhân và nhắc nhở nhau về việc thực hiện Quy định số 19/QĐ-TW, ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị khoá IX về những điều đảng viên không được làm.

2. Thực hiện nghiêm túc việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Các đồng chí bí thư đảng đoàn, bí thư ban cán sự đảng, bí thư cấp uỷ, các đảng viên là thủ trưởng các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giám đốc các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp... phải gương mẫu thực hiện, đồng thời trực tiếp chỉ đạo các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình phụ trách thực hiện nghiêm các quy định này. Các trường hợp vi phạm đều phải được phê bình nghiêm túc, xem xét, xử lý nghiêm minh và công khai.

3. Thực hiện việc bổ sung lý lịch đầu năm 2002 của cán bộ, công chức trong đó có việc kê khai (hoặc kê khai bổ sung) nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh theo Quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Rà soát các vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị mình, đặc biệt là những vụ việc về tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và những việc mà nhân dân, cán bộ đã khiếu kiện lâu ngày hoặc đang có đòi hỏi chính đáng phải giải quyết; bàn kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả trong một thời gian nhất định, kiên quyết không để tồn đọng kéo dài gây hậu quả xấu.

Các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện các việc trên đây trong tháng 02-2002.

TM. BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Bản sao lưu trữ

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX
Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng,
lý luận trong tình hình mới
(ngày 18 tháng 3 năm 2002)

I. TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN
VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN

1. Tình hình tư tưởng, lý luận

- Trong quá trình đổi mới, phần đông cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, ra sức phấn đấu thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có nhận thức đúng hơn về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề cốt yếu của cách mạng, những vấn đề quan điểm có tính nguyên tắc. Sự nhất trí với đường lối của Đảng ngày càng tăng; nhiều cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành trong việc vận dụng lý luận vào thực tiễn, lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện Nghị quyết; tính năng động, chủ động, sáng tạo trong nhiều lĩnh vực hoạt động được nâng cao hơn.

Tuy nhiên, sự suy thoái về nhận thức, tư tưởng chính trị trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn. Hiện tượng phai nhạt lý tưởng cách mạng, sa sút phẩm chất đạo đức, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng có chiều hướng phát triển. Tính chiến đấu của nhiều tổ chức đảng và đảng viên sút kém. Tình trạng không coi trọng nguyên tắc đổi mới, dập khuôn mô hình nước ngoài, chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần... diễn ra ở nhiều lĩnh vực. Tệ mê tín có chiều hướng tăng lên.

- Tính tích cực, năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được

phát huy ngày càng rõ trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, lòng yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng và lịch sử, bản sắc dân tộc được tiếp tục giữ gìn và phát huy. Tuy nhiên, những hạn chế, mơ hồ về tư tưởng, nhận thức và tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống cũng khá phổ biến. Nỗi bức xúc của nhân dân hiện nay là còn những bất công xã hội, sự làm giàu phi pháp, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Ở một số địa phương, có những kẻ lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc cố tình kích động các vụ việc mang tính chất chính trị hoặc tranh chấp dân sự để phá hoại chính sách đoàn kết tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Nhìn chung, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân hiện nay là: *mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước; tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ.*

- Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, trình độ lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển rõ rệt. Đảng đã không ngừng đổi mới phương pháp tư duy lý luận, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, mở ra bước chuyển biến quan trọng trong tư duy lý luận, từng bước xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện, làm cho nước ta có bước phát triển ngày càng mạnh mẽ; giải đáp có căn cứ khoa học một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn; nhận thức đầy đủ hơn nội dung, giá trị và tầm vóc của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tuy nhiên, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mới dừng lại ở những nét khái quát chung, còn không ít vấn đề cụ thể đặt ra từ thực tiễn chưa có lời giải đáp hoặc giải đáp chưa đủ sức thuyết phục; nhiều cán bộ, đảng viên nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh còn giản đơn; hiểu biết về chủ nghĩa tư bản hiện đại chưa sâu sắc, có mặt còn lệch lạc; phương pháp tư duy chưa vươn tới tầm biện chứng, còn dừng lại ở trình độ cảm tính, ở chủ nghĩa kinh nghiệm hoặc thực dụng.

2. Công tác tư tưởng, lý luận

Công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong hơn 15 năm qua đã đạt được thành tựu quan trọng: những kết quả nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng; góp phần tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, lý luận được nâng cao một bước. Các cấp uỷ đảng đã coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng, vạch trần các thủ đoạn phá hoại về tư tưởng, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Mặt yếu kém, bất cập của công tác tư tưởng là còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, phương pháp chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức thống nhất cao và thông suốt đối với một số vấn đề trong đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng. Chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ. Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Những yếu kém, bất cập nêu trên là do Đảng ta chưa đặt đúng mức việc chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận trong giai đoạn mới. Chưa xây dựng được quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động lý luận và công tác tư tưởng. Chậm tăng cường, đổi mới công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận. Cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện làm việc ở nhiều cơ quan, đơn vị làm công tác tư tưởng, lý luận còn thiếu thốn, lạc hậu.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

A- PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI LÀ

Kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã

hội, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo và các nguyên tắc hoạt động của Đảng; quán triệt đường lối đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp công tác tư tưởng; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời triển khai liên tục và sâu rộng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước, phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực sáng tạo, ý chí tự lực tự cường đi đôi với đề cao tinh thần quốc tế chân chính; khơi dậy và nâng cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, quyết tâm nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, động viên khí thế và tinh thần chủ động sáng tạo trong lao động, học tập và công tác, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

B. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Coi trọng việc tổng kết thực tiễn trong nghiên cứu lý luận và trong hoạt động của các cấp uỷ đảng; coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành; gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại.

Từ nay đến Đại hội X, cần tập trung nghiên cứu những vấn đề sau: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực; đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức; những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa; dự báo các xu thế phát triển chủ yếu của thế giới và khu vực; những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Trước mắt, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức nghiên cứu vấn đề

đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân và một số vấn đề mới về quốc tế liên quan đến công tác lý luận.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân

Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả. Tổ chức học tập một cách nghiêm túc, có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng. Phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng.

Mọi đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên nói và làm trái nguyên tắc Đảng, có những hoạt động chia rẽ, bè phái trong Đảng.

Đề cao và coi trọng giáo dục đạo đức công dân, đặc biệt là trong các trường học, trong thanh niên, thiếu niên.

3. Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống

Công tác tư tưởng, lý luận phải bám sát và phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, tích cực góp phần tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành kế hoạch nhà nước 5 năm 2001-2005.

Đề cao trách nhiệm của mỗi tổ chức đảng và đảng viên đấu tranh loại trừ tham nhũng, lãng phí, quan liêu ở cơ quan, đơn vị, cơ sở mình. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, tự học tập, tự rèn luyện, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng và tình trạng thoái hóa, biến chất trong Đảng. Kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước.

Hướng mạnh về cơ sở, nắm chắc tình hình cơ sở, tăng cường củng cố trận địa tư tưởng ở cơ sở, tạo thế đứng chính trị vững chắc trên từng địa bàn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng làm công tác tư tưởng, kết

hợp các biện pháp tư tưởng, chính trị, tổ chức, kiểm tra, kinh tế, hành chính, kết hợp phong trào quần chúng với việc thi hành các chính sách hợp lý, hợp lòng dân để tập trung xử lý dứt điểm các "điểm nóng", chặn đứng sự suy thoái về đạo đức, lối sống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở từng địa phương, khu vực.

4. Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch

Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội nắm chắc diễn biến tư tưởng ở từng địa bàn, đối tượng, có phương án kịp thời xử lý những tình huống phức tạp có thể xảy ra; đề phòng nguy cơ "tự diễn biến" từ trong nội bộ.

Trên cơ sở kết hợp "xây" với "chống", trong đó lấy "xây" làm chính, cố vũ mạnh mẽ các nhân tố tích cực, tạo ra môi trường, nếp sống, lối sống lành mạnh, có văn hóa; lấy cái tích cực, cái tốt đẩy lùi cái tiêu cực, cái xấu.

Các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, các cơ quan, đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách, pháp luật; nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", gây chia rẽ, nghi ngờ, mất đoàn kết nội bộ.

5. Thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng; xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu

Các cấp uỷ và tổ chức đảng, các đoàn thể thông qua sinh hoạt thường kỳ, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, quy định về bảo vệ Đảng; kiên quyết phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với các cơ quan nghiên cứu biên tập các tài liệu cần thiết phục vụ các yêu cầu nói trên.

Xử lý nghiêm những hành động vi phạm kỷ luật phát ngôn, làm trái những quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và những điều đảng

viên không được làm. Nghiêm cấm việc xuất bản, lưu hành những sách, báo và những ấn phẩm có nội dung sai trái.

6. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin cổ động. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị khóa VIII về "Tiếp tục đổi mới, tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí, xuất bản" để báo chí thật sự là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, đồng thời là diễn đàn của nhân dân, để nhân dân thông qua báo chí thực hiện quyền làm chủ của mình; đa dạng hoá nội dung và hình thức thông tin, báo chí để các sản phẩm thông tin, báo chí đáp ứng sát hơn nhu cầu thông tin và đến được với đông đảo nhân dân thuộc các vùng, các dân tộc, các tầng lớp khác nhau; khắc phục những tiêu cực trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Phát huy vai trò và sức mạnh của văn hóa, văn nghệ trong công tác tư tưởng, trong việc xây dựng con người Việt Nam có đủ những đức tính đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, góp phần xây dựng một xã hội lành mạnh, văn minh.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại làm cho thế giới hiểu rõ Việt Nam, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế.

C. NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước

Từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn đều phải coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận. Bí thư cấp uỷ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận; thực hiện chế độ giao ban tư tưởng định kỳ hoặc đột xuất của cấp uỷ đảng. Coi trọng nắm bắt, phân tích, dự báo diễn biến tư tưởng và có biện pháp xử lý kịp thời các tình huống tư tưởng, tăng cường kiểm tra các hoạt động tư tưởng của cấp dưới, gắn chặt với tổng kết thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trước mắt, Ban Bí thư chỉ đạo việc rà soát lại công tác giáo dục lý luận chính trị, bảo đảm sự thống nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo

trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong các hệ thống trường đảng, trường nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang và trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Xây dựng cơ chế cụ thể thực hiện vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

Nhà nước xây dựng, bổ sung hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý các hoạt động liên quan tới lĩnh vực tư tưởng, lý luận; xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với những vi phạm pháp luật trên lĩnh vực này.

2. Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu

Thực hiện chế độ tuyển chọn người nghiên cứu các đề tài khoa học, không theo cơ chế "xin-cho", để các nhà khoa học hoặc tập thể khoa học được dân chủ, bình đẳng, công khai tham gia.

Phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ vững kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu. Khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

3. Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện: *nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật.*

Mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình phải thực sự là tấm gương về mọi mặt cho quần chúng noi theo.

Nêu cao tinh thần tự học, tự rèn luyện trong mỗi cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng; động viên và tổ chức để quần chúng góp ý xây dựng cán bộ, đảng viên.

4. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận

Trên cơ sở quy hoạch, cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận đông đảo, có chất lượng cao; chú ý lựa chọn những sinh viên ưu tú tốt nghiệp các trường đại học để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị và công tác đảng. Sớm ban hành và thực hiện chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành công tác tư tưởng. Khẩn trương triển khai kế

hoạch đào tạo cán bộ tư tưởng - văn hóa theo quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII từ năm học 2002 - 2003.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong việc đào tạo cán bộ lý luận. Trong 5 năm tới, phấn đấu giải quyết một cách cơ bản tình trạng thiếu giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng.

5. Kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận

Rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức, bộ máy; xây dựng mô hình thống nhất cơ quan công tác tư tưởng, văn hóa các cấp.

Kiện toàn hệ thống, định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân công và phối hợp chặt chẽ và khắc phục tình trạng phân tán, trùng lặp, chồng chéo, kém hiệu quả của các cơ quan lý luận.

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Học viện Hành chính quốc gia.

Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường chính trị của các bộ, ngành; các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các khoa, tổ bộ môn Mác - Lênin trong các trường đoàn thể, lực lượng vũ trang và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp...

Tăng dần mức đầu tư về cán bộ, kinh phí; tạo động lực cho công tác tư tưởng, lý luận bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách.

Từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc, trang thiết bị, hệ thống thông tin, tư liệu trong và ngoài nước.

6. Phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công tác tư tưởng

Thực hiện phương châm "toàn Đảng làm công tác tư tưởng", "lấy quần chúng giáo dục quần chúng", đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác tư tưởng của các đoàn thể, tổ chức xã hội ở các địa bàn dân cư, sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục sinh động, thiết thực, sát với đối tượng.

Hết sức coi trọng việc cổ vũ, động viên từng người dân thực hiện

nghĩa vụ và trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chống các tệ nạn xã hội, các thói hư tật xấu, chống tư tưởng sai trái, thù địch.

7. Đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận

Đổi mới nội dung công tác giáo dục lý luận chính trị theo hướng gắn với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng, hiệu quả thiết thực, giải đáp được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Mở rộng sử dụng hình thức đối thoại trong hoạt động tuyên truyền giáo dục.

Mở rộng hình thức học tập lý luận chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng; chấn chỉnh hình thức đào tạo tại chức; nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập; thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá kết quả học tập; gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với việc bố trí, sử dụng cán bộ.

Tổ chức lại hệ thống nghiên cứu dư luận xã hội, làm tốt công tác dự báo, đề xuất những giải pháp tiến hành công tác tư tưởng có hiệu quả trong từng thời kỳ.

Coi trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới tích cực.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Từng cấp uỷ, căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết này và tình hình cụ thể của đảng bộ xác định ngay những vấn đề phải làm trong năm 2002, chỉ đạo làm chuyển biến một số mặt công tác còn yếu, nhất là ở cấp cơ sở. Kết hợp thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới với triển khai thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tạo ra chất lượng mới trong công tác xây dựng Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch hướng dẫn việc nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo công tác tuyên truyền sâu rộng và thiết thực các nội dung cơ bản của Nghị quyết trong các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể vào đầu quý II năm 2002. Xây dựng kế hoạch phát triển cuộc vận động thi

đưa yêu nước, học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 112 năm Ngày sinh của Bác (19-5-2002), phối hợp cùng Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị; cùng Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận.

3. Hội đồng Lý luận Trung ương có kế hoạch triển khai nghiên cứu các vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn nêu trong Nghị quyết này; từng thời gian báo cáo Bộ Chính trị.

4. Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo... rà soát, bổ sung nội dung giáo dục đạo đức công dân, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường ở từng cấp học.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư tưởng, lý luận, các cơ quan nghiên cứu lý luận; rà soát, bổ sung hoặc kiến nghị bổ sung chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ tư tưởng, lý luận, báo cáo viên, giảng viên...

6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các đoàn thể quần chúng có biện pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết, coi trọng việc giáo dục nâng cao trách nhiệm công dân, tính chủ động, tích cực của hội viên, đoàn viên, góp sức củng cố và *phát triển sự nhất trí, đồng thuận* của toàn xã hội với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; làm tốt nhiệm vụ là chiếc cầu nối giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

7. Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc và miền núi chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch giáo dục nhân dân các dân tộc thiểu số phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, tương trợ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các hoạt động tư tưởng - văn hóa ở miền núi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin, Ban Tôn giáo Chính phủ cùng các ban, ngành liên quan có biện pháp đồng bộ giáo dục ý thức thực hiện tốt chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, đấu

tranh bài trừ các hiện tượng mê tín, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật Nhà nước.

8. Trong quý II năm 2002, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin xây dựng xong kế hoạch chấn chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu các ấn phẩm văn hóa, chỉ đạo các chương trình văn hóa - văn nghệ bảo đảm định hướng tư tưởng lành mạnh và bản sắc dân tộc; phối hợp các cơ quan chức năng ngăn chặn những tác động tiêu cực từ các đài phát thanh bằng tiếng Việt của bọn phản động nước ngoài vào nước ta.

9. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các Ban cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng nghiên cứu giải quyết các nhu cầu cơ bản và cấp bách về cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh phí hoạt động của các cơ quan lý luận, tư tưởng và văn hóa của Đảng, Nhà nước, các ngành và các đoàn thể quần chúng. Sớm ban hành chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với những người làm công tác tư tưởng, lý luận chuyên trách. Từ nay đến năm 2005, có kế hoạch đầu tư thích đáng để từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, điều kiện làm việc của các cơ quan thuộc lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ở Trung ương và địa phương; chú trọng hai trung tâm nghiên cứu lý luận lớn là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị
ở cơ sở xã, phường, thị trấn
(ngày 18 tháng 3 năm 2002)

I- ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
Ở CƠ SỞ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Qua hơn 15 năm đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng về kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định về chính trị và hiện nay đang đứng trước yêu cầu mới của sự phát triển ở tầm cao hơn trước.

Để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, hệ thống chính trị từ Trung ương tới cơ sở phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và chỉnh đốn tổ chức, nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý.

Các cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi tuyệt đại bộ phận nhân dân cư trú, sinh sống. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Trong thời gian qua, hệ thống chính trị ở phần lớn cơ sở đã tích cực thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế dân chủ, cùng với nhân dân tạo nên những thành tựu đổi mới và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn và thành thị.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay còn nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm

quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có những nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chấp vá.

Những yếu kém đó có phần trách nhiệm của bản thân hệ thống chính trị ở cơ sở, có phần thuộc trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Một nguyên nhân quan trọng là từ Trung ương đến các cấp, các ngành chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở; quan liêu, không sát cơ sở, sát nhân dân, không kịp thời bàn định các chủ trương, chính sách để củng cố, tăng cường các tổ chức và đội ngũ cán bộ cơ sở.

2. Để đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, từ nay đến năm 2005, cần tập trung giải quyết mấy vấn đề cơ bản và bức xúc sau đây:

Một là, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát với dân, được dân tin cậy.

*Hai là, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và *phát huy quyền làm chủ của dân* trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức và cán bộ ở cơ sở và thay thế người không đủ tín nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật.*

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân; trẻ hoá đội ngũ, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với cán bộ cơ sở.

II- ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

1. Nâng cao nhận thức và làm đúng vai trò hạt nhân chính trị

- Đảng bộ, chi bộ cơ sở là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các mặt công tác

ở cơ sở, cần nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị hướng vào phục vụ nhân dân, đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến mọi người dân và tổ chức thực hiện tốt ở cơ sở, phản ánh và giải đáp mọi tâm tư nguyện vọng của nhân dân, khơi dậy trí tuệ và nguồn lực của dân, không ngừng nâng cao trình độ dân sinh, dân trí, dân chủ ở cơ sở.

- Mọi đảng viên phải nêu cao vai trò *tiên phong, gương mẫu*, vững vàng về chính trị, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân, thật sự tiêu biểu cho lực lượng tiến bộ nhất ở cơ sở, phấn đấu trở thành *người lao động giỏi, người công dân mẫu mực*. Đảng viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phải phấn đấu làm kinh tế giỏi, đi đầu trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, ra sức làm giàu chính đáng và lối cuốn, vận động bà con cùng làm giàu, không cam chịu đói nghèo.

- Công tác phát triển đảng viên mới nhằm vào những người lao động giỏi, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có uy tín trong quần chúng, những người có lý tưởng cách mạng, tích cực hoạt động trong hệ thống chính trị, có vai trò nòng cốt trong các đoàn thể nhân dân và các tổ chức tự quản của dân. Đối với những đảng viên không chịu khó làm việc, lười học tập, đã được tập thể giúp đỡ mà không tiến bộ thì vận động họ ra khỏi Đảng. Từng đảng bộ, chi bộ cơ sở phải phấn đấu không còn đảng viên yếu kém.

2. Đổi mới phương thức lãnh đạo

- Đổi mới việc ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, của cấp uỷ đảng: Đối với những vấn đề lớn, quan hệ tới cuộc sống và quyền lợi của đông đảo nhân dân địa phương, đòi hỏi sự phối hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, đảng bộ, chi bộ và cấp uỷ đảng đề ra chủ trương và các giải pháp có tính định hướng và phân công, giao trách nhiệm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị đề ra biện pháp và tổ chức thực hiện theo quyền hạn, trách nhiệm của từng tổ chức. Những chủ trương công tác thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền và đoàn thể thì chính quyền và đoàn thể chủ động đề xuất, cấp uỷ đảng bàn và có ý kiến về những nội dung quan trọng.

Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa Bí thư cấp uỷ với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và những người đứng đầu các đoàn thể nhân dân để bàn và giải quyết kịp thời những công việc quan trọng và bức xúc trên địa bàn, bảo đảm

cho cấp uỷ đảng quán xuyên được các mặt công tác ở xã, phường, thị trấn.

- Đảng bộ, chi bộ và cấp uỷ đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ gồm nhiều thế hệ bổ sung, kế tiếp nhau thông qua việc rèn luyện đội ngũ đảng viên, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng những người có tài, có đức trong dân để đảm đương các vị trí công tác trong hệ thống chính trị. Dựa vào dân và thông qua hoạt động thực tiễn ở cơ sở để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra cán bộ.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với các cuộc bầu cử ở cơ sở trước hết là bảo đảm phát huy dân chủ, thực hiện đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn. Việc giới thiệu đảng viên và người ngoài Đảng để nhân dân, hội đồng nhân dân, đại hội và ban chấp hành các đoàn thể bầu vào các chức danh lãnh đạo phải dựa trên sự đề cử, ứng cử từ dưới lên. Thực hiện nghiêm túc việc thăm dò, lắng nghe ý kiến nhân dân trước khi bầu cử cấp uỷ. Việc bố trí Bí thư đảng uỷ đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân hay Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tùy theo tình hình cụ thể ở từng nơi.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của đảng bộ, đảng uỷ; kiểm tra công tác đồng thời kiểm tra tư cách đảng viên. Chú trọng tìm hiểu, lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức đảng thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hàng năm, Bí thư cấp uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tự phê bình trước đại diện của nhân dân.

Theo tinh thần trên, Ban Bí thư ban hành quy chế và hướng dẫn cho các tổ chức đảng ở xã, phường, thị trấn thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

III- ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ

1. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở

Chính quyền cơ sở có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền được giao; hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự quản của dân, tạo thuận lợi cho dân và doanh nghiệp làm ăn theo pháp luật. Cấp trên không dồn cho cơ sở những công việc thuộc chức năng cấp trên phải làm và không buộc cơ sở phải làm tất cả

mọi việc về quản lý hành chính nhà nước.

Phân cấp rành mạch cả nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và phương tiện thực hiện cho chính quyền cấp cơ sở trong việc thu, chi ngân sách, sắp xếp và quản lý cán bộ, quản lý đất đai, bảo vệ đê điều, thuỷ nông, quản lý hộ tịch, quản lý các dự án đầu tư thuộc vốn ngân sách và vốn huy động trong dân, quản lý cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hoá phục vụ cho nhân dân trong xã, phường, thị trấn. Chính quyền cấp cơ sở được cấp trên uỷ quyền thực hiện trên địa bàn việc thu một số loại thuế, quản lý tài nguyên, thực hiện chính sách xã hội bằng kinh phí ngân sách, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh...

Chính quyền phường không quản lý toàn diện các hoạt động sản xuất, đời sống dân cư trên địa bàn như chính quyền xã, thị trấn, song có nhiệm vụ rất quan trọng trong quản lý đô thị. Cần phân định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm và tạo điều kiện để chính quyền phường thực hiện tốt nhiệm vụ, đặc biệt là trong việc quản lý thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai, nhà ở, hộ tịch, vệ sinh môi trường, trật tự đô thị.

Thôn, làng, ấp, bản, sóc (gọi chung là thôn) là địa bàn quan trọng để phát huy các hình thức tự quản của cộng đồng dân cư trên cơ sở quan hệ truyền thống gắn bó trong đời sống vật chất và văn hoá. Khu phố hoặc tổ dân phố (tổ chức dưới phường) cũng có điều kiện và khả năng thực hiện một số hoạt động tự quản như giúp đỡ nhau sản xuất, giảm nghèo, bảo thọ, xây dựng đời sống văn hoá, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự, vệ sinh, môi trường... Thôn, khu phố hoặc tổ dân phố không phải là một cấp hành chính. Trưởng thôn, trưởng khu phố hoặc tổ trưởng dân phố do dân trực tiếp bầu vừa là người đại diện cho dân, vừa là người đại diện cho chính quyền xã, phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn, khu phố, tổ dân phố. Ở những nơi đông đồng bào dân tộc thiểu số phải coi trọng vai trò của già làng, vận động nhân dân bầu già làng có điều kiện làm trưởng thôn, trưởng bản.

Hoàn thiện quy chế dân chủ ở cơ sở, sửa đổi những quy định không phù hợp, bổ sung điều kiện và phương tiện để đưa việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vào nền nếp thường xuyên.

2. Đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân

- Hội đồng nhân dân quyết định mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng tại cơ sở, những công việc mà xã, phường, thị trấn được phân cấp

và những việc đáp ứng yêu cầu tự quản của cộng đồng dân cư ở cơ sở; bầu và phê chuẩn các chức danh hành chính theo luật định; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và những công việc do cấp trên thực hiện trên địa bàn, nhất là việc sử dụng đất đai, quỹ công, tài sản công, kể cả các quỹ do dân đóng góp, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

- Đổi mới cơ chế bầu cử, bảo đảm cho dân đề cử, ứng cử, lựa chọn các đại biểu Hội đồng nhân dân thực sự là người đại diện cho dân; tăng thêm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân so với hiện nay; tăng tỷ lệ thích đáng đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng; tăng số kỳ họp và nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

- Các đại biểu Hội đồng nhân dân, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong các kỳ họp hội đồng, còn được phân công tham gia các hoạt động thường xuyên, gắn bó với dân như tổ chức giám sát của Hội đồng nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, ban thanh tra nhân dân, tổ hoà giải, các tổ chức tự quản của dân...

3. Nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính

- Đề cao trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan hành chính xã, phường, thị trấn

+ Đối với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, những công việc được phân cấp và những việc tự quản của cộng đồng dân cư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đưa ra Hội đồng nhân dân bàn, quyết định chủ trương, sau đó tổ chức thực hiện.

+ Đối với những công việc được cấp trên uỷ quyền, cơ quan hành chính tổ chức thực hiện theo đúng quy định của cấp trên.

+ Đối với công việc tự quản của thôn và các tổ chức tự quản khác, cơ quan hành chính hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc tuân thủ pháp luật.

+ Đối với các khiếu kiện của dân, phải đề cao trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, không để dây dưa kéo dài.

- Về tổ chức cơ quan hành chính

Giữ chế độ Ủy ban nhân dân, nhưng thu gọn số thành viên. Quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể Ủy ban nhân dân, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các thành viên trong Ủy ban nhân dân. Kiện toàn bộ máy giúp việc gồm văn phòng Ủy ban nhân dân và ba khối công việc: khối kinh tế - tài chính (kể cả kế toán), khối văn hoá - xã hội và khối nội chính

(đối với phường, có thể vận dụng quy định chung để tổ chức các khối công việc cho phù hợp).

- Về điều kiện và phương tiện làm việc

Tạo điều kiện cho chính quyền cơ sở chủ động về ngân sách, mở rộng các khoản thu, bảo đảm cho những cơ sở ở trình độ phát triển trung bình có thể tự cân đối được chi thường xuyên. Thực hiện quy chế định kỳ kiểm toán nhà nước, công khai thu, chi ngân sách cho dân biết.

Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ chung cho các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là ở miền núi và các vùng có khó khăn. Phấn đấu đến năm 2005 các xã, phường, thị trấn đều có trụ sở làm việc. Trang bị các phương tiện làm việc cần thiết và từng bước hiện đại hoá theo yêu cầu tin học hoá hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Bảo đảm tốt hệ thống truyền thanh, nhà bưu điện - văn hoá để nhân dân tiếp nhận thông tin và hội họp.

IV. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

1. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đóng vai trò nòng cốt xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân sát hợp với nhu cầu và lợi ích của hội viên, đoàn viên; trên cơ sở đó, tập hợp rộng rãi và nâng cao tính tự giác của hội viên, đoàn viên, xây dựng tổ chức vững mạnh; tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến mọi người dân; vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; tiến hành có hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phản ánh ý kiến của quần chúng về xây dựng Đảng và chính quyền, phát giác hành vi tham nhũng, lãng phí, vi phạm dân chủ; tham gia hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, bày tỏ thái độ đối với những khiếm khuyết của dân để góp phần giải quyết từ gốc.

Đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng; coi trọng và mở rộng

các tổ chức và hoạt động tự quản của nhân dân dưới nhiều hình thức phong phú; các hội viên, đoàn viên chủ động tham gia vào các tổ chức đó, làm nòng cốt vận động và tổ chức hoạt động đúng mục đích, đúng pháp luật.

2. Đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở

Phát huy tính chủ động của các đoàn thể ở cơ sở trong việc tạo nguồn và sử dụng kinh phí. Sửa đổi những quy định không còn phù hợp về hội phí, đoàn phí; thu đủ hội phí, đoàn phí và ưu tiên dành cho cơ sở.

Nhà nước cấp một phần kinh phí hoạt động cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân và tạo điều kiện để các đoàn thể gây quỹ theo đúng pháp luật. Kinh phí do Nhà nước cấp được Hội đồng nhân dân ở cơ sở giao khoán cho Mặt trận và từng đoàn thể nhân dân chủ động quyết định việc chi tiêu, kể cả việc trả phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách.

V. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ

1. Hệ thống chính trị ở cơ sở có cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách

Cán bộ chuyên trách là những cán bộ phải dành phần lớn thời gian lao động làm việc công để thực hiện chức trách được giao, bao gồm:

- Cán bộ giữ chức vụ qua bầu cử gồm: cán bộ chủ chốt của cấp uỷ đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, những người đứng đầu Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Cán bộ chuyên môn được Uỷ ban nhân dân tuyển chọn gồm: công an trưởng, xã đội trưởng, cán bộ văn phòng, địa chính, tài chính - kế toán, tư pháp, văn hoá - xã hội. Số lượng cán bộ chuyên trách do Chính phủ quy định.

Cán bộ chuyên trách ở cơ sở có chế độ làm việc và được hưởng chính sách về cơ bản như cán bộ, công chức nhà nước; khi không còn là cán bộ chuyên trách mà chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí, được tiếp tục tự đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng phụ cấp một lần theo chế độ nghỉ việc. Cán bộ, công chức cơ sở có đủ điều kiện được thi tuyển vào ngạch công chức ở cấp trên. Pháp lệnh cán bộ, công chức hiện hành cần được sửa đổi theo hướng bao gồm cả cán bộ, công chức cơ sở.

Cán bộ không chuyên trách là những người chỉ tham gia việc công trong

một phần thời gian lao động. Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung về số lượng và mức phụ cấp cho cán bộ chuyên trách trong hệ thống chính trị ở cấp cơ sở (kể cả trường thôn).

2. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

Tích cực trẻ hoá và từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở. Phấn đấu từ nay đến hết năm 2005 có khoảng 70-80% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định; khoảng 80% cán bộ, công chức chuyên môn có trình độ trung cấp trở lên đối với đồng bằng, sơ cấp trở lên đối với miền núi.

Đổi mới căn bản chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy đối với cán bộ cơ sở theo hướng đào tạo cơ bản, bồi dưỡng theo chức danh, bảo đảm tính thiết thực. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và tăng cường cơ sở vật chất ở các trường chính trị cấp tỉnh, các trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện.

Nâng cao mặt bằng dân trí; mở rộng mạng lưới trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng ở các tỉnh, huyện, các trường, lớp nội trú cho con em đồng bào các dân tộc để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở. Có chính sách thu hút những người được đào tạo chuyên môn, nhất là sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng về làm cán bộ, công chức ở cơ sở và đưa cán bộ giáo dục, y tế về công tác ở cơ sở. Ở những nơi còn thiếu cán bộ tại chỗ, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, cần kết hợp đào tạo cán bộ thông qua việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, luân chuyển cán bộ ở huyện, tỉnh về công tác ở cơ sở với nhiệm vụ chính là điu dặt, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ.

VI- ĐỔI MỚI SỰ CHỈ ĐẠO CỦA CẤP TRÊN ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Các tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp huyện phải đổi mới phương thức chỉ đạo, khắc phục bệnh quan liêu, xa dân, hướng mạnh tới cơ sở, tới thôn, xóm, ấp, bản, tăng cường đi sát, làm việc trực tiếp với cơ sở, với dân, thấu hiểu nguyện vọng của dân, cùng với cơ sở giải quyết vướng mắc cho dân, tổng kết những điển hình tốt từ cơ sở, những sáng kiến của dân. Mỗi cấp có quy chế cụ thể về thời gian làm việc tại cơ sở, giảm bớt sự chỉ đạo bằng giấy tờ và triệu tập cán bộ cơ sở lên họp.

Trong năm 2002, đồng thời với việc tiếp tục cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", Mặt trận Tổ quốc cùng với Nhà nước

phát động một cuộc vận động mới về kinh tế: "Toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, từng nhà làm giàu cho mình, cho cộng đồng cơ sở và cho đất nước". Cuộc vận động rộng lớn về kinh tế này liên kết và phát huy các cuộc vận động của từng đoàn thể đang tiến hành về tổ chức làm ăn, cải thiện đời sống.

Sớm sửa đổi, bổ sung Luật về tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (với quy định cụ thể về phân cấp, uỷ quyền cho chính quyền cơ sở), Pháp lệnh về cán bộ, công chức (bổ sung quy định đối với cán bộ, công chức cơ sở), ban hành Luật về hội, các quy chế về tổ chức, phương thức làm việc của tổ chức đảng và đoàn thể ở cơ sở, các chính sách đối với cán bộ ở cơ sở.

Trong việc hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này đối với cơ sở, cần có biện pháp sát hợp với những nơi tập trung đông bào dân tộc thiểu số; vận dụng những nguyên tắc chung đối với hệ thống chính trị ở cơ sở để quy định cụ thể cho phường. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các quận, huyện, thành phố, thị xã tổng kết, đánh giá đúng thực chất của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, có sự phân loại các cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt để có giải pháp phù hợp. Có biện pháp cụ thể với sự hỗ trợ về cán bộ và tài chính để sớm khắc phục tình trạng yếu kém của hệ thống chính trị trong một số xã, phường; trước hết phải tập trung chấn chỉnh cho được các cơ sở đang có nguy cơ trở thành điểm nóng.

Nghị quyết này cần được sự phối hợp tổ chức thực hiện của các cơ quan chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cả 4 cấp. Trung ương và các cấp tỉnh, huyện phân công một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thường vụ cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương và có cơ quan thường trực ở từng cấp để thống nhất chương trình hành động từng thời gian, định kỳ kiểm điểm kết quả, đề xuất các giải pháp thúc đẩy và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

BÁO CÁO SỐ 157/TLHN NGÀY 5 - 1 - 2004 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

(Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX)

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, tình hình thế giới có những biến động phức tạp, bên cạnh xu thế chung hoà bình, hợp tác, các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được thắng lợi về nhiều mặt, có những chuyển biến quan trọng. Tuy vậy, khuyết điểm, yếu kém vẫn còn nhiều. Đất nước đang đứng trước cơ hội lớn nhưng đồng thời cũng đối mặt với những thách thức lớn, đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Những thắng lợi và yếu kém trong thời gian qua gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

Báo cáo chung đã kiểm điểm tình hình toàn diện, trong đó có công tác xây dựng Đảng. Báo cáo này kiểm điểm sâu việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm đã đặt ra trong Nghị quyết Đại hội IX trên bốn mặt công tác: giáo dục tư tưởng chính trị; đổi mới công tác cán bộ; xây dựng cơ sở; kiện toàn tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; trên cơ sở đó đề ra một số chủ trương, biện pháp cần thực hiện từ nay đến cuối nhiệm kỳ để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX và chuẩn bị Đại hội lần thứ X của Đảng.

Dự thảo Báo cáo đã được lấy ý kiến trực tiếp của các tỉnh, thành uỷ xung quanh Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Lào Cai và các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương. Sau năm lần tu chỉnh, Dự thảo Báo cáo đã được gửi lấy ý kiến của các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng, các cấp uỷ và tổ chức đảng ở trung ương và địa phương. Đến nay đã có 76 báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia (trong đó có 42 báo cáo của địa phương;

34 báo cáo của các ban, bộ, ngành, đoàn thể và ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương). Bộ Chính trị đã tổng hợp, tiếp thu các ý kiến đóng góp vào Dự thảo Báo cáo.

Phần thứ nhất

KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

I. CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Hơn hai năm qua, trên cơ sở kiên định và phát huy thành quả của công cuộc đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cụ thể hoá nhanh và tập trung chỉ đạo đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; quyết định đúng đắn, xử lý kịp thời nhiều vấn đề quan trọng, những tình huống nhạy cảm, phức tạp phát sinh đột xuất. Đến nay, hầu hết các vấn đề quan trọng do Nghị quyết Đại hội IX đề ra đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cụ thể hoá và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Bám sát Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã triển khai đồng bộ các mặt công tác giáo dục tư tưởng chính trị: học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết Trung ương; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành; đấu tranh chống những quan điểm sai trái; hướng dẫn dư luận, lắng nghe tiếng nói của nhân dân, cán bộ, đảng viên. Đã có những cố gắng đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị. Việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng có kết quả tích cực bước đầu. Cùng với thắng lợi của đường lối phát triển kinh tế, công tác giáo dục tư tưởng chính trị thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức, sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu lý tưởng, về đường lối, chính sách đổi mới, quan điểm đối ngoại, về vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới của

Đảng, tính tích cực chủ động về tư tưởng của cán bộ, đảng viên trước những diễn biến phức tạp của tình hình, đấu tranh chống những quan điểm chính trị phản động, cơ hội và những thông tin sai trái, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hoà bình", phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

Mặt yếu của công tác giáo dục tư tưởng chính trị là: vẫn còn một số cấp uỷ và tổ chức đảng triển khai các nghị quyết Trung ương chưa sâu sắc, chưa xây dựng được chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết. Nhiều nơi việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa gắn với liên hệ và áp dụng vào ngành, địa phương, đơn vị. Một số tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận rõ âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị vẫn chậm đổi mới về nội dung, hình thức; tính thuyết phục, tính chiến đấu và hiệu quả chưa cao, còn né tránh, hủu khuynh, chưa phê phán mạnh mẽ, đấu tranh kiên quyết chống lại những quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, nhằm bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc. Công tác lý luận chưa giải đáp một cách thuyết phục những yêu cầu của cuộc sống và những băn khoăn, trăn trở trên một số vấn đề kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống chưa thường xuyên, liên tục, có mặt bị buông lỏng, xem nhẹ; tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu, ít chuyển biến. Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách đến dân chưa được quan tâm đúng mức, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa. Có nơi, có lúc còn thiếu chủ động trong đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, còn lúng túng trong việc xử lý một số vấn đề về tôn giáo, dân tộc, nhân quyền. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị chưa đủ sức khắc phục những mặt yếu kém kéo dài nhiều năm, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt trong Đảng và xã hội, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Những quan điểm sai trái, nhận thức mơ hồ về mục tiêu lý tưởng, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân vẫn tồn tại. Tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, cục bộ địa phương, những biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội có chiều hướng gia tăng.

Các cơ quan báo chí, xuất bản đã có nhiều cố gắng đổi mới nội dung và

hình thức, kịp thời đưa tin, phản ánh về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đấu tranh chống tham nhũng... Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, quản lý báo chí vẫn còn bị buông lỏng và nhiều thiếu sót, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Về đội ngũ cán bộ, đảng viên: phần lớn cán bộ, đảng viên nhất trí, tin tưởng, quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, có sự đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không ít cán bộ, đảng viên còn băn khoăn về cơ sở lý luận của một số vấn đề về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Một bộ phận nhận thức chưa đầy đủ, có biểu hiện thờ ơ, phai nhạt lý tưởng, làm việc cầm chừng, đóng góp hạn chế cho công việc chung. Số ít thể hiện sự bất mãn, không tin, suy thoái, thậm chí có hành động chống đối, nói và làm trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Nguyên nhân chính của những yếu kém trong công tác giáo dục tư tưởng chính trị là chậm đổi mới về nội dung, phương pháp; công tác lý luận và tổng kết thực tiễn chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng, chưa giải đáp được những băn khoăn, trăn trở trên một số vấn đề mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm. Một số cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ chưa có nhiều biện pháp hiệu quả, chưa dành nhiều thời gian công sức đi sâu chỉ đạo công tác giáo dục tư tưởng chính trị, chưa xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hoá chưa được kiện toàn đầy đủ về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, kỹ thuật và điều kiện làm việc của các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận còn nhiều khó khăn.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ

Hơn hai năm qua, công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có một số đổi mới về nội dung và cách làm, mang lại kết quả bước đầu trên một số mặt. Đội ngũ cán bộ tiếp tục có bước trưởng thành và tiến bộ, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Đại hội IX đề ra.

Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, được các địa phương, ngành thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả bước đầu. Việc luân chuyển cán bộ vừa giúp cán bộ

có triển vọng được rèn luyện, trưởng thành, vừa tạo điều kiện để cán bộ tại chỗ phát triển. Bước đầu việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã thúc đẩy công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần khắc phục một bước những biểu hiện trì trệ, cục bộ, khép kín.

Quy hoạch cán bộ là một khâu quan trọng trong công tác cán bộ. Những năm gần đây các cấp uỷ và tổ chức đảng đã chú ý hơn đến việc chỉ đạo thực hiện, quan tâm đổi mới nội dung và cách làm quy hoạch cán bộ theo phương châm "động" và "mở", thực hiện dân chủ, công khai, phát huy vai trò của tập thể cấp uỷ và thường vụ cấp uỷ, khắc phục những biểu hiện thiếu tin, ngại khó, làm quy hoạch một cách hình thức, đối phó. Đến nay 61/61 tỉnh, thành phố trực thuộc và một số bộ, ngành trung ương đã làm xong quy hoạch cán bộ bước một. Kết quả đó đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và cách làm quy hoạch, thúc đẩy việc đánh giá, phát hiện, tạo nguồn cán bộ, góp phần từng bước khắc phục tình trạng hẫng hụt, bị động trong công tác cán bộ, tạo thế chủ động chuẩn bị nhân sự cấp uỷ và Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp khoá tới.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng đã cố gắng chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị, khắc phục một phần tình trạng đào tạo tràn lan, không theo quy hoạch. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo tại chức; tăng cường các lớp đào tạo tập trung, các lớp đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân từ công nhân, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng - an ninh, các lớp đào tạo sau đại học đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Việc thực hiện chính sách đối với các đối tượng cán bộ lão thành cách mạng, người có công với nước, cán bộ cơ sở có một số mặt tiến bộ. Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ trung ương và cấp tỉnh đã được lập lại với chức năng, nhiệm vụ được xác định rõ, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, bước đầu hoạt động có hiệu quả góp phần chăm lo sức khỏe cán bộ.

Công tác đánh giá cán bộ có những mặt tiến bộ. Một số cấp uỷ và tổ chức đảng đã thực hiện đánh giá cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của đảng viên, cán bộ và nhân dân làm thước đo chủ yếu. Do quản lý và đánh giá sát hơn, chấp hành quy trình và thủ tục đầy đủ hơn, nhất là coi trọng phát huy, mở rộng dân chủ và quyết định tập thể nên hạn chế sai sót.

Từ Đại hội đến nay đã bố trí và bố trí lại hàng ngàn cán bộ lãnh đạo,

quản lý các cấp, trong đó có 255 cán bộ thuộc diện trung ương quản lý, qua đó đã đổi mới một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng tích cực, thay thế số cán bộ mất đoàn kết, phẩm chất, năng lực yếu kém bằng những đồng chí có tín nhiệm hơn; xử lý kỷ luật đảng hoặc truy tố trước pháp luật một số cán bộ hư hỏng. Đa số cán bộ nhận nhiệm vụ mới được đào tạo cơ bản, có phẩm chất và năng lực, bước đầu phát huy tác dụng, góp phần tăng cường năng lực và đổi mới phong cách lãnh đạo của cấp uỷ đảng. Phần lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý đã nhận thức rõ hơn về trách nhiệm, có ý thức phấn đấu giữ gìn tư cách, đạo đức, đoàn kết nội bộ; năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực tổ chức thực hiện được nâng lên, tiếp cận và giải quyết tốt hơn những vấn đề mới của thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế, trong đó có những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành thể hiện rõ tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, có phong cách làm việc dân chủ, mang lại hiệu quả thiết thực.

Việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đã phát huy tác dụng tích cực trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đã sửa đổi, bổ sung một số chính sách, cơ chế, pháp luật về quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước; phát hiện và đưa ra xét xử một số vụ án kinh tế, xã hội nghiêm trọng; đặc biệt, đã nghiêm khắc xử lý một số cán bộ, đảng viên có sai phạm, kể cả cán bộ cao cấp; nhiều địa phương đã xử lý dứt điểm vụ việc nổi cộm; các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo và đã đem lại một số kết quả, các "điểm nóng" lớn trong xã hội có chiều hướng giảm bớt; tình trạng mất đoàn kết trong một số cấp uỷ và tổ chức đảng giảm đáng kể; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tiêu cực.

Nhìn chung, công tác cán bộ đã có chuyển biến cả nhận thức và cách làm, đi sát thực tiễn hơn, chú ý phát hiện những nhân tố mới, đã đề ra và thực hiện một số cơ chế, giải pháp tiếp tục cụ thể hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và điều lệ của các tổ chức quần chúng; chấp hành đúng và đầy đủ hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ. Thực tiễn đã khẳng định, để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ cần phải thực hiện đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, luân chuyển,

đào tạo bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

Tuy nhiên, công tác cán bộ vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập; đánh giá và quản lý cán bộ vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục, còn nể nang, "dĩ hoà vi quý" thiếu thẳng thắn, chất lượng đánh giá cán bộ còn hạn chế, nhiều nơi chưa thực hiện việc công khai đánh giá cán bộ. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ tuy có chuyển biến bước đầu nhưng chưa đồng đều ở các cấp, các ngành; các bộ, ngành làm chậm hơn các địa phương. Quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ, kết nạp đảng viên... có thành phần xuất thân là công nhân chưa được quan tâm đúng mức. Đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về bằng cấp, học vị, chất lượng không cao. Chậm xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các ngành, các cấp còn yếu về kiến thức, năng lực. Chưa kịp thời thay thế một số người đứng đầu tổ chức trì trệ, năng lực hạn chế, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chưa xây dựng được hệ thống các biện pháp khuyến khích đảng viên, cán bộ và nhân dân tham gia, giám sát công tác cán bộ. Chưa xây dựng được quy chế vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo tập thể của cấp uỷ vừa phát huy trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, của cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Chưa nghiêm túc thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ. Việc cụ thể hoá phân cấp trong công tác cán bộ còn hạn chế. Chưa quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức về mọi mặt. Chưa kết hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ với cải cách hành chính.

Quy định 75-QĐ/TW về công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã được các cấp, các ngành quán triệt, kịp thời hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đã tạo sự thống nhất nhận thức về yêu cầu và giải pháp xử lý những vấn đề cụ thể. Đã phối hợp các cơ quan có liên quan làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về mặt lịch sử chính trị của người vào Đảng, người tham gia cấp uỷ, chính quyền và đoàn thể các cấp; thẩm tra, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ chính trị nội bộ chậm giải đáp và kết luận một số vấn đề tồn tại cũ và mới phát sinh; chậm bổ sung, sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định 75-QĐ/TW. Còn lúng túng, trong việc phát hiện và giải quyết những trường hợp có dấu hiệu vi phạm về chính trị theo quy định hiện hành. Quy chế phối hợp giữa Ban Bảo vệ chính trị nội

bộ Trung ương với các ban đảng và các cơ quan nhà nước gần đây mới được xây dựng, chưa được triển khai sâu rộng. Một số nơi cấp uỷ và người đứng đầu tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức chỉ đạo công tác này.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) chưa đạt được yêu cầu, chưa tạo được những chuyển biến cơ bản, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tệ tham ô, bòn rút tài sản công, sách nhiễu, lãng phí vẫn tồn tại khá phổ biến ở mức độ và hình thức khác nhau trong đội ngũ cán bộ, bộ máy lãnh đạo và quản lý, nhất là trong lĩnh vực quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách; đáng lo ngại là có một số người có chức, có quyền hư hỏng; nơi này, nơi khác vẫn còn có hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp. Việc kê khai tài sản và nguồn thu nhập thực hiện hiệu quả thấp; kiểm tra ngăn ngừa, uốn nắn, xử lý sai phạm còn chậm, chưa nghiêm, còn để lọt nhiều vụ việc, chưa kiên quyết xử lý kỷ luật đối với những người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị.

Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ tuy có chuyển biến, tiến bộ, nhưng vẫn còn những biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc không theo quy chế, độc đoán, chuyên quyền; một số nơi còn tiềm ẩn nguy cơ mất đoàn kết, không thể xem thường; bên cạnh đó không ít tổ chức đảng có biểu hiện đoàn kết xuôi chiều. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm tròn trách nhiệm, chưa nêu gương trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn liền với tình trạng kỷ cương, phép nước không nghiêm là vấn đề lớn làm nhân dân bất bình, lo lắng và giảm niềm tin; là nhân tố tiêu cực lớn đang hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới; là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và Nhà nước ta.

Về nguyên nhân khách quan, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước ta chưa lường hết mặt trái của nó nên chưa có những giải pháp kịp thời về tư tưởng và khả năng ứng phó cho cán bộ, đảng viên. Về chủ quan, không ít cấp uỷ đảng, trước hết là người đứng đầu tổ chức chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa quyết định của công tác cán bộ, thiếu quyết tâm chỉ đạo, chậm cụ thể hoá những chủ trương, giải pháp đồng bộ có hiệu quả về pháp luật, cơ chế, chính sách, những biện pháp xử lý kỷ luật khi cán bộ vi phạm. Việc triển khai

chiến lược cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII còn chậm và không đồng bộ; chậm tăng cường, xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật và tổ chức, cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh. Sự tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận cán bộ trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp chưa tự giác, chưa thường xuyên và nghiêm túc. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa thu hút cả hệ thống chính trị và cả xã hội vào cuộc đấu tranh thường xuyên chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

III- CÔNG TÁC XÂY DỰNG, Củng Cố CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị về xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn đã tích cực triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hình thành hệ thống quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, với dân; tăng cường lãnh đạo đổi mới cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xoá đói giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân; tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ ở những địa bàn trọng yếu, những nơi có biểu hiện mất ổn định, vùng sâu, vùng xa... đạt kết quả.

Đã bổ sung, sửa đổi các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế và tổ chức mới; điều chỉnh, sắp xếp một bước về tổ chức cơ sở đảng trong các tổng công ty lớn; cải tiến việc đánh giá, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm, giới thiệu đảng viên đang công tác ở cơ quan Đảng, Nhà nước giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả, nhất là ở những vùng trọng yếu, những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên mới được kết nạp hàng năm đều tăng; tỷ lệ đảng viên là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, người dân tộc thiểu số, số giáo viên, trí thức được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng, đã góp phần làm cho cơ cấu đội ngũ đảng viên thay đổi theo hướng tích cực và thu hẹp dần số thôn, bản, trường học... chưa có tổ chức đảng hoặc đảng viên. Từ năm 2001 đến tháng 6-2003, đã kết nạp được 343.334 đảng viên mới, bình quân mỗi năm kết nạp trên 137.300 đảng viên (tăng 37% so với bình quân 5 năm trước).

Nhìn chung, từ sau Hội nghị Trung ương 5 khoá IX công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đã tạo nên một số chuyển biến tích cực, nhiều đảng bộ xã đã có chuyển biến khá rõ. Các tổ chức cơ sở đảng đã nhận thức và thực hiện đầy đủ hơn chức năng hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở; khắc phục dần biểu hiện ỷ lại, thiếu chủ động, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, củng cố đảng bộ, chi bộ yếu kém có chuyển biến bước đầu.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi vẫn còn yếu, một số nơi chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ còn lúng túng, chậm cải tiến, hiệu quả thấp. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên còn nhiều mặt hạn chế. Công tác quản lý nhà nước, vận động quần chúng của chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở còn yếu, chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa thật nghiêm túc. Tổ chức đảng và chính quyền ở xã, phường, thị trấn tuy có những tiến bộ, nhưng không ít nơi vẫn chưa khắc phục được bệnh quan liêu, chưa giải quyết kịp thời những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhân dân, thậm chí còn hách dịch, gây phiền hà cho dân; ở miền núi địa bàn rộng, dân cư phân tán, đảng viên ít, cán bộ ít được đào tạo, bồi dưỡng làm hạn chế kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, mặc dù Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX đã xác định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng nhưng thực tế vẫn còn có những vấn đề cần được làm rõ hơn về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng có nhiều vấn đề mới nảy sinh nhưng Ban Tổ chức Trung ương, các cấp uỷ và tổ chức đảng chậm sơ kết, đánh giá để bổ sung, sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn xây dựng tổ chức đảng trong các loại hình cơ sở, nhất là trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần, tư nhân cho phù hợp với tình hình mới. Tổ chức cơ sở đảng trong khu vực cơ quan hành chính, sự nghiệp hoạt động còn lúng túng, vai trò mờ nhạt, nhiều nơi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị là đảng viên nhưng chưa thực sự tôn trọng và phát huy vai trò của tổ chức đảng. Chưa có cơ chế, thiết chế cụ thể bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được phát huy

trong thực tế. Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên tuy có cải tiến nhưng tổ chức thực hiện chưa nghiêm, vẫn chưa bảo đảm chính xác, chưa phản ánh đúng thực chất. Chậm cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện một số chủ trương về đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách chế độ đối với đội ngũ cán bộ cơ sở. Chưa thực sự quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ bí thư, chi uỷ viên của mỗi chi bộ. Không ít cấp uỷ cơ sở, chi uỷ chưa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém trên là: không ít cấp uỷ các cấp chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí quan trọng của cơ sở, còn quan liêu, xa dân, không sát cơ sở; chưa quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng, củng cố cơ sở, chậm bổ sung, hoàn thiện những quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, mối quan hệ và giải pháp để củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở; mặt khác, bản thân cấp uỷ cơ sở cũng thiếu chủ động, năng động tự đổi mới, tự chỉnh đốn, còn trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

IV- KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Sau Đại hội IX của Đảng, công tác tổ chức đã tập trung vào nhiệm vụ kiện toàn tổ chức, bổ sung, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lễ lối làm việc của bộ máy Đảng, của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cơ bản theo đúng định hướng Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII, bước đầu phát huy tác dụng, phục vụ việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đã hướng dẫn kịp thời việc thi hành Điều lệ Đảng, nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản như chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, thi hành kỷ luật trong Đảng. Đã sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các bộ, cơ quan nhà nước, của các ban đảng, đảng bộ khối các cơ quan trung ương, đảng bộ khối cấp tỉnh, tổ chức đảng trong đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trong các doanh nghiệp lớn, bộ máy tổ chức đảng, các đoàn thể ở trung ương và địa phương.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tích cực tự đổi mới phương thức lãnh đạo và chỉ đạo đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, tạo chuyển biến bước đầu trong việc nâng cao năng lực lãnh

đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các cấp uỷ đảng từ trung ương đến cơ sở đã cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội, xây dựng và làm việc theo chương trình, kế hoạch; vừa chú ý lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, vừa tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm. coi trọng việc đề ra giải pháp, phân công tổ chức thực hiện; quan tâm kiểm tra thực hiện quyết định, tổng kết, sơ kết, rút kinh nghiệm. Đã coi trọng cụ thể hoá và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ trong tập thể lãnh đạo khi thảo luận và ra quyết định; xây dựng và thực hiện các quy chế theo hướng mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch. Đã quan tâm nghiên cứu và thực hiện một số cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước như: lãnh đạo Đảng đoàn Quốc hội trong việc chỉ đạo công tác lập pháp, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, trong việc chuẩn bị nhân sự cấp cao của Nhà nước; lãnh đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ và Ban Cán sự đảng các cơ quan tư pháp trong công tác nhân sự, công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Tăng cường các cuộc làm việc của tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ với lãnh đạo chủ chốt các địa phương, ngành, kịp thời giải quyết được nhiều kiến nghị và vướng mắc của các cấp, các ngành, các địa phương. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp đã coi trọng việc đi cơ sở, phát huy dân chủ, giữ gìn đạo đức, lối sống.

Trung ương và các cấp uỷ đã quan tâm hơn công tác kiểm tra, coi đây là một khâu quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo. Đã xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, trên những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp, coi trọng kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kiểm tra công tác cán bộ. Qua kiểm tra đã chỉ ra sai sót, đề ra biện pháp khắc phục, đã có tác dụng giáo dục chung và ngăn ngừa vi phạm. Đã tập trung chỉ đạo kiểm tra một số vụ vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước, xử lý nghiêm hơn cán bộ có sai lầm, khuyết điểm, kể cả cán bộ cao cấp, được dư luận cán bộ và nhân dân đồng tình. Từ Đại hội IX đến nay đã thi hành kỷ luật hơn 45.000 đảng viên vi phạm, trong đó 27,4% là cấp uỷ viên các cấp, có 69 cán bộ thuộc diện trung ương quản lý. Kỷ luật khai trừ 13,9%, cách chức 5,4%, phạt giam 925 trường hợp trong tổng số đảng viên vi phạm. Đáng chú ý là số bị xử lý vì vi phạm nghị quyết, chính sách, luật pháp chiếm 42% (nhiệm kỳ trước là 28%), vi phạm Quy định 19 điều đảng viên không được làm. Số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật là 650, trong đó phải giải tán hai tổ chức.

Thiếu sót và hạn chế là: công tác kiện toàn tổ chức bộ máy còn nhiều yếu kém, bất cập. Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII về kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm. Nhìn chung bộ máy tổ chức của nhiều cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể vẫn công kênh, chất lượng hoạt động thấp. Chức năng, nhiệm vụ của không ít tổ chức còn chồng chéo, chưa được làm rõ. Một số quy định về quan hệ và lễ lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ trong lãnh đạo công tác an ninh, quốc phòng, đối ngoại và công tác tổ chức cán bộ... chưa được cụ thể hoá và hoàn thiện. Một số vấn đề vướng mắc về quan hệ giữa ngành với lãnh thổ trong hệ thống tổ chức đảng về công tác cán bộ chưa được xử lý thoả đáng. Sự đổi mới phương thức lãnh đạo chưa mạnh, chưa thực sự góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện mới. Đổi mới chưa đồng bộ, còn nhiều nơi, nhiều việc chưa thực chất, chưa sát dân, dân chủ nội bộ chưa được phát huy đầy đủ, nói chưa đi đôi với làm. Bệnh thành tích, hình thức, phô trương, lãng phí còn khá phổ biến ở các cấp, các ngành. Cụ thể hoá chưa đầy đủ một số vấn đề về Đảng lãnh đạo kinh tế; Đảng lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ; Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với công tác quốc phòng - an ninh; về trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu tổ chức trong chế độ lãnh đạo tập thể... Vẫn còn tình trạng ra nhiều nghị quyết, hiệu quả thực hiện một số nghị quyết không cao. Phương thức lãnh đạo, điều hành vẫn chủ yếu là bằng văn bản (nghị quyết, chỉ thị), thông qua hội họp, ít kiểm tra cấp dưới thực hiện. Việc trả lời, xem xét, giải quyết các đề nghị của cấp dưới của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể có lúc, có nơi không kịp thời.

Chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao, chưa kịp thời phát hiện vi phạm, còn nể nang, né tránh, chưa chỉ rõ khuyết điểm và trách nhiệm cụ thể, nhất là đối với những vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm nguyên tắc, quy chế công tác; số vụ việc được kiểm tra còn ít so với thực trạng vi phạm. Chưa kiểm tra chặt chẽ việc sửa chữa khuyết điểm. Chưa có chủ trương và giải pháp cụ thể động viên cán bộ, đảng viên tự giác nhận, sửa chữa, khắc phục hậu quả khuyết điểm, sai phạm; chưa có biện pháp bảo vệ cán bộ, đảng viên tốt, dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực. Một số nơi, cấp uỷ và tổ chức đảng chưa thật quan tâm tự kiểm tra, kiểm tra cấp dưới và chỉ đạo cơ quan kiểm tra. Việc phối hợp giữa kiểm tra của Đảng với

thanh tra Nhà nước chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là chưa coi trọng đúng mức công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về phương thức lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện mới. Do vậy, trên một số mặt chưa thật sự làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và mô hình tổ chức, cơ chế vận hành của các bộ phận trong hệ thống chính trị. Sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về phân định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, về phương thức lãnh đạo của cấp uỷ các cấp còn chậm, thiếu cụ thể.

V- ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

Từ Đại hội IX của Đảng đến nay, công tác xây dựng Đảng đã được triển khai tương đối đồng bộ, bước đầu có chuyển biến, mang lại kết quả trên một số mặt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên một bước; nhiều chính sách của Đảng đi vào cuộc sống, mang lại kết quả thực tế; Đảng quyết tâm chỉ đạo khắc phục sự suy thoái, giữ vững bản chất cách mạng, gắn bó với nhân dân, với dân tộc. Sinh hoạt trong Đảng, trong xã hội ngày càng dân chủ, cởi mở, công khai. Nhiều cán bộ, đảng viên đã phát huy được vai trò gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; có phong cách làm việc, dân chủ, nói đi đôi với làm. Kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu: giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Những chuyển biến nói trên là kết quả nhiều năm của công tác xây dựng Đảng, cũng là kết quả trực tiếp thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ và tổ chức đảng đã bám sát và cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội, có các nghị quyết, quyết định sát thực tiễn, chọn đúng và tập trung chỉ đạo thực hiện những vấn đề có tính chất cơ bản, tạo sự nhất trí về nhận thức và hành động trong Đảng, trong dân.

Khuyết điểm là công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập, chậm được khắc phục, nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tệ quan

liêu, tham nhũng, lãng phí. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng ở các cấp còn yếu kém, bất cập, nhất là tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, của chi bộ đảng.

Những thiếu sót, khuyết điểm trên có nguyên nhân khách quan: do bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động phức tạp; mặt trái của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng; nhưng nguyên nhân chủ quan là chính: do chậm đổi mới và chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng; nhiều tổ chức đảng, cấp uỷ và bí thư cấp uỷ chưa dành đúng mức thời gian, trí tuệ, công sức chỉ đạo; thiếu các biện pháp hiệu quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng. Một số nơi thực hiện chưa nghiêm các nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chưa quan tâm đúng mức công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng.

Công tác xây dựng Đảng từ sau Đại hội IX của Đảng đến nay đã tiếp tục khẳng định những bài học 15 năm đổi mới được Đại hội IX tổng kết, những kinh nghiệm được nêu lên trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khoá IX kiểm điểm việc thực hiện ba nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ. Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, cần phải nhấn mạnh và làm rõ thêm một số kinh nghiệm sau đây:

Một là, Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền, bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế, trong nước và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn; phải thường xuyên chăm lo công tác chính trị, tư tưởng bảo đảm sự thống nhất trong Đảng về nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu, lý tưởng, về đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hai là, coi trọng việc cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng bằng các chính sách, pháp luật, giải pháp cụ thể, với bước đi thích hợp nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Một chủ trương đúng thường không thể tự nó đi vào cuộc sống mà cần phải có nhiều biện pháp đồng bộ, khả thi, nhất là cần có đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực tổ chức thực hiện có kết quả, đặc biệt là năng lực tổng kết thực tiễn và cụ thể hoá đường lối, biết chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách chủ động, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mang lại hiệu quả thiết thực.

Ba là, phải giữ vững và cụ thể hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân

chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và điều lệ của các tổ chức quần chúng. Đảng chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên và giới thiệu các đảng viên ưu tú của mình để nhân dân lựa chọn vào các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện phân công, phân cấp hợp lý trong công tác cán bộ; đồng thời thường xuyên kiểm tra công tác cán bộ của các ngành, các cấp.

Bốn là, mở rộng, phát huy dân chủ thực sự đi đôi với giữ vững kỷ cương, kỷ luật là vấn đề cốt lõi, là động lực to lớn trong công tác xây dựng Đảng. Cần xây dựng và thực hiện thiết chế bảo đảm dân chủ thực sự trong tổ chức đảng, trong cơ quan lãnh đạo, giữa tổ chức đảng với các bộ phận của hệ thống chính trị, giữa tổ chức đảng, chính quyền với nhân dân; bảo đảm cho đảng viên, cán bộ và mỗi công dân đều có thể tham gia, giám sát công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và các đoàn thể nhân dân một cách thiết thực. Phải coi trọng công tác tự phê bình, phê bình nhằm nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên.

Năm là, tăng cường vai trò lãnh đạo tập thể của cấp uỷ và tổ chức đảng, đồng thời làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, của cơ quan tham mưu là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt coi trọng việc bố trí đúng người đứng đầu tổ chức có đức, có tài, có tính đảng cao, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống, đấu tranh chống tham nhũng, nói đi đôi với làm. Cần kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu về xây dựng Đảng ở các cấp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

Tình hình thế giới vẫn còn đang diễn biến phức tạp, tác động nhiều mặt đến tình hình nước ta; trong nước, bên cạnh những thành tựu, những chuyển biến tiến bộ vẫn còn những khó khăn, thử thách, những khuyết

điểm, yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các cấp uỷ đảng từ trung ương đến cơ sở cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, bảo đảm cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt của Đảng, tạo sự chuyển biến đồng bộ trên các lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Tiếp tục thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng do Đại hội IX đề ra, làm tốt công tác chuẩn bị Đại hội X của Đảng.

Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ cần tập trung trong thời gian tới là:

- Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần hoàn thiện đường lối Đại hội X của Đảng, bổ sung Cương lĩnh, Điều lệ Đảng làm cơ sở cho công tác chính trị tư tưởng trong Đảng.

- Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở và hướng về cơ sở, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục, rèn luyện đạo đức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đây cũng là yếu tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi cải cách hành chính.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình triển khai đồng bộ các mặt công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ, tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có chất lượng, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Trước mắt chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân; đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội X của Đảng.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, góp phần nâng cao năng lực, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

I- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, nâng cao tính chiến đấu và hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị làm cho cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào đường lối đổi mới, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ động đấu tranh chống những quan điểm sai trái, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, thắt chặt mối quan hệ với quần chúng, nâng cao trình độ năng lực, rèn luyện đạo đức cách mạng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

Thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư về "đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới". Đưa việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh thành một trong các nội dung sinh hoạt của mỗi chi bộ, thành chương trình rèn luyện tu dưỡng của mỗi cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ phải học tập, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn phải vận dụng nhuần nhuyễn vào thực tiễn công tác, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, đấu tranh chống suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Đặc biệt, phải coi trọng việc nghiên cứu vận dụng một cách toàn diện và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cần làm rõ các vấn đề thực tiễn bức xúc đang đặt ra về mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng và công tác xây dựng Đảng; về tính chất và bản chất giai cấp của Đảng; tiêu chuẩn đảng viên và điều kiện kết nạp đảng viên trong điều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng với dân... Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu những vấn đề thiết thực, bổ sung, hoàn thiện Cương lĩnh và Điều lệ tại Đại hội X của Đảng.

Thường xuyên chỉ đạo uốn nắn những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng; đấu tranh không khoan nhượng, chống chủ nghĩa cá nhân, những biểu hiện cơ hội, thực dụng, bè phái, cục bộ; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc và nhân quyền chống phá cách mạng nước ta. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị, điều kiện làm việc của các cơ quan, đơn vị làm công tác tư tưởng chính trị. Bảo đảm định hướng và cơ chế lãnh đạo, quản lý đối với các cơ quan báo chí, xuất bản và cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực này. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, chống mọi khuynh hướng "thương mại hoá" hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, CHUẨN BỊ TỐT CÔNG TÁC NHÂN SỰ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG, TRƯỚC MẮT LÀ NHÂN SỰ BẦU CỬ CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP KHOẢ TỚI

Tiếp tục đổi mới về nội dung, phương pháp công tác cán bộ; nghiêm túc thực hiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của đảng viên, cán bộ và nhân dân làm thước đo chủ yếu; xây dựng thiết chế để nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ một cách thiết thực. Chuẩn bị chu đáo, quyết định tập thể, dân chủ, công khai; loại trừ mọi biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, thiếu minh bạch, nể nang trong công tác cán bộ. Tổng kết việc xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ là con em các gia đình có công với nước, cán bộ xuất thân từ công nhân trong các cấp uỷ, trên cơ sở đó có các giải pháp bảo đảm cơ cấu hợp lý trong đội ngũ cán bộ.

Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ, trong đó cần nhấn mạnh việc phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài; Nghị quyết về kiện toàn tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường

chính trị đáp ứng yêu cầu phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cấp uỷ các cấp và người đứng đầu tổ chức cần tập trung chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, tạo sự chủ động trong công tác cán bộ. Chú ý nâng cao chất lượng và bảo đảm cơ cấu hợp lý trong quy hoạch cán bộ; trong cơ cấu phải bảo đảm ba độ tuổi, tăng tỷ lệ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ xây dựng kế hoạch nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp khoá tới; kế hoạch đào tạo, luân chuyển cán bộ chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ tới và các nhiệm kỳ sau. Triển khai Dự án nhà nước "Thí điểm đào tạo nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Triển khai thực hiện chế độ dự bị công chức; có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở nhằm tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư cấp uỷ; vấn đề kiêm nhiệm một số chức danh lãnh đạo đảng và chính quyền.

Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả rút kinh nghiệm hai năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chú trọng luân chuyển cán bộ từ cơ sở lên huyện và ngược lại. Kết hợp luân chuyển cán bộ theo quy hoạch với sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ theo yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện luân chuyển một số chức danh công chức ngạch chuyên môn ở các lĩnh vực cần thiết (hải quan, thuế, quản lý thị trường, kho bạc, công an, toà án, kiểm sát...). Sắp xếp, bố trí lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện nghiêm chế độ nghỉ hưu, nghỉ quản lý theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy, học tập. Chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí cho hệ thống các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể. Kết hợp giữa đào tạo cơ bản, chính quy với việc tăng cường định kỳ mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nhằm bổ

sung, cập nhật kiến thức mới đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; khuyến khích, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, đảng viên tự học tập. Có kế hoạch cử cán bộ đi nghiên cứu, học tập trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài. Tạo sự chuyển biến rõ rệt về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức - coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu để cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Kết hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ với cải cách hành chính; đánh giá, bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ được bổ nhiệm có thời hạn; tiêu chuẩn hoá các chức danh cán bộ, công chức và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo các tiêu chuẩn chức danh.

Mở rộng dân chủ, thực hiện bầu cử có số dư ở các cấp. Xây dựng, bổ sung quy định về đề bạt, bổ nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu và quan hệ giữa người đứng đầu với tập thể lãnh đạo. Xây dựng, bổ sung quy định, điều kiện cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm nói chung phải trong diện quy hoạch; phải được đào tạo về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh; đề bạt lên cấp trên nói chung phải kinh qua cán bộ chủ chốt cấp dưới, nhất là kinh qua cán bộ chủ chốt cấp cơ sở trong một thời gian nhất định. Kiên quyết thay thế kịp thời những cán bộ lãnh đạo, quản lý không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp; không giới thiệu ra ứng cử lại những cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở những nơi phong trào kém, kinh tế phát triển chậm, trì trệ, mất ổn định, mất đoàn kết... Củng cố, nâng cao chất lượng bộ máy và cán bộ làm công tác tham mưu cho cấp uỷ các cấp, nhất là bộ máy làm công tác tổ chức - cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ, công tác kiểm tra của Đảng, công tác nội chính; điều động một số lượng cần thiết cán bộ lãnh đạo, quản lý ưu tú, có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sang lĩnh vực công tác này.

Thực hiện tốt 10 biện pháp đã nêu trong Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX, tiến hành tổng kết nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Khơi dậy và phát huy tinh thần tự giác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của từng cán bộ, đảng viên. Tổ chức tốt đợt kiểm điểm giữa nhiệm kỳ đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Khuyến khích, động viên cán bộ, đảng viên tự giác nhận và quyết tâm sửa chữa khuyết điểm; có quy định đối với những cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm pháp luật mà tự giác khai báo, khắc phục hậu quả được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước; kiên quyết xử lý nghiêm đối với những người cố tình vi phạm, che

giấu khuyết điểm; động viên, khen thưởng, bảo vệ những người dám đấu tranh, tố cáo những khuyết điểm và sai phạm ngay trong tổ chức của mình. Nghiêm cấm trù dập những người đấu tranh, phê bình thẳng thắn, có ý thức xây dựng. Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí phải được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, trong đó chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là luật pháp trong việc quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và quản lý ngân sách. Xây dựng các quy định về việc nhận quà, việc vợ, con cán bộ lợi dụng làm kinh tế tư nhân; việc kê khai tài sản trước và sau khi nhậm chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Xây dựng các thiết chế xoá bỏ cơ chế "xin - cho", tạo điều kiện để người lao động, nhân dân kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị tham nhũng, tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực quản lý nhà, đất, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách. Tiếp tục kiểm tra uốn nắn việc thực hiện pháp lệnh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành. Đòi hỏi cao đối với cán bộ lãnh đạo, nhất là các đồng chí giữ cương vị trọng trách trong bộ máy của Đảng, Nhà nước ở trung ương và địa phương, các đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư tỉnh, thành uỷ, bộ trưởng, người đứng đầu các ngành, địa phương, đơn vị và các cán bộ lãnh đạo khác phải tự giác rèn luyện, nêu gương cho cấp dưới về sự giác ngộ chính trị, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, sự hy sinh phấn đấu vì lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân. Các đồng chí đó phải chịu trách nhiệm trước những khuyết điểm tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Những cơ quan, đơn vị có sai phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó dù không trực tiếp vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm và chịu hình thức kỷ luật thích hợp. Thẩm tra, kết luận, xử lý và thông báo công khai những vi phạm về nhà, đất của cán bộ, đảng viên.

Tổng kết việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW và các nghị quyết, chỉ thị, quy định của trung ương về bảo vệ chính trị nội bộ để có những bổ sung, sửa đổi phù hợp; làm tốt việc thẩm tra, kết luận, xử lý những trường hợp đang có dấu hiệu vi phạm về chính trị hiện nay, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đề bạt. Trước mắt tập trung làm tốt công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác nhân sự bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, nhân sự đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội X của Đảng. Hướng dẫn về chức năng, nhiệm

vụ, biên chế, quy chế làm việc của cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các ngành, các cấp.

III- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, NHẤT LÀ CHI BỘ

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Trung ương, các cấp uỷ và tổ chức đảng hướng về cơ sở, tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố cơ sở, coi đây là công tác trọng tâm từ nay đến cuối nhiệm kỳ nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đặc biệt là chi bộ. Trách nhiệm trực tiếp và trước hết trong việc chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng thuộc về cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội IX và các Nghị quyết Trung ương về xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, đoàn thể cơ sở; gắn xây dựng và củng cố các loại hình tổ chức cơ sở đảng với nâng cao chất lượng đảng viên. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ đảng. Có cơ chế, thiết chế để tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được phát huy trong thực tế. Làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ bí thư, chi uỷ viên của mỗi chi bộ. Bổ sung, sửa đổi hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của các tổ chức cơ sở đảng. Sớm bổ sung quy định và hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, những loại hình tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần và tư nhân...

Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trong phát triển sản xuất, tổ chức đời sống, tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Thực hiện hệ thống các quy định, quy chế về các mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trên cơ sở thực sự phát huy dân chủ rộng rãi trong sinh hoạt của cấp uỷ, tổ chức đảng, trong chi bộ, nhất là phát huy quyền và nghĩa vụ của đảng viên tham gia công việc

của Đảng, tự phê bình và phê bình. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên mới gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở theo tiêu chuẩn chức danh, trang bị, bổ sung những kiến thức về lý luận chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý, điều hành. Thực hiện tốt chính sách chế độ, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư về việc đổi mới đảng viên nhằm nâng cao ý thức đảng cho đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để đổi mới cho đảng viên có đủ tư cách đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, đảng viên vi phạm tư cách phải có thời gian phấn đấu khắc phục khuyết điểm mới được đổi mới đảng viên. Thực hiện tốt Dự án xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

Xây dựng và thực hiện hệ thống quy chế hoạt động của tổ chức đảng; làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân; thực hành dân chủ rộng rãi, nghiêm túc duy trì kỷ luật, kỷ cương của Đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong từng chi bộ, từng tổ chức cơ sở đảng và trong toàn Đảng.

IV. TIẾP TỤC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII; tổng kết mô hình tổ chức đảng trong hệ thống cơ quan hành chính, các doanh nghiệp lớn, mô hình đảng uỷ khối, ban cán sự đảng, làm rõ mối quan hệ giữa mỗi loại hình tổ chức này với đảng uỷ và lãnh đạo cơ quan.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm tránh cả hai khuynh hướng: hoặc buông lỏng sự lãnh đạo, hoặc bao biện, làm thay, nhất là phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước. Bỏ

sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Quốc hội, Chính phủ, sự lãnh đạo của cấp uỷ và tổ chức đảng đối với cơ quan chính quyền cùng cấp; cụ thể hoá thêm một số vấn đề về sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và thực thi vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác quốc phòng, an ninh. Tích cực đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, hoàn thiện quy trình xây dựng, ra nghị quyết và triển khai việc thực hiện nghị quyết. Tổng kết thực tiễn, cải tiến công tác chỉ đạo, thực hiện chế độ làm việc theo chương trình, kế hoạch, quy chế; cán bộ lãnh đạo, bám sát cơ sở, lắng nghe, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia tích cực và rộng rãi vào kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục đổi mới việc ban hành các văn bản của Đảng theo hướng ngắn gọn, sát thực. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, các cuộc thi, sơ kết, tổng kết, hội thảo một cách gọn nhẹ, tiết kiệm, thiết thực; giảm tối đa các cuộc họp, hội nghị không thực sự cần thiết, hiệu quả thấp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoạt động của các ban tham mưu của Đảng ở các cấp là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

Công tác kiểm tra của các cấp uỷ cần tập trung vào các nội dung chủ yếu: kiểm tra thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc và công tác cán bộ; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Chú trọng thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp, khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là kiểm tra cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành, các cấp. Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm các vụ án lớn nhằm đề xuất những chủ trương, giải pháp trong việc thi hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước bảo đảm công bằng, nghiêm minh.

*

* *

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng tuy đã tạo ra những chuyển biến, kết quả tích cực, nhưng vẫn còn nhiều mặt thiếu sót, khuyết điểm. Trên cơ sở kiểm

điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đánh giá đúng tình hình, nhận thức sâu sắc hơn vị trí then chốt và tính chất cấp bách của nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, xác định rõ trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp uỷ, tổ chức đảng và bí thư cấp uỷ trong việc đề ra những giải pháp đồng bộ, khả thi, khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm, yếu kém; tiếp tục đổi mới cách nghĩ, cách làm và quyết tâm làm, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, tiến tới Đại hội X của Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Bản sao lưu trữ

**VĂN BẢN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)
NGÀY 9 THÁNG 3 NĂM 2004**

**Tình hình thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX
về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 2 năm qua.
Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục cuộc vận động
trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4 KHOÁ IX**

Sau khi chỉ rõ những kết quả đạt được và những mặt hạn chế trong 2 năm thực hiện những biện pháp trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX trên các mặt như: công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; việc thực hiện tự phê bình, phê bình và nguyên tắc tập trung dân chủ; về tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống luật pháp; về giải quyết, xử lý những vấn đề nổi cộm, bức xúc và khiếu nại, tố cáo của công dân; việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, đảng viên; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc thực hiện quy định những điều đảng viên không được làm; về tổ chức chỉ đạo thực hiện Kết luận số 04-KL/TW, Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX khẳng định:

"Nhìn chung lại, trên phạm vi cả nước, với những kết quả đạt được trong hai năm qua, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí đã tạo được một số chuyển biến tích cực, mà rõ nhất là: việc xây dựng thể chế kinh tế, chính trị theo hướng dân chủ công khai tiếp tục được đẩy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường; việc xét xử các vụ án và việc chấp hành kỷ luật trong Đảng nghiêm minh hơn, đặc biệt đã đưa ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội một số vụ án lớn; công tác cán bộ có đổi mới về nội dung và cách làm, việc luân chuyển cán bộ có tác dụng tích cực, tình trạng mất đoàn kết trong Đảng được khắc phục

đáng kể; việc xử lý các vụ việc nổi cộm, các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo và đã đem lại những kết quả bước đầu, các điểm nóng trong xã hội có chiều hướng giảm bớt; cuộc vận động đã tiếp tục góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; có tác dụng nhất định cảnh báo, răn đe, phòng ngừa tệ tham nhũng, lãng phí, làm lành mạnh hơn quan hệ trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong xã hội. Tuy vậy, phải thẳng thắn nhìn nhận rằng việc thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng vẫn chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được những chuyển biến cơ bản, chưa chặn đứng và đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách. Hiện nay, tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, nhất là những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên, cùng với tình hình quản lý nhà nước về kinh tế lỏng lẻo làm cho nhân dân bất bình, lo lắng và giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước; là nhân tố chủ yếu đang hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới; là nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong lâu dài, vững chắc của Đảng, Nhà nước và chế độ ta".

Báo cáo cũng chỉ rõ **những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, yếu kém**, đó là:

"Một, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập, Đảng và Nhà nước ta chưa lường hết mặt trái của những vấn đề này (và cũng khó có thể làm được), nên không chủ động đối phó với những tác động sâu sắc và ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức, lối sống của xã hội ta, trong đó có cán bộ, đảng viên.

Trong quá trình đổi mới chúng ta chưa tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời nhằm ngăn ngừa, khắc phục những tiêu cực do mặt trái của kinh tế thị trường gây ra; cơ chế, chính sách quản lý trên các lĩnh vực chưa hoàn thiện và có nhiều sơ hở, dễ bị lợi dụng; hệ thống thị trường chậm được hình thành một cách đồng bộ, thị trường ngầm vẫn tồn tại trên một số lĩnh vực là mảnh đất thuận lợi để nảy sinh tham nhũng, tiêu cực. Thời gian gần đây, trong quá trình tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX và việc hoàn thiện nhiều cơ chế, chính sách, nhất là pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý vốn, đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, v.v. còn chậm trễ, thiếu đồng bộ; chưa thực hiện

tốt quy chế dân chủ và công khai nên đã gây trở ngại đáng kể cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Hai, một số cấp uỷ, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu, mới tập trung chú ý vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chuyên môn, nghiệp vụ... mà chưa thật sự coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Không ít cấp uỷ viên chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết, tính cấp bách và nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, mà nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là "chống tham nhũng, lãng phí"... Có một số đồng chí trong cấp uỷ cho rằng, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã kết thúc. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, chưa thật tập trung, kiên quyết, kịp thời sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm... Trong tổ chức, nhiều nơi chưa kiện toàn ban chỉ đạo và bộ phận chuyên trách giúp cấp uỷ chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX. Vì thế, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chuyển biến chưa đồng bộ, thậm chí có nơi, có lúc còn mờ nhạt hơn so với trước

Thực tế cho thấy, nơi nào cấp uỷ nhận thức rõ vị trí quan trọng và sự cần thiết của cuộc vận động này, kiên quyết, ráo riết trong chỉ đạo thực hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi vi phạm thì chắc chắn cuộc vận động sẽ chuyển động mạnh mẽ theo hướng tích cực.

Ba, chậm tăng cường xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật thật sự trong sạch, vững mạnh. Trong điều tra nhiều vụ án còn để kéo dài, có vụ hết thời hiệu phải đình chỉ điều tra. Trong kiểm tra, thanh tra vẫn còn trường hợp mang tính hình thức; không kịp thời phát hiện sai phạm; khi phát hiện sai phạm rồi lại xử lý không nghiêm, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Không ít sai phạm đã được phát hiện trong đợt kiểm tra xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng đất đai vừa qua chưa được xử lý kịp thời, triệt để, nên tác dụng ngăn ngừa, cảnh báo còn hạn chế.

Bốn, nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa thu hút thường xuyên cả hệ thống chính trị và cả xã hội vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; chưa thực hiện tốt các quy chế dân chủ, nhất là quy chế dân chủ ở cơ sở để phát huy được sự giám sát của đông đảo quần chúng đối với hoạt động của các cơ quan công quyền. Còn thiếu những cơ chế tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát các hoạt động kinh doanh nhà đất, quản lý

xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách; thiếu những hình thức tiếp nhận ý kiến đóng góp, phát hiện của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể, của cơ quan báo chí... vào xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; chưa quan tâm đúng mức việc vận động người thân trong gia đình (vợ, con...) gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Năm, cũng như trong mọi nhiệm vụ khác, phẩm chất và năng lực cán bộ, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị có ý nghĩa quyết định đối với thành bại của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Hiện nay, không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành chưa thật sự đi đầu, làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh này.

Nhà nước chậm xác định rõ chế độ trách nhiệm cá nhân và có chế tài xử lý nghiêm minh đối với người đứng đầu ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để xảy ra những sai phạm trong việc hoạch định chính sách, những vụ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí lớn.

Sáu, tính khả thi của một số chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách nhằm ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chưa cao; thậm chí còn có chính sách, chủ trương không phù hợp với thực tế, làm nảy sinh tiêu cực, lãng phí. Ý thức chấp hành chính sách, pháp luật... chưa nghiêm cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, lãng phí chưa bị ngăn chặn đẩy lùi một cách cơ bản".

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG NỬA NHIỆM KỲ CÒN LẠI CỦA ĐẠI HỘI IX

- **Về mục tiêu** Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX nêu rõ, *trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị cao để: "Tạo cho được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trong hệ thống chính trị, cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiều dân trong cán bộ, công chức, đảng viên"*.

- Để thực hiện mục tiêu trên, Nghị quyết xác định những giải pháp chính sau:

+ Triển khai sâu rộng việc giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Tập trung tạo cho được dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đồng thời, tăng cường nêu gương người tốt, việc tốt.

+ Yêu cầu và đề cao tác dụng tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp, trong tu dưỡng, học tập, giữ gìn đạo đức, phẩm chất, lối sống, phong cách của người đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ địa phương trong cán bộ, đảng viên.

+ Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng: từng ngành, từng lĩnh vực công tác đề ra những tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những loại việc làm sai trái thường gặp cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục, lấy đó làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đối chiếu, tự phê bình, tu dưỡng và để quần chúng giám sát, phê bình. Có những biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm (có thể giảm nhẹ hoặc không xử lý kỷ luật nếu tự giác nhận và sửa chữa khuyết điểm...). Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

+ Tăng cường công tác kiểm tra của cấp uỷ và của uỷ ban kiểm tra các cấp để xử lý nghiêm vi phạm, nhất là tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, gây thiệt hại nghiêm trọng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mất đoàn kết trong cấp uỷ, trong cơ quan lãnh đạo, giữa những người lãnh đạo chủ chốt.

+ Thực hiện nhất quán chủ trương xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Kiên quyết không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với những người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội.

+ Kiểm tra xác minh tình hình nhà, đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng, sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai.

+ Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đối thủ đảng viên".

- Quán triệt mục tiêu và giải pháp trên, Báo cáo của Bộ Chính trị khẳng định:

"Cần tiếp tục thực hiện các biện pháp đã nêu trong Kết luận Hội nghị Trung ương 4, trước mắt tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Rà soát, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập để nâng cao chất lượng việc học tập, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đẩy mạnh việc phát hiện, tuyên truyền, biểu dương người tốt, việc tốt, những điểm sáng trong các lĩnh vực công tác, đời sống; kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, những biểu hiện của lối sống ích kỷ, vụ lợi, thiếu trách nhiệm đối với nhân dân trong cán bộ, công chức, đảng viên. Gắn việc học tập tư tưởng, đạo đức Bác Hồ với việc liên hệ của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và của mỗi cán bộ, đảng viên nhằm vận dụng thiết thực vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn trong ngành, địa phương, đơn vị mình.

2. Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, soát xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, đặc biệt đẩy mạnh việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, xoá bỏ chế độ cơ quan chủ quản để các bộ, các ngành thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế¹. Tiếp tục xoá bỏ các cơ chế bao cấp (nhất là bao cấp qua vốn, qua các chế độ "ưu tiên" doanh nghiệp nhà nước...) và bảo hộ không còn phù hợp. Khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các luật sửa đổi (về quản lý đất đai, xây dựng cơ bản) đã được ban hành.

Có cơ chế công khai chi tiêu vốn ngân sách, nhất là công khai việc sử dụng vốn ngân sách vào các chương trình, dự án đầu tư... để nhân dân giám sát.

Tiến tới quy định các cơ quan, đơn vị của Nhà nước chi từ một mức nào đó trở lên sẽ chỉ được dùng séc và thanh toán qua ngân hàng, nghiêm cấm sử dụng tiền mặt; tạo điều kiện để khuyến khích cán bộ, công chức và nhân dân mở tài khoản cá nhân và thực hiện thu, chi, thanh toán qua ngân hàng.

3. Đổi mới toàn diện, mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ, mà trước hết là công tác quản lý cán bộ, đảng viên (đặc biệt là khâu đánh giá

1. Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khoá IX, ý này được xác định lại như sau:

"Xúc tiến việc phân định rõ quyền của cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3... Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế".

phẩm chất đạo đức, năng lực; mức độ hoàn thành công việc được giao; thái độ đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và ý thức phục vụ nhân dân...). Qua đó, các cấp, các ngành rà soát và thực hiện mạnh mẽ hơn nữa việc sàng lọc, kịp thời loại ra khỏi vị trí lãnh đạo những người không đủ tiêu chuẩn, đồng thời bổ sung đủ cán bộ thật sự có đức, có tài; trước mắt, chuẩn bị đội ngũ cán bộ chủ chốt cho đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp vào đầu năm 2004 và chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội X của Đảng vào các năm 2005, 2006.

Ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế xử lý trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị để xảy ra sai phạm trong hoạch định chủ trương, chính sách và những vụ tham nhũng, lãng phí lớn.

Đối với những ngành, những lĩnh vực đang được nhân dân đặc biệt quan tâm, các phương tiện thông tin đại chúng đề cập, các đại biểu Quốc hội chất vấn nhiều lần trong các kỳ họp như: quản lý, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng; giao thông vận tải; cấp phép xuất, nhập khẩu; thuế; hải quan; y tế; giáo dục... do có nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí lớn, kéo dài, hoặc quản lý yếu kém..., trên cơ sở kiểm điểm nghiêm túc, ấn định thời hạn sửa chữa, khắc phục một số vấn đề bức xúc cụ thể (và thông báo cho nhân dân biết để giám sát), sau thời hạn đó, nếu không có chuyển biến đáng kể thì phải lấy phiếu tín nhiệm, thực hiện cho từ chức hoặc miễn chức đối với người đứng đầu.

Trên cơ sở tiêu chuẩn chung của cán bộ, công chức đã được quy định trong chiến lược cán bộ, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực phải cụ thể hoá những tiêu chuẩn về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức trong ngành, phải "xây" và "nhận dạng" rõ những vi phạm thường gặp, phải "chống", xây dựng những điều cán bộ, đảng viên trong ngành không được làm, để cán bộ, đảng viên, công chức ở từng đơn vị thường xuyên đối chiếu kiểm điểm, tự phê bình, tu dưỡng và để nhân dân, quần chúng thường xuyên giám sát, phê bình, góp phần tích cực hơn vào việc đánh giá cán bộ, công chức.

4. Đảng và Nhà nước thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, đánh giá thực trạng của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan bảo vệ pháp luật, trên cơ sở đó, có biện pháp chỉnh đốn những mặt yếu kém, xây dựng, kiện toàn hệ thống các cơ quan này thật sự trong sạch, vững mạnh và

có đủ năng lực, điều kiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Rà soát để hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các quy chế, biện pháp nhằm thu hút được sự quan tâm đóng góp ý kiến và giám sát của nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác xây dựng Đảng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí (quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở; quy chế báo cáo công tác của người đứng đầu cơ quan đảng, chính quyền đối với tổ chức đại diện cho nhân dân; quy chế xem xét tín nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo và các chức danh được bầu, v.v.). Có cơ chế và biện pháp bảo vệ, tuyên dương, khen thưởng người thẳng thắn, trung thực, dám đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực với động cơ xây dựng, đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh (kể cả xử lý bằng pháp luật) những người lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực với động cơ cá nhân, gây rối, thậm chí với động cơ chính trị đen tối.

6. Các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo chống tham nhũng trên 4 lĩnh vực: nhà đất, xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách. Tiến hành thanh tra, kiểm tra xác minh rõ những vi phạm, thực hiện nhất quán chủ trương xử lý kịp thời, nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào; xử lý cả những người bao che cho hành vi tham nhũng; xử lý nghiêm về trách nhiệm đối với người đứng đầu ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí lớn thuộc phạm vi mình trực tiếp phụ trách; người đứng tên những tài sản của người khác do tham nhũng mà có. Kiên quyết không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự khi đã có đầy đủ chứng cứ về hành vi phạm tội. Khắc phục tình trạng nể nang, bao che, không công khai trong việc xử lý.

Có biện pháp kiểm tra, xác minh về tình hình nhà, đất, trang trại đang sử dụng của những cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành và người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột của các chức danh này) đang có nhiều dư luận, kết luận rõ đúng sai, kịp thời xử lý, khắc phục những sai phạm, thiếu sót và thông báo công khai cho nhân dân biết.

Trong 2 năm (2004 - 2005) tập trung lực lượng của các ngành chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra đối với những ngành, lĩnh vực dư luận cho là có nhiều tham nhũng như xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng đất đai; chi tiêu ngân sách nhà nước; tài chính doanh nghiệp nhà nước, xử lý nghiêm

những hành vi vi phạm.

7. Kiện toàn và cải tiến phương thức hoạt động của tổ chức chuyên trách chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Chấn chỉnh phương pháp, mở rộng nội dung làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2). Duy trì chế độ sinh hoạt thường xuyên hàng quý; chọn nội dung trọng tâm, lập thời gian biểu và phân công cho từng thành viên chỉ đạo thực hiện; sau mỗi vụ việc có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo đầy đủ, kịp thời với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) phải phát huy và gắn kết được nguồn lực và sức mạnh của các ban Đảng Trung ương, đặc biệt là các cơ quan có thành viên Ban Chỉ đạo để hoạt động có hiệu lực và hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX đã đề ra.

Kiện toàn và tăng cường hoạt động của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2); tham mưu đúng, kịp thời và giúp Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) đôn đốc, hướng dẫn các cấp, các ngành đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết của Trung ương.

Hàng năm Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm với các ngành và các địa phương về các biện pháp cần tập trung ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Ban thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị; *thành lập ngay ban chỉ đạo* giúp cấp uỷ, tổ chức đảng chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động; *thành lập bộ phận thường trực chuyên trách* giúp việc ban chỉ đạo, ban hành quy chế làm việc của ban chỉ đạo và bộ phận chuyên trách giúp việc; định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm, đề ra những chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong địa phương, ngành, đơn vị mình.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc các tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương cử một số cán bộ có năng lực chuyên trách theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho ban thường vụ về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX".

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng
trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX

*(Trích Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khoá IX)*

1. Về mục tiêu, nhiệm vụ

... Trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị cao để thực hiện thật tốt *mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu là:*

...

Tạo cho được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trong hệ thống chính trị, thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

...

2. Những giải pháp chủ yếu

Chỉ đạo quyết liệt hơn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt, tập trung vào một số việc trọng tâm sau:

- *Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.*

Triển khai sâu rộng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Tạo dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí

công, vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bảo thủ trong cán bộ, đảng viên, nêu gương người tốt, việc tốt; đề cao tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp.

Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xác định rõ tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng, và những biểu hiện tiêu cực, việc làm sai trái thường gặp trong từng ngành, từng lĩnh vực cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục. Có biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm. Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

Kiểm tra, xác minh nhà, đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, bất cứ người đó là ai, ở cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với người, đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội đến mức phải xử lý hình sự.

Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí phải được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ. Trong đó, chú trọng đổi mới thể chế, thực hiện công khai, dân chủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, nhất là quản lý về đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước. Quy định việc tặng quà, nhận quà; việc kê khai tài sản trước và sau khi nhận chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đổi mới thể chế đảng viên.

- Đẩy mạnh xây dựng, hiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng.

Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện những giải pháp đồng bộ, nhất là xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng.

Sớm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng bảo đảm vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Tổ chức thực hiện các chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là ở những khu vực có vị trí quan trọng và nhạy cảm về kinh tế, chính trị, vùng sâu, vùng xa. Cán bộ lãnh đạo chủ trì và cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 31-CT/TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị để làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp tháng 4 năm 2004, nhân sự đại hội đảng bộ các cấp năm 2005 và Đại hội lần thứ X của Đảng.

Đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ. Sớm ban hành quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo chủ trì các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể trong công tác cán bộ. Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ, Nghị quyết về kiện toàn tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; tổng kết Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Triển khai dự án nhà nước thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới. Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản và đồng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng trên các

lĩnh vực nhằm vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng vừa phát huy quyền lực và hiệu lực quản lý nhà nước của các cơ quan chính quyền, phát huy vị trí và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chính phủ ra nghị định về xử lý trách nhiệm cá nhân của cán bộ lãnh đạo chủ trì cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đề cao kỷ luật, kỷ cương.

Bản sao lưu trữ

Phần thứ ba

**NHỮNG VĂN BẢN PHỤC VỤ
CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG,
CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ**

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHỈ THỊ SỐ 10/CT-TW NGÀY 4 - 1- 1997 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về tăng cường việc tổ chức thực hiện
Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (khoá VII)
về đấu tranh chống tham nhũng

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị khoá VII về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nhiều bộ, ngành và cấp uỷ địa phương đã xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình hành động nhằm phòng ngừa và chống tham nhũng ở ngành, địa phương mình. Thanh tra Nhà nước và các ngành bảo vệ pháp luật đã bước đầu tập trung lực lượng thanh tra, kiểm sát một số ngành, lĩnh vực trọng điểm như ngân hàng, nhà, đất và xét xử một số vụ án tham nhũng lớn.

Tuy nhiên, nhìn chung việc triển khai thực hiện nghị quyết còn chậm, chưa sâu rộng và chưa cụ thể; kết quả chống tham nhũng còn rất thấp, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ; nạn tham nhũng ngày càng phát triển nghiêm trọng.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan là Nghị quyết 14 ban hành trước khi bước vào Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, toàn Đảng đang tập trung vào công tác chuẩn bị, tiến hành đại hội. Nhưng, chủ yếu là do sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước chưa tập trung, thống nhất, thông suốt từ trên xuống dưới. Nhiều nội dung trong Nghị quyết 14 chưa được cụ thể hoá để triển khai thực hiện. Nhiều ngành và cấp uỷ chưa coi việc chống tham nhũng là trách nhiệm hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình; nhiều nơi "khoán" trách nhiệm chống tham nhũng cho đồng chí cấp uỷ viên phụ trách chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Để Nghị quyết 14 được thực hiện có hiệu quả, tạo được sự chuyển biến thật sự, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần tập trung sức chỉ đạo thực hiện một số việc sau đây:

1. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ phối hợp chặt

chế trong việc chỉ đạo soạn thảo để sớm ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng; đồng thời xúc tiến việc rà soát, sửa đổi Bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó quy định rõ các tội danh tham nhũng và hình phạt, kể cả phạt về kinh tế tương ứng để thể hiện sự nghiêm khắc hơn đối với loại tội này.

2. Ban Cán sự đảng Chính phủ cần tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước. Coi trọng việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế; khắc phục những sơ hở trong quản lý ngân sách, tài chính, ngân hàng, quản lý tài sản công, quản lý các khâu cấp phép, giao thầu, xây dựng cơ bản... Thực hiện chủ trương công khai hoá các thể chế và thủ tục hành chính; các quy định về nhà đất, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án và cấp vốn đầu tư, đấu thầu, cho vay tín dụng, thu thuế, thủ tục hải quan, các chế độ bảo hiểm, các khoản đóng góp... nhất thiết phải được niêm yết tại công sở, nơi tiếp dân. Công chức được giao nhiệm vụ tiếp xúc, giải quyết công việc của dân phải có phù hiệu hoặc bảng ghi họ tên, chức vụ. Khi tiếp dân phải đề cao trách nhiệm phục vụ; giải thích, hướng dẫn chu đáo, sẵn sàng giải đáp thắc mắc của dân. Cơ quan hành chính cấp trên phải tăng cường việc thanh tra, kiểm tra đột xuất. Nếu cơ quan, công chức nào thực hiện không đúng, những nhiều dân, tiếp dân sai quy định hoặc lảng tránh trách nhiệm thì người phụ trách cơ quan và công chức vi phạm phải bị xử lý và công bố rộng rãi cho dân biết.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban cán sự đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xác định cụ thể những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên là công chức trong bộ máy nhà nước; quy định những điều cấm làm đối với đảng viên, cán bộ, công chức.

Những quy định đó phải trở thành kỷ luật của Đảng, được thể chế hoá thành pháp luật (thể hiện trong Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh về cán bộ, công chức, Quy chế công vụ) và là căn cứ để kiểm tra, nhận xét đảng viên, cán bộ, công chức. Những quy định này phải công bố rộng rãi cho nhân dân biết để giám sát, phát hiện với tổ chức đảng và cơ quan nhà nước những đảng viên, cán bộ, công chức có hành vi sai trái, vi phạm những điều cấm làm.

4. Các cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước cần phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng cơ quan xây dựng và thực hiện các quy

định về việc tiếp dân, giải quyết công việc của dân; có các hình thức thuận tiện để dân phát hiện, tố cáo những cán bộ, nhân viên có hành vi tham nhũng, nghiêm túc xem xét và kịp thời xử lý người tham nhũng, người có thủ đoạn ngăn cản, đe dọa, trả thù người tố cáo và cả những người tố cáo sai với dụng ý xấu.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể nhân dân có kế hoạch, biện pháp cụ thể hướng dẫn, động viên và tổ chức nhân dân tham gia chống tham nhũng; kịp thời kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm xử lý kẻ tham nhũng và công khai cho dân biết.

5. Việc tặng và nhận quà biếu vốn là hành vi giao tiếp thể hiện mối quan hệ bình thường trong xã hội, nhưng, hiện nay đang phát triển không lành mạnh với động cơ vụ lợi, tiêu cực. Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng các quy định chặt chẽ, hợp lý việc tặng và nhận quà biếu. Thực hiện ngay việc cấm các cơ quan dùng của công chia cho cá nhân dưới mọi hình thức hoặc mua quà biếu ngoài quy định, kể cả trong dịp tết Nguyên đán Đinh Sửu; cấm các cơ quan và cán bộ, công chức nhận quà biếu của cấp dưới, của công dân, của các doanh nghiệp trong và ngoài nước sai quy định.

6. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương kê khai về nhà, đất đối với cán bộ lãnh đạo từ cấp huyện trở lên và những công chức, những giám đốc, tổng giám đốc công ty có liên quan nhiều và trực tiếp đến tiền, hàng, nhà, đất và công tác nhân sự. Yêu cầu người kê khai cam kết khai đúng, khai đủ và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước pháp luật về nội dung kê khai của mình.

Xây dựng chính sách cụ thể về nhà ở, đất ở của cán bộ, công chức, quy định về xử lý các dạng vi phạm một cách nghiêm minh. Đồng thời, nghiên cứu quy định đầy đủ cụ thể về kê khai tài sản, kê khai thu nhập phục vụ cho việc thi hành luật về thuế thu nhập cá nhân và việc kê khai các tài sản có giá trị cao ở những bước tiếp theo.

7. Ban Cán sự đảng Thanh tra Nhà nước cần có kế hoạch tăng cường lực lượng cần thiết, có thể trưng tập một số thanh tra viên có kinh nghiệm ở các ngành và địa phương, tập trung thanh tra một số ngành, lĩnh vực trọng điểm như: cấp phép, giao thầu, xây dựng cơ bản, hải quan, quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước... đã để xảy ra tham nhũng thất thoát lớn. Qua thanh tra, kiến nghị bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và chấn

chỉnh các biện pháp quản lý; nếu phát hiện có dấu hiệu phạm pháp phải chuyển ngay cho các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý.

8. Ban cán sự đảng các cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ đạo việc rút kinh nghiệm xử lý các vụ án tham nhũng vừa qua. Trên cơ sở đó, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bảo đảm các vụ án tham nhũng, kể cả những hành vi can thiệp, bao che trái pháp luật phải được xử lý nghiêm minh, công bằng, không để lọt người, lọt tội hoặc xử lý oan người vô tội. Trước mắt, tập trung xử lý nghiêm túc, dứt điểm một số vụ tham nhũng nghiêm trọng đã được phát hiện mà dư luận đang quan tâm.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải nghiêm túc trong việc thanh tra, kiểm tra nội bộ và xử lý nghiêm cán bộ tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, kiên quyết làm trong sạch nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác và tạo lòng tin đối với nhân dân.

Về lãnh đạo và tổ chức thực hiện:

- Kể từ nay, trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, vấn đề lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng được coi là một công tác trọng tâm, thường xuyên. Bộ Chính trị nghe báo cáo và thảo luận, quyết định về các chủ trương và biện pháp lớn bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo, điều hành các quyết định của Bộ Chính trị, chỉ đạo các ban tham mưu của Trung ương nghiên cứu đề nghị Bộ Chính trị xem xét, bổ sung hoặc ban hành các quy định mới về vấn đề này. Từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chỉ đạo sự phối hợp thực hiện trong các ngành, lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phụ trách từng ngành, từng cấp và bí thư cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng phải trực tiếp, thường xuyên chỉ đạo công tác chống tham nhũng và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng nghiêm trọng ở cơ quan, đơn vị mình.

- Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ vào Nghị quyết 14 Bộ Chính trị khoá VII và Chỉ thị này để kiểm điểm công tác đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian qua, bổ sung chương trình, kế hoạch và trực tiếp chỉ đạo thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian tới.

Tình hình thực hiện, kết quả đạt được và kiến nghị của ngành, địa phương cần được kịp thời báo cáo bằng văn bản với Thường vụ Bộ Chính trị. ·

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có kế hoạch hướng dẫn để các cấp uỷ và cơ quan chủ quản chủ động lãnh đạo, định hướng dư luận phát huy tác dụng tích cực của báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, giáo dục quần chúng chống tham nhũng; đồng thời chấn chỉnh, uốn nắn những lệch lạc trong việc đưa tin khiến nhân dân hoang mang và bị kẻ xấu lợi dụng kích động.

- Ban Nội chính Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này, hàng tháng báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Bản sao lưu trữ

THÔNG BÁO SỐ 228/TB-TW NGÀY 2 - 12 - 1990

Ý kiến của Ban Bí thư về báo chí đấu tranh chống tham nhũng

Vừa qua, Ban Bí thư đã họp nghe Ban Tư tưởng - Văn hoá và các tổng biên tập các báo, đài ở Trung ương và Hà Nội kiểm điểm tình hình báo chí đấu tranh chống tham nhũng. Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Thời gian qua, báo chí đã giữ vai trò quan trọng là lực lượng tích cực trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đã phát hiện, đưa ra trước công luận nhiều vụ tham nhũng lớn ở một số cơ quan trung ương và địa phương. Những vụ việc báo chí nêu lên đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ và ủng hộ chủ trương của Đảng và Nhà nước kiên quyết chống tham nhũng, góp phần động viên, cổ vũ quần chúng phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng; đồng thời thúc đẩy các cơ quan Đảng và Nhà nước xem xét, điều tra khẩn trương giải quyết các vụ việc; có tác dụng răn đe, ngăn chặn những hành vi tham nhũng đang có chiều hướng phát triển.

Nhiều báo, đài có ý thức gắn việc đấu tranh chống tham nhũng với cuộc vận động làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, với việc thực hiện Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; nêu cao cảnh giác trong việc chọn vụ việc, trong cách viết, phân tích, bình luận để kẻ xấu không lợi dụng.

Cùng với việc chống tham nhũng, báo chí đã chú trọng giới thiệu, cổ vũ người tốt, việc tốt trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, nêu nhiều nhân tố mới và điển hình tiên tiến trong công cuộc đổi mới.

Để tiếp tục nâng cao vai trò tích cực của mình, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và của nhân dân, trong cuộc đấu tranh này, báo chí cần rút kinh nghiệm nhằm phát huy những ưu điểm nói trên và nhanh chóng khắc phục một số thiếu sót sau đây:

Đưa tin chống tham nhũng tập trung và dồn dập, gây ra ấn tượng là tất cả cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đều tham nhũng; đưa nhiều vụ

tham nhũng nhưng đưa ít những vụ đã được xử lý, tạo ra ấn tượng cho rằng lãnh đạo Đảng và Nhà nước bao che, nể nang, hữu khuynh.

Có trường hợp thiếu thận trọng khi khai thác các nguồn tin, đưa tin không chính xác, thiếu kiểm tra, thiếu khách quan. Trong cách viết, có bài dùng lời lẽ chì chiết, suy diễn chủ quan, chưa thể hiện thái độ xây dựng, thậm chí có bài khái quát kiểu "vơ đũa cả nắm". Một số phóng viên, biên tập viên do chưa nắm vững pháp luật cho nên có những chỗ phê phán, phân tích không đúng pháp luật, có trường hợp quy kết tội danh không đúng. Có tờ báo không làm đúng chức năng và nhiệm vụ, thiếu nhạy bén về chính trị, đăng những bài có nội dung xuyên tạc, sai trái.

Một số báo, đài không thực hiện đúng Luật báo chí trong việc đăng bài trả lời của người bị báo chí phê bình, hoặc không cải chính khi mình đã viết sai.

Có nhà báo thiếu khiêm tốn, dùng lời lẽ thiếu súc cảm hoá, có khi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm người khác. Trong đội ngũ báo chí cũng có những hiện tượng tiêu cực. Có nhà báo viết bài vì thân quen, cảm tình cá nhân mà thiên vị, không khách quan, gây hậu quả xấu, có nhà báo viết về đấu tranh chống tham nhũng nhưng bản thân lại kém gương mẫu về đạo đức, phẩm chất.

Giữa báo chí và một số ngành và địa phương chưa phối hợp thật chặt chẽ trong việc thông tin và xử lý một số vụ việc, còn để xảy ra tình trạng căng thẳng không đáng có. Có nơi chưa thực sự ủng hộ, giúp đỡ báo chí hoạt động nghiệp vụ.

2. Đấu tranh chống tham nhũng là yêu cầu thiết thân của Đảng và Nhà nước ta; là đòi hỏi bức xúc của toàn dân; là lương tâm, trách nhiệm của mỗi người. Chúng ta kiên quyết tiến hành cuộc đấu tranh này. Đồng thời cần nhận rõ rằng cuộc đấu tranh chống tham nhũng diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp, chủ nghĩa đế quốc đang âm mưu thực hiện diễn biến hoà bình, xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bọn phản động trong và ngoài nước đang tìm mọi cách phá hoại tư tưởng, nói xấu Đảng và Nhà nước, bôi đen chế độ, bôi đen xã hội ta, làm cho nhân dân ta mất lòng tin ở chủ nghĩa xã hội, kích động nhân dân đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, đi đến xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta cần tỉnh táo, quyết không để kẻ thù và bọn xấu lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng để "đục nước béo cò". Chống tham nhũng một cách

kiên quyết, không khoan nhượng nhưng phải có ý thức bảo vệ uy tín của Đảng và Nhà nước, bảo vệ sự ổn định chính trị, cổ vũ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta đoàn kết một lòng, hăng hái, phấn khởi, tin tưởng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chống tham nhũng là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, phải tiến hành thường xuyên, liên tục, tránh tình trạng làm tập trung, dồn dập từng đợt, rồi lại buông lơi. Trong cuộc đấu tranh này, báo chí có vai trò rất quan trọng. Điều đó đòi hỏi các nhà báo phải có tinh thần đấu tranh kiên trì, bền bỉ, có trách nhiệm cao, ý thức chính trị nhạy bén, thận trọng, khách quan, trung thực và có lương tâm trong sáng.

Tình hình tham nhũng hiện nay là rất nghiêm trọng, chúng ta xử lý còn chậm, phải đẩy mạnh hơn nữa và đấu tranh kiên quyết hơn nữa, song cách viết bài, đưa tin không nên làm cho người ta hiểu sai rằng hình như bộ máy đảng và nhà nước cũng như tất cả những người có chức có quyền đều tham nhũng, chỉ có báo chí hăng hái phát hiện và chống tham nhũng, còn Đảng và Nhà nước không chịu xử lý gì. Viết như vậy không đúng thực tế, có hại cho công tác tư tưởng.

Phê phán, lên án những hành vi tham nhũng, nhưng phải chính xác, có lý, có tình, biết phân biệt những kẻ tham nhũng với những cán bộ hăng hái, năng động, tìm cách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, quản lý xã hội, nhưng trong quá trình làm cũng có vấp vấp, khuyết điểm, chống tham nhũng nhưng không làm cho những cán bộ tốt, tích cực đi tới chỗ e dè, "co lại".

Báo chí chủ động khai thác nhiều nguồn tin, nhưng phải kiểm tra kỹ và cân nhắc, lựa chọn thận trọng vụ, việc và các tình tiết khi đưa tin; không làm lộ bí mật của Đảng và của quốc gia, hoặc làm lộ bí mật việc điều tra các vụ án mà các cơ quan pháp luật đang thụ lý, chú ý không làm tổn hại đến quan hệ quốc tế, đến chủ trương hợp tác đầu tư của nước ngoài và nước ta. Những vụ việc có tính chất phức tạp hoặc những vụ có liên quan đến an ninh chính trị, đến quan hệ quốc tế thì báo chí cần hỏi ý kiến người lãnh đạo cao nhất của bộ, ngành (nếu ở trung ương) hoặc đồng chí bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (nếu ở địa phương). Trường hợp báo chí chưa nhất trí với ý kiến của các đồng chí đó thì có thể hỏi Ban Bí thư hoặc Hội đồng Bộ trưởng.

Cần kết hợp chống và xây; đưa tin các vụ việc xảy ra đi đôi với đưa tin

cách xử lý các vụ việc đó, quan tâm hơn nữa việc phát hiện và thông tin trên báo chí những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, những người tốt việc tốt. Đối với những vụ tham nhũng đã được kết luận và xử lý cần có những bài bình luận sâu sắc rút ra những nguyên nhân và bài học, nêu ra những kiến nghị về sửa đổi cơ chế quản lý.

Các cơ quan đảng và nhà nước cần phối hợp chặt chẽ với báo chí, ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho báo chí thu thập thông tin, đưa những vụ tham nhũng ra ánh sáng; kịp thời kiểm tra, xử lý những vụ việc mà báo chí nêu ra để trả lời công luận. Phải xử lý nghiêm theo pháp luật những người, kể cả người làm báo, có hành vi vi phạm Luật báo chí.

Khi giữa báo chí với cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thống nhất ý kiến với nhau về một vụ việc nào đó thì cần tổ chức trao đổi, bàn bạc để giải quyết, giữ vững nguyên tắc, tránh để gây ra tình trạng gay gắt, phức tạp không cần thiết, không nên tranh luận kéo dài trên báo, làm cho sự việc rối thêm và không có lợi về mặt tư tưởng.

Các cấp uỷ đảng, các cơ quan chủ quản báo chí và tổng biên tập các báo, đài phải có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, kiến thức nhiều mặt và ý thức trách nhiệm cao, bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng cho người làm báo, nhất là những người làm báo trẻ, mới vào nghề. Báo chí cũng phải chống tiêu cực ngay trong ngành báo chí nhằm xây dựng đội ngũ những người làm báo cách mạng nước ta thành thạo về nghề nghiệp, vững vàng về chính trị, trong sáng về động cơ, tốt đẹp về đạo đức, được nhân dân tin yêu.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các cơ quan chủ quản báo chí dựa vào Thông báo này chỉ đạo báo chí, tổ chức rút kinh nghiệm và chấn chỉnh việc báo chí tham gia chống tham nhũng.

PHÁP LỆNH CHỐNG THAM NHŨNG

(Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2000)¹

Để nâng cao hiệu quả của việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, tăng cường kỷ cương pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 2 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1998;

Pháp lệnh này quy định các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

CHƯƠNG I

NHŨNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức.

1. Pháp lệnh chống tham nhũng đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, thông qua ngày 26-2-1998, có hiệu lực kể từ ngày 01-5-1998; Pháp lệnh này được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh chống tham nhũng (Pháp lệnh số 22/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28-4-2000) có hiệu lực kể từ ngày 01-7-2000.

Để thuận tiện cho bạn đọc nghiên cứu, chúng tôi đánh dấu một hoa thị (*) và in nghiêng điều luật đã được sửa đổi, bổ sung vào sau điều luật gốc.

Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Người có chức vụ, quyền hạn quy định trong Pháp lệnh này bao gồm:

1. Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức;

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước;

4. Cán bộ xã, phường, thị trấn;

5. Những người khác được giao nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Điều 3. Các hành vi tham nhũng quy định trong Pháp lệnh này bao gồm:

1. Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa;

2. Nhận hối lộ;

3. Dùng tài sản xã hội chủ nghĩa làm của hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đưa hối lộ, môi giới hối lộ;

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa;

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa;

6. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của cá nhân;

7. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi;

8. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi;

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để vụ lợi;

10. Lập quỹ trái phép để vụ lợi;

11. Giả mạo trong công tác để vụ lợi.

Điều 3^(*)

Các hành vi tham nhũng quy định trong Pháp lệnh này bao gồm:

1. Tham ô tài sản;

2. Nhận hối lộ;
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ vì vụ lợi;
5. Lạm quyền trong khi thi hành công vụ vì vụ lợi;
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.

Điều 4. Mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện kịp thời. Người có hành vi tham nhũng bất kỳ ở cương vị, chức vụ nào đều phải bị xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Tài sản bị chiếm đoạt do hành vi tham nhũng phải được thu hồi; tài sản do tham nhũng mà có phải bị tịch thu; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 5. Người có hành vi tham nhũng nhưng đã chủ động khai báo, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, nộp lại tài sản đã tham nhũng, thì tùy từng trường hợp mà được xem xét giảm nhẹ hoặc miễn xử lý kỷ luật, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Người có hành vi tham nhũng mà dùng thủ đoạn xảo quyệt để che giấu hành vi vi phạm, cản trở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý thì bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, tham gia phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng khi người đó bị đe dọa, trả thù, trù dập.

Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình thanh tra, điều tra, xử lý người có hành vi tham nhũng.

Điều 7. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức mình thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các cơ quan Thanh tra, Điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện hành vi tham nhũng; xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng.

Điều 9. Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở Bộ, ngành, địa phương.

Điều 10. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát các cơ quan, tổ chức trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng; khi phát hiện có hành vi tham nhũng có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời ngăn chặn hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng.

Điều 11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận, xử lý vụ tham nhũng; giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng.

Tổ chức thanh tra nhân dân được thành lập ở cơ sở theo quy định của pháp luật dưới sự hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, công đoàn cơ sở, có trách nhiệm phát hiện, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý và giám sát việc xử lý người có hành vi tham nhũng tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét lại quyết định xử lý vụ tham nhũng, nếu thấy việc xử lý chưa nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét và trả lời cho tổ chức đã kiến nghị, yêu cầu.

Điều 12. Cơ quan thông tin, báo chí có trách nhiệm tham gia vào việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; khi đưa tin công khai phải bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan theo quy định của pháp luật về báo chí và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đưa tin đó.

CHƯƠNG II
**CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA,
PHÁT HIỆN THAM NHŨNG**

Điều 13

1. Người có chức vụ, quyền hạn không được làm những việc sau đây:

a) Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong khi giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công việc mà mình giải quyết;

c) Chi tiền công quỹ cho việc tặng quà hoặc chia cho cán bộ, công chức và những người khác ngoài quy định của Nhà nước;

d) Can thiệp bất hợp pháp vào việc xem xét, giải quyết lợi ích cho mình, cho người khác hoặc để người khác lợi dụng ảnh hưởng của mình làm trái pháp luật, thu lợi bất chính;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vay, cho vay tiền của công quỹ, của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bảo lãnh cho người khác vay tiền của công quỹ, của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng;

e) Dùng tiền công quỹ, nhà, đất hoặc tài sản khác của cơ quan, tổ chức hoặc lợi dụng công sức của người do mình quản lý để thu lợi bất chính;

g) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm dụng đất, sử dụng đất để phát canh thu tô hoặc kinh doanh trái pháp luật dưới các hình thức khác;

h) Tiết lộ thông tin kinh tế và các thông tin khác chưa được phép công bố;

i) Gửi tiền, kim khí quý, đá quý vào ngân hàng nước ngoài.

2. Những người quy định tại các điểm 1, 2 và 3 Điều 2 của Pháp lệnh này không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư, tổ chức nghiên cứu khoa học tư.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá, thì cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ của doanh nghiệp, vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con của họ làm việc tại doanh nghiệp đó chỉ được mua cổ phần không vượt quá mức cổ phần bình quân của các cổ đông.

3. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ; làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức hoặc mua bán vật tư, hàng hóa, giao dịch, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức đó.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng những quy định tại Điều này.

Điều 13 (*)

1. Người có chức vụ, quyền hạn không được làm những việc sau đây:

a) Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong khi giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công việc mà mình giải quyết;

c) Chi tiền công quỹ cho việc tặng quà hoặc chia cho cán bộ, công chức và những người khác ngoài quy định của Nhà nước;

d) Can thiệp bất hợp pháp vào việc xem xét, giải quyết lợi ích cho mình, cho người khác hoặc để người khác lợi dụng ảnh hưởng của mình làm trái pháp luật, thu lợi bất chính;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vay, cho vay tiền của công quỹ, của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bảo lãnh cho người khác vay tiền của công quỹ, của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng;

e) Dùng tiền công quỹ, nhà, đất hoặc tài sản khác của cơ quan, tổ chức hoặc lợi dụng công sức của người do mình quản lý để thu lợi bất chính;

g) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm dụng đất, sử dụng đất để phát canh thu tô hoặc kinh doanh trái pháp luật dưới các hình thức khác;

- h) Tiết lộ thông tin kinh tế và các thông tin khác chưa được phép công bố;*
- i) Gửi tiền, kim khí quý, đá quý vào ngân hàng nước ngoài;*
- k) Những việc khác mà pháp luật quy định không được làm.*

2. Những người quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Pháp lệnh này không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư, tổ chức nghiên cứu khoa học tư.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan; vợ hoặc chồng của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá, thì cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ của doanh nghiệp, vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con của họ làm việc tại doanh nghiệp đó chỉ được mua cổ phần không vượt quá mức cổ phần bình quân của các cổ đông.

4. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân không được sử dụng công quỹ và tài sản khác của Nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh hoặc góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

5. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ các chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ; làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức hoặc mua bán vật tư, hàng hoá, giao dịch, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức đó.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng những quy định tại Điều này.

Điều 14

1. Người có chức vụ, quyền hạn phải kê khai nhà, đất và các loại tài sản khác có giá trị lớn của mình.

2. Người kê khai phải kê khai chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai.

3. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng phải kê khai, các loại tài sản phải kê khai, thời điểm, trình tự và thủ tục kê khai.

Điều 15

1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhà, đất, xây

dụng, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, cấp vốn ngân sách nhà nước, tín dụng, ngân hàng, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quản lý hộ khẩu, thuế, hải quan, bảo hiểm và các cơ quan khác trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải công khai thủ tục hành chính, giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật và đúng yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Nghiêm cấm việc tự đặt ra các thủ tục, phí, lệ phí ngoài quy định của pháp luật.

2. Việc cấp phát, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước cho các dự án, chương trình có mục tiêu đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đúng nội dung đã được phê duyệt và phải công khai cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và nhân dân nơi trực tiếp sử dụng biết.

3. Việc huy động nguồn vốn đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình, lập các quỹ ngoài quy định của Nhà nước phải được nhân dân bàn bạc, quyết định. Việc sử dụng nguồn vốn đó phải đúng mục đích, công khai để nhân dân giám sát và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và kiểm điểm trách nhiệm của mình trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thường xuyên tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền; áp dụng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Người có chức vụ, quyền hạn không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, để người khác vi phạm pháp luật thu lợi bất chính, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 18. Khi phát hiện hành vi tham nhũng, công dân có trách nhiệm kịp thời tố cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhận được tố cáo về hành vi tham

những phải kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật; giữ bí mật họ tên, địa chỉ của người tố cáo.

Điều 19

1. Người tố cáo kịp thời hành vi tham nhũng, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng thì được xét khen thưởng thích đáng theo quy định của Chính phủ.

Người tố cáo hành vi tham nhũng có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan bảo vệ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để bảo vệ người tố cáo.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng quyền tố cáo để vu cáo làm thiệt hại đến danh dự, uy tín và lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Người vu cáo phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan Thanh tra, Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật để phát hiện nhanh chóng, chính xác hành vi tham nhũng và xử lý kịp thời, nghiêm minh người có hành vi tham nhũng.

Người được giao nhiệm vụ thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử do thiếu trách nhiệm mà để lọt người có hành vi tham nhũng, lọt hành vi tham nhũng, cố ý vi phạm các quy định của pháp luật, bao che cho người có hành vi tham nhũng hoặc làm oan người vô tội, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG III

XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG

Điều 21. Người có một trong những hành vi tham nhũng sau đây phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

1. Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của cá nhân mà giá trị tài sản từ năm triệu đồng trở lên hoặc dưới năm triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều

lần, đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

2. Nhận hối lộ hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để vụ lợi từ năm trăm ngàn đồng trở lên hoặc dưới năm trăm ngàn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần, đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

3. Dùng tài sản xã hội chủ nghĩa làm của hối lộ hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đưa hối lộ, môi giới hối lộ mà của hối lộ có giá trị từ năm trăm ngàn đồng trở lên hoặc dưới năm trăm ngàn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần;

4. Vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập quỹ trái phép có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên và đã sử dụng quỹ đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

5. Vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, lạm quyền trong khi thi hành công vụ, giả mạo trong công tác gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

Điều 21^(*)

Người nào có một trong các hành vi tham nhũng quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này mà cấu thành tội phạm quy định tại các Điều 278, 279, 280, 281, 282, 283 và 284 của Bộ luật hình sự thì bị xử lý theo Bộ luật hình sự.

Điều 22. Người có hành vi tham nhũng nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, giá trị tài sản tham nhũng, mức độ thiệt hại và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại Điều 23 của Pháp lệnh này mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách;
2. Cảnh cáo;
3. Hạ bậc lương;
4. Hạ ngạch;
5. Cách chức, bãi nhiệm;
6. Buộc thôi việc;

Điều 23

1. Các tình tiết tăng nặng để xem xét áp dụng hình thức kỷ luật đối với người có hành vi tham nhũng:

- a) Dùng thủ đoạn xảo quyệt che giấu hành vi vi phạm của mình;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng của mình;
- c) Không chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc nộp lại tài sản tham nhũng hoặc bồi thường thiệt hại do hành vi tham nhũng của mình gây ra.

2. Các tình tiết giảm nhẹ để xem xét áp dụng hình thức kỷ luật đối với người có hành vi tham nhũng:

- a) Chủ động khai báo hành vi tham nhũng trước khi bị phát hiện;
- b) Tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng của mình gây ra;
- c) Tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, bồi thường thiệt hại do hành vi tham nhũng của mình gây ra.

Điều 24. Người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, bãi nhiệm thì bị chuyển công tác khác không liên quan đến công việc dễ xảy ra tham nhũng.

Người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, thì không được tiếp nhận làm cán bộ, công chức trong thời gian từ ba năm đến năm năm, kể từ ngày có quyết định kỷ luật.

Người có hành vi tham nhũng là thành viên của cơ quan, tổ chức có điều lệ hoặc quy chế riêng thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh này, còn bị xử lý theo điều lệ hoặc quy chế của cơ quan, tổ chức đó.

Người có hành vi tham nhũng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thì bị xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức mình thì phải xem xét và xử lý người có hành vi tham nhũng theo thẩm quyền, áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt và thông báo cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biết; trong trường hợp có dấu hiệu của tội phạm thì phải chuyển hồ sơ hoặc báo ngay cho cơ quan Điều tra hoặc Viện kiểm sát để xem xét, xử lý.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không xử lý theo thẩm quyền hoặc không chuyển các vụ tham nhũng có dấu hiệu của tội phạm đến cơ quan

Điều tra hoặc Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật thì bị xử lý về hành vi bao che.

Không được chuyển công tác, cho thôi việc hoặc hưu trí đối với người đang bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét về hành vi tham nhũng.

Người có hành vi tham nhũng đã chuyển công tác, thôi việc hoặc hưu trí trước khi bị phát hiện vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi tham nhũng đó.

Điều 26. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về tham nhũng, các cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm xử lý nghiêm minh, kịp thời tội phạm về tham nhũng, áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt.

Điều 27

1. Trong quá trình thanh tra, thủ trưởng cơ quan Thanh tra nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ công tác của người có hành vi tham nhũng nếu có căn cứ để cho rằng người đó có thể tiếp tục thực hiện hành vi tham nhũng hoặc cản trở việc thanh tra;

b) Niêm phong tài liệu, kê biên tài sản của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra đã được xác định là có liên quan đến vụ tham nhũng.

c) Áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Khi áp dụng các biện pháp quy định tại khoản này, các cơ quan Thanh tra nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc áp dụng các biện pháp đó.

2. Khi có căn cứ kết luận hành vi tham nhũng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thì thủ trưởng cơ quan Thanh tra nhà nước chuyển hồ sơ cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu xử lý kỷ luật người có hành vi tham nhũng, áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt.

3. Khi xét thấy vụ tham nhũng có dấu hiệu của tội phạm thì thủ trưởng cơ quan Thanh tra nhà nước phải chuyển ngay hồ sơ đến cơ quan Điều tra hoặc Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Khi nhận được yêu cầu của cơ quan Thanh tra nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, thì trong thời hạn chậm nhất là ba mươi ngày, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thực hiện yêu cầu đó; trong trường hợp không thực hiện được phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 29. Khi nhận được hồ sơ do cơ quan, tổ chức chuyển đến, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát phải xem xét, xử lý kịp thời theo thẩm quyền, áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã chuyển đến biết kết quả.

Điều 30. Người bao che cho người có hành vi tham nhũng, cản trở, can thiệp việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Điều 22 của Pháp lệnh này hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Người có hành vi trả thù, trù dập người phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng thì bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NGƯỜI CÓ HÀNH VI THAM NHƯNG

Điều 31. Các cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp trong việc điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về tham nhũng.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình phát hiện và xử lý các tội phạm về tham nhũng.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và thông báo đến Thủ tướng Chính phủ tình hình xử lý các tội phạm về tham nhũng.

Điều 32. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo với cơ quan, tổ chức cấp trên và thông báo đến cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp về việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý kỷ luật đối với người có hành vi tham nhũng thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chánh thanh tra các cấp, các ngành có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành, địa phương mình; báo cáo với thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp và cơ quan Thanh tra nhà nước cấp trên về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Tổng Thanh tra nhà nước chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thủ trưởng cơ quan hữu quan giúp Thủ tướng. Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng; tổng hợp tình hình, báo cáo Chính phủ về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Điều 33. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Khi cần thiết, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan để thống nhất chỉ đạo công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Điều 34. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng.

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng thuộc phạm vi Bộ, ngành, địa phương mình.

Điều 35. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng; giám sát hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng.

Điều 36. Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và xử lý người có hành vi tham nhũng; giám sát các hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng ở địa phương;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và thông báo cho

Mặt trận Tổ quốc cùng cấp về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở địa phương.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 1998.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 38. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 1998

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/1998/NĐ-CP
NGÀY 17-8-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Pháp lệnh chống tham nhũng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Pháp lệnh chống tham nhũng ngày 09 tháng 3 năm 1998;
Căn cứ chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị (Công văn số 1033/CV-VPTW ngày 07 tháng 8 năm 1998 của Văn phòng Trung ương Đảng);
Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN
VÀ NHỮNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC LÀM

Điều 1. Người có chức vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Pháp lệnh chống tham nhũng bao gồm:

1. Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức;

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và chuyên môn kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám

đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát, trưởng, phó các phòng, ban nghiệp vụ;

4. Cán bộ xã, phường, thị trấn gồm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; các ủy viên Ủy ban và các chức danh chuyên môn;

5. Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ gồm: những người làm hợp đồng trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc những người được những cơ quan, tổ chức đó ủy quyền thực hiện một nhiệm vụ, công vụ.

Điều 2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn là việc người có chức vụ, quyền hạn sử dụng vị trí công tác, quan hệ công tác, danh nghĩa cơ quan, tổ chức mình hoặc sử dụng vị trí công tác, ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn để thu lợi bất chính hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật.

Can thiệp trái pháp luật là việc làm của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi xem xét, giải quyết lợi ích cho mình hoặc cho người khác.

Thu lợi bất chính là những lợi ích vật chất thu được từ việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình hoặc lợi dụng ảnh hưởng của người khác.

Điều 3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được uỷ quyền không được chi tiền công quỹ cho việc tặng quà hoặc chia cho cán bộ, công chức và những người khác ngoài quy định của pháp luật.

Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong việc trích lập và sử dụng các quỹ.

Điều 4. Khi thực hiện nhiệm vụ công vụ, người có chức vụ, quyền hạn không được tự đặt ra các thủ tục, yêu cầu ngoài quy định, trì hoãn việc giải quyết các yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi đã đủ các điều kiện quy định; không được trực tiếp hoặc thông qua người khác nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác để thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình.

Điều 5

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoặc người trực tiếp

quản lý công quỹ trong các cơ quan, tổ chức không được vay, cho người khác vay tiền công quỹ ngoài quy định của pháp luật.

2. Những người là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc của tổ chức tín dụng, ngân hàng, người có thẩm quyền thẩm định, xét duyệt cho vay không được vay tiền, bảo lãnh cho người khác vay tiền của tổ chức tín dụng, ngân hàng mà mình công tác.

3. Người có chức vụ, quyền hạn không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vay tiền của các tổ chức tín dụng, ngân hàng khi chưa đủ các điều kiện và thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người trực tiếp quản lý tài sản của cơ quan, tổ chức không được dùng công quỹ, nhà, đất và tài sản khác của cơ quan, tổ chức để thu lợi bất chính cho cá nhân mình; trong trường hợp đang sử dụng tài sản đó thì phải trả lại cơ quan, tổ chức; nếu để hư hỏng, mất mát thì phải bồi thường; lợi ích đã thu được do việc sử dụng tài sản đó phải nộp lại cho công quỹ.

Người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng công sức của những người do mình quản lý để thu lợi bất chính.

Điều 7. Người có chức vụ, quyền hạn không được tiết lộ cho người không có trách nhiệm những thông tin về kinh tế và thông tin khác chưa được phép công bố mà người đó có được từ vị trí công tác hoặc biết được từ các điều kiện khác.

Điều 8. Người có chức vụ, quyền hạn không được gửi tiền, kim khí quý, đá quý của mình vào ngân hàng nước ngoài ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, nếu đã gửi trước khi Nghị định này có hiệu lực thì phải chuyển số tiền, kim khí quý, đá quý đó về Việt Nam. Trong trường hợp công tác, học tập ở nước ngoài mà đã gửi thì sau khi kết thúc nhiệm kỳ công tác hoặc hết thời hạn học tập phải chuyển số tiền, kim khí quý, đá quý về Việt Nam.

Điều 9. Những người quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 Nghị định này không được:

1. Thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư, cơ sở nghiên cứu khoa học tư;

2. Đảm nhận các chức danh sau đây: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán

trưởng, thành viên Ban kiểm soát, trưởng, phó các phòng, ban nghiệp vụ trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm hợp tác xã; Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện tư, cơ sở nghiên cứu khoa học tư; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường học tư, trừ trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cử giữ các chức vụ kể trên.

Điều 10. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ; không được làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức hoặc mua bán vật tư, hàng hóa, tổ chức đấu thầu, giao dịch ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách; nếu cơ quan, tổ chức có phòng kho, phòng quỹ thì không được làm trưởng, phó các phòng kho, phòng quỹ. Trong trường hợp vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột hiện đang đảm nhiệm các chức vụ kể trên thì phải chuyển người đó làm các việc khác.

CHƯƠNG II **KÊ KHAI TÀI SẢN**

Mục 1

NGƯỜI KÊ KHAI VÀ TÀI SẢN KÊ KHAI

Điều 11. Việc kê khai tài sản của người có chức vụ, quyền hạn là để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biết được tài sản của người kê khai, phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức; góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Việc kê khai không nhằm truy nguyên nguồn gốc tài sản kê khai của người kê khai.

Điều 12

1. Những người sau đây phải kê khai tài sản:

a) Ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy và những người giữ các chức vụ tương

đương trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy và những người giữ các chức vụ tương đương trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

c) Ở các cơ quan Trung ương: Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng trở lên và những người giữ các chức vụ tương đương trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng trong các doanh nghiệp nhà nước; những người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

2. Trong từng thời gian thích hợp, Thủ tướng Chính phủ sẽ quy định những đối tượng khác phải kê khai tài sản.

Điều 13. Tài sản phải kê khai bao gồm:

1. Nhà được thuê, nhà được thừa kế, nhà được tặng cho, nhà mua, nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác mà người kê khai hiện có.

2. Đất được giao quyền sử dụng, đất được thừa kế, đất do chuyển nhượng hoặc các loại đất khác mà trên thực tế người kê khai hiện có.

3. Các tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÊ KHAI VÀ VIỆC QUẢN LÝ BẢN KÊ KHAI

Điều 14. Kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, người thuộc diện kê khai tài sản phải kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các loại tài sản quy định tại Điều 13 của Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai của mình.

Điều 15. Người kê khai phải khai đúng mẫu quy định ban hành kèm theo Nghị định này. Hàng năm nếu có sự thay đổi về tài sản thì người kê khai phải kê khai bổ sung.

Người kê khai thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nào thì nộp

bản kê khai cho cơ quan, tổ chức đó.

Điều 16. Khi tiếp nhận bản kê khai, người tiếp nhận phải vào sổ theo dõi, yêu cầu người kê khai ký giao nhận; nếu thấy việc kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại.

Điều 17. Bản kê khai được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ cán bộ và chỉ được nghiên cứu, khai thác trong trường hợp người kê khai có hành vi tham nhũng.

Khi người kê khai được điều động, chuyển sang cơ quan, tổ chức khác thì bản kê khai của người đó phải được chuyển giao cùng với hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

Khi người kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì bản kê khai của người đó được lưu giữ cùng với hồ sơ cán bộ.

Điều 18. Các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát, toà án được nghiên cứu, khai thác bản kê khai để phục vụ việc thẩm tra, xác minh hành vi tham nhũng.

Điều 19. Việc nghiên cứu, khai thác bản kê khai phải có quyết định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trong đó ghi rõ họ tên, chức vụ của người đến nghiên cứu, khai thác và mục đích của việc nghiên cứu, khai thác.

Việc nghiên cứu, khai thác bản kê khai được tiến hành tại cơ quan quản lý bản kê khai. Người được giao nhiệm vụ nghiên cứu, khai thác phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Điều 20. Người nào làm sai lệch nội dung, làm mất mát, hư hỏng hoặc để lộ bí mật nội dung bản kê khai, cung cấp cho những người không có thẩm quyền khai thác, sử dụng; người nào lợi dụng việc kê khai để gây mất đoàn kết nội bộ, sử dụng trái pháp luật bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG III

Tiếp nhận và xử lý tố cáo tham nhũng

Điều 21. Tố cáo hành vi tham nhũng đối với người thuộc cơ quan, tổ chức nào thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm xem xét, giải quyết.

Tố cáo về hành vi tham nhũng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nào

thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét, giải quyết.

Điều 22. Chậm nhất là 7 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiếp nhận tố cáo phải thụ lý để giải quyết; nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì phải chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp cấp thiết phải báo ngay cho cơ quan chức năng để áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm, thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, đồng thời áp dụng các biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn cho người tố cáo.

Điều 23. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận về nội dung tố cáo; xác định trách nhiệm của tập thể hoặc cá nhân có hành vi tham nhũng; áp dụng hoặc kiến nghị việc áp dụng các biện pháp xử lý đối với người có hành vi tham nhũng.

Điều 24. Những đơn tố cáo về hành vi tham nhũng không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định việc xem xét, xử lý.

Điều 25. Trong quá trình thẩm tra, xác minh vụ việc tố cáo về hành vi tham nhũng, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền được áp dụng các biện pháp sau đây:

1. Yêu cầu người tố cáo cung cấp các bằng chứng, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
2. Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về nội dung tố cáo;
3. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
4. Trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng, nếu thấy vụ việc có dấu hiệu phạm tội thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thông báo hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo hoặc hồ sơ vụ tham nhũng, cơ quan điều tra phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã thông báo hoặc đã chuyển hồ sơ đến biết.

Điều 27. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và những người được giao tiếp nhận, xác minh, giải quyết tố cáo về tham nhũng phải giữ bí mật cho người tố cáo; không được tiết lộ họ tên, địa chỉ người tố cáo và các thông tin khác có hại cho người tố cáo.

Người nào tiết lộ họ, tên người tố cáo hoặc chuyển đơn tố cáo, bản sao đơn tố cáo, bản ghi lời tố cáo cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân bị tố cáo thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ HÀNH VI THAM NHŨNG

Điều 28. Khi phát hiện hành vi tham nhũng hoặc nhận được các yêu cầu của cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải áp dụng các biện pháp thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt và các biện pháp khác để ngăn chặn hành vi vi phạm, hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra. Nếu hành vi tham nhũng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 21 Pháp lệnh chống tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Người có hành vi tham nhũng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh cán bộ, công chức và Nghị định này.

Việc quyết định hình thức kỷ luật người có hành vi tham nhũng phải căn cứ vào tính chất hành vi vi phạm, giá trị tài sản tham nhũng, mức độ thiệt hại và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại Điều 23 Pháp lệnh chống tham nhũng.

Không được chuyển công tác, cho thôi việc, cho nghỉ hưu để thay thế cho việc áp dụng kỷ luật đối với người có hành vi tham nhũng.

Điều 30. Người có hành vi tham nhũng bị Tòa án phạt tù thì bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Điều 31. Trong quá trình thẩm tra, xác minh về hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ công

tác đối với người có hành vi cản trở việc thẩm tra, xác minh, trừ dập người tố cáo.

Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 90 ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài, thời gian kéo dài không quá 45 ngày.

Khi xét thấy không còn cần thiết áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác thì người đã ra quyết định đó phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác.

Điều 32. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có kết luận vụ việc hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải đưa vụ việc ra Hội đồng kỷ luật để xem xét, xử lý đối với người có hành vi tham nhũng.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản và các quy định khác của pháp luật về chống tham nhũng;

2. Rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền; kiến nghị các cơ quan, tổ chức khác bãi bỏ các quy định gây khó khăn, phiền hà đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức;

3. Công khai hoá việc thu chi tài chính, việc huy động và sử dụng nguồn vốn đóng góp của nhân dân và các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

4. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện những quy định của pháp luật chống tham nhũng; kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích, xử lý nghiêm minh người có hành vi vi phạm.

Điều 34. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức thuộc quyền trong việc thực hiện pháp luật về chống tham nhũng, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Tổng Thanh tra Nhà nước.

Điều 35. Tổng Thanh tra Nhà nước phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công

an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan hữu quan giúp Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng; tổng hợp tình hình báo cáo Chính phủ về công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Điều 36. Viện trưởng Viện Thi đua khen thưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện, phòng ngừa và xử lý tham nhũng.

Điều 37. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 38. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN
(Kèm theo Nghị định số 64/1998/NĐ-CP
ngày 17-8-1998 của Chính phủ Quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh chống tham nhũng)

• *Họ và tên người kê khai:*

Chức vụ:

Tên cơ quan, đơn vị công tác:

Hộ khẩu thường trú:

Số nhân khẩu trong gia đình:

• *Họ và tên vợ hoặc chồng:*

Nghề nghiệp:

Tên cơ quan, đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:

Hộ khẩu thường trú:

I. KÊ KHAI VỀ NHÀ

1. Kê khai chung:

- Tổng số nhà:..... cái

- Tổng diện tích xây dựng:..... m²

2. Kê khai cụ thể từng loại nhà:

a) Biệt thự:

- Địa chỉ:

- Diện tích xây dựng:..... m²

- Loại nhà (ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác):.....

b) Nhà cấp 1:

- Địa chỉ:
- Diện tích xây dựng:..... m²
- Loại nhà (ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác):.....

c) Nhà cấp 2:

- Địa chỉ:
- Diện tích xây dựng:..... m²
- Loại nhà (ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác):.....

d) Nhà cấp 3:

- Địa chỉ:
- Diện tích xây dựng:..... m²
- Loại nhà (ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác):.....

đ) Nhà cấp 4:

- Địa chỉ:
- Diện tích xây dựng:..... m²
- Loại nhà (ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác):.....

II. KÊ KHAI VỀ ĐẤT

1. Đất ở (đất khu dân cư nông thôn, đất đô thị):

- Diện tích:..... m²
- Địa chỉ:
- Nguồn gốc (ghi rõ đất được Nhà nước giao quyền sử dụng, đất thừa kế, đất chuyển nhượng và các loại đất khác).

2. Các loại đất khác (đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất chuyên dùng):

- Diện tích:..... m²
- Địa chỉ:
- Nguồn gốc (ghi rõ đất được Nhà nước giao quyền sử dụng, đất thừa kế, đất chuyển nhượng và các loại đất khác).

**III. KÊ KHAI VỀ TÀI SẢN KHÁC CÓ GIÁ TRỊ TỪ
50 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN (ĐỐI VỚI MỖI TÀI SẢN)**

- 1..... Giá trị triệu đồng
- 2..... Giá trị triệu đồng
- 3..... Giá trị triệu đồng

Tôi xin cam đoan bản kê khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Họ tên người kê khai
(Ký tên)

NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2002/NĐ-CP
NGÀY 30-01-2002 CỦA CHÍNH PHỦ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh chống tham nhũng ngày 09 tháng 3 năm 1998;
Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Chương II của Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 1998 như sau:

1. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 11. Việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh của cán bộ, công chức nhằm mục đích công khai, minh bạch về tài sản, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, quần chúng tham gia giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới, góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực.

2. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 12. Những người sau đây phải kê khai tài sản:

1. Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức (quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh cán bộ, công chức).

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong

các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và chuyên môn kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

3. Những người được bầu cử, bổ nhiệm vào chức vụ theo nhiệm kỳ, những người được tuyển dụng vào các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát, trưởng, phó các phòng, ban nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước; những người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

5. Cán bộ xã, phường, thị trấn gồm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân và các chức danh chuyên môn.

3. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 13. Tài sản phải kê khai bao gồm:

1. Nhà được thuê, nhà được thừa kế, nhà được tặng, cho, nhà mua, nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác mà người kê khai hiện có.

2. Đất được giao quyền sử dụng, đất được thừa kế, đất do chuyển nhượng, đất được thuê hoặc các loại đất khác mà trên thực tế người kê khai hiện có (bao gồm cả đất để ở, đất dùng cho sản xuất, kinh doanh, đất chưa sử dụng...).

3. Các loại cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp đầu tư vào doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

4. Những tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên như: ô tô, tàu, thuyền v.v..

4. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 14. Kể từ khi có hiệu lực thi hành, những người thuộc diện kê khai tài sản theo Điều 12 của Nghị định này phải kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các loại tài sản quy định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai của mình.

5. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 15. Người kê khai phải khai đúng mẫu quy định ban hành kèm theo Nghị định này. Hàng năm, khi khai bổ sung lý lịch thì người kê khai

phải kê khai bổ sung tài sản quy định tại Điều 13 của Nghị định này nếu có sự thay đổi.

Người kê khai thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nào thì nộp bản kê khai cho cơ quan, tổ chức đó.

6. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 17

1. Bản kê khai được báo cáo đến lãnh đạo cơ quan, tổ chức nơi người kê khai công tác và những người tham gia giới thiệu bổ nhiệm, bầu cử khi người kê khai được giới thiệu ứng cử, đề cử vào các chức vụ lãnh đạo.

Bản kê khai của những người là đảng viên phải báo cáo trước chi bộ nơi sinh hoạt.

2. Bản kê khai được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ cán bộ. Trường hợp người kê khai được điều động, chuyển sang cơ quan, tổ chức khác thì bản kê khai của người đó phải được chuyển giao cùng với hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý. Khi người kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì kê khai của người đó được lưu giữ cùng với hồ sơ cán bộ.

7. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 18. Khi phát hiện tài sản kê khai có dấu hiệu bất minh, Thủ trưởng cơ quan quản lý người kê khai hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc, nếu có vi phạm thì xử lý theo pháp luật.

Các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, kiểm sát, toà án được nghiên cứu, khai thác bản kê khai để phục vụ việc thẩm tra, xác minh hành vi tham nhũng.

8. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 20. Người nào làm sai lệch nội dung, làm mất mát, hư hỏng bản kê khai, cung cấp cho những người không có thẩm quyền khai thác, sử dụng; người nào lợi dụng việc kê khai để gây mất đoàn kết nội bộ, sử dụng trái pháp luật bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng
NGUYỄN TẤN DŨNG

Bản sao lưu trữ

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Nghị định số 13/2002/NĐ-CP
ngày 30-01-2002 của Chính phủ
Về sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998)

*** Họ và tên người kê khai:**

- Chức vụ:
- Tên cơ quan, đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Số nhân khẩu trong gia đình:

*** Họ và tên vợ hoặc chồng:**

- Nghề nghiệp:
- Tên cơ quan, đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:
- Hộ khẩu thường trú:

I. Kê khai về nhà

1. Kê khai chung:

- Tổng số nhà: cái
- Tổng diện tích xây dựng: m²

2. Kê khai cụ thể từng loại nhà:

(Loại nhà: phải ghi rõ loại nhà thuê của Nhà nước, của tư nhân, của các đối tượng khác; nhà được thừa kế; nhà mua; nhà tự xây cất hoặc các loại nhà khác...).

a/ Biệt thự:

- Địa chỉ:
- Diện tích xây dựng: m²
- Loại nhà:

b/ Nhà cấp 1:

- Địa chỉ:

- Diện tích xây dựng: m²

- Loại nhà:

c/ Nhà cấp 2:

- Địa chỉ:

- Diện tích xây dựng: m²

- Loại nhà:

d/ Nhà cấp 3:

- Địa chỉ:

- Diện tích xây dựng: m²

- Loại nhà:

đ/ Nhà cấp 4:

- Địa chỉ:

- Diện tích xây dựng: m²

- Loại nhà:

II. Kê khai về đất:

(Nguồn gốc: ghi rõ đất được Nhà nước giao quyền sử dụng, đất thừa kế, đất chuyển nhượng và các loại đất khác).

1. Đất ở (đất khu dân cư nông thôn, đất đô thị):

- Diện tích: m²

- Địa chỉ:

- Nguồn gốc:

2. Các loại đất khác (đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất chuyên

dùng):

- Diện tích: m²

- Địa chỉ:

- Nguồn gốc:

III. Kê khai các loại cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp đầu tư và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (ghi rõ giá trị vốn góp, mệnh giá, tổng số cổ phiếu; tên doanh nghiệp mà mình có cổ phiếu, vốn góp; thời gian mua cổ phiếu, góp vốn):

-

-

IV. Kê khai tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (ô tô, tàu, thuyền v.v.)

.....
.....

Tôi xin cam đoan bản kê khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Họ tên người kê khai

(Ký tên)

Bản sao lưu trữ

PHÁP LỆNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Tiết kiệm là quốc sách. Để quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 2 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1998;

Pháp lệnh này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn, tài sản nhà nước và động viên nhân dân tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước, đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư xây dựng, vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Pháp lệnh này.

Mọi công dân có nghĩa vụ thực hành tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng để dành vốn cho đầu tư phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điều 2. Trong Pháp lệnh này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiết kiệm* là sử dụng nguồn lực tài chính, lao động và các nguồn lực khác ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định nhưng

vẫn đạt được mục tiêu đã xác định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định nhưng đạt hiệu quả cao hơn mục tiêu đã xác định.

2. *Lãng phí* là sử dụng nguồn lực tài chính, lao động và các nguồn lực khác vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ, nhưng chất lượng đạt thấp hơn hoặc không đúng mục tiêu đã xác định.

3. *Kinh phí ngân sách nhà nước* là số tiền từ ngân sách nhà nước được sử dụng cho các nhiệm vụ, mục tiêu xác định trong dự toán ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt.

4. *Vốn và tài sản nhà nước* bao gồm vốn, kinh phí ngân sách nhà nước cấp; vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; tài sản hình thành từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước; vốn tín dụng nhà nước; các khoản viện trợ nước ngoài; nguồn lực đóng góp của nhân dân; đất đai; nhà, các công trình kiến trúc khác thuộc sở hữu nhà nước; tài nguyên thiên nhiên; các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

5. *Quỹ trái phép* là quỹ được lập không đúng quy định của Nhà nước, nhằm sử dụng vào mục đích riêng của tổ chức hoặc một số cá nhân, trốn tránh sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. *Tổ chức* bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức kinh tế khác.

Điều 3. Việc phân bổ, sử dụng vốn và tài sản nhà nước phải được thực hiện theo quy chế xét duyệt, cấp phát và quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bảo đảm tiết kiệm, công bằng và công khai theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu tổ chức được giao quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước phải có các biện pháp để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về những hành vi gây lãng phí trong phạm vi chức năng quản lý của mình.

Điều 4. Cán bộ, công chức gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải chịu trách nhiệm vật chất, bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cá nhân gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước thì tùy theo tính chất,

mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện và báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi gây lãng phí trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước.

Điều 6

1. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, chính quyền địa phương xây dựng quy chế về tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang và các quy chế khác, bảo đảm giữ gìn thuần phong mỹ tục Việt Nam, tiết kiệm tiền của, thời gian của nhân dân, chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán để thu lợi bất chính.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và vận động nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, trong các hoạt động văn hoá, lễ hội, đám cưới, đám tang và các hoạt động khác.

3. Cơ quan thông tin, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền gương người tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh, phê phán các hành vi lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Mục 1

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Việc thành lập mới, sáp nhập, chia, tách tổ chức, việc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính phải gắn với nhu cầu thực tế, bảo đảm

hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 8

1. Việc giao biên chế, quỹ lương phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức. Các tổ chức phải thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về biên chế và tiền lương.

Nghiêm cấm việc tuyển dụng lao động vượt quá biên chế, chi trả tiền lương vượt quá quỹ tiền lương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Việc tuyển dụng lao động theo hợp đồng dài hạn của các tổ chức phải theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không làm vượt tổng quỹ tiền lương được giao.

3. Quyết định tuyển dụng lao động, nâng bậc, chuyển ngạch, nâng ngạch hoặc chi trả tiền lương sai quy định phải bị huỷ bỏ; nếu gây thiệt hại thì người ra quyết định đó phải bồi thường.

Điều 9

1. Các tổ chức có sử dụng lao động phải bố trí, sắp xếp lao động hợp lý. Người lao động phải thực hiện đúng thời gian lao động và kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, Pháp lệnh cán bộ, công chức.

2. Người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm trả lương, trả công cho người lao động theo quy định của pháp luật. Cá nhân vi phạm quy định về thời gian lao động và kỷ luật lao động bị xử lý theo quy định của Bộ luật Lao động, Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 10

1. Thiết bị, phương tiện và các tài sản khác được trang bị trong các tổ chức phải theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Việc mua thiết bị, phương tiện và các tài sản khác mà phải đấu thầu thì phải được thực hiện theo quy định về đấu thầu.

2. Thiết bị, phương tiện và các tài sản khác được mua bằng kinh phí ngân sách nhà nước phải là hàng sản xuất trong nước, trừ trường hợp hàng sản xuất trong nước có cùng chất lượng với hàng sản xuất ở nước ngoài nhưng giá cao hơn hoặc có cùng mức giá nhưng chất lượng thấp hơn.

3. Người quyết định mua thiết bị, phương tiện và các tài sản khác không thực hiện theo đúng các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều

này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11

Việc mua, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác phải thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ, chủng loại và giới hạn mức giá trần tối đa theo quy định của Chính phủ.

Chính phủ quy định cụ thể việc xử lý những trường hợp sử dụng phương tiện đi lại vượt quá định mức, không đúng tiêu chuẩn, chế độ, chủng loại quy định đối với những phương tiện đi lại được mua trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

Điều 12

1. Việc lắp đặt, sử dụng phương tiện thông tin liên lạc tại công sở và tại nhà riêng của cán bộ, công chức phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và dự toán đã được duyệt.

2. Phương tiện thông tin liên lạc tại công sở chỉ được sử dụng vào mục đích công vụ, nếu sử dụng vào việc riêng thì người sử dụng phải trả tiền. Người sử dụng phương tiện thông tin liên lạc của tổ chức tại nhà riêng vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định thì phải trả khoản tiền vượt quá định mức.

Điều 13. Việc chi thường xuyên phải thực hiện theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và không vượt quá mức dự toán đã được duyệt.

Người quyết định việc chi thường xuyên không đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ, vượt quá dự toán đã được duyệt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14

1. Việc cử cán bộ, công chức đi công tác phải có kế hoạch và phải thực hiện theo yêu cầu của công việc, đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả.

2. Việc chi công tác phí phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và dự toán đã được duyệt.

Điều 15

1. Việc tổ chức hội nghị phải theo đúng kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm thời gian và kinh phí của Nhà nước.

2. Việc chi tổ chức hội nghị phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và dự toán đã được duyệt.

3. Kinh phí hội nghị trong dự toán hàng năm của tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước sử dụng không hết do thực hiện các biện pháp tiết kiệm có hiệu quả được chuyển chi cho các công việc khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 16

1. Các khoản chi tiếp khách, khánh tiết phải thực hiện theo chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và dự toán đã được duyệt.

2. Việc tổ chức lễ kỷ niệm, lễ hội của tổ chức hoặc của địa phương phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Việc sử dụng công quỹ để tặng, thưởng cho tổ chức, cá nhân phải thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ; nếu chi vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ thì người quyết định chi phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân sử dụng công quỹ để chi ngoài chế độ quy định.

Điều 17. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi cho việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành các công trình, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 18. Nghiêm cấm việc lập quỹ trái phép.

Mọi quỹ trái phép đều bị thu hồi và phải nộp vào ngân sách nhà nước; người quyết định lập quỹ trái phép, người sử dụng quỹ trái phép bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các khoản chi hỗ trợ từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, các khoản chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp phải được phân phối, sử dụng theo đúng quy định về phân cấp quản lý ngân sách và các định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 20. Chính phủ quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các khoản chi đặc biệt về quốc phòng, an ninh.

Mục 2

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 21. Việc duyệt quy hoạch, kế hoạch đầu tư và bố trí vốn đầu tư phải bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và phù hợp với khả năng của nền kinh tế.

Các dự án đầu tư được duyệt phải nằm trong quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

Quyết định đầu tư phải trên cơ sở dự án đã được xây dựng theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng, phù hợp với khả năng tài chính trong từng giai đoạn.

Mọi quyết định đầu tư không nằm trong quy hoạch được duyệt, không đúng quy trình lập, thẩm định dự án phải bị đình chỉ. Người quyết định đầu tư sai thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật các dự án đầu tư phải thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; người có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư nếu gây lãng phí thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23

1. Việc thẩm định, phê duyệt tổng dự toán công trình phải căn cứ vào các định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và phải phù hợp với thiết kế kỹ thuật được duyệt.

2. Việc đấu thầu xây dựng công trình phải tuân theo quy chế đấu thầu.

3. Người có thẩm quyền phê duyệt tổng dự toán hoặc kết quả đấu thầu mà vi phạm các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Việc đầu tư, thi công công trình phải bảo đảm đúng thiết kế kỹ thuật, đúng tiến độ thi công và dự toán hoặc giá trúng thầu công trình đã được phê duyệt.

Người thi công công trình nếu kéo dài thời gian thi công, thi công sai thiết kế kỹ thuật, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu không đúng tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật, làm giảm chất lượng công trình, gây lãng phí thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Việc cấp, cho vay vốn phải thực hiện đúng tiến độ, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu; việc kiểm tra, giám sát và quyết toán công trình phải thực hiện theo các quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng.

Người có thẩm quyền mà cấp vốn, cho vay vốn vượt quá dự toán, giá trúng thầu thì bị xử lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

Mục 3

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Điều 26. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức, cá nhân phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Đất được giao hoặc cho thuê không đúng thẩm quyền, sai mục đích sử dụng, vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ thì bị thu hồi; người vi phạm các quy định về giao đất, cho thuê đất bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải sử dụng đất tiết kiệm và đúng mục đích ghi trong quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trong mọi trường hợp, đất được giao hoặc cho thuê mà không được sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích theo quy định của pháp luật đều bị thu hồi.

Điều 28. Trụ sở làm việc, nhà công vụ và các công trình kiến trúc khác phải được sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; nếu vượt quá thì phải được sắp xếp, điều chỉnh lại cho hợp lý. Trụ sở làm việc, nhà công vụ không được đưa vào sử dụng thì bị thu hồi.

Việc giao trụ sở làm việc, nhà công vụ và các công trình kiến trúc khác cho các tổ chức, cá nhân sử dụng phải theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 29. Việc quản lý, khai thác khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác phải thực hiện theo quy định của pháp luật và quy trình công nghệ, quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Mọi trường hợp vi phạm các quy định về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên gây lãng phí, làm tổn thất tài nguyên thiên nhiên, phá huỷ môi trường đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 4

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN TẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 30

1. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính của Chính phủ.

2. Căn cứ vào các quy định về quản lý tài chính của Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước ban hành định mức, quy chế chi hành chính, chi tiếp khách, hội họp, giao dịch theo quy mô tổ chức và yêu cầu sản xuất, kinh doanh của mình. Doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện chi quản lý theo đúng định mức, quy chế đã ban hành và không được vượt quá mức khống chế của Chính phủ; người quyết định chi vượt quá mức quy định thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện đúng các quy định về chế độ tiền lương và định mức khống chế tiền lương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Nghiêm cấm việc sử dụng quỹ tiền lương để chi cho các mục đích khác.

Người có thẩm quyền duyệt, thực hiện chi sai chế độ tiền lương thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Việc lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, việc sử dụng các khoản kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước phải thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quỹ đã lập trái phép phải được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước. Người quyết định lập quỹ trái phép thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Việc mua thiết bị, phương tiện và các tài sản khác phục vụ quản lý hành chính trong doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện theo quy định của Chính phủ. Thiết bị, phương tiện và các tài sản khác được trang bị trong doanh nghiệp nhà nước vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định thì bị xử lý theo quy định của Chính phủ.

Điều 34. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm sử dụng diện tích nhà, đất đúng mục đích được ghi trong quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

nếu sử dụng nhà, đất sai mục đích thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, nghiêm cấm việc giả mạo chứng từ, để ngoài sổ sách kế toán tài sản, vật tư, tiền vốn và kinh phí; người vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 36. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm giám sát các cơ quan, tổ chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 37. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật;

2. Xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức, tiêu chuẩn, chế độ sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ;

3. Chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 38. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan Thanh tra, Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức hữu quan để thanh tra, điều tra, kiểm sát, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi gây lãng phí vốn, tài sản nhà nước.

Điều 39. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ Tài chính có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước; ban hành quy chế, thủ tục kiểm soát chi; quy định về chế độ báo cáo tài chính công

khai và quy trình quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc phân bổ và chi ngân sách nhà nước, việc quản lý, phân phối, sử dụng tài sản công, cấp vốn cho đầu tư xây dựng, việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp;

3. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành kế hoạch, chương trình tổ chức triển khai việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện chế độ định kỳ báo cáo về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước.

Điều 40. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý tổ chức triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Rà soát hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ để áp dụng thống nhất trong cả nước;

3. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc quyền quản lý.

Điều 41. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung chế độ sử dụng phương tiện, nhà công vụ đối với cán bộ, công chức;

3. Kiểm tra việc thực hiện biên chế và quỹ lương của cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 42. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Hội đồng nhân dân các cấp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

3. Giám sát việc tổ chức thực hiện các quy định của Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương;

4. Thực hiện công khai về phân bổ ngân sách đối với đơn vị dự toán cấp dưới trực tiếp; giám sát việc thực hiện công khai tài chính trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước ở địa phương;

5. Phối hợp với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai tài chính ở địa phương.

Điều 43. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân các cấp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương;

2. Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài sản công; kiểm tra việc sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý;

3. Thực hiện công khai tài chính trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn và tài sản nhà nước ở địa phương;

4. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương.

Điều 44. Tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước có trách nhiệm:

1. Chấp hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

2. Chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện công khai các khoản chi;

4. Xây dựng kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kịp thời khắc phục và xử lý các trường hợp gây lãng phí; định kỳ báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 45. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm:

1. Chấp hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

2. Xây dựng và thực hiện các định mức, tiêu chuẩn cụ thể về sử dụng vốn, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, chi quản lý trong doanh nghiệp;

3. Thực hiện chế độ báo cáo và công khai tài chính doanh nghiệp, công khai hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi hành chính, các khoản mua thiết bị văn phòng, ô tô của doanh nghiệp; tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của người lao động trong doanh nghiệp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

4. Xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các đơn vị thuộc doanh nghiệp; xử lý các trường hợp gây lãng phí trong doanh nghiệp; định kỳ báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 46. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm:

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng;

2. Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các tổ chức sử dụng vốn và tài sản nhà nước; giám sát việc xử lý các hành vi gây lãng phí;

3. Động viên mọi tổ chức, cá nhân tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

CHƯƠNG IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 47. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Số tiền mang lại từ việc tiết kiệm các khoản chi thường xuyên của tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước được chuyển chi cho các mục đích khác theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Chính phủ quy định cụ thể việc khoán chi và khuyến khích vật chất trong các trường hợp tiết kiệm kinh phí ngân sách nhà nước.

Điều 49. Người nào vi phạm quy định của Pháp lệnh này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Người bao che, cản trở việc phát hiện, xử lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, xử lý người có hành vi lãng phí, có hành vi trả thù, trù dập người tố cáo hành vi lãng phí, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 1998.

Các quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 52. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 1998

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ SỐ 29/2001/CT-TTg NGÀY 30-11-2001
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước được mọi tầng lớp nhân dân đồng tình, hưởng ứng và từng bước đã trở thành thói quen, ý thức của đa số quần chúng nhân dân, cán bộ, công chức, công nhân viên và các tổ chức, cơ quan nhà nước.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết và các văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ đạo các Bộ, ngành, các tổ chức xã hội và các địa phương có biện pháp thiết thực, phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của từng đơn vị để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Nhiều Bộ, ngành, địa phương và tổ chức đã chủ động, tích cực triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực của đất nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên, tình trạng buông lỏng quản lý, vi phạm các nguyên tắc quản lý tài chính, ngân sách, làm thất thoát tài sản của Nhà nước còn lớn, nhất là trong một số lĩnh vực như: đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Việc tổ chức lễ hội, kỷ niệm ngày thành lập, đón nhận các danh hiệu thi đua, hội nghị... còn mang nặng tính phô trương, hình thức, lãng phí thời gian, tiền bạc của Nhà nước và nhân dân. Tình trạng lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân diễn ra còn tương đối phổ biến.

Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng, cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp chưa nhận thức và quán triệt đúng, đầy đủ chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước.

Cơ chế, chính sách, biện pháp triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn bất cập và chưa phù hợp nhưng lại không được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; việc kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm chưa thường xuyên và chưa nghiêm minh.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước và người đứng đầu các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước, trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình phải tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nhằm quán triệt đến tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị và mọi người nhận thức đúng, đầy đủ ý thức, yêu cầu của chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Từng cơ quan, đơn vị phải xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổng kết, đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức hoặc địa phương mình, gửi báo cáo về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là người chịu trách nhiệm chính về việc để xảy ra tình trạng lãng phí, vi phạm các quy định về tiết kiệm.

2. Tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- a) Phải thực hiện tốt quy hoạch, chuẩn bị đầu tư chu đáo bảo đảm đúng kế hoạch, lập đề án khả thi sát với yêu cầu, tiêu chuẩn và định mức; thực hiện công khai quy hoạch đất đai, việc giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý và bảo vệ đất đai đã được quy hoạch phải rõ ràng, cụ thể.

- b) Đổi mới phương thức, tổ chức giải phóng mặt bằng đúng chính sách, chế độ, không gây thất thoát tài sản, tiền vốn của Nhà nước và nhân dân.

- c) Công bố công khai việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm việc sử dụng vốn đúng mục đích, tập trung, có hiệu quả, đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- d) Thực hiện đúng Quy chế đấu thầu, nghiêm cấm việc chọn thầu, chỉ định thầu sai nguyên tắc.

đ) Tổ chức giám sát chặt chẽ công tác thi công các công trình xây dựng cơ bản. Đối với một số công trình ở xã, phường, cần tổ chức để nhân dân tham gia giám sát thi công. Các cơ quan, đơn vị có công trình xây dựng, phải công khai quy hoạch, thiết kế và dự toán để cán bộ công nhân viên của cơ quan, đơn vị tham gia kiểm tra, giám sát quá trình xây dựng từ đấu thầu, thực hiện dự án đến mua sắm thiết bị và nghiệm thu công trình.

3. Tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng tài sản công và sử dụng ngân sách nhà nước.

a) Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ chi tiêu, hội họp, trang bị điện thoại, mua sắm và sử dụng ô tô... trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước, triệt để tiết kiệm trong việc tổ chức các cuộc họp và hội nghị.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát lại các quy định về tổ chức lễ hội, đón nhận các danh hiệu, kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, hội nghị..., nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi và ban hành quy định về chế độ chi tiêu cho từng loại, bảo đảm được yêu cầu nhưng thực sự tiết kiệm.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức phải thực hiện đúng chế độ công khai tài chính; cơ quan tài chính các cấp kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện chế độ công khai tài chính ở các đơn vị; tăng cường sự giám sát kiểm tra của nhân dân và các tổ chức, đoàn thể, quần chúng.

d) Bộ Tài chính kiểm tra và công bố công khai các đơn vị sử dụng lãng phí kinh phí của Nhà nước, thực hiện không đúng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại; mua sắm và sử dụng ô tô không đúng chế độ quy định, kiên quyết thực hiện việc điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu.

đ) Nghiêm cấm việc chi "hộ", chi "thay" của doanh nghiệp nhà nước cho cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp; sử dụng công quỹ Nhà nước, tập thể làm quà biếu và nhận quà biếu dưới bất cứ hình thức nào; giữ lại các khoản phải nộp ngân sách nhà nước để sử dụng trái chế độ quy định, kể cả đầu tư mua sắm tài sản, chi phúc lợi hoặc thưởng cho cán bộ công nhân viên.

Cơ quan tài chính các cấp kiểm tra, phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm nhằm thu hồi tài sản và xác định rõ trách nhiệm đối với Thủ trưởng đơn vị nếu phát hiện vi phạm các quy định nói trên.

e) Trụ sở làm việc, nhà công vụ và các công trình kiến trúc khác phải được sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cấp có thẩm quyền quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng trụ sở làm việc và diện tích đất đã cấp cho doanh nghiệp nhà nước, kiên quyết xử lý hoặc thu hồi diện tích bị sử dụng lãng phí, không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích theo quy định.

4. Tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước.

a) Về chế độ sử dụng điện thoại, doanh nghiệp phải căn cứ chế độ do Nhà nước quy định để ban hành quy chế sử dụng điện thoại của doanh nghiệp theo nguyên tắc: tiết kiệm, có định mức cụ thể, nếu sử dụng quá mức quy định thì cá nhân tự thanh toán.

b) Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh nhất thiết phải có định mức sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu. Có chế độ thưởng khuyến khích tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

c) Việc tổ chức hội nghị, tiếp khách, ngày lễ, Tết, đón nhận Huân, Huy chương, đi công tác trong và ngoài nước... phải triệt để tiết kiệm và thực hiện đúng chế độ chi tiêu đã quy định.

5. Tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

a) Việc tổ chức lễ, hội, cưới xin, tang lễ và các hoạt động khác phải thiết thực, đơn giản và hết sức tiết kiệm. Nghiêm cấm việc lợi dụng tổ chức lễ, hội để bắt buộc các cá nhân, tổ chức đóng góp tiền của.

b) Các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cần tuyên truyền, giáo dục ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, khuyến khích nhân dân tiêu dùng hàng sản xuất trong nước để hỗ trợ sản xuất phát triển.

6. Tổ chức, cá nhân được giao tiếp nhận, quản lý, phân phối các quỹ hình thành từ nguồn đóng góp, ủng hộ của nhân dân, các tổ chức, Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ cho các hoạt động cứu trợ, hoạt động nhân đạo, từ thiện... phải công khai nguồn thu, kết quả phân phối, sử dụng các quỹ này theo đúng Quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong dịp Tết cổ truyền hàng năm.

Để bảo đảm cho nhân dân đón Tết cổ truyền hàng năm được vui vẻ, an

toàn và tiết kiệm, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành, địa phương và phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiêm cấm lợi dụng lễ, Tết để tổ chức liên hoan, ăn uống lãng phí và dùng tiền công quỹ để biếu xén. Những đơn vị được trích quỹ thưởng theo chế độ cho đơn vị, cá nhân có công trong phối hợp, giúp đỡ thì phải công khai danh sách thưởng và mức thưởng cho toàn thể cơ quan, đơn vị biết.

b) Bảo đảm đáp ứng đủ hàng hoá thiết yếu cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết với giá cả ổn định, quan tâm đến đời sống của nhân dân, không để dân đói, không có Tết; không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến; đặc biệt chú ý đến đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng bị thiệt hại nặng nề do thiên tai lũ lụt; thăm hỏi, tặng quà thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các gia đình thuộc diện chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ và chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang; vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái giúp đỡ các gia đình nghèo. Huy động đủ phương tiện vận chuyển hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong dịp Tết; bảo đảm trật tự an toàn xã hội cho nhân dân. Tổ chức tốt các buổi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần cho nhân dân và bè bạn quốc tế có mặt tại Việt Nam. Tổ chức tốt việc chăm lo, phòng chống dịch bệnh và chữa bệnh; kiểm soát chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước và người đứng đầu các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ SỐ 01/2002/CT-TTg
NGÀY 28-1-2002 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc cấm sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước,
tập thể để thưởng, biếu, tặng, cho các cá nhân,
tổ chức không đúng quy định

Hiện nay, tình trạng sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể để thưởng, biếu, tặng, cho không đúng chế độ có biểu hiện gia tăng, đặc biệt là trong dịp lễ, Tết. Việc làm này vừa vi phạm quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, vừa gây lãng phí đối với tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể và nhân dân, tạo nên một thói quen xấu và làm suy giảm phẩm chất đạo đức một bộ phận cán bộ, công chức.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp và người đứng đầu tổ chức kinh tế, đơn vị sử dụng vốn, kinh phí từ ngân sách nhà nước, tổ chức được ngân sách nhà nước tài trợ và tổ chức có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân, của hội viên, phải thực hiện đúng các quy định sau:

1. Đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng tiền, tài sản nhà nước, tập thể để thưởng, biếu, tặng, cho quà

a) Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc tiền, tài sản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, từ công quỹ, từ các nguồn tài trợ, để thưởng, biếu, tặng, cho các tổ chức hoặc cá nhân dưới mọi hình thức không đúng chế độ quy định của Nhà nước trong bất cứ trường hợp nào, nhất là các dịp ngày lễ, ngày Tết, ngày kỷ niệm thành lập, tổng kết mừng công, đón nhận các danh hiệu Nhà nước,...

Việc thưởng, biếu, tặng quà cho tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp; những người thực sự có đóng góp vào thành tích của cơ quan, đơn vị, các đối tượng chính sách, được thực hiện theo chế độ hiện hành và phải sử dụng kinh phí của quỹ thi đua, khen thưởng và các nguồn hợp pháp khác dùng cho thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải tổ chức và bố trí để cho tổ chức Đảng và các đoàn thể, tổ chức quần chúng, ban thanh tra nhân dân của đơn vị được trực tiếp tham gia vào việc kiểm tra, giám sát việc khen thưởng, nhất là việc sử dụng tiền thuộc quỹ khen thưởng của đơn vị để kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc thưởng, biếu, tặng quà sai chế độ, đồng thời phối hợp với chính quyền xử lý nghiêm các vi phạm. Chi tiêu tài chính công hàng quý của các cơ quan, đơn vị phải được báo cáo đầy đủ, cụ thể và phải được niêm yết công khai trong cơ quan, đơn vị.

c) Mọi trường hợp thưởng, biếu, tặng quà cho các tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng và phải được phản ánh đầy đủ, trung thực trong sổ kế toán và thực hiện công khai trong cơ quan, đơn vị.

d) Người quyết định việc sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể hoặc tiền, tài sản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, từ công quỹ của cơ quan, đơn vị... để thưởng, biếu, tặng, cho sai chế độ thì phải bồi hoàn lại cho công quỹ toàn bộ số tiền, giá trị hiện vật đã thưởng, biếu, tặng, cho, nếu là cán bộ, công chức nhà nước dù ở bất kỳ cương vị công tác nào đều phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức; trường hợp hành vi đưa hối lộ được che đậy dưới hình thức thưởng, biếu, tặng có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

đ) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên phải kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ thưởng, biếu, tặng quà của đơn vị thuộc phạm vi quản lý và phải chịu trách nhiệm liên đới về những trường hợp do thiếu trách nhiệm để cơ quan, tổ chức do mình quản lý sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, công quỹ... để thưởng, biếu, tặng cho các tổ chức, cá nhân sai quy định.

2. Đối với các cá nhân, tổ chức được thưởng, biếu, tặng, cho quà

a) Nghiêm cấm các cá nhân, tổ chức gợi ý để được thưởng, biếu, tặng quà sai chế độ dưới bất cứ hình thức nào.

b) Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân không phải là đối tượng thuộc diện được thưởng, biếu, tặng quà nhận thưởng, quà biếu, tặng hoặc nhận thưởng, quà biếu, tặng sai chế độ, tiêu chuẩn cho phép dưới bất cứ hình thức nào từ các tổ chức, cá nhân. Khi được các tổ chức, cá nhân thưởng, biếu, tặng quà không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng thì phải từ chối và giải thích rõ lý do. Trường hợp không thể từ chối thì phải báo cáo ngay với Thủ trưởng trực tiếp của mình và nộp khoản tiền thưởng, quà biếu, tặng vào công quỹ.

c) Cá nhân, tổ chức không được dung túng, bao che, bỏ qua khi phát hiện việc thưởng, biếu, tặng quà không đúng quy định. Trường hợp phát hiện cá nhân, tổ chức nhận thưởng, quà biếu, tặng không đúng chế độ, tiêu chuẩn mà không tự giác báo cáo, thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Người vi phạm là cán bộ, công chức nhà nước thì phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức; trường hợp hành vi nhận hối lộ được che đậy dưới hình thức nhận tiền thưởng, quà biếu, tặng, có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

3. Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tổ chức thanh tra chuyên ngành chỉ đạo các đơn vị theo thẩm quyền và chức năng của mình tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thưởng, biếu, tặng quà theo quy định của Chỉ thị này và quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, đặc biệt là trong dịp lễ, Tết. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân dùng tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể để thưởng, biếu, tặng sai quy định thì phải yêu cầu tổ chức, cá nhân nhận thưởng, quà biếu, tặng khai báo kịp thời và nộp vào công quỹ, đồng thời xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường phổ biến, tuyên truyền các chế độ, tiêu chuẩn của Nhà nước về thưởng, biếu tặng quà và nội dung Chỉ thị này; nêu gương những điển hình tốt, những người tự giác từ chối hoặc báo cáo và nộp vào công quỹ những phần thưởng, quà biếu, tặng đã nhận không đúng quy định; phát hiện và kịp thời đưa ra công luận những trường hợp vi phạm.

5. Bộ Tài chính chỉ đạo ngành tài chính tăng cường quản lý nhà

nước về công tác tài chính; hướng dẫn việc thu, nộp các khoản thưởng, biếu, tặng bằng tiền và hiện vật sai quy định do các cơ quan, tổ chức và cá nhân nộp vào công quỹ. Đồng thời hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chỉ thị này và báo cáo đột xuất những vụ việc nghiêm trọng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp và người đứng đầu tổ chức kinh tế, đơn vị sử dụng vốn, kinh phí từ ngân sách nhà nước, tổ chức được ngân sách nhà nước tài trợ và các tổ chức có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân, của hội viên có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Đồng thời, trong phạm vi trách nhiệm của mình phải tổ chức triển khai nghiêm Chỉ thị số 29/2001/CT-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHAN VĂN KHẢI

PHÁP LỆNH
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC¹
(Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2000 và 2003)

Để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực và tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 2 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 1998;

Pháp lệnh này quy định về cán bộ, công chức.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1^o.

1. Cán bộ, công chức quy định tại Pháp lệnh này là công dân Việt Nam,

1. Pháp lệnh cán bộ, công chức được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26-02-1998, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-5-1998; sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28-4-2000, có hiệu lực từ ngày 12-5-2000 là ngày công bố Pháp lệnh; sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29-4-2003, có hiệu lực kể từ ngày 01-7-2003. Trong văn bản "lồng ghép" này, những phần in *nghiêng* và có đánh dấu một hoa thị (*) là phần đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 2000; những phần in *nghiêng* và có đánh dấu hai hoa thị (**) là phần đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 2003 (BT).

trong biên chế, bao gồm:

a) Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện);

b) Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên làm việc trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào một ngạch công chức hoặc giao giữ một công vụ thường xuyên trong các cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;

d) Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào một ngạch viên chức hoặc giao giữ một nhiệm vụ thường xuyên trong đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân;

e) Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp;

g) Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy; người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

h) Những người được tuyển dụng, giao giữ một chức danh chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cán bộ, công chức quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và h khoản 1 Điều này được hưởng lương từ ngân sách nhà nước; cán bộ, công chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Cán bộ, công chức là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ, công vụ được giao.

Điều 3. Cán bộ, công chức ngoài việc thực hiện các quy định của Pháp lệnh này, còn phải tuân theo các quy định có liên quan của Pháp lệnh chống

tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật khác.

Điều 4. Công tác cán bộ, công chức đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5^{}.**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định cụ thể việc áp dụng Pháp lệnh này đối với những người do bầu cử không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Pháp lệnh này đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác trong các doanh nghiệp nhà nước.

Điều 5a^{}.** Chính phủ quy định chức danh, tiêu chuẩn, nghĩa vụ, quyền lợi, những việc không được làm và chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này.

Điều 5b^{}.**

1. Chế độ công chức dự bị được áp dụng trong cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này. Người được tuyển dụng làm công chức dự bị phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào các quy định của Pháp lệnh này, Chính phủ quy định chế độ tuyển dụng, sử dụng, nghĩa vụ, quyền lợi, những việc không được làm và chế độ, chính sách khác đối với công chức dự bị.

CHƯƠNG II

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 6. Cán bộ, công chức có những nghĩa vụ sau đây:

1. Trung thành với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật;
3. Tận tụy phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân;
4. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tham gia sinh hoạt với cộng đồng dân cư nơi cư trú, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân;
5. Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng;
6. Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của cơ quan, tổ chức; giữ gìn và bảo vệ của công, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;
7. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ; chủ động, sáng tạo, phối hợp trong công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ, công vụ được giao;
8. Chấp hành sự điều động, phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 7. Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình; cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo còn phải chịu trách nhiệm về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cán bộ, công chức phải chấp hành quyết định của cấp trên; khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Điều 9. Cán bộ, công chức có các quyền lợi sau đây:

1. Được nghỉ hàng năm theo quy định tại Điều 74, Điều 75, khoản 2, khoản 3 Điều 76 và Điều 77, nghỉ các ngày lễ theo quy định tại Điều 73 và nghỉ việc riêng theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật lao động;
2. Trong trường hợp có lý do chính đáng được nghỉ không hưởng lương sau khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức;
3. Được hưởng các chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội, ốm đau, tai nạn lao

động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, hưu trí và chế độ tử tuất theo quy định tại các Điều 107, 142, 143, 144, 145 và 146 của Bộ luật lao động;

4. Được hưởng chế độ hưu trí, thôi việc theo quy định tại Mục 5 Chương IV của Pháp lệnh này;

5. Cán bộ, công chức là nữ còn được hưởng các quyền lợi quy định tại khoản 2 Điều 109, các Điều 111, 113, 114, 115, 116 và 117 của Bộ luật lao động;

6. Được hưởng các quyền lợi khác do pháp luật quy định.

Điều 10. Cán bộ, công chức được hưởng tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, công vụ được giao, chính sách về nhà ở, các chính sách khác và được bảo đảm các điều kiện làm việc.

Cán bộ, công chức làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo hoặc làm việc trong các ngành, nghề độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi do Chính phủ quy định.

Điều 11. Cán bộ, công chức có quyền tham gia hoạt động chính trị, xã hội theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ, được quyền nghiên cứu khoa học, sáng tác; được khen thưởng khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ được giao.

Điều 12. Cán bộ, công chức có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc làm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà mình cho là trái pháp luật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cán bộ, công chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được pháp luật và nhân dân bảo vệ.

Điều 14. Cán bộ, công chức hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được xem xét để công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ thì được xem xét để áp dụng chính sách, chế độ tương tự như đối với thương binh.

CHƯƠNG III

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC KHÔNG ĐƯỢC LÀM

Điều 15. Cán bộ, công chức không được chây lười trong công tác, trốn

tránh trách nhiệm hoặc thoái thác nhiệm vụ, công vụ; không được gây bè phái, mất đoàn kết, cục bộ hoặc tự ý bỏ việc.

Điều 16. Cán bộ, công chức không được cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khi giải quyết công việc.

Điều 17. Cán bộ, công chức không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư.

Cán bộ, công chức không được làm tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và các công việc khác mà việc tư vấn đó có khả năng gây phương hại đến lợi ích quốc gia.

Chính phủ quy định cụ thể việc làm tư vấn của cán bộ, công chức.

Điều 18. Cán bộ, công chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước, thì trong thời hạn ít nhất là năm năm kể từ khi có quyết định hưu trí, thôi việc, không được làm việc cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh với nước ngoài trong phạm vi các công việc có liên quan đến ngành, nghề mà trước đây mình đã đảm nhiệm.

Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề, công việc, thời hạn mà cán bộ, công chức không được làm và chính sách ưu đãi đối với những người phải áp dụng quy định của Điều này.

Điều 19. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, vợ hoặc chồng của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

Điều 20. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ; làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức hoặc mua bán vật tư, hàng hoá, giao dịch, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức đó.

CHƯƠNG IV
BẦU CỬ, TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Mục 1

BẦU CỬ

Điều 21. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và các chức danh khác trong hệ thống các cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của Hiến pháp, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các văn bản pháp luật khác.

Việc bầu cử các chức danh trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo điều lệ của các tổ chức đó.

Điều 22". *Những người do bầu cử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này khi thôi giữ chức vụ thì được bố trí công tác theo năng lực, sở trường, ngành nghề chuyên môn của mình và được bảo đảm các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.*

Mục 2

TUYỂN DỤNG

Điều 23".

1. Khi tuyển dụng cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này, cơ quan, tổ chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác của chức danh cán bộ, công chức và chỉ tiêu biên chế được giao.

2. Khi tuyển dụng cán bộ, công chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này, đơn vị sự nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu công việc, kế hoạch biên chế và nguồn tài chính của đơn vị. Việc tuyển dụng được thực hiện theo hình thức hợp đồng làm việc.

3. Người được tuyển dụng làm cán bộ, công chức quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này phải qua thực hiện chế độ công chức dự bị.

4. Người được tuyển dụng phải có phẩm chất đạo đức, đủ tiêu chuẩn và thông qua thi tuyển; đối với việc tuyển dụng ở các đơn vị sự nghiệp, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hoặc để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở vùng dân tộc ít người thì có thể thực hiện thông qua xét tuyển.

Chính phủ quy định cụ thể chế độ thi tuyển và xét tuyển.

Điều 24. Việc tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

Mục 3

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 25. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn và nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức.

Điều 26. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn đối với từng chức vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ của từng ngạch.

Điều 27. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định.

Mục 4

ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI

Điều 28. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức có quyền điều động cán bộ, công chức đến làm việc tại cơ quan, tổ chức ở trung ương hoặc địa phương theo yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

Điều 29. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức có quyền biệt phái cán bộ, công chức đến làm việc có thời hạn ở một cơ quan, tổ

chức khác theo yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

Cán bộ, công chức được biệt phái chịu sự phân công công tác của cơ quan, tổ chức nơi được cử đến. Cơ quan, tổ chức biệt phái cán bộ, công chức có trách nhiệm trả lương và bảo đảm các quyền lợi khác của cán bộ, công chức được biệt phái.

Mục 5

HƯU TRÍ, THÔI VIỆC

Điều 30. Cán bộ, công chức có đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 145 của Bộ luật lao động thì được hưởng chế độ hưu trí và các chế độ khác quy định tại Điều 146 của Bộ luật lao động.

Điều 31.

1. Trong trường hợp do yêu cầu công việc ở một số ngành, nghề và vị trí công tác, thì thời gian công tác của cán bộ, công chức đã có đủ điều kiện được hưởng chế độ hưu trí có thể được kéo dài thêm. Thời gian kéo dài thêm không quá năm năm; trong trường hợp đặc biệt thì thời hạn này có thể được kéo dài thêm.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định cụ thể danh mục ngành, nghề và vị trí công tác mà thời gian công tác của cán bộ, công chức được phép kéo dài thêm.

3. Việc kéo dài thời gian công tác của cán bộ, công chức phải bảo đảm những nguyên tắc sau đây:

- a) Cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức thực sự có nhu cầu;
- b) Cán bộ, công chức tự nguyện và có đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc.

Điều 32^{''}.

1. Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này được thôi việc và hưởng chế độ thôi việc trong các trường hợp sau đây:

a) Do sắp xếp tổ chức, giảm biên chế theo quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

b) Có nguyện vọng thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý.

Chính phủ quy định chế độ, chính sách thôi việc đối với các trường hợp

quy định tại khoản này.

2. Cán bộ, công chức tự ý bỏ việc thì bị xử lý kỷ luật, không được hưởng chế độ thôi việc và các quyền lợi khác, phải bồi thường chi phí đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì cán bộ, công chức không được thôi việc trước khi có quyết định xử lý.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 33^{}.** *Nội dung quản lý về cán bộ, công chức bao gồm:*

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, điều lệ, quy chế về cán bộ, công chức;
2. Lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức;
3. Quy định chức danh và tiêu chuẩn cán bộ, công chức;
4. Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước ở trung ương; quy định định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân; hướng dẫn định mức biên chế trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước ở trung ương;
5. Tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng và phân cấp quản lý cán bộ, công chức;
6. Ban hành quy chế tuyển dụng, nâng ngạch; chế độ tập sự, thử việc;
7. Đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức;
8. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức;
9. Thực hiện việc thống kê cán bộ, công chức;
10. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
11. Chỉ đạo, tổ chức giải quyết các khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức.

Điều 34.

1. Việc quản lý cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định phân cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước.

2. Việc quản lý cán bộ do bầu cử được thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và

Ủy ban nhân dân, điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Việc quản lý Thẩm phán, Kiểm sát viên được thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

4. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện việc quản lý cán bộ, công chức theo thẩm quyền.

Điều 35.

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định biên chế cán bộ, công chức thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân; số lượng Thẩm phán của các Tòa án.

2. Biên chế công chức Văn phòng Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

3. Biên chế công chức Văn phòng Chủ tịch nước do Chủ tịch nước quyết định.

4. Biên chế cán bộ làm việc trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do tổ chức có thẩm quyền quyết định.

Điều 36^{}.**

1. Chính phủ quyết định biên chế và quản lý cán bộ, công chức làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương; quy định định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân; hướng dẫn định mức biên chế trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước ở trung ương.

2. Bộ Nội vụ giúp Chính phủ thực hiện việc quản lý cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp của Chính phủ và theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 37.

1. Cán bộ, công chức có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ,

công vụ thì được xét khen thưởng theo các hình thức sau đây:

- a) Giấy khen;
- b) Bằng khen;
- c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- d) Huy chương;
- đ) Huân chương;

2. Việc khen thưởng cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 38^{}.** *Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này lập thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì được xét nâng ngạch, nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định của Chính phủ.*

Điều 39^{}.**

1. *Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này vi phạm các quy định của pháp luật, nếu chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:*

- a) *Khiển trách;*
- b) *Cảnh cáo;*
- c) *Hạ bậc lương;*
- d) *Hạ ngạch;*
- đ) *Cách chức;*
- e) *Buộc thôi việc.*

Việc xử lý kỷ luật thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức.

2. *Việc bãi nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.*

3. *Cán bộ, công chức vi phạm pháp luật mà có dấu hiệu của tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.*

4. *Cán bộ, công chức làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.*

5. *Cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi*

hành nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại cho người khác thì phải hoàn trả cho cơ quan, tổ chức khoản tiền mà cơ quan, tổ chức đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Việc kỷ luật đối với cán bộ, công chức phải được Hội đồng kỷ luật của cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định.

Thành phần và quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật do Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định.

Điều 41. Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật, cán bộ, công chức có thể bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm đình chỉ công tác nếu xét thấy cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm. Thời hạn tạm đình chỉ không quá mười lăm ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không được quá ba tháng; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác, nếu không bị xử lý thì cán bộ, công chức được tiếp tục làm việc. Cán bộ, công chức trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.

Cán bộ, công chức không có lỗi thì sau khi tạm đình chỉ công tác được bố trí về vị trí công tác cũ; trường hợp cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể được bố trí về vị trí công tác cũ hoặc chuyển làm công tác khác. Cán bộ, công chức bị kỷ luật bằng hình thức cách chức được bố trí làm công tác khác.

Điều 42.** *Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này khi bị kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống bị buộc thôi việc có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 43.** *Cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh này bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì bị kéo dài thời gian nâng bậc lương thêm một năm; trong trường hợp bị kỷ luật bằng một trong các hình thức từ khiển trách đến*

cách chức thì không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời hạn ít nhất một năm, kể từ khi có quyết định kỷ luật.

Trong trường hợp cán bộ, công chức bị kỷ luật vì có hành vi tham nhũng, thì việc xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh chống tham nhũng và các quy định khác của pháp luật, điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 44. Cán bộ, công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 45. Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự mà đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai thì được phục hồi danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Các quyết định về khen thưởng và kỷ luật được lưu vào hồ sơ của cán bộ, công chức.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 1998.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 48.

1. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.
2. Căn cứ vào Pháp lệnh này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định cụ thể việc thực hiện đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 95/1998/NĐ-CP
NGÀY 17-11-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ vào Pháp lệnh cán bộ, công chức ban hành ngày 26 tháng 2 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công chức nói tại Nghị định này bao gồm những người đã được quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 1 của Pháp lệnh cán bộ, công chức. Cụ thể là:

1. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc giao giữ một công vụ thường xuyên, được phân loại theo trình độ đào tạo, ngành chuyên môn, được xếp vào một ngạch hành chính, sự nghiệp, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, làm việc trong các cơ quan sau đây:

- a) Văn phòng Chủ tịch nước;
- b) Văn phòng Quốc hội;
- c) Cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- d) Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;
- đ) Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

- e) Trường học, bệnh viện, cơ quan nghiên cứu khoa học của Nhà nước;
- g) Cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của Nhà nước;
- h) Thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá của Nhà nước;
- i) Các tổ chức sự nghiệp khác của Nhà nước.

2. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp.

Điều 2. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Ngạch" chỉ chức danh công chức. Mỗi ngạch thể hiện chức và cấp về chuyên môn nghiệp vụ, có tiêu chuẩn riêng;

2. "Bậc" là chỉ số tiền lương trong ngạch;

3. "Nâng ngạch" là nâng từ ngạch thấp lên ngạch cao;

4. "Chuyển ngạch" là chuyển từ ngạch công chức theo ngành chuyên môn này sang ngạch công chức theo ngành chuyên môn khác có trình độ tương đương;

5. "Tuyển dụng" là việc tuyển người vào cơ quan nhà nước sau khi đã đạt kết quả của kỳ thi tuyển;

6. "Bổ nhiệm" là quyết định xếp ngạch công chức chính thức cho người đạt yêu cầu tập sự, người đạt kỳ thi nâng ngạch và công chức lãnh đạo;

7. "Cơ quan sử dụng công chức" là cơ quan trực tiếp quản lý và tổ chức cho công chức làm việc;

8. "Cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức" là cơ quan được phân cấp để quản lý các ngạch công chức;

9. "Điều động" là chuyển công chức từ cơ quan, đơn vị này sang làm việc ở một cơ quan, tổ chức, đơn vị khác;

10. "Biệt phái" là việc cử công chức đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời hạn nhất định theo yêu cầu nhiệm vụ, công vụ;

11. "Thời gian tập sự" là thời gian mà người được tuyển dụng sau khi thi tuyển tập làm các chức trách, nhiệm vụ của ngạch mà công chức sẽ được bổ nhiệm.

Điều 3. Công chức được phân loại như sau:

1. Phân loại theo trình độ đào tạo gồm có:

a) Công chức loại A là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn từ bậc đại học trở lên;

b) Công chức loại B là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc trung học chuyên nghiệp, cao đẳng;

c) Công chức loại C là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc sơ cấp;

d) Công chức loại D là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc dưới sơ cấp.

2. Phân loại theo vị trí công tác gồm có:

a) Công chức lãnh đạo (chỉ huy và điều hành);

b) Công chức chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 4. Việc phân cấp quản lý công chức phải căn cứ vào ngạch công chức và theo sự phân loại quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

CHƯƠNG II

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC

Mục 1

ĐIỀU KIỆN TUYỂN DỤNG

Điều 5.

1. Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, có vị trí công tác và theo chỉ tiêu biên chế được giao.

Người được tuyển dụng phải có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng được tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch tuyển vào và các điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

2. Hàng năm, các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch tuyển dụng đề nghị với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt trong chỉ tiêu biên chế mà Bộ, ngành, tỉnh, thành phố được giao.

Điều 6. Người muốn được dự tuyển dụng vào một ngạch công chức phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam;

2. Tuổi đời dự tuyển đối với nam phải từ đủ 18 tuổi đến 40 tuổi; đối với nữ từ đủ 18 tuổi đến 35 tuổi. Trường hợp người dự tuyển đã là sĩ quan trong

lực lượng vũ trang hoặc là viên chức trong doanh nghiệp nhà nước, thì tuổi dự tuyển có thể cao hơn;

3. Có đơn xin dự tuyển, có lý lịch rõ ràng, có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo yêu cầu trình độ của ngạch dự tuyển;

4. Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công vụ;

5. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 7. Người dân tộc thiểu số, người tình nguyện phục vụ ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, thương binh, con liệt sĩ, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, những người tốt nghiệp ở các bậc đào tạo chuyên môn đạt loại giỏi được ưu tiên trong việc tuyển dụng.

Mục 2

TỔ CHỨC THI TUYỂN

Điều 8. Việc tuyển dụng công chức phải thông qua kỳ thi theo quy chế thi tuyển. Người không qua thi tuyển công chức không được tuyển dụng vào biên chế trong cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 9. Trước 30 ngày tổ chức thi tuyển, các cơ quan phải thông báo công khai về điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng cần tuyển trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để mọi người biết và đăng ký dự thi.

Điều 10. Nội dung thi tuyển công chức vào các ngạch công chức theo ngành chuyên môn do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành chuyên môn xây dựng và ban hành, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 11. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ thi tuyển, cơ quan tổ chức thi tuyển phải công bố kết quả thi và thông báo cho người dự thi biết.

Điều 12. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm ban hành quy chế thi tuyển, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thi tuyển.

Mục 3

TUYỂN DỤNG, NHẬN VIỆC

Điều 13. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày sau khi công bố kết quả thi, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng ra quyết định tuyển dụng và xếp lương theo đúng quy định về tiêu chuẩn, ngạch, bậc của công chức và báo cáo về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ kết quả thi, danh sách xếp ngạch, bậc lương của người được tuyển dụng.

Điều 14. Người được tuyển dụng phải thuộc chỉ tiêu biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và phải có số điểm của mỗi phần thi đạt từ điểm 5 trở lên theo thang điểm 10. Người trúng tuyển là người được tính từ tổng số điểm cao nhất cho đến hết chỉ tiêu biên chế.

Điều 15. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng phải đến cơ quan nhận việc, nếu trong quyết định tuyển dụng không quy định thời hạn khác.

Trường hợp người được tuyển dụng có những lý do chính đáng mà không thể nhận việc đúng thời hạn thì phải làm đơn đề nghị gia hạn thời gian nhận việc và phải được cơ quan sử dụng công chức đồng ý.

Trường hợp người có quyết định tuyển dụng đến nhận việc chậm quá thời hạn nói trên và không có lý do chính đáng, thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyển dụng.

Mục 4

TẬP SỰ, BỔ NHIỆM

Điều 16. Người được tuyển dụng vào công chức phải qua thời gian tập sự. Thời gian tập sự được tính từ ngày người được tuyển dụng nhận việc:

1. Đối với công chức loại A, thời gian tập sự là 12 tháng, riêng công chức là bác sĩ thì thời gian tập sự là 9 tháng;
2. Đối với công chức loại B, thời gian tập sự là 6 tháng;
3. Đối với công chức loại C, thời gian tập sự là 3 tháng.

Điều 17.

1. Cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm hướng dẫn cho người tập

sự về chức năng, nhiệm vụ, nội quy, quy chế của cơ quan; mối quan hệ giữa các đơn vị trong cơ quan và cơ quan liên quan;

2. Cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm cử một công chức cùng ngạch, có năng lực và kinh nghiệm về nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

Điều 18.

1. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% hệ số lương khởi điểm của ngạch được tuyển dụng và các quyền lợi khác như công chức trong cơ quan.

2. Người được tuyển dụng làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo hoặc làm việc trong các ngành, nghề độc hại nguy hiểm, thì trong thời gian tập sự được hưởng 100% hệ số lương khởi điểm của ngạch được tuyển và được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định chung.

3. Công chức được cơ quan, tổ chức, đơn vị phân công hướng dẫn người tập sự quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định này được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm 0,3 so với mức lương tối thiểu trong thời gian hướng dẫn người tập sự.

Điều 19.

1. Hết thời gian tập sự, người tập sự phải làm báo cáo kết quả tập sự; người hướng dẫn tập sự phải có bản nhận xét, đánh giá kết quả đối với người tập sự, báo cáo với cơ quan sử dụng công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đánh giá phẩm chất đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Nếu người tập sự đạt yêu cầu của ngạch, thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức ra quyết định bổ nhiệm chính thức vào ngạch.

3. Trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu của ngạch, thì người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức huỷ bỏ quyết định tuyển dụng.

Điều 20. Trong thời gian tập sự, nếu người tập sự vi phạm quy chế làm việc của cơ quan và quy định của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyển dụng.

Điều 21. Sau thời gian tập sự, nếu người tập sự không được bổ nhiệm vào ngạch, thì được trợ cấp 01 tháng lương hiện hưởng và tiền tàu xe về nơi thường trú.

Mục 5

NÂNG NGẠCH, CHUYỂN NGẠCH

Điều 22. Việc nâng ngạch công chức phải thông qua kỳ thi nâng ngạch theo quy định.

Điều 23.

1. Việc xét thi nâng ngạch cho công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí công tác của cơ quan nơi công chức đang làm việc.

2. Công chức tham gia thi nâng ngạch phải có đủ các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng và các điều kiện cần thiết khác theo quy định ở ngạch dự thi và được Hội đồng sơ tuyển của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử tham gia kỳ thi.

Điều 24. Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu thi nâng ngạch và gửi về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để phân bổ chỉ tiêu dự thi.

Điều 25.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Hội đồng sơ tuyển để đánh giá phẩm chất đạo đức, thành tích công tác và khả năng chuyên môn công chức để cử công chức dự kỳ thi nâng ngạch.

2. Hội đồng sơ tuyển có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Ở các cơ quan trung ương:

- Chủ tịch Hội đồng là một lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng vụ Tổ chức cán bộ (hoặc tương đương) của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Các ủy viên Hội đồng gồm một số Vụ trưởng Vụ chuyên ngành thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chủ tịch Hội đồng là một lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương;

- Các Ủy viên gồm một số Giám đốc Sở chuyên ngành (hoặc tương đương) của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 26. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày công bố kết quả kỳ thi nâng ngạch, công chức trúng tuyển được bổ nhiệm vào ngạch trúng tuyển và được xếp hệ số lương của ngạch đó.

Điều 27.

1. Công chức chuyển từ ngạch chuyên môn này sang ngạch chuyên môn khác hoặc những viên chức làm việc ở doanh nghiệp nhà nước được tuyển dụng và xếp lương vào ngạch công chức trước khi ban hành Nghị định 26-CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp mà được tiếp nhận vào cơ quan thuộc khu vực hành chính sự nghiệp, thì phải đáp ứng đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyển đến và trong chỉ tiêu biên chế được phân bổ của cơ quan.

2. Cơ quan sử dụng công chức khi tiếp nhận công chức chuyển ngạch phải thành lập Hội đồng kiểm tra để sát hạch về trình độ, năng lực của công chức. Nếu công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch mới, thì cơ quan sử dụng công chức tiếp nhận, ra quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức bổ nhiệm.

3. Hội đồng kiểm tra có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu bộ phận tổ chức cán bộ cơ quan;

- Các Ủy viên Hội đồng gồm một số lãnh đạo bộ phận chuyên môn, một số công chức có năng lực, trình độ nghiệp vụ công tác ở cùng ngạch hoặc ngạch cao hơn.

4. Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ:

- Xem xét các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của ngạch mới, văn bản đánh giá nhận xét quá trình công tác của cơ quan cũ;

- Phỏng vấn công chức chuyển ngạch về hiểu biết, nhận thức về chính trị, xã hội, chuyên môn;

- Kiểm tra người chuyển ngạch viết văn bản quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ của ngạch;

- Hội đồng kiểm tra họp đánh giá kết quả; nếu xét thấy công chức đạt yêu cầu thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức bổ nhiệm vào ngạch.

5. Khi xét chuyển ngạch không được kết hợp nâng bậc, nâng ngạch.

Mục 6

ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI

Điều 28.

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức có quyền điều động công chức đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương hoặc địa phương theo yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

2. Việc điều động công chức được thực hiện trong các trường hợp:

a) Tăng cường, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, đơn vị về số lượng, chất lượng đội ngũ công chức để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện việc luân chuyển công chức giữa Trung ương và địa phương, giữa các ngành, lĩnh vực theo quy hoạch đội ngũ công chức.

Khi điều động công chức cần chú ý xem xét tới hoàn cảnh gia đình và bản thân công chức được điều động.

3. Công chức được điều động về làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo ngoài việc áp dụng các chính sách ưu đãi, còn được hưởng một số chính sách khuyến khích khác theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 29.

1. Do yêu cầu nhiệm vụ, công vụ, cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức cử biệt phái công chức đến làm việc có thời hạn ở một cơ quan, tổ chức, đơn vị khác. Thời hạn cử biệt phái không quá 3 năm.

2. Việc cử biệt phái công chức được thực hiện trong các trường hợp:

a) Do có những nhiệm vụ đột xuất, cấp bách mà chưa có khả năng điều động công chức;

b) Do có những công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định.

3. Công chức được cử biệt phái chịu sự phân công công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến. Cơ quan, tổ chức cử biệt phái công chức có trách nhiệm trả lương và bảo đảm các quyền lợi khác của công chức biệt phái.

4. Công chức được cử biệt phái đến vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định chung của Nhà nước.

5. Việc đánh giá công chức biệt phái do cơ quan sử dụng công chức thực hiện. Văn bản đánh giá công chức biệt phái được gửi về cơ quan cử biệt phái để lưu vào hồ sơ cá nhân.

Điều 30. Công chức đảm nhận các nhiệm vụ sau đây khi không đảm nhận nhiệm vụ, được bố trí công tác theo năng lực, sở trường, ngành, nghề chuyên môn của mình và được bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật:

1. Được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ ở các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân các cấp;

2. Được bầu giữ các chức vụ chuyên trách ở các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh;

3. Được bổ nhiệm vào các chức vụ là thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước;

4. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

CHƯƠNG III **QUẢN LÝ CÔNG CHỨC**

Điều 31. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan giúp Chính phủ quản lý về công chức có nhiệm vụ:

1. Xây dựng dự án Luật, Pháp lệnh về công chức để Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;

2. Xây dựng trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ công chức và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức;

3. Xây dựng trình Chính phủ ban hành chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ khác đối với công chức;

4. Quản lý về số lượng, bổ nhiệm, xếp lương và nâng bậc lương đối với

công chức cao cấp (chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương);

5. Ban hành các quy chế thi tuyển, thi nâng ngạch và quy chế đánh giá công chức;

6. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức theo đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

7. Xây dựng chỉ tiêu biên chế trình Thủ tướng Chính phủ và quản lý số lượng biên chế công chức thuộc Chính phủ quản lý trong cả nước;

8. Chủ trì tổ chức việc thi nâng ngạch từ chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương khác;

9. Tổ chức việc thống kê công chức trong cả nước;

10. Thanh tra, kiểm tra các Bộ, ngành, địa phương và cơ sở thi hành các quy định của Nhà nước về công chức;

11. Chỉ đạo, tổ chức giải quyết các khiếu nại, tố cáo đối với công chức theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 32. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ:

1. Quản lý về số lượng, bổ nhiệm, xếp lương và nâng bậc lương đối với công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống;

2. Xây dựng và đề nghị Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ban hành các tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức theo ngành chuyên môn và hướng dẫn việc thực hiện;

3. Tổ chức việc thi tuyển, đào tạo, bồi dưỡng công chức theo quy định của Chính phủ;

4. Tổ chức thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự, từ cán sự lên chuyên viên, từ chuyên viên lên chuyên viên chính và các ngạch tương đương khác;

5. Phân bổ chỉ tiêu, quản lý biên chế, quỹ tiền lương và thực hiện các chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc các tổ chức do Bộ, ngành trực tiếp quản lý;

6. Tổ chức việc thống kê ngạch công chức ngành chuyên môn trong cả nước và công chức thuộc các tổ chức do Bộ, ngành trực tiếp quản lý;

7. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của Nhà nước về công chức thuộc ngành chuyên môn trong cả nước và công chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành;

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 33. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao quản lý các ngạch công chức theo ngành chuyên môn như sau:

1. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành hành chính, ngành lưu trữ;

2. Thanh tra Nhà nước quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành thanh tra;

3. Bộ Tài chính quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành tài chính;

4. Bộ Tư pháp quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành tư pháp;

5. Ngân hàng Nhà nước quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành ngân hàng;

6. Tổng cục hải quan quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành hải quan;

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành nông nghiệp, kiểm lâm, thuỷ lợi;

8. Bộ Xây dựng quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành xây dựng;

9. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành khoa học kỹ thuật;

10. Tổng cục Khí tượng thuỷ văn quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành khí tượng thuỷ văn;

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành giáo dục đào tạo;

12. Bộ Y tế quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành y tế;

13. Bộ Văn hoá thông tin quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành văn hoá thông tin;

14. Ủy ban Thể dục thể thao quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành thể dục thể thao;

15. Cục Dự trữ quốc gia quản lý ngạch công chức chuyên môn ngành dự trữ quốc gia.

Điều 34. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được Chính phủ giao quản lý ngạch công chức theo ngành chuyên môn quy định tại Điều 33 của Nghị định này có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ:

1. Nội dung thi tuyển công chức vào ngạch chuyên môn;

2. Nội dung thi nâng ngạch công chức của các ngạch chuyên môn quy định tại khoản 4 Điều 32 của Nghị định này;

3. Nội dung và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng công chức các ngạch chuyên môn;

4. Nội dung và tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức theo ngành chuyên môn do Bộ, ngành quản lý.

Điều 35. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có nhiệm vụ:

1. Tổ chức quản lý công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống;

2. Phân bổ chỉ tiêu, quản lý biên chế và quỹ tiền lương công chức thuộc tỉnh;

3. Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc tỉnh;

4. Tổ chức việc thi tuyển công chức, thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự, từ cán sự lên chuyên viên và các ngạch tương đương khác theo quy chế chung và nội dung thi của các Bộ quản lý ngạch công chức theo các ngành chuyên môn;

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức theo quy định chung;

5. Tổ chức thống kê công chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

6. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của Nhà nước về công chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thuộc phạm vi tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 36. Cơ quan sử dụng công chức có nhiệm vụ:

1. Tổ chức sử dụng và phân công công chức đúng ngạch, vị trí công việc và thực hiện nghiêm chỉnh các Điều 16, 17, 18, 19 và 21 của Nghị định này;

2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công chức, các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với công chức;

3. Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức các yêu cầu về tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch, điều động, biệt phái, đề ra ngoài ngạch, đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức trong cơ quan;

4. Đánh giá công chức thuộc quyền sử dụng theo quy định;

5. Thanh tra, kiểm tra công chức về việc thực hiện các quy định tại Chương III của Pháp lệnh cán bộ, công chức;

6. Thống kê và báo cáo tình hình công chức thuộc quyền quản lý cho cơ quan quản lý công chức cấp trên theo quy định;

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thuộc phạm vi cơ quan quản lý;

8. Thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật công chức theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

Điều 37. Cơ quan sử dụng công chức lập và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức. Mọi diễn biến trong quá trình công tác của công chức từ khi được tuyển dụng, bổ nhiệm đến khi thôi làm việc phải được thể hiện và lưu tại hồ sơ công chức.

Việc lập và lưu giữ hồ sơ công chức theo hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

CHƯƠNG IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 38.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 24/CP ngày 8-11-1962 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tuyển dụng công nhân, viên chức nhà nước và Quyết định số 256/TTg ngày 15-7-1975 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tập sự đối với người được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước.

Điều 39. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/1998/NĐ-CP
NGÀY 17-11-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
Về chế độ thôi việc đối với cán bộ, công chức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Bộ luật lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;
Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 2 năm 1998;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Cán bộ, công chức áp dụng trong Nghị định này là công dân Việt Nam, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bao gồm:

1. Những người được quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 1 của Pháp lệnh cán bộ, công chức;
2. Những cán bộ, công chức biệt phái sang làm việc tại các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp mà các tổ chức này đã được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế;
3. Cán bộ, công chức làm việc ở những ngành nghề có liên quan đến bí mật Nhà nước khi thôi việc, thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 2.

1. Cán bộ, công chức thôi việc trong những trường hợp sau đây thì được hưởng chế độ thôi việc:
 - a) Do sắp xếp tổ chức, giảm biên chế theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
 - b) Tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý.

2. Cán bộ, công chức thôi việc mà không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 145 Bộ luật lao động thì được hưởng trợ cấp một lần và các quyền lợi quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 3. Cán bộ, công chức thôi việc do sắp xếp tổ chức, giảm biên chế theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì được hưởng chế độ thôi việc như sau:

1. Được trợ cấp một khoản tiền để tìm việc làm mới bằng 3 tháng lương và phụ cấp (nếu có). Nếu sau đó cán bộ, công chức không tìm được việc làm mới thì cứ mỗi năm làm việc được tính bằng một tháng lương hiện hưởng và phụ cấp (nếu có), nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng lương hiện hưởng và phụ cấp (nếu có);

2. Được chính quyền địa phương giúp đỡ, đăng ký hộ khẩu và tạo điều kiện để làm ăn sinh sống, khi trở về nơi cư trú hợp pháp;

3. Được hưởng chế độ trợ cấp xã hội, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cán bộ, công chức có nguyện vọng thôi việc quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý thì được hưởng chế độ thôi việc và cứ mỗi năm làm việc được tính 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng và phụ cấp (nếu có) và được hưởng quyền lợi quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 5. Thời gian làm việc để tính chế độ thôi việc đối với cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này như sau:

1. Là tổng thời gian làm việc kể từ khi cán bộ, công chức có quyết định tuyển dụng;

2. Thời gian mà cán bộ, công chức đã làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang nếu chưa được hưởng trợ cấp thôi việc thì được tính là thời gian làm việc;

3. Ngoài ra, nếu có thời gian sau đây thì cũng được tính là thời gian làm việc của cán bộ, công chức:

a) Thời gian cán bộ, công chức được cơ quan, tổ chức ký hợp đồng tạm tuyển theo chỉ tiêu biên chế, có đóng bảo hiểm xã hội và sau đó được cơ quan, tổ chức tuyển dụng chính thức;

b) Thời gian cán bộ, công chức được cơ quan sử dụng cán bộ, công chức cử đi đào tạo, bồi dưỡng;

c) Thời gian cán bộ, công chức nghỉ theo quy định tại các Điều 73, 74, 75 và Điều 78 của Bộ luật lao động;

d) Thời gian cán bộ, công chức nghỉ việc để chữa bệnh có giấy chứng nhận của thầy thuốc và hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội;

đ) Thời gian cán bộ, công chức nghỉ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 117 của Bộ luật lao động;

e) Thời gian cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai theo quy định tại Điều 45 của Pháp lệnh cán bộ, công chức;

g) Thời gian cán bộ, công chức bị tạm đình chỉ công tác theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 6. Kinh phí chi trả chế độ thôi việc được quy định như sau:

1. Do sắp xếp tổ chức, giảm biên chế theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì do ngân sách nhà nước chi trả;

2. Các trường hợp thôi việc khác do các Bộ, ngành và địa phương chi trả trong kinh phí hành chính sự nghiệp đã được Chính phủ giao;

3. Cán bộ, công chức đã có thời gian làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước thì doanh nghiệp có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc trong thời gian cán bộ, công chức làm việc tại các doanh nghiệp đó. Kinh phí được chuyển theo thông báo của đơn vị mà cán bộ, công chức đang làm việc để đơn vị cũ chi trả. Trường hợp đơn vị cũ đã bị giải thể hoặc thực sự có khó khăn về tài chính thì do ngân sách nhà nước chi trả.

Điều 7.

1. Cán bộ, công chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc thì không được hưởng chế độ thôi việc và các quyền lợi khác.

2. Cán bộ, công chức tự ý bỏ việc thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc sẽ không được hưởng chế độ thôi việc và các quyền lợi khác, mà còn phải bồi thường cho cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức các chi phí đào tạo, bồi dưỡng (nếu có) theo nguyên tắc sau:

a) Chỉ tính kinh phí bồi thường cho những khoá học do cơ quan, tổ chức đứng ra tổ chức hoặc do cơ quan, tổ chức cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước có thời hạn từ 3 tháng trở lên;

b) Khi xét mức chi phí bồi thường phải căn cứ vào thâm niên công tác, cống hiến của cán bộ, công chức để quyết định bồi thường một phần hoặc toàn bộ;

c) Cơ quan, tổ chức phải thành lập Hội đồng xét bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức quyết định.

3. Thành phần Hội đồng xét bồi thường gồm có:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức được người đứng đầu uỷ quyền làm Chủ tịch Hội đồng;

- Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp;

- Người phụ trách bộ phận công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức;

- Người phụ trách bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan, tổ chức;

- Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường;

4. Hội đồng xét bồi thường tiến hành họp xem xét bồi thường theo trình tự sau: Chủ tịch Hội đồng công bố thành phần tham gia, cử thư ký; đại diện bộ phận đào tạo, bồi dưỡng báo cáo chế độ và mức bồi thường; Hội đồng nghe giải trình của người phải bồi thường; Hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín về mức bồi thường. Kết quả được lập thành văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Trường hợp người phải bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng không thực hiện nghiêm chỉnh quyết định thì cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Toà án giải quyết.

Điều 8. Trong thời gian cán bộ, công chức đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan, tổ chức quản lý hay sử dụng cán bộ, công chức không được cho cán bộ, công chức đó thôi việc.

Điều 9. Cơ quan, tổ chức không được cho cán bộ, công chức thôi việc quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này trong các trường hợp sau:

1. Cán bộ, công chức đang nghỉ hàng năm, nghỉ về việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người đứng đầu cơ quan, tổ chức cho phép;

2. Cán bộ, công chức ốm đau hoặc bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp đang điều trị tại các bệnh viện theo quyết định của thầy thuốc;

3. Nữ cán bộ, công chức khi đang có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân có nguyện vọng xin thôi việc.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng những quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường.

Điều 11. Cán bộ, công chức thôi việc, nếu tự xét thấy chưa thoả đáng thì có quyền khiếu nại đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Các cơ quan, tổ chức khi nhận được khiếu nại của cán bộ, công chức phải có trách nhiệm trả lời đương sự trong thời gian quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc có quyền khiếu nại với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của pháp luật.

Điều 12.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Nghị định này thay thế những quy định về chế độ thôi việc tại các văn bản sau:

- Nghị định số 24/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 08-11-1962 về ban hành Điều lệ tuyển dụng và cho thôi việc công nhân, viên chức Nhà nước;

- Nghị định số 109/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-4-1991 về sắp xếp tổ chức biên chế hành chính sự nghiệp;

- Quyết định số 111/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-4-1991 về một số chính sách trong việc sắp xếp biên chế;

- Quyết định số 76/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 09-3-1992 về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh sắp xếp biên chế hành chính sự nghiệp.

Điều 13. Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 14. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH SỐ 97/1998/NĐ-CP
NGÀY 17-11-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ xử lý kỷ luật và trách nhiệm
vật chất đối với công chức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Việc xử lý kỷ luật công chức nhằm mục đích giáo dục công chức, đồng thời góp phần phòng ngừa, đấu tranh và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật của công chức.

Điều 2.

1. Công chức áp dụng trong Nghị định này là những người trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bao gồm:

- a) Những người được quy định tại khoản 3 Điều 1 Pháp lệnh cán bộ, công chức;
- b) Những người được quy định tại khoản 5 Điều 1 Pháp lệnh cán bộ, công chức;

Đối với những người quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này, còn phải tuân theo các quy định về chế độ quản lý, chỉ huy của quân đội nhân dân và công an nhân dân;

- c) Công chức biệt phái sang làm việc tại các tổ chức kinh tế, tổ chức xã

hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp mà các tổ chức này đã được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế.

2. Đối với những người làm việc theo hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước khi vi phạm kỷ luật thì xử lý theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 3.

1. Công chức bị xử lý kỷ luật khi vi phạm các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và các điều thuộc Chương III của Pháp lệnh cán bộ, công chức và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xử lý kỷ luật phải do người có thẩm quyền tiến hành theo đúng thủ tục được quy định trong Nghị định này.

3. Việc xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và quá trình công tác của công chức.

4. Không xử lý kỷ luật đối với công chức có hành vi vi phạm kỷ luật khi mắc bệnh tâm thần hoặc bị bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hành vi của mình hoặc phải thi hành quyết định của cấp trên quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 4. Công chức làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp công chức gây thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng thì không phải bồi thường.

Điều 5.

1. Khi xử lý kỷ luật công chức nhất thiết phải thành lập Hội đồng kỷ luật.

2. Khi họp Hội đồng kỷ luật phải có mặt của đương sự. Trường hợp đương sự vắng mặt phải có lý do chính đáng. Nếu đương sự vắng mặt 2 lần khi đã được triệu tập thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

3. Thời hiệu để xử lý vi phạm kỷ luật tối đa là 3 tháng kể từ ngày phát hiện vi phạm; trường hợp việc vi phạm có những tình tiết phức tạp cần có thời gian để điều tra, xác minh thì có thể kéo dài nhưng thời hiệu không quá 6 tháng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này).

Điều 6.

1. Công chức bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì việc nâng bậc lương và bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn thực hiện theo quy định tại Điều 43 Pháp lệnh cán bộ, công chức.

2. Kể từ ngày có quyết định kỷ luật sau 12 tháng nếu công chức không tái phạm và không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hiệu lực kỷ luật.

3. Việc bố trí lại chức vụ, xếp lại ngạch, bậc lương (đối với những trường hợp cách chức, hạ ngạch, hạ bậc) do cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 7.

1. Công chức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự mà đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh cán bộ, công chức thì chậm nhất là 30 ngày, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công chức làm việc có trách nhiệm tổ chức công bố kết luận trên.

2. Công chức được phục hồi về danh dự và bố trí công tác phù hợp, được hưởng mức lương tương ứng với mức lương trước khi bị xử lý, được tính thời gian để nâng bậc lương và đền bù thiệt hại theo quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 3 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tố tụng gây ra.

Điều 8.

1. Công chức bị thi hành kỷ luật, nếu xét thấy chưa thoả đáng thì có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Các cơ quan, tổ chức khi nhận được khiếu nại của công chức phải có trách nhiệm xem xét và trả lời đương sự trong thời gian quy định của pháp luật.

3. Công chức giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống bị buộc thôi việc, sau khi khiếu nại mà vẫn bị buộc thôi việc thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 9. Việc xử lý kỷ luật được tiến hành theo những nguyên tắc sau đây:

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm kỷ luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật.

Khi cùng một lúc, công chức có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và chịu hình thức kỷ luật cao hơn một mức so với hình thức kỷ luật tương ứng với hành vi vi phạm nặng nhất.

Quy định này được áp dụng đối với trường hợp công chức có nhiều hành vi vi phạm và mỗi hành vi bị xử lý theo cùng một hình thức kỷ luật.

2. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của công chức khi xử lý vi phạm kỷ luật.

3. Cấm áp dụng biện pháp phạt tiền, cúp lương thay cho hình thức kỷ luật.

4. Chưa xử lý kỷ luật đối với công chức trong các trường hợp sau đây:

a) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ phép được thủ trưởng cơ quan cho phép;

b) Đang điều trị tại các bệnh viện theo quy định của thầy thuốc;

c) Đang bị tạm giam, đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác như đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính;

d) Phụ nữ đang trong thời gian nghỉ thai sản.

5. Không áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức khi đang có thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Điều 10. Không điều động, không giải quyết nghỉ hưu, thôi việc đối với công chức đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị xem xét kỷ luật và bị tạm đình chỉ công tác theo quy định tại Điều 41 Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Công chức trong thời gian tạm đình chỉ công tác được tạm ứng 50% tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có). Sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét nếu công chức không bị xử lý kỷ luật thì được truy lĩnh phần tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) còn lại trong thời gian tạm đình chỉ công tác.

Điều 11. Công chức vi phạm kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách;
2. Cảnh cáo;
3. Hạ bậc lương;
4. Hạ ngạch;
5. Cách chức;
6. Buộc thôi việc.

Điều 12.

1. Hình thức khiển trách áp dụng đối với công chức khi có hành vi vi phạm lần đầu, nhưng ở mức độ nhẹ.

2. Hình thức cảnh cáo áp dụng đối với công chức đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng khuyết điểm có tính chất thường xuyên hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng có tính chất tương đối nghiêm trọng.

3. Hình thức hạ bậc lương áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

4. Hình thức hạ ngạch áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm nghiêm trọng mà xét thấy không đủ phẩm chất, đạo đức và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của ngạch đang đảm nhiệm.

5. Hình thức cách chức áp dụng đối với công chức có chức vụ mà hành vi vi phạm nghiêm trọng xét thấy không thể tiếp tục đảm nhiệm được chức vụ được giao.

6. Hình thức buộc thôi việc áp dụng đối với công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo.

7. Hội đồng kỷ luật có thể xem xét, kiến nghị buộc thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Đối với công chức phạm tội bị tòa án phạt tù nhưng được hưởng án treo, hoặc cải tạo không giam giữ, quản chế, cảnh cáo mà tội liên quan đến hoạt động công vụ thì có thể bị buộc thôi việc;

b) Công chức đã bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật hạ bậc, hạ ngạch, cách chức mà tái phạm thì có thể bị buộc thôi việc;

c) Công chức tuy có hành vi vi phạm lần đầu nhưng tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng thì có thể buộc thôi việc.

Điều 13. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể bị xử lý kỷ luật nếu để xảy ra những vi phạm kỷ luật thường xuyên hoặc nghiêm trọng trong hoạt động công vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 14. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền

quyết định hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức phải thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

Thành phần Hội đồng kỷ luật gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;
2. Đại diện Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp;
3. Đại diện công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị có người vi phạm kỷ luật (do tập thể công chức đơn vị cử ra).

Ngoài thành phần trên đây, Hội đồng kỷ luật mời đại diện Nữ công (nếu người phạm lỗi là nữ), đại diện tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu người phạm lỗi là thanh niên) đến dự họp. Các đại diện được mời có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật thì người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét, xử lý.

Điều 15. Hội đồng kỷ luật làm việc theo chế độ tập thể, khách quan, công khai, dân chủ, biểu quyết theo đa số bằng phiếu kín. Hội đồng kỷ luật chỉ họp khi có đầy đủ các thành viên Hội đồng.

Điều 16. Công chức khi vi phạm kỷ luật phải làm bản tự kiểm điểm. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm tổ chức để người vi phạm kiểm điểm trước cơ quan, tổ chức, đơn vị. Bản tự kiểm điểm, biên bản buổi họp kiểm điểm có kiến nghị hình thức kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp cho người đứng đầu cơ quan quản lý công chức để đưa ra Hội đồng kỷ luật xem xét.

Điều 17. Công chức vi phạm kỷ luật được Hội đồng kỷ luật gửi giấy triệu tập chậm nhất 7 ngày trước khi Hội đồng kỷ luật họp.

Điều 18. Bộ phận tổ chức, nhân sự của cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật để trình bày trước Hội đồng kỷ luật; đồng thời chịu trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật.

Điều 19. Tại cuộc họp Hội đồng kỷ luật:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự;
2. Đại diện bộ phận tổ chức, nhân sự trình bày hồ sơ và các tài liệu có liên quan;

3. Người phạm lỗi trình bày ý kiến; các thành viên Hội đồng và các đại diện tham gia họp phát biểu;

4. Trước khi Hội đồng hội ý riêng để biểu quyết hình thức kỷ luật, công chức vi phạm được phát biểu ý kiến về hình thức kỷ luật của mình;

5. Quyết nghị của Hội đồng được thông báo tại cuộc họp.

Điều 20. Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi có quyết nghị của Hội đồng kỷ luật, biên bản của Hội đồng và các hồ sơ, tài liệu có liên quan phải được gửi đến cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu của Hội đồng kỷ luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải ra quyết định kỷ luật.

Điều 21. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định thi hành kỷ luật phải được lưu trữ trong hồ sơ công chức.

Điều 22. Công chức lãnh đạo do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, phê chuẩn khi vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước tập thể lãnh đạo nơi công chức đó công tác; tập thể lãnh đạo ở đó góp ý phê bình và kiến nghị hình thức kỷ luật để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

Điều 23.

1. Việc xem xét, quyết định bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào lỗi, tính chất hành vi gây thiệt hại, mức độ thiệt hại tài sản thực tế và căn xét đến thực trạng hoàn cảnh gia đình, nhân thân của công chức gây thiệt hại.

2. Trường hợp gây thiệt hại dưới 5 triệu đồng về nguyên tắc phải bồi thường toàn bộ thiệt hại bằng cách trừ dần vào lương; nếu do vô ý thì phải bồi thường nhiều nhất là 3 tháng lương và được trừ dần vào lương hàng tháng nhưng không dưới 10% và không vượt quá 30% tổng thu nhập tiền lương và phụ cấp (nếu có).

Điều 24.

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thành lập Hội đồng để xem xét giải quyết việc bồi thường thiệt hại.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp làm Ủy viên;
c) Người phụ trách bộ phận tài chính - kế toán làm Ủy viên;
d) Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường làm Ủy viên;

đ) Một chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật làm Ủy viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét và kiến nghị với người đứng đầu cơ quan, tổ chức về mức và phương thức bồi thường thiệt hại.

Điều 25. Hội đồng họp xem xét giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo trình tự sau:

1. Chủ tịch Hội đồng công bố thành phần tham gia, cử thư ký;
2. Đại diện bộ phận tài chính - kế toán báo cáo chế độ và mức bồi thường thiệt hại;
3. Hội đồng nghe giải trình của người phải bồi thường và nghe ý kiến của các thành viên Hội đồng;
4. Hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín về mức bồi thường;
5. Kết quả được lập thành văn bản kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định theo thẩm quyền;
6. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 26. Công chức có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại cho người khác quy định tại khoản 5 Điều 39 Pháp lệnh cán bộ, công chức thì bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 3-5-1997 về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tổ tụng gây ra.

Điều 27. Công chức phải bồi thường thiệt hại, nếu tự xét thấy chưa thoả đáng thì có quyền khiếu nại về quyết định bồi thường thiệt hại đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.
2. Nghị định này thay thế những quy định về kỷ luật và trách nhiệm

vật chất đối với cán bộ, công chức tại các văn bản sau đây:

- Nghị định số 195/CP ngày 31-12-1964 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ kỷ luật lao động trong cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 49/CP ngày 9-4-1968 của Hội đồng Chính phủ ban hành Chế độ trách nhiệm vật chất của công nhân viên chức đối với tài sản của Nhà nước;

- Điều 25 Nghị định số 217/CP ngày 8-6-1979 của Hội đồng Chính phủ ban hành Bản quy định về chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công và chế độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công nhân viên và cơ quan nhà nước.

Điều 29.

1. Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2000/NĐ-CP
NGÀY 12-10-2000 CỦA CHÍNH PHỦ
Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998
của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992;
Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức ban hành ngày 26-02-1998;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức như sau:

- "6.2. Tuổi đời dự tuyển đối với nam và nữ phải từ đủ 18 tuổi đến 40 tuổi. Trường hợp người dự tuyển đã là sĩ quan trong lực lượng vũ trang hoặc là viên chức trong doanh nghiệp nhà nước, thì tuổi đời dự tuyển có thể cao hơn, nhưng không quá 45 tuổi".

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**QUY ĐỊNH SỐ 54/QĐ-TW NGÀY 12-5-1999
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng**

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.

- Học tập là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn.

Bản Quy chế này quy định chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên.

- Việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị được thực hiện gắn với việc tiêu chuẩn hoá đối với cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.

- Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

Thực hiện đúng quy định về phân công, phân cấp quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị trong hệ thống trường lớp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và hệ thống giáo dục quốc dân, tránh sự chồng chéo, lãng phí.

**II. VỀ CHẾ ĐỘ HỌC TẬP LÝ LUẬN,
CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG**

Điều 2.

Chương trình học tập bắt buộc của đảng viên bao gồm:

1. Đảng viên trong thời gian dự bị phải học xong chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới.

Đảng viên chính thức tùy theo yêu cầu trách nhiệm và trình độ lý luận chính trị đã được đào tạo để lựa chọn chương trình học tập phù hợp, cụ thể như sau:

- Đảng viên ở cơ sở học xong chương trình lý luận chính trị sơ cấp tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, và phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị. Đảng viên là cán bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước phải có trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức danh đã ban hành. Đối với cán bộ, công chức chưa phải là đảng viên, việc học tập lý luận chính trị thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh cán bộ, công chức. Đảng viên là người dân tộc thiểu số và đảng viên ở vùng sâu, vùng xa có trình độ văn hoá thấp, học chương trình lý luận chính trị sơ cấp được biên soạn riêng.

- Đảng viên trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản quy định này theo sự chỉ đạo của các đảng uỷ khối nơi sinh hoạt.

- Đảng viên trong các lực lượng vũ trang học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản quy định này, theo sự chỉ đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương.

- Đảng viên đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức tham gia học tập các nghị quyết của Đảng ở tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên cư trú được cấp uỷ định kỳ thông báo tình hình thời sự, chính sách trong nước và thế giới.

- Đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp hoặc đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng học các chương trình lý luận chuyên đề về kinh tế, văn hoá, xã hội... phù hợp với yêu cầu công tác.

- Đảng viên có trình độ lý luận cao cấp, đại học chính trị trở lên có kế hoạch tự học theo hướng dẫn của cơ quan phụ trách.

2. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, phải học xong chương trình trung học chính trị tại trường chính trị tỉnh, thành phố.

3. Đảng viên là bí thư chi bộ và đảng uỷ viên, chi uỷ viên cơ sở học chương trình lý luận chính trị, nghiệp vụ quy định cho cấp uỷ cơ sở tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

4. Đảng viên là công chức ngạch chuyên viên, là chuyên viên chính phải học xong chương trình trung cấp về lý luận chính trị, chuyên viên cao cấp phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp.

5. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, quận và cán bộ

lãnh đạo một số ban, ngành cấp tỉnh, một số doanh nghiệp... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

6. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành trung ương, uỷ viên thường vụ các đoàn thể trung ương, ban giám đốc các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn của Nhà nước... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Trung tâm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Tất cả đảng viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải học tập quán triệt các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương thông qua các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị do Bộ Chính trị quy định cụ thể cho từng năm.

8. Thống nhất tên gọi các cấp chương trình lý luận chính trị được sử dụng trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của Đảng là: sơ cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung học chính trị), cao cấp lý luận chính trị (hoặc cử nhân chính trị). Đối với các chương trình khác tương đương với 3 cấp chương trình này sẽ có hướng dẫn cụ thể.

Điều 3.

Cấp uỷ các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể về trình độ lý luận chính trị của đảng viên trong chi bộ, đảng bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nhằm thực hiện đúng quy chế học tập gắn với quy hoạch cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Cấp uỷ có kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích, giúp đỡ đảng viên tự học; tăng cường quản lý, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chế độ học tập, kết quả học tập qua thực tiễn công tác của cán bộ, đảng viên; tuyên dương, khen thưởng cán bộ, đảng viên có thành tích học tập trong dịp sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của đơn vị; tạo phong trào thi đua học tập lý luận chính trị trong chi bộ, đảng bộ, đưa việc học tập lý luận chính trị vào nề nếp thường xuyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan Đảng, Nhà nước có liên quan giúp Bộ Chính trị trong việc hướng dẫn, kiểm tra các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong Đảng.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức biên soạn, đổi mới nội dung, chương trình học tập cho các đối tượng được phân công đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức biên soạn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; có quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong hệ thống Đảng, tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các cấp.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thống nhất nội dung chương trình lý luận chính trị trong hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, Nhà nước, đoàn thể; hướng dẫn việc sử dụng hệ thống văn bằng, chứng chỉ, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hiện nay.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ soát xét lại hệ thống chế độ, chính sách hiện hành để bổ sung, sửa đổi những điểm không phù hợp; quan tâm đầu tư về mặt tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, có chế độ đãi ngộ khuyến khích, ưu tiên đối với đội ngũ giảng viên, kể cả giảng viên kiêm chức, báo cáo viên, học viên các trường, lớp lý luận chính trị.

Điều 5.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy định này và thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

Các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các Bộ, ngành, đoàn thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành Quy định này, tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí, chính sách, chế độ, cơ sở vật chất kỹ thuật và bố trí đủ cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt để công tác giáo dục lý luận chính trị đạt chất lượng cao và hiệu quả thiết thực.

QUY ĐỊNH SỐ 19/QĐ-TW
NGÀY 03-01-2002 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về những điều đảng viên không được làm

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;
- Để tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng và giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH

I. NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1. Nói hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; làm những việc mà pháp luật Nhà nước không cho phép công dân, cán bộ, công chức làm.
2. Cung cấp những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát tài liệu (bài viết, bài nói, tờ rơi, băng ghi hình, băng ghi âm, đưa lên Internet...) để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.
3. Tố cáo mang tính bịa đặt; viết đơn thư tố cáo nặc danh, mạo danh; viết, ký tên tập thể vào đơn thư tố cáo. Tổ chức, tham gia kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu kiện.
4. Tổ chức, tham gia các hoạt động bè phái, gây mất đoàn kết, chia rẽ, cục bộ.
5. Đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện, vô tổ chức

đối với người khác; đe dọa, trấn áp, trù dập người tố cáo, phê bình, góp ý trái với ý kiến mình.

6. Tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình khi chưa được cấp có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước cho phép.

7. Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ý ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử.

8. Quan liêu, thiếu trách nhiệm để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và các tiêu cực khác.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm sai quy định của Đảng và Nhà nước trong những việc như: quản lý nhà, đất, quỹ, thuế; cấp giấy phép xuất, nhập khẩu, giấy phép xây dựng; cấp, sử dụng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ; thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, giao nhận dự án; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và lao động...

10. Can thiệp, tác động đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đi học, cấp đất, cấp nhà sai quy định. Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác.

11. Vì lợi ích cục bộ hoặc vụ lợi cá nhân mà chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các quyết định, quy định trái với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

12. Nhận hoặc yêu cầu cấp dưới, các tổ chức hoặc cá nhân đóng góp tiền của để giao dịch, biếu xén, hối lộ, chi tiêu cho cá nhân hoặc tập thể của mình.

13. Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định của Nhà nước.

14. Dùng công quỹ xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị nội thất, phương tiện làm việc, đi lại, thông tin liên lạc vượt quá định mức và sử dụng không đúng chế độ quy định của Nhà nước.

15. Dùng công quỹ để tiếp khách, tặng quà trái quy định của Nhà nước; để xây dựng các công trình vui chơi, giải trí cho cá nhân và một số ít người.

16. Tự mình hoặc để người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập ở trong nước và ngoài nước bằng kinh phí của Nhà nước, tập thể hoặc

bằng nguồn tài trợ của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

17. Tổ chức, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược; uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách và các tệ nạn xã hội khác.

18. Mê tín, hoạt động mê tín (hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói; lập đền, miếu trái phép, tham gia tà đạo...).

19. Tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới; mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, chuyển công tác,... nhằm mục đích vụ lợi.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này và giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi tình hình thực hiện.

Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức thực hiện và trong các báo cáo định kỳ với cấp ủy cấp trên phải báo cáo tình hình thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

2. Đảng viên vi phạm quy định này là vi phạm kỷ luật Đảng. Nếu vi phạm đến mức phải xử lý thì thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý công minh, chính xác, kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Quy định này thay thế Quy định số 55/QĐ-TW, ngày 12-5-1999 của Bộ Chính trị khoá VIII về những điều đảng viên không được làm, có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng với tất cả đảng viên, được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN ĐIỂN

HƯỚNG DẪN SỐ 48/HD-KTTW
NGÀY 12-4-2002 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG
Thực hiện Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị
về những điều đảng viên không được làm

Ngày 03-01-2002, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 19/QĐ-TW về những điều đảng viên không được làm. Thực hiện điểm 1, mục II Quy định này, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện, như sau:

I. NỘI DUNG CỤ THỂ NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1. Đảng viên không được "Nói hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; làm những việc mà pháp luật Nhà nước không cho phép công dân, cán bộ, công chức làm"

- Đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quan điểm có tính nguyên tắc sau đây:

+ Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

+ Nhà nước Việt Nam là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Qua thảo luận dân chủ trong sinh hoạt nội bộ Đảng, đảng viên được bảo lưu, báo cáo, kiến nghị với tổ chức, cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời về những ý kiến chưa thống nhất nhưng phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, quyết định, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Nói hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quan điểm có tính nguyên tắc nêu trên.

+ Vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

+ Làm những việc mà pháp luật Nhà nước không cho phép công dân, cán bộ, công chức làm.

2. Đảng viên không được "Cung cấp những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát tài liệu (bài viết, bài nói, tờ rơi, băng ghi hình, băng ghi âm, đưa lên Internet...) để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng"

- Đảng viên có quyền phát biểu trong tổ chức thông qua sinh hoạt nội bộ Đảng hoặc hội thảo do cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước tổ chức về những tư tưởng, quan điểm, ý kiến chưa thống nhất, nhưng phải tuyên truyền, vận động, nói và làm đúng nghị quyết, chỉ thị của Đảng, quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm, trả lời phỏng vấn, viết bài cho báo chí trong nước, ngoài nước có nội dung trái với quan điểm, đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Cung cấp những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước ngoài phạm vi (nội dung, đối tượng) cho phép, những việc chưa được phép công bố dưới bất cứ hình thức nào.

+ Viết, in, sao, tàng trữ, sử dụng, tuyên truyền, tán phát tài liệu: bài

viết, bài nói, tờ rơi, truyền đơn, áp phích, băng ghi hình, băng ghi âm, đưa lên Internet... có nội dung trái với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước dưới bất cứ hình thức nào.

+ Có hành động khuyến khích, lôi kéo, xúi giục, kích động, ép buộc tổ chức, cá nhân làm những việc trên.

3. Đảng viên không được "Tố cáo mang tính bịa đặt; viết đơn thư tố cáo nặc danh, mạo danh; viết, ký tên tập thể vào đơn thư tố cáo. Tổ chức, tham gia kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu kiện"

- Đảng viên có quyền phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong tổ chức; báo cáo, kiến nghị với tổ chức, cá nhân có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

Để nâng cao trách nhiệm trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, tránh tình trạng a dua, cả nể làm theo người có dụng ý xấu trong việc tố cáo, dẫn đến hoạt động bè phái, vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng, khi tố cáo, đảng viên phải thực hiện đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước, tự mình viết đơn thư, trình bày trung thực sự việc, ghi rõ họ tên, địa chỉ, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và những bằng chứng đưa ra. Nếu trực tiếp tố cáo thì được ghi thành văn bản, ký tên vào văn bản đó và phải chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo. Sau khi tố cáo hoặc qua làm việc với tổ chức đảng có thẩm quyền, người tố cáo nhận thấy nội dung tố cáo của mình không đúng, xin rút thì không thuộc diện tố cáo có dụng ý xấu.

- Tổ chức đảng có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ người tố cáo đúng sự thật, có ý thức xây dựng; xử lý nghiêm minh những trường hợp trả thù, trù dập người tố cáo, tố cáo không đúng sự thật nhưng không chấp hành kết luận giải quyết tố cáo của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Tố cáo mang tính bịa đặt, xuyên tạc sự thật hoặc với dụng ý xấu.

+ Viết đơn thư tố cáo nặc danh (không ghi tên), mạo danh (ghi tên người khác) hoặc cung cấp thông tin, tài liệu để người khác lợi dụng vào việc khiếu kiện.

+ Gửi hoặc để lộ nội dung tố cáo, tên người bị tố cáo, nội dung thông báo giải quyết tố cáo của tổ chức đảng có thẩm quyền cho tổ chức, cá nhân, không có trách nhiệm giải quyết hoặc không phải là đối tượng được thông

báo kết quả giải quyết tố cáo.

+ Tham gia hoặc vận động người khác viết, ký tên tập thể (từ 2 người trở lên) vào đơn thư tố cáo, khiếu kiện.

+ Đề xuất, chủ trì hoặc tham gia vạch kế hoạch, tập hợp, phân công lực lượng; kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép tổ chức, cá nhân khiếu kiện dưới bất cứ hình thức nào.

4. Đảng viên không được "Tổ chức, tham gia các hoạt động bè phái, gây mất đoàn kết, chia rẽ, cục bộ"

- Đảng viên có trách nhiệm giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, góp phần nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng. Khi phát hiện có biểu hiện hoặc hành vi hoạt động bè phái, gây mất đoàn kết, chia rẽ, cục bộ phải đấu tranh, phê bình và báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Chủ trì tổ chức, vận động, lôi kéo, tập hợp đảng viên, quần chúng mang tính chất phe cánh, họ tộc, địa phương nhằm tranh giành lợi ích kinh tế, chính trị, vị trí công tác, chức vụ trong bầu cử, bổ nhiệm, sắp xếp, bố trí cán bộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể,...

+ Trực tiếp tham gia các hoạt động bè phái, gây mất đoàn kết, chia rẽ, cục bộ.

5. Đảng viên không được "Đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện, vô tổ chức đối với người khác; đe dọa, trấn áp, trù dập người tố cáo, phê bình, góp ý trái với ý kiến mình"

- Đảng viên phải thường xuyên tự phê bình và phê bình. Khi phê bình phải có ý thức xây dựng, trung thực, khách quan, không thành kiến. Khi được phê bình phải bình tĩnh, nghiêm túc lắng nghe đầy đủ ý kiến đóng góp về ưu điểm, khuyết điểm, kể cả ý kiến trái với ý kiến mình; tiếp thu ý kiến đúng, trình bày nghiêm túc, đầy đủ, rõ ràng về ý kiến mà mình cho là chưa đúng hoặc sai, không được chủ quan, bảo thủ, che giấu khuyết điểm của bản thân.

- Tổ chức đảng, đảng viên khi nhận xét, đánh giá cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách phải thực hiện đúng quy định của Đảng.

- Đảng viên không được:

+ Lợi dụng dân chủ, tự phê bình và phê bình, tự do ngôn luận, báo chí,

diễn đàn, câu lạc bộ,... để nhận xét, bình phẩm, đánh giá tùy tiện, vô tổ chức, đả kích, vu cáo, xúc phạm đối với người khác.

+ Đe dọa, trấn áp, trù dập, trả thù người tố cáo, phê bình, góp ý trái với ý kiến mình.

+ Cản trở, dìm bỏ, từ chối xem xét, giải quyết hoặc giải quyết trái quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với đơn thư tố cáo thuộc trách nhiệm giải quyết của mình.

6. Đảng viên không được "Tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình khi chưa được cấp có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước cho phép"

- Đảng viên được tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình theo quy định của pháp luật và khi cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước cho phép. Khi thấy có biểu hiện tổ chức mít tinh, biểu tình trái quy định của pháp luật thì phải đấu tranh và báo cáo kịp thời với tổ chức đảng và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khi chưa được cấp có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước cho phép, đảng viên không được:

+ Khởi xướng mục đích, nội dung, hình thức; chủ trì, chuẩn bị kế hoạch, phân công tuyên truyền, vận động, tập hợp lực lượng,... và tổ chức mít tinh, biểu tình.

+ Tham gia bàn bạc, chuẩn bị kế hoạch, tuyên truyền, vận động và có những việc làm khác phục vụ cho việc mít tinh, biểu tình.

+ Tham gia mít tinh, biểu tình.

+ Tổ chức hoặc tham gia mít tinh, biểu tình không đúng với nội dung, hình thức, địa điểm đã được phép.

- Không được kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép tổ chức, cá nhân tham gia mít tinh, biểu tình trái quy định của pháp luật.

7. Đảng viên không được "Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ý ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử"

- Đảng viên được trình bày ý kiến khi các cơ quan lãnh đạo của Đảng nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác đối với mình nhưng phải phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Việc bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng. Đảng viên có quyền ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

- Đảng hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng và trong khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc đảng viên tham gia ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phải do tổ chức đảng có thẩm quyền lựa chọn, phân công, giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử, thể hiện sự tôn trọng của Đảng đối với pháp luật, trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân, tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Cấp uỷ các cấp phải lãnh đạo các tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi lãnh đạo của mình thực hiện quy trình lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử đúng quy định của pháp luật, điều lệ của tổ chức đó. Tổ chức đảng có thẩm quyền thực hiện đúng quy định trong việc lựa chọn, phân công và giới thiệu đảng viên ra ứng cử vào các chức danh của tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử, bảo đảm dân chủ, trách nhiệm tập thể của tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu để đảng viên được ứng cử, đề cử.

Đảng viên được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu ứng cử phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Đảng và quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nếu đảng viên được các tổ chức hoặc cá nhân khác đề cử thì phải báo cáo với tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt hoặc đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trường hợp không có điều kiện báo cáo thì chủ động xin rút. Nếu đảng viên được đề cử vắng mặt thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định để hoặc đề nghị đưa ra khỏi danh sách bầu cử.

- Đảng viên không được:

+ Từ chối, trốn tránh nhiệm vụ, đặt điều kiện với tổ chức đảng có thẩm quyền khi được phân công, điều động công tác.

+ Tự ý ứng cử hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử.

+ Lợi dụng vị trí công tác của mình để làm trái quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền về việc lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử.

8. Đảng viên không được "Quan liêu, thiếu trách nhiệm để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và các tiêu cực khác"

- Đảng viên là cấp uỷ viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương phải thường xuyên sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình; chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trong việc giải quyết các tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách.

- Đảng viên không phải là cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm nắm tình hình ở nơi mình hoạt động, kịp thời phát hiện, đấu tranh với những biểu hiện vi phạm và báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Quan liêu, thiếu trách nhiệm, xa rời nhân dân, xa rời thực tế, buông lỏng công tác lãnh đạo, quản lý để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và các tiêu cực khác.

+ Nể nang, né tránh, thủ tiêu đấu tranh hoặc bao che, dung túng hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, gây mất đoàn kết và các tiêu cực khác.

+ Trốn tránh, đùn đẩy, thoái thác trách nhiệm trong việc giải quyết, khắc phục hậu quả tiêu cực nơi mình trực tiếp phụ trách.

9. Đảng viên không được "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm sai quy định của Đảng và Nhà nước trong những việc như: quản lý nhà, đất, quỹ, thuế; cấp giấy phép xuất, nhập khẩu, giấy phép xây dựng; cấp, sử dụng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ; thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, giao, nhận dự án; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và lao động..."

- Người có chức vụ, quyền hạn là người do bầu cử, bổ nhiệm, hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong thực hiện công vụ.

- Đảng viên không được:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, của người khác để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân hoặc làm sai quy định của Đảng và Nhà nước nhằm trục lợi cho mình, cho người khác hoặc gây thất thoát, lãng phí trong những việc sau:

Quản lý nhà, đất, quỹ, thuế: cấp hoặc thu hồi nhà, đất, xét duyệt đền bù giải phóng mặt bằng; cấp và sử dụng các loại vốn; thu thuế, xét miễn, giảm hoặc hoàn thuế; thu phí, lệ phí.

Cấp giấy phép xuất nhập khẩu, giấy phép xây dựng và các loại giấy phép khác.

Cấp, sử dụng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ.

Thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, giao, nhận, quyết toán dự án.

Tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ, công chức và lao động (trong và ngoài nước); quyết định cử cán bộ, công chức đi học.

+ Bao che, dung túng cho tổ chức, cá nhân do mình trực tiếp phụ trách làm sai quy định của Đảng và Nhà nước.

+ Tự mình hoặc để tổ chức, cá nhân do mình trực tiếp phụ trách đặt ra các thủ tục, quy định trái quy định của Đảng, Nhà nước.

10. Đảng viên không được "Can thiệp, tác động đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đi học, cấp đất, cấp nhà sai quy định. Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác"

- Việc bổ nhiệm, đi học, cấp đất, cấp nhà phải thực hiện đúng quy định, chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Việc quyết định tội danh hoặc mức án, hình thức kỷ luật phải thực hiện đúng quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Đảng viên không được:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình; lợi dụng ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn; lợi dụng người có chức vụ, quyền hạn; quan hệ tình cảm hoặc dùng vật chất can thiệp, tác động đến cá nhân, tổ chức có trách nhiệm giải quyết để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đi học, cấp đất, cấp nhà sai quy định về đối tượng, chế độ, tiêu chuẩn.

+ Gây áp lực, ép buộc, đe dọa, khống chế hoặc mua chuộc, can thiệp, lôi kéo tổ chức, cá nhân để bao che, dung túng hoặc giảm tội cho người khác.

11. Đảng viên không được "Vi lợi ích cục bộ hoặc vụ lợi cá nhân mà chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các quyết định, quy định trái với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước"

- Tổ chức, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh, có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nếu phát hiện những vấn đề chưa phù hợp, cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo, kiến nghị đề cấp có thẩm quyền kịp thời xem xét, giải quyết. Trường hợp có quyết định chưa được Đảng, Nhà nước và cấp trên quy định thì phải báo cáo, xin ý kiến và chỉ thực hiện khi cấp trên cho phép.

- Đảng viên không được chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành hoặc tổ chức thực hiện các quyết định, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trái với quan điểm, đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp trên, xâm hại đến lợi ích quốc gia hoặc quyền, lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân.

12. Đảng viên không được "Nhận hoặc yêu cầu cấp dưới, các tổ chức hoặc cá nhân đóng góp tiền của để giao dịch, biếu xén, hối lộ, chi tiêu cho cá nhân hoặc tập thể của mình"

Đảng viên không được:

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác của mình hay của người khác, lấy danh nghĩa cá nhân hay tập thể yêu cầu tổ chức, cá nhân khác đóng góp tiền, của để giao dịch, biếu xén, hối lộ, chi tiêu cho cá nhân hoặc tập thể của mình dưới bất cứ hình thức nào.

- Nhận hối lộ.

- Bao che, dung túng cho tổ chức, cá nhân do mình trực tiếp phụ trách yêu cầu tổ chức, cá nhân khác đóng góp tiền, của để giao dịch, biếu xén, hối lộ, chi tiêu cho cá nhân hoặc tập thể của mình.

13. Đảng viên không được "Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định của Nhà nước"

- Đảng viên được giao nhiệm vụ hoạt động môi giới thì được đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng theo quy định của pháp luật.

Đảng viên là người đề nghị hoặc quyết định chi hoa hồng giao dịch, môi

giới phải chịu trách nhiệm về đề nghị hoặc quyết định của mình.

- Đảng viên không được:

+ Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định của Nhà nước nhằm trục lợi cho cá nhân, tập thể của mình hoặc cho người khác dưới bất cứ hình thức nào.

+ Đề nghị hoặc quyết định chi hoa hồng giao dịch, môi giới trái quy định của Nhà nước.

14. Đảng viên không được "Dùng công quỹ xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị nội thất, phương tiện làm việc, đi lại, thông tin liên lạc vượt quá định mức và sử dụng không đúng chế độ quy định của Nhà nước"

- Việc dùng công quỹ để xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị nội thất, phương tiện làm việc, đi lại, thông tin và sử dụng phải theo đúng chế độ quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, thủ tục, đối tượng và đã có trong kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảng viên không được quyết định dùng công quỹ (kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, vốn tự có, quỹ phúc lợi, vốn vay,...) để:

+ Xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công trình ngoài kế hoạch, không đầy đủ thủ tục, điều kiện, định mức, tiêu chuẩn theo chế độ quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Xây dựng công trình vượt quá định mức, tiêu chuẩn hoặc sử dụng không đúng chế độ quy định của Nhà nước.

+ Mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị khi chưa có kế hoạch và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Sử dụng trang thiết bị nội thất, phương tiện làm việc, đi lại, thông tin liên lạc vượt quá tiêu chuẩn, định mức hoặc không đúng đối tượng theo chế độ quy định của Nhà nước và cấp quản lý.

15. Đảng viên không được "Dùng công quỹ để tiếp khách, tặng quà trái quy định của Nhà nước; để xây dựng các công trình vui chơi, giải trí cho cá nhân và một số ít người"

- Việc dùng công quỹ để tiếp khách, thưởng, biếu, tặng, cho phải thực hiện đúng chế độ quy định của Nhà nước.

- Đảng viên quyết định dùng công quỹ để tiếp khách, thưởng, biếu, tặng, cho sai chế độ phải bồi hoàn theo quy định của Nhà nước.

Đảng viên được thưởng, biếu, tặng, cho không đúng chế độ, tiêu chuẩn mà không thể từ chối thì phải báo cáo và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được:

+ Dùng công quỹ để tiếp khách, thưởng, biếu, tặng cho trái quy định của Nhà nước, gây lãng phí hoặc nhằm vụ lợi.

+ Nhận thưởng, biếu, tặng, cho sai chế độ quy định của Nhà nước.

+ Dùng công quỹ để xây dựng các công trình vui chơi, giải trí (sân tennis, bể bơi) cho cá nhân hoặc một số ít người.

16. Đảng viên không được "Tự mình hoặc để người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập ở trong nước và ngoài nước bằng kinh phí của Nhà nước, tập thể hoặc bằng nguồn tài trợ của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền"

- Việc đi tham quan, học tập ở trong nước và ngoài nước bằng kinh phí của Nhà nước, tập thể phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn, chế độ và được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Khi được tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài mời hoặc tài trợ cho bản thân hoặc người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập ở ngoài nước thì phải báo cáo với tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Đảng viên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình hoặc của người khác (là cán bộ lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng, nhà nước, kinh tế, chính trị, xã hội,... người có quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết về tài chính, tài sản, cấp giấy phép, xét duyệt dự án, về công tác cán bộ,...) để bản thân hoặc người trong gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) đi du lịch, tham quan, học tập ở trong nước và ngoài nước bằng kinh phí của Nhà nước, của tập thể trái quy định của Nhà nước hoặc bằng nguồn tài trợ của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

17. Đảng viên không được "Tổ chức, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược; uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách và các tệ nạn xã hội khác"

- Đảng viên có trách nhiệm vận động, giáo dục gia đình, nhân dân không vi phạm và đấu tranh, phê bình những biểu hiện vi phạm nội dung nêu trên.

- Đảng viên không được:

+ Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc, số đề, cá cược dưới bất cứ hình thức nào.

+ Uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách (gây mất trật tự công cộng, phát ngôn bừa bãi hoặc có hành vi thiếu văn hoá khác).

+ Mua, bán, in, sao, tàng trữ, tán phát, sử dụng ấn phẩm, băng, đĩa, phim, ảnh... lậu hoặc có nội dung đồi trụy, không lành mạnh.

+ Tự mình hay để gia đình hoặc tổ chức do mình trực tiếp quản lý tổ chức hoặc tham gia các dịch vụ có chứa chấp các tệ nạn xã hội như bia ôm, karaokê ôm...

+ Mát xa ở nhà hàng.

18. Đảng viên không được "Mê tín, hoạt động mê tín (hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói; lập đền, miếu trái phép, tham gia tà đạo...)"

- Đảng viên có trách nhiệm vận động, giáo dục gia đình, nhân dân không vi phạm và đấu tranh, phê bình những biểu hiện vi phạm nội dung nêu trên.

- Đảng viên không được:

+ Hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói; tham gia tà đạo.

+ Lợi dụng tín ngưỡng để tung tin thất thiệt, làm tổn hại đến tinh thần, vật chất, tính mạng của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

+ Chủ trì, tham gia hoặc vận động cá nhân, tổ chức xây dựng đền, chùa, nhà thờ, miếu thờ, điện thờ... khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Mua, bán, in, sao, tàng trữ, tán phát và sử dụng ấn phẩm, băng, đĩa, phim, ảnh... có nội dung mê tín.

19. Đảng viên không được "Tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới; mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, chuyển công tác... nhằm mục đích vụ lợi"

- Đảng viên phải gương mẫu chấp hành và vận động, giáo dục gia đình, nhân dân chấp hành những quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, làng, bản văn hoá ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Đảng viên không được tổ chức việc cưới, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, chuyển công tác... cho

bản thân và gia đình nhằm mục đích vụ lợi, gây dư luận xấu.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1. Cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt Quy định của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương về những điều đảng viên không được làm để thống nhất nhận thức và tổ chức thực hiện. Thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh và trong báo cáo định kỳ với cấp uỷ cấp trên phải có nội dung về tình hình thực hiện Quy định này.

2. Mỗi đảng viên vừa là công dân, vừa là thành viên của Đảng có trách nhiệm tham gia lãnh đạo xã hội. Các tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện, đấu tranh, phê bình với những biểu hiện sai trái, vi phạm và báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền; căn cứ nội dung của Quy định để kiểm điểm trong sinh hoạt thường kỳ của chi bộ, cấp uỷ nhằm tăng cường trách nhiệm trong việc giáo dục, quản lý đảng viên, chủ động ngăn chặn, phòng ngừa mọi biểu hiện vi phạm, góp phần xây dựng đội ngũ đảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch, lành mạnh.

3. Đảng viên vi phạm bất kỳ nội dung nào trong những điều của Quy định là vi phạm kỷ luật Đảng, phải được kiểm tra, kết luận rõ ràng. Vi phạm tới mức phải thi hành kỷ luật thì phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tới mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan pháp luật điều tra, xem xét, xử lý; gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo để Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Chủ nhiệm
LÊ HỒNG ANH

QUYẾT ĐỊNH SỐ 92/QĐ-TW NGÀY 20 - 2 - 2004 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về việc bổ sung, sửa đổi Điều 7 trong
Quy định số 19/QĐ-TW, ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị
về những điều đảng viên không được làm

Để phục vụ cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, Bộ Chính trị quyết định bổ sung, sửa đổi Điều 7 của Quy định số 19/QĐ-TW, ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm như sau:

Điều 7 cũ trong Quy định ghi: "Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ý ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử".

Nay sửa lại là: "Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ứng cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử".

Những đảng viên không tham gia cấp uỷ cùng cấp với các tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thì có thể đề cử giới thiệu thêm người ra ứng cử (ngoài danh sách cấp uỷ cùng cấp đã giới thiệu) để bầu vào các chức danh của các tổ chức này".

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN ĐIỂN

**HƯỚNG DẪN SỐ 200/HD-KTTW NGÀY 22-3-2004
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**Thực hiện Điều 7 (Đã được Bộ Chính trị quyết định bổ sung, sửa đổi)
trong Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị
về những điều đảng viên không được làm**

Ngày 03-01-2002, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 19/QĐ-TW về những điều đảng viên không được làm, trong đó Điều 7 quy định như sau: Đảng viên không được "không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ý ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử".

Ngày 20-02-2004, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 92/QĐ-TW về việc bổ sung, sửa đổi Điều 7 trong Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, như sau: Đảng viên không được "không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ứng cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp uỷ giới thiệu người ra ứng cử.

Những đảng viên không tham gia cấp uỷ cùng cấp với các tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thì có thể đề cử giới thiệu thêm người ra ứng cử (ngoài danh sách cấp uỷ cùng cấp đã giới thiệu) để bầu vào các chức danh của các tổ chức này".

Thực hiện quyết định trên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện như sau:

Đảng viên được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu ứng cử phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Đảng và quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nếu đảng viên được Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân tín nhiệm giới thiệu để bầu vào cơ quan lãnh đạo các tổ chức nhà nước, tổ

chức chính trị - xã hội hoặc được thành viên của các tổ chức đó giới thiệu để bầu vào các chức danh lãnh đạo chủ chốt thì có quyền nhận hoặc không nhận sự tín nhiệm giới thiệu đó.

Đảng viên không tham gia cấp uỷ cùng cấp với các tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp đó được quyền đề cử giới thiệu thêm người ra ứng cử (ngoài danh sách cấp uỷ cùng cấp giới thiệu) để bầu vào các chức danh của các tổ chức này. Việc đề cử phải theo quy định của pháp luật, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

Ví dụ: Đồng chí A là uỷ viên ban chấp hành đảng bộ huyện T, không có trong danh sách huyện uỷ giới thiệu, nếu được Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân giới thiệu để bầu vào Hội đồng nhân dân huyện hoặc được đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giới thiệu để bầu vào các chức danh trong Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện thì có quyền nhận hoặc không nhận sự tín nhiệm giới thiệu đó.

Đồng chí B là uỷ viên ban chấp hành đảng bộ huyện T, không được giới thiệu người ngoài danh sách mà huyện uỷ đã giới thiệu tham gia ứng cử vào Hội đồng nhân dân huyện hoặc vào các chức danh trong Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Phó Chủ nhiệm

NGUYỄN THỊ DOAN

CHỈ THỊ SỐ 30/CT-TW
NGÀY 18-02-1998 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

1. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, phát huy một bước quyền làm chủ của nhân dân, nhờ đó đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, nhìn chung, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa đẩy lùi, ngăn chặn được. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa được cụ thể hoá và thể chế hoá thành luật pháp, chậm đi vào cuộc sống.

Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 6-1997) đã nhấn mạnh, lúc này để giữ vững và phát huy được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, phải phát huy quyền làm chủ của dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng.

Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

Muốn vậy, Nhà nước cần ban hành *Quy chế dân chủ ở cơ sở* có tính pháp lý, yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện. Quy chế dân chủ cần được xây dựng cho từng loại cơ sở xã, phường,

doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, cơ quan hành chính, v.v., phù hợp với đặc điểm của từng loại cơ sở.

2. Việc xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở cần quán triệt *những quan điểm chỉ đạo sau:*

+ Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Coi trọng cả ba mặt nói trên, không vì nhấn một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp các mặt khác.

+ Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cấp cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

+ Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.

+ Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật.

+ Gắn quá trình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

3. Nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở cần chú trọng làm rõ những vấn đề sau:

+ Quy định quyền của mọi người dân ở cơ sở được thông tin về pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hàng ngày của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về việc sử dụng công quỹ, tài sản công, về thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của dân, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí...

+ Có quy chế và các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị; kết

quả ý kiến đóng góp phải được xem xét, cân nhắc khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định.

+ Có quy định về việc để nhân dân bàn và quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trên địa bàn (như chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi, các khoản đóng góp và lập các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật...); chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân.

+ Hoàn thiện cơ chế để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở trực tiếp và thông qua Mặt trận, các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc.

+ Mở rộng các hình thức tổ chức tự quản để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật những công việc mang tính xã hội hoá, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị (như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, xây dựng tổ hoà giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh - môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo, v.v.).

+ Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân, công nhân, công chức ở cơ sở, chính quyền, cơ quan, đơn vị mình, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo.

+ Xác định trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình; nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp đó.

4. Về phương châm, phương pháp thực hiện, cần chú ý:

Tổ chức Đảng và đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức Đảng phải làm cho đảng viên thông suốt; đảng viên, nhất là các đảng viên có chức vụ trong chính quyền phải gương mẫu tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ và trong nhân dân.

+ Phải làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ô ạt. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai mở rộng.

+ Qua tự phê bình trong nội bộ và qua phê bình nhận xét của nhân dân, biểu dương những cán bộ, đảng viên tốt, gương mẫu và xử trí những cán bộ, đảng viên có sai phạm. Việc xử trí cán bộ, đảng viên sai phạm phải nghiêm minh, có lý có tình, lấy giáo dục làm chính. Những người đã sai phạm nếu thành khẩn kiểm điểm và tích cực sửa chữa thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật; nếu ngoan cố hoặc tái phạm thì phải xử trí nghiêm khắc hơn.

5. Để tổ chức thực hiện Chỉ thị này, cần làm những việc sau:

+ Ban cán sự đảng Chính phủ cùng Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các ban, ngành liên quan tập trung nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chế dân chủ, trước mắt cho ba loại cơ sở là xã (thị trấn, phường), doanh nghiệp nhà nước và cơ quan hành chính sự nghiệp. Dựa vào quy chế của ba loại cơ sở trên sẽ nghiên cứu vận dụng thích hợp để xây dựng và ban hành tiếp quy chế phát huy dân chủ cho tất cả các loại hình cơ sở khác.

+ Trước mắt có thể ban hành các quy chế nói trên dưới hình thức nghị định của Chính phủ, qua một thời gian thực hiện sẽ rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh các quy chế và xem xét việc nâng lên thành pháp lệnh hoặc luật.

+ Các Tỉnh uỷ, Thành uỷ tổ chức quán triệt Chỉ thị và các thiết chế dân chủ cơ sở do Nhà nước ban hành cho các đảng bộ cơ sở, có kế hoạch triển khai thực hiện và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện ở địa phương.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố có thể có thêm những quy định chi tiết sát với đặc điểm tình hình của các loại cơ sở trong địa phương và phù hợp với những quy định trong Quy chế dân chủ ở cơ sở do Nhà nước ban hành.

+ Các bộ, các chính quyền tỉnh, thành phố cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định hiện hành cho phù hợp với Quy chế dân chủ ở cơ sở như về: các thủ tục hành chính, quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, quy chế về trường thôn, quy chế tiếp dân, giải quyết đơn thư của dân, hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá v.v..

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân theo tinh thần của Chỉ thị.

+ Phải kiện toàn đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh để tự giác và nghiêm túc thực hiện Chỉ thị. Mặt khác, qua việc thực hiện dân chủ ở cơ sở mà sàng lọc, chỉnh đốn tổ chức đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh.

+ Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong hội viên, đoàn viên và nhân dân Chỉ thị này và các quy chế dân chủ ở cơ sở. Làm cho mọi người hiểu và sử dụng đúng các quyền của mình đã quy định trong quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời chấp hành đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Mặt trận và các đoàn thể phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện và giám sát thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện trên những lĩnh vực và ở những ngành được phân công theo dõi.

+ Các đồng chí Ủy viên Trung ương, các Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này trong phạm vi mình phụ trách và định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

Tổng Bí thư

LÊ KHẢ PHIÊU

NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/1998/NĐ-CP
NGÀY 11-5-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 26 tháng 2 năm 1998 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 2. Quy chế này áp dụng đối với cả phường và thị trấn. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc áp dụng Quy chế này đối với phường và thị trấn.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP
ngày 11-5-1998 của Chính phủ)*

LỜI NÓI ĐẦU

Dân chủ là bản chất của chế độ và Nhà nước ta. Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sức mạnh to lớn, góp phần quyết định vào sự thành công của cách mạng.

Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực đã được ghi trong Hiến pháp, Luật và các văn bản pháp luật của Nhà nước.

Quy chế này chỉ quy định những việc chính quyền địa phương phải thông tin và công khai để dân biết, những việc dân bàn và quyết định trực tiếp, những việc dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan nhà nước quyết định, những việc dân giám sát, kiểm tra và các hình thức thực hiện quy chế dân chủ.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã nhằm phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân ở xã, động viên sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của nông dân và nhân dân trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, tăng cường đoàn kết nông thôn, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể ở xã trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, tham nhũng, góp phần vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn liền với cơ chế

"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"; phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

Điều 3. Dân chủ trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; quyền đi đôi với nghĩa vụ; dân chủ đi đôi với trật tự, kỷ cương; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm Hiến pháp, pháp luật, xâm phạm quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC CẦN THÔNG BÁO ĐỂ NHÂN DÂN BIẾT

Điều 4. Chính quyền địa phương có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai để nhân dân biết những công việc chính sau:

1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương về thủ tục hành chính giải quyết các công việc liên quan đến dân.
3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm của xã.
4. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.
5. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, và quyết định của Ủy ban nhân dân xã và của cấp trên liên quan đến địa phương.
6. Dự toán và quyết toán ngân sách xã hàng năm.
7. Dự toán và quyết toán thu chi các quỹ, dự án, các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng của xã, thôn, làng, ấp, bản và kết quả thực hiện.
8. Các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã.
9. Chủ trương, kế hoạch vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo.
10. Điều chỉnh địa giới hành chính xã và các đơn vị hành chính liên quan đến xã.
11. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ xã, thôn, làng, ấp, bản.

12. Công tác văn hoá, xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội của xã.

13. Sơ kết, tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã.

14. Những việc khác mà chính quyền thấy cần thiết và nhân dân yêu cầu được thông báo.

Điều 5. Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở xã và trưởng thôn, làng, ấp, bản cung cấp các thông tin ghi ở Điều 4 để nhân dân biết thông qua các hình thức:

1. Bằng các văn bản.

2. Niêm yết công khai tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã và các trung tâm dân cư, văn hoá.

3. Hệ thống truyền thanh xã, thôn, làng, ấp, bản và các tổ chức văn hoá, thông tin, tuyên truyền cơ sở.

4. Các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

5. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã, các cuộc họp của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội, các cuộc họp của thôn, làng, ấp, bản.

6. Tại cuộc họp sơ kết 6 tháng, tổng kết cuối năm, kiểm điểm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, báo cáo kiểm điểm công tác và tự phê bình trước dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

CHƯƠNG III

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRỰC TIẾP

Điều 6. Nhân dân ở xã, thôn, làng, ấp, bản bàn và quyết định trực tiếp những công việc chủ yếu sau:

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (điện, đường, trường học, trạm xá, nghĩa trang, các công trình văn hoá, thể thao...).

2. Lập, thu, chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật.

3. Xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội.

4. Các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản phù hợp với pháp luật của Nhà nước.

5. Thành lập ban giám sát công trình xây dựng do dân đóng góp.

6. Tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh.

Điều 7. Ngoài những khoản đóng góp ghi ở Điều 6, những khoản dân ủng hộ với mục đích tương trợ, nhân đạo, từ thiện do chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội và các tổ chức xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, không được áp đặt, phân bổ, bình quân nhất loạt.

Điều 8. Phương thức thực hiện những việc nhân dân quyết định trực tiếp:

Cấp ủy đảng lãnh đạo, Ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án, chương trình, kế hoạch. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo, tổ chức nhân dân bàn, quyết định bằng một trong các hình thức:

1. Họp nhân dân ở từng thôn, làng, ấp, bản thảo luận và biểu quyết công khai hoặc phiếu kín, lập biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã.

2. Họp chủ hộ bàn, biểu quyết công khai hoặc phiếu kín, lập biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã.

Các cuộc họp nói trên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số người (hoặc hộ) trong diện họp tham dự.

3. Nếu không tổ chức họp được thì phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

Nếu đa số nhân dân hoặc chủ hộ đồng ý thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện có sự giám sát, kiểm tra của Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Ban giám sát công trình do dân cử. Nhân dân có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định được đa số đồng ý. Nếu xét thấy quyết định của đa số không phù hợp với luật pháp và các quy định của chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

CHƯƠNG IV

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN BÀN, THAM GIA Ý KIẾN, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 9. Những việc chủ yếu đưa ra nhân dân bàn hoặc tham gia ý kiến trước khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định (hoặc trình

cấp có thẩm quyền quyết định) gồm có:

1. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, hàng năm của xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và phương án phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai ở địa phương và việc quản lý sử dụng có hiệu quả quỹ đất công ích ở địa phương.

3. Dự thảo quy hoạch khu dân cư và đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới. Kế hoạch và dự án huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do xã quản lý.

4. Dự thảo đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính xã, đề án chia, tách, thành lập thôn, làng, ấp, bản.

5. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình quốc gia về y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường.

6. Chủ trương, phương án đền bù giải phóng mặt bằng.

7. Giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

8. Những việc khác Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thấy cần thiết.

Điều 10. Phương thức thực hiện những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định).

Căn cứ nghị quyết của cấp uỷ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã dự thảo các văn bản, kế hoạch, phương án và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, các đoàn thể nhân dân tổ chức lấy ý kiến công khai dưới các hình thức:

1. Phát phiếu thăm dò ý kiến từng hộ gia đình.

2. Họp nhân dân hoặc chủ hộ ở thôn, làng, ấp, bản thảo luận, lập biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã.

3. Họp các đoàn thể, các tổ chức kinh tế để thảo luận, ghi biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã.

4. Đặt hòm thư góp ý, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp ý kiến.

Kết quả hội nghị và thăm dò ý kiến của nhân dân phải được báo cáo đầy đủ, khách quan để Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp trình Hội đồng nhân dân xã quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xem xét.

CHƯƠNG V

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 11. Những việc nhân dân ở xã giám sát, kiểm tra gồm có:

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.
2. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân xã.
3. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, của cán bộ Ủy ban nhân dân và cán bộ, công chức nhà nước hoạt động tại địa phương.
4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.
5. Dự toán và quyết toán ngân sách xã.
6. Kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư tài trợ trực tiếp cho xã.
7. Quản lý và sử dụng đất đai.
8. Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân.
9. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã.
10. Việc thực hiện chế độ chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội.

Điều 12. Phương thức thực hiện những việc dân giám sát, kiểm tra:

1. Nhân dân giám sát hoạt động và tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân. Có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo các hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực của đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành viên Ủy ban nhân dân.
2. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã mời đại diện các tổ chức đoàn thể tham dự và mời đại diện nhân dân dự thính.
3. Thông qua các tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi.
4. Thông qua ban thanh tra nhân dân được thành lập và hoạt động theo pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm tổ chức việc tiếp dân, giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định của pháp luật.

6. Khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực, sử dụng sai mục đích, lãng phí trong việc thu, chi ngân sách, các khoản đóng góp, các loại quỹ và quản lý đất đai, nhân dân có quyền yêu cầu làm rõ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, người quản lý trực tiếp phải cung cấp và giải trình đầy đủ các việc nói trên mà không có bất cứ một hạn chế nào.

CHƯƠNG VI

XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN, LÀNG, ẤP, BẢN

Điều 13. Thôn, làng, ấp, bản không phải là một cấp chính quyền, nhưng là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư, là nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi nhằm giải quyết các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư, bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và thuần phong mỹ tục của cộng đồng nhằm thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 14. Hội nghị thôn, làng, ấp, bản được tổ chức sáu tháng một lần hoặc bất thường gồm toàn thể cử tri hoặc chủ hộ do trưởng thôn, làng, ấp, bản phối hợp với ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể triệu tập và chủ trì nhằm:

1. Thảo luận và quyết định các công việc của nội bộ cộng đồng dân cư về sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, những vấn đề về văn hoá, xã hội, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phù hợp pháp luật nhà nước.

2. Bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, các quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ cấp trên giao.

3. Thảo luận, góp ý kiến về báo cáo kết quả công tác và tự phê bình,

kiểm điểm của trưởng thôn, làng, ấp, bản, của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Bầu, cho thôi chức trưởng thôn, làng, ấp, bản; xây dựng hương ước, quy ước; cử các ban, nhóm tự quản, uỷ viên thanh tra nhân dân.

Nghị quyết của hội nghị có giá trị khi có ít nhất quá nửa số người dự họp tán thành và không trái với pháp luật.

Điều 15. Trưởng thôn, làng, ấp, bản là đại diện cho cộng đồng dân cư và Ủy ban nhân dân xã, chịu sự quản lý và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã. Trưởng thôn, làng, ấp, bản do nhân dân bầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã công nhận.

Trưởng thôn, làng, ấp, bản có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ và quyền công dân, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quyết định của Ủy ban nhân dân và các công việc được Ủy ban nhân dân xã uỷ nhiệm.

2. Phối hợp với ban công tác Mặt trận ở thôn, làng, ấp, bản chủ trì cuộc họp của thôn, làng, ấp, bản; tổ chức thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

3. Phối hợp với các tổ chức kinh tế, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội hướng dẫn nhân dân phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thôn, làng, ấp, bản.

4. Phối hợp với ban công tác Mặt trận ở thôn, làng, ấp, bản hướng dẫn hoạt động của các ban hoà giải, ban an ninh, bảo vệ sản xuất, ban kiến thiết.

5. Phát hiện và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân xã những hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích và quyền tự do dân chủ của công dân.

6. Định kỳ sáu tháng báo cáo công tác và tự phê bình, kiểm điểm trước hội nghị thôn, làng, ấp, bản.

7. Được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng, được hưởng phụ cấp theo quy định của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ và phụ cấp của trưởng thôn, làng, ấp, bản.

Điều 16. Thôn, làng, ấp, bản xây dựng hương ước, quy ước về công việc thuộc nội bộ cộng đồng dân cư, kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của cộng đồng, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh. Hương

ước, quy ước do nhân dân xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã đề nghị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt hương ước, quy ước đó.

Điều 17. Thôn, làng, ấp, bản có thể thành lập các ban hoà giải, ban an ninh, bảo vệ sản xuất, ban kiến thiết. Các tổ chức này do dân bầu, trưởng thôn, làng, ấp, bản phối hợp với ban công tác Mặt trận quản lý và chỉ đạo.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Các cấp, các ngành có trách nhiệm xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Khắc phục biểu hiện quan liêu, thiếu trách nhiệm, mất dân chủ trong giải quyết các công việc.

Điều 19. Thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo về trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và phương pháp công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Điều 20. Cán bộ chính quyền các cấp và nhân dân có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh những quy định trong Quy chế này.

Điều 21. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải tổ chức chỉ đạo điểm và triển khai mở rộng một cách vững chắc.

Điều 22. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quy chế này. Hàng quý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên, sáu tháng một lần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Chính phủ (thông qua Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ) kết quả thực hiện Quy chế.

Điều 23. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi thực hiện Quy chế này. Bộ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp dưới kiểm tra tài chính và thu chi ngân sách của xã, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tài chính xã. Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra ở xã, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho ban thanh tra nhân dân xã. Bộ Tư pháp và Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng các hương ước, quy ước thôn, làng, ấp, bản.

Điều 24. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện Quy chế, các tổ chức, cá nhân có thành tích sẽ được khen thưởng; các tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

Bản sao lưu trữ

THÔNG TƯ SỐ 03/1998/TT-TCCP
NGÀY 6-7-1998 CỦA BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
Hướng dẫn áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ
ở xã đối với phường và thị trấn

Điều 2 Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã quy định: "Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc áp dụng Quy chế này đối với phường và thị trấn".

Xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cơ sở cùng cấp, có cùng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, phường và thị trấn là loại hình đơn vị hành chính đô thị, có những đặc thù khác với xã, nên ngoài những quy định trong "Quy chế thực hiện dân chủ ở xã", Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn áp dụng một số điểm sau đây:

I. QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐIỀU 4

Chính quyền địa phương có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai để nhân dân biết những công việc chính sau:

1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương về thủ tục hành chính giải quyết các công việc liên quan đến dân.
3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm của phường, thị trấn.
4. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của phường, thị trấn.
5. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quyết định của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và của cấp trên liên quan đến phường, thị trấn.
6. Dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm của phường, thị trấn.
7. Dự toán và quyết toán, thu, chi các quỹ, dự án, các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng của phường, thị trấn.

8. Các công trình, dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho phường, thị trấn.
9. Chủ trương, kế hoạch vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo.
10. Điều chỉnh địa giới hành chính phường, thị trấn và các đơn vị hành chính liên quan.
11. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ phường, thị trấn.
12. Công tác văn hoá, xã hội, phòng chống tệ nạn, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.
13. Sơ kết, tổng kết của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân phường, thị trấn.
14. Các quy định về quản lý đô thị; mức thuế của các hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
15. Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị liên quan đến phường, thị trấn.
16. Những công việc triển khai trên địa bàn phường, thị trấn: làm mới, sửa chữa điện, đường, cấp - thoát nước, điện thoại, chặt tỉa cây xanh.
17. Những việc khác mà chính quyền thấy cần thiết và nhân dân yêu cầu được thông báo.

II. QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐIỀU 6

Nhân dân ở phường, thị trấn, cụm dân cư, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp các công việc chủ yếu sau:

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (đường, ngõ, hẻm; các điểm vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa).
2. Lập, thu, chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật.
3. Xây dựng quy ước cụm dân cư, tổ dân phố về nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh đường phố, bài trừ mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội.
4. Các công việc trong nội bộ cụm dân cư, tổ dân phố phù hợp với pháp luật của Nhà nước.
5. Biện pháp thực hiện những quy định của chính quyền các cấp về quản lý đô thị.
6. Thành lập ban giám sát công trình xây dựng do dân đóng góp.
7. Tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh.

III. QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐIỀU 9

Những việc chủ yếu đưa ra nhân dân bàn hoặc tham gia ý kiến trước khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) gồm có:

1. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, hàng năm của phường, thị trấn; phương án phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.
2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của phường, thị trấn.
3. Dự thảo quy hoạch khu dân cư; kế hoạch và dự án huy động các khoản đóng góp của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng do phường, thị trấn quản lý.
4. Dự thảo đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính phường, thị trấn.
5. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình quốc gia về y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường.
6. Chủ trương, phương án đền bù giải phóng mặt bằng.
7. Giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường, thị trấn.
8. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và các quy định của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn về quản lý đô thị.
9. Những việc khác Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thấy cần thiết.

IV. QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐIỀU 11

Những việc nhân dân ở phường, thị trấn giám sát, kiểm tra gồm có:

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.
2. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.
3. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân phường, thị trấn, của cán bộ Ủy ban nhân dân và cán bộ, công chức nhà nước hoạt động tại địa phương.
4. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân.
5. Dự toán và quyết toán ngân sách phường, thị trấn.
6. Kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình, dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho phường, thị trấn.

7. Quản lý và sử dụng đất đai.

8. Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân.

9. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ phường, thị trấn.

10. Việc thực hiện chế độ chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, những người có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội.

11. Tham gia giám sát quá trình triển khai các công trình do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho phường, thị trấn.

12. Giám sát hoạt động của các cơ quan đóng trên địa bàn trong việc chấp hành luật pháp và các quy định về trật tự an toàn xã hội, và vệ sinh môi trường.

V. CHƯƠNG VI

Xây dựng cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản:

1. Chương này áp dụng cho tổ dân phố của phường và thị trấn.

2. Tổ trưởng dân phố là đại diện cho nhân dân của tổ dân phố, chịu sự quản lý và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn, do nhân dân trong tổ bầu trực tiếp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn công nhận.

Do mức độ đô thị hoá khác nhau, do điều kiện thực tế của từng vùng khác nhau, dựa vào "Quy chế thực hiện dân chủ ở xã" và Thông tư hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có những quy định chi tiết, cụ thể, vận dụng sát hợp với đặc điểm của phường và thị trấn ở địa phương.

**BỘ TRƯỞNG - TRƯỞNG BAN
TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
ĐỖ QUANG TRUNG**

**CHỈ THỊ SỐ 24/1998/CT-TTg NGÀY 19-6-1998
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**Về việc xây dựng và thực hiện hương ước,
quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư**

Trong những năm gần đây, cùng với việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, các hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư đã góp phần hỗ trợ không nhỏ trong việc thực hiện pháp luật của Nhà nước, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mang tính tự quản tại cộng đồng dân cư ở cơ sở.

Hiện nay, thực hiện chủ trương mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt là ở cơ sở, nhiều địa phương trong cả nước đã và đang xây dựng và hoàn thiện hương ước, quy ước làng văn hoá trên cơ sở kế thừa những mặt tích cực của hương ước cũ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Tại nhiều địa phương, hương ước, quy ước mới không những góp phần phát huy thuần phong mỹ tục, đề cao các chuẩn mực đạo lý và đạo đức truyền thống của dân tộc mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cuộc vận động duy trì an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, phát triển sản xuất, khuyến khích học hành, giải quyết các tranh chấp, vi phạm nhỏ trong nhân dân, xoá đói, giảm nghèo...

Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước ở một số nơi chưa được tiến hành một cách thực sự dân chủ, mới chỉ là công việc của một số người, chưa có sự phê duyệt của chính quyền. Nội dung của hương ước, quy ước còn nhiều hạn chế, chưa phản ánh đúng tình hình, đặc điểm kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa của từng địa phương. Trong một số bản hương ước, quy ước còn có những quy định trái pháp luật hoặc phục hồi các hủ tục và tập quán lạc hậu.

Để phát huy yếu tố tích cực, khắc phục những hạn chế, tiêu cực của hương ước, quy ước, bảo đảm triển khai thực hiện các nghị quyết của

Đảng, Chỉ thị của Bộ Chính trị số 30/CT-TW ngày 18-2-1998 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong giai đoạn hiện nay, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Nội dung của hương ước, quy ước cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây:

- Bảo đảm giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, thực hiện các hành vi ứng xử văn minh trong giao tiếp, ăn, ở, đi lại..., xoá bỏ hủ tục, phát triển các hình thức hoạt động văn hoá lành mạnh, phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư;

- Đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản công cộng và tài sản của công dân, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ rừng, biển, sông, hồ, danh lam thắng cảnh, đền chùa, miếu mạo, các nguồn nước, đê điều, đập nước, kênh mương, kè cống. Xây dựng và phát triển đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh, chống ô nhiễm các nguồn nước... ở địa phương;

- Đề ra các biện pháp bảo vệ thuần phong, mỹ tục, bài trừ các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, thờ phụng, lễ hội v.v. ở địa phương;

- Góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, đề ra những tiêu chuẩn gia đình văn hoá, các quy tắc đạo đức mới, giúp đỡ nhau tìm ra các biện pháp xử lý tốt các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình;

- Xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, vận động các thành viên trong gia đình, họ tộc, xóm làng đoàn kết nhau để xoá đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao mức sống, khuyến học, khuyến nghề v.v. ở địa phương;

- Đề ra các biện pháp thích hợp góp phần bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn.

2. Dự thảo hương ước, quy ước phải được nhân dân trên địa bàn thảo luận, được hội nghị cử tri hoặc hội nghị đại biểu hộ gia đình ở làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư thông qua và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thi hành nhằm bảo đảm nội dung của hương ước, quy ước không trái với các quy định của pháp luật hiện hành, không chứa đựng các quy định xử phạt nặng nề, các khoản phí và lệ phí có thể gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3. Bộ trưởng Bộ Tư Pháp, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan Tư pháp, cơ quan Văn hoá - Thông tin ở các địa phương trong việc giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, nhằm bảo đảm cho việc soạn thảo hương ước, quy ước ở làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư được tiến hành một cách thực sự dân chủ, công khai, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cấp xã, với sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân Việt Nam...).

Bộ Tư pháp chủ trì, cùng với Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan hữu quan khác chỉ đạo triển khai thí điểm Chỉ thị này tại một số địa phương để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở tổng kết tình hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên phạm vi toàn quốc, Bộ kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các biện pháp, các mô hình mẫu về các hoạt động văn hoá nhằm tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước và phát huy vai trò của các văn bản hương ước, quy ước trong giai đoạn hiện nay.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định cụ thể việc quản lý nhà nước và định hướng nội dung hương ước, quy ước căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá - xã hội, phong tục tập quán của địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các vấn đề nói trên.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiệm vụ phê duyệt các văn bản hương ước, quy ước do Ủy ban nhân dân cấp xã trình và chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi địa bàn huyện, bảo đảm nội dung hương ước, quy ước phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, các quy tắc xây dựng nếp sống văn hoá mới, duy trì và phát triển phong tục tập quán tốt đẹp ở cơ sở.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ các làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư xây dựng hương ước, quy ước có nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chủ

trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn.

7. Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh việc tuyên truyền về vai trò và tác dụng của việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, các mô hình mẫu về nếp sống văn hoá, gắn với việc tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, phát huy dân chủ ở cơ sở; nêu gương những điển hình tiên tiến, phát hiện và đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, sai trái hoặc lợi dụng hương ước, quy ước để duy trì các hủ tục, tập quán lạc hậu.

8. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ QUYẾT SỐ 55/1998/NQ-UBTVQH10 NGÀY 30-7-1998
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ
trong hoạt động của cơ quan

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Để phát huy vai trò làm chủ của cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", thể hiện bản chất Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Trên cơ sở Tờ trình của Chính phủ số 786/CP-CCHC ngày 13-07-1998 và ý kiến của Thường trực Uỷ ban Pháp luật của Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Giao Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với những nội dung sau đây:

a) Quy định phạm vi thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan gồm:

- Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan;
- Trách nhiệm của cán bộ, công chức;
- Những việc cán bộ, công chức phải được biết;
- Những việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến, Thủ trưởng cơ quan quyết định;
- Những việc cán bộ, công chức giám sát; kiểm tra.

b) Quy định phạm vi thực hiện dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc ở ngoài cơ quan hành chính gồm:

- Quan hệ với công dân, cơ quan, tổ chức;
- Quan hệ với cơ quan cấp trên;
- Quan hệ với cơ quan cấp dưới.

2. Thủ trưởng các cơ quan khác của Nhà nước căn cứ vào Nghị quyết này và Quy chế của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan mình.

Điều 2.

Giao Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của cơ quan Tòa án nhân dân tối cao; Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự các cấp.

Điều 3.

Giao Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Viện Kiểm sát nhân dân các cấp; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Viện Kiểm sát quân sự các cấp.

Điều 4.

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Căn cứ vào Nghị quyết này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn các cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của mình xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch Quốc hội

NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ ĐỊNH SỐ 71/1998/NĐ-CP NGÀY 08-9-1998 CỦA CHÍNH PHỦ
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong
hoạt động của cơ quan

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Nghị quyết số 55/1998/NQ-UBTVQH 10 ngày 30-08-1998 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ
trong hoạt động của cơ quan;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Cơ quan nói trong Quy chế này là các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện.

Điều 2. Trên cơ sở Quy chế này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, sau khi thoả thuận với Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, chịu trách nhiệm ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08-09-1998
của Chính phủ)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế thực hiện dân chủ trong sinh hoạt của cơ quan nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất, năng lực, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân.

Điều 2. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ quan, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Điều 3. Dân chủ trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; phát huy dân chủ, đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm Hiến pháp, pháp luật và xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân, cản trở việc thi hành công vụ ở cơ quan.

CHƯƠNG II

DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Điều 4. Thủ trưởng cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của cơ

quan theo chế độ Thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động của cơ quan và về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tại cuộc họp giao ban định kỳ, Thủ trưởng cơ quan đánh giá việc thực hiện công việc thời gian qua, lắng nghe đóng góp của cán bộ, công chức và định ra những công việc chủ yếu phải giải quyết trong thời gian tới của cơ quan.

Hàng tháng, Thủ trưởng cơ quan phải xem xét việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhiệm vụ của cơ quan.

Ít nhất 6 tháng một lần, Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm đánh giá công tác của cơ quan và các bộ phận trong cơ quan, chỉ rõ và đề ra các giải pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân và những yếu kém trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, pháp luật, chính sách, chế độ, nội quy, quy chế của cơ quan.

Cuối năm, Thủ trưởng cơ quan phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan.

Điều 6. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức thuộc cơ quan về các mặt tư tưởng, phẩm chất đạo đức, sử dụng, đào tạo, thực hiện chính sách để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực.

Điều 7. Theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, định kỳ hàng năm, Thủ trưởng cơ quan thực hiện việc đánh giá đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và chỉ đạo người phụ trách các bộ phận trong cơ quan đánh giá đối với cán bộ, công chức do mình phụ trách.

Việc đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức được tiến hành như sau:

1. Cán bộ, công chức viết bản tự nhận xét công tác, bao gồm các nội dung:
 - Chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
 - Những công việc cụ thể đã thực hiện trong năm, đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc đó; cán bộ, công chức lãnh đạo còn phải đánh giá việc lãnh đạo tập thể của mình trong năm;
 - Phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công tác;
 - Quan hệ phối hợp trong công tác.

2. Tập thể nơi cán bộ, công chức làm việc tham gia ý kiến vào bản tự nhận xét công tác đó;

3. Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ, công chức ghi đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức và thông báo trực tiếp cho cán bộ, công chức biết; cán bộ, công chức có quyền phát biểu ý kiến với Thủ trưởng trực tiếp của mình về đánh giá định kỳ hàng năm;

4. Đánh giá định kỳ hàng năm được đưa vào hồ sơ cán bộ, công chức do cơ quan quản lý theo phân cấp.

Điều 8. Thủ trưởng cơ quan phải lắng nghe ý kiến, phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức và không được có hành vi trù dập đối với cán bộ, công chức đã góp ý, phê bình mình. Khi cán bộ, công chức đề nghị được gặp thì Thủ trưởng cơ quan gặp và trao đổi các vấn đề có liên quan.

Điều 9. Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm về việc sử dụng có hiệu quả tài sản của cơ quan, tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện các quy định về công khai tài chính. Việc mua thiết bị, phương tiện và các tài sản khác mà phải đấu thầu thì phải được thực hiện theo quy định về đấu thầu.

Việc phân bổ chỉ tiêu có liên quan đến tài chính, biên chế và giải quyết cấp kinh phí bổ sung cho các cơ quan, tổ chức hữu quan phải thông qua tập thể lãnh đạo cơ quan và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thủ trưởng cơ quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan mình thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ trưởng cơ quan phối hợp với Công đoàn cơ quan tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan mỗi năm một lần vào cuối năm. Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan bao gồm toàn thể hoặc đại biểu cán bộ, công chức cơ quan. Khi có 2/3 cán bộ, công chức hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan yêu cầu hoặc Thủ trưởng cơ quan thấy cần thiết thì triệu tập hội nghị cán bộ, công chức cơ quan bất thường.

Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan có nội dung:

1. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác hàng năm và thảo luận, bàn biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan;

2. Thủ trưởng cơ quan tiếp thu ý kiến đóng góp, phê bình của cán bộ,

- công chức; giải đáp những thắc mắc, đề nghị của cán bộ, công chức cơ quan;
3. Bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức cơ quan;
 4. Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan báo cáo công tác; bầu Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật;
 5. Tham gia ý kiến về những vấn đề được quy định tại Điều 17 của Quy chế này;
 6. Khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan có thành tích trong công tác.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 12. Cán bộ, công chức phải thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức và không được làm những việc đã bị cấm theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng cơ quan về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình; có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư.

Điều 13. Trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, cán bộ, công chức phải phục tùng sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên.

Cán bộ, công chức có quyền trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên.

Điều 14. Cán bộ, công chức phải tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để không ngừng tiến bộ, phải thẳng thắn phê bình, đấu tranh để xây dựng nội bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh, kể cả góp ý kiến, phê bình Thủ trưởng cơ quan; khi được yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, các đề án của cơ quan.

Mục 3

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC PHẢI ĐƯỢC BIẾT

Điều 15. Những việc sau đây phải công khai cho cán bộ, công chức biết:

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan;
2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của cơ quan;
3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách cấp và các nguồn tài chính khác và quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan;
4. Tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, nâng ngạch và đề bạt cán bộ, công chức;
5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan đã được kết luận;
6. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan;
7. Nội quy, quy chế cơ quan.

Điều 16. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo cho cán bộ, công chức biết những vấn đề được quy định tại Điều 15 trên đây bằng một trong các hình thức:

1. Niêm yết tại cơ quan;
2. Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức cơ quan;
3. Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức;
4. Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức làm việc trong các bộ phận đó;
5. Thông báo bằng văn bản cho Đảng uỷ, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan.

Mục 4

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THAM GIA Ý KIẾN, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH

Điều 17. Những việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện trước khi Thủ trưởng cơ quan quyết định gồm có:

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan;
2. Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan;
3. Tổ chức phong trào thi đua;
4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan;
5. Các biện pháp cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí, chống tham nhũng, quan liêu, phiến hà, sách nhiễu dân;

6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đề bạt cán bộ, công chức trong cơ quan theo quy định;

7. Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức;

8. Nội quy, quy chế cơ quan.

Điều 18. Hình thức lấy ý kiến tham gia:

1. Cán bộ, công chức tham gia ý kiến trực tiếp với người phụ trách, với Thủ trưởng cơ quan;

2. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức cơ quan;

3. Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản để cán bộ, công chức tham gia ý kiến.

Điều 19. Khi quyết định về những vấn đề được nêu tại Điều 17 khác với ý kiến tham gia của đa số cán bộ, công chức thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo, giải thích lại cho cán bộ, công chức biết.

Mục 5

NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 20. Những việc cán bộ, công chức giám sát, kiểm tra gồm có:

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan;

2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan;

3. Thực hiện nội quy, quy chế cơ quan;

4. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức cơ quan;

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan.

Điều 21. Việc giám sát, kiểm tra của cán bộ, công chức đối với những vấn đề nêu tại Điều 20 trên đây được thực hiện thông qua:

- Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan;

- Kiểm điểm công tác, phê bình và tự phê trong các cuộc sinh hoạt định kỳ của đơn vị công tác;

- Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan.

CHƯƠNG III

DÂN CHỦ TRONG QUAN HỆ VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Mục 1

QUAN HỆ VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 22. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc niêm yết công khai tại công sở để công dân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là công dân, tổ chức) biết:

1. Bộ phận chịu trách nhiệm giải quyết công việc có liên quan;
2. Thủ tục hành chính giải quyết công việc;
3. Mẫu đơn từ, hồ sơ cho từng loại công việc;
4. Phí, lệ phí theo quy định;
5. Thời gian giải quyết từng loại công việc.

Điều 23. Thủ trưởng cơ quan chỉ đạo và kiểm tra cán bộ, công chức trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức; kịp thời có những biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ, công vụ, thiếu trách nhiệm, sách nhiễu, gây phiền hà, tham nhũng trong việc giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

Điều 24. Khi công dân, tổ chức có yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền. Những việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, công chức phải thông báo để công dân, tổ chức biết. Cán bộ, công chức không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

Điều 25. Cán bộ, công chức không tiếp nhận và giải quyết công việc của công dân, tổ chức tại nhà riêng.

Công việc của công dân, tổ chức phải được cán bộ, công chức nghiên cứu xử lý và giải quyết một cách nhanh nhất, thuận tiện nhất và theo đúng quy định của pháp luật.

Những công việc đã có thời hạn giải quyết theo quy định thì cán bộ, công chức phải chấp hành đúng thời hạn đó. Trường hợp đòi hỏi phải có thời gian để nghiên cứu giải quyết thì cán bộ, công chức có trách nhiệm thông

báo kịp thời cho công dân, tổ chức biết.

Cán bộ, công chức có trách nhiệm bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác và bí mật nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thủ trưởng cơ quan chỉ đạo việc bố trí nơi tiếp dân, thực hiện việc tiếp dân và tổ chức hòm thư góp ý. Hàng tuần, người phụ trách công tác hành chính của cơ quan cùng đại diện Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan mở hòm thư, nghiên cứu ý kiến được gửi đến và báo cáo Thủ trưởng cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu và đề ra những biện pháp hợp lý nhằm tiếp thu và giải quyết các ý kiến góp ý.

Điều 27. Đối với những chương trình, dự án do cơ quan xây dựng hoặc tổ chức thực hiện có liên quan mật thiết đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nào thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thông báo để công dân, tổ chức địa phương đó biết, tham gia đóng góp ý kiến.

Khi công dân, tổ chức có yêu cầu, cơ quan phải cử người có trách nhiệm gặp và giải quyết công việc có liên quan.

Những kiến nghị, phản ánh, phê bình của công dân, tổ chức phải được nghiên cứu và xử lý kịp thời.

Mục 2

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN CẤP TRÊN

Điều 28. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm phục tùng sự chỉ đạo, hướng dẫn và chấp hành các quyết định của cơ quan cấp trên.

Cơ quan có quyền phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị lên cơ quan cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên.

Khi có căn cứ để cho là quyết định của cơ quan cấp trên là trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Điều 29. Cơ quan được quyền tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với cơ quan cấp trên.

Khi được yêu cầu, cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan cấp trên gửi đến.

Điều 30. Cơ quan có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác lên cơ quan cấp trên theo quy định; đối với những vấn đề nảy sinh vượt quá khả năng giải quyết thì phải báo cáo kịp thời với cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

Nội dung báo cáo lên cơ quan cấp trên phải khách quan, trung thực.

Mục 3

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN CẤP DƯỚI

Điều 31. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của cơ quan cấp dưới và chịu trách nhiệm về những sai lầm, khuyết điểm của cơ quan cấp dưới nếu những sai lầm, khuyết điểm đó có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình.

Phải thông báo cho cơ quan cấp dưới những chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của cơ quan cấp dưới.

Điều 32. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan cấp dưới.

Định kỳ, Thủ trưởng cơ quan phải làm việc với Thủ trưởng cơ quan cấp dưới. Khi Thủ trưởng cơ quan cấp dưới có yêu cầu thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm tiếp và làm việc.

Thủ trưởng cơ quan phải có thái độ khuyến khích những thông tin, báo cáo trung thực, khách quan của cơ quan cấp dưới.

Điều 33. Phải tham khảo ý kiến của cơ quan cấp dưới trong việc xây dựng chế độ, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức đến cơ quan cấp dưới để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ quan cấp dưới; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức cơ hội, báo cáo, phản ánh sai sự thật, không trung thực.

Điều 34. Việc giải quyết cấp, bổ sung kinh phí, biên chế cho cơ

quan cấp dưới phải theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời, sát thực tế và thông qua tập thể lãnh đạo cơ quan.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Cơ quan, cán bộ, công chức thực hiện tốt Quy chế này sẽ được khen thưởng; người vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH SỐ 07/1999/NĐ-CP
NGÀY 13-2-1999 CỦA CHÍNH PHỦ
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ
ở doanh nghiệp nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 60/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Trưởng Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước.

Quy chế này được thực hiện trong doanh nghiệp nhà nước theo Điều 1, Điều 2 của Luật doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước
(Ban hành kèm theo Nghị định số 07/1999/NĐ-CP
ngày 13 tháng 2 năm 1999 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước nhằm mục đích:

1. Cụ thể hoá phương châm "dân biết, dân làm, dân kiểm tra", phát huy quyền dân chủ thông qua tổ chức công đoàn và dân chủ trực tiếp của người lao động, phát huy sáng tạo của tập thể và cá nhân để nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống vi phạm dân chủ, vi phạm kỷ luật, gây rối nội bộ, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Tạo động lực mạnh mẽ để phát triển doanh nghiệp nhà nước bền vững trên cơ sở gắn bó chặt chẽ trách nhiệm giữa Giám đốc và công nhân, viên chức trong chăm lo đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tăng thu cho ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm cho người lao động; phân định rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của Giám đốc và công nhân, viên chức đối với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi để tăng cường đoàn kết, thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa Giám đốc và công nhân, viên chức cũng như trong nội bộ công nhân, viên chức, giữa cán bộ lãnh đạo quản lý với nhau; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của Giám đốc và của người lao động tương ứng với kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 2. Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp phải đi đôi với nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện phân công, phân cấp cụ thể trong doanh

nghiệp, khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động quản lý của Giám đốc được chủ động, sáng tạo phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường; nâng cao trình độ hiểu biết luật pháp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trước pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy chế của công nhân, viên chức và của cán bộ quản lý doanh nghiệp; thực hiện đúng đắn quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động trong việc thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước, đồng thời gìn giữ bí mật sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 3. Người sử dụng lao động và người lao động trong doanh nghiệp nhà nước có nghĩa vụ phải thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng hợp đồng lao động, thoả ước lao động đã ký kết, chấp hành đúng các nội quy, quy chế của doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ, giữ gìn kỷ luật, đấu tranh chống các biểu hiện tham nhũng, lợi dụng dân chủ gây mất đoàn kết nội bộ; nỗ lực vì sự phát triển của doanh nghiệp khi thuận lợi cũng như lúc gặp khó khăn trong kinh doanh.

Điều 4. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở doanh nghiệp nhà nước đối với toàn thể người lao động, đối với Hội đồng quản trị (ở những doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị), Giám đốc, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển doanh nghiệp hoạt động ngày càng có hiệu quả và xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC PHẢI CÔNG KHAI Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 5. Những việc Hội đồng quản trị, Giám đốc phải công khai ở doanh nghiệp nhà nước bao gồm:

1. Phương hướng, nhiệm vụ chung về đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh dài hạn, trung hạn và từng năm của doanh nghiệp, những thuận lợi, khó khăn, yếu kém; đặc biệt là nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, công tác của phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, phòng ban trực thuộc doanh nghiệp; những chủ trương lớn về thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp và chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Những chế độ, chính sách chủ yếu của Nhà nước và những quy định vận dụng của doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đối với người lao động ở doanh nghiệp về sắp xếp lại lao động, tuyển dụng, cho thôi việc, đào tạo và đào tạo lại; tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở; phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp; kế hoạch và thực hiện tuyển dụng, sắp xếp lại lao động; đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động.

3. Nội quy của doanh nghiệp, các quy chế của doanh nghiệp về tuyển dụng, cho thôi việc; về thời gian làm việc, làm thêm giờ, nghỉ ngơi được hưởng lương, không được hưởng lương; về các định mức chi phí; về trả lương, trả thưởng, hiếu hỷ; về đề bạt cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ; khen thưởng, kỷ luật và trách nhiệm vật chất; về bảo vệ tài sản, bảo vệ bí mật sản xuất, kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật; về quy trình vận hành máy móc, thiết bị tại nơi làm việc; về sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu; về thực hiện an toàn lao động, bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc; về phòng hoả; phòng chống các vi phạm pháp luật.

4. Công khai tài chính về:

- Kết quả kiểm toán và báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.
- Tình hình vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, tình hình công nợ tới hạn và quá hạn và nguyên nhân; những khó khăn và biện pháp huy động vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Các khoản thu của doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh và từ các hoạt động khác như: các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; thu từ hoạt động mua bán tín phiếu, trái phiếu, cổ phiếu; thu từ cho thuê, khoán tài sản; thu chênh lệch giá trị bán tài sản thanh lý; thu từ phần trợ giá của Nhà nước; thu từ hoạt động liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, thu lãi tiền gửi, tiền cho vay.
- Đầu tư phát triển, chi cho đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ người lao động.
- Quy định và thực hiện các khoản chi của doanh nghiệp cho hoạt động quản lý, tiếp khách, hội họp, giao dịch và chi hoa hồng môi giới; các khoản phạt doanh nghiệp phải nộp.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, các khoản trích nộp theo quy định của Nhà nước: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.

- Lỗ, lãi và nguyên nhân khách quan, chủ quan; biện pháp để tăng lãi, giảm lỗ.

- Các khoản thu nhập và thu nhập bình quân của người lao động.

- Trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng. Chi cho mục đích nhân đạo, xã hội.

- Các khoản thu chi khác.

5. Tiêu chuẩn cán bộ, quy trình và phân cấp đề bạt cán bộ từ tổ, đội sản xuất trở lên.

6. Kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và kết quả giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7. Nghị quyết Đại hội của tổ chức cơ sở Đảng và cấp uỷ có liên quan đến sản xuất, kinh doanh theo quyết định của cấp uỷ Đảng doanh nghiệp; Nghị quyết của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong doanh nghiệp.

Điều 6. Căn cứ đặc điểm ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị, Giám đốc thoả thuận với Ban Chấp hành Công đoàn quy định và công bố rõ trong toàn doanh nghiệp những nội dung nào trong Điều 5 cần định kỳ thông báo cho hội nghị cán bộ chủ chốt (Thường vụ Đảng uỷ, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng, Phó phòng (ban), phân xưởng); những nội dung nào cần thông báo đến các phòng (ban); đến phân xưởng, tổ (đội) sản xuất và đến mọi người lao động. Bên cạnh quy định quyền nhận thông tin đối với từng đối tượng trong doanh nghiệp, phải quy định rõ trách nhiệm bảo vệ bí mật sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là về công nghệ sản xuất, giá thành sản phẩm phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với những vấn đề thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng - an ninh, việc phổ biến phải theo đúng pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Các đối tượng được tiếp nhận thông tin có quyền chất vấn Hội đồng quản trị, Giám đốc về các nội dung đã công khai quy định tại Điều 5 Quy chế này; Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm giải thích và làm sáng tỏ những thắc mắc, chất vấn của các tổ chức và người lao động trong doanh nghiệp và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các thông tin đã công khai; có trách nhiệm thông báo về việc tiếp thu ý kiến đóng góp xây dựng của các tổ chức và người lao động về những

việc phải công khai ở doanh nghiệp.

Điều 7. Hội đồng quản trị, Giám đốc phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, bảo đảm thông tin thiết thực, kịp thời, đúng đối tượng những nội dung phải công khai ở doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp.

1. Đại hội công nhân, viên chức (toàn thể hoặc đại biểu) tiến hành từ tổ (đội) sản xuất, phòng (ban), đến toàn doanh nghiệp.

2. Thông báo trong các cuộc họp định kỳ cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp.

3. Phổ biến trong các cuộc họp doanh nghiệp, hoặc ở phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, phòng (ban) do chuyên môn tổ chức.

4. Thông báo tại các cuộc họp của tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong doanh nghiệp.

5. Thông báo bằng văn bản hoặc các ấn phẩm sách, báo gửi đến từng tổ (đội) sản xuất, từng phân xưởng, phòng (ban), hoặc niêm yết công khai tại địa điểm thuận lợi trong doanh nghiệp.

6. Thông báo qua hệ thống truyền thanh trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN

Điều 8. Những việc người lao động tham gia ý kiến trước khi Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp quyết định bao gồm:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh trung, dài hạn và hàng năm của doanh nghiệp, nhất là nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, công tác của phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất; đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp và của phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

2. Các biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, cải tiến cơ cấu sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, sắp xếp lại sản xuất, thực hiện cổ phần hoá.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế theo quy định ở khoản 3, Điều 5 Quy chế này.

4. Các biện pháp về: đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, bảo vệ môi trường; cải tiến tổ chức lao động, bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp lại lao động và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của người lao động; chú

ý những biện pháp có liên quan trực tiếp đến phân xưởng, tổ (đội), phòng (ban) nơi người lao động làm việc.

5. Nội dung chủ yếu của thoả ước lao động tập thể để ký kết giữa Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn hoặc đại diện công đoàn, gồm: những cam kết về việc làm và bảo đảm việc làm, thời gian nghỉ ngơi, tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội.

6. Nội dung chủ yếu của hợp đồng lao động để ký kết giữa người lao động với Giám đốc hoặc đại diện của Giám đốc doanh nghiệp gồm: công việc phải làm, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, địa điểm làm việc, thời hạn hợp đồng, tiền lương, điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động.

7. Chủ trương chung về huy động và sử dụng các nguồn vốn, thực hiện nghĩa vụ với địa phương, trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, quy chế tiếp khách, hội họp, giao dịch, hoa hồng môi giới; nội dung chương trình hoạt động hỗ trợ địa phương và từ thiện nhân đạo.

Điều 9. Những việc người lao động tham gia ý kiến để các cơ quan quản lý cấp trên, tổ chức Đảng, đoàn thể ở doanh nghiệp tham khảo trước khi quyết định, hoặc xem xét, xử lý bao gồm:

1. Giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn tín nhiệm là Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng; bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm về các mặt điều hành, khả năng tập hợp, phát huy dân chủ, công tâm, phẩm chất đạo đức của các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị), Giám đốc và Phó Giám đốc, kế toán trưởng của doanh nghiệp. Giới thiệu đại biểu của tổ chức công đoàn đủ tiêu chuẩn và tín nhiệm tham gia Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (ở những nơi có Hội đồng quản trị) để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm.

2. Xây dựng chương trình hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Tổ chức và nội dung của Đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp từ tổ (đội) sản xuất theo Luật doanh nghiệp nhà nước và hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Xây dựng Nghị quyết của Đại hội Đảng cơ sở và cấp uỷ về những vấn đề có liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Nội dung hoạt động của tổ chức cơ sở Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 10. Căn cứ vào đặc điểm ngành nghề kinh doanh và tổ chức sản xuất của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị, Giám đốc thoả thuận với Ban Chấp hành Công đoàn công bố rõ trong toàn doanh nghiệp những vấn đề nào cần có sự tham gia ý kiến của toàn thể công nhân, viên chức, của phòng (ban), của phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, hoặc của một số chuyên gia trong và ngoài doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị, Giám đốc, tổ chức Đảng, đoàn thể ở doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tiếp thu ý kiến tham gia của người lao động. Những nội dung người lao động tham gia quy định ở Điều 8 và Điều 9 mà không được chấp nhận, thì người lao động vẫn phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của Giám đốc (đối với những nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 7 của Điều 8) và của cơ quan quản lý cấp trên, tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp (đối với những nội dung quy định tại Điều 9).

Điều 11. Những hình thức chủ yếu để người lao động tham gia ý kiến bao gồm:

1. Đại hội công nhân, viên chức của doanh nghiệp, phòng (ban), tổ (đội) sản xuất.
2. Hội nghị chuyên môn do Giám đốc doanh nghiệp, trưởng các phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất triệu tập.
3. Thông qua tổ chức thảo luận, thương lượng về nội dung thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động.
4. Thông qua việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
5. Cấp uỷ Đảng cơ sở, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức lấy ý kiến của công nhân, viên chức.
6. Tiếp xúc trực tiếp giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc và công nhân viên chức theo lịch hoặc yêu cầu đột xuất.
7. Đặt hòm thư góp ý kiến ở những địa điểm thuận lợi trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 12. Những việc người lao động quyết định bao gồm:

1. Biểu quyết thông qua thoả ước lao động tập thể, hoặc bổ sung, sửa

đổi để Chủ tịch Công đoàn hoặc người đại diện công đoàn và Giám đốc ký kết.

2. Ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc hoặc đại diện Giám đốc; đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

3. Thảo luận và biểu quyết Đại hội công nhân, viên chức thông qua các quy chế và các chỉ tiêu kế hoạch của doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với hướng dẫn của Nhà nước và tình hình thực tế của doanh nghiệp; chú trọng quy chế trích lập và sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm.

4. Bầu Ban Thanh tra nhân dân tại Đại hội công nhân, viên chức.

Điều 13. Người lao động quyết định những việc quy định tại Điều 12 Quy chế này thông qua:

1. Đại hội công nhân, viên chức (toàn thể hoặc đại biểu).

2. Hội nghị toàn doanh nghiệp hoặc phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

3. Tổ chức công đoàn của doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

QUYỀN GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 14. Người lao động có quyền giám sát, kiểm tra về tất cả những nội dung đã được công khai ở doanh nghiệp theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và tự giám sát, kiểm tra, giáo dục lẫn nhau trong thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của người lao động; trong đó đặc biệt chú ý thực hiện quyền giám sát, kiểm tra về:

1. Thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội công nhân, viên chức.

3. Thực hiện các nội quy, quy chế của doanh nghiệp.

4. Thực hiện thoả ước lao động tập thể.

5. Thực hiện hợp đồng lao động.

6. Thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và xã hội. Đặc biệt việc sử dụng các loại quỹ sau thuế nhất là quỹ phúc lợi của doanh nghiệp.

7. Kết quả việc giải quyết các tranh chấp lao động.

8. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Điều 15. Việc thực hiện quyền giám sát, kiểm tra của người lao động ở doanh nghiệp thông qua các phương thức và tổ chức chủ yếu là:

1. Thông qua Đại hội công nhân, viên chức của doanh nghiệp, các cuộc họp của các phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

2. Thông qua sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng và sự tham gia quản lý của tổ chức công đoàn doanh nghiệp.

3. Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thông qua hoạt động kiểm toán theo quy định của Nhà nước.

5. Thông qua thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Các Tổng công ty nhà nước vận dụng Quy chế này để xây dựng quy chế cụ thể phù hợp với Tổng công ty.

Các doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào Quy chế này xây dựng các nội quy, quy chế của doanh nghiệp, cụ thể đến từng phòng (ban), phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

Điều 17. Hội đồng quản trị, Giám đốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong doanh nghiệp có trách nhiệm bảo vệ và động viên, khen thưởng kịp thời những người đấu tranh chống tiêu cực; ngăn chặn, xử lý những biểu hiện trù dập, ngăn cản đấu tranh chống tiêu cực và những hành động lợi dụng dân chủ, gây mất đoàn kết, làm rối nội bộ, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Người nào vi phạm quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp với tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp thực hiện Quy chế này.

Điều 19. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai và định kỳ 6 tháng báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Quy chế này.

Điều 20. Trưởng Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Quy chế này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

Bản sao lưu trữ

CHỈ THỊ SỐ 10/CT-TW
NGÀY 28-3-2002 CỦA BAN BÍ THƯ
Về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện
Quy chế dân chủ ở cơ sở

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TW, ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII), Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 29, 71, 07 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Qua hơn 3 năm tiến hành, trên 90% xã, phường, thị trấn, trên 80% số cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đã xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tuy mức độ có khác nhau, nhưng đã đạt được kết quả bước đầu, quan trọng:

- Tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở hơn trong xã hội, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào chế độ, từ đó tạo thêm động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, các ngành; rõ nhất là trên lĩnh vực phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng ở xã, phường, thị trấn, xây dựng nếp sống văn hoá ở nông thôn và đô thị.

- Làm chuyển biến một bước về ý thức và phong cách làm việc của cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể theo hướng gần dân, tôn trọng dân và có trách nhiệm với dân hơn.

- Có tác động tích cực tới việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố.

Tuy vậy, kết quả việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn chưa vững chắc, chưa rộng khắp, chưa đều giữa các địa phương, khu vực, chưa thường xuyên, liên tục. Dân chủ hình thức còn nhiều. Dân chủ, công khai về kinh tế, tài chính chưa được triển khai sâu rộng. Dân chủ trong cơ

quan và doanh nghiệp nhà nước chưa được phát huy mạnh mẽ. Còn nhiều loại hình cơ sở chưa được hướng dẫn xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của dân cũng như tình trạng lợi dụng dân chủ, vi phạm kỷ cương, pháp luật còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở một số nơi chưa gắn kết thật tốt với các công việc thường xuyên, nhất là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; cải cách hành chính; chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng Mặt trận và đoàn thể. Việc giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế trên chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền ở địa phương và các ngành, nhất là của người đứng đầu chưa quán triệt sâu sắc các quan điểm chỉ đạo trong Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị, chưa gắn Quy chế dân chủ với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của địa phương, đơn vị. Việc thể chế hoá Chỉ thị 30/CT-TW trên một số mặt còn chậm và thiếu đồng bộ. Nhiều Bộ, ngành chậm hoặc thiếu hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận và nhiều tổ chức đoàn thể ở một số nơi chưa thật chủ động trong công tác này. Công tác tuyên truyền, giáo dục về dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ trong các cơ sở đảng và trong nhân dân chưa thường xuyên, liên tục. Mặt khác, hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều yếu kém. Những nơi không thực hiện tốt Quy chế dân chủ thường là những nơi cán bộ mắc nhiều khuyết điểm, hệ thống chính trị cơ sở chưa được quan tâm củng cố.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những mặt còn yếu kém trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị làm tốt mấy việc quan trọng dưới đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp thực hiện của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc đẩy mạnh xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị và những nội dung cơ bản của Quy chế dân chủ ở ba loại hình cơ sở; coi việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là những nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Những ngành, địa phương, đơn vị chưa triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa tốt cần tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vào nền nếp. Gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng mặt công tác và trách nhiệm của từng cá nhân, trước hết là người đứng đầu. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần phát huy tốt vai trò chủ động vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện dân chủ: giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đưa việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành một tiêu chuẩn để xem xét chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, đơn vị tiên tiến, xuất sắc. Thực hiện tốt chế độ lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành các chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, có liên quan rộng đến đời sống nhân dân ở cơ sở và trước khi phân loại cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng cũng như trong công tác cán bộ. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương cùng các ban, ngành có liên quan xây dựng những nội dung cụ thể hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong công tác cán bộ và trong các cơ quan của Đảng.

- Xác định ngay một số nhiệm vụ quan trọng, phù hợp với từng nơi để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn".

2. Hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành; nghiên cứu ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở khác

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành cho phù hợp; tích cực chuẩn bị nâng Quy chế dân chủ thành pháp lệnh hoặc luật; đưa một số nội dung Quy chế dân chủ được thực tế khẳng định là có hiệu quả vào các văn bản pháp luật sắp ban hành; nghiên cứu ban hành, hướng dẫn xây dựng thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở khác, trước hết là khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài, các cơ quan quản lý các chương trình kinh tế - xã hội, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản, nghiên cứu khoa học.

Hết năm 2003 phải hoàn thành việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở đại bộ phận các loại hình cơ sở, tiến tới tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị (khoá VIII).

3. Về tổ chức chỉ đạo thực hiện

- Cùng với việc tăng cường chỉ đạo đúc rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở những nơi làm tốt, cần tập trung hướng dẫn, giúp đỡ những địa phương và cơ sở làm kém, làm chậm hoặc chưa triển khai, nhất là khu vực cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, những nơi có nhiều khó khăn, phức tạp.

- Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa những vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức dân chủ; làm rõ những điều kiện để thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở từng loại hình cơ sở, đưa một số nội dung về Quy chế dân chủ ở cơ sở vào chương trình huấn luyện của các trường chính trị, quản lý.

- củng cố và tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ Trung ương đến địa phương và cơ sở. Ban Chỉ đạo phải do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ làm trưởng ban và 2 phó ban là trưởng ban dân vận của cấp uỷ và trưởng ban tổ chức chính quyền, trong đó phân công một đồng chí làm thường trực.

Định kỳ 3 tháng các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc báo cáo kết quả về Ban Bí thư qua Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

Hàng năm các cấp kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và báo cáo lên cấp trên trực tiếp.

Chỉ thị này được triển khai quán triệt đến chi bộ cơ sở.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

NGHỊ ĐỊNH SỐ 79/2003/NĐ-CP
NGÀY 7-7-2003 CỦA CHÍNH PHỦ
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn";

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TW ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 2. Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này áp dụng đối với cả phường và thị trấn. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn để áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã đối với phường và thị trấn.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

QUY CHẾ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2003/NĐ-CP
ngày 07-7-2003 của Chính phủ)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định cụ thể những việc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã (sau đây gọi là chính quyền xã) phải thông tin kịp thời và công khai để dân biết; những việc dân bàn và quyết định trực tiếp; những việc dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan nhà nước quyết định; những việc dân giám sát, kiểm tra và các hình thức thực hiện Quy chế dân chủ ở xã.

Điều 2. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã nhằm phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân ở xã, động viên sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết, xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể ở xã trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, tham nhũng của một số cán bộ, đảng viên và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn liền với cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"; phát huy chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của chính quyền địa phương, thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân bàn bạc và trực tiếp quyết định những công việc quan trọng, thiết thực, gắn với quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân.

Điều 4. Dân chủ phải trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; đi đôi với trật tự, kỷ cương; quyền đi đôi với nghĩa vụ; kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm Hiến pháp, pháp luật, xâm phạm lợi ích

của Nhà nước, lợi ích tập thể, quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC CẦN THÔNG BÁO ĐỂ NHÂN DÂN BIẾT

Điều 5. Chính quyền xã có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai để nhân dân biết những công việc chính sau:

1. Chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trong xã, bao gồm:

a) Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân xã và của cấp trên liên quan đến địa phương;

b) Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến dân;

c) Những quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương về đối tượng, mức thu các loại thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ khác đối với nhân dân theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm của xã;

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai;

4. Dự toán và quyết toán ngân sách xã hàng năm;

5. Dự toán, quyết toán thu chi các quỹ, chương trình, dự án, các khoản huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng của xã, thôn, làng, ấp, bản, khóm (thôn, làng, ấp, bản, khóm sau đây gọi chung là thôn) và kết quả thực hiện;

6. Các chương trình, dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã;

7. Chủ trương, kế hoạch vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo;

8. Điều chỉnh địa giới hành chính xã và các đơn vị hành chính liên quan đến xã;

9. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ xã, thôn;

10. Công tác văn hóa, xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội của xã;

11. Sơ kết, tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;

12. Phương án dồn điền, đổi thửa phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, kinh tế trang trại, hợp tác xã;

13. Bình xét các hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất và xây dựng nhà tình thương; thực hiện chính sách đối với gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh được tặng nhà tình nghĩa, sổ tiết kiệm, thẻ bảo hiểm y tế;

14. Kết quả lựa chọn, thứ tự ưu tiên và tổ chức thực hiện các công trình thuộc các chương trình, dự án của Nhà nước, của các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã.

Điều 6. Chính quyền xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và Trưởng thôn cung cấp các thông tin theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này để nhân dân biết bằng các hình thức sau:

1. Niêm yết công khai văn bản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và các trung tâm dân cư, văn hóa;

2. Hệ thống truyền thanh của xã, thôn và các tổ chức văn hóa, thông tin, tuyên truyền cơ sở;

3. Tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

4. Tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã, các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và của cuộc họp của thôn;

5. Gửi văn bản tới hộ gia đình hoặc Trưởng thôn.

CHƯƠNG III

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRỰC TIẾP

Điều 7. Nhân dân ở xã, thôn bàn và quyết định trực tiếp những công việc sau:

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (điện, đường, trường học, trạm y tế, nghĩa trang, các công trình văn hóa, thể thao);

2. Xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, nếp sống văn minh, giữ

gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội;

3. Các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư thôn, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành lập Ban Giám sát các công trình xây dựng do dân đóng góp;

5. Tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và các hoạt động khác trên địa bàn xã, thôn.

Điều 8. Ngoài những khoản đóng góp quy định tại khoản 1 Điều 7, những khoản đóng góp khác của nhân dân ủng hộ với mục đích tương trợ, nhân đạo, từ thiện Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tuyên truyền, vận động nhân dân theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, không được áp đặt, phân bổ, bình quân nhất loạt.

Điều 9. Phương thức thực hiện những việc nhân dân quyết định trực tiếp

1. Ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án, chương trình, kế hoạch; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo, tổ chức nhân dân thảo luận, quyết định những công việc quy định tại Điều 7 của Quy chế này bằng một trong các hình thức sau:

a) Họp toàn thể nhân dân hoặc chủ hộ gia đình hay cử tri đại diện hộ gia đình ở từng thôn, thảo luận và biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín;

b) Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

Việc lấy ý kiến, biểu quyết công khai tại cuộc họp hoặc bỏ phiếu kín về từng vấn đề do nhân dân tự quyết định theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này phải được lập biên bản để báo cáo Ủy ban nhân dân xã về nội dung cuộc họp và kết quả những vấn đề đã biểu quyết.

2. Những nội dung quy định tại Điều 7 của Quy chế này phù hợp với quy định của pháp luật, đạt tỷ lệ trên 50% số người tham gia cuộc họp hoặc lấy ý kiến tán thành, thì Ủy ban nhân dân xã ra quyết định công nhận.

3. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo Trưởng thôn và Trưởng Ban công tác Mặt trận tổ chức thực hiện những vấn đề do nhân dân tự quyết định đã được Ủy ban nhân dân xã công nhận, có sự giám sát của Thanh tra nhân dân hoặc Ban Giám sát công trình, dự án do nhân dân bầu.

4. Nhân dân có trách nhiệm chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định đã được trên 50% các hộ gia đình của xã hoặc của thôn nhất trí.

CHƯƠNG IV

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN BÀN, THAM GIA Ý KIẾN, CHÍNH QUYỀN XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 10. Những việc chính quyền xã có trách nhiệm đưa ra nhân dân thảo luận hoặc tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) gồm có:

1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;
2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm của xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và phương án phát triển ngành nghề;
3. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai ở địa phương và việc quản lý, sử dụng có hiệu quả quỹ đất công ích của xã;
4. Phương án quy hoạch khu dân cư; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới; kế hoạch, dự án huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do xã quản lý;
5. Dự thảo đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính xã, đề án chia tách, thành lập thôn;
6. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã;
7. Chủ trương, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng cơ sở, tái định cư;
8. Giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn xã;
9. Những công việc khác mà chính quyền xã thấy cần thiết.

Điều 11. Phương thức thực hiện những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định)

1. Căn cứ nghị quyết của cấp ủy đảng, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã dự thảo các văn bản, kế hoạch, phương án và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy ý kiến nhân dân công khai bằng các hình thức:

- a) Họp toàn thể nhân dân hoặc chủ hộ gia đình thảo luận;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến từng hộ gia đình;
- c) Họp các tổ chức kinh tế để thảo luận;

d) Đặt hòm thư góp ý.

2. Ý kiến của nhân dân tại cuộc họp hoặc các ý kiến góp ý phải được tổng hợp báo cáo đầy đủ, khách quan để Ủy ban nhân dân xã xem xét, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định.

CHƯƠNG V

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 12. Những việc nhân dân ở xã giám sát, kiểm tra gồm có:

1. Hoạt động của chính quyền xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức nghề nghiệp ở xã;
2. Kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân xã;
3. Hoạt động và phẩm chất đạo đức của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân, hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, của cán bộ Ủy ban nhân dân xã và cán bộ, công chức hoạt động tại địa phương;
4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương;
5. Dự toán và quyết toán ngân sách xã;
6. Quá trình tổ chức thực hiện công trình, kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình, dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã;
7. Các công trình của cấp trên triển khai trên địa bàn xã có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hoá - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân địa phương;
8. Quản lý và sử dụng đất đai tại xã;
9. Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân;
10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã;
11. Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội.

Điều 13. Phương thức thực hiện những việc dân giám sát, kiểm tra

Nhân dân trực tiếp giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đại diện cho mình hoặc Ban Thanh tra nhân dân bằng các phương thức sau đây:

1. Tham gia trực tiếp (nếu được mời) hoặc thông qua các tổ chức đại diện cho mình trong các cuộc họp của chính quyền xã bàn về các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của mình;

2. Tham gia ý kiến đánh giá báo cáo tổng kết công tác sáu tháng và hàng năm của chính quyền xã;

3. Góp ý kiến vào bản kiểm điểm công tác và tự phê bình của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong cuộc họp tổng kết công tác cuối năm;

4. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu;

5. Phát hiện những cơ quan, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích thu, chi ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án và sử dụng quản lý đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng trái với những quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác; tố cáo, kiến nghị với chính quyền xã, cơ quan có thẩm quyền làm rõ, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với việc giám sát và kiểm tra của nhân dân

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, các đối tượng liên quan trực tiếp tham gia các cuộc họp của chính quyền xã bàn bạc về các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích trực tiếp của nhân dân địa phương;

b) Xem xét, giải quyết các kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền và thông báo kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân có kiến nghị;

c) Trình cơ quan có thẩm quyền các vụ việc vượt quá thẩm quyền.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm gửi cho Trưởng thôn bản kiểm điểm công tác và tự phê bình tại cuộc họp tổng kết hàng năm để Trưởng thôn tổ chức nhân dân đóng góp ý kiến.

3. Hàng năm, Mặt trận Tổ quốc xã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của các

thành viên Mặt trận đối với các chức vụ chủ chốt do Hội đồng nhân dân xã bầu ra. Nếu tỷ lệ số phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% số người tham gia thì Mặt trận Tổ quốc xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, miễn nhiệm.

4. Trưởng thôn phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận có trách nhiệm tổ chức cuộc họp thu thập ý kiến của nhân dân về các vấn đề do nhân dân tự quyết định; tổng hợp, báo cáo một cách chính xác, khách quan, trung thực ý kiến góp ý của nhân dân bằng văn bản gửi về chính quyền xã.

5. Nhân dân không được tụ tập đông người khiếu kiện vượt cấp, gây mất trật tự an ninh và chống đối người thi hành công vụ trong khi các kiến nghị đang được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN

Điều 15. Thôn là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư, là nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư và là nơi tổ chức cho nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát, kiểm tra hoạt động của thôn.

Điều 16. Hội nghị nhân dân thôn được tổ chức 6 tháng một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường, gồm toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ nhằm:

1. Thảo luận và quyết định các công việc của nội bộ cộng đồng dân cư về sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, những vấn đề về văn hóa, xã hội, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự an toàn xã hội phù hợp pháp luật;

2. Bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, các quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ cấp trên giao;

3. Thảo luận, góp ý kiến về báo cáo kết quả công tác và tự phê bình, kiểm điểm của Trưởng thôn, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

4. Bầu, miễn nhiệm Trưởng thôn; xây dựng hương ước, quy ước; cử các ban, nhóm tự quản, ủy viên thanh tra nhân dân;

Nghị quyết của hội nghị có giá trị khi có ít nhất quá nửa số người dự họp tán thành và không trái với pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng thôn

1. Trưởng thôn là người do nhân dân trực tiếp bầu tại hội nghị nhân dân và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, ra quyết định công nhận và chịu sự chỉ đạo quản lý của Ủy ban nhân dân xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có quyền phê bình, cảnh cáo, tạm đình chỉ cho thôi chức khi Trưởng thôn không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí; không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã; vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên.

2. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở thôn trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động bao gồm: triệu tập và chủ trì hội nghị thôn; tổ chức thực hiện các quyết định của thôn; tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ; tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước; bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự, an toàn trong thôn; tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao; tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân; ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trên cơ sở nghị quyết hội nghị nhân dân trong thôn;

b) Định kỳ sáu tháng và một năm báo cáo công tác tự phê bình, kiểm điểm trước hội nghị thôn. Hàng năm, Ban công tác Mặt trận Tổ quốc cùng với các thành viên của Mặt trận ở thôn tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng thôn. Nếu tỷ lệ phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% số người tham gia bỏ phiếu thì đề nghị tổ chức hội nghị thôn xem xét miễn nhiệm và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định;

c) Được Ủy ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân xã;

d) Được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng, được hưởng phụ cấp theo quy định của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 18. Thôn xây dựng hương ước, quy ước về công việc thuộc nội bộ cộng đồng dân cư, kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của cộng đồng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nhằm bài trừ hủ tục, mê tín

dị đoan, tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh.

Hương ước, quy ước được nhân dân ở thôn bàn bạc và thông qua tại hội nghị nhân dân. Trưởng thôn gửi hương ước, quy ước đã được thông qua lên Ủy ban nhân dân xã. Sau khi thống nhất với Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hương ước, quy ước. Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định hương ước, quy ước trước khi phê duyệt.

Điều 19. Thôn có thể thành lập các tổ: hòa giải, an ninh, bảo vệ sản xuất, kiến thiết. Các tổ chức này được thành lập hoặc giải thể theo yêu cầu thực tế của từng địa phương. Thành viên của các tổ chức này do nhân dân bầu. Hoạt động của các tổ chức nói trên do Trưởng thôn chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận quản lý và chỉ đạo.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Các cấp, các ngành có trách nhiệm xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả, khắc phục biểu hiện quan liêu, thiếu trách nhiệm, mất dân chủ trong giải quyết các công việc; thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo về trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và phương pháp công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Điều 21. Cán bộ, công chức chính quyền các cấp và nhân dân có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh những quy định trong Quy chế này.

Điều 22. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quy chế này. Sáu tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên; hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Chính phủ (thông qua Bộ Nội vụ) kết quả thực hiện Quy chế.

Điều 23. Bộ Nội vụ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi thực hiện Quy chế này. Bộ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp dưới kiểm tra tài chính và thu, chi ngân sách của xã,

bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tài chính xã. Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra ở xã, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân xã. Bộ Tư pháp và Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng các hương ước, quy ước thôn.

Điều 24. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện Quy chế, các tổ chức, cá nhân có thành tích sẽ được khen thưởng; các tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những nơi không tổ chức triển khai thực hiện Quy chế hoặc triển khai hình thức, kém hiệu quả thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải chịu trách nhiệm và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ sai phạm. Hình thức kỷ luật đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Để việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức; Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Cán bộ, công chức có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của người có thẩm quyền khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 2.

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khiếu nại* là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức

theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. *Tố cáo* là việc công dân theo thủ tục do Luật này quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

3. *Người khiếu nại* là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện quyền khiếu nại.

4. *Cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại* bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân.

5. *Người tố cáo* là công dân thực hiện quyền tố cáo.

6. *Người bị khiếu nại* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật bị khiếu nại.

7. *Người bị tố cáo* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo.

8. *Người giải quyết khiếu nại* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

9. *Người giải quyết tố cáo* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

10. *Quyết định hành chính* là quyết định bằng văn bản của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính.

11. *Hành vi hành chính* là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

12. *Quyết định kỷ luật* là quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng một trong các hình thức kỷ luật là khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, buộc thôi việc đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

13. *Giải quyết khiếu nại* là việc xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết của người giải quyết khiếu nại.

14. *Giải quyết tố cáo* là việc xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và việc quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo.

15. *Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng* là quyết định có hiệu lực thi hành và người khiếu nại không được quyền khiếu nại tiếp.

16. *Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật* bao gồm: quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà trong thời hạn do pháp luật quy định người khiếu nại đã không khiếu nại tiếp hoặc không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án; quyết định giải quyết khiếu nại lần tiếp theo mà trong thời hạn khiếu nại do luật định người khiếu nại không khiếu nại tiếp.

Điều 3.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định kỷ luật của mình, nếu thấy trái pháp luật thì kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh phát sinh khiếu nại.

Nhà nước khuyến khích việc hòa giải các tranh chấp trong nội bộ nhân dân trước khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó nhằm hạn chế khiếu nại phát sinh từ cơ sở.

Điều 4.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 6.

Người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo mà không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết hoặc cố tình giải quyết trái pháp luật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7.

Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 8.

Quyết định giải quyết khiếu nại phải được mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải được cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan nghiêm chỉnh chấp hành. Người có trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại mà không thi hành phải bị xử lý nghiêm minh.

Người giải quyết tố cáo phải xem xét, kết luận về nội dung tố cáo, nếu có vi phạm thì phải kịp thời xử lý hoặc yêu cầu người có thẩm quyền xử lý người vi phạm.

Người bị thiệt hại được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 9.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 10.

Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức, chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức, chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi địa phương mình.

Điều 11.

Thanh tra nhà nước các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thanh tra việc chấp hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo của

các cơ quan hành chính nhà nước; xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 12.

Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 13.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận động viên nhân dân nghiêm chỉnh thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật này.

Điều 14.

Tổ chức thanh tra nhân dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở theo quy định của Luật này.

Điều 15.

Khiếu nại, tố cáo do cơ quan báo chí chuyển đến phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết và thông báo cho cơ quan đã chuyển đơn đến biết việc giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan báo chí đưa tin về việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật báo chí sau khi đã xác minh đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đưa tin đó.

Điều 16.

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo; tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; cố tình không giải quyết hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật; bao che người bị khiếu nại, tố cáo; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; đe dọa, xúc phạm người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo; lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối trật tự.

CHƯƠNG II
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

Mục 1

**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI KHIẾU NẠI,
NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI**

Điều 17.

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

- a) Tự mình khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại;
- b) Được nhận văn bản trả lời về việc thụ lý để giải quyết khiếu nại; nhận quyết định giải quyết khiếu nại;
- c) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
- d) Được khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng hành chính;
- đ) Rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết.

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;
- b) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó;
- c) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 18.

1. Người bị khiếu nại có các quyền sau đây:

- a) Đưa ra bằng chứng về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại;
- b) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại tiếp theo đối với khiếu nại mà mình đã giải quyết nhưng người khiếu nại tiếp tục khiếu nại.

2. Người bị khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; thông báo bằng văn bản về việc thụ lý để giải quyết, gửi quyết định giải quyết cho người khiếu nại và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình; trong trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuyển đến thì phải thông báo việc giải quyết hoặc kết quả giải quyết cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó theo quy định của Luật này;

b) Giải trình về quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại, cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;

d) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Mục 2

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 19.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Điều 20.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;

2. Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại.

Điều 21.

Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

Điều 22.

Giám đốc sở và cấp tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp;
2. Giải quyết khiếu nại mà những người quy định tại Điều 21 của Luật này đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại.

Điều 23.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;
2. Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại; quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;
3. Giải quyết khiếu nại mà Giám đốc sở hoặc cấp tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà nội dung thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Điều 24.

Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

Điều 25.

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền:

- a) Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp;

b) Giải quyết khiếu nại mà những người quy định tại Điều 24 của Luật này đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại;

c) Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu, khiếu nại mà Giám đốc sở hoặc cấp tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại mà nội dung thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Điều 26.

Tổng Thanh tra nhà nước có thẩm quyền:

1. Giải quyết khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại, trừ khiếu nại đã có quyết định giải quyết của thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ là Bộ trưởng; quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;

2. Xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ;

3. Giải quyết khiếu nại do Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền theo quy định của Chính phủ;

4. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 27.

1. Chánh thanh tra cấp tỉnh, Chánh thanh tra cấp huyện có thẩm quyền:

a) Xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

b) Giải quyết khiếu nại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp uỷ quyền theo quy định của Chính phủ.

2. Chánh thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh thanh tra sở và cấp tương đương có trách nhiệm xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan đó.

Điều 28.

1. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền giải quyết cuối cùng đối với:

a) Khiếu nại mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã giải quyết nhưng còn có khiếu nại, trừ khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;

b) Khiếu nại đặc biệt phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương, nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước.

2. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 29.

1. Thủ tướng Chính phủ giải quyết những tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết những tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Mục 3

KHIẾU NẠI, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 30.

Người khiếu nại lần đầu phải khiếu nại với người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có cán bộ, công chức có hành vi hành chính mà người khiếu nại có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 31.

Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được có hành vi hành chính.

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Điều 32.

Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý để giải quyết:

1. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;
2. Người khiếu nại không có năng lực hành vi đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
3. Người đại diện không hợp pháp;
4. Thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp đã hết;
5. Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;
6. Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý để giải quyết hoặc đã có bản án, quyết định của Tòa án.

Điều 33.

1. Trong trường hợp việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên.

2. Trong trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì cán bộ có trách nhiệm phải hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này, có chữ ký của người khiếu nại.

3. Trong trường hợp việc khiếu nại được thực hiện thông qua người đại diện thì người đại diện phải có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện và việc khiếu nại phải thực hiện theo đúng thủ tục quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 34.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật này, người giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

Điều 35.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết

định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết lần đầu. Quyết định tạm đình chỉ phải được gửi cho người khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan. Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải hủy bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó.

Điều 36.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 37.

Khi cần thiết, người giải quyết khiếu nại lần đầu gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại.

Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản và phải gửi quyết định này cho người khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan; khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại đối với người khiếu nại và người bị khiếu nại.

Điều 38.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau đây:

1. Ngày, tháng, năm ra quyết định;
2. Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
3. Nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ;
4. Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
5. Giữ nguyên, sửa đổi hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;
6. Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);
7. Quyền khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Điều 39.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết quy định tại Điều 36 của Luật này mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý, thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật; đối với vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn nói trên có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.

Điều 40.

Trong trường hợp tiếp tục khiếu nại, thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo bản sao quyết định giải quyết khiếu nại trước đó và các tài liệu liên quan (nếu có) cho người giải quyết khiếu nại tiếp theo.

Điều 41.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật này, người giải quyết khiếu nại tiếp theo phải thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại trước đó biết; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

Điều 42.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại trước đó sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó.

Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết. Quyết định tạm đình chỉ phải được gửi cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại trước đó, người có quyền, lợi ích liên quan. Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải huỷ bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó.

Điều 43.

Thời hạn giải quyết khiếu nại mỗi lần tiếp theo không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp, thì thời hạn giải quyết

khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại mỗi lần tiếp theo không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 44.

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo, người giải quyết khiếu nại có quyền:

a) Yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu và những bằng chứng về nội dung khiếu nại;

b) Yêu cầu người bị khiếu nại giải trình bằng văn bản về những nội dung bị khiếu nại;

c) Yêu cầu người giải quyết khiếu nại trước đó, cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu và những bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại;

d) Triệu tập người bị khiếu nại, người khiếu nại để tổ chức đối thoại khi cần thiết;

đ) Xác minh tại chỗ;

e) Trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi nhận được yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện đúng các yêu cầu đó.

Điều 45.

1. Người giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Quyết định giải quyết khiếu nại phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;

c) Nội dung khiếu nại;

d) Kết quả thẩm tra, xác minh;

đ) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;

e) Kết luận về nội dung khiếu nại và việc giải quyết của người giải quyết khiếu nại trước đó;

g) Giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;

h) Việc bồi thường thiệt hại (nếu có);

i) Quyền khiếu nại tiếp của người khiếu nại; nếu là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng thì phải ghi rõ.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo phải được gửi cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại trước đó, người có quyền, lợi ích liên quan, người đã chuyển đơn đến trong thời hạn chậm nhất là 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết.

Người giải quyết khiếu nại các lần tiếp theo khi cần thiết thì công bố công khai quyết định giải quyết đối với người khiếu nại và người bị khiếu nại.

Điều 46.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết quy định tại Điều 43 của Luật này mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại mà người khiếu nại không đồng ý, thì có quyền tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo, trừ trường hợp quyết định đó là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng; đối với vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn nói trên có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày.

Điều 47.

1. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm:

- a) Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại;
- b) Văn bản trả lời của người bị khiếu nại;
- c) Biên bản thẩm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định;
- d) Quyết định giải quyết khiếu nại;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp người khiếu nại tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì hồ sơ đó phải được chuyển cho cơ quan hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

CHƯƠNG III
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 48.

Khiếu nại của cán bộ, công chức đối với quyết định kỷ luật áp dụng theo quy định của pháp luật thì được giải quyết theo quy định của Luật này.

Khiếu nại của cán bộ, công chức là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với quyết định kỷ luật áp dụng theo Điều lệ thì được giải quyết theo Điều lệ của tổ chức đó.

Điều 49.

Thời hiệu khiếu nại là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật.

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Điều 50.

Việc khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn; trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và có chữ ký của người khiếu nại.

Điều 51.

Đơn khiếu nại phải được gửi đến người đã ra quyết định kỷ luật. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, người đã ra quyết định kỷ luật phải thụ lý để giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết.

Điều 52.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 53.

1. Người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định giải quyết khiếu nại

bằng văn bản. Quyết định giải quyết khiếu nại phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- c) Nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ;
- d) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- đ) Giữ nguyên, sửa đổi hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định kỷ luật bị khiếu nại;
- e) Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có).

2. Quyết định giải quyết khiếu nại phải được gửi cho người khiếu nại và cơ quan, tổ chức hữu quan.

Điều 54.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết, người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo phải xem xét, ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản; đối với vụ việc phức tạp, thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Điều 55.

Cán bộ, công chức khiếu nại quyết định kỷ luật buộc thôi việc, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết lần đầu, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết đó thì trong thời hạn quy định tại Điều 39 của Luật này có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 56.

Căn cứ vào quy định của Luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của cán bộ, công chức đối với quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG IV
TỐ CÁO, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Mục 1

**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TỐ CÁO,
NGƯỜI BỊ TỐ CÁO**

Điều 57.

1. Người tố cáo có các quyền sau đây:

- a) Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;
- b) Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình;
- c) Yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù.

2. Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Trình bày trung thực về nội dung tố cáo;
- b) Nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.

Điều 58.

1. Người bị tố cáo có các quyền sau đây:

- a) Được thông báo về nội dung tố cáo;
- b) Đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật;
- c) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được phục hồi danh dự, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo không đúng gây ra;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo sai sự thật.

2. Người bị tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Giải trình về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

c) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

Mục 2

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 59.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật mà người bị tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nào thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của người thuộc cơ quan, tổ chức nào thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nào thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm giải quyết.

Điều 60.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật mà nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

Tố cáo hành vi phạm tội do các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 61.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền; trong trường hợp cần thiết thì giao cho cơ quan Thanh tra hoặc cơ quan có thẩm quyền khác tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo.

Điều 62.

Chánh thanh tra các cấp có thẩm quyền:

1. Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan cùng cấp khi được giao;
2. Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Thủ trưởng cơ quan cấp dưới trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan cùng cấp đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp

luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

Điều 63.

Tổng Thanh tra nhà nước có thẩm quyền:

1. Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ khi được giao;

2. Xem xét, kết luận về nội dung tố cáo mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

Điều 64.

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giải quyết những tố cáo có nội dung đặc biệt phức tạp; quyết định xử lý tố cáo mà Tổng Thanh tra nhà nước đã kết luận, kiến nghị theo quy định tại điểm 1 Điều 63 của Luật này.

Mục 3

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 65.

Người tố cáo phải gửi đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Trong đơn tố cáo phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người tố cáo; nội dung tố cáo. Trong trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người có trách nhiệm tiếp nhận phải ghi lại nội dung tố cáo, họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, có chữ ký của người tố cáo.

Điều 66.

Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo phải thụ lý để giải quyết; trong trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo khi họ yêu cầu.

Trong trường hợp cấp thiết, cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo phải báo ngay cho cơ quan có trách nhiệm để áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật; áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người tố cáo khi họ yêu cầu.

Điều 67.

Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 68.

Người giải quyết tố cáo phải ra quyết định về việc tiến hành xác minh và kết luận về nội dung tố cáo, xác định trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với người vi phạm.

Điều 69.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết thì người tố cáo có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo; thời hạn giải quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Luật này.

Điều 70.

Trong quá trình xác minh việc tố cáo, người giải quyết tố cáo có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật trong việc giải quyết tố cáo;
2. Yêu cầu người tố cáo cung cấp bằng chứng, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
3. Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo;
4. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
5. Trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 71.

Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố cáo, nếu thấy có dấu hiệu phạm tội thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết tố cáo phải chuyển tin báo, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được tin báo hoặc nhận được hồ sơ, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát

phải thông báo bằng văn bản về việc xử lý cho cơ quan, tổ chức đó biết; trường hợp tố cáo có nội dung phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày.

Điều 72.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo phải giữ bí mật cho người tố cáo; không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và các thông tin khác có hại cho người tố cáo.

Điều 73.

1. Việc giải quyết tố cáo phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ giải quyết tố cáo bao gồm:

- a) Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo;
- b) Biên bản xác minh, kết quả giám định, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết;
- c) Văn bản giải trình của người bị tố cáo;
- d) Kết luận về nội dung tố cáo; văn bản kiến nghị biện pháp xử lý;
- đ) Quyết định xử lý;
- e) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ giải quyết tố cáo phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu thì hồ sơ được chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

CHƯƠNG V

VIỆC TỐ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN

Điều 74.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và tổ chức việc tiếp công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo; bố trí cán bộ có phẩm chất tốt, có kiến thức và am hiểu chính sách, pháp luật, có ý thức trách nhiệm làm công tác tiếp công dân.

Điều 75.

Việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đưa đơn khiếu nại, tố cáo được

tiến hành tại nơi tiếp công dân.

Cơ quan nhà nước phải bố trí nơi tiếp công dân thuận tiện, bảo đảm các điều kiện để công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo được dễ dàng, thuận lợi.

Tại nơi tiếp công dân phải niêm yết lịch tiếp công dân, nội quy tiếp công dân.

Điều 76.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan khác của Nhà nước có trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân theo quy định sau đây:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, mỗi tuần ít nhất một ngày;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, mỗi tháng ít nhất hai ngày;
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, mỗi tháng ít nhất một ngày;
- d) Thủ trưởng các cơ quan khác của Nhà nước, mỗi tháng ít nhất một ngày.

2. Thanh tra Nhà nước các cấp, các cơ quan khác của Nhà nước có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân thường xuyên theo quy định của pháp luật.

Điều 77.

Người tiếp công dân có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo;
2. Hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo;
3. Giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo khi người tố cáo yêu cầu.

Điều 78.

Người đến khiếu nại, tố cáo tại nơi tiếp công dân có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Xuất trình giấy tờ tùy thân, tuân thủ nội quy nơi tiếp công dân và thực hiện theo sự hướng dẫn của người tiếp công dân;
2. Trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo của mình và ký xác nhận những nội dung đã trình bày;
3. Được hướng dẫn, giải thích về việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo;
4. Cử đại diện để trình bày với người tiếp công dân trong trường hợp có nhiều người khiếu nại, tố cáo về cùng một nội dung;

5. Được khiếu nại, tố cáo về những hành vi sai trái, cản trở, gây phiền hà, sách nhiễu của người tiếp công dân.

Điều 79.

Nghiêm cấm việc cản trở, gây phiền hà, sách nhiễu đối với công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Nghiêm cấm việc gây rối trật tự ở nơi tiếp công dân, vu cáo, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan nhà nước, người thi hành nhiệm vụ, công vụ.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 80.

Nội dung quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo bao gồm:

1. Ban hành các văn bản pháp luật, quy chế, điều lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo;
2. Tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện các quy định về khiếu nại, tố cáo;
3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về khiếu nại, tố cáo;
4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác tiếp công dân;
5. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
6. Tổng kết kinh nghiệm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 81.

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước.

Thanh tra nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ.

Điều 82.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân

2. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo thì nghiên cứu, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì yêu cầu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời yêu cầu đó trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết;

3. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

Điều 87.

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Khi nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền và đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; đồng thời báo cho người khiếu nại, tố cáo biết việc chuyển đơn đó;

b) Khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

2. Người có thẩm quyền khi nhận được khiếu nại, tố cáo do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến phải xem xét, giải quyết và trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đã chuyển đơn đến biết kết quả giải quyết.

Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết không thoả đáng, đại biểu Quốc hội có quyền gặp Thủ trưởng cơ quan hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại. Khi cần thiết, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu Thủ trưởng cơ quan hữu quan cấp trên của cơ quan đó giải quyết.

Điều 88.

Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức để đại biểu Quốc hội trong đoàn tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo, tiếp nhận và chuyển khiếu nại, tố cáo đến người có thẩm quyền và

đôn đốc, theo dõi việc giải quyết đó. Người giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật này.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm.

Điều 89.

1. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tại kỳ họp;

b) Cử đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương mình; khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm và xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo; khi nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm nghiên cứu; nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị đó trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết.

3. Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện giúp Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 90.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo thì nghiên cứu, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì yêu cầu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời yêu cầu đó trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết;

3. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

Điều 87.

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Khi nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền và đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; đồng thời báo cho người khiếu nại, tố cáo biết việc chuyển đơn đó;

b) Khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

2. Người có thẩm quyền khi nhận được khiếu nại, tố cáo do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến phải xem xét, giải quyết và trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đã chuyển đơn đến biết kết quả giải quyết.

Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết không thoả đáng, đại biểu Quốc hội có quyền gặp Thủ trưởng cơ quan hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại. Khi cần thiết, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu Thủ trưởng cơ quan hữu quan cấp trên của cơ quan đó giải quyết.

Điều 88.

Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức để đại biểu Quốc hội trong đoàn tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo, tiếp nhận và chuyển khiếu nại, tố cáo đến người có thẩm quyền và

đôn đốc, theo dõi việc giải quyết đó. Người giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật này.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm.

Điều 89.

1. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tại kỳ họp;

b) Cử đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương mình; khi phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm và xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo; khi nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm nghiên cứu; nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị đó trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết.

3. Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện giúp Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 90.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Mục 2

GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN, CỦA TỔ CHỨC THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 91.

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tổ chức việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo; khi nhận được khiếu nại, tố cáo thì nghiên cứu, chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Khiếu nại, tố cáo do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận chuyển đến phải được người giải quyết khiếu nại, tố cáo xem xét, giải quyết và trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đã chuyển đơn đến biết kết quả giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì tổ chức đã chuyển đơn có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị đó trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết.

Điều 92.

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao định kỳ thông báo đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp định kỳ thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 93.

1. Tổ chức Thanh tra nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tiếp nhận thông tin, phản ánh của nhân dân về việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị cơ sở; kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở giải quyết kịp thời, đúng pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giám sát việc giải quyết đó.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở

có trách nhiệm thông báo cho tổ chức Thanh tra nhân dân biết việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và xem xét, giải quyết kiến nghị của tổ chức Thanh tra nhân dân.

Điều 94.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức Thanh tra nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VIII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 95.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 96.

Người giải quyết khiếu nại, tố cáo nếu có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

1. Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
2. Gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo;
3. Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
4. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo;
5. Ra quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo trái pháp luật;
6. Không kịp thời áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật;
7. Đe dọa, trù dập, trả thù người khiếu nại, tố cáo; bao che cho người bị khiếu nại, tố cáo;

8. Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các Điều 15, 85, 86, 87, 88, 89, 91 và 93 của Luật này;

9. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 97.

Người tiếp công dân nếu có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

1. Thiếu trách nhiệm trong việc tiếp công dân;
2. Gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cản trở người đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
3. Vi phạm nội quy, quy chế tiếp công dân;
4. Không kịp thời xử lý hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp;
5. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về việc tiếp công dân.

Điều 98.

Người có trách nhiệm chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo nếu không chấp hành thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 99.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mà không áp dụng biện pháp cần thiết để xử lý kịp thời đối với cá nhân vi phạm quy định tại Điều 96, Điều 97 và Điều 98 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 100.

Người nào có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

1. Kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật;
2. Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối trật

tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

3. Tố cáo sai sự thật ;

4. Đe dọa, trả thù, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo;

5. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101.

Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại của cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài, việc tố cáo và giải quyết tố cáo của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 102.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này; căn cứ vào Luật này, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

Điều 103.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân ngày 7 tháng 5 năm 1991 hết hiệu lực, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Những quy định trước đây trái Luật này đều bãi bỏ.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1998.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHỈ THỊ SỐ 09/CT-TW
NGÀY 06-3-2002 CỦA BAN BÍ THƯ
Về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện
trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến việc mở rộng dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận, được cụ thể hoá trong Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản pháp luật khác, tạo cơ sở pháp lý cho công dân, cơ quan nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Bộ Chính trị và Chính phủ đã có nhiều chủ trương và biện pháp chỉ đạo xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân. Ở nhiều địa phương, cấp uỷ đảng, chính quyền đã triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và chủ động giải quyết tốt khiếu tố của dân nên tình hình ổn định; việc giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân và giữa người dân với các cơ quan nhà nước được tiến hành đúng pháp luật, kỷ cương và có hiệu quả, ít hoặc không có các đoàn khiếu tố lên Trung ương.

Nhưng thời gian gần đây tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân diễn biến không bình thường, số lượng gia tăng, tính chất phức tạp. Nhiều đoàn khiếu tố đông người, có tổ chức, vượt cấp lên Trung ương, kéo đến công sở các cơ quan và nhà riêng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, có hiện tượng những người khiếu tố ở các địa phương khác nhau đã liên kết với nhau gây áp lực đòi giải quyết theo yêu cầu của họ. Trong những người tham gia khiếu kiện, có những người khiếu tố đúng, mong muốn được pháp luật giải quyết công minh; nhưng cũng có một số người mặc dù tranh chấp liên quan đến mình đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đúng pháp luật, nhưng hoặc vì thiếu hiểu biết, hoặc vì cố chấp mà vẫn cố tình khiếu nại kéo dài; một số phần tử quá khích thậm chí coi thường pháp luật, ngang nhiên thách đố, xâm phạm trụ sở các cơ quan công quyền, xúc phạm, đe dọa và

hành hung những người thi hành công vụ. Một số kẻ xấu, trong đó có cả những phân tử có tiền án, tiền sự không chịu hối cải lợi dụng khiếu tố để cò mồi, kích động nhằm "đục nước béo cò" tìm kiếm lợi ích riêng; một số ít đối tượng cơ hội chính trị cũng nhân dịp này tìm mọi cách kích động gây rối, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đáng tiếc là một số đồng bào đã nhẹ dạ để bọn xấu lôi kéo, tham gia vào những hành động sai trái này. Tình hình trên đây phải được kiên quyết ngăn chặn, khắc phục, nếu không sẽ có thể gây hậu quả phức tạp, khó lường.

Tranh chấp dân sự và khiếu kiện của dân là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về chính sách, luật pháp chưa hoàn chỉnh; trong lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội, một số cán bộ hoặc cấp uỷ và chính quyền các cấp có những khuyết điểm, sai phạm (quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, giải quyết một số vụ việc chưa đúng chính sách, luật pháp, chưa thoả đáng, công bằng v.v.). Nhưng, nguyên nhân trực tiếp gây ra những cuộc khiếu kiện vượt cấp, đông người, có vụ mang tính kích động như gần đây là do một số cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc tiếp nhận, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của dân; giải quyết nhiều vụ việc chậm, chưa nghiêm túc, thiếu đả, chưa đúng chính sách, pháp luật, làm cho dân bất bình, giảm lòng tin vào lãnh đạo địa phương và cơ quan công quyền; chưa làm tốt việc vận động, giải thích, hướng dẫn nhân dân thực hiện việc khiếu tố một cách có trật tự, đúng chỗ, đúng pháp luật; chưa phê phán, lên án nghiêm khắc những hành vi kích động, xúi giục của bọn xấu, chưa kiên quyết xử lý, trừng trị những kẻ cố tình gây rối, coi thường và chống đối pháp luật.

Để khắc phục tình trạng khiếu tố đông người, vượt cấp lên Trung ương, khiếu tố không đúng quy định và những hành vi lợi dụng việc khiếu tố gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lập lại trật tự trong việc khiếu nại, tố cáo, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng phối hợp với các cấp chính quyền, các đoàn thể thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả những việc sau đây:

1. Cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp phải đặc biệt quan tâm đến việc tiếp dân, giải quyết đúng đắn, kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, ngăn ngừa, khắc phục tình trạng công dân khiếu tố vượt cấp, không đúng nơi quy định, gây mất trật tự nơi công sở hoặc nhà riêng các đồng chí lãnh đạo, ảnh hưởng

đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thường vụ cấp uỷ, trước hết là đồng chí bí thư phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tất cả các cấp uỷ, nhất là cấp uỷ ở những nơi đang có khiếu kiện phức tạp, phải phân tích, đánh giá tình hình khiếu kiện của dân; rà soát các vụ việc, nhất là các vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, bàn kế hoạch chỉ đạo, phân công giải quyết tích cực, nghiêm túc trong thời gian sớm nhất. Những vụ việc còn phải chờ chủ trương, chính sách chung của Nhà nước, chưa thể giải quyết sớm thì trả lời công khai cho dân biết.

Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của cấp uỷ và chính quyền địa phương cần phân công nhau, bố trí lịch tiếp dân theo quy định của pháp luật, trực tiếp đối thoại với dân, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân; trực tiếp chỉ đạo giải quyết những vụ việc đặc biệt phức tạp.

Các vụ việc đã có quyết định giải quyết đúng chính sách, pháp luật, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức thực hiện ngay, kiên quyết xử lý cán bộ thiếu trách nhiệm gây chậm trễ hoặc né tránh việc giải quyết. Trường hợp còn nhiều ý kiến khác nhau thì bàn thống nhất trong cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể để có kết luận giải quyết dứt điểm.

Cần làm rõ các nguyên nhân phát sinh khiếu tố để rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác lãnh đạo và quản lý. Cán bộ, đảng viên có sai phạm phải xử lý nghiêm minh theo Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Những nơi mất đoàn kết trong nội bộ đảng làm nảy sinh khiếu tố phức tạp, thì cấp uỷ cấp trên phải tập trung giải quyết tình trạng mất đoàn kết, kiện toàn tổ chức, kịp thời thay thế những cán bộ không còn đủ tín nhiệm.

Những việc làm trên đây phải được duy trì thường xuyên; coi kết quả của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá hoạt động của mỗi cấp uỷ, đơn vị, mỗi cán bộ, đảng viên.

2. Đảng uỷ, ban cán sự đảng các ngành Công an, Kiểm sát, Toà án, Tư pháp chỉ đạo rà soát, phân loại các vụ việc khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp, có kế hoạch giải quyết và chỉ đạo cấp dưới giải quyết các khiếu nại, tố cáo đó; lựa chọn những vụ khiếu tố về hoạt động tư pháp có nhiều bức xúc, được dư luận quan tâm để kiểm tra, xem xét và giải quyết dứt điểm; từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời những sai phạm của các cơ quan tư pháp, xử lý

nghiêm minh những cán bộ tư pháp làm sai và xem xét nghiêm túc việc bồi thường thiệt hại do những sai phạm đó gây ra.

3. Cần làm tốt việc tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện đúng quyền khiếu nại, tố cáo, thực hiện việc khiếu nại, tố cáo một cách có trật tự, đúng pháp luật, đến đúng cấp và cơ quan có thẩm quyền, đúng nơi quy định là trụ sở tiếp công dân hoặc cơ quan có trách nhiệm của địa phương, của Trung ương. Những vụ việc cơ quan có trách nhiệm đã giải quyết đúng thì khẩn trương thi hành; nếu người dân còn tiếp tục khiếu tố thì cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể cần kiên trì vận động, giải thích, thuyết phục để họ hiểu và nghiêm túc thực hiện.

Kiên trì giải thích để nhân dân hiểu việc tụ tập đông người nơi công sở và tại nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo để đưa đơn, yêu cầu giải quyết khiếu tố vừa không giúp giải quyết nhanh được vụ việc, vừa ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, chỉ tạo cơ hội cho bọn cò mồi lừa đảo gây thiệt hại cho dân và bọn xấu lợi dụng gây rối trật tự trị an xã hội. Thông báo rõ với nhân dân: từ nay, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước không tiếp hoặc nhận đơn khiếu tố tại nhà riêng hoặc tại các cơ quan không có chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Khi có đoàn đông người từ các địa phương lên Trung ương khiếu kiện vượt cấp thì các cơ quan chức năng ở Trung ương cùng với cấp uỷ và lãnh đạo chính quyền thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu địa phương có dân khiếu kiện cử đại diện lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền phối hợp với các cơ quan trung ương, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh bàn biện pháp phối hợp xử lý.

4. Đối với những người lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo của công dân để kích động, xúi giục, tổ chức đông người đi khiếu kiện và có hành vi gây mất trật tự an ninh phải nghiêm khắc phê phán, lên án; phải vạch mặt kẻ xấu cho nhân dân biết và cảnh giác, đồng thời xử lý nghiêm theo pháp luật.

Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng của Nhà nước và chính quyền các địa phương ra quy định về các khu vực, mục tiêu cần bảo vệ và các hành vi phải ngăn cấm cũng như những chế tài cần thiết phù hợp với quy định chung của pháp luật. Các cơ quan bảo vệ pháp luật xây dựng quy chế, chuẩn bị phương án, biện pháp xử lý thích hợp những trường hợp vi phạm.

5. Đảng đoàn Quốc hội đề nghị với Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, các cơ

quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội tăng cường thực hiện chức năng giám sát các cơ quan nhà nước, đoàn thể quần chúng thực hiện tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về hành chính, dân sự, kinh tế và tư pháp.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân lãnh đạo đoàn thể của mình thường xuyên vận động, giáo dục, hướng dẫn các thành viên tự giác chấp hành pháp luật; giám sát và tích cực tham gia cùng các cơ quan nhà nước giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân. Coi trọng xây dựng tinh thần đoàn kết, chú ý làm tốt công tác hoà giải những tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân để hạn chế tối đa việc phải đưa các tranh chấp dân sự ra giải quyết trước cơ quan pháp luật và ngăn các vụ việc nhỏ trở thành các vấn đề phức tạp.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan tuyên truyền pháp luật khiếu nại, tố cáo để mọi người hiểu rõ chính sách, pháp luật, biểu dương kịp thời những điển hình tốt, những kinh nghiệm, sáng kiến hay; phê phán những việc làm trái pháp luật. Khi đưa tin các sự việc cụ thể phải khách quan, trên cơ sở thẩm tra, xác minh cụ thể hoặc sử dụng kết luận của cơ quan có thẩm quyền; khắc phục hiện tượng đưa tin một chiều, sai lệch nội dung, bản chất sự việc hoặc suy diễn mang tính kích động, không có lợi.

7. Ban Nội chính Trung ương chủ trì cùng với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban cán sự đảng Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra thực hiện Chỉ thị này và báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-TW
NGÀY 02-01-2002 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp
trong thời gian tới

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP TRONG NHỮNG NĂM VỪA QUA

Trong những năm qua, tình hình vi phạm pháp luật, tội phạm và các tranh chấp xảy ra nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, nhưng công tác tư pháp đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới; phần lớn cán bộ làm công tác tư pháp giữ vững phẩm chất chính trị, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ, nhiều đồng chí đã tận tụy với công việc, có những trường hợp hy sinh cả tính mạng trong cuộc đấu tranh chống tội phạm.

Tuy nhiên, chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp.

Những tồn tại, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng trước hết là do một số nguyên nhân chủ quan cơ bản sau đây:

1. Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước.

2. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ

quan tư pháp còn nhiều bất hợp lý nhưng chậm được đổi mới, kiện toàn cho phù hợp.

3. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và chức trách được giao.

4. Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về lĩnh vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế.

5. Việc triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về cải cách tư pháp chưa nghiêm. Nhìn chung sự lãnh đạo của Đảng và sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác tư pháp còn hạn chế, chưa có cơ chế cụ thể để chỉ đạo sự phối hợp hoạt động của các cơ quan tư pháp. Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về lĩnh vực tư pháp chưa được chú ý đúng mức. Cơ quan tham mưu của cấp uỷ về lĩnh vực nội chính chậm được kiện toàn, chất lượng tham mưu yếu.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Để trong thời gian tới công tác tư pháp có những chuyển biến mạnh mẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần quán triệt một số quan điểm chỉ đạo và tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm dưới đây.

A. Quan điểm chỉ đạo

1. Công tác tư pháp phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; giữ vững bản chất của Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, đặc biệt là các tội xâm phạm an

ninh quốc gia, tội tham nhũng và các loại tội phạm có tổ chức; bảo vệ trật tự, kỷ cương; bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Các cơ quan tư pháp phải dựa vào nhân dân để hoạt động, đồng thời phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp.

4. Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước.

B. Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới

1. Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp.

a) Nâng cao chất lượng công tác điều tra, thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, tăng cường phối hợp giữa cơ quan chuyên trách điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can trong một số loại tội.

b) Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...

Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ. Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình.

c) Khi xét xử, các toà án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của toà án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định.

d) Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên toà...

đ) Trên cơ sở tổng kết, đánh giá về công tác thi hành án, cần sớm xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thi hành án, bảo đảm các quyết định, bản án của toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh. Xây dựng đề án thay đổi việc tổ chức thi hành hình phạt tử hình và nghiên cứu hạn chế án tử hình trong Bộ luật hình sự.

e) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử cần thực hiện đúng thời hạn tố tụng như luật định.

g) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì phối hợp các cơ quan tư pháp trong việc nghiên cứu cơ chế, chính sách và các biện pháp để đấu tranh, xử lý có hiệu quả các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô, tội hối lộ, tội nhận hối lộ.

h) Khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp bị oan, sai trong hoạt động tố tụng; nghiên cứu xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại về tư pháp.

2. Tiếp tục cụ thể hoá và thực hiện những chủ trương về cải cách, tổ chức và đổi mới hoạt động các cơ quan tư pháp đã được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, cụ thể là:

a) Khẩn trương tiến hành tổng kết việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, xây dựng đề án về tổ chức và sắp xếp, củng cố lại các cơ quan điều tra theo hướng: Bộ Công an cần thống nhất chỉ huy các cơ quan

điều tra thuộc Bộ; mỗi đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan điều tra cần được tổ chức, phân công chuyên sâu về từng lĩnh vực và quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, đặc biệt là quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan điều tra; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trình sát; nghiên cứu sáp nhập các cơ quan điều tra thuộc công an ở địa phương. Có phương án đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan điều tra trong quân đội phù hợp với hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra của Nhà nước. Ở ngành kiểm sát chỉ tổ chức cơ quan điều tra tại Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp.

Thực hiện chuyên môn hoá lực lượng điều tra và bố trí những cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực tổ chức, chỉ huy, nắm vững pháp luật, giỏi về nghiệp vụ điều tra giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan điều tra các cấp. Bổ sung và nâng cao chất lượng cán bộ cho các cơ quan điều tra, nhất là ở cấp huyện.

b) Tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trong Viện kiểm sát các cấp để thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

c) Nghiên cứu để quy định và thực hiện thủ tục tố tụng rút gọn đối với những vụ án đơn giản, phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, hậu quả ít nghiêm trọng; khẩn trương chuẩn bị tốt điều kiện để thực hiện việc tăng thẩm quyền xét xử cho toà án cấp huyện; nghiên cứu mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính để góp phần khắc phục tình trạng trì trệ trong công tác giải quyết khiếu kiện hành chính hiện nay; nghiên cứu thành lập Toà hôn nhân và gia đình; đổi mới tổ chức của Toà án nhân dân tối cao để tập trung làm tốt nhiệm vụ giám đốc thẩm, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn các toà án áp dụng pháp luật thống nhất.

Toà án nhân dân tối cao quản lý toà án địa phương về tổ chức để bảo đảm gắn việc theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn với việc nhận xét, đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ; phân cấp, bổ nhiệm thẩm phán theo hướng Chủ tịch nước chỉ bổ nhiệm thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

d) Thành lập Cảnh sát tư pháp trên cơ sở tổ chức và lực lượng hiện có ở ngành công an để chuyên làm nhiệm vụ bảo vệ phiên toà, dẫn giải bị can, bị cáo, bảo vệ trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, hỗ trợ trong công tác thi hành án hình sự, dân sự... Trước mắt, Bộ Công an quản lý lực lượng cảnh sát tư pháp.

đ) Từng bước hoàn thiện các tổ chức giám định tư pháp. Thành lập cơ

quan giám định pháp y quốc gia. Sớm hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp. Tăng cường, củng cố các tổ chức luật sư. Cải tiến hoạt động công chứng bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, chính xác. Nâng cao chất lượng công tác thống kê tư pháp, nghiên cứu việc thống nhất vào một cơ quan thực hiện công tác này.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Sắp xếp lại việc đào tạo cử nhân luật tập trung vào hai trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; thống nhất chương trình, giáo trình đào tạo, bảo đảm các sinh viên sau khi tốt nghiệp phải có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và nắm vững kiến thức pháp luật.

Đổi mới công tác đào tạo cán bộ có chức danh tư pháp theo hướng: cán bộ có chức danh tư pháp phải có trình độ đại học luật và được đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp tư pháp theo chức danh. Nghiên cứu xây dựng đề án thành lập cơ quan thống nhất đầu mối đào tạo nghề nghiệp cho cán bộ có chức danh tư pháp và nghiên cứu khoa học tư pháp. Đối với điều tra viên thì do trường của Bộ Công an đào tạo.

Nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức và nghề nghiệp chuyên môn của các cán bộ tư pháp. Nghiên cứu tiến tới thực hiện việc thi sát hạch trước khi bổ nhiệm và quy định thời hạn bổ nhiệm các cán bộ có chức danh tư pháp; cải tiến thủ tục bổ nhiệm theo hướng gọn, kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai.

Tăng cường cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan tư pháp ở Trung ương và địa phương; chú trọng đề bạt số cán bộ có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm trong thực tiễn công tác đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo các cơ quan tư pháp. Thực hiện luân chuyển cán bộ tư pháp giữa các cấp và các địa phương, đồng thời xây dựng chế độ, chính sách phù hợp để thực hiện việc luân chuyển đó.

Rà soát lại đội ngũ cán bộ tư pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh; xác định lại biên chế cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, tùy từng nơi, từng đơn vị nếu do nhiệm vụ đòi hỏi thì cần tăng biên chế hợp lý để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế lựa chọn, bầu cử, bồi dưỡng, quản lý hội thẩm nhân dân nhằm đề cao trách nhiệm và vai trò của hội thẩm nhân dân trong xét xử.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ các cơ quan tư pháp;

hàng năm nhận xét, đánh giá về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực trình độ của cán bộ có chức danh tư pháp để xem xét việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phân công nhiệm vụ hoặc miễn nhiệm, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ yếu kém, vi phạm pháp luật.

Phát triển và kiện toàn đội ngũ luật sư, giám định viên, công chứng viên có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2005 cơ bản có đủ cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp.

Tăng đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hoá các cơ quan tư pháp.

Phấn đấu đến năm 2005 xây dựng đủ trụ sở và cơ sở làm việc của các cơ quan tư pháp từ Trung ương tới cấp huyện; xây dựng, cải tạo, sửa chữa các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Có chính sách tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ phù hợp cho cán bộ tư pháp; khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ có thành tích, chiến công trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ công lý.

5. Huy động sự tham gia rộng rãi và tích cực của nhân dân vào công tác tư pháp, nâng cao hiệu quả công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức xã hội và nhân dân đối với các cơ quan tư pháp.

Thu hút đông đảo nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, tội phạm ngay tại thôn, làng, bản, ấp, khu dân cư. Có biện pháp bảo vệ và khen thưởng những người có công phát hiện, tố giác tội phạm, giúp đỡ cơ quan tư pháp bắt giữ kẻ phạm tội.

Các phương tiện thông tin đại chúng cần tích cực tham gia vào việc phát hiện vi phạm, tội phạm, biểu dương những cán bộ tư pháp dũng cảm đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ công lý, phê phán hành vi tiêu cực, tham nhũng, vô trách nhiệm; khi đưa tin, bình luận về hoạt động của các cơ quan tư pháp phải bảo đảm tính khách quan, trung thực và phải chịu trách nhiệm về việc đưa tin và bình luận.

Xây dựng cơ chế để nâng cao hiệu quả của các hình thức giải quyết tranh chấp khác như hoà giải, trọng tài, nhằm góp phần xử lý đúng và

nhanh chóng những mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân và giảm nhẹ công việc cho toà án và cơ quan nhà nước khác. Nghiên cứu việc xã hội hoá một số hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp. Công tác giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan tư pháp tập trung vào việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành án và giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tư pháp...

6. Đẩy mạnh xây dựng pháp luật, giải thích, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nghiên cứu khoa học về công tác tư pháp.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tư pháp. Khẩn trương ban hành Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật thi hành án, Pháp lệnh giám định tư pháp và một số luật, pháp lệnh khác làm cơ sở pháp lý cho hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Kịp thời ban hành những văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh luật sư... để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động tố tụng, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư pháp. Đối với những nội dung của các luật, pháp lệnh cần giải thích thì Uỷ ban Thường vụ Quốc hội giải thích theo quy định của Hiến pháp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên toà xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân.

Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học về tư pháp để giải đáp những vấn đề bức xúc hiện nay trong công tác tư pháp nhằm phục vụ cải cách tư pháp có hiệu quả.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tư pháp.

Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, về đào tạo cán bộ tư pháp, về đấu tranh phòng, chống tội phạm, về giải quyết các loại tranh chấp trên cơ sở bảo đảm độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia.

Phổ biến rộng rãi và tổ chức thực hiện tốt các Công ước quốc tế, Hiệp định tương trợ tư pháp và các Hiệp định hợp tác phòng, chống tội phạm

mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập; tiếp tục nghiên cứu việc ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống.

Hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc, Lào, Campuchia... trong đấu tranh chống tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy, buôn lậu, vận chuyển và lưu hành tiền giả, mua bán phụ nữ và trẻ em...

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp.

Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động tư pháp thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp, khắc phục tình trạng cấp uỷ buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp uỷ viên can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp.

Xây dựng quy chế làm việc cụ thể theo hướng cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo về hoạt động và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp; tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng, của đảng viên và chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong các cơ quan tư pháp.

Các đồng chí bí thư hoặc phó bí thư thường trực cấp uỷ địa phương trực tiếp phụ trách công tác tư pháp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể cần tổ chức nghiên cứu, nắm vững những nội dung định hướng trên đây, tăng cường lãnh đạo và tổ chức thực hiện để đưa công tác tư pháp đáp ứng yêu cầu, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

2. Đảng đoàn Quốc hội chủ trì cùng Ban cán sự đảng Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao và Ban Nội chính Trung ương rà soát, nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung và từng bước hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác tư pháp, trước hết là các luật, pháp lệnh về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp và các cơ quan hỗ trợ tư pháp, về tố tụng tư pháp.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì cùng Ban cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xác định rõ khoản ngân sách hàng năm cho các cơ quan tư pháp theo hướng tăng thêm để đáp ứng

kip thời, đầy đủ kinh phí, điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cho các cơ quan tư pháp các cấp; trước mắt cần xây dựng đủ trụ sở làm việc của cơ quan tư pháp cấp huyện, xây dựng, cải tạo, sửa chữa các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam.

4. Các cơ quan tư pháp cần xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết; sắp xếp và củng cố về tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo sự điều chỉnh mới; tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ và xác định lại cho sát hợp với yêu cầu biên chế của từng ngành, từng cấp để trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bổ sung đủ số cán bộ bảo đảm chất lượng, trọng tâm trước mắt là cho các cơ quan tư pháp cấp huyện, cấp tương đương trong quân đội.

5. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo các phương tiện thông tin đại chúng tham gia tích cực vào việc phát hiện vi phạm, tội phạm, đề cao trách nhiệm trong việc đưa tin, bình luận về công tác tư pháp, chấn chỉnh việc đưa tin một chiều, sai lệch.

6. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Ban Nội chính Trung ương và ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp chuẩn bị đề án về kiện toàn và tăng cường nhân sự lãnh đạo, hệ thống tổ chức các cơ quan tư pháp.

7. Thành lập Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng kế hoạch, phối hợp sự chỉ đạo tập trung, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp. Ban Chỉ đạo do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Trưởng ban và thành viên tham gia gồm đại diện Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Ban Nội chính Trung ương.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo và đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp có giải pháp chỉ đạo công tác tư pháp phù hợp với tình hình mới.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
Tổng Bí thư
NÔNG ĐỨC MẠNH

NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-TW
NGÀY 25 - 01 - 2002 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Từ khi thành lập, trong các thời kỳ cách mạng và kháng chiến, Đảng ta đã thực hiện việc luân chuyển cán bộ. Đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đề ra nhiệm vụ: "luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp". Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định "Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương". Đây là một chủ trương rất quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, của toàn bộ hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang, nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng toàn diện và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ, có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn; tạo nguồn cán bộ lâu dài cho đất nước; tăng cường cán bộ cho các lĩnh vực và địa bàn cần thiết; khắc phục tình trạng cục bộ trong công tác cán bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương và từng đơn vị.

Từ sau Hội nghị Trung ương 3 (khoá VIII) đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã điều động và luân chuyển nhiều cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý từ Trung ương về địa phương, từ địa phương về Trung ương và từ địa phương này sang địa phương khác; một số tỉnh uỷ, thành uỷ đã thực hiện tốt việc quy hoạch và luân chuyển cán bộ từ tỉnh xuống huyện hoặc từ huyện xuống xã và ngược lại; một số ngành cũng đã thực hiện việc luân chuyển cán bộ để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Những việc làm đó đã đáp ứng một phần yêu cầu tăng cường cán bộ lãnh đạo chủ chốt cho một số địa phương, góp phần tích cực giúp các địa phương này ổn định nội bộ,

đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tiến hành tốt đại hội đảng bộ; cũng tạo điều kiện tốt cho việc bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, được đa số cán bộ, đảng viên đồng tình, ghi nhận; một số đồng chí được điều động từ các địa phương về Trung ương đã bước đầu thích ứng với công việc và trưởng thành trên cương vị công tác mới.

Tuy nhiên, việc luân chuyển cán bộ trong thời gian qua còn nhiều mặt hạn chế: đa số trường hợp luân chuyển chưa dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; mới chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt; một số trường hợp chưa được nghiên cứu kỹ, nên việc điều động cán bộ chưa hợp lý; chưa làm tốt công tác tư tưởng đối với một số cán bộ được điều động; nhận thức của một số cán bộ và tổ chức đảng đối với công tác luân chuyển cán bộ chưa đúng đắn. Có đồng chí khi có quyết định chuyển công tác còn vì suy tính cá nhân hoặc ngại khó, ngại khổ mà chưa thực sự tự giác, tự nguyện nhận nhiệm vụ mới. Có nơi trên điều động cán bộ về tăng cường thì bản khoản, thắc mắc là cấp trên thiếu tin tưởng cán bộ tại chỗ, không nhiệt tình tạo điều kiện, giúp đỡ cán bộ được điều về địa phương, đơn vị mình. Cũng có cán bộ lãnh đạo lợi dụng việc điều động, luân chuyển cán bộ để đưa ra khỏi cơ quan, cấp uỷ những người không hợp với mình.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nổi lên những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chưa tạo được sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên về sự cần thiết, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc luân chuyển cán bộ.
- Chưa có kế hoạch luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ một cách cơ bản, lâu dài ở các cấp, các ngành; luân chuyển cán bộ chưa trở thành nền nếp thường xuyên trong Đảng và trong hệ thống chính trị.
- Kỷ luật, kỷ cương trong Đảng chưa nghiêm.
- Chưa có chính sách, chế độ thoả đáng tạo điều kiện làm việc và sinh hoạt thuận lợi cho cán bộ được điều động đến nơi công tác mới.

II. CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục đích, yêu cầu

Việc luân chuyển cán bộ là để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và Nghị

quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về công tác cán bộ, nhằm các mục đích, yêu cầu sau đây:

- Tạo điều kiện để rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn và toàn diện, vững vàng hơn, đáp ứng yêu cầu cán bộ trước mắt và lâu dài của toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, các lực lượng vũ trang.

- Từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường được cán bộ cho những nơi có nhu cầu cấp bách, nhất là cho cơ sở, cho nông thôn, một số địa bàn, đơn vị có nhiều khó khăn...

- Tạo nên một trong những bước đột phá góp phần đổi mới sâu sắc công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý. Làm cho việc luân chuyển cán bộ dần trở thành việc làm bình thường, thành nền nếp thường xuyên, phá bỏ những quan điểm và thói quen lạc hậu trong công tác cán bộ hiện nay, như: khuynh hướng cục bộ, khép kín trong từng đơn vị, nhất là trong từng địa phương; tâm lý thoả mãn, trì trệ của nhiều cán bộ chỉ muốn chọn nơi công tác dễ dàng, muốn ổn định chức vụ hoặc lên chức nhưng không chịu nỗ lực học tập, phấn đấu nâng cao trình độ và hiệu quả công tác; công việc trì trệ, kém hiệu quả, cán bộ uy tín thấp nhưng rất khó thay được người phụ trách bằng những cán bộ có uy tín và khả năng hơn; chính sách đãi ngộ còn mang nặng tính bình quân v.v..

2. Phương châm, nguyên tắc

- Việc luân chuyển cán bộ phải được tiến hành vừa mạnh mẽ, vừa thận trọng, giải quyết tốt quan hệ giữa luân chuyển với ổn định và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn sâu; vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác, vừa coi trọng mục đích bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận. Nói chung chỉ luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, không luân chuyển cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ (trừ trường hợp nhằm mục đích tăng cường cán bộ cho cơ sở, cho lĩnh vực hoặc địa bàn cần thiết).

- Coi trọng công tác tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên thông suốt về tư tưởng, thống nhất về nhận thức để tự giác, quyết tâm thực hiện; vừa làm tốt việc động viên, khuyến khích tính tự giác của cán bộ, vừa yêu cầu cán bộ, đảng viên nghiêm túc chấp hành quyết định điều động, luân chuyển của tổ chức.

- Thận trọng trong cách làm, phải chuẩn bị kỹ kế hoạch và lộ trình thực hiện từng bước, chuẩn bị tốt cả nơi cán bộ đi và nơi cán bộ đến, không làm ồ ạt, tràn lan, chạy theo số lượng. Đối với các chức danh được điều động giữ các chức vụ phải thông qua bầu cử thì các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo đảng đoàn các cơ quan dân cử, các đoàn thể tổ chức thực hiện tốt quyết định của Đảng.

- Chống tư tưởng cục bộ, khép kín trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị, không muốn nhận người từ nơi khác đến; ngăn ngừa và kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện không lành mạnh như cô lập, gây khó khăn, làm giảm uy tín người được điều động tới, hoặc lợi dụng việc luân chuyển cán bộ để đẩy người trung thực, thẳng thắn, người có năng lực, nhưng không hợp với mình đi nơi khác.

- Không điều động về Trung ương, về địa phương hoặc sang địa phương, đơn vị khác những cán bộ bị kỷ luật, năng lực yếu, uy tín giảm sút, không có triển vọng phát triển.

3. Các giải pháp

a) Làm tốt công tác phổ biến quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng trong toàn Đảng đối với công tác luân chuyển cán bộ.

b) Các cấp uỷ đảng xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ theo hướng:

- Ở Trung ương:

Điều động một số thứ trưởng, phó trưởng ban đảng, phó các ngành, đoàn thể chính trị ở Trung ương còn trẻ (chủ yếu là những đồng chí dưới 50 tuổi), có năng lực, có triển vọng phát triển, đưa về một số địa phương giữ các chức vụ như: bí thư, phó bí thư, uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, trưởng ban đảng, chủ tịch, phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố... để đào tạo và rèn luyện trong thực tiễn, chuẩn bị cán bộ cho nhiệm kỳ tới và các nhiệm kỳ tiếp theo. Đồng thời lựa chọn một số đồng chí vụ trưởng ở các bộ, ban, ngành tuổi từ 35 đến 45 về công tác ở Uỷ ban nhân dân, các sở, ngành của tỉnh hoặc về công tác tại các quận, huyện của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều động một số đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ và một số đồng chí lãnh đạo chính quyền, đoàn thể tỉnh, thành phố có năng lực về giữ chức vụ mới ở các cơ quan Trung ương.

Điều động một số cán bộ các ban, ngành, đoàn thể, quân đội và công an

từ Trung ương và các địa phương để tăng cường cho các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Bắc.

- Ở địa phương:

Điều động một số đồng chí trưởng, phó các ban đảng, đoàn thể, giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương về làm bí thư, phó bí thư, chủ tịch các quận, huyện; điều động một số đồng chí bí thư, chủ tịch quận, huyện lên làm trưởng, phó các ban đảng, giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố.

- Luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị ở Trung ương, giữa các tỉnh, thành phố và giữa các quận, huyện trong một tỉnh, thành phố. Thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo và quản lý cấp tỉnh, huyện không phải là người ở địa phương.

Trước mắt, làm điểm việc điều động, luân chuyển một số đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, giám đốc sở tài chính, giám đốc sở kế hoạch đầu tư, giám đốc công an, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh này sang giữ chức vụ lãnh đạo và quản lý tương đương ở các tỉnh, thành phố khác lân cận. Khi việc thực hiện luân chuyển này có hiệu quả sẽ nhân rộng ra các đối tượng khác và luân chuyển từ vùng, miền này sang vùng, miền khác.

Ở Trung ương và ở các tỉnh, thành phố cũng có thể thực hiện luân chuyển một số cán bộ giữa các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể có chuyên môn gần nhau.

- Thời gian luân chuyển nói chung từ 3 năm trở lên. Đối với những trường hợp có dự định rõ thời gian luân chuyển, thì trước khi kết thúc thời hạn luân chuyển, các cơ quan quản lý cán bộ cần nhận xét, đánh giá, cân nhắc việc bố trí nhiệm vụ mới cho cán bộ.

c) Xây dựng chế độ, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công tác luân chuyển cán bộ.

- Xây dựng và thực hiện chế độ nhà công vụ thống nhất theo từng cấp (Trung ương, tỉnh, huyện) để tạo điều kiện sinh hoạt, làm việc thuận lợi cho cán bộ được điều động từ các nơi khác đến địa phương công tác.

- Có chính sách hỗ trợ đối với các đồng chí được luân chuyển công tác, nhưng phải bảo đảm hợp lý, hài hoà giữa cán bộ mới luân chuyển đến với cán bộ đang công tác tại chỗ.

- Trợ cấp khó khăn ban đầu (một lần) hoặc trợ cấp thường xuyên cho

cán bộ được điều động đến công tác ở những nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế chậm phát triển.

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng, kiên quyết xử lý nghiêm minh những cán bộ không chấp hành quyết định điều động, luân chuyển của các cấp uỷ đảng mà không có lý do chính đáng và những cán bộ vì tư tưởng cục bộ, động cơ cá nhân mà cản trở, gây khó khăn, làm giảm uy tín người được điều động tới hoặc lợi dụng việc luân chuyển cán bộ mà đẩy người không hợp với mình đi nơi khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ các nội dung nêu trên, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có kế hoạch cụ thể hướng dẫn, chỉ đạo triển khai việc thực hiện luân chuyển cán bộ thuộc diện mình phụ trách; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này với Bộ Chính trị.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với cấp uỷ và các ban đảng có liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và giúp Bộ Chính trị đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng, định kỳ tổng hợp tình hình báo cáo Bộ Chính trị.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
Tổng Bí thư
NÔNG ĐỨC MẠNH

**BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, CƯƠNG LĨNH, ĐƯỜNG LỐI
CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI
VÀ CHỐNG ĐỐI CỦA NHỮNG NGƯỜI CƠ HỘI
VỀ CHÍNH TRỊ VÀ BỌN PHẢN ĐỘNG**

*(Trích báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương ba
(khoá VIII) đã được Trung ương thông qua)*

Để chống phá cách mạng Việt Nam, các lực lượng chống đối, thù địch đã sử dụng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau nhằm thực hiện "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Cùng với các hoạt động phá hoại trên các phương diện khác chúng rất quan tâm đến mặt trận tư tưởng văn hoá. Mũi nhọn quan trọng và thâm độc nhất mà chúng tiến hành trên mặt trận này là tiến công vào nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp năm 1992 để phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân. Đây là một bộ phận quan trọng trong chiến lược diễn biến hoà bình nói chung và diễn biến hoà bình về mặt chính trị, tư tưởng nói riêng của các thế lực thù địch.

Các phần tử cơ hội về chính trị và chống đối đã bí mật phát tán các tài liệu bất hợp pháp, tung tin đồn nhảm, hoạt động rỉ tai để xuyên tạc tình hình, truyền bá những quan điểm sai trái, chống đối...

... MẤY NHẬN ĐỊNH CHUNG

1. Lịch sử đã chứng minh: dù bất kỳ tình hình nào, âm mưu và mục tiêu không thay đổi của các thế lực đế quốc và phản động là xoá bỏ Đảng Cộng sản, chuyển hoá các nước xã hội chủ nghĩa; chỉ có thủ đoạn của chúng là thay đổi. Trong tình hình mới, phương pháp hoạt động của chúng chủ yếu là bằng diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ kết hợp với đe dọa về quân sự.

Với các hình thức khác nhau và có thể sẽ còn nhiều hình thức khác nữa. Các phân tử cơ hội về chính trị và bọn phản động tập trung mũi nhọn trước hết vào nền tảng tư tưởng của Đảng, con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, lãnh tụ của Đảng và dân tộc, *gắn phá hoại về tư tưởng với phá hoại về tổ chức và cán bộ, lấy mặt này tác động thúc đẩy mặt kia.*

Thực chất đây là cuộc đấu tranh ý thức hệ, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa - một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh giữa diễn biến hoà bình và chống diễn biến hoà bình về mặt chính trị, tư tưởng. Cuộc đấu tranh này đã và đang diễn ra ngày càng quyết liệt và phức tạp.

2. Trên mặt trận này, *mục tiêu cơ bản của chúng là:*

a- Phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cho là chủ nghĩa Mác - Lênin không phù hợp với thực tế xã hội hiện đại, du nhập chủ nghĩa Mác vào Việt Nam là sai lầm, tách dân tộc ta khỏi giai cấp công nhân làm suy yếu tiến tới xoá bỏ niềm tin trong cán bộ và nhân dân ta vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thay thế vào đó là hệ tư tưởng tư sản và con đường tư bản chủ nghĩa.

b- Bóp méo chân lý, bôi nhọ quá khứ cách mạng, xuyên tạc lịch sử hòng chia rẽ nội bộ Đảng, làm suy yếu tổ chức Đảng; chia rẽ Đảng với nhân dân, chia rẽ Đảng với Nhà nước do Đảng lãnh đạo; cô lập, trung lập hoá, "phi chính trị hoá" lực lượng vũ trang; kích động trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên, học sinh, kích động một số người đã từng tham gia hoạt động trước đây có tâm trạng bất mãn; chia rẽ tôn giáo, dân tộc, Bắc - Nam... hòng phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cuối cùng là làm suy yếu Đảng, tiến tới xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; thay thế vào đó là các loại đảng phái phản động theo khuynh hướng tư sản, xã hội dân chủ đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

3. Về phương pháp tác động, chúng thực hiện sự kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nước, nhưng hướng chính là khơi dậy bên trong đi tới xây dựng lực lượng chống đối từ trong nước, tạo dựng ngọn cờ, chờ thời cơ để thành lập các tổ chức phản động công khai đối lập với Đảng Cộng sản.

Do đó, đây là cuộc đấu tranh lâu dài vừa cơ bản lại vừa cấp bách, diễn ra từ thấp đến cao, ngày càng ráo riết, tinh vi và phức tạp...

CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH

Đấu tranh chống diễn biến hoà bình nói chung và nói riêng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá là cuộc đấu tranh quan trọng, quyết liệt và lâu dài. Trước hết cần coi việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng (chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh), Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp nhà nước, đường lối chính sách độc lập tự chủ của Đảng và Nhà nước ta là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và bức xúc để bảo vệ Đảng, bảo vệ mục tiêu 'độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

1. Phương châm

- Trong cuộc đấu tranh này, *vấn đề cơ bản có ý nghĩa quyết định là phải tăng cường sức mạnh mọi mặt của ta, trước hết là về mặt lý tưởng cách mạng, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.* Âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch rất thâm hiểm, nhưng chúng có làm được hay không là do ta quyết định. Do đó vấn đề quan trọng nhất là làm sao công cuộc đổi mới thành công, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế phát triển, xã hội tốt đẹp, văn hoá tinh thần lành mạnh, quan hệ quốc tế rộng mở, đời sống nhân dân được cải thiện, dân chủ xã hội chủ nghĩa được tăng cường, vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao; đồng thời tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, chủ động thông tin, bồi dưỡng, hướng dẫn để tăng sức đề kháng trong cán bộ và nhân dân, kịp thời đấu tranh với những luận điệu sai trái, phản động.

...

- Sử dụng lực lượng tổng hợp để tiến hành đấu tranh. Kết hợp giữa công tác tư tưởng, công tác dân vận, công tác tổ chức, công tác bảo vệ chính trị nội bộ và các công cụ luật pháp nhà nước; kết hợp trung ương với địa phương, cơ sở. Nâng cao tính chiến đấu trong các đảng bộ cơ sở. Coi trọng việc đấu tranh phân tích của quần chúng ở nơi họ cư trú...

2. Biện pháp

Cùng với việc tiến hành đổi mới đồng bộ, toàn diện, tăng cường công tác thông tin, hướng dẫn, cần thực hiện các biện pháp sau đây:

a- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và chính trị cho cán bộ, đảng viên, thực hiện nghiêm nghĩa vụ học tập chính trị của đảng viên đã ghi trong điều lệ, làm cho toàn Đảng hiểu rõ, kiên trì, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,

đủ sức giải đáp những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống. Đó là cốt lõi của công tác tư tưởng để kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cần khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là thống nhất, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động của Đảng ta; tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta; không có chủ nghĩa Mác - Lênin sẽ không có tư tưởng Hồ Chí Minh; không có chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn đường không thể giành được độc lập dân tộc, không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội, không thể mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc thật sự cho nhân dân.

Nâng cao tính chiến đấu trong hoạt động lý luận, thể hiện trong việc nâng cao sức thuyết phục với đồng chí, đồng bào, đồng thời đấu tranh kịp thời với các luận điệu phản tuyên truyền của các thế lực thù địch. Đấu tranh với các luận điểm không đúng, cần nâng cao sức thuyết phục, phân biệt rõ phải trái, không truy chụp, suy diễn. Khi đấu tranh trên các phương tiện thông tin đại chúng, không nêu tên đối tượng, không trích dẫn trong ngoặc kép, không tranh luận công khai, không gây nên những căng thẳng xã hội không cần thiết.

Cần làm tốt việc quản lý các cơ quan thông tin, giáo dục, nghiên cứu khoa học... trong việc giới thiệu các học thuyết không thuộc hệ tư tưởng Mác - Lênin.

b- Quán triệt sâu sắc những quan điểm cơ bản và đường lối của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

Giáo dục cán bộ và nhân dân về truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời đề cao cảnh giác cách mạng, chống lại các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, để luôn luôn thực hiện đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược.

c- Thông tin cần đổi mới theo hướng bảo đảm kịp thời, chính xác và đúng định hướng; không để bị động đối phó với thông tin sai lạc, vu khống. Tăng cường chỉ đạo, quản lý báo chí, xuất bản, thông tin và văn hoá văn nghệ, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, hình thành dư luận xã hội lành mạnh nhằm giữ vững ổn định chính trị, phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng con người Việt Nam về tư

tưởng, tình cảm, đạo đức, nhân cách, lối sống, không ngừng nâng cao mọi mặt đời sống tinh thần của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chống khuynh hướng "phi chính trị hoá", "thương mại hoá", "tư nhân hoá trá hình", trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Tăng cường công tác tuyên truyền miệng theo tinh thần thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị và hoạt động của các trung tâm giáo dục chính trị theo tinh thần Quyết định 100 của Ban Bí thư (khoá VII).

Nhập khẩu những sản phẩm văn hoá có giá trị cao, đồng thời không để báo chí, phim ảnh và các sản phẩm văn hoá phản động, bạo lực, đồi trụy tràn vào nước ta.

Đẩy mạnh tuyên truyền đối ngoại, tìm cách đưa được nhiều ấn phẩm, băng hình, tiếng nói và hình ảnh tốt của ta ra nước ngoài, tranh thủ tiếp xúc, giới thiệu đất nước với người nước ngoài vào ta. Tổ chức thông tin, giao lưu tốt hơn đối với hai triệu đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

d- Quản lý tốt việc giảng dạy và học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn ở các cấp học, đặc biệt là ở cấp trung học và đại học. Kiểm tra, hướng dẫn và quản lý tốt hoạt động của các hội, các câu lạc bộ, các cuộc hội thảo nhất là hội thảo về các vấn đề khoa học xã hội, theo đúng định hướng của Đảng, quy định của Nhà nước.

- Giáo dục chính sách đại đoàn kết toàn dân, chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước để thực hiện cho đúng, nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời chống lại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

Xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán ở các cơ sở, tận dụng các hình thức thuyết phục; đấu tranh của quần chúng nhằm tạo áp lực, cảm hoá và qua đó lôi kéo các đối tượng có thể lôi kéo để họ từ bỏ con đường lầm lạc hoặc ít nhất không dám hoạt động chống phá một cách công khai trắng trợn.

e- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Cùng với việc phát huy tự do tư tưởng cần thực hiện chặt chẽ quy chế giữ bí mật của Đảng và Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật bảo quản tài liệu, kỷ luật phát ngôn để bảo đảm sự cởi mở trong giao tiếp nhưng luôn luôn bảo vệ bí mật của Đảng, bảo đảm an ninh quốc gia...

3. Về chỉ đạo

- Lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương

lĩnh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước là *trách nhiệm của tất cả các tổ chức đảng, của các cấp uỷ đảng, Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cấp, các ngành, của mọi cán bộ, đảng viên*, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII), có biện pháp tăng sức chiến đấu của các đảng bộ, chính quyền mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở.

- Bồi dưỡng lực lượng nòng cốt ở địa phương và cơ sở, đặc biệt là ở một số địa bàn trọng yếu...

- Các ban Đảng cùng với Ban cán sự đảng các ngành thuộc Khối Tư tưởng - Văn hoá và Khoa giáo, Khối Nội chính, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Quân sự Trung ương có trách nhiệm thực hiện và phối hợp thực hiện công tác này dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

Bản sao lưu trữ

**KẾT LUẬN SỐ 01/KL-TW NGÀY 16 - 7 - 1998 CỦA
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VIII)
Về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh,
Điều lệ và đường lối của Đảng**

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, hoàn toàn tán thành nội dung báo cáo của Bộ Chính trị về một số quan điểm sai trái trong thời gian gần đây. Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh thêm một số điểm sau:

1. Xuất phát từ nguyên tắc: đảng viên khi có những ý kiến, quan điểm khác với các quan điểm, đường lối của Đảng, được phép phát biểu trong tổ chức đảng, có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng khi ý kiến cá nhân chưa được Đảng chấp nhận thì vẫn phải nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII nghiêm khắc phê phán một số đảng viên gần đây đã vi phạm nguyên tắc đó của Đảng, vi phạm kỷ luật đảng, tự ý tán phát tài liệu và truyền bá rộng rãi các quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng.

2. Ban Chấp hành Trung ương một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và hoàn toàn bác bỏ những quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam, nhất là những luận điểm: bài bác chủ nghĩa Mác - Lênin, nên tảng tư tưởng của Đảng, cho rằng "giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ"; phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cho rằng định hướng xã hội chủ nghĩa "là thất bại, là ngõ cụt", "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa hai cái phải chọn lấy một", "không thể bắt cá hai tay"; bài bác vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, coi kinh tế tư nhân là "thành phần kinh tế chủ lực trong nền kinh tế thị trường"; phủ nhận sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cho

rằng sự lãnh đạo của Đảng hiện nay là "Đảng trị", là "nguồn gốc của sự lạm quyền, tham nhũng"... phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, cho rằng với nguyên tắc ấy thì "nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rởm", "chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực"...

3. Ban Chấp hành Trung ương không chấp nhận kiến nghị của một số người về hình thức tổ chức "một cuộc thảo luận chính trị lớn". Lâu nay đối với những vấn đề trọng đại của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đều tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các lão thành Cách mạng, các nhân sĩ trí thức, các tầng lớp nhân dân trong nước và cả người Việt Nam yêu nước sống ở nước ngoài và việc làm này đã được tiến hành thành nề nếp thường xuyên. Đây thật sự là một hình thức phát huy dân chủ, tập hợp trí tuệ toàn dân giúp Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách về mọi mặt không cần phải có hình thức tổ chức "một cuộc thảo luận chính trị lớn" như một số người đã đề nghị.

Ban Chấp hành Trung ương cũng bác bỏ khuynh hướng tự do dân chủ tư sản, bác bỏ việc kêu gọi tự do ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân, "tự do" bầu cử theo kiểu tư sản, trái với Hiến pháp và luật pháp hiện hành, làm tổn hại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị và xã hội.

4. Ban Chấp hành Trung ương biểu dương các cơ quan thông tin đại chúng trong thời gian qua đã kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng yêu cầu báo chí, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân nâng cao tính chủ động, tiếp tục đấu tranh kịp thời, sắc bén, chống các quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hoà bình" của các lực lượng thù địch.

5. Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu tổ chức đảng các cấp thực hiện tốt kết luận này cũng như kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về "Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội về chính trị và phản động" và Chỉ thị 25/CT-TW ngày 25-12-1997 của Bộ Chính trị về việc giữ đúng nguyên tắc trong nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử Đảng. Ai cố tình vi phạm sẽ bị xử lý thích đáng.

Kết luận này được phổ biến đến tất cả tổ chức cơ sở đảng.

**THÔNG BÁO KẾT LUẬN SỐ 94/TB-TW
NGÀY 30-12-2002 CỦA BAN BÍ THƯ**

**Về nhiệm vụ tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu
"diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá**

Ngày 22-11-2002, sau khi nghe Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương báo cáo về cuộc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Từ sau Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001), tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp ngày càng quyết liệt hơn. Các thế lực phản động quốc tế tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" kết hợp âm mưu bạo loạn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, trong đó chúng coi "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá là khâu đột phá. Trong đó, nổi lên là các hoạt động sau đây:

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các đài phát thanh, truyền hình, mạng Internet, thông qua phòng thông tin của sứ quán, các hình thức họp báo trá hình, các cuộc thăm viếng, tiếp xúc, hội thảo... để tán phát, truyền bá các quan điểm sai trái, phản động, nhằm phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng ta, phủ định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đả kích sự lãnh đạo của Đảng và xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử cách mạng của Đảng và nhân dân ta, kích động chống đối, bạo loạn.

- Tăng cường phối hợp các tổ chức phản động quốc tế, liên kết các tổ chức phản động của người Việt lưu vong với bọn cơ hội chính trị trong nước chống phá ta, tập trung chống phá các sự kiện lớn của Đảng và Nhà nước ta, như Đại hội IX của Đảng, cuộc bầu cử Quốc hội khoá XI, các hội nghị Trung ương...; vu cáo Việt Nam "vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo", tìm cách công khai, quốc tế hoá các hoạt động của bọn cơ hội chính trị trong

nước, tạo dựng "ngọn cờ" và các tổ chức chính trị đối lập.

- Kích động, chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo, đẩy mạnh truyền đạo trái phép, nhất là truyền đạo ở các vùng dân tộc thiểu số với các thủ đoạn mị dân, nhằm tập hợp, lôi kéo quần chúng vào các tổ chức phản động núp dưới các hình thức tôn giáo; ráo riết tổ chức lực lượng để hình thành cái gọi là "Nhà nước Đê-ga độc lập", "Nhà nước Khơ-me Crôm độc lập", "Vương quốc Mông", "Vương quốc Chămpa"... tăng cường các hoạt động giành giật quần chúng với ta ở cơ sở, kích động bạo loạn.

- Thông qua các hoạt động hợp tác kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, chúng đẩy mạnh các thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo cán bộ, tập hợp trí thức, nhất là trí thức trẻ; ra sức truyền bá văn hoá, lối sống tư sản, làm thoái hoá tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và thanh niên.

Trong thời gian qua, việc gây mất ổn định chính trị - xã hội ở một vài nơi, mà điển hình là cuộc bạo loạn ở Tây Nguyên tháng 2-2001, sự nảy sinh những phức tạp mới trong tâm trạng xã hội có nguyên nhân do tác động của hoạt động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch mà ta chưa kịp thời ngăn chặn, xử lý.

Dưới sự chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền các cấp, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về an ninh quốc gia, Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về công tác tư tưởng, lý luận, các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, sự phối hợp giữa các ngành, các lực lượng trong cuộc đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá đã đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh này còn bộc lộ những yếu kém sau:

- Còn không ít cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng tính chất nguy hiểm và hoạt động ngày càng trắng trợn của âm mưu "diễn biến hoà bình", còn biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm, thụ động, né tránh đấu tranh chống những thủ đoạn của các lực lượng thù địch trên lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; thiếu kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái; cá biệt có một số cán bộ, đảng viên còn góp phần tán phát, truyền bá các tài liệu xấu. Việc chỉ đạo giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc đạt kết quả còn thấp, như: kết quả xoá đói, giảm nghèo chưa vững chắc, đời sống của một bộ phận

nhân dân, nhất là của đồng bào các dân tộc ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn; tình trạng thiếu việc làm, nhất là cho thanh niên còn rất gay gắt; các tệ nạn xã hội ma tuý, mại dâm, tội phạm chưa được đẩy lùi; nạn tham nhũng, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong quản lý và sử dụng đất đai, trong mua sắm từ ngân sách nhà nước, sự thoái hoá, biến chất trong đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm nhân dân bất bình, giảm lòng tin vào Đảng và Nhà nước; khiếu kiện của nhân dân ở một số nơi vẫn còn nghiêm trọng... Đây là cơ sở để các thế lực phản động kích động, lôi kéo quần chúng, thực hiện có kết quả âm mưu "diễn biến hoà bình".

- Báo chí, xuất bản còn ít bài đấu tranh mang tính chiến đấu cao, phân tích có sức thuyết phục, kịp thời phê phán các âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", các quan điểm sai trái; đáng chú ý là một số cơ quan chủ quản và lãnh đạo một số tờ báo đã buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm để tờ báo đưa quá nhiều tin, bài về các hiện tượng tiêu cực, những mặt trái của xã hội, trong khi đó phản ánh chưa thích đáng những thành tựu, những mặt tích cực, những nhân tố mới nảy sinh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, do vậy đã tác động tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm của nhân dân; tạo cơ hội cho các thế lực phản động xuyên tạc, bôi nhọ Đảng và chế độ ta.

- Trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật cũng còn nhiều yếu kém, một số đài truyền hình còn chiếu quá nhiều phim nước ngoài, không ít phim yếu kém cả về chất lượng tư tưởng và trình độ nghệ thuật, giới thiệu âm nhạc nước ngoài thiếu chọn lọc; trong khi đó chưa chú ý đầu tư nâng cao chất lượng tư tưởng và nghệ thuật các chương trình ca nhạc trong nước, các chương trình nghệ thuật truyền thống. Còn buông lỏng định hướng tư tưởng và quản lý hoạt động biểu diễn văn nghệ ở các sân diễn; để lưu hành rất nhiều sản phẩm văn hoá ngoài luồng, sách mê tín dị đoan, băng hình kích động bạo lực, khiêu dâm và đáng chú ý, có cả một số sách có nội dung chính trị xấu.

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, nếu tình trạng trên kéo dài sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường, là nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ.

2. Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IX, các nghị quyết Trung ương về văn hoá, về công tác tư tưởng, lý luận, Nghị quyết 08 của

Bộ Chính trị (khoá VIII) về an ninh quốc gia, nhằm đánh bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá, cùng với việc quan tâm giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, các cấp, các ngành, các đoàn thể cần tập trung làm tốt những việc chủ yếu sau đây:

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn tiến hành đợt sinh hoạt chính trị học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị này, giáo dục và củng cố nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm sai trái, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

- Các cấp uỷ đảng cần thực hiện tốt chế độ nắm bắt, phân tích kịp thời tư tưởng, tâm trạng xã hội của các giai tầng trên địa bàn. Tập trung sức lãnh đạo giải quyết dứt điểm các "điểm nóng", không để kéo dài, lây lan, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Củng cố vững chắc tổ chức chính trị ở cơ sở, nhất là ở các địa bàn trọng điểm như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc, Thừa Thiên - Huế và một số địa phương khác.

- Các tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện đúng đắn quy chế dân chủ, đi đôi với tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên, chấp hành nghiêm chế độ bảo vệ bí mật quốc gia, kỷ luật phát ngôn; có biện pháp kiên quyết ngăn chặn việc tán phát các tài liệu phản động.

- Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các viện, các trường đại học đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận nhằm cung cấp cơ sở lý luận cho hoạt động tuyên truyền, giải thích đường lối, quan điểm của Đảng và phê phán các luận điệu sai trái một cách thuyết phục. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương bồi dưỡng và tổ chức tốt lực lượng báo cáo viên, biên tập viên, phóng viên báo chí thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan có liên quan tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ; tham mưu cho Chính phủ, Quốc hội ban

hành bổ sung các văn bản pháp luật để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước; chăm lo tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm văn hoá, nghệ thuật lành mạnh, có tính tư tưởng và nghệ thuật cao, khắc phục kịp thời những biểu hiện lệch lạc, thương mại hoá trong hoạt động báo chí - xuất bản, phát hành, văn hoá, văn nghệ; chặn đứng việc nhập lậu, tán phát các sản phẩm văn hoá, văn nghệ độc hại. Quan tâm hơn nữa việc đầu tư các chương trình phát thanh, truyền hình ở vùng núi, vùng cao; chú ý các chương trình thông tin, văn nghệ bằng tiếng dân tộc thiểu số; coi trọng cải tiến cách thức tuyên truyền sao cho đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ và làm theo.

Tăng cường chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở khắp các địa bàn dân cư, cơ quan, trường học, doanh nghiệp...; xây dựng quy chế quản lý các hoạt động giao lưu văn hoá - văn nghệ với nước ngoài.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy mạnh các hoạt động thông tin đối ngoại theo tinh thần Chỉ thị 11 của Ban Bí thư (khoá VIII). Có kế hoạch xuất bản các ấn phẩm thông tin đối ngoại để phát hành rộng rãi; tăng cường các kênh thông tin đối ngoại qua sách báo, đài phát thanh, truyền hình, Internet, giao lưu văn hoá nghệ thuật..., góp phần làm cho nhân dân thế giới và người Việt Nam định cư ở nước ngoài hiểu chính xác hơn, sâu hơn về đất nước, con người Việt Nam, đồng tình ủng hộ chúng ta trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

3. Để thực hiện có kết quả những nhiệm vụ trên đây, Ban Bí thư giao Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn việc quán triệt sâu rộng Thông báo kết luận này đến các tổ chức cơ sở đảng; đôn đốc kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá do đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ đạo do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương làm Thường trực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan: Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản

Hồ Chí Minh, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Hội đồng Lý luận Trung ương cùng các tổ chức trong hệ thống chính trị chủ động tấn công đẩy lùi âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng, văn hoá.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Bản sao lưu trữ

**CHỈ THỊ SỐ 23/CT-TW NGÀY 27-3-2003
CỦA BAN BÍ THƯ**

**Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền,
giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định “Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho hành động”.

Từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng; hoạt động tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng, nhờ đó đã góp phần động viên các tầng lớp nhân dân sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế, yếu kém. Nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thống nhất và chưa đạt được chiều sâu tư tưởng, lý luận. Chưa đưa tư tưởng Hồ Chí Minh thành môn học trong các trường đại học, cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và chưa có chương trình thích hợp trong các bậc phổ thông. Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu sinh động; chưa giúp cán bộ, đảng viên gắn việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với giải quyết những vấn đề thực tiễn; chưa tạo được phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong Đảng

và trong nhân dân. Việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa chủ động, kịp thời và sắc bén.

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm nói trên chủ yếu là do không ít cấp uỷ, tổ chức đảng chưa nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí tư tưởng Hồ Chí Minh, về trách nhiệm tổ chức nghiên cứu công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng của Người, Đảng ta chưa thực hiện có nền nếp chế độ học tập lý luận chính trị đối với mọi đảng viên; chậm hoàn chỉnh nội dung, tài liệu giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở thống nhất cho công tác tuyên truyền. Đầu tư cho tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn hạn chế và chưa tương xứng.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta có cơ hội lớn, nhưng đang đứng trước những thách thức không nhỏ, tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó việc tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ mấu chốt của công tác tư tưởng của Đảng, cần được toàn Đảng thực hiện chặt chẽ, có chất lượng, hiệu quả.

1. Mục đích, yêu cầu

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tự giác của mỗi người, của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo ra phong trào rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống.

- Việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cần thực hiện lâu dài, thường xuyên và liên tục; bảo đảm tính khoa học, toàn diện, hệ thống; phải sát hợp với đặc điểm từng đối tượng, gắn với thực tiễn, với quá trình

thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, tổ chức đảng; kết hợp nâng cao nhận thức với rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của mỗi người, mang lại hiệu quả thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh gắn chặt với tổng kết thực tiễn góp phần bảo vệ và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, bổ sung phát triển đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giải đáp cho được những vấn đề mới nảy sinh, phát triển hệ tư tưởng của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

2. Đối tượng tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh

Bao gồm tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ đảng viên và thanh, thiếu niên. Đẩy mạnh tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh ra nước ngoài để thế giới hiểu đúng, đầy đủ về tư tưởng của Người.

3. Nội dung tuyên truyền, giáo dục

Đại hội IX của Đảng đã xác định rõ nguồn gốc và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần tuyên truyền, giáo dục sâu sắc, chỉ rõ sự vận dụng vào thực tế những nội dung đó.

4. Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh

a- Thực hiện chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị – xã hội.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải trở thành nội dung chính thức trong chế độ học tập lý luận chính trị đối với mọi cán bộ, đảng viên. Các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể có kế hoạch cụ thể học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo chương trình, nội dung sát với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đối với từng cấp, từng đối tượng cán bộ do Trung ương quy định. Bên cạnh giáo dục thường xuyên, hàng năm tổ chức đợt nghiên cứu, học tập, thảo luận theo từng chủ đề.

b- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển, làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới.

Các cơ quan tư tưởng, lý luận, các cơ quan nghiên cứu khoa học xã

hội, các bộ, ban, ngành, đoàn thể cần có chương trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết thực tiễn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực của mình, từng bước làm rõ quy luật vận động của từng lĩnh vực, qua đó phát triển, làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

c- Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường.

Cần sớm tổ chức biên soạn giáo trình và sách giáo khoa thống nhất về tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với từng cấp học, bậc học, thực hiện chế độ thi cử nghiêm túc.

Chuẩn bị kỹ đội ngũ giáo viên, giảng viên, báo cáo viên về tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật, sách báo, tài liệu, phim ảnh, tổ chức sinh hoạt ngoại khoá, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử cách mạng, tiếp xúc nhân chứng lịch sử... phục vụ cho việc dạy và học tư tưởng Hồ Chí Minh. Tìm nhiều hình thức khuyến khích, động viên, nâng cao chất lượng dạy và học tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường học.

d- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá, văn nghệ.

Các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch cụ thể, thường xuyên tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời tổng kết, phổ biến những kinh nghiệm hay, các điển hình tốt trong việc nghiên cứu, dạy và học, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, sáng tạo những công trình nghệ thuật có giá trị về nội dung và nghệ thuật, về con người và tư tưởng của Bác.

đ- Đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn, luận điệu của các thế lực thù địch và bọn cơ hội nhằm hạ thấp, bôi nhọ, cắt xén, xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cần kịp thời phát hiện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu phản tuyên truyền về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức nghiên cứu để cung cấp các luận cứ khoa học phản bác những luận điệu xuyên tạc phản tuyên truyền đó, kịp thời phổ biến trong Đảng, trong các đoàn thể và trong hệ thống trường học; kịp thời cung cấp cho các cơ quan tuyên truyền, giáo dục, báo chí để các cơ quan này có cơ sở đấu tranh bảo vệ tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh; lựa chọn các hình thức phù hợp

trong đấu tranh công khai và tuyên truyền đối ngoại.

5. Tổ chức thực hiện

- Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này, xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm về tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức biên soạn các tài liệu phục vụ đợt tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhân kỷ niệm 113 năm Ngày sinh của Bác (19-5-2003).

Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan chỉ đạo việc tổ chức biên soạn các chương trình, sách giáo khoa về tư tưởng Hồ Chí Minh cho các đối tượng.

- Hội đồng Lý luận Trung ương, các trường của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang, các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội, các bộ, ban, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh chống các quan điểm sai trái về tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo đầu tư có hiệu quả cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và truyền bá các công trình, tác phẩm có giá trị về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin có kế hoạch đầu tư, xây dựng, nâng cấp các nhà bảo tàng, khu di tích, nhà lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, ban hành văn bản hướng dẫn quy hoạch việc xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, phối hợp với các Hội Văn học nghệ thuật giới thiệu rộng rãi các văn hoá phẩm có giá trị về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong nước và trên thế giới. Phát động cuộc sáng tác về đề tài Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người, 60 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban hành văn bản quy định về treo ảnh Bác Hồ; cung cấp đầy đủ ảnh Bác Hồ cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Các nhà xuất bản có kế hoạch xuất bản các loại tài liệu nghiên cứu lý luận và tài liệu phổ thông về tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cơ quan thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, đối tượng của mình xây dựng kế hoạch cụ thể nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục và

đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương.

- Phát động phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Di chúc của Bác; hàng năm, tiến hành sơ kết vào dịp kỷ niệm Ngày sinh của Bác. Khen thưởng, biểu dương những đơn vị, cá nhân làm tốt, phê bình những nơi làm kém, tạo ra khí thế mới của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương là cơ quan thường trực giúp Ban Bí thư theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chỉ thị này quán triệt đến chi bộ đảng.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

THÔNG BÁO SỐ 134/TB-TW NGÀY 11 - 2 - 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Kết luận của Ban Bí thư sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 23/CT-TW
Về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền,
giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới"

Ngày 16-12-2003, sau khi nghe báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, ý kiến của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương về sơ kết việc thực hiện Chỉ thị Ban Bí thư số 23, ngày 27-3-2003 về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới", Ban Bí thư đã kết luận:

1. Trong năm 2003, các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị đã quán triệt nghiêm túc Chỉ thị 23/CT-TW tổ chức đợt giáo dục, tuyên truyền sâu rộng, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Đợt giáo dục tuyên truyền này đã đạt kết quả bước đầu quan trọng, góp phần thống nhất nhận thức, củng cố niềm tin và sự kiên định đối với nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới hiện nay và sự thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Nhiều ngành, nhiều địa phương, đoàn thể đã phát động được phong trào hành động cách mạng "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo tư tưởng Hồ Chí Minh". Thông qua việc tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tuy nhiên, đợt sinh hoạt chính trị này còn một số hạn chế chủ yếu sau:

Cách làm chưa được đổi mới, còn dừng lại ở mức tuyên truyền bề rộng, học lý luận chưa gắn với việc liên hệ tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị và tình hình tư tưởng, đạo đức, lối

sống của cán bộ, đảng viên, chưa tạo được sự chuyển biến thực sự trong hành động. Hoạt động nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh chưa tập trung triển khai có hệ thống. Chất lượng đội ngũ báo cáo viên còn hạn chế... Việc tổ chức học tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở một số đơn vị, địa phương còn lúng túng về phương thức tiến hành, nên chất lượng chưa cao.

2. Để tiếp tục thực hiện nghiêm túc và có kết quả cao Chỉ thị 23/CT-TW, trong năm 2004, 2005 các cấp uỷ, địa phương, đơn vị cần làm tốt một số nhiệm vụ sau:

- Tiến hành rà soát để bổ sung xây dựng chương trình kế hoạch nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đảm bảo việc nghiên cứu, học tập nghiêm túc, thiết thực, phù hợp với thực tế của địa phương, đơn vị; nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và chú ý học tập những lời dạy của Người đối với ngành, đoàn thể, địa phương mình. Coi trọng việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, học đi đôi với hành. Gắn việc học tập với rèn luyện, làm theo tư tưởng, đạo đức, lối sống cao đẹp của Người, nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; khắc phục những biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân; liên hệ, vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu tổng kết thực tiễn làm cơ sở cho việc bổ sung Cương lĩnh và phương hướng nhiệm vụ của Đại hội X của Đảng. Đấu tranh phê phán, bác bỏ có hiệu quả các quan điểm sai trái phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh sớm nghiên cứu, biên soạn hệ thống giáo trình, tài liệu giáo dục, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân và cho đoàn viên, thanh niên. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, phương thức giáo dục, tuyên truyền nói chung và giáo dục, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên báo chí, xuất bản, đội ngũ văn nghệ sĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Giao Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn thực hiện tốt kết luận trên đây. Hàng năm có kiểm tra, sơ kết việc thực hiện, báo cáo Ban Bí thư.

**TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN**

Bản sao lưu trữ

QUY ĐỊNH SỐ 94/QĐ-TW NGÀY 3 - 3- 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ,
chi bộ cơ sở phường, thị trấn

Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ tình hình, đặc điểm của phường, thị trấn;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn như sau:

I. CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý đô thị trên địa bàn; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, phường, thị trấn giàu đẹp, văn minh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II. NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng

1. Lãnh đạo chính quyền thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết của đại hội đảng bộ, chi bộ phường, thị trấn và của cấp trên; tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế và hộ gia đình phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ đúng chính

sách, pháp luật của Nhà nước, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng phường, thị trấn giàu đẹp, văn minh.

2. Lãnh đạo chính quyền thực hiện đúng chức năng quản lý hành chính nhà nước và công tác quản lý đô thị trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch; chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội, xoá đói, giảm nghèo.

3. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; giám sát mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong cộng đồng dân cư ở cơ sở theo đúng luật pháp, không để tích tụ mâu thuẫn trở thành điểm nóng, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp hoặc lợi dụng dân chủ để làm mất ổn định chính trị trên địa bàn.

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và chính sách hậu phương quân đội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng và tài sản của nhân dân; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là ma tuý, mại dâm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên; xây dựng tình đoàn kết, gắn bó, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh ở tổ dân phố, khu dân cư và trong từng gia đình, chú trọng tuyên truyền và nhân rộng gương người tốt, việc tốt, các nhân tố tích cực trên mọi lĩnh vực.

2. Tuyên truyền, vận động làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh chống các quan

điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, gia trưởng, bảo thủ và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp ở cơ sở vững mạnh; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực tạo nguồn cán bộ tại chỗ, từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức phường, thị trấn.

2. Cấp uỷ xây dựng quy chế về công tác tổ chức, cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ đối với cán bộ thuộc quyền; quản lý và kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với cán bộ ở cơ sở theo phân cấp; giới thiệu người đủ tiêu chuẩn, có tín nhiệm trong tổ chức đảng và nhân dân để bầu vào các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo luật định và điều lệ của mỗi tổ chức.

3. Cấp uỷ đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cấp trên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở do cấp trên quản lý.

Điều 5. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

1. Lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở phường, thị trấn vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương, trước hết là những chủ trương, chính sách về xây dựng và quản lý đô thị, giải quyết việc làm và các chính sách xã hội khác.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở;

nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác; chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, tổ đảng ở tổ dân phố, khu dân cư. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, công dân mẫu mực; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của tổ chức đảng, quyết định của chính quyền và chương trình hành động của các đoàn thể nhân dân. Cấp ủy xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những người lao động giỏi, có uy tín trong quần chúng.

5. Xây dựng cấp ủy và bí thư cấp ủy bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, thực sự là trung tâm đoàn kết, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia, góp ý xây dựng Đảng; bí thư cấp ủy cơ sở, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tự phê bình trước đại diện của nhân dân và chịu trách nhiệm khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở địa phương.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Phối hợp với các tổ chức, cơ sở đảng trên địa bàn và các tổ chức, cơ sở đảng có đảng viên, cán bộ, công chức đang cư trú trên địa bàn thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương.

III. QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Hội đồng nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và thông qua các đảng viên là đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải báo cáo với cấp uỷ về thời gian, chương trình, nội dung kỳ họp để cấp uỷ cho ý kiến chỉ đạo, bảo đảm cho kỳ họp đạt kết quả, đúng luật, đúng định hướng của tổ chức đảng.

Điều 8. Đối với Uỷ ban nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Uỷ ban nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, bằng công tác cán bộ và công tác kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra Uỷ ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện, khắc phục những việc chưa đúng, nếu có sai phạm nghiêm trọng, cấp uỷ yêu cầu tạm dừng thực hiện và kiến nghị với cấp uỷ, chính quyền cấp trên giải quyết.

2. Định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân báo cáo với cấp uỷ đảng về tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc những chuyên đề công tác được phân công.

Điều 9. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bằng nghị quyết, chương trình hành động, bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về tình hình hoạt động và đề xuất, kiến nghị về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp uỷ làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, các đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 52/QĐ-TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII), có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

QUY ĐỊNH SỐ 95/QĐ-TW NGÀY 3 - 3 - 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ tình hình, đặc điểm của xã;

- Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã như sau:

I. CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở xã là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ở xã vững mạnh, nông thôn giàu đẹp, văn minh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II. NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng

1. Lãnh đạo chính quyền thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết đại hội của đảng bộ, chi bộ xã và của cấp trên; phát triển nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tạo thêm việc làm mới cho người lao động; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn

nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng nông thôn giàu đẹp, văn minh.

2. Lãnh đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, quản lý và sử dụng đất hợp lý, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm...) theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm; quản lý và sử dụng tốt các nguồn vốn vay, vốn nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội, xoá đói, giảm nghèo.

3. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; giám sát mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong cộng đồng dân cư ở cơ sở theo đúng luật pháp, không để tích tụ mâu thuẫn trở thành những điểm nóng, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp hoặc lợi dụng dân chủ để làm mất ổn định chính trị ở nông thôn.

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và chính sách hậu phương quân đội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng và tài sản của nhân dân; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là ma tuý, mại dâm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên; xây dựng tình đoàn kết, gắn bó tình làng, nghĩa xóm, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh ở thôn (ấp, bản...) và trong từng gia đình, chú trọng tuyên truyền và nhân rộng gương người tốt, việc tốt, các nhân tố tích cực trên mọi lĩnh vực.

2. Tuyên truyền, vận động làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các

tầng lớp nhân dân để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh chống các quan điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, gia trưởng, bảo thủ và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp ở cơ sở vững mạnh; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực tạo nguồn cán bộ tại chỗ, từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức xã.

2. Cấp uỷ xây dựng quy chế về công tác tổ chức, cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ đối với cán bộ thuộc quyền; quản lý và kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với cán bộ ở cơ sở theo phân cấp; giới thiệu người đủ tiêu chuẩn, có tín nhiệm trong tổ chức đảng và nhân dân để bầu vào các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo luật định và điều lệ của mỗi tổ chức.

3. Cấp uỷ đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cấp trên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở do cấp trên quản lý.

Điều 5. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

1. Lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở xã vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương, trước hết là những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ

trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác; chú trọng củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, tổ đảng ở thôn (ấp, bản...). Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, công dân mẫu mực; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của tổ chức đảng, quyết định của chính quyền và chương trình hành động của các đoàn thể nhân dân. Cấp uỷ xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp uỷ xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những người lao động giỏi, có uy tín trong quần chúng.

5. Xây dựng cấp uỷ và bí thư cấp uỷ bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, thực sự là trung tâm đoàn kết, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Định kỳ hằng năm, cấp uỷ tổ chức để quần chúng tham gia, góp ý xây dựng Đảng; bí thư cấp uỷ cơ sở, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tự phê bình trước đại diện của nhân dân và chịu trách nhiệm khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở địa phương.

6. Cấp uỷ thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Phối hợp với các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn và các tổ chức cơ sở đảng có đảng viên, cán bộ, công chức đang cư trú trên địa bàn thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương.

III. QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Hội đồng nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và thông qua các đảng viên là đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải báo cáo với cấp uỷ về thời gian, chương trình, nội dung kỳ họp để cấp uỷ cho ý kiến chỉ đạo đảm bảo cho kỳ họp đạt kết quả, đúng luật, đúng định hướng của tổ chức đảng.

Điều 8. Đối với Uỷ ban nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Uỷ ban nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, bằng công tác cán bộ và công tác kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra Uỷ ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện, khắc phục những việc chưa đúng, nếu có sai phạm nghiêm trọng, cấp uỷ yêu cầu tạm dừng thực hiện và kiến nghị với cấp uỷ, chính quyền cấp trên giải quyết.

2. Định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân báo cáo với cấp uỷ về tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc những chuyên đề công tác được phân công.

Điều 9. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

1. Cấp uỷ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bằng nghị quyết, chương trình hành động, bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về tình hình hoạt động và đề xuất, kiến nghị về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp uỷ làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đảng bộ, chi bộ cơ sở xã thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, các đảng bộ, chi bộ cơ sở xã xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 50/QĐ-TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII), có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

QUY ĐỊNH SỐ 96/QĐ-TW NGÀY 22 - 3 - 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở
trong các doanh nghiệp nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước như sau:

I. CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia đề ra và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng đảng bộ, chi bộ và doanh nghiệp vững mạnh, góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

II. NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng

1. Tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đúng đường lối, chủ trương, chính sách

của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong doanh nghiệp.

2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp, phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện công khai về tài chính và phân phối, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực, nhất là trong hợp đồng liên doanh, liên kết, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư...

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của doanh nghiệp theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và người lao động trong doanh nghiệp; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm và tình đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong công nhân, viên chức; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Tuyên truyền, vận động làm cho cán bộ, đảng viên và người lao động hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của doanh nghiệp; động viên cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

3. Lãnh đạo đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Đề ra chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức,

cán bộ bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy trình và thẩm quyền trong việc sắp xếp bộ máy quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

2. Cấp uỷ xây dựng quy hoạch, quy chế, quy định về công tác cán bộ của doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định đó, bảo đảm đúng chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng.

3. Cấp uỷ đề nghị cấp trên xem xét, quyết định đối với các vấn đề về tổ chức và cán bộ của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Cấp uỷ lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong doanh nghiệp và trong xã hội. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp uỷ xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc,

xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Nói chung, bí thư cấp uỷ phải là cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6. Cấp uỷ thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp uỷ tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

III. QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị, giám đốc

1. Đảng bộ, chi bộ bảo đảm và tạo điều kiện để hội đồng quản trị, giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Cấp uỷ định kỳ thông báo với hội đồng quản trị, giám đốc ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp. Hội đồng quản trị, giám đốc có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu, hội đồng quản trị, giám đốc báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của doanh nghiệp. Cấp uỷ hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp thực hiện.

3. Bí thư cấp uỷ, chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác trong doanh nghiệp. Khi cấp uỷ và hội đồng quản trị, giám đốc có ý kiến khác nhau thì hội đồng quản trị, giám đốc quyết định theo quyền

hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời phải báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp uỷ làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng có liên quan

1. Cấp uỷ đảng ở doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ địa phương phải giữ quan hệ chặt chẽ với tổ chức đảng ngành dọc cấp trên trong việc lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác tổ chức, cán bộ.

2. Cấp uỷ đảng ở doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ ngành dọc cấp trên phải giữ quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ địa phương (nơi doanh nghiệp đóng) để phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, công tác cán bộ, an ninh, quốc phòng và các hoạt động xã hội.

3. Cấp uỷ đảng các doanh nghiệp cần giữ quan hệ với cấp uỷ địa phương nơi có cán bộ, đảng viên của doanh nghiệp cư trú để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 49/QĐ-TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII), có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

**TM. BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN**

QUY ĐỊNH SỐ 97/QĐ-TW NGÀY 22 - 3- 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ,
chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp
(trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu...)

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ đặc điểm của đơn vị sự nghiệp;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp như sau:

I. CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của đơn vị; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng đảng bộ, chi bộ và đơn vị vững mạnh.

II. NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng

1. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác chuyên môn của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà

nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo, không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trù dập, ức hiếp quần chúng và các hiện tượng tiêu cực khác, nhất là những tiêu cực trong tuyển sinh, cấp văn bằng, chứng chỉ, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động văn hoá, thể thao...

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong đơn vị. Đoàn kết nội bộ, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch; giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công nhân, viên chức; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị, thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp uỷ lãnh đạo xây dựng và thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy và quy chế hoạt động của đơn vị.

2. Cấp uỷ lãnh đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp uỷ. Lãnh đạo việc thực hiện các quyết định đó. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng.

3. Cấp uỷ đề xuất ý kiến để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân

1. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và cán bộ, đảng viên, quần chúng trong đơn vị tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp uỷ xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao;

thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Nói chung, bí thư cấp uỷ phải là cán bộ lãnh đạo của đơn vị, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6. Cấp uỷ thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp uỷ tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III. QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; thủ trưởng đơn vị bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp uỷ thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ và chính sách, chế độ trong đơn vị.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của đơn vị; cấp uỷ hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong đơn vị thực hiện.

3. Bí thư, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong đơn vị. Khi đảng uỷ, chi uỷ cơ sở và thủ trưởng đơn vị có ý kiến khác nhau thì thủ trưởng đơn vị quyết định theo quyền hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp uỷ và thủ trưởng đơn vị cùng báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể nhân dân

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp uỷ làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với cấp uỷ và chính quyền địa phương

Cấp uỷ xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ và chính quyền địa phương nơi có trụ sở đơn vị đóng và nơi có cán bộ, đảng viên của đơn vị cư trú, để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 51/QĐ-TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII), có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

QUY ĐỊNH SỐ 98/QĐ-TW NGÀY 22 - 3 - 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức và đặc điểm của cơ quan;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan như sau:

I. CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ công tác của cơ quan; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức và người lao động; xây dựng đảng bộ, chi bộ và cơ quan vững mạnh.

II. NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng

1. Lãnh đạo cán bộ, công chức và người lao động đề cao tinh thần trách nhiệm, tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Lãnh đạo cán bộ, công chức và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, làm tốt chức năng tham mưu, nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị với lãnh đạo cơ quan về những vấn đề cần thiết; không ngừng cải tiến

lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở cơ quan, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức và người lao động, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu và các biểu hiện tiêu cực khác. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc của cán bộ, công chức và người lao động.

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong cơ quan. Đoàn kết nội bộ, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của cơ quan.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, công chức và người lao động; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ, xây dựng tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, công chức và người lao động nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp uỷ tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan.

2. Cấp uỷ tham gia ý kiến với Ban cán sự đảng, đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan về quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan. Lãnh đạo việc thực hiện các quyết định đó. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng.

3. Cấp uỷ đề xuất ý kiến để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ quan xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức và người lao động, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội và cán bộ, đảng viên, quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong cơ quan. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp uỷ xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân

nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Nói chung, bí thư cấp uỷ phải là cán bộ lãnh đạo của cơ quan, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6. Cấp uỷ thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp uỷ tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III. QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng cơ quan

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng cơ quan thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; thủ trưởng cơ quan bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp uỷ cơ quan thường xuyên phản ánh với Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ và chính sách, chế độ trong cơ quan.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu thủ trưởng cơ quan báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của cơ quan; cấp uỷ hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong cơ quan thực hiện.

3. Bí thư, thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong cơ quan. Khi đảng uỷ, chi uỷ cơ sở và thủ trưởng cơ quan có ý kiến

khác nhau thì thủ trưởng cơ quan quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp uỷ và thủ trưởng cơ quan cùng báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp uỷ làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với cấp uỷ và chính quyền địa phương

Cấp uỷ xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp uỷ và chính quyền địa phương nơi có trụ sở cơ quan và nơi có cán bộ, đảng viên của cơ quan cư trú, để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 54/QĐ-TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII), có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

CÔNG VĂN SỐ 32/CV-BCĐTW 6 (2)
NGÀY 9 - 4 - 2004 CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)
VỀ MỘT SỐ CÔNG VIỆC BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2) CỦA CÁC CẤP ỦY,
TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CẦN LÀM TRONG NĂM 2004

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HỘI NGHỊ KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN
KẾT LUẬN SỐ 04/KL-TW HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4 KHOÁ IX

Báo cáo với cấp uỷ, tổ chức đảng về kết quả Hội nghị, nhất là kết luận của đồng chí chủ trì Hội nghị, thấy được nhiệm vụ rất quan trọng, nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhận rõ cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đang đòi hỏi các cấp uỷ, tổ chức đảng phải có quyết tâm rất cao và chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn, nhằm làm chuyển biến cơ bản tình hình.

II. XÂY DỰNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2004, BÁO CÁO VỚI
CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG VỚI NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU SAU ĐÂY:

1. Củng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc

- Tham mưu giúp cấp uỷ thực hiện Công văn số 216/CV-TW, ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Ban Bí thư, khẩn trương thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc của cấp uỷ; nơi nào chưa thành lập Ban Chỉ đạo và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo thì cần phải thành lập ngay; những nơi đã thành lập Ban Chỉ đạo và Bộ phận chuyên trách giúp việc thì cần củng cố, kiện toàn và đưa vào hoạt động nền nếp.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, sớm xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Bộ phận chuyên trách giúp việc.

Những công việc trên hoàn thành trong tháng 4 năm 2004 và báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương.

2. Xây dựng tiêu chuẩn cụ thể về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức

- Đôn đốc các ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chuẩn cụ thể về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức, cần phải "XÂY"; đồng thời, chỉ rõ những vi phạm thường gặp cần phải "CHỐNG" để cán bộ, công chức, viên chức có cơ sở đối chiếu kiểm điểm, tự phê bình, tự tu dưỡng và tạo điều kiện cho nhân dân có cơ sở giám sát, phê bình, góp phần vào việc quản lý, đánh giá cán bộ, đảng viên.

Đề xuất với cấp uỷ lựa chọn một số ngành, lĩnh vực, đơn vị thường nảy sinh tham nhũng, những nhiễu... chỉ đạo điểm, trực tiếp cùng với lãnh đạo ngành, lĩnh vực, đơn vị này trao đổi, thảo luận xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống, từ đó rút kinh nghiệm chỉ đạo những đơn vị khác trong tỉnh, ngành, đơn vị.

- Đối với những ngành như: Hải quan, Thuế, Công an..., Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của cấp uỷ, tổ chức đảng các bộ, ngành Trung ương tham mưu cho cấp uỷ, Ban cán sự đảng chủ động xây dựng tiêu chuẩn cụ thể về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành; tổ chức thực hiện nghiêm túc và thông báo cho cấp uỷ, nhân dân địa phương (nơi cư trú) biết cùng phối hợp giám sát việc thực hiện.

Công việc trên hoàn thành trong quý II năm 2004.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của cấp uỷ, tổ chức đảng các bộ, ban, ngành Trung ương với chức năng của mình, khi tham gia xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, nhất là trên các lĩnh vực: quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý và sử dụng đất đai; quản lý và sử dụng tài chính công (kể cả của doanh nghiệp nhà nước); sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; cải cách hành chính... cần nêu cao trách nhiệm, kiến nghị cho được những nội dung, giải pháp có tính máu chốt, đột phá, nhằm khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu của cán bộ, đảng viên, công chức.

4. Tham mưu cho cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo việc hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; giám sát việc thực hiện Quy chế, trong đó có việc xây dựng và triển khai thực hiện quy chế công khai, nhất là công

khai trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước ở các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, thành phố, trong ngành; trên mỗi lĩnh vực (ngân sách nhà nước, ngân sách Đảng, ngân sách trong lực lượng vũ trang), phân công một thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo.

5. Tham mưu cho cấp uỷ chỉ đạo việc xây dựng và triển khai thực hiện quy chế phối hợp do Mặt trận Tổ quốc chủ trì cùng với các đoàn thể trên địa bàn dân cư thực hiện việc giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở trên một số lĩnh vực thường xảy ra nhiều tiêu cực.

6. Rà soát các vụ việc nổi cộm ở địa phương, ngành, kiến nghị với cấp uỷ, tổ chức đảng cùng cấp chỉ đạo

- Thúc đẩy nhanh việc điều tra và đưa ra xét xử nghiêm minh một số vụ án điểm.

- Nghiên cứu, xử lý dứt điểm những vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo kéo dài; đồng thời chỉ đạo các cấp uỷ cấp dưới thực hiện tốt việc này.

7. Đề xuất với cấp uỷ chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh về tài sản của cán bộ, đảng viên, trước hết là:

- Thực hiện tốt việc kê khai tài sản đối với các ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 2004 - 2009) theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hướng dẫn của Chính phủ.

- Tổ chức kiểm tra, xác minh về tình hình nhà, đất của cán bộ, đảng viên, trước hết là những trường hợp đang có nhiều dư luận; kết luận rõ đúng, sai; nếu có sai phạm thì xử lý nghiêm minh và thông báo công khai (với hình thức thích hợp).

8. Giúp cấp uỷ

- Hướng dẫn và theo dõi thực hiện kiểm điểm tự phê bình, phê bình định kỳ cuối năm; chủ động đề xuất với cấp uỷ chỉ đạo tự phê bình, phê bình đột xuất đối với nơi có vấn đề nổi cộm mới phát sinh. Cùng cơ quan chức năng chuẩn bị nội dung cho cấp uỷ gợi ý các tập thể và cá nhân tự phê bình, phê bình khi thấy cần thiết.

- Bàn với các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn về việc phối hợp đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, những luận điệu phản động như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất.

9. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng 01 lần về Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của cấp trên; những trường hợp đột xuất phải báo cáo kịp thời.

III. PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Những nhiệm vụ năm 2004 phải được cụ thể hoá thành chương trình công tác từng tháng, từng quý và trong năm (từng tháng, quý có xác định nhiệm vụ trọng tâm).
- Chỉ rõ người chịu trách nhiệm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.
- Thời gian tiến hành và thời hạn thực hiện xong.
- Báo cáo kết quả thực hiện, nhận xét ưu khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

TM. BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)

**Trưởng ban
PHAN DIỄN**

Phần thứ tư

**VỀ TỔ CHỨC BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2),
TRỰC THUỘC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP**

Bản sao lưu

Bản sao lưu trữ

QUYẾT ĐỊNH SỐ 20/QĐ-TW
NGÀY 04-01-2002 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá IX;
- Căn cứ Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), gồm các thành viên sau đây:

- Đồng chí **Phan Diễn**, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.
- Đồng chí **Nguyễn Tấn Dũng**, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.
- Đồng chí **Lê Minh Hương**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.
- Đồng chí **Lê Hồng Anh**, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
- Đồng chí **Trần Đình Hoan**, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Đồng chí **Lê Văn Dũng**, Ủy viên Ban Bí thư, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Đồng chí **Trương Vĩnh Trọng**, Ủy viên Ban Bí thư, Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

- Đồng chí **Quách Lê Thanh**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Chỉ đạo nội dung, chương trình, kế hoạch, những chủ trương, giải pháp lớn đẩy mạnh cuộc vận động trong từng thời gian.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của cuộc vận động; giải quyết những vấn đề vướng mắc hoặc có ý kiến khác nhau; nghe báo cáo của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng về tình hình thực hiện; sơ kết, rút kinh nghiệm cuộc vận động.

3. Định kỳ và khi cần thiết báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị tình hình chung cuộc vận động và xin ý kiến Ban Bí thư, Bộ Chính trị về những vấn đề quan trọng, hoặc những vụ việc phức tạp.

4. Được Ban Bí thư ủy quyền trực tiếp truyền đạt ý kiến chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí để các cấp, các ngành thực hiện.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) có bộ phận giúp việc, làm nhiệm vụ thường trực của Ban.

Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) do Ban Bí thư quy định.

Phương tiện làm việc, ngân sách của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương đảm nhiệm.

Điều 4. Quyết định này thay cho Quyết định số 56/QĐ-TW, ngày 12-6-1999 và Quyết định 04/QĐ-TW, ngày 11-7-2001 của Bộ Chính trị.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các ban đảng ở Trung ương và các đồng chí có tên nêu trên thi hành Quyết định này.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)

(Trích Công văn số 154/ CV-TW ngày 17 - 4 - 2003

của Bộ Chính trị)

1. Đồng chí **Phan Diễn**, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo.
2. Đồng chí **Nguyễn Tấn Dũng**, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Ủy viên.
3. Đồng chí **Trần Đình Hoan**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.
4. Đồng chí **Lê Văn Dũng**, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên.
5. Đồng chí **Trương Vĩnh Trọng**, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên.
6. Đồng chí **Nguyễn Văn Chi**, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.
7. Đồng chí **Vũ Quốc Hùng**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên Thường trực, Trưởng Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo.
8. Đồng chí **Quách Lê Thanh**, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Nhà nước, Ủy viên.
9. Đồng chí **Ngô Văn Dụ**, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.
10. Đồng chí **Lê Thế Tiệm**, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/QĐ-TW
NGÀY 04 - 01 - 2002 CỦA BAN BÍ THƯ
Về chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thường trực
Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)

- Căn cứ Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí;

- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TW, ngày 04 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Nhiệm vụ cụ thể là:

1. Theo dõi, tổng hợp tình hình chung của cuộc vận động, thường xuyên báo cáo với Ban Chỉ đạo.

2. Kiến nghị về chương trình, kế hoạch và các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cuộc vận động.

3. Kiến nghị việc chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc cuộc vận động và xử lý giải quyết các vấn đề cần thiết nhằm phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan chức năng, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình tiến hành cuộc vận động. Đề xuất và báo cáo xin ý kiến Ban Chỉ đạo những vấn đề cần thiết.

4. Trực tiếp thực hiện một số việc theo uỷ nhiệm của Ban Chỉ đạo:

- Giúp Ban Chỉ đạo kiểm tra hoặc sơ kết, rút kinh nghiệm một số vấn

đề, vụ việc cụ thể liên quan đến cuộc vận động ở các địa phương, đơn vị.

- Truyền đạt ý kiến chỉ đạo và yêu cầu của Ban Chỉ đạo đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

- Giúp Ban Chỉ đạo chuẩn bị báo cáo để trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

5. Được mời dự một số cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

Điều 2. Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) do đồng chí Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) phụ trách, có một số cán bộ cấp phó trưởng ban Đảng, cấp vụ và chuyên viên trưng tập từ các ban Trung ương Đảng tham gia.

Điều 3. Mối quan hệ của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) với các ban, cơ quan chức năng ở Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương:

1. Liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, các ban Đảng Trung ương và các cơ quan chức năng liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ được quy định; không làm trùng lặp những việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nói trên.

2. Tổ chức giao ban định kỳ với các ban Đảng và cơ quan chức năng có liên quan về tiến độ, tình hình triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, lãng phí; trao đổi về những công việc cần tổ chức thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và các cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

QUY CHẾ LÀM VIỆC SỐ 01/QC-BCĐTW 6 (2) NGÀY 22-7-2003
Của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)

- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TW ngày 04-01-2002 của Bộ Chính trị về "Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) (gọi tắt là "Ban Chỉ đạo");

- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TW ngày 04-01-2002 của Ban Bí thư về "Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)" (gọi tắt là "Bộ phận Thường trực");

Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) ban hành Quy chế làm việc của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), như sau:

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 1. Chức năng

Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) là cơ quan tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) gồm có Trưởng Bộ phận Thường trực, Phó trưởng Bộ phận Thường trực, các thành viên và Văn phòng Bộ phận Thường trực.

Điều 2. Nhiệm vụ

- Theo dõi, tổng hợp tình hình chung của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thường xuyên báo cáo với Ban Chỉ đạo.

- Kiến nghị về chương trình, kế hoạch và các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cuộc vận động.

- Kiến nghị việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cuộc vận động và xử lý các vấn đề cần thiết nhằm phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan chức năng, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình tiến hành cuộc vận

động. Đề xuất xin ý kiến Ban Chỉ đạo những vấn đề cần thiết.

- Trực tiếp thực hiện một số việc theo uỷ nhiệm của Ban Chỉ đạo: giúp Ban Chỉ đạo kiểm tra hoặc sơ kết, rút kinh nghiệm một số vấn đề, vụ việc cụ thể liên quan đến cuộc vận động ở các địa phương, đơn vị; truyền đạt ý kiến chỉ đạo và yêu cầu của Ban Chỉ đạo đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động; giúp Ban Chỉ đạo chuẩn bị báo cáo để trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

- Được mời dự một số cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

II. NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng. Các thành viên của Bộ phận làm việc trực tiếp với Lãnh đạo Bộ phận.

Điều 4. Trưởng Bộ phận Thường trực là Uỷ viên Thường trực Ban Chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thường trực:

- Xây dựng chương trình làm việc của Bộ phận Thường trực; giúp Ban Chỉ đạo đề xuất những chủ trương, giải pháp lớn đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đề xuất chương trình làm việc 6 tháng, một năm và cả nhiệm kỳ Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

- Quản lý, điều hành hoạt động của Bộ phận Thường trực; tổ chức theo dõi, kiểm tra đôn đốc, tổng hợp làm báo cáo, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (Khoá IX) ở các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban; ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và làm việc với các đồng chí thủ trưởng cơ quan là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

- Chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo báo cáo của Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

- Chăm lo kiện toàn tổ chức, cán bộ, duy trì hoạt động thường xuyên của Bộ phận Thường trực; cung cấp thông tin kịp thời cho các thành viên, đặc biệt là các chủ trương, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban

Chỉ đạo; chủ trì các cuộc họp của Bộ phận Thường trực và các cuộc họp giao ban với các ban đảng và cơ quan chức năng có liên quan.

- Trực tiếp chủ trì các cuộc làm việc của Bộ phận Thường trực với các đồng chí lãnh đạo của một số tỉnh uỷ, thành uỷ, các cơ quan trung ương khi cần thiết.

- Chỉ đạo việc phối hợp với các ban của Trung ương Đảng trong việc tham mưu giúp Ban Chỉ đạo, Ban Bí thư, Bộ Chính trị chỉ đạo thực hiện cuộc vận động và bảo đảm điều kiện, phương tiện cho Bộ phận Thường trực hoàn thành nhiệm vụ.

- Được thay mặt Ban Chỉ đạo ký các văn bản của Ban Chỉ đạo liên quan đến công việc hằng ngày; được đề nghị các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng, cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý trao đổi những việc liên quan đến thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Điều 5. Phó Trưởng Bộ phận Thường trực cùng Trưởng Bộ phận chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Bộ phận phân công, thay mặt Trưởng Bộ phận khi được ủy quyền.

Điều 6. Văn phòng Bộ phận tham mưu, phục vụ Bộ phận Thường trực, Ban Chỉ đạo, Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ phận về mọi công việc của Văn phòng, có một đến hai cán bộ, nhân viên; có trách nhiệm, quyền hạn:

- Giúp Lãnh đạo Bộ phận dự thảo chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác hằng tháng, 6 tháng, một năm của Bộ phận Thường trực và các báo cáo khác khi được Lãnh đạo Bộ phận Thường trực giao.

- Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Bộ phận Thường trực, của Ban Chỉ đạo; lập hồ sơ, cùng các đồng chí và đơn vị có liên quan làm biên bản các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; dự thảo văn bản hoá các kết luận của Hội nghị Ban Chỉ đạo và Bộ phận Thường trực.

- Phân phối, chuyển giao, phát hành công văn đi, đến; bảo quản tài liệu chung của Ban Chỉ đạo và Bộ phận Thường trực đúng quy định. Đánh máy, nhân sao văn bản; chịu trách nhiệm cuối cùng về thể thức văn bản trước khi trình ký, ban hành.

- Giúp Lãnh đạo Bộ phận liên hệ với Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm điều kiện, phương tiện hoạt động thường xuyên của Bộ phận Thường trực và Ban Chỉ đạo.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Bộ phận Thường trực

Chủ động đôn đốc, nắm tình hình, tổng hợp, phản ánh kịp thời tình hình các địa phương, cơ quan trung ương thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với Lãnh đạo Bộ phận. Kiến nghị về chương trình, kế hoạch và các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Đôn đốc các địa phương, cơ quan trung ương được phân công theo dõi báo cáo tình hình theo chuyên đề phục vụ yêu cầu của Ban Chỉ đạo, Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

- Thực hiện công việc trong chương trình công tác do Lãnh đạo Bộ phận phân công; lập kế hoạch công tác hằng tháng, quý, năm trình Lãnh đạo Bộ phận và chủ động triển khai.

- Đối với những công việc trực tiếp phụ trách thì phối hợp với Chánh Văn phòng Bộ phận Thường trực chuẩn bị nội dung cuộc họp, hoàn chỉnh văn bản dự thảo, văn bản hoá các kết luận cuộc họp của Ban Chỉ đạo và Bộ phận Thường trực.

- Xây dựng kế hoạch mỗi đợt đi công tác (kể cả cá nhân hoặc tổ công tác); báo cáo phản ánh kết quả chuyến công tác gửi Lãnh đạo Bộ phận; Chánh Văn phòng lưu giữ.

- Phản ánh tình hình kết quả nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp giao ban hằng tuần của Bộ phận Thường trực.

- Được Ban Chỉ đạo, Ban Bí thư giới thiệu theo dõi một số tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan trung ương trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Thường xuyên liên hệ với các tỉnh uỷ, thành uỷ và cơ quan trung ương được phân công theo dõi nắm tình hình; tham dự các cuộc họp về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); truyền đạt những chủ trương, nhiệm vụ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) có liên quan. Được thông tin và được mời dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ban Bí thư, Bộ Chính trị về những nội dung liên quan. Được Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương đảm bảo điều kiện hoạt động thường xuyên.

III. QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ làm việc

- Trưởng và Phó Trưởng Bộ phận Thường trực thường xuyên báo cáo,

tiếp nhận sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo mà trực tiếp là Trưởng Ban Chỉ đạo, giữ mối quan hệ chặt chẽ với các thành viên Ban Chỉ đạo. Các thành viên Bộ phận Thường trực quan hệ trực tiếp với thành viên Ban Chỉ đạo để xin ý kiến và thực hiện sự chỉ đạo về công việc đồng chí đó phụ trách và báo cáo kết quả công việc với Lãnh đạo Bộ phận Thường trực.

- Quan hệ với các tỉnh uỷ, thành uỷ, các cơ quan trung ương: chủ động và trực tiếp theo dõi, kiểm tra và làm việc với các đơn vị theo nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Thường trực.

- Đối với các ban của Trung ương Đảng: giữ mối quan hệ phối hợp, duy trì giao ban với các ban và cơ quan chức năng có liên quan. Bộ phận Thường trực là đầu mối phối hợp với các ban xây dựng đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, nhất là đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Nội chính Trung ương...

- Quan hệ trong các đồng chí Lãnh đạo Bộ phận Thường trực: phối hợp chặt chẽ, định kỳ sinh hoạt, bảo đảm lãnh đạo cả Bộ phận Thường trực hoạt động có hiệu quả, giữ quan hệ chặt chẽ với các thành viên Bộ phận Thường trực.

- Các thành viên Bộ phận Thường trực chịu sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phận Thường trực, thường xuyên báo cáo với Lãnh đạo Bộ phận Thường trực. Khi vắng mặt trực tiếp báo cáo Lãnh đạo Bộ phận Thường trực hoặc báo Chánh Văn phòng khi Lãnh đạo Bộ phận Thường trực đi vắng.

- Quan hệ giữa các đồng chí thành viên Bộ phận Thường trực với nhau: phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ; nếu đi công tác địa phương từ 2 người trở lên, có một đồng chí phụ trách do Trưởng Bộ phận Thường trực chỉ định, hoặc các đồng chí cử ra.

Điều 9. Về sinh hoạt của Bộ phận Thường trực

- Bộ phận Thường trực định kỳ giao ban hàng tuần vào sáng thứ hai để thông tin tình hình và những công việc nội bộ trong tuần, do đồng chí Trưởng Bộ phận Thường trực, hoặc đồng chí được uỷ quyền chủ trì. Thường xuyên rút kinh nghiệm việc triển khai công tác trong Bộ phận Thường trực.

- Cuối mỗi tháng kiểm điểm công tác trong tháng và thảo luận chương trình công tác tháng sau.

- Các đồng chí trong Bộ phận Thường trực thực hiện tự phê bình và phê bình thường xuyên; cuối năm, Lãnh đạo Bộ phận Thường trực có nhận xét gửi về cơ quan của từng đồng chí.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần bổ sung, sửa đổi, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) xem xét, quyết định.

TRƯỞNG BAN
PHAN ĐIỂN

Bản sao lưu trữ

**DANH SÁCH BỘ PHẬN THƯỜNG TRỰC
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)**

1. Vũ Quốc Hùng

Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng Bộ phận.
Điện thoại CQ: 45971; DĐ: 0913216122

2. Nguyễn Văn Thận

Phó trưởng Bộ phận.
Điện thoại CQ: 45092; DĐ: 0913250017

3. Trần Quốc Vượng

Phó Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng Bộ phận thường trực.
Điện thoại CQ: 45274; DĐ: 0912390797

4. Lưu Quang Quán

Vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45267; DĐ: 0913211786

5. Nguyễn Văn Bào

Vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45930; DĐ: 0912390296

6. Nguyễn Đình Phú

Vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45930

7. Nguyễn Văn Thụy

Vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45267; DĐ: 0913211749

8. Phạm Văn Vỹ

Vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45149; DĐ: 0913211759

9. Nguyễn Mạnh Tường

Phó vụ trưởng, Thành viên.
Điện thoại CQ: 45149; DĐ: 0913211769

10. Đoàn Văn Hùng

Phó Vụ trưởng, Thành viên.

Điện thoại CQ: 45147; DD: 0913211760

11. Nguyễn Văn Tiếp

Phó Vụ trưởng, Thành viên.

Điện thoại CQ: 45987; DD: 0913211726

12. Hoàng Quang Nguyệt

Vụ trưởng, Chánh Văn phòng.

Điện thoại CQ: 45392; DD: 0913589639

13. Tạ Văn Ngân

Chuyên viên Văn phòng.

Điện thoại CQ: 45987

14. Nguyễn Thị Nga

Chuyên viên Văn phòng.

Điện thoại CQ: 45306

Bản sao lưu trữ

CÔNG VĂN SỐ 216/CV-TW NGÀY 08 - 4 - 2004
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Về việc thành lập Ban chỉ đạo Trung ương 6 (2)
và Bộ phận chuyên trách giúp việc

Kính gửi: - Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
đảng uỷ trực thuộc Trung ương,

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khoá IX), theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) có sự thoả thuận của Ban Tổ chức Trung ương, để giúp cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí một cách có hiệu quả, Ban Bí thư yêu cầu:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các huyện uỷ và cấp uỷ tương đương, nơi nào chưa thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của cấp uỷ và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo thì cần thành lập ngay (theo quy định của Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX); nơi đã thành lập Ban Chỉ đạo và Bộ phận chuyên trách giúp việc thì cần củng cố, kiện toàn và đưa vào hoạt động nền nếp.

Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các tỉnh uỷ, thành uỷ gồm: đồng chí Bí thư hoặc đồng chí Phó Bí thư làm Trưởng ban và một số cấp uỷ viên là cán bộ lãnh đạo một số ban xây dựng Đảng và ngành nội chính của tỉnh, thành phố. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương gồm đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư làm Trưởng ban và một số thành viên là uỷ viên Ban cán sự đảng (hoặc đảng đoàn, đảng uỷ) và uỷ viên thường vụ đảng uỷ cơ quan.

Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương gồm từ 3 đến 5 cán bộ có phẩm chất, năng lực và kinh nghiệm công tác đảng, được lựa chọn,

biệt phái từ các cơ quan thuộc tỉnh, thành uỷ do một cấp uỷ viên là thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp làm Trưởng Bộ phận.

- Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các huyện uỷ và cấp uỷ tương đương gồm một số đồng chí trong cấp uỷ do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ làm trưởng ban, có một cán bộ chuyên trách giúp việc.

Các đồng chí tham gia Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các cấp uỷ và Bộ phận thường trực giúp việc cần có tinh thần kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, có khả năng và có kinh nghiệm về lĩnh vực công tác này.

Việc thành lập mới hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Bộ phận chuyên trách giúp việc cần hoàn thành và báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương) trong tháng 4 năm 2004.

Công văn này thay thế Công văn số 215/CV-TW, ngày 7-4-2004.

TM. BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

Bản sao lưu trữ

HƯỚNG DẪN SỐ 01/HD-BCĐ NGÀY 13 - 4 - 2004
CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)
Về việc ban hành Quy chế làm việc của
Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách
giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) các tỉnh uỷ, thành uỷ,
đảng uỷ trực thuộc Trung ương

Kết luận số 04/KL-TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX nêu: *"Ban Thường vụ các tỉnh, thành uỷ, Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương, ngành; có phân công một số uỷ viên chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động, có bộ phận chuyên trách giúp việc"*.

Thực hiện Kết luận trên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Công văn số: 216/CV-TW, ngày 08 tháng 4 năm 2004 chỉ đạo các tỉnh uỷ, thành uỷ; các Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (viết gọn là cấp uỷ, tổ chức đảng) thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các cấp uỷ, tổ chức đảng.

Để thống nhất mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) (viết tắt là Ban Chỉ đạo 6 (2)) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) các cấp uỷ, tổ chức đảng (viết tắt là Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo) từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương hướng dẫn xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và Quy chế làm việc của Bộ phận

chuyên trách Ban Chỉ đạo (mẫu kèm theo) để Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh uỷ) tham khảo, vận dụng.

TM. BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)

Ủy viên Thường trực

VŨ QUỐC HÙNG

Bản sao lưu trữ

QUYẾT ĐỊNH SỐ .../QĐ-TU NGÀY ... - ... - 2004 CỦA TỈNH ỦY
Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2)
của tỉnh uỷ và quy chế làm việc
của Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo

- Căn cứ Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) về việc: tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Căn cứ Quyết định số: /QĐ, ngày... tháng... năm... về việc thành lập Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ và Quyết định số ... QĐ-TW, ngày... tháng... năm... về việc thành lập Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ và quy chế làm việc của Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ; các thành viên Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo, các cấp uỷ, tổ chức đảng, các ban đảng và các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh uỷ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

QUY CHẾ

Làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) của Tỉnh uỷ...

*(Ban hành kèm theo Quyết định số... /QĐ-TU, ngày...-...-2004
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)*

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng:

Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ có chức năng tham mưu giúp Tỉnh uỷ mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nhiệm vụ

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác nhằm thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương theo sự chỉ đạo của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện cuộc vận động của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị theo nội dung chương trình và kế hoạch đã đề ra.

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ định kỳ 6 tháng, một năm họp kiểm điểm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương. Tổ chức việc sơ kết, tổng kết, tham mưu, đề xuất các giải pháp tiếp tục chỉ đạo cuộc vận động theo từng thời gian để trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định.

- Trực tiếp chỉ đạo Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Quyền hạn

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cung cấp tình hình, tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tham mưu, đề xuất và kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vụ tham nhũng, lãng phí tiêu cực, những vụ việc nổi cộm, bức xúc ở địa phương.

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chuẩn bị gợi ý kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; chuẩn bị và tập hợp các ý kiến để phối hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhận xét, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ hàng năm.

- Chủ trì và phối hợp các ban đảng, các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc để triển khai thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tham dự các cuộc họp của Ban Thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị để nắm tình hình, truyền đạt chủ trương của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC ỦY VIÊN

1. Trưởng Ban Chỉ đạo (là Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực kiêm)

- Phụ trách chung, trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo chương trình, kế hoạch công tác của tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Chịu trách nhiệm trước Trung ương và cấp uỷ về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương.

- Thay mặt Ban Chỉ đạo ký các văn bản của Ban; được dùng dấu của tỉnh uỷ đóng trên góc trái các văn bản.

2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

- Cùng với Trưởng ban quản lý, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình các kỳ họp của Ban Chỉ đạo; chỉ đạo việc xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo và của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; các báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ tỉnh.

- Thay mặt Trưởng Ban ký các văn bản của Ban Chỉ đạo. Chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban phân công.

3. Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

- Thường xuyên nắm tình hình tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và báo cáo kết quả với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Làm Trưởng Bộ phận chuyên trách; trực tiếp chỉ đạo và điều hành hoạt động của Bộ phận để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, những công việc được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ giao.

4. Các uỷ viên Ban Chỉ đạo

- Từng đồng chí trên cơ sở lĩnh vực công tác đang đảm nhiệm và địa bàn được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phân công phụ trách, những công việc cụ thể được Ban Chỉ đạo 6 (2) giao, thường xuyên bám sát cơ sở, truyền đạt chủ trương, nghị quyết của cấp uỷ, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra phát hiện vụ việc, kịp thời đề xuất tham mưu cho Ban Chỉ đạo trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo xử lý những vấn đề liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

- Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện cuộc vận động, nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo về những vấn đề tham mưu, đề xuất, phản ánh.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp, tích cực góp ý về nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện cuộc vận động với Ban Chỉ đạo.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

- Định kỳ hai tháng Ban Chỉ đạo sinh hoạt 01 lần (có thể họp đột xuất khi cần thiết) nhằm đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thảo luận và góp ý kiến về chương trình công tác trong thời gian tới để tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm đề xuất với Trưởng Ban và góp ý với Bộ phận chuyên trách về những việc Ban Chỉ đạo cần quan tâm, bàn và quyết định xử lý kịp thời nhằm thúc đẩy cuộc vận động; thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên có vấn đề nổi cộm để nắm tình hình, đôn đốc, nhắc nhở, cảnh báo.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động thu xếp công việc để dự họp đầy đủ; tài liệu cuộc họp được gửi trước ít nhất một ngày để các đồng chí nghiên cứu. Trong sinh hoạt, thực hiện tốt việc dân chủ thảo luận và đề cao trách nhiệm của mỗi thành viên để tham mưu, đề xuất trực tiếp cho tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo thường xuyên làm việc với đồng chí Trưởng Bộ phận chuyên trách để cho ý kiến chỉ đạo và xử lý công việc.

IV. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Đối với Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương

- Chấp hành và thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương về kế hoạch, nội dung, chương trình công tác, chương trình kiểm tra.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ, thực hiện chế độ báo cáo kết quả cuộc vận động với Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương theo quy định.

2. Đối với Ban Thường vụ tỉnh uỷ

- Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo chỉ đạo các

huyện uỷ, thị uỷ, đảng uỷ, các ban đảng, ban cán sự, đảng đoàn, các sở, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc tỉnh uỷ để tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cuộc vận động với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

3. Đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, các ban đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ

Trực tiếp làm việc với các cấp uỷ, tổ chức đảng, các ban đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc để bàn về công tác liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động. Thường xuyên tổ chức giao ban để trao đổi thông tin, thống nhất đề xuất và kiến nghị với Ban Thường vụ về chủ trương, giải pháp đẩy mạnh cuộc vận động.

4. Đối với Ban Chỉ đạo 6 (2) các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh uỷ

Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện cuộc vận động của Ban Chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc theo chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

5. Đối với bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo

Trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo; tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bộ phận chuyên trách tham mưu đắc lực cho Ban Chỉ đạo 6 (2) của Tỉnh uỷ trong quá trình thực hiện cuộc vận động.

QUY CHẾ

Làm việc của Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo
(Ban hành kèm Quyết định số -QĐ/TU, ngày ...-...-2004
của Ban Thường vụ tỉnh uỷ)

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng

Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo có chức năng tham mưu giúp Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất chương trình, nội dung, kế hoạch công tác để tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trình Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; tổng hợp tình hình và báo cáo kịp thời với Ban Chỉ đạo 6 (2) tỉnh uỷ.

- Chuẩn bị chương trình, nội dung các kỳ họp và các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ. Tham mưu, đề xuất nội dung, giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện nhằm thúc đẩy cuộc vận động.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Ban Thường vụ tỉnh uỷ và Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ giao.

- Chuẩn bị báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, sơ kết, tổng kết việc thực hiện cuộc vận động để giúp Ban Chỉ đạo 6 (2) báo cáo Ban Thường vụ tỉnh uỷ và tỉnh uỷ, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương theo quy định.

3. Quyền hạn

- Được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ban Chỉ đạo 6 (2) của Tỉnh uỷ giao nhiệm vụ kiểm tra và yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý cung cấp tình hình, tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Được làm việc trực tiếp với Ban Chỉ đạo 6 (2) các cấp uỷ, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh về tình hình thực hiện cuộc vận động.

- Được mời dự các cuộc họp của Ban Thường vụ các cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh bàn những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

1. Cơ cấu tổ chức

- Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo 6 (2) của Tỉnh uỷ; do đồng chí Uỷ viên Thường trực Ban Chỉ đạo trực tiếp làm Trưởng Bộ phận và điều hành các hoạt động của Bộ phận. Có một Phó Trưởng Bộ phận (nếu thấy cần thiết).

- Có từ 3 đến 5 cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách được tuyển chọn từ các cơ quan thuộc tỉnh, có năng lực và phẩm chất, có kiến thức và kinh nghiệm về công tác đảng, am hiểu pháp luật được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quyết định điều động theo chế độ trưng tập.

2. Trưởng Bộ phận

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về mọi hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

- Chuẩn bị hoặc chỉ đạo chuẩn bị báo cáo, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo 6 (2) tỉnh uỷ về việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Chủ trì triển khai và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ phận chuyên trách.

- Thay mặt Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo ký các văn bản của Bộ phận, dùng con dấu của Văn phòng Tỉnh uỷ đóng trên góc trái của văn bản.

3. Phó Trưởng Bộ phận (nếu có)

- Chịu trách nhiệm cùng Trưởng Bộ phận về các hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

- Thực hiện một số nhiệm vụ được Trưởng Bộ phận uỷ quyền.

4. Nhiệm vụ của các thành viên

- Giúp Trưởng Bộ phận và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên kiểm tra cơ sở để nắm tình hình và báo cáo kết quả công tác với Trưởng Bộ phận.

- Tham gia các công việc chung của Bộ phận chuyên trách, chủ động nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tham gia chuẩn bị các báo cáo của Bộ phận chuyên trách để trình Ban Chỉ đạo 6 (2) về nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Được Ban Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ giới thiệu theo dõi một số cấp uỷ, cơ quan đơn vị, được uỷ quyền truyền đạt những chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chỉ đạo 6 (2) về việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Thực hiện chế độ bảo mật theo quy định, không tuỳ tiện trao đổi bàn bạc với những tổ chức, cá nhân không có phận sự.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Định kỳ hàng tuần giao ban để bàn bạc, xử lý công việc của Bộ phận chuyên trách. Hàng tháng có báo cáo gửi Ban Chỉ đạo 6 (2) của Tỉnh uỷ về tình hình thực hiện cuộc vận động và kết quả hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

2. Bộ phận chuyên trách Ban chỉ đạo được cung cấp thông tin, báo chí, điều kiện làm việc, phương tiện đi lại, kinh phí hoạt động và các chế độ khác theo quy định chung của cấp uỷ do Văn phòng Tỉnh uỷ thực hiện.

IV. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Bộ phận chuyên trách chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban

Chỉ đạo 6 (2) của tỉnh uỷ, trước hết là các đồng chí: Trưởng ban, Phó trưởng ban, Uỷ viên Thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Bộ phận chuyên trách trực tiếp làm việc với Ban Chỉ đạo 6 (2) các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc trao đổi công tác và nắm tình hình thực hiện cuộc vận động.

3. Thường xuyên giữ mối liên hệ, phối hợp với các ban: Ban Tổ chức, Uỷ ban Kiểm tra, Văn phòng Tỉnh uỷ, các cơ quan chức năng như Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Thanh tra nhà nước, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh nắm tình hình, tham mưu đề xuất với Ban Chỉ đạo 6 (2) Tỉnh uỷ về công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và báo cáo vụ việc nổi cộm bức xúc ở địa phương.

4. Thường xuyên trao đổi thông tin, những vấn đề đã có ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 6 (2) Tỉnh uỷ với Bộ phận Thường trực Trung ương 6 (2) của Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ.

**HƯỚNG DẪN SỐ 02/HD-BCĐ NGÀY 13 - 4- 2004
CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)**

**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)
và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)
của các Ban cán sự đảng, đảng đoàn, Trung ương Đoàn Thanh niên
Cộng sản Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Ban cán sự đảng)**

Kết luận số 04/KL-TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX nêu: "*Ban Thường vụ các tỉnh, thành uỷ, Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương, ngành; có phân công một số uỷ viên chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động, có bộ phận chuyên trách giúp việc*".

Thực hiện Kết luận trên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Công văn số: 216/CT-TW, ngày 08 tháng 4 năm 2004 chỉ đạo các tỉnh uỷ, thành uỷ; các Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về việc "thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các cấp uỷ, tổ chức đảng".

Để thống nhất mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) (viết tắt là Ban Chỉ đạo 6 (2)) và Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), các cấp uỷ, tổ chức đảng (viết tắt là Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo) từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương hướng dẫn xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng và Quy chế làm việc của Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo (mẫu kèm theo), các Ban cán sự đảng tham khảo, vận dụng phù hợp với đặc điểm của tổ chức mình.

TM. BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)

Uỷ viên Thường trực
VŨ QUỐC HÙNG

QUYẾT ĐỊNH SỐ .../QĐ-BCS NGÀY ... - ... - 2004 CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG...
Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2)
và Quy chế làm việc của Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo

- Căn cứ Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX) về việc: tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban cán sự đảng...;
- Căn cứ Quyết định số: /QĐ-BCS, ngày ... tháng... năm... của Ban cán sự đảng... về việc thành lập Ban Chỉ đạo 6 (2) và Quyết định số ... /QĐ-BCS, ngày... tháng... năm... về việc thành lập Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo,

BAN CÁN SỰ ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí trong Ban Chỉ đạo 6 (2), các thành viên Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo, các đơn vị trực thuộc ban cán sự đảng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. BAN CÁN SỰ ĐẢNG

BÍ THƯ

QUY CHẾ LÀM VIỆC

của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Ban cán sự đảng
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCS ngày - -2004)

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng

Ban Chỉ đạo 6 (2) có chức năng giúp Ban cán sự lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị trong ngành đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Nhiệm vụ

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác nhằm phối hợp thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong ngành.

- Phối hợp với cấp uỷ có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, việc tổ chức thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại các đơn vị trong ngành theo nội dung chương trình và kế hoạch đã đề ra.

- Giúp Ban cán sự định kỳ 6 tháng, một năm họp kiểm điểm, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kết luận số 04/KL-TW của Hội nghị Trung ương 4 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khoá IX trong toàn ngành. Tổ chức việc sơ kết, tổng kết, tham mưu, đề xuất các giải pháp tiếp tục chỉ đạo cuộc vận động theo từng thời gian để trình Ban cán sự quyết định.

- Trực tiếp chỉ đạo Bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng giúp việc Ban Chỉ đạo 6 (2) trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

3. Quyền hạn

- Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và yêu cầu các tổ chức đảng, lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành cung cấp tình hình, tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống

tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tham mưu, đề xuất và kiến nghị với Ban cán sự lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vụ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những vụ việc nổi cộm, bức xúc trong ngành.

- Giúp Ban cán sự gợi ý kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể và cá nhân cán bộ thuộc diện Ban cán sự quản lý theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; chuẩn bị và tập hợp các ý kiến trình Ban cán sự nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm.

- Phối hợp các cấp uỷ và tổ chức đảng trong ngành để triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban cán sự đảng khi bàn về chống tham nhũng, lãng phí; được giới thiệu dự các cuộc họp của các cấp uỷ đảng liên quan để nắm tình hình, truyền đạt chủ trương của Trung ương, của Ban cán sự về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC ỦY VIÊN

1. Trưởng Ban Chỉ đạo 6 (2) - Là Bí thư Ban cán sự đảng

- Phụ trách chung, trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Chỉ đạo việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Kết luận số 04/KL-TW của Hội nghị Trung ương 4 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khoá IX theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban cán sự đảng.

- Chịu trách nhiệm trước Ban cán sự đảng và Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương về kết quả thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong ngành.

- Thay mặt Ban Chỉ đạo 6 (2) ký các văn bản; được dùng dấu của Ban cán sự đảng đóng trên góc trái các văn bản.

2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

- Cùng với Trưởng ban quản lý, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình các kỳ họp của Ban

Chỉ đạo; chỉ đạo việc xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo 6 (2) và của Ban cán sự đảng; chỉ đạo soạn thảo các báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong ngành.

- Thay mặt Trưởng Ban ký các văn bản của Ban Chỉ đạo 6 (2). Chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban phân công.

3. Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

- Thường xuyên nắm tình hình tổ chức thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của các cấp ủy, tổ chức đảng trong ngành báo cáo kết quả với Trưởng, Phó Trưởng ban Chỉ đạo.

- Làm Trưởng Bộ phận chuyên trách, trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Bộ phận chuyên trách để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, những công việc được Ban cán sự Đảng hoặc Ban Chỉ đạo 6 (2) giao.

4. Các ủy viên Ban Chỉ đạo

- Từng đồng chí trên cơ sở lĩnh vực công tác đang đảm nhiệm và địa bàn được Ban cán sự đảng phân công phụ trách, những công việc cụ thể được Ban Chỉ đạo 6 (2) giao: thường xuyên bám sát cơ sở, truyền đạt chủ trương, nghị quyết của Ban cán sự đảng. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, phát hiện vụ việc, kịp thời tham mưu, đề xuất cho Ban Chỉ đạo 6 (2) trình Ban cán sự đảng chỉ đạo xử lý những vấn đề liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động.

- Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo 6 (2) về những vấn đề tham mưu, đề xuất, phản ánh.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo 6 (2), tích cực góp ý về nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện cuộc vận động.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

- Định kỳ mỗi tháng Ban Chỉ đạo 6 (2) họp 01 lần, hoặc có thể họp đột xuất (khi cần thiết), nhằm đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thảo luận và góp ý kiến về chương trình công tác trong thời gian tới để tham mưu cho Ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo 6 (2) có trách nhiệm đề xuất với Trưởng

Ban và góp ý với Bộ phận chuyên trách về những việc Ban Chỉ đạo cần quan tâm, bàn và quyết định xử lý kịp thời nhằm thúc đẩy cuộc vận động; các uỷ viên Ban Chỉ đạo trực tiếp làm việc với lãnh đạo, cán bộ của các đơn vị trong ngành có vấn đề nổi cộm để nhắc nhở, cảnh báo, thu thập thông tin.

- Các uỷ viên Ban Chỉ đạo 6 (2) chủ động thu xếp công việc để dự họp đầy đủ; tài liệu cuộc họp được gửi trước ít nhất một ngày để các đồng chí nghiên cứu. Trong sinh hoạt, thực hiện tốt việc dân chủ thảo luận và đề cao trách nhiệm của mỗi thành viên Ban Chỉ đạo, tham mưu trực tiếp cho Ban cán sự đảng về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo thường xuyên làm việc với đồng chí Trưởng Bộ phận chuyên trách để cho ý kiến chỉ đạo và xử lý công việc.

IV. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Đối với Ban Chỉ đạo 6 (2) của Trung ương

- Chấp hành và thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương về kế hoạch, nội dung, chương trình công tác, chương trình kiểm tra...

- Thường xuyên giữ mối liên hệ, thực hiện chế độ báo cáo kết quả cuộc vận động với Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương theo quy định.

2. Đối với Ban cán sự đảng

- Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự đảng.

- Tham mưu, đề xuất với Ban cán sự đảng những công việc cần phối hợp, thống nhất với cấp uỷ liên quan để thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cuộc vận động với Ban cán sự đảng.

3. Đối với các cấp uỷ cơ quan, lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành

Trực tiếp làm việc với cấp uỷ cơ quan, lãnh đạo các đơn vị trong ngành để bàn về công tác liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động. Thường xuyên tổ chức giao ban để trao đổi thông tin, thống nhất đề xuất và kiến nghị với Ban cán sự về chủ trương, giải pháp đẩy mạnh cuộc vận động.

4. Đối với Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo

Trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo; tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bộ phận chuyên trách tham mưu đắc lực cho Ban Chỉ đạo trong quá trình thực hiện cuộc vận động.

Bản sao lưu trữ

QUY CHẾ LÀM VIỆC
của Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo
(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-BCS,
ngày ... /... /2004 của Ban cán sự)

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng

Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo có chức năng tham mưu giúp Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng phối hợp với cấp uỷ liên quan lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của các đơn vị thuộc ngành.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất chương trình, nội dung, kế hoạch công tác để phối hợp và chủ động tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trình Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Phối hợp với các cấp uỷ liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của các cơ quan đơn vị; tổng hợp tình hình và báo cáo kịp thời với Ban Chỉ đạo 6 (2).

- Chuẩn bị chương trình, nội dung các kỳ họp và các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo 6 (2). Tham mưu, đề xuất những nội dung cần tập trung chỉ đạo của cuộc vận động.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác do Ban Chỉ đạo 6 (2) giao.

- Chuẩn bị báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, sơ kết, tổng kết việc thực hiện cuộc vận động để giúp Ban Chỉ đạo 6 (2) báo cáo Ban cán sự đảng, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Trung ương theo quy định.

3. Quyền hạn

- Được Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng giao nhiệm vụ kiểm tra

và yêu cầu lãnh đạo các đơn vị và cán bộ thuộc diện Ban cán sự đảng quản lý cung cấp tình hình, tài liệu về những vấn đề có liên quan đến thực hiện nội dung Kết luận 04/KL-TW của Hội nghị Trung ương 4 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khoá IX.

- Được giới thiệu làm việc trực tiếp với các cấp uỷ của đơn vị trực thuộc ngành về tình hình thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Được mời dự một số cuộc họp của Ban Chỉ đạo 6 (2), Ban cán sự đảng, làm việc với lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành bàn về những vấn đề có liên quan đến việc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

1. Cơ cấu tổ chức

- Bộ phận chuyên trách Ban Chỉ đạo là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng; do đồng chí Uỷ viên Thường trực Ban Chỉ đạo 6 (2) trực tiếp làm Trưởng Bộ phận và điều hành các hoạt động của Bộ phận. Có một Phó Trưởng Bộ phận (nếu thấy thật cần thiết).

- Có từ 3 đến 5 cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách được tuyển chọn từ các đơn vị của ngành, có năng lực và phẩm chất, có kiến thức về công tác đảng, am hiểu pháp luật được Ban cán sự đảng quyết định điều động theo chế độ trưng tập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Bộ phận

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng về mọi hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

- Chuẩn bị hoặc chỉ đạo chuẩn bị báo cáo, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng về việc thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Chủ trì phân công nhiệm vụ các thành viên Bộ phận chuyên trách trong việc triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch công tác được Ban Chỉ đạo 6 (2) giao.

3. Phó Trưởng Bộ phận (nếu có)

- Chịu trách nhiệm cùng Trưởng Bộ phận về các hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

- Thực hiện một số nhiệm vụ được Trưởng Bộ phận uỷ quyền.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên

- Giúp Trưởng Bộ phận và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên kiểm tra cơ sở để nắm tình hình và báo cáo kết quả công tác với Trưởng Bộ phận.

- Tham gia các công việc chung của Bộ phận, chủ động nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo 6 (2) và Ban cán sự đảng về biện pháp đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tham gia chuẩn bị báo cáo của Bộ phận để trình Ban Chỉ đạo về nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Được Ban Chỉ đạo 6 (2) giới thiệu theo dõi một số đơn vị, được uỷ quyền để truyền đạt và phối hợp triển khai những chương trình, kế hoạch công tác chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Ban Chỉ đạo, Ban cán sự đảng. Được yêu cầu các cơ quan trên cung cấp các thông tin về việc thực hiện đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Thực hiện chế độ bảo mật theo quy định, không tùy tiện trao đổi bàn bạc với những tổ chức, cá nhân không có phận sự.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Định kỳ hàng tuần giao ban để bàn bạc, xử lý công việc của Bộ phận chuyên trách. Hàng tháng có báo cáo gửi Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng về tình hình đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong ngành và kết quả hoạt động của Bộ phận chuyên trách.

2. Bộ phận chuyên trách được cung cấp thông tin, báo chí, điều kiện làm việc, phương tiện đi lại, kinh phí hoạt động và các chế độ khác theo quy định chung của Ban cán sự đảng do Văn phòng thực hiện.

IV. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Bộ phận chuyên trách chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo 6 (2), trước hết là các đồng chí: Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Bộ phận chuyên trách được giới thiệu trực tiếp làm việc với các cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan; làm việc với lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành;

hướng dẫn, trao đổi công tác và nắm tình hình thực hiện cuộc vận động.

3. Phối hợp và thường xuyên giữ mối liên hệ với các đơn vị chức năng của ngành như: tổ chức, kiểm tra, thanh tra,... để nắm tình hình, tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo 6 (2) của Ban cán sự đảng về công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và báo cáo vụ việc nổi cộm bức xúc, tiêu cực khác.

4. Thường xuyên trao đổi thông tin về những vấn đề đã có ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 6 (2) và Ban cán sự đảng với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc ngành.

Bản sao lưu trữ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ	13
- Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ	15
- Sửa đổi lối làm việc	20
- Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân	85
- Bài nói tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động "Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu"	87
- Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	91
<i>Phần thứ hai</i>	
NHỮNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ	95
- Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta (Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 18-6-1992)	98
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng (ngày 29-6-1992)	112
- Báo cáo số 28/BC-TW ngày 02-02-1999 của Bộ Chính trị về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay (Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII)	135
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay	161
- Kế hoạch số 03/KH-TW ngày 10-02-1999 của Bộ Chính trị triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	168
	669

- Kế hoạch số 04/KH-TW ngày 13-5-1999 của Bộ Chính trị triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	173
- Học tập, rèn luyện tư tưởng và đạo đức cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	179
- Tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)	187
- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng	205
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22-4-2001)	210
- Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 07-6-2001 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII	233
- Báo cáo số 31/TLHN ngày 26-10-2001 của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí	236
- Kết luận số 04/KL-TW ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí	251
- Công văn số 33/CV-TW ngày 14-01-2002 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII	260
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới (ngày 18-3-2002)	262
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn (ngày 18-3-2002)	274
- Báo cáo số 157/TLHN ngày 05-01-2004 của Bộ Chính trị kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX)	284
- Văn bản của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) ngày 9-3-2004 tình hình thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 2 năm qua. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục cuộc vận động trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX	310
- Mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX (Trích Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX)	319

Phần thứ ba

NHỮNG VĂN BẢN PHỤC VỤ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ	323
- Chỉ thị số 10/CT-TW ngày 04-01-1997 của Bộ Chính trị về tăng cường việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (khoá VII) về đấu tranh chống tham nhũng	325
- Thông báo số 228/TB-TW ngày 02-12-1990 ý kiến của Ban Bí thư về báo chí đấu tranh chống tham nhũng	330
- Pháp lệnh chống tham nhũng (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2000)	334
- Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh chống tham nhũng	349
- Nghị định số 13/2002/NĐ-CP ngày 30-01-2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998	362
- Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	369
- Chỉ thị số 29/2001/CT-TTg ngày 30-11-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	383
- Chỉ thị số 01/2002/CT-TTg ngày 28-1-2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, tập thể để thưởng, biếu, tặng, cho các cá nhân, tổ chức không đúng quy định	388
- Pháp lệnh cán bộ, công chức (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2000 và 2003)	392
- Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	406
- Nghị định số 96/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về chế độ thôi việc đối với cán bộ, công chức	420
- Nghị định số 97/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với công chức	425
- Nghị định số 56/2000/NĐ-CP ngày 12-10-2000 của Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	434
- Quy định số 54/QĐ-TW ngày 12-5-1999 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng	435
- Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm	439
- Hướng dẫn số 48/HD-KTTW ngày 12-4-2002 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm	442
- Quyết định số 92/QĐ-TW ngày 20-02-2004 của Bộ Chính trị về việc bổ sung, sửa đổi Điều 7 trong Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm	445

- Hướng dẫn số 200/HD-KTTW ngày 22-3-2004 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện Điều 7 (đã được Bộ Chính trị quyết định bổ sung, sửa đổi) trong Quy định số 19/QĐ-TW ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm 456
- Chỉ thị số 30/CT-TW ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 458
- Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã 463
- Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (Ban hành theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 của Chính phủ) 464
- Thông tư số 03/1998/TT-TCCP ngày 06-7-1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã đối với phường và thị trấn 474
- Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19-6-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư 478
- Nghị quyết số 55/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 30-7-1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan 482
- Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08-9-1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan 484
- Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan (Ban hành kèm theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8-9-1998 của Chính phủ) 485
- Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13-02-1999 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước 495
- Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước (Ban hành kèm theo Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 1999 của Chính phủ) 496
- Chỉ thị số 10/CT-TW ngày 28-3-2002 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 506
- Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07-7-2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã 510
- Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07-7-2003 của Chính phủ) 511
- Luật khiếu nại, tố cáo 522
- Chỉ thị số 09/CT-TW ngày 06-3-2002 của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay 554
- Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới 559

- Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 25-01-2002 của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý 569
- Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội về chính trị và bạo phản động (Trích Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương ba (khoá VIII) đã được Trung ương thông qua) 575
- Kết luận số 01/KL-TW ngày 16-7-1998 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng 581
- Thông báo Kết luận số 94/TB-TW ngày 30-12-2002 của Ban Bí thư về nhiệm vụ tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá 583
- Chỉ thị số 23/CT-TW ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới 589
- Thông báo số 134/TB-TW ngày 11-2-2004 của Ban Chấp hành Trung ương Kết luận của Ban Bí thư sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TW về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới" 595
- Quy định số 94/QĐ-TW ngày 03-3-2004 của Ban Chấp hành Trung ương chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn 598
- Quy định số 95/QĐ-TW ngày 03-3-2004 của Ban Chấp hành Trung ương chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã 604
- Quy định số 96/QĐ-TW ngày 22-3-2004 của Ban Chấp hành Trung ương chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước 610
- Quy định số 97/QĐ-TW ngày 22-3-2004 của Ban Chấp hành Trung ương chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu...) 615
- Quy định số 98/QĐ-TW ngày 22-3-2004 của Ban Chấp hành Trung ương chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan 620
- Công văn số 32/CV-BCĐTW 6 (2) ngày 09-4-2004 của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) về một số công việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cần làm trong năm 2004 625

Phần thứ tư

- **VỀ TỔ CHỨC BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2),
TRỰC THUỘC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP** 629
- Quyết định số 20/QĐ-TW ngày 04-01-2002 của Bộ Chính trị thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) 631

- Danh sách Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) (Trích Công văn số 154/CV-TW ngày 17-4-2003 của Bộ Chính trị) 633
- Quyết định số 21/QĐ-TW ngày 04-01-2002 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) 634
- Quy chế làm việc số 01/QC-BCĐTW 6 (2) ngày 22-7-2003 của Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) 636
- Danh sách Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) 642
- Công văn số 216/CV-TW ngày 08-4-2004 của Ban Chấp hành Trung ương về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc 644
- Hướng dẫn số 01/HD-BCĐ ngày 13-4-2004 của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương 646
- Hướng dẫn số 02/HD-BCĐ ngày 13-4-2004 của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Ban cán sự đảng) 658

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THỨC HUỠNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:	BAN KINH TẾ
Biên tập kỹ, mỹ thuật:	PHÙNG MINH TRANG
Trình bày, bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN KIM THANH
Sửa bản in:	BAN KINH TẾ
Đọc sách mẫu:	BAN KINH TẾ

In 840 cuốn, khổ 19x27cm tại . Xí nghiệp in - Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

Giấy phép xuất bản số: 120-486/CXB-QLXB, cấp ngày 21-4-2004.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2004.

XÂY DỰNG CHÍNH ĐỒN ĐẢNG

CHỐNG QUAN LIÊU THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ



Giá: 230.000 đ